

Best-selling Author

JEFFERY DEAVER

THE DEVIL'S TEARDROP

SHOT LE GUY?

"The best psychological thriller writer around." - THE TIME



vh

Nhà xuất bản
Văn học

Phần I

NGÀY CUỐI NĂM

Phân tích kỹ lưỡng một lá thư nặc danh có thể giảm thiểu đáng kể số người có khả năng viết nó, đồng thời loại trừ những người cụ thể khỏi danh sách tình nghi. Sử dụng dấu chấm phẩy hay dấu móc lửng đúng cách cũng có thể giúp loại trừ toàn bộ nhóm người viết.

– **Osborn và Osborn**
Các vấn đề về tài liệu nghi vấn

Chương 1

Digger đã vào thành phố.

Trông hắn cũng như bạn, như tôi. Hắn đi bộ dọc theo những con phố mùa đông lạnh lẽo như bất kỳ kẻ nào khác, hai vai so lại trước không khí ẩm thấp của tháng Mười hai.

Hắn không cao cũng không thấp, không béo cũng không gầy. Những ngón tay thọc trong đôi găng màu đen có thể ngắn mập, cũng có thể không. Bàn chân hắn có vẻ to, nhưng biết đâu đấy chỉ là cỡ giày.

Nếu nhìn vào mắt hắn, bạn sẽ không xác định được màu sắc hay hình dạng của chúng, chỉ biết là dường như chúng hơi phi nhân tính, và nếu Digger nhìn bạn trong lúc bạn đang nhìn hắn, đôi mắt hắn có thể là điều cuối cùng bạn trông thấy trên đời.

Hắn mặc một chiếc áo khoác dài màu đen, hoặc xanh thẫm, và chẳng một ai trên phố để ý khi hắn đi ngang qua, mặc dù nơi đây có vô vàn nhân chứng, bởi những con phố đông đúc ở Washington D.C. đang vào giờ cao điểm của buổi sáng.

Digger đã vào thành phố và đêm nay chính là đêm Giao thừa.

Mang theo một chiếc túi mua hàng của Fresh Field, Digger đi vòng qua các cặp đôi, những người độc thân và các gia đình nhỏ, tiếp tục dần bước. Phía trước hắn là bến tàu điện ngầm Metro. Hắn được bảo phải có mặt ở đó đúng chín giờ sáng và chắc chắn là thế. Digger không bao giờ đến muộn.

Chiếc túi xách trong bàn tay ngắn mập (hoặc không) của hắn khá nặng. Nó nặng khoảng năm cân cho dù lúc hắn về đến phòng trọ, nó sẽ nhẹ hơn nhiều.

Một người đàn ông và phải hắn và mỉm cười nói, “Xin lỗi,” nhưng Digger không thèm nhìn ông ta. Digger chẳng bao giờ nhìn ai, cũng không muốn ai nhìn mình.

“Đừng để ai...,” *click*, “... đừng để ai trông thấy mặt. Nhìn đi chỗ khác. Nhớ chưa?”

“Tôi nhớ rồi.”

Click.

Hãy nhìn đèn, hắn nghĩ, nhìn... *click*... những thứ trang hoàng đêm Giao thừa. Những đứa bé mập mạp trên biển quảng cáo, *Ông già Thời gian*. (Theo thần thoại, Em bé và Ông già Thời gian là hai hình ảnh luôn gắn liền với nhau. Hình ảnh *Em bé* là hiện thân cho sự bắt đầu một năm mới. Theo thời gian, *Em bé* ấy sẽ nhanh chóng già đi cho đến khi trở thành *Ông già* vào thời điểm một năm kết thúc. Trong thời khắc chuyển giao ấy, *Ông già* sẽ trao lại trọng trách cho các *Em bé* của năm tiếp theo đảm nhận rồi yên nghỉ).

Những đồ trang trí vui mắt. Những ánh đèn vui mắt. Và mọi người đều tỏ ra tử tế một cách khô khan.

Đây là khu vực Dupont Circle (vòng xuyên giao thông, công viên, khu dân cư và địa hạt lịch sử ở Tây Bắc Washington D.C.), trung tâm của tiền tài, nghệ thuật và của nam thanh nữ tú. Digger biết thế, nhưng chỉ vì người chỉ dạy hắn mọi điều đã nói cho hắn biết về Dupont Circle.

Hắn đến miệng hầm tàu điện ngầm. Buổi sáng hôm nay thật u ám, và vì đang là tiết trời mùa đông, nên cả thành phố đều chìm trong sương mờ.

Digger nghĩ về vợ hắn trong những ngày như thế này. Pamela không thích bóng tối và cái lạnh, nên nàng..., *click*... nàng... Nàng làm gì nhỉ? Đúng rồi. Nàng trồng hoa màu đỏ và màu vàng.

Hắn nhìn đường xe điện và nghĩ về bức tranh từng trông thấy một lần. Hắn và Pamela đã tới thăm viện bảo tàng. Cả hai trông thấy một bức tranh cổ trên tường.

Pamela nói, “Sợ quá, đi thôi!”

Đó là bức vẽ *Đường vào địa ngục*.

Đường hầm Metro biến mất ở độ sâu mười tám mét dưới lòng đất, hành khách đi lên và đi xuống. Trông y hệt bức tranh kia.

Đường vào địa ngục.

Này là những phụ nữ trẻ cắt tóc ngắn và xách cặp táp. Đây là đàn ông mang túi xách thể thao cùng điện thoại di động.

Còn đây là Digger với chiếc túi mua hàng của mình.

Hắn có thể béo, cũng có thể gầy. Trông hắn giống hệt bạn, giống hệt tôi. Không một ai từng để ý đến Digger và đó là lý do hắn làm việc của mình rất giỏi.

“Anh là người giỏi nhất,” người chỉ dạy hắn mọi điều đã nói vậy vào năm ngoái. “Anh là người...,” *click, click*, “... giỏi nhất.”

Tám giờ năm mươi chín phút, Digger lên tới đỉnh cầu thang cuốn tự động, nơi đây rầy những con người đang biến mất vào trong đường hầm.

Hắn thò tay vào túi và gập ngón tay quanh cò súng tiện lợi, đó có thể là một khẩu tiểu liên Uzi hay đại liên Mac-10 hoặc Intertech, nhưng chắc chắn nó nặng đến năm cân và chứa ổ đạn một trăm viên cỡ 22 li của súng trường.

Digger thêm ăn súp, nhưng hắn lờ cảm giác đó đi.

Bởi vì hắn là người... *click*... giỏi nhất.

Hắn nhìn về hướng đám đông đang chờ đến lượt bước xuống cầu thang cuốn, thứ sẽ dẫn họ tới địa ngục, nhưng không thật sự nhìn họ. Hắn cũng chẳng nhìn các cặp đôi hay những người đàn ông cầm theo điện thoại, cả đám phụ nữ cắt tóc ở Supercuts, cũng là nơi Pamela thường ghé. Hắn không nhìn các gia đình mà chỉ ôm chặt chiếc túi mua hàng trước ngực, như kiểu người ta ôm chiếc túi đựng đầy thực phẩm cho dịp lễ. Một tay hắn đặt trên nòng súng loại bất kỳ, tay kia thì ôm quanh chỗ phồng lên trên túi mà nhìn từ bên ngoài, chắc hẳn người ta sẽ nghĩ rằng đó là một ổ bánh mỳ Fresh Field, loại rất hợp để ăn cùng với súp. Thế nhưng, thực tế nó lại là một dụng cụ giảm thanh rất nặng, cuốn bằng vật liệu cách điện và nút cao su.

Đồng hồ của hắn kêu bip.

Chín giờ sáng.

Hắn bóp cò.

Một tiếng rít vang lên khi luồng đạn bắt đầu lao xuống, khiến những hành khách đứng trên cầu thang cuốn đổ rạp về phía trước. Tiếng bụp bụp bụp của khẩu súng đột nhiên bị nhấn chìm bởi những tiếng gào thét.

“Ôi Chúa ơi, cẩn thận. Chúa ơi, chuyện gì xảy ra vậy... tôi đau quá... tôi ngã.” Đại loại là thế.

Bụp bụp bụp.

Rồi đến những tiếng choang kinh khủng của đạn lạc: những viên đạn va đập vào kim loại và chạm xuống sàn đá. Âm thanh ấy rất to. Tiếng đạn trúng mục tiêu nhẹ hơn nhiều.

Tất cả mọi người đều nhìn quanh, không biết chuyện gì đang xảy ra.

Digger cũng nhìn quanh. Ai nấy đều cau mày. Hắn cũng cau mày.

Không ai nghĩ mình đã bị bắn. Họ tin rằng ai đó vừa ngã và làm cả hàng người đổ nhào xuống cầu thang cuốn. Tiếng lanh canh và lạch xạch vang lên khi điện thoại, cặp táp và túi xách thể thao rơi ra từ tay các nạn nhân.

Ổ đạn một trăm viên hết vèo trong tích tắc.

Không ai để ý thấy Digger khi hắn đang nhìn quanh, như tất cả những người khác.

Cau có.

“Gọi xe cứu thương; gọi cảnh sát, cảnh sát; Chúa ơi, cô này cần giúp, cô kia cần giúp; ai đó, anh ta chết rồi; ôi Chúa ơi; Chúa ơi; chân cô ấy kia, nhìn chân cô ấy kia; con ơi, con ơi...”

Digger hạ túi xuống, trên đó vẫn còn một cái lỗ nhỏ, nơi những viên đạn xé túi chui ra. Chiếc túi đã giữ lại tất cả những vỏ đạn bằng đồng nóng rẫy.

“Tắt cầu thang đi, tắt đi, ôi Chúa ơi, nhìn này, ai đó tắt ngay, tắt cầu thang cuốn đi, họ đang bị nghiền nát...”

Đại loại là thế.

Digger nhìn. Nhưng đó là vì ai cũng nhìn.

Song rất khó để có thể nhìn vào địa ngục. Bên dưới hắn chỉ là một đồng các thi thể đè lên nhau, ngày càng chất cao hơn, quăn quại... Có người sống, có người đã chết, có người đang vật vã thoát ra từ núi người dưới chân cầu thang.

Digger từ từ lùi lại giữa đám đông. Rồi hắn biến mất.

Hắn rất giỏi biến mất. “Lúc bỏ đi, anh phải làm như mình là một con tắc kè,” người chỉ dạy hắn mọi điều đã nói. “Anh có biết thế là thế nào không?”

“Một con thần lẩn.”

“Chính xác.”

“Đổi màu. Tôi đã thấy trên ti vi.”

Digger di chuyển trên vỉa hè đầy người qua lại. Lúc chạy hướng này, lúc chạy hướng kia. Hải hước thật.

Hải hước...

Không ai để ý đến Digger.

Kẻ trông chẳng khác gì bạn hay tôi hay đồ gỗ trong nhà. Kẻ mang khuôn mặt trắng trẻo như bầu trời buổi sáng. Hay đen tối như lối vào địa ngục.

Trong lúc đi bộ chậm, thật chậm, hắn nghĩ về nhà trọ. Nơi hắn sẽ nạp lại đạn và lắp ống giảm thanh với lớp bọc cách điện, ngồi trong chiếc ghế thoải mái của mình cùng một chai nước và bát súp bên cạnh. Hắn sẽ ngồi và thư giãn cho đến tận chiều nay, nếu người chỉ dạy hắn mọi điều không gửi tin nhắn bảo hắn ngừng lại, hắn sẽ mặc chiếc áo khoác dài màu đen hoặc xanh thêm lần nữa và ra ngoài.

Lặp lại mọi chuyện một lần nữa.
Đêm nay là đêm Giao thừa, và Digger đã vào thành phố.

* * * * *

Trong lúc những chiếc xe cứu thương tăng tốc tiến về Dupont Circle và các nhân viên cứu hộ đi đào xới mả xác người ghê tởm ở ga tàu điện ngầm Metro, Gilbert Havel đang đặt bước về phía Tòa thị chính cách đó ba cây số.

Ở góc đường Fourth và D, bên một cây phong đang say ngủ, Havel dừng bước rồi mở bì thư mình mang theo để đọc lại một lần cuối cùng.

Thị trưởng Kennedy—

Kết thúc là đêm. Digger đang chạy rông và hông có cách nào ngăn cản được hắn. Hắn sẽ lại giết - lúc bốn, 8 và Nửa đêm nếu ông không chịu chi.

Tôi đang muốn có 20 triệu \$ đô la tiền mặt, mà ông phải nhét nó vào một cái túi rồi bỏ lại cách đường 66 hai dặm về phía tây Beltway. Ở giữa Đồng. Chi cho tôi số tiền đó trước 1200 giờ. Chỉ tôi mới biết cách ngăn Digger. Nếu ông A bắt tôi, hắn sẽ tiếp tục giết chóc. Nếu ông giết tôi, hắn sẽ tiếp tục giết chóc.

Nếu ông không nghĩ tôi là thật, một vài viên đạn Digger sơn màu đen. Chỉ có tôi biết chuyện đó.

Havel quyết định rằng đây là ý tưởng hoàn hảo nhất mà một người có thể nghĩ ra được. Hàng tháng trời hoạch định. Mọi phản ứng của cảnh sát và FBI đều đã được tính trước. Một ván cờ.

Phấn chấn trước ý nghĩ ấy, gã trả lá thư vào trong phong bì, gấp lại nhưng không dán và tiếp tục đi dọc con phố. Havel đi với tư thế lom khom, mắt nhìn xuống để giảm bớt chiều cao một mét tám mươi bảy của mình. Mặc dù vậy, việc ấy vẫn rất khó khăn đối với gã; gã thích ngẩng cao đầu và nhìn xuống mọi người hơn.

Hệ thống an ninh ở Tòa thị chính, tòa nhà One Judiciary Square thật ngớ ngẩn. Không một ai để ý khi gã đi bộ qua cổng để vào tòa nhà bằng đá tăm thường ấy và dừng lại trước máy bán báo tự động. Gã trượt bì thư xuống dưới quầy báo rồi từ từ xoay người, đi bộ về hướng phố E.

Ngày cuối cùng của năm nay ảm áp quá, Havel đang nghĩ. Không khí phảng phất như hương thu với lá mục và khói từ gỗ ẩm. Thứ mùi gợi lên một thoáng cảm xúc hoài niệm khó định hình về ngôi nhà thời thơ ấu của gã. Gã dừng ở quầy điện thoại trả tiền trên góc phố, thả vào đó vài đồng xu và bấm nút.

Một giọng nói trả lời, “Tòa thị chính. Phòng An ninh đây.”

Havel đưa một chiếc máy ghi âm sẵn đến cạnh điện thoại và bấm nút bật. Giọng nói bị máy tính làm cho méo mó vang lên “Phong bì ở trước mặt tòa nhà. Bên dưới quầy bán báo tự động. Đọc ngay bây giờ. Nó liên quan đến vụ thảm sát ở Metro.” Gã cúp máy rồi đi bộ qua đường, thả chiếc máy ghi âm vào một cái cốc giấy và ném vào thùng rác.

Havel bước vào một quán cà phê và ngồi xuống bàn cạnh cửa sổ, nơi gã có tầm nhìn rõ nhất tới chiếc máy bán báo tự động lẫn cửa hông của Tòa thị chính. Gã muốn đảm bảo rằng ai đó sẽ nhặt cái phong bì ấy lên, và đúng thế thật, trước cả khi Havel kịp cởi áo khoác. Gã cũng muốn xem ai sẽ tới tư vấn cho ông thị trưởng. Và liệu phóng viên có xuất hiện hay không.

Khi cô bồi bàn dừng ở chỗ gã, gã liền gọi cà phê cùng bánh kẹp thịt bò bít tết dù vẫn đang là giờ ăn sáng. Đó cũng là món đắt nhất trong thực đơn của quán. Tại sao lại không nhỉ? Gã sắp trở thành kẻ rất giàu có cơ mà.

Chương 2

“Ba ơi, kể cho con nghe về *Người chèo thuyền* đi.”

Parker Kincaid khựng người. Anh đặt cái chảo gang đang rửa dở xuống.

Anh đã học được cách không bao giờ lo lắng trước bất kỳ câu hỏi nào của bọn trẻ, à, thực ra là không bao giờ tỏ ra lo lắng, và anh mỉm cười với thằng bé trong lúc lau tay bằng khăn giấy.

“*Người chèo thuyền* à?” Anh hỏi cậu con trai chín tuổi của mình. “Được thôi. Con muốn biết gì?”

Căn bếp trong nhà Parker ở Fairfax, Virginia sức mùi các món ăn cho dịp lễ vẫn đang làm đang dở. Hành, lá ngải, lá hương thảo. Thằng bé nhìn ra ngoài cửa sổ. Không nói gì. “Sao nào,” Parker khuyến khích. “Kể cho ba nghe nào!”

Robby có mái tóc vàng và đôi mắt xanh dương của mẹ thằng bé. Nó mặc chiếc áo sơ mi Izod màu tím và quần màu vàng, eo đeo thắt lưng Ralph Lauren. Sáng nay, nhúm tóc bờ liềm của nó nghiêng sang phía bên phải. “Ý con là,” thằng bé mở lời, “con biết ông ta đã chết rồi, nhưng mà...”

“Đúng vậy,” Parker nói. Anh không nói gì thêm. (“Đừng bao giờ kể cho trẻ con nghe nhiều hơn những gì mà chúng hỏi.” Đây là một trong các nguyên tắc từ cuốn *Cầm nang làm bố mẹ đơn thân* của Parker Kincaid, cuốn sách hướng dẫn chỉ tồn tại trong đầu anh, nhưng ngày nào anh cũng phải tham vấn.)

“Chỉ là vì bên ngoài... đôi khi trông giống ông ta lắm. Ý con là, con nhìn ra bên ngoài và cứ như là mình có thể trông thấy ông ta vậy.”

“Chúng ta phải làm gì mỗi khi con cảm thấy thế?”

“Con lấy khiên và mũ sắt ra,” thằng bé đọc thuộc bài, “còn nếu trời tối thì con bật đèn lên.”

Parker vẫn đứng nguyên. Thường thì anh sẽ giữ vị trí ngang bằng mỗi khi nói chuyện nghiêm túc với các con. Nhưng khi chủ đề *Người chèo thuyền* nảy sinh, một bác sĩ chuyên khoa đã đề nghị Parker cứ đứng: để làm cho thằng bé có cảm giác an toàn trước sự hiện diện của một người lớn mạnh mẽ và có thể bảo vệ cho nó. Ở Parker Kincaid cũng có nét gì đấy đem lại cảm giác an toàn cho người khác. Mới bốn mươi tuổi, nhưng anh rất to cao, hơn một mét tám hai, và gần như vẫn giữ được nguyên vẹn dáng vóc từ thuở còn là sinh viên.

Đó không phải là thành tựu của môn aerobic hay các câu lạc bộ thể dục thể thao, mà là nhờ hai đứa con anh, cùng các buổi tập đá bóng, bóng rổ, ném đĩa Frisbee và các buổi chạy bộ ngày Chủ nhật cho cả gia đình (thực ra là Parker chạy và buộc đồ lễ vào sau xe đạp của bọn trẻ khi cả ba bố con đi vòng vòng quanh công viên gần nhà).

“Mình cùng xem nhé. Được không? Con nghĩ mình trông thấy hằn ở đâu?”

“Được ạ.”

“Con có mang mũ sắt và khiên chưa?”

“Ngay đây ạ,” thằng bé vỗ vào đầu và giơ cánh tay trái lên như một hiệp sĩ.

“Cái đó đẹp đấy. Ba cũng có mang đây rồi.” Parker bắt chước cử chỉ của cậu con trai.

Hai bố con đi ra cửa sau.

“Thấy không ba, mấy bụi cây kia kìa,” Robby nói.

Parker nhìn khắp lượt mảnh đất của mình. Nó rộng gần hai nghìn mét vuông, nằm trong một khu vực từng được Chính phủ bảo trợ, cách Washington D.C. ba mươi hai kilomet về phía tây. Mảnh đất hầu như chỉ có cỏ và hoa. Nhưng ở cuối mảnh là một bụi hoa đầu xuân và sẵn dây, cùng với thường xuân xoắn xuýt mà anh đã định cắt bỏ cả năm nay. Nếu bạn nheo mắt thì quả là bụi cây trông na ná đáng người.

“Chỗ kia trông ghê thật,” Parker thừa nhận. “Đúng vậy. Nhưng con biết *Người chèo thuyền* là chuyện từ rất lâu rồi mà.” Anh sẽ không hạ thấp nỗi sợ của thằng bé bằng cách chỉ ra nó bị mấy bụi cây bắn thiu làm cho sợ hãi. Nhưng anh muốn Robby tránh xa vụ việc ấy.

“Con biết. Nhưng...”

“Chuyện đã từ bao lâu rồi nhỉ?”

“Bốn năm ạ,” Robby trả lời.

“Đó có phải là một khoảng thời gian dài không?”

“Khá dài, con đoán thế.”

“Chỉ cho ba xem nào.” Anh giơ hai tay ra. “Dài thế này à?”

“Có thể.”

“Ba nghĩ còn dài hơn thế.” Parker lại giơ tay cách xa hơn. “Dài như con cá chúng ta câu được ở Hồ Braddock không?”

“Cá dài thế này cơ mà,” con anh nói, bắt đầu cười và cũng giơ hai tay mình ra.

“Không, dài thế này cơ.” Parker cau có một cách cường điệu.

“Không, không, thế này này.” Thăng bé giậm một chân rồi đến chân kia, hai tay giơ lên cao.

“Dài hơn chứ!” Parker đùa. “Dài hơn.”

Robby chạy hết chiều dài căn bếp trong lúc giơ một tay lên. Rồi nó chạy trở về và nhấc nốt tay kia.

“Dài thế này này!”

“Thế thì bằng cá mập à,” Parker kêu lên. “Không, cá voi mới đúng, không phải, một con mực khổng lồ. Không, ba biết rồi... một con Mazurka cổ dài!” Một tạo vật từ truyện *Nếu tôi điều hành một sở thú*. Robby và Stephie yêu *Tiến sĩ Seuss*. Parker đặt tên hiệu cho bọn trẻ nhà anh là *Who*, theo tên nhân vật trong truyện Horton nghe thấy người *Who*, vốn là truyện yêu thích mọi thời đại của bọn chúng, thậm chí còn đánh bại cả Pooh.

Parker chơi trò rượt bắt trong nhà với Robby thêm mấy phút nữa rồi ôm cậu bé vào lòng để chơi trò thọc lét. “Con biết không?” Parker vừa hỏi vừa thở.

“Dạ?”

“Hay là mai ba con mình cắt hết bụi cây kia đi?”

“Con có được dùng cửa không ạ?” Thăng bé hỏi ngay.

Ồi, chúng nó chỉ chực nhảy bổ vào mọi cơ hội, anh nghĩ và cười phá lên với chính mình. “Để xem đã,” Parker nói.

“Được ạ!” Robby nhảy chân sáo ra khỏi bếp, những ký ức về *Người chèo thuyền* bị vùi lấp dưới cơn phấn khích vì lời hứa về những dụng cụ máy móc. Nó chạy lên gác và Parker nghe được cuộc tranh luận nhỏ giữa anh trai và em gái về chuyện chọn game Nintendo nào để chơi. Có vẻ Stephanie đã thắng và nhạc nền của trò Mario Bros vang vọng khắp nhà.

Đôi mắt Parker lưu luyến nơi bụi cây ở sân sau.

Người chèo thuyền... Anh lắc đầu.

Chuông cửa vang lên. Anh liếc sang phòng khách, nhưng bọn trẻ không nghe thấy chuông. Anh liền ra mở cửa.

Người phụ nữ hấp dẫn trưng ra nụ cười tươi rói. Đôi hoa tai dung đưa bên dưới mái tóc cắt bằng, thứ đã được mặt trời nhuộm vàng hơn bình thường (tóc Robby có màu giống tóc cô ta còn tóc Stephanie lại màu nâu giống Parker). Làn da rám nắng của cô ta thì rất thật.

“À, chào em,” Parker ngập ngừng nói.

Anh liếc qua người cô ta và nhẹ lòng khi thấy động cơ chiếc Cadillac màu be đang đỗ ở vỉa hè vẫn còn đang chạy. Richard ngồi sau tay lái đọc tờ *Nhật báo phố Wall*.

“Chào Parker. Bọn em vừa mới đến Dulles.” Cô ta ôm anh.

“Vừa mới... em đã đi đâu à?”

“St. Croix. Đẹp tuyệt vời. Ôi thư giãn đi nào. Trông đáng điệu của anh kìa... em chỉ ghé qua một phút thôi mà.”

“Trông em tuyệt lắm, Joan.”

“Em cũng cảm thấy tuyệt. Rất tuyệt là khác. Nhưng em lại không thể nói là anh cũng thế được, Parker ạ. Trông anh xanh quá.”

“Bọn trẻ ở trên gác... Anh quay sang gọi con.

“Không, không sao đâu...,” Joan định nói.

“Robby, Stephie! Mẹ các con đến này.”

Có tiếng thình thịch trên cầu thang. Bọn *Who* chạy từ khúc quanh ra và ào vào người Joan. Cô ta mỉm cười, nhưng Parker có thể thấy cô ta không hài lòng chút nào vì anh đã gọi các con xuống.

“Mẹ, mẹ rám nắng hết rồi kìa!” Stephie nói trong lúc hất tóc ra sau như một Spice Girl. Robby có khuôn mặt thiên sứ; Stephanie lại có khuôn mặt dài và nghiêm túc, và Patrick hy vọng khuôn mặt đó sẽ bắt đầu trông có vẻ tinh khôn một cách đáng gờm đối với bọn con trai khi nó bước sang tuổi mười hai, mười ba.

“Mẹ đã đi đâu đấy ạ?” Robby vừa hỏi vừa cau có.

“Biển Caribe. Ba không kể cho các con à?” Một cái liếc về phía Parker. Có, anh đã kể cho chúng. Joan không hiểu rằng bọn trẻ buồn chẳng phải vì không được biết trước các kế hoạch du lịch của cô ta, mà là vì cô ta đã không có mặt ở Virginia trong kỳ nghỉ Giáng sinh.

“Mẹ đi nghỉ vui chứ ạ?” Con bé hỏi.

“Bọn con chơi ném đĩa nhựa và sáng nay con đã đánh bại anh Robby ba lần.”

“Nhưng con ghi bàn bốn lần liên tiếp!” Thăng anh trai nói. “Mẹ có mang quà cho bọn con không ạ?”

Joan nhìn về phía ô tô. “Tất nhiên là có. Nhưng con biết không, mẹ để quà trong va li cơ. Mẹ chỉ ghé qua một phút để chào và nói chuyện với ba con. Mai mẹ sẽ mang quà khi sang chơi.”

Stephie nói, “Ôi, con nhận được một quả bóng đá và trò Mario Bros mới, cả bộ *Wallace & Gromit*...”

Robby chen ngang bài diễn văn của cô em. “Còn con thì có Death Star và cả một chiếc Millenium Falcon. Cả tấn Micro Machines nữa! Còn cả một chiếc gậy Sammy Sosa. Và bọn con đã được xem *Kẹp hạt dẻ*.”

“Con nhận được gói quà của mẹ chưa?” Joan hỏi.

“À vâng,” Stephie nói. “Cảm ơn mẹ.” Con bé lịch sự không chê vào đâu được nhưng một con búp bê Barbie mặc lễ phục không còn làm nó ham thích nữa. Bọn trẻ tám tuổi ngày nay khác xa bọn tám tuổi thời của Joan.

“Ba đã lấy lại áo phông của con,” Robby nói, “để đổi cỡ chuẩn hơn.”

“Mẹ bảo ba làm vậy nếu không vừa đây,” Joan vội nói. “Mẹ chỉ muốn các con có chút quà.”

“Bọn con đã không được nói chuyện với mẹ dịp Giáng sinh,” Stephie nói.

“Ồ,” Joan đáp lời con gái, “gọi điện từ chỗ bọn mẹ khó lắm. Ở đó cứ như là đảo Gilligan ấy. Điện thoại chẳng bao giờ hoạt động.” Cô ta xoa đầu Robby, “Mà rốt cuộc thì các con đâu có nhà.”

Cô ta đang đổ lỗi cho chúng. Joan không học được rằng chẳng có gì là lỗi của bọn trẻ cả, ở tuổi của chúng thì không. Nếu bạn làm gì sai thì đó là lỗi tại bạn; nếu chúng làm gì sai thì đó vẫn là lỗi tại bạn.

Ồi Joan... Chính những sai sót nho nhỏ này, việc ý nhị đổ lỗi, cũng tệ như những cái tát thẳng mặt. Tuy nhiên, Parker không nói gì. (Không bao giờ để lũ trẻ thấy bố mẹ chúng cãi nhau.)

Joan đứng lên. “Richard và mẹ phải đi bây giờ. Bọn mẹ phải đón Elmo và Saint ở trại chó về. Bọn cún tội nghiệp đã phải ở trong cũi suốt cả tuần rồi.”

Robby hoạt bát trở lại. “Tối nay nhà mình tổ chức tiệc và bọn con sẽ xem pháo hoa trên ti vi rồi chơi trò *Cờ tỷ phú Chiến tranh giữa các vì sao*.”

“Ồ, nghe vui nhỉ,” Joan nói. “Richard và mẹ sẽ đến Trung tâm Kennedy. Nghe opera. Con có thích Opera không?”

Stephie lại nhún vai một cách khó hiểu, gần đây con bé làm vậy rất nhiều lần để trả lời những câu hỏi của người lớn.

“Đó là một vở kịch có các diễn viên hát,” Parker nói với bọn trẻ.

“Có lẽ lúc nào đó, Richard và mẹ sẽ đưa các con đi nghe Opera. Các con có thích vậy không?”

“Con đoán thế,” Robby nói. Đó cũng là lời cam kết chắc chắn nhất mà một cậu bé chín tuổi có thể đưa ra với môn văn hóa nghệ thuật cao cấp.

“Khoan,” Stephie buột miệng. Con bé quay người chạy lên cầu thang.

“Cứng ơi, mẹ không có thời gian. Bọn mẹ...” Một phút sau, con bé quay lại với bộ đồng phục bóng đá mới của nó và đưa cho mẹ.

“Chà,” Joan nói, “xinh quá!” Cô ta cầm lấy bộ quần áo một cách lúng túng, giống đứa trẻ bắt được con cá nhưng không chắc là mình muốn có nó.

Parker Kincaid thì nghĩ: Đầu tiên là *Người chèo thuyền*, giờ là Joan... Hôm nay quá khứ xâm nhập nhiều quá. Mà sao lại không nhỉ? Rốt cuộc hôm nay là ngày cuối năm mà.

Thời gian để nhìn lại.

Rõ ràng, Joan thấy rất nhẹ nhõm khi bọn trẻ chạy về phòng ngủ của Stephie, lảng lảng với lời hứa sẽ có thêm quà. Rồi bỗng nhiên nụ cười của cô ta tắt ngấm. Trở trẻ thay, ở tuổi ba mươi chín trông cô vẫn đẹp nhất khi mang biểu cảm hờn dỗi trên khuôn mặt. Cô ta chạm vào răng cửa của mình bằng đầu ngón tay để xem chúng có bị dính son không. Đó là một trong những thói quen anh còn nhớ được từ thời họ vẫn là vợ chồng. “Parker, em không phải làm việc này...,” cô ta thò tay vào chiếc túi Coach.

Trời ạ, cô ấy tặng mình quà Giáng sinh. Còn mình thì chẳng có gì cho cô ấy. Anh nghĩ nhanh: Anh có còn thừa món quà nào chưa kịp tặng ai không nhỉ? Thứ gì đó anh có thể...

Nhưng rồi anh thấy tay cô ta rút ra khỏi chiếc túi cùng một tập giấy tờ.

“Đáng lẽ em chỉ việc để bên chuyển công văn lo liệu vụ này vào thứ Hai.”

Chuyển công văn?

“Nhưng em muốn nói chuyện với anh trước để anh không bị bối rối.”

Tựa đề tập tài liệu có ghi: *Kiến nghị thay đổi quyền giám hộ con cái*.

Anh cảm nhận một cú thúc sâu vào bụng.

Rõ ràng, Joan và Richard không đi thẳng từ sân bay tới đây mà đã ghé qua chỗ luật sư của cô ta trước.

“Joan,” anh nói bằng giọng tuyệt vọng, “cô không...”

“Em muốn có chúng, Parker, và em sẽ có. Đừng tranh cãi nữa. Chúng ta có thể dàn xếp sao đó.”

“Không!” Anh thì thào. “Không!” Anh cảm thấy sức lực dần rời bỏ cơ thể trong khi nỗi hoảng sợ lại đang lấn vào.

“Bốn ngày ở với anh, các thứ Sáu còn ngày cuối tuần ở với em. Tùy vào kế hoạch của Richard và em... gần đây chúng em đi du lịch nhiều lắm. Nghe này, việc ấy sẽ cho anh nhiều thời gian tự do hơn. Em nghĩ là anh sẽ mong được...”

“Chắc chắn là không.”

“Chúng cũng là con em...,” cô ta dợm nói.

“Về mặt lý thuyết thôi.” Parker đã có trọn vẹn quyền giám hộ trong bốn năm qua.

“Parker,” cô ta thuyết phục, “cuộc sống của em đã ổn định. Em đang sống tốt. Em lại tập thể thao. Em đã kết hôn.”

Với một viên chức nhà nước trong bộ máy của hạt, người mà theo tờ Washington Post là chỉ vừa mới thoát án hồi lộ năm ngoái. Richard chỉ là con chim sâu trong cái tổ nhỏ bé của giới chính trị nội bộ Beltway. Anh ta cũng đan dúi với Joan suốt năm cuối cuộc hôn nhân giữa Parker và cô ta.

Sợ bọn trẻ sẽ nghe thấy, anh lại thì thào, “Thực tế cô đã là người lạ với Robby và Stephie kể từ ngày sinh ra chúng.” Anh vỗ vào tập tài liệu và cơn giận hoàn toàn chiếm giữ anh. “Cô có nghĩ cho chúng không? Chuyện này sẽ khiến chúng ra sao?”

“Chúng cần có mẹ.”

Không, Parker nghĩ, Joan cần một bộ sưu tập khác. Vài năm trước là lũ ngựa. Rồi đến những con chó weimaraner quán quân. Rồi đồ cổ. Cả những ngôi nhà trong khu vực đất tiền nữa: Cô ta và Richard đã chuyển từ Oakton tới Clifton rồi McLean tới Alexandria. “Trèo lên đỉnh cao thế giới,” cô ta đã nói vậy, mặc dù Parker biết chỉ là vì cô ta chán ngôi nhà và khu dân cư cũ khi không thể kết bạn ở đó. Anh nghĩ đến việc thay đổi chỗ ở thường xuyên như thế sẽ ảnh hưởng tới bọn trẻ ra sao.

“Tại sao?” Anh hỏi.

“Em muốn có một gia đình.”

“Sinh con với Richard ấy. Cô còn trẻ mà.”

Nhưng Parker biết cô ta không muốn vậy. Dù yêu thích chuyện bầu bí đến thế nào, bởi cô ta chưa từng trở nên xinh đẹp như lúc đó, cô ta lại chẳng thể chấp nhận nổi những việc liên quan đến bọn trẻ sơ sinh. Bận khó mà có con khi bản thân vẫn là một đứa trẻ, về mặt cảm xúc.

“Cô hoàn toàn không thích hợp,” Parker nói.

“Chà chà, anh đã học được cách tháo gỡ rồi đấy hả? Đúng, có thể tôi từng không thích hợp. Nhưng đó là trong quá khứ.”

Không, đó là bản chất của cô ta.

“Tôi sẽ đấu tranh, Joan,” anh nói không hề e ngại. “Cô biết thế mà.”

Cô ta quát, “Mười giờ sáng mai tôi sẽ đến. Và tôi sẽ mang theo một nhân viên xã hội.”

“Cái gì?” Anh choáng váng.

“Chỉ để nói chuyện với bọn trẻ.”

“Joan... Vào ngày lễ ư?” Parker không thể tưởng tượng nổi nhân viên xã hội nào lại đồng ý làm chuyện ấy, nhưng anh nhận ra chắc Richard đã nhờ vả ai đó.

“Nếu anh là một ông bố tốt như anh vẫn nghĩ, anh sẽ thấy chẳng có vấn đề gì khi chúng nói chuyện với cô ấy.”

“Tôi chẳng có vấn đề gì cả. Tôi chỉ nghĩ cho con. Chờ đến tuần sau ấy. Cô nghĩ chúng sẽ cảm thấy ra sao khi có người lạ cật vấn chúng vào ngày lễ hả? Thật lố bịch! Chúng muốn gặp cô.”

“Parker,” cô ta nói, cáu tiết, “cô ấy là dân chuyên nghiệp. Cô ấy sẽ không cật vấn gì cả. Nghe này, tôi phải đi. Trại chó sắp đóng cửa nghỉ lễ rồi. Bọn cún tội nghiệp... Ôi, thôi nào, Parker. Có phải tận thế đâu.”

Nhưng đây chính xác là tận thế mà, anh nghĩ.

Anh định đóng sập cửa nhưng được nửa chừng thì dừng lại, biết rằng âm thanh ấy sẽ làm bọn Who thấy khó chịu.

Anh đóng cửa với tiếng kịch chắc nịch. Xoay chốt cửa, cài xích như đang cố nhốt cơn bão tin xấu này bên ngoài. Gập mở giấy tờ lại mà không buồn nhìn chúng, anh đi vào phòng làm việc và nhét chúng vào ngăn bàn, gửi một tin nhắn cho luật sư của mình. Anh đi tới đi lui vài phút rồi trèo lên cầu thang và ló đầu vào phòng Robby. Bọn trẻ đang cười khúc khích và ném Micro Machines vào nhau.

“Không được dội bom ngày cuối năm,” Parker nói.

“Vậy mai thì được hả ba?” Robby hỏi.

“Hóm hình đấy, chàng trai.”

“Anh ấy bắt đầu trước,” Stephie mách lẻo rồi quay lại với cuốn sách của nó. Ngôi nhà nhỏ trên thảo nguyên.

“Ai muốn giúp ba trong phòng làm việc nào?” Anh gọi.

“Con,” Robby kêu.

Hai bố con biến mất dưới cầu thang dẫn vào phòng làm việc trong tầng hầm của anh. Vài phút sau, Parker nghe tiếng nhạc điện tử trỗi lên khi Stephie chuyển từ văn học sang khoa học máy tính và cử anh chàng Mario gan dạ đi thực hiện nhiệm vụ lần nữa.

* * * * *

Thị trưởng Gerald Kennedy, người theo đảng Dân chủ nhưng không thuộc dòng họ tổng thống Kennedy, nhìn vào mẫu giấy trắng trên chiếc bàn của mình.

Thị trưởng Kennedy—

Kết thúc là đêm. Digger đang chạy rông và hông có cách nào ngăn cản được hẳn.

Đi kèm với tờ giấy là một bản thông báo nội bộ của FBI có tiêu đề: *Tài liệu đính kèm là bản sao. Vụ án METSHOOT, 12/31.*

METSHOOT, Kennedy nghĩ. Vụ xả súng ở Metro. Cục điều tra rất thích cách đánh nhãn tên của mình, ông nhớ lại. Ngồi so vai như một chú gấu bên chiếc bàn chạm trổ trong văn phòng kiểu Georgia, sâu trong Tòa thị chính lại chẳng có chút Georgia nào của Washington, Đặc khu Columbia, Kennedy đọc lại bức thư lần nữa. Ngược lên nhìn hai người ngồi trước mặt. Một phụ nữ tóc vàng thon thả cùng người đàn ông tóc xám cao và gầy nhẳng. Ngài Kennedy đầu chồm hói thường nhìn nhận mọi người theo kiểu tóc của họ.

“Các vị chắc đây là kẻ đứng đằng sau vụ xả súng à?”

“Điều gã nói về những viên đạn,” cô gái nói, “chuyện chúng được sơn màu ấy? Đã được kiểm tra. Chúng tôi chắc chắn bức thư này là của thủ phạm.”

Kennedy, người to béo và thấy khá thoải mái với bề ngoài của mình, đẩy bức thư quanh bàn bằng đôi tay mập ú.

Cửa bật mở, rồi một chàng trai trẻ da màu trong bộ vest hai hàng khuy của Ý và đeo kính hình oval bước vào. Kennedy ra hiệu cho anh ta tới gần bàn.

“Đây là Wendell Jefferies,” thị trưởng nói. “Trường ban trợ lý của tôi.”

Nữ đặc vụ gật đầu. “Margaret Lukas.”

Viên đặc vụ kia chỉ nhún vai, theo như Kennedy thấy. “Cage.” Cả ba bắt tay nhau.

“Họ là FBI,” Kennedy nói thêm.

Cái gật đầu của Jefferies như muốn nói, “Hiển nhiên rồi.”

Kennedy đẩy bản sao bức thư về phía trợ lý.

Jefferies chỉnh lại chiếc kính được thiết kế riêng và nhìn lá thư. “Chết tiệt. Chúng sẽ lại gây án ư?”

“Có vẻ như vậy,” nữ đặc vụ nói.

Kennedy quan sát hai đặc vụ. Cage tới từ phố Ninth, trụ sở của FBI, còn Lukas là quyền trưởng phân cục Washington, D.C. Sếp của cô ta đã rời khỏi thành phố nên giờ cô là người chỉ đạo vụ xả súng ở Metro. Cage già hơn và dường như có nhiều mối quan hệ trong Cục hơn; Lukas thì còn trẻ và tỏ ra hay hoai nghi, cũng như giỏi chịu đựng hơn. Jerry Kennedy đã là thị trưởng của Đặc khu Columbia được ba năm, ông chèo chống thành phố này không phải bằng kinh nghiệm hay các mối quan hệ mà chính là nhờ thuyết hoai nghi và nghị lực đó. Ông mừng vì Lukas mới là người chịu trách nhiệm chính.

“Tên khốn ấy còn chẳng biết đánh vần,” Jefferies lầm bầm trong lúc cúi khuôn mặt bóng nhẫy xuống đọc lá thư. Thị lực của anh ta kém kinh khủng, một chứng bệnh di truyền trong gia đình. Phần lớn lương của anh ta là dành cho mẹ mình cùng hai con trai và hai con gái khác của bà ở Đông Nam D.C. Một hành động tử tế mà Jefferies chẳng bao giờ nhắc đến, anh ta giữ kín bí mật ấy cũng như chuyện bố anh ta đã bị giết khi đang mua ma túy trên phố East Third.

Với Kennedy, chàng trai trẻ Wendell Jefferies đại diện cho phần tốt đẹp nhất của Đặc khu Columbia.

“Có manh mối nào không?” Tay trợ lý hỏi.

Lukas nói, “Không có gì. Chúng tôi đã gọi cả VICAP, cảnh sát Đặc khu, phòng Phân tích Hành vi của Quantico, còn có cảnh sát hạt Fairfax, Prince William và Montgomery nữa. Nhưng chúng tôi chưa có gì chắc chắn trong tay.”

“Chúa ơi,” Jefferies nói rồi nhìn đồng hồ.

Kennedy cũng nhìn vào chiếc đồng hồ bằng đồng trên bàn làm việc. Mới hơn mười giờ sáng.

“Một nghìn hai trăm giờ... trưa,” ông ta lầm bầm, tự hỏi tại sao tên tổng tiền lại dùng hệ giờ hai mươi tư tiếng của châu Âu, hay cách nói giờ của quân đội. “Chúng ta còn hai tiếng.”

Jefferies nói, “Ngài sẽ phải phát biểu, ngài Jerry ạ. Sớm thôi!”

“Tôi biết,” Kennedy đứng dậy.

Tại sao chuyện này lại xảy ra hôm nay? Sao lại là ở đây?

Ông liếc nhìn Jefferies, tuy anh ta vẫn trẻ, nhưng Kennedy biết phía trước anh ta có cả một sự nghiệp

chính trị đầy hứa hẹn. Anh ta hiểu biết và rất nhanh trí. Khuôn mặt đẹp trai của Jefferies nhả lại thành biểu cảm chua chát và Kennedy hiểu rằng anh ta cũng đang suy nghĩ hệt như ngài thị trưởng: *Tại sao lại là bây giờ?*

Kennedy liếc nhìn một thông báo nội bộ về khán đài đặc biệt để xem pháo hoa Giao thừa đêm nay ở công viên Mall. Ông và vợ là Claire sẽ ngồi cùng Đại biểu Paul Lanier và các nghị sĩ trọng yếu khác của Đặc khu.

Hay đúng hơn là sẽ như thế nếu không có chuyện này xảy ra.

Tại sao lại là *bây giờ?*

Tại sao lại là *thành phố của tôi?*

Ông hỏi các đặc vụ, “Các vị định làm gì để bắt được chúng?”

Lukas ngay lập tức trả lời, “Chúng tôi đang kiểm tra các nguồn tin, tin mật, lẫn những điều hành viên ở Cục có bất kỳ liên lạc nào với các tổ chức khủng bố trong và ngoài nước. Cho đến giờ, vẫn chưa có được gì. Theo đánh giá của tôi, đây không phải là một vụ khủng bố. Nó bốc mùi của một tội ác vì tiền điển hình. Vì vậy, tôi đã yêu cầu các đặc vụ so sánh những âm mưu tổng tiền trong quá khứ để cố tìm ra khuôn mẫu. Chúng tôi cũng kiểm tra tất cả những lời đe dọa mà Đặc khu hay các nhân viên của Đặc khu nhận được trong vòng hai năm qua. Chưa thấy có mối liên hệ nào.”

“Ngài thị trưởng cũng đã nhận được những lời đe dọa, cô biết không?” Jefferies nói. “Về tình huống của Moss.”

“Là thế nào?” Cage hỏi.

Lukas trả lời, “Người tố giác ủy ban Giáo dục. Người chúng ta đang săn sóc ấy.”

“Ồ, là ông ta.” Cage nhún vai.

Quay sang Jefferies, Lukas nói, “Tôi có nghe nói về những lời đe dọa. Và đã xem xét chúng. Nhưng tôi không nghĩ có mối liên hệ nào ở đây. Đó chỉ là những lời dọa dẫm danh thường ngày của các anh từ các quầy điện thoại tính phí. Không dính đến tiền và cũng chẳng có yêu cầu nào khác.”

“Những lời dọa dẫm danh hằng ngày của các anh,” Kennedy nghĩ một cách nhạo báng.

Chỉ có điều, nghe chẳng giống như thói thường tình khi vợ bạn nhấc điện thoại lên lúc ba giờ sáng và nghe câu, “Không được mở rộng điều tra vụ Moss nữa. Nếu không các người sẽ chết ngắc như lão.”

Lukas nói tiếp, “Theo nguyên tắc điều tra, tôi đã cho người kiểm tra tất cả các biển số xe của mọi chiếc ô tô đậu quanh Tòa thị chính sáng nay. Chúng tôi cũng tiến hành tương tự với biển của các xe quanh Dupont Circle. Hiện chúng tôi cũng đang kiểm tra điểm thả tiền ở Beltway và tất cả các khách sạn, căn hộ, xe moóc lẫn nhà cửa quanh đó.”

“Nghe cô nói không được lạc quan mấy,” Kennedy lầu bàu.

“Tôi không lạc quan. Chẳng có nhân chứng nào hết. Đúng hơn là không ai đáng tin cậy. Trong những trường hợp như thế này, chúng tôi rất cần nhân chứng.”

Kennedy nghiêng cứu bức thư lần nữa. Trông có vẻ kỳ quặc vì một tên điên, một kẻ sát nhân, lại có nét chữ viết tay đẹp như thế. Ông nói với Lukas, “VẬY, tôi đoán câu hỏi là... tôi có nên trả tiền không?”

Giờ thì Lukas quay sang Cage. Ông trả lời, “Chúng tôi cảm thấy nếu ngài không chịu trả tiền chuộc hoặc một người đưa tin nào đó không xuất hiện với thông tin chắc chắn về nơi ở của tên Digger này, chúng tôi sẽ chẳng thể ngăn được hãn trước bốn giờ chiều. Chúng tôi không có đủ đầu mối.” Nữ đặc vụ nói thêm, “Tôi không gợi ý ngài nên trả tiền. Đó chỉ là nhận định của chúng tôi về những gì sẽ xảy ra nếu ngài không làm vậy.”

“Hai mươi triệu đô la,” thị trưởng lẩm bẩm.

Một người đàn ông cao ráo và trạc sáu mươi tuổi trong bộ vest màu xám bước vào mà chẳng hề gõ cửa.

Ồ, tuyệt, Kennedy nghĩ. Lại thêm người chõ mũi vào chuyện này.

Đại biểu Hoa Kỳ Paul Lanier bắt tay thị trưởng rồi tự giới thiệu mình với các đặc vụ FBI. Ông ta lờ tịt Wendell Jefferies.

“Paul,” Kennedy nói với Lukas, “là chủ tịch Hội đồng Điều hành Đặc khu.”

Mặc dù Đặc khu Columbia cũng có quyền tự trị nhất định, nhưng gần đây, Nghị viện đã thu lại quyền tự quyết tài chính và phân phát tiền cho thành phố như một bậc phụ huynh ngừng cho đứa con vô trách nhiệm của mình tiền tiêu vặt. Đặc biệt từ sau vụ bê bối của ủy ban Giáo dục, Lanier đối với Kennedy chẳng khác nào một kiểm toán viên đối với tập sổ sách kế toán.

Lanier không nhận ra giọng điệu miệt thị của Kennedy, mặc dù Lukas thì có, và ngài nghị sĩ hỏi, “Cô có thể cho tôi biết những tiền lương về tình huống này không?”

Lukas nói ra những nhận xét của mình một lần nữa. Lanier vẫn đứng, cả ba chiếc cúc trên bộ vest Brooks Brothers của ông ta vẫn cài nguyên si.

“Tại sao lại là ở đây?” Lanier hỏi. “Sao lại là Washington?”

Kennedy cười với chính mình. Thậm chí tên khốn kia còn cướp cả câu hỏi tu từ của ông nữa.

Lukas trả lời, “Chúng tôi không biết.”

Kennedy hỏi tiếp, “Cô thực sự nghĩ hẳn sẽ lại gây án à?”

“Vâng.”

Nghị sĩ hỏi, “Jerry, ông không thực sự nghĩ đến chuyện trả tiền đấy chứ?”

“Tôi đang cân nhắc mọi trường hợp.”

Lanier tỏ ra hoài nghi, “Ông không bán khoản chuyện này rồi sẽ như thế nào hay sao?”

“Không, tôi không quan tâm nó sẽ ra sao,” Kennedy quát.

Nhưng ngài nghị sĩ vẫn tiếp tục bằng giọng nam trầm tuyệt hảo kiểu chính trị gia của ông ta. “Việc này sẽ truyền tải một thông điệp sai lầm. Thu hút những tên khủng bố khác.”

Kennedy liếc nhìn Lukas, cô nói, “Đó là điều cần phải suy nghĩ. Thuyết cửa xả. Ngài đầu hàng một tên tổng tiền thì sẽ có những tên khác nữa.”

“Nhưng không ai biết về chuyện này, đúng không nào?” Kennedy hất cằm về phía bức thư.

“Ồ họ biết chứ,” Cage nói. “Và sẽ càng có thêm nhiều người biết. Ông không thể giữ kín một chuyện như thế này được lâu. Những lá thư như vậy có cánh đấy. Ông có thể chắc chắn chuyện đó.”

“Cánh,” Kennedy lặp lại, không thích cách nói này chút nào và càng thấy mừng vì Lukas mới là người chỉ đạo điều tra. Ông hỏi cô, “Cô có thể làm gì để tìm được gã nếu chúng ta thực sự trả tiền?”

Một lần nữa Lukas đáp lại ngay. “Kỹ thuật viên của chúng tôi sẽ cài bọ vào chiếc túi... với thiết bị phát sóng. Hai mươi triệu đô la nặng tới vài chục cân,” cô giải thích. “Nó không phải thứ ông có thể giấu dưới ghế ngồi trên ô tô. Chúng tôi sẽ cố lần theo thủ phạm tới hang ổ của gã. Nếu gặp may chúng tôi sẽ bắt được cả gã lẫn xạ thủ, tên Digger này.”

“May mắn,” Kennedy nói một cách hoài nghi. Cô ta là một phụ nữ đẹp, ông nghĩ, mặc dù ngài thị trưởng đã kết hôn được ba mươi bảy năm và chưa từng một lần nghĩ đến chuyện lừa dối vợ, ông vẫn biết rằng vẻ đẹp chủ yếu nằm ở biểu cảm của đôi mắt, khuôn miệng và thần thái, chứ không phải ở những đường nét do Chúa ban cho. Khuôn mặt của Margaret Lukas chưa hề dịu đi kể từ khi cô bước chân vào văn phòng ông. Không cười, cũng chẳng cảm thông. Giọng cô rất sắt đá khi nói, “Chúng tôi không thể cho ngài biết chính xác số phần trăm cơ hội.”

“Không, tất nhiên là không thể rồi.”

“Hai mươi triệu,” kẻ tay hòm chìa khóa Lanier lẩm bẩm.

Kennedy đứng dậy, đẩy ghế ra sau và bước đến cửa sổ. Ông nhìn ra bãi cỏ màu nâu cùng hàng cây lác đác lá khô. Mùa đông ở Bắc Virginia đã bớt lạnh hơn nhiều trong vài tuần vừa qua. Đêm nay, dự báo thời tiết thông báo sẽ có đợt tuyết lần đầu tiên trong năm, nhưng ngay lúc này, không khí ẩm áp và ẩm ướt, lẫn mùi thực vật phân hủy vẫn đang phảng phất trong căn phòng. Cảm giác bất an. Bên kia phố là công viên, ở chính giữa là một bức tượng to lớn, đen thui theo kiểu hiện đại, nhắc Kennedy nhớ tới một lá gan.

Ông liếc sang Wendell Jefferies, anh ta hiểu ngay và bước tới chỗ ông. Trợ lý của ông xịt nước hoa cạo râu; chắc anh ta phải có đến hai mươi mùi khác nhau. Ngài thị trưởng thì thầm, “Thế đây, Wendell áp lực nhỉ?”

Vốn không bao giờ biết kiềm chế, trợ lý thị trưởng nói luôn, “Ngài là người cầm bóng, sếp ạ. Thả rơi nó là cả ngài và tôi đều sẽ phải ra đi. Hoặc còn hơn thế nữa.”

Hoặc còn hơn thế nữa...

Thế mà Kennedy đã tưởng không còn chuyện gì tồi tệ hơn vụ bê bối của ủy ban Giáo dục.

“Cho đến giờ,” Kennedy nói, “vẫn không có manh mối nào. Chẳng có gì cả.”

Nhưng đã có hai mươi ba người chết.

Cho đến giờ, tất cả những gì họ biết được là tên tâm thần này sẽ giết thêm nhiều người khác lúc bốn giờ và lặp lại lần nữa, rồi lần nữa.

Bên ngoài cửa sổ, bầu không khí ẩm áp đang có sự xáo trộn. Năm chiếc lá úa vàng xoay vòng rơi xuống đất.

Ông trở lại bàn làm việc của mình. Nhìn vào chiếc đồng hồ đồng. Bây giờ là mười giờ hai mươi lăm.

Lanier nói, “Tôi cho rằng chúng ta không nên trả tiền. Ý tôi là, theo tôi khi những tên này phát hiện ra FBI đã vào cuộc, chúng có thể sẽ sợ và rồi bỏ chạy mất tiêu.”

Đặc vụ Lukas chỉ ra, “Tôi cá là chúng đã biết Cục sẽ nhúng tay vào trước cả khi bắt đầu vụ này.”

Kennedy nhận ra âm điệu chế giễu của cô. Nhưng một lần nữa, Lanier dường như lại chẳng hề hay biết.

Ngài nghị sĩ tiếp tục nói với nữ đặc vụ, “Tôi không nghĩ là cô ủng hộ việc trả tiền.”

“Tôi không ủng hộ.”

“Nhưng cô cũng nghĩ rằng Digger sẽ tiếp tục xả súng nếu chúng ta không trả.”

“Đúng,” cô trả lời.

“Chà...” Lanier giơ hai tay lên. “Như thế chẳng phải là trước sau bất nhất sao? Cô không nghĩ chúng ta nên trả tiền... nhưng hẳn sẽ lại tiếp tục giết người.”

“Chính xác!”

“Như thế chẳng dẫn chúng ta đến đâu cả.”

Lukas nói, “Chúng là những kẻ sẽ sẵn sàng giết vô số người nếu cần phải làm thế, chỉ để kiếm tiền. Ngài không thể đàm phán với một kẻ như vậy.”

“Việc trả tiền có làm nhiệm vụ của cô khó khăn hơn không?” Kennedy hỏi. “Khó bắt hãn hơn ấy?”

“Không,” cô nói. Một lát sau thì thêm, “Vậy là,” cô hỏi, “ngài có đồng ý trả tiền hay không?”

Ngọn đèn bàn soi sáng bức thư. Với Kennedy, trông cứ như bản thân tờ giấy đang phát ra ngọn lửa trắng vậy.

“Không, chúng ta sẽ không trả tiền,” Lanier nói. “Chúng ta sẽ tỏ ra cương quyết. Chúng ta phải cứng rắn với bọn khủng bố. Chúng ta...”

“Tôi sẽ trả,” Kennedy nói.

“Ngài chắc chứ?” Lukas hỏi ông, dường như chẳng quan tâm đến câu trả lời lắm.

“Tôi chắc. Hãy gắng hết sức để bắt chúng. Nhưng thành phố sẽ trả tiền.”

“Chờ đã,” nghị sĩ nói, “không thể vội vàng như vậy được.”

“Chẳng có gì vội vàng cả,” Kennedy quát lại. “Tôi đã cân nhắc chuyện đó từ lúc nhận được thứ chết tiệt này.” Ông chỉ tay vào bức thư như đang bốc lửa.

“Jerry,” Lanier vừa nói vừa cười chua chát, “ông làm gì có thẩm quyền để ra quyết định đó.”

“Thực ra là có đấy,” Wendell Jefferies chen vào, vô tình anh ta lại có tấm bằng Luật và Thạc sĩ Luật.

“Nghị viện mới có thẩm quyền này,” Lanier nóng nảy nói.

Cage nói với Lanier, “Không phải. Đây hoàn toàn là thẩm quyền của Đặc khu. Tôi đã hỏi tổng chưởng lý trên đường đến đây.”

“Nhưng chúng tôi kiểm soát tài chính,” Lanier quát. “Và tôi không cho phép chi.”

Kennedy liếc Wendy Jefferies, anh ta ngẫm nghĩ một lát. “Hai mươi triệu đô la à? Chúng ta có thể rút từ quỹ chi tiêu linh hoạt của Đặc khu.” Anh ta cười phá lên. “Nhưng sẽ phải rút từ nguồn dự trữ của ủy ban Giáo dục. Đó là tài khoản duy nhất có khả năng thanh khoản lớn.”

“Duy nhất à?”

“Đúng vậy. Tất cả những chỗ khác toàn là âm hoặc tiền lẻ thôi.”

Kennedy lắc đầu. Trớ trêu làm sao: Tiền để cứu thành phố lại là do kẻ nào đó đã tham nhũng và đặt giới cầm quyền vào một vụ bê bối lớn.

“Jerry, chuyện này thật lố bịch!” Lanier nói. “Kể cả họ có bắt được những gã này thì tháng sau sẽ lại có kẻ khác làm điều tương tự. Không bao giờ được thỏa hiệp với bọn khủng bố. Đó là nguyên tắc ở Washington. Ông chưa đọc khuyến nghị của Bộ ngoại giao à?”

“Chưa, tôi chưa đọc,” Kennedy nói. “Không ai gửi chúng đến cho tôi cả. Wendy, chuẩn bị tiền đi. Còn đặc vụ Lukas... hãy đi bắt tên khốn ấy!”

* * * * *

Bánh kẹp cũng tạm được.

Không xuất sắc.

Gilbert Havel quyết định rằng sau khi lấy được chỗ tiền, gã sẽ tới câu lạc bộ Jockey và ăn món bít tết thật sự. Một miếng thần non. Cùng một chai champagne.

Gã uống nốt chỗ cà phê và để mắt tới lối ra vào Tòa thị chính.

Cảnh sát trưởng đặc khu đã đến rồi rời đi vội vã. Một tá phóng viên cùng đội quay phim vừa quay ra khỏi cửa chính để hướng về lối vào ở hông tòa nhà. Trông họ không vui. Rồi hai người, một nam một nữ, rõ ràng là đặc vụ FBI, biến mất vào trong Tòa thị chính từ lúc trước mà chưa thấy trở ra. Chắc chắn là chiến dịch của Cục điều tra rồi. Gã biết sẽ như vậy mà.

Cho đến giờ, chưa có gì ngạc nhiên cả.

Havel nhìn đồng hồ. Đã đến giờ về nhà trú ẩn, gọi người cho thuê trực thăng. Có rất nhiều việc cần chuẩn bị. Kế hoạch lấy hai mươi triệu đã phức tạp lắm rồi, kế hoạch để trốn thoát sau đó thậm chí còn phức tạp hơn.

Havel thanh toán hóa đơn bằng những đồng tiền lẻ cũ nát, rồi mặc lại áo khoác và đội mũ. Gã rời khỏi quán cà phê, bước xuống từ vỉa hè và vội vã băng qua một con hẻm, mắt nhìn xuống. Trạm Metro ở Judiciary Square nằm ngay bên dưới Tòa thị chính nhưng gã biết ở đó sẽ đầy đặc vụ và cảnh sát, thế nên gã hướng tới Đại lộ Pennsylvartia, nơi gã sẽ bắt xe buýt xuống Đông Nam D.C.

Một gã da trắng trong chiếc mũ trùm của dân da đen.

Cuộc đời đôi lúc thật khô hài.

Gilbert Havel ra khỏi con hẻm và rẽ sang một phố nhánh dẫn tới Pennsylvania. Đèn chuyển sang màu xanh. Havel bước ra ngã tư. Đột nhiên, một chuyển động lao tới từ phía bên trái gã. Gã nghĩ: Chết tiệt, anh ta không trông thấy mình! Anh ta không trông thấy mình, anh ta không...

“Này!” Havel kêu lên.

Tài xế của chiếc xe tải chở hàng to lớn đang mãi nhìn hóa đơn nên đã tăng tốc vượt đèn đỏ. Anh ta ngược lên, sợ hãi. Cùng tiếng phanh nghiêng đến điếc tai, chiếc xe tải đâm sầm vào Havel. Tài xế hét lên, “Chúa ơi, không! Chúa ơi...”

Chiếc xe tải làm Havel bị mắc kẹt giữa tấm chắn mũi xe của nó và một chiếc xe khác đang đỗ gần đó, nghiêng nát gã. Tài xế nhảy ra và nhìn trên trời bàng hoàng. “Anh không chịu quan sát! Đó không phải là lỗi tại tôi!” Rồi anh ta nhìn quanh và thấy mình đã vượt đèn đỏ. “Ôi Chúa ơi!” Anh ta trông thấy hai người đang chạy về phía mình từ góc phố. Cân nhắc một phút. Nhưng cơn hoảng loạn đã thắng thế, anh ta liền nhảy lên xe tải, khởi động xe, lùi lại rồi tăng tốc và rẽ vào khúc quanh.

Hai khách bộ hành nam khoảng ba mươi tuổi chạy tới chỗ Havel. Một người cúi xuống kiểm tra ví. Người kia chỉ đứng sững, nhìn chăm chăm vào vũng máu to.

“Chiếc xe tải kia,” người đang đứng chỉ thì thào, “hắn cứ thế lái đi! Hắn bỏ chạy rồi!” Rồi anh ta hỏi bạn mình, “Anh ta chết chưa?”

“Ừ, chết rồi,” người kia trả lời. “Chết hẳn rồi.”

Chương 3

“Đâu nhỉ?”

Margaret Lukas nằm sấp trên một cái gò nhìn ra Beltway.

Xe cô lướt qua trước mắt cô thành hàng dài bất tận.

Cô lại xem đồng hồ. Rồi nghĩ: Mi ở đâu?

Bụng cô đau, lưng và hai khuỷu tay cũng bị đau.

Chẳng có cách nào để đỡ chiếc xe chỉ huy tác chiến gần địa điểm đặt tiền chuộc, cho dù có nguy trang thế nào đi nữa, để tên tổng tiền không nhìn thấy nếu gã ở đâu đó gần đây. Thế nên, cô đang phải nằm bò trên mặt đất cứng như đá trong chiếc quần bò, áo khoác và mũ lưỡi trai kéo ngược ra sau, giống hệt một tay lính bắn tỉa hay gangster nào đó. Họ đã phục ở đây được một tiếng đồng hồ.

“Nghe cứ như tiếng nước ấy,” Cage nói.

“Cái gì?”

“Dòng xe này.”

Ông cũng đang nằm sấp bên cạnh Margaret, đầu họ gần chạm nhau, giống như đôi tình nhân đang nằm trên bãi biển ngẫm hoàng hôn. Họ theo dõi thực địa cách đó khoảng một trăm mét, quan sát địa điểm đặt tiền ở gần đường Gallows, phải, chính là con đường mang tên *giá treo cổ*, trở trên đến mức không một ai trong nhóm đặc vụ thêm bình luận về nó.

“Cô có biết chuyện ấy là thế nào không?” Cage tiếp tục. “Điều gì đó khiến cô bức tức và cô cố không nghĩ về nó. Nhưng cô chẳng được. Ý tôi là, nghe tiếng xe cứ như tiếng nước chảy.”

Lukas chẳng thấy nó giống tiếng nước gì cả. Chỉ giống tiếng ô tô và xe tải chạy qua.

Đối tượng đâu rồi nhỉ? Ở kia có tới hai mươi triệu đô la chờ gã, thế mà gã lại không đến lấy.

“Gã ở chỗ quái nào rồi?” Một giọng thì thào khác vang lên. Nó thuộc về một người đàn ông âu sầu cỡ ba mươi tuổi, với kiểu tóc theo phong cách quân đội. Leonard Hardy làm việc cho sở cảnh sát Đặc khu Columbia, và tham gia vào đội này bởi vì cho dù Cục phụ trách chiến dịch, thì cũng chẳng hay cho lắm nếu không có sự tham dự của bất cứ cảnh sát nào của Đặc khu. Thường thì Lukas sẽ phản đối việc có một thành viên không thuộc FBI nằm trong đội của mình, nhưng cô lại tình cờ quen biết Hardy từ những lần anh ta làm nhiệm vụ ở văn phòng Cục gần Tòa thị chính và chẳng ngại sự hiện diện của anh ta, miễn là anh ta làm đúng như bản tính từ trước đến giờ: ngồi lặng lẽ một mình và không làm phiền người lớn.

“Sao gã đến muộn nhỉ?” Hardy lại phát biểu, rõ ràng chẳng hề trông chờ câu trả lời. Hai bàn tay không tỳ vết của anh ta, với những móng tay được cắt tỉa hoàn hảo, tiếp tục viết từng mẫu ghi chú cho bản báo cáo sẽ gửi tới Cảnh sát trưởng Đặc khu và ngài thị trưởng.

“Có gì không?” Cô quay đầu rồi thì thào gọi Tobe Geller. Cậu ta là một đặc vụ trẻ với mái tóc xoăn, đóng bộ quần bò và áo khoác gió màu xanh hải quân có thể lộn ngược lại y hệt như Lukas đang mặc.

Geller cũng trạc tuổi ba mươi và có khuôn mặt hoan hỉ tuyệt đối của một cậu bé chỉ biết tìm vui trong những sản phẩm gắn vi mạch. Cậu ta liếc qua ba màn hình xách tay trước mặt mình. Rồi gõ vài nút trên bàn phím laptop trước khi đọc màn hình. “Không,” cậu ta trả lời. Nếu có bất kỳ sinh vật nào to hơn gấu trúc Mỹ trong vòng bán kính một trăm mét quanh túi tiền chuộc, các thiết bị theo dõi của Geller sẽ phát hiện ra ngay.

Khi ngài thị trưởng duyệt phương án trả tiền chuộc, khoản tiền ấy đã đi một đường vòng mới tới được địa điểm đặt. Lukas và Geller yêu cầu trợ lý của ngài Kennedy đưa tiền tới một địa chỉ trên phố Ninth trong Đặc khu, một gara nhỏ không ai để ý đến, nằm ở đầu phố đặt các trụ sở của FBI.

Tại đây, Geller đã nhét tiền vào hai chiếc ba lô to kiểu KL-19 của hãng An ninh Burgess, chất liệu của chúng trông như vải thường nhưng thực ra được dệt bằng các sợi đồng bị oxi hóa, một loại ăng-ten vô cùng hiệu quả. Hệ thống phát tín hiệu được giấu trong quai đeo bằng sợi nhựa dẻo, còn pin thì nằm trong những nút nhựa dưới đáy ba lô. Chiếc túi ấy phát tín hiệu cho Hệ thống Định vị Toàn cầu rõ nét hơn cả kênh chính thức của đài CBS, hơn nữa nó lại còn xuyên thủng được tất cả các cấu trúc trừ kim loại dày hàng chục phân.

Geller cũng gói lại bốn mươi cuộn tiền một trăm đô la bằng giấy gói do chính cậu ta thiết kế. Mặt trong giấy là những vi mạch phát tín hiệu. Cho dù tên tội phạm có chuyển tiền từ trong túi vải ra hay chia nhỏ cho nhiều người mang thì Geller vẫn có thể truy theo số tiền trong vòng bán kính tận chín mươi sáu

kilomet.

Chiếc túi đã được bỏ lại trên bãi cỏ đúng như bức thư chỉ dẫn. Tất cả đặc vụ đều đã lùi ra xa. Và cuộc phục kích bắt đầu.

Lukas hiểu rõ hành vi cơ bản của bọn tội phạm. Những tên tổng tiền và bắt cóc thường tỏ ra hèn nhát trước khi đi lấy tiền chuộc. Nhưng bất kỳ kẻ nào cả gan giết hại hai mươi ba con người cũng sẽ không lùi bước ngay giây phút này. Cô không thể hiểu nổi tại sao tên hung thủ lại chẳng hề tới gần chỗ thả tiền.

Cô đang đổ mồ hôi; thời tiết ẩm áp kỳ lạ so với ngày cuối năm và bầu không khí ngọt ngào đến phát bệnh. Tựa hồ mùa thu vậy. Margaret Lukas ghét mùa thu. Cô thả nằm trong tuyết còn hơn phục kích giữa thời tiết trong lành kiểu này.

“Mi ở đâu?” Cô lăm bắm. “Ở đâu chứ?” Cô khẽ lắc lư người, cảm nhận cái nhói ở hai bên xương hông. Tuy có cơ bắp, nhưng cô rất gầy, mà lại chẳng có mấy đệm lót để bảo vệ cơ thể trước mặt đất cứng ngắt này. Cô buộc phải nhìn ra bãi cỏ lần nữa, cho dù các cảm biến phức tạp của Geller sẽ phát hiện ra bất kỳ kẻ tình nghi nào trước khi đôi mắt xanh xám của cô kịp trông thấy.

“Hùm.” C.P. Ardell, viên đặc vụ to lớn mà Lukas đã có vài dịp làm việc cùng, siết chặt tai nghe của mình và nghe ngóng. Gật cái đầu hói trắng lóa, anh liếc nhìn Lukas. “Đó là vị trí Chariie. Không có ai qua lại con đường trong rừng cả.”

Lukas găm giữ. Có lẽ cô đã sai. Cô đã tưởng kẻ tình nghi sẽ đi từ phía tây tới chỗ lấy tiền, men theo hàng cây cách đường cao tốc khoảng tám trăm mét. Cô tin rằng gã sẽ lái một chiếc Hummer hay Range Rover. Gã sẽ giật lấy một trong hai chiếc túi, hy sinh chiếc còn lại vì bản thân, rồi biến mất vào rừng.

“Còn vị trí Bravo?” Cô hỏi.

“Tôi sẽ kiểm tra,” C.P. nói. Anh thường xuyên phải làm cảnh sát chìm, bởi vẻ ngoài không may lại giống với một tên chưng cất ma túy ở Manassas hay thành viên không chính thức của *Thiên thần Địa ngục*. Dường như anh là người kiên nhẫn nhất trong số tất cả các đặc vụ tham gia phục kích; thậm chí chưa hề nhúc nhích tấc thân một trăm hai lăm cân của mình lấy một phân kể từ khi họ tới đây. Anh gọi điện cho người gác ở rìa xa nhất phía nam.

“Không có gì. Chỉ có bọn frê con đi xe bốn bánh. Chẳng đứa nào lớn hơn mười hai.”

“Người của ta không đuổi chúng đi đấy chứ?” Lukas hỏi. “Bọn trẻ ấy?”

“Không.”

“Tốt lắm. Đảm bảo là họ không được đuổi chúng đi nhé.”

Thêm nhiều phút trôi qua. Hardy vẫn đang viết ghi chú. Geller thì tiếp tục gõ bàn phím. Cage bồn chồn nhưng C.P. thì không.

“Vợ ông có bức không?” Lukas hỏi Cage. “Vì ông làm việc cả ngày lễ ấy?”

Cage nhún vai. Đó là cử chỉ yêu thích của ông. Ông có cả đồng tử vừng cho các kiểu nhún vai. Cage là đặc vụ cấp cao ở trụ sở FBI và mặc dù công việc buộc ông phải đi khắp đất nước, nhưng ông vẫn chuyên phụ trách các vụ án liên quan đến Đặc khu. Ông cũng thường làm việc với Lukas, cả với sếp của cô, trưởng phân cục ở văn phòng Washington, D.C. Mặc dù vậy, SAC^[1] Ron Cohen vô tình lại đang ở vùng rừng nhiệt đới Brazil, kỳ nghỉ đầu tiên của ông trong suốt sáu năm qua nên Lukas đã đảm trách vụ việc lần này. Chủ yếu là nhờ lời tiến cử của Cage.

Cô cảm thấy buồn thay cho Cage, cho Geller và C.P. vì phải làm việc vào ngày lễ. Họ có người yêu hay vợ để hẹn hò đêm nay. Còn về phần Len Hardy, cô mừng vì anh ta ở đây; anh ta có nhiều lý do chính đáng để tự làm mình bận rộn trong các ngày lễ, và đây chính là một trong những lý do cô hoan nghênh anh ta có mặt trong đội METSHOOT.

Chính Lukas cũng có một ngôi nhà ấm cúng ở Georgetown, nơi chất đầy đồ gỗ cổ, ren rúa và đồ thêu cùng chần chần tự mình thiết kế, một bộ sưu tập rượu lộn xộn, gần năm trăm cuốn sách, hơn một ngàn đĩa CD và con chó Labrador lai của cô, Jean Luc. Trải qua những tối nghỉ lễ ở đó sẽ rất tuyệt, mặc dù trong suốt ba năm sống ở đây, Lukas chưa từng làm vậy. Cho đến khi máy nhắn tin báo việc cô được thăng chức lên làm quyền chỉ huy trong vụ METSHOOT, cô đã định sẽ dành toàn bộ đêm nay để canh chừng người tố cáo Ủy ban Giáo dục, Gary Moss, người đã làm dấy lên vụ bê bối nhận tiền lót tay khi xây dựng trường học. Chiếc máy thu âm gắn trên người Moss đã thu được rất nhiều mẫu đối thoại có thể dùng làm bằng chứng buộc tội. Nhưng ông ta đã bị phát hiện và ngay ngày hôm sau, nhà ông ta liền bị đánh bom, còn con gái ông ta thì suýt chết. Moss đã gửi gia đình về ở với họ hàng ở Bắc Carolina và trải qua cuối tuần trước dưới sự bảo vệ của Cục điều tra liên bang. Lukas phụ trách cả việc bảo vệ ông ta lẫn cuộc điều tra vụ đánh bom. Nhưng rồi Digger xuất hiện và lúc này, Moss chỉ còn là một lữ khách buồn tẻ trong căn hộ chung cư đắt tiền được giới hành pháp nhắc đến với cái tên trụ sở *phố Ninth* của FBI.

Cô lại nhìn cánh đồng lần nữa. Không có dấu hiệu của tên tổng tiền.

“Có khi hẳn đang quan sát chúng ta,” một đặc vụ tác chiến đang ngồi xổm đằng sau cái cây nói “Cô muốn chúng tôi quét một vòng không?”

“Không.”

“Chu trình chuẩn đấy,” anh ta khẳng định. “Chúng tôi có thể dùng năm, sáu chiếc xe để đánh lạc hướng. Nghi phạm sẽ không bao giờ phát hiện ra.”

“Quá mạo hiểm,” cô nói.

“Cô chắc chứ?”

“Tôi chắc.”

Những câu trả lời cọc lốc như thế đã khiến Lukas bị mang tiếng kiêu căng ở Cục. Nhưng cô tin rằng kiêu ngạo không nhất thiết là một tật xấu. Nó khiến cấp dưới tin cậy ở cô hơn. Nó cũng khiến các sếp để ý đến cô hơn.

Mắt cô ánh lên khi một giọng nói vang lên trong tai nghe gọi tên cô.

“Nói đi,” cô nói vào chiếc micro khi nhận ra giọng kia là của phó giám đốc Cục điều tra.

“Chúng ta có một vấn đề,” ông ta nói.

Cô ghét làm bộ làm tịch. “Là gì?” Cô hỏi, không buồn quan tâm đến giọng nói gay gắt của mình.

Vị phó giám đốc nói, “Đã xảy ra một vụ đâm người rồi bỏ chạy gần Tòa thị chính cách đây chưa lâu. Đàn ông da trắng. Gã chết rồi. Không có thể căn cước. Không có bất kỳ thứ gì, ngoài một chìa khóa căn hộ, không địa chỉ, và ít tiền mặt. Viên cảnh sát tới hiện trường đã nghe về vụ tổng tiền, và vì tai nạn xảy ra gần Tòa thị chính, anh ta nghĩ hai sự việc có thể liên quan đến nhau.”

Cô hiểu ngay lập tức. “Họ đã so sánh dấu vân tay?” Cô hỏi. “Vân tay gã và vân tay trên bức thư tổng tiền là một?”

“Đúng vậy. Người đã chết chính là kẻ viết bức thư, đồng phạm của tên giết người.”

Lukas nhớ lại một phần bức thư. Đại loại là:

Nếu ông giết tôi, hẳn sẽ tiếp tục giết chóc.

Không điều gì có thể ngăn cản được Digger...

“Cô phải tìm ra tên xạ thủ, Margaret ạ,” phó giám đốc nói. Có một khoảng ngừng rõ rệt khi ông ta cúi nhìn đồng hồ. “Cô phải tìm ra hắn trong ba tiếng nữa.”

* * * * *

Thứ này là thật sao? Parker Kincaid tự hỏi.

Anh cúi đầu trên tờ giấy hình chữ nhật, nhìn qua chiếc kính lúp phóng đại gấp mười lần nặng trĩu trên tay mình. Joan đã rời đi từ vài giờ trước những tác động của cuộc viếng thăm ấy, tai họa ấy, vẫn còn văng vất, cho dù anh có cố gắng vùi mình vào công việc đến mấy.

Bức thư anh đang nghiên cứu, viết trên giấy màu vàng, đã được nhét vào trong bao nhựa mỏng và dai, nhưng khi đưa nó đến gần, anh vẫn hết sức thận trọng. Giống như cách người ta chạm vào khuôn mặt bụ bẫm đỏ au của một đứa bé. Anh điều chỉnh ánh sáng và tập trung vào nét móc bên dưới những chữ y viết thường.

Nó có phải thật không nhỉ?

Có vẻ như thế. Nhưng trong nghề nghiệp của mình, Parker Kincaid không bao giờ tin cậy quá nhiều vào vẻ bề ngoài.

Anh rất muốn chạm vào tài liệu này, để cảm nhận lớp giấy ít bị can thiệp bằng axit tới mức nó có thể tồn tại lâu như thép. Anh muốn cảm nhận những đường gợn rất nhẹ của lớp mực muối sắt, mà dưới những ngón tay nhạy cảm của anh thì chúng chẳng khác nào chữ nổi cho người mù. Nhưng anh không dám lôi tấm giấy ra khỏi bao nhựa; ngay cả chút đầu nhỏ nhất từ hai bàn tay cũng có thể ăn mòn những chữ cái mỏng manh này. Và đó sẽ là một thảm họa vì nó có giá trị tới năm mươi ngàn đô.

Nếu nó là hàng thật.

Ở trên gác, Stephie vẫn đang lèo lái anh chàng Mario trong vũ trụ siêu thực của chàng. Robby thì đang ngồi dưới chân Parker cùng với Han Solo và Chewbacca (nhân vật trong phim Star war). Phòng làm việc dưới tầng hầm là một nơi ấm cúng, ốp bằng gỗ tếch và trải thảm màu xanh của rừng cây. Trên khắp các bức tường là những tài liệu được đóng khung, những vật có giá trị thấp hơn trong bộ sưu tập của Parker. Thư của Woodrow Wilson, FDR, Bobby Kennedy, nghệ sĩ Charles Russell của Old West. Rất nhiều thứ khác nữa. Trên một bức tường khác là những thứ giả mạo mà Parker vô tình bắt gặp trong nghề nghiệp của mình.

Tuy nhiên, bức tường yêu thích của Parker lại đối diện với chiếc ghế anh đang ngồi. Bức tường đó chứa các bức vẽ và thơ của các con anh trong suốt tám năm qua. Từ những chữ cái ngoằn ngoèo không đọc nổi

tới mẫu chữ viết thảo của từng đứa. Anh thường nghỉ giữa lúc đang làm việc và ngắm nhía chúng. Việc làm ấy đã cho anh ý tưởng viết một cuốn sách về chuyện chữ viết tay phản ánh sự phát triển của trẻ nhỏ như thế nào.

Lúc này, anh đang ngồi trên chiếc ghế thoải mái cạnh cái bàn nghiên cứu màu trắng không ché vào đâu được. Căn phòng hoàn toàn yên tĩnh. Thường thì anh bật đài để nghe nhạc jazz hay nhạc cổ điển. Nhưng ở Đặc khu đang có một vụ xả súng kinh hoàng và tất cả các đài đều đang phát bản tin đặc biệt về vụ giết người ấy. Parker không muốn Robby nghe được chuyện đó, đặc biệt là sau những hồi tưởng của thằng bé về *Người chèo thuyền*.

Anh gò lưng trên bức thư một cách háo hức, y như nhà buôn đá quý đang tán thưởng một viên đá màu vàng xinh đẹp, dù sẵn sàng tuyên bố nó là giả nếu anh ta phát hiện ra, nhưng vẫn âm thầm hy vọng đây là một viên hoàng ngọc quý hiếm.

“Cái gì đó ạ?” Robby hỏi trong lúc đứng nhìn lá thư.

“Cái do xe tải mang đến ngày hôm qua ấy,” Parker trả lời và nheo mắt trong lúc kiểm tra một chữ K viết hoa. Chữ cái này có thể được viết theo nhiều cách khác nhau, do đó, nó rất hữu dụng đối với nhà phân tích chữ viết

“Ồ, cái xe bọc thép. Hết xảy!”

Đúng là rất tuyệt. Nhưng nó không phải câu trả lời cho câu hỏi của thằng bé. Parker trả lời tiếp. “Con có biết Thomas Jefferson không?”

“Vị tổng thống thứ ba. Ồ, ông ấy cũng sống ở Virginia như chúng ta.”

“Giỏi. Đây là một bức thư mà người ta nghĩ là do ông ấy viết. Họ muốn ba kiểm tra để cho chắc.”

Một trong những cuộc hội thoại khó khăn của Parker với Robby và Stephie là giải thích công việc kiểm cơm của anh. Không phải cách giải thích về mặt kỹ thuật của một nhà phân tích tài liệu nghi vấn. Mà đa phần mọi người hay giả dạng các lá thư và tài liệu rồi cố bảo chúng là thật.

“Trong thư nói gì ạ?” Thằng bé hỏi

Parker không trả lời ngay. Với anh, những câu trả lời rất quan trọng. Rốt cuộc, anh là một bậc thầy trong lĩnh vực giải đố, niềm yêu thích suốt đời của anh là các câu đố và trò ô chữ cùng các trò cân não khác. Anh tin vào lời giải và cố không bao giờ trì hoãn trả lời câu hỏi của các con mình. Khi một ông bố, bà mẹ nói, “Để sau nhé,” thường là họ nói thế để tiện cho mình, hy vọng rằng đứa trẻ sẽ sớm quên câu hỏi đó đi. Nhưng nội dung của bức thư này khiến anh phải ngập ngừng. Sau một vài phút, anh nói, “Đây là lá thư Jefferson gửi cho con gái cả của ông.” Phần này vẫn là sự thật. Nhưng Parker đã không nói tiếp với con trai rằng chủ đề của bức thư là về Mary, con gái thứ của ngài tổng thống, cô gái đã chết vì các biến chứng khi sinh nở, giống như vợ ông mấy năm trước đó. Parker đọc:

Ở Washington đây cha sống sau một màn sương u sầu, lúc nào cũng thấy những cảnh Polly trên lưng ngựa chạy qua chạy lại ngạo nghễ, thách thức những lời cha đã dặn là phải cẩn trọng...

Với tư cách là nhà phân tích tài liệu có chứng chỉ hãn hoi, Parker đã phải vật lộn để không cảm thấy buồn khi đọc những dòng này. Tập trung nào, anh tự nói với mình, mặc dù hình ảnh thể thảm của một người cha bị tước đoạt đứa con cứ liên tục làm anh phân tâm.

Một màn sương u sầu...

Tập trung nào.

Anh cũng quan sát thấy biệt danh của cô gái trong bức thư chính là cách Jefferson hay dùng, tên cúng cơm là “Mary” nhưng cô gái được gia đình gọi yêu là “Polly,” và cả cái cách đánh dấu chấm lửng rất đặc trưng của ngài tổng thống. Những chi tiết ấy là bằng chứng về tính xác thực của bức thư. Cả những sự kiện được nhắc đến trong thư cũng vậy; chúng thật sự đã xảy ra trong cuộc đời của Jefferson và đúng vào khoảng thời gian bức thư này được viết ra một cách công khai.

Phải, về mặt câu chữ mà nói, lá thư này là thật.

Nhưng đó chỉ là phân nửa câu đố. Các nhà giám định tài liệu không đơn thuần là những nhà ngôn ngữ hay sử gia, họ còn là nhà khoa học. Parker vẫn phải giám định vật lý với bức thư này nữa.

Khi anh chuẩn bị đặt nó dưới một trong những chiếc kính hiển vi phức hợp Bausch & Lomb của mình thì chuông cửa lại reo.

Ồi không... Parker nhắm mắt. Là Joan. Anh biết mà. Cô ta đã đón được mấy chú chó và giờ thì trở lại để làm đời anh thêm phức tạp. Có lẽ cô ta còn đi cùng nhân viên xã hội nữa. Một cuộc công kích bất ngờ.

“Để con mở cửa cho,” Robby nói.

“Không!” Parker vội ngăn. Quá nhanh. Thằng bé bỗng mất tinh thần trước phản ứng đột ngột của anh.

Ông bố cười với cậu con trai. “Đế ba!” Và trượt khỏi chiếc ghế đẩu, trèo lên cầu thang.

Giờ anh thật sự điên tiết rồi. Anh quyết định rằng bọn Who của anh sẽ có một ngày cuối năm vui vẻ, bất chấp mẹ của chúng. Anh mở toang cửa.

Ài chà...

“Chào Parker!”

Mất mấy giây anh mới nhớ ra tên của người đàn ông cao ráo và tóc xám trước mặt. Anh đã không gặp ông ta hàng năm trời rồi. “Cage.”

Anh không nhận ra người phụ nữ đang đứng cạnh ông ta.

Chương 4

“Anh thế nào rồi, Parker? Không ngờ sẽ gặp tôi trong một tháng toàn những ngày xui xẻo thế này hả? Chờ đã, tôi nói lộn xộn hết cả. Nhưng anh hiểu toàn cảnh rồi đấy.”

Đặc vụ Cage chẳng thay đổi mấy. Tóc xám hơn một chút. Gầy hơn một chút. Dường như ông ta cũng cao lên. Parker nhớ là Cage hơn anh đúng mười lăm tuổi. Họ cùng sinh vào tháng Sáu. Cùng thuộc cung Song tử. Cùng số Âm - Dương.

Từ khóe mắt, Parker trông thấy Robby xuất hiện trên hành lang cùng đồng phạm của nó, Stephie. Tin tức có khách viếng thăm thường truyền đi rất nhanh trong những gia đình có trẻ con. Bọn chúng nhích lại gần cửa hơn, ghé mắt nhìn Cage và người phụ nữ nọ.

Parker quay người rồi cúi thấp xuống. “Hai con không có việc gì làm trên phòng à? Việc rất quan trọng ấy?”

“Không ạ,” Stephie nói.

“Ừm,” Robby xác nhận.

“Ba thì nghĩ là có.”

“Việc gì ạ?”

“Trên sàn có bao nhiêu miếng Lego? Bao nhiêu con Micro Machine?”

“Vài con ạ,” Robby đoán thử.

“Vài trăm con à?”

“À,” thằng bé cười toe toét.

“Lên gác ngay... Lên nào, lên nào, nếu không quái vật sẽ tự mình đưa các con lên đây. Có muốn gặp quái vật không? Hử?”

“Không!” Stephie ré lên.

“Đi đi!” Parker vừa nói vừa cười. “Để ba nói chuyện với bạn đã.”

Khi bọn trẻ dợm bước, Cage liền lên tiếng, “Ồ, bạn bè gì đâu. Đúng không Parker?”

Anh không trả lời. Anh đóng cửa rồi quay lại, đánh giá người phụ nữ. Cô ta khoảng ngoài ba mươi, với khuôn mặt nhỏ và mịn màng. Hơi xanh xao, khác hẳn làn da rám nắng chẳng ngừng nghỉ của Joan. Cô ta không nhìn Parker mà theo dõi Robby trèo lên cầu thang qua cửa sổ kéo rèm ren ở cạnh cửa ra vào. Sau đó, cô ta mới chuyển sang anh và đưa một bàn tay khỏe mạnh với những ngón tay dài ra. Cô bắt tay anh thật chặt. “Tôi là Margaret Lukas. ASAC^[2] ở phân cục Washington.”

Parker nhớ lại rằng ở Cục điều tra các tội lý trường phân cục được gọi bằng tên tắt, phát âm là A-sack, trong khi đó các trường phân cục thì được gọi là S-A-C. Đây là phần kiến thức từ cuộc sống cũ mà anh đã không còn nghĩ đến từ nhiều năm nay.

Cô nói tiếp, “Chúng tôi vào nhà một phút được không?”

Chuông báo động của bậc phụ huynh reo lên. Anh nói ngay, “Cô có phiền nếu chúng ta ở ngoài này không? Bọn trẻ...”

Mắt cô ta sáng lên và anh tự hỏi cô có coi điều này là một sự sỉ nhục. Nhưng đành phải vậy thôi; lần tiếp xúc gần nhất của bọn trẻ với Cục điều tra là việc xem trộm nhân vật Scully và Mulder trong bộ phim *The X-Files* khi đến ngủ ở nhà bạn. Anh đã định sẽ để tình trạng đó kéo dài.

“Chúng tôi không sao,” Cage nói hộ cả hai. “Này, lần cuối tôi gặp anh là... chà chà, lâu lắm rồi. Chúng ta ở chỗ Jimmy nhì, anh biết đấy, ở phố Ninth.”

“Đúng.”

Đó đúng là lần cuối cùng Parker Kincaid có mặt ở trụ sở của Cục điều tra. Đứng giữa một sân lớn, bao quanh là những tòa nhà bằng đá nghiêm trang. Một ngày hè tháng Bảy nóng nực của hai năm về trước. Thi thoảng anh vẫn nhận được những email nói rằng bài phát biểu của anh trong lễ tưởng niệm Jim Huang rất hay. Jim là một trong những trợ lý cũ của Parker và đã bị bắn chết ngay ngày đầu tiên làm đặc vụ tác chiến.

Parker tiếp tục im lặng.

Cage gật đầu về phía bọn trẻ. “Bọn nhỏ nhanh lớn thật.”

“Trẻ con mà,” Parker trả lời. “Cage, chuyện này thực ra là như thế nào?”

Viên đặc vụ chỉ nhún vai với Lukas.

“Chúng tôi cần anh giúp, Kincaid,” nữ đặc vụ nói nhanh, trước khi hơi thở thoát ra sau câu hỏi của

Parker kịp tan biến.

Parker nghiêng đầu.

“Ở đây thích thật,” Cage nói và ngẩng đầu lên. “Không khí trong lành. Linda và tôi nên chuyển nhà thôi. Tìm lấy một mảnh đất. Có lẽ ở hạt Loudon. Anh có xem tin tức không, Parker?”

“Nghe thôi.”

“Hả?”

“Qua đài. Tôi không xem ti vi.”

“Đúng nhì. Anh không bao giờ xem.” Cage nói với Lukas, *Vùng đất hoang phí*, anh ta gọi ti vi như vậy. Anh ta đọc rất nhiều. Ngôn từ là mảng chính của Parker. Phạm vi chuyên môn, bất kể từ ấy có nghĩa quái quỷ gì. Anh kể với tôi là con gái anh đọc ngẫu nhiên các thứ nhì. Nó vẫn làm thế chứ?”

“Tên ở tàu điện ngầm,” Parker nói. “Vì hần mà ông ở đây phải không?”

“Vụ METSHOOT,” Lukas nói. “Chúng tôi gọi tắt như thế. Hần đã giết hai mươi ba người. Làm bị thương ba mươi bảy. Sáu đứa trẻ bị thương nặng. Còn có...”

“Các vị muốn gì?” Anh ngắt lời vì lo rằng con của mình có thể nghe được câu chuyện.

Lukas trả lời, “Chuyện này rất quan trọng. Chúng tôi cần anh giúp.”

“Các vị muốn cái quái gì ở tôi mới được chứ? Tôi về hưu rồi?”

Cage nói, “Ừ ừ. Chắc chắn là về hưu rồi.”

Lukas cau có nhìn từ người nọ sang người kia.

Việc này đã được tập trước chăng? Kiểu cảnh sát tốt/cảnh sát xấu? Có vẻ không giống thế. Tuy nhiên, một quy tắc quan trọng khác trong cuốn *Cấm nang làm cha mẹ* vô hình của anh là: “Hãy làm quen với việc một chọi hai.” Giờ anh đã sẵn thể phòng thủ rồi.

“Anh vẫn còn làm công tác giám định tài liệu. Anh có mặt trên Những trang vàng. Anh còn có cả một website. Nó đẹp đấy. Tôi thích hình nền màu xanh dương đó.”

Parker kiên quyết, “Tôi giám định tài liệu dân sự thôi.”

Lukas nói, “Cage bảo tôi rằng anh từng là trưởng phòng phòng Tài liệu trong suốt sáu năm. Ông ấy nói anh là nhà giám định tài liệu giỏi nhất cả nước.”

Cô ấy có đôi mắt mệt mỏi quá, Parker nghĩ. Có lẽ cô mới chỉ ba mươi sáu hay ba mươi bảy. Dáng đẹp, gọn gàng, nhanh nhẹn, khuôn mặt cũng đẹp. Thế nhưng cô đã trải qua những gì... Hãy nhìn vào đôi mắt kia mà xem. Giống như hai viên đá màu xanh xám. Parker từng biết những đôi mắt như vậy.

Ba ơi, kể cho con nghe về Người chèo thuyền đi.

“Tôi chỉ làm thuê thôi. Không phải pháp y hình sự.”

“Anh ta còn được đề bạt làm SAC của quận Eastem. Phải, phải, tôi không đùa đâu.” Cage nói cứ như thể không nghe thấy lời Parker. “Chỉ có điều anh ta đã từ chối.”

Lukas ngược cặp lông mày nhạt của mình lên.

“Và đó là chuyện của nhiều năm trước rồi,” Parker tiếp lời.

“Chắc chắn rồi,” Cage nói. “Nhưng anh vẫn không bị rì sét, đúng không Parker?”

“Cage, nói thẳng ra đi!”

“Tôi đang cố làm anh mệt mỏi,” viên đặc vụ tóc xám nói.

“Không thể được.”

“À, tôi là người tạo ra kỳ tích mà. Nhớ không?” Ông ta quay sang nói với Lukas, “Cô biết không, Parker không chỉ phát hiện được các giấy tờ giả mạo; anh ta còn truy ra tung tích của kẻ khác từ những gì họ viết, họ mua giấy ở đâu, bút ở đâu, những chuyện đại loại như vậy. Người giỏi nhất trong ngành đấy.”

“Cô ấy hẳn sẽ bảo ông đã nói vậy rồi,” Parker cắt lời một cách chua chát.

“Hồi tưởng lại mọi chuyện một lần nữa hả?” Cage nhận xét

Parker đang run, nhưng không phải vì lạnh. Mà vì rắc rối hai người này mang tới. Anh nghĩ về bọn Who. Anh nghĩ về bữa tiệc của ba bố con tối nay. Về cô vợ cũ. Anh mở miệng định bảo với ông già Cage cao kêu cùng cô nàng Lukas mắt mệt mỏi là cả hai hãy biến khỏi đời anh. Nhưng cô đã đi trước một bước. Cô nói thẳng thừng, “Anh nghe này. Tên nghi phạm...”

Parker nhớ lại: Đối tượng chưa lộ diện. Một tên tội phạm chưa xác định được danh tính.

“... và đồng phạm của gã, tên xạ thủ, đã cùng lên kế hoạch cho vụ tổng tiền này. Cứ bốn tiếng một lần, tay xạ thủ sẽ bắn vào đám đông bằng khẩu súng tự động, bắt đầu từ bốn giờ chiều nay trừ khi thành phố chịu trả tiền. Ngài thị trưởng đã chấp thuận và chúng tôi đã thả tiền đúng chỗ. Nhưng tên nghi phạm lại chẳng bao giờ xuất hiện. Tại sao? Bởi vì gã đã chết.”

“Anh có tin vào vận may không?” Cage nói. “Trên đường tới lấy hai mươi triệu đô la, gã đã bị một chiếc xe đưa hàng tông phải.”

Parker hỏi, “Tại sao tên xạ thủ không đi lấy tiền?”

“Bởi vì chỉ dẫn duy nhất dành cho hắn là giết chóc,” Lukas nói “Hắn chẳng liên quan gì đến chuyện tiền nong cả. Kiểu tay trái/tay phải kinh điển ấy.” Lukas dường như thấy ngạc nhiên khi Parker không hề phát

hiện ra chuyện đó. “Tên nghi phạm thả xạ thủ ra với mệnh lệnh duy nhất là tiếp tục bắn giết nếu hắn không nhận được cuộc gọi báo dừng lại. Bằng cách đó, chúng ta sẽ phải dè chừng khi phái các đội đặc nhiệm đi bắt hung thủ. Còn nếu ta tóm tên nghi phạm thì gã sẽ có cơ hội mặc cả đổi lấy việc ngăn cản tay xạ thủ.”

“Vậy là,” Cage nói. “Chúng ta phải tìm ra hắn. Tên xạ thủ.”

Cánh cửa sau lưng Parker từ từ hé mở.

Anh nhanh chóng nói với Lukas, “Cài khuy áo của cô vào.”

“Sao cơ?” Cô hỏi.

Khi Robby bước ra ngoài, Parker liền nhanh chóng vươn người ra, kéo hai vạt áo của Lukas lại, che đi khẩu súng lục to tướng trên thắt lưng của cô. Cô cau mày khi anh thì thầm, “Tôi không muốn thằng bé thấy vũ khí của cô.”

Anh vòng cánh tay ôm vai cậu con trai. “Này, Who. Con thế nào?”

“Stephie giấu cái điều khiển rồi.”

“Đâu có,” con bé kêu lên. “Không giấu, không giấu!”

“Con đang thẳng thì nó giấu cái điều khiển đi.”

Parker vừa nói vừa cau mày, “Chờ đã, cái đó có dây nối cơ mà?”

“Nó rút dây rồi.”

“Stephie... effie. Có phải cái điều khiển sắp xuất hiện trong vòng năm giây nữa không? Bốn, ba, hai...”

“Con tìm thấy rồi!” Con bé la lên.

“Đến lượt anh!” Robby cũng kêu và lại chạy lên tầng hai.

Một lần nữa, Parker để ý thấy đôi mắt Lukas dõi theo Robby khi thằng bé trèo lên cầu thang.

“Tên nó là gì?” Lukas hỏi.

“Robby.”

“Nhưng anh vừa gọi nó là gì?”

“Ồ. ‘Who’ á. Tôi đặt biệt danh cho bọn nhỏ đấy.”

“Theo tên Wahoo à?” Cô hỏi. “Đội tuyển của trường đại học cũ?”

“Không. Nó là từ cuốn sách *Tiến sĩ Seuss* cơ.” Parker tự hỏi làm sao cô ta biết anh từng học Đại học Virginia. “Nghe này, Cage, tôi xin lỗi. Nhưng thực sự, tôi không giúp ông được.”

“Anh có hiểu được vấn đề ở đây không, chàng trai?” Cage hỏi. “Mối liên kết duy nhất, đầu mối duy nhất chúng tôi có được chính là lá thư tổng tiền.”

“Đưa qua PERT ấy.”

Đội ứng phó với các bằng chứng vật chất của Cục điều tra.

Cặp môi mỏng của Lukas càng trở nên mỏng hơn. “Nếu phải làm như vậy thì chúng tôi sẽ làm. Và tôi sẽ kiểm một nhà tâm lý học ngôn ngữ từ Quantico đến. Chúng tôi sẽ cử đặc vụ đi kiểm tra từng công ty sản xuất giấy và bút bi trên khắp cả nước. Nhưng...”

“... đó chính là những gì chúng tôi hy vọng anh sẽ tiếp quản,” Cage nói tiếp. “Anh có thể xem xét bức thư, nói cho chúng tôi biết cái gì là cái gì. Những điều mà không ai khác làm được. Có lẽ là nơi nghi phạm sống. Hoặc nơi tên xạ thủ sẽ nổ súng tiếp theo.”

Parker hỏi, “Thế còn Stan thì sao?”

Stanley Lewis hiện đang là trưởng phòng Tài liệu của Cục. Parker biết anh ta rất giỏi; chính anh đã thuê Lewis làm chuyên viên phân tích từ nhiều năm trước. Anh nhớ lại rằng họ đã dành cả buổi tối để uống bia và thi nhau giả mạo chữ ký của John Hancock. Lewis đã thắng.

“Anh ta đang ở Hawaii dự phiên tòa xử Sanchez. Cho dù có dùng đến một chiếc Tomcat, chúng tôi cũng không thể lôi anh ta về kịp thời hạn tiếp theo.”

“Lúc bốn giờ,” Lukas nhắc lại.

“Lần này không giống lần trước đâu, Parker,” Cage khẽ nói. “Chuyện ấy sẽ không bao giờ lặp lại.”

Đầu Lukas lại quay mòng mòng những gì đang xảy ra giữa hai người đàn ông. Nhưng Parker không giải thích điều Cage vừa nói có nghĩa gì. Anh sẽ không nói về chuyện quá khứ nữa; ngày hôm nay anh đã phải chịu đựng quá khứ như thế là đủ rồi.

“Tôi xin lỗi. Có lẽ lúc khác thì được. Nhưng giờ thì không.”

Anh đang tưởng tượng xem chuyện gì sẽ xảy ra nếu Joan phát hiện anh lại tham gia vào một vụ điều tra nóng.

“Chết tiệt, Parker, tôi phải làm gì đây?”

“Chúng tôi không có gì cả,” Lukas gặng dứ nói. “Không có đầu mối. Chúng tôi chỉ còn vài giờ nữa trước khi tên điên này lại bắn vào một đám đông khác. Trong đó còn có bọn trẻ con.”

Parker đột ngột vẫy tay để ngăn lời cô nói. “Tôi sẽ phải yêu cầu hai người rời khỏi đây ngay lập tức. Chúc may mắn!”

Cage nhún vai nhìn Lukas. Cô đưa cho Parker tấm danh thiếp có dấu mạ vàng của Bộ Tư pháp trên đó. Chính anh cũng từng có tấm danh thiếp như vậy. Phong chữ Cheltenham khít khao. Cỡ chín.

“Số điện thoại di động ở phía dưới... Nghe này, ít nhất, nếu chúng tôi có câu hỏi nào, anh không phiền khi chúng tôi gọi anh chứ?”

Parker do dự. “Không, tôi không phiền.”

“Cảm ơn anh.”

“Tạm biệt,” Parker nói rồi lùi vào trong nhà.

Khi cánh cửa đóng lại, Robby đang đứng trên bậc cầu thang.

“Họ là ai đấy hả ba?”

Anh nói, “Một người từng làm việc cùng ba ấy mà.”

“Cô kia có súng hả ba?” Robby hỏi. “Người phụ nữ ấy?”

“Con trông thấy súng à?” Parker hỏi thẳng bé.

“Vâng.”

“Vậy thì ba đoán là cô ấy có một khẩu.”

“Ba có làm việc cùng cô ấy không ạ?” Thăng bé lại hỏi.

“Không, chỉ có ông đi cùng thôi.”

“Ồ, cô ấy xinh thật.”

Parker định nói, “So với một cảnh sát.” Nhưng anh lại thôi.

Ở Washington đây tôi sống sau một màn sương u sầu, bị ám ảnh bởi những hình ảnh về Polly trên lưng ngựa.....

Khi đã trở về phòng làm việc dưới tầng hầm và ở một mình, Parker nghĩ về bức thư trước mặt với cái tên QI. Các thủ tục trong phòng Thí nghiệm Tài liệu của FBI quy định rằng tài liệu bị nghi vấn phải được đặt mật danh Q ấy. Các tài liệu gốc và mẫu văn tự viết tay, còn được gọi là *đã nhận biết*, thì được đánh dấu K. Đã nhiều năm trôi qua kể từ lúc anh vẫn còn gọi những bản di chúc và hợp đồng mình cần phân tích dưới cái tên Q. Cách nghĩ của một cảnh sát cứ chen ngang vào đời sống cá nhân của anh như thế này thật là đáng lo ngại. Gần bằng sự xuất hiện của Joan.

Quên Cage đi, quên Lukas đi.

Tập trung nào...

Trở lại với lá thư, kính lúp cầm tay đặt trước mặt.

Giờ anh để ý thấy tác giả, dù có phải Jefferson hay không, đã dùng đến một chiếc bút ngòi thép; anh có thể trông thấy dòng chảy độc nhất của mực vào những khe trên lớp giấy do ngòi bút vạch ra. Rất nhiều kẻ mạo danh tin rằng toàn bộ tài liệu cổ đều được viết bằng bút lông và chuyên sử dụng chúng. Nhưng hồi thế kỷ XVIII, bút ngòi thép rất thông dụng và Jefferson viết hầu hết các lá thư của mình bằng loại bút ấy.

Thêm một điểm cộng nữa bên mực tài liệu thật.

Lúc khó khăn này cha cũng nhớ tới mẹ con, nên dù, con yêu, cha không muốn con thêm buồn nhưng cha nhờ con tìm bức tranh có cả Polly và mẹ con trong, con còn nhớ chứ? Ảnh do ông Chabroux vẽ bên giếng ấy? Cha muốn mang theo mình vì khuôn mặt của họ sẽ giúp cha đứng vững trong những giờ khắc tăm tối nhất.

Parker buộc mình không được nghĩ đến nội dung của bức thư mà phải kiểm tra một đường mực ở nơi vắt ngang qua nếp gấp trên giấy. Anh quan sát thấy không có mực vương trên rãnh giấy. Điều đó có nghĩa là bức thư đã được viết trước rồi mới gấp lại sau. Anh biết rằng Thomas Jefferson là người rất kỹ tính về chuyện viết lách và ông chẳng bao giờ viết thư trên một mảnh giấy đã bị gấp trước đó. Tài liệu này lại giành thêm một điểm nữa...

Parker ngẩng đầu lên và vươn vai. Anh đưa tay bật đài. Đài phát thanh quốc gia lại đang phát về vụ xả súng ở Metro.

“... báo cáo rằng tổng số người chết đã lên đến con số hai mươi tư. Cô bé năm tuổi LaVelle Williams đã chết vì vết thương do đạn bắn. Mẹ của bé bị thương trong vụ tấn công và đã nhập viện trong tình trạng nguy kịch...”

Anh tắt đài.

Nhìn vào lá thư, di chuyển chiếc kính lúp trên tài liệu một cách chậm rãi. Thụ xuống một chỗ nhấc tay khi người viết kết thúc một từ và nâng chiếc bút lên khỏi mặt giấy. Đây chính là kiểu điển hình của

Jefferson khi ông kết thúc các nét bút.

Còn nét mực loang trên giấy thì sao?

Cách mực thấm thấu sẽ cho bạn biết rất nhiều về loại vật liệu đã được dùng cũng như thời điểm hình thành tài liệu. Càng trải qua nhiều năm, mực càng thấm sâu vào trong giấy. Nét mực loang ở đây gợi ý rằng nó đã được viết ra từ rất lâu, để đến hai trăm năm nay rồi. Nhưng như mọi khi, anh vẫn lưu trữ thông tin này để truy xét lại; có nhiều cách giả vết mực loang.

Anh nghe tiếng thịch của bàn chân trẻ con trên cầu thang, Chúng dừng lại rồi vang to hơn khi đứa thứ nhất rồi đến đứa thứ hai nhảy nốt ba bậc cuối để chạm xuống sàn.

“Ba ơi, bọn con đói,” Robby gọi từ đỉnh cầu thang xuống tầng hầm.

“Ba lên ngay đây.”

“Bọn con ăn phô mai nướng được không ạ?”

“Nhé ba!” Stephie bồi thêm.

Parker tắt ngọn đèn sáng trắng trên bàn mình. Anh để lại bức thư vào két sắt rồi đứng một lúc trong phòng làm việc tù mù chỉ được chiếu sáng bằng ngọn đèn Tiffany giả đặt trong góc, bên cạnh chiếc sofa cũ kỹ.

Cha muốn mang theo mình vì khuôn mặt của họ sẽ giúp cha đứng vững trong những giờ khắc tăm tối nhất.

Anh đi lên gác.

Chương 5

“Vũ khí,” Margaret Lukas bắt ngờ lên tiếng. “Tôi muốn có một bản vẽ vũ khí của tên xạ thủ.”

“Cô muốn có cái gì cơ?” Cage hỏi.

“Bản chi tiết ấy.” Cô đã quen với các nhân viên thường ngày của mình, những người hiểu rõ cách nói tắt và diễn đạt riêng của cô.

“Sắp có đấy,” C.P. Ardell nói với lại. “Đấy là họ vừa bảo thế.”

Họ đang đứng trong một căn phòng không hề có cửa sổ của Trung tâm Điều hành và Thông tin Tác chiến mới của Cục điều tra, trên tầng năm tòa nhà trụ sở ở phố Ninth. Toàn bộ khu vực này gần rộng bằng một sân bóng đá và mới được mở rộng thêm gần đây, để đủ sức tiếp nhận năm vụ khẩn cấp cùng một lúc.

Cage đi ngang qua Lukas và thì thầm, “Cô đang làm tốt đấy.”

Lukas không trả lời. Cô bắt gặp hình phản chiếu của mình trên màn hình 12,7 nhân 38,1 centimet đang chiếu bức thư tổng tiền trên tường. Và nghĩ: Có phải không? Có phải mình đang làm tốt không? Cô hy vọng là vậy. Chúa ơi, cô hy vọng là vậy. Trong Cục điều tra vẫn lan truyền một truyền thuyết rằng mỗi đặc vụ đều có một cơ hội duy nhất để ghi dấu son trong sự nghiệp của mình. Một cơ hội để được chú ý đến, được thăng cấp vượt bậc.

Chà, chắc như đinh đóng cột rằng đây chính là cơ hội của cô. Chuyện một trợ lý trưởng phân cục chỉ huy một vụ như thế này là điều chưa từng xảy ra. Cho dù có là... Cage đã nói gì nhỉ? Cho dù có là một tháng toàn những ngày xui xẻo cũng không.

Nhìn xuyên qua hình ảnh phản chiếu của mình vào bức thư đang hiện trên nền trắng với những con chữ như nhện nhện màu đen nơi màn hình lớn, cô tự hỏi mình đã không nghĩ đến cái gì? Tâm trí cô duyệt qua một lượt những phương án mình đã nghĩ tới. Cô đã gửi dấu vân tay của tên nghi phạm tới mọi cơ sở dữ liệu chính về dấu vân tay trên toàn thế giới. Cô đã cử hàng chục cảnh sát Đặc khu đi điều tra về chiếc xe tải đã tông trúng gã, phòng khi tên nghi phạm thêu thào được vài lời trần trối với người lái xe (và đã nhờ cậy người tạo ra kỳ tích Cage xin được lệnh miễn truy tố tội đâm người rồi bỏ chạy để thuyết phục tay tài xế mở miệng). Cô cũng đã phái hai chục đặc vụ đi truy tìm nhân chứng. Hàng trăm biển số xe đã bị kiểm tra. Các nguồn cung cấp tin bí mật trên khắp cả nước đều đang bị moi móc. Danh bạ cuộc gọi đi và đến Tòa thị chính suốt hai tuần qua cũng bị truy xét. Cô đang...

Có một cuộc gọi đến. Len Hardy định nhắc máy nhưng Cage đã ra tay trước. Hardy cởi chiếc áo choàng, để lộ một chiếc sơ mi vải polyester trắng bóc với những sọc màu nâu cùng cả vạt đồng màu và chiếc quần là ly cứng. Bất chấp việc vừa nằm bò ra thực địa ở Nam Virginia suốt một giờ đồng hồ, mái tóc kiểu sĩ quan thủy quân lục chiến của anh ta vẫn giữ nếp hoàn hảo và trên người anh ta, chẳng có lấy một hạt bụi. Trông anh ta không giống một thanh tra cảnh sát mà giống thành viên của phái Nhân chứng Jehovah gọn gàng. Mang bên mình khẩu Glock 10 li mới cứng, Lukas cảm thấy khẩu Smith & Wesson 38 li trên hông Hardy có vẻ kỳ quặc quá.

“Anh ổn cả chứ, thanh tra?” Lukas hỏi anh ta vì đã trông thấy vẻ bất mãn khi Cage hớt tay trên cú điện thoại.

“Mạnh khỏe như mưa rào “, anh ta lẩm bẩm, không quá nhạo báng.

Cô khẽ cười trước cách nói đặc thù của vùng trung tây ấy. Cô hỏi có phải anh ta quê ở đó không.

“Tôi lớn lên ở ngoại ô Chicago. Downstate. Họ gọi nó như thế cho dù quê tôi thực ra ở phía tây bắc thành phố.”

Anh ta ngồi xuống. Nụ cười của Lukas nhạt đi. *Mạnh khỏe như mưa rào...*

Cage đặt máy xuống. “Đã có bản báo cáo cô cần. Đó là dòng súng trường. Một khẩu Uzi. Sản xuất khoảng một năm trước, nòng rất rộng. Nó đã được cải biến nhiều. Có vật liệu cách điện trong bộ phận giảm thanh. Có vẻ được lắp bằng tay. Không phải loại bán phổ biến. Tên xạ thủ biết việc của mình làm.”

“Tốt!” Lukas nói. Cô gọi C.P. Ardell ở bên kia căn phòng, “Đã có ai kiểm tra các trang web cung cấp chỉ dẫn lắp ống giảm thanh tự làm tại nhà và chuyển một khẩu Uzi thành súng tự động chưa? Tôi muốn có danh sách email của tất cả các lần truy cập gần đây nhất.”

“Họ có buộc phải cung cấp thông tin đó không?” C.P. hỏi.

“Không có lệnh thì không được đâu. Nhưng cứ làm cho họ tưởng ta có. Nói thật thuyết phục vào.”

Viên đặc vụ bấm số và nói chuyện trong mấy phút. Rồi anh báo cáo, “Com-Tech đang lo liệu rồi.” Phân

cục máy tính và truyền thông của Cục điều tra, đặt trụ sở ở Maryland.

Lukas quay sang Cage và nói, “Này, tôi có một ý tưởng.”

Cage nhướn một bên lông mày.

Cô nói tiếp, “Chúng ta có thể lôi anh chàng từ bên phòng Nhân sự về không?”

“Ai kia?” Cage hỏi.

Lukas tiếp tục, “Anh chàng chuyên phân tích chữ viết tay của ứng viên để lập báo cáo nhân cách của họ ấy.”

“Bên Đặc khu cũng làm vậy đấy,” Len Hardy chen vào. “Đó là cách để loại bớt bọn điên.”

“Ý cô là gì?” C.P. hỏi Lukas. “Chúng ta gửi nó đến Quantico rồi còn gì.”

Viên đặc vụ to con đang nói đến bản sao bức thư tổng tiền đã được gửi tới bộ phận Phân tích Hành vi của Cục điều tra để lập báo cáo tâm lý ngôn ngữ. Hiện nay, Tobe Geller đang ngồi trước một cái máy tính gần đó để chờ kết quả.

“Không, không, cái đó là để tìm mối liên hệ trong phương thức hành động và nhận dạng trình độ học vấn cũng như trí tuệ của hắn,” Lukas nói. “Tôi đang nói đến chuyện nhận dạng nhân cách của hắn cơ. Đoán tướng chữ ấy.”

“Khỏi cần,” một giọng nói vang lên từ phía sau họ.

Lukas quay lại và trông thấy một người đàn ông mặc quần bò cùng áo khoác bo gấu. Anh bước vào trong phòng thí nghiệm. Trên cổ là chiếc thẻ cho khách và trên tay là cái cặp táp to đùng. Phải mất một lúc cô mới nhận ra anh ta.

Cage định nói gì đó nhưng rồi ngăn mình lại. Có lẽ ông sợ sẽ làm anh ta chạy mất.

“Artie để tôi lên,” Parker Kincaid nói. Anh nhắc đến tên người bảo vệ ở lối ra vào của nhân viên Cục. “Ông ấy vẫn nhớ tôi. Sau ngần ấy năm.”

Đây là một hình ảnh cực kỳ khác của Kincaid, Lukas nghĩ. Ở nhà trông anh ta có vẻ lôi thôi, lệch thẹo. Hình ảnh chiếc áo len khùng khiếp và quần rộng thùng thình càng chẳng giúp ích gì cho anh. Nhưng bây giờ, chiếc áo len cổ tròn anh đang mặc bên ngoài sơ mi đen có vẻ giống anh hơn.

“Anh Kincaid,” Lukas gật đầu chào hỏi. “Không cần làm gì cơ?”

“Đoán tướng chữ. Cô không thể phân tích nhân cách của một người từ chữ viết được.”

Cô do dự trước vẻ quả quyết của anh. “Tôi tưởng có rất nhiều người làm việc đó.”

“Người ta cũng đọc bài tarot và nói chuyện với người thân đã chết đấy thôi. Toàn chuyện hoang đường.”

“Tôi thấy bảo việc này có ích lắm mà,” cô khẳng khái.

“Lãng phí thời gian,” anh nói thẳng. “Chúng ta sẽ tập trung vào những thứ khác.”

“À, được thôi.” Lukas thề rằng mình sẽ cố gắng không quá ghét anh chàng này.

Cage nói, “Này Parker, anh biết Tobe Geller chứ? Cậu ta sẽ là người trực máy lẫn liên lạc viên tối nay. Bọn tôi đã tóm được cậu chàng trên đường đi trượt tuyết ở Vermont đấy.”

“Ở New Hampshire chứ,” anh chàng đặc vụ gọn gàng chỉnh lại và dễ dàng mỉm cười với Kincaid. “Để được trả tiền làm thêm ngày lễ, tôi sẵn sàng làm mọi việc. Kể cả hủy cuộc hẹn. Chào anh Parker. Tôi có nghe nói về anh rồi.”

Hai người bắt tay.

Cage hất cằm sang một chiếc bàn khác. “Còn đây là C.P. Ardell. Cậu ta ở phân cục D.C. Chẳng ai biết chữ C.P. thật ra là gì nhưng cậu ta cứ dùng cái tên ấy. Có khi chính cậu ta cũng chẳng biết đâu.”

“Hồi xưa thì có,” C.P. nói ngắn gọn.

“Đây là Len Hardy. Cậu ta là người liên lạc của Sở cảnh sát Đặc khu.”

“Rất vui được gặp ngài,” viên thanh tra nói.

Kincaid bắt tay anh ta. “Không cần ‘ngài’ gì cả.”

“Chắc chắn rồi.”

“Anh bên đội pháp y à? Hay điều tra?” Kincaid hỏi anh ta.

Hardy có vẻ xấu hổ khi trả lời, “Thực ra, tôi ở bên Nghiên cứu và Thống kê. Tất cả những người khác đều đã đi thực địa nên tôi được chọn làm liên lạc viên.”

“Bức thư đâu?” Anh hỏi Lukas. “Ý tôi là bản gốc ấy?”

“Trong phòng Nhận dạng. Tôi muốn xem liệu chúng ta có tìm được thêm dấu vân tay nào không?”

Kincaid cau mày nhưng trước khi anh kịp thốt ra, Lukas đã nói thêm, “Tôi đã bảo họ chỉ được dùng laze. Không được dùng nynydrin.”

Cặp lông mày của anh nhướn lên. “Tốt lắm... Cô từng làm việc trong đội pháp y à?”

Cô có cảm giác rằng cho dù mình đã đúng khi không dùng hóa chất, anh ta vẫn đang kiểm tra cô. “Tôi nhớ được điều đó từ hồi ở Học viện,” cô lạnh lùng bảo rồi nhấc điện thoại lên.

“Cái đó là gì?” Hardy hỏi. “Nin... gì?”

Trong lúc bấm số, Lukas trả lời, “Nynydrin là thứ người ta thường dùng để định hình dấu vân tay trên giấy.”

“Nhưng,” Kincaid kết thúc nốt ý nghĩ của cô, “nó sẽ làm hỏng mọi vết hằn của chữ viết. Không bao giờ được dùng nó trên các văn bản nghi vấn.”

Lukas tiếp tục cuộc gọi của mình đến phòng Nhận dạng. Kỹ thuật viên nói với cô rằng họ không tìm được dấu vân nào khác trên văn bản và một cậu văn thư sẽ mang nó lên Trung tâm xử lý khủng hoảng ngay. Cô thông báo lại tin đó với cả đội.

Kincaid gật đầu.

“Sao anh lại đổi ý?” Cage hỏi anh. “Về chuyện đến đây ấy?”

Anh im lặng một lát. “Ông có nhớ đã nhắc đến trẻ con không? Những đứa trẻ bị thương ở chỗ ga tàu điện ngầm ấy? Một trong số chúng đã chết.”

Lukas nói tiếp, cũng bằng giọng u sầu như của anh, “LaVelle Williams. Tôi có nghe.”

Anh quay sang Cage. “Tôi ở đây với một điều kiện. Chỉ duy nhất đội đặc nhiệm trực tiếp làm vụ này mới được biết tôi có liên quan. Nếu nguồn tin rò rỉ và tên tôi lọt ra ngoài, bất kể vụ điều tra đang tiến hành đến đâu, tôi vẫn sẽ bỏ ngang. Thậm chí tôi sẽ nói không biết các vị là ai.”

Lukas nói, “Nếu anh muốn vậy, nhưng anh Kincaid...”

“Parker thôi.”

Cage nói, “Sẽ như ý anh. Chúng tôi có thể hỏi tại sao không?”

“Các con tôi.”

“Nếu anh lo ngại về an toàn của chúng, tôi có thể cử một chiếc xe túc trực trước nhà anh. Bất kể anh cần bao nhiêu đặc vụ...”

“Tôi lo về vợ cũ của tôi hơn.”

Lukas ném cho anh cái nhìn khó hiểu.

Kincaid nói, “Tôi được quyền nuôi con từ khi vợ chồng tôi ly dị bốn năm trước. Và một trong những lý do tôi được chọn là bởi tôi làm việc tại nhà và không gây ra bất kỳ nguy hiểm cho chúng hay cho bản thân tôi. Chính vì vậy, tôi chỉ làm việc với các văn bản thương mại. Giờ có vẻ như vợ cũ của tôi sẽ tái kiện đòi quyền nuôi con. Không thể để cô ta biết chuyện này được.”

“Tuyệt đối không có vấn đề gì, Parker,” Cage trấn an anh. “Anh sẽ đối峙 một người khác. Anh muốn là ai?”

“Tôi không quan tâm ông gọi tôi là John Doe hay Thomas Jeffersson, miễn tôi không phải là tôi. Sáng mai, Joan sẽ đến nhà tôi lúc mười giờ để mang quà cho lũ trẻ. Nếu cô ta biết tôi bỏ đi giữa đêm Giao thừa để điều tra một vụ án... thì sẽ tệ lắm đấy.”

“Anh nói với bọn trẻ thế nào?” Lukas hỏi.

“Tôi bảo một người bạn của tôi bị ốm và tôi phải đến bệnh viện thăm nom.” Anh chỉ một ngón tay vào ngực Cage. “Tôi ghét phải nói dối bọn trẻ. Ghét lắm!”

Nhớ lại đứa con trai xinh xắn của anh, Lukas nói, “chúng tôi sẽ cố gắng hết sức.”

“Không phải là cố hay không,” Kincaid nói với cô, dễ dàng giam được ánh mắt cô. Đó là điều rất ít người đàn ông có thể làm được. “Mà là giữ bí mật sự tham gia của tôi hoặc tôi sẽ biến mất.”

“Vậy thì chúng tôi sẽ làm,” cô nói đơn giản và nhìn khắp phòng, cả C.P., Geller lẫn Hardy đều gật đầu.

“Được rồi,” Kincaid cởi áo khoác và vắt nó lên một chiếc ghế. “Giờ, kế hoạch thế nào?”

Lukas nói qua về tiến trình điều tra. Kincaid gật đầu mà không nói gì cả. Cô cố gắng đọc gương mặt anh, xem anh có chấp thuận những điều cô đã làm không và tự hỏi liệu mình có quan tâm đến câu trả lời. Rồi cô nói, “Ngài thị trưởng sẽ sớm lên truyền hình để cầu xin tên xạ thủ. Ông ta sẽ gợi ý chuyện chúng tôi trả tiền cho hắn. Không phải nói thẳng ra nhưng sẽ nói khéo. Chúng tôi hy vọng hắn sẽ liên lạc lại. Chúng tôi đã bỏ tiền vào những chiếc túi được đánh dấu và sẽ thả chúng ở bất kỳ nơi nào hắn muốn.”

Cage nói thêm, “Rồi Tobe sẽ lần theo hắn tới chỗ trú ngụ. Đội tác chiến của Jerry Baker đang sẵn sàng chờ lệnh. Chúng tôi sẽ ập vào ngay khi hắn về nhà. Hoặc hạ hắn trên đường tới đó.”

“Liệu có bao nhiêu khả năng hắn sẽ tới lấy tiền?”

“Chúng tôi không biết,” Lukas nói. “Chỉ cần liếc qua bức thư anh sẽ thấy tên nghi phạm đã chết khá là chậm hiểu. Nếu tên Digger này cũng đần độn như thế thì có thể hắn sẽ không đến lấy tiền.” Cô đang nghĩ về bài học tâm lý tội phạm ở Học viện. Những tên tội phạm kém thông minh bao giờ cũng hoài nghi hơn bọn thông minh. Chúng thậm chí còn không biết ứng biến thế nào khi tình thế đã thay đổi. Lukas nói thêm, “Điều đó có nghĩa là hắn sẽ tiếp tục bắn giết như được chỉ dẫn từ trước.”

Cage chêm vào, “Thậm chí chúng tôi còn không biết hắn có nghe bài phát biểu của Kennedy hay không. Nhưng chúng tôi chẳng có lấy một chỉ dẫn chết tiệt nào cả.”

Lukas để ý thấy Kincaid đang nhìn xuống *Tập san về các vụ Trùng án*. Trang nói về vụ đánh bom nhà Gary Moss. Thường thì các bản tin này mô tả rất chi tiết và chúng được dùng để tóm lược các điểm chính của một vụ án cho sĩ quan cấp dưới. Bản tin mô tả chuyện hai đứa con nhỏ của Moss đã thoát cảnh bị thiêu sống trong đường tơ kẽ tóc như thế nào.

Parker Kincaid nhìn chằm chằm vào nó một lúc lâu hơn mong muốn của anh, rõ ràng buồn lòng vì bản

báo cáo ảm đạm về nỗ lực tàn sát cả một gia đình.

Hai con của Đối tượng đã thoát khỏi hiện trường với các vết thương không đáng kể.

Cuối cùng, anh gạt nó sang bên. Nhìn quanh trung tâm, ghi nhận hàng loạt những chiếc điện thoại, máy tính, màn hình. Đôi mắt anh kết thúc ở màn hình đang chiếu bức thư tổng tiền.

“Chúng ta có thể chọn phòng làm việc ở chỗ khác được không?”

“Đây là Trung tâm xử lý khủng hoảng,” Lukas nói, quan sát anh đọc bức thư. “Ở đây thì làm sao?”

“Chúng ta phí phạm quá nhiều không gian,” Kincaid chỉ ra. “Và chẳng có lấy một thiết bị nào ở đây.”

Lukas cân nhắc chuyện đó. “Anh tính đi đâu?”

“Trên lầu,” anh lơ đãng trả lời trong lúc vẫn nhìn lá thư phát sáng. “Đi lên gác thôi!”

Parker đi bộ qua phòng Thí nghiệm Tài liệu của đội Khoa học hình sự, nhìn vào những dãy thiết bị mà anh biết quá rõ.

* * * * *

Hai chiếc kính hiển vi soi nổi hiệu Leitz với nguồn sáng sợi cáp quang Volpi Intralux, một máy so sánh quang phổ video kiểu cũ Foster + Freeman VSC4 và một chiếc khác kiểu hiện đại nhất vsc 2000, được trang bị đèn Rolin PoliLight và chạy phần mềm QDOS qua hệ Windows NT. Ngoài ra, đặt chễm chệ ở một góc tiện lợi là chiếc Foster + Freeman ESDA, máy phát hiện tĩnh điện, cùng một sắc phổ siêu mỏng để phân tích mực và các loại dấu vết.

Anh để ý đến những cửa kính mà khách du lịch vẫn đi ngang qua mỗi ngày, từ chín giờ sáng đến bốn giờ chiều, trong chuyến tham quan trụ sở FBI. Hành lang ấy bây giờ thật tối tăm và u ám.

Parker quan sát những thành viên khác trong đội tìm chỗ ngồi ở các bàn làm việc và bàn thí nghiệm. Căn phòng này đồ đạc để rải rác, bốc mùi và không hề thoải mái, đúng như một phòng thí nghiệm thực sự vẫn đang hoạt động. Nhưng anh thích ở đây hơn cái Trung tâm xử lý khủng hoảng bóng loáng dưới kia, bởi anh tin chắc vào một điều đã học từ cha mình, vị sử gia chuyên về cuộc Chiến tranh giải phóng. “Lúc nào con cũng phải chiến đấu trên sân chơi quen thuộc,” vị giáo sư đã dạy con trai như vậy. Anh quyết định không nói cho Lukas câu trả lời ấy; lại thêm một điều nữa do ngài William Kincaid truyền lại cho con trai, “Con không cần phải chia sẻ tất cả mọi điều với đồng minh của mình.”

Anh lại liếc vào văn phòng Stan Lewis. Nhìn thấy những cuốn sách mà chính anh từng sử dụng khi đây còn là văn phòng của mình- Các tài liệu đáng ngờ của nhà xuất bản Harrison, Giới thiệu bộ môn nhận diện chữ viết và Giám định khoa học các tài liệu nghi vấn do Hilton viết, của nhà xuất bản Houseley và Farmer. Cùng cuốn kinh Thánh trong nghề này: Các tài liệu nghi vấn của Albert S. Osborn. Anh nhìn vào chiếc tủ thấp đằng sau ghế tựa và nhận ra bốn cây bonsai do chính tay anh trồng rồi chuyển giao cho Lewis.

“Bức thư đâu?” Anh sốt ruột hỏi Cage.

“Đang trên đường rồi. Đang trên đường.”

Parker bật vài thiết bị lên. Có cái kêu rừ rừ, có cái kêu lách cách. Có cả những chiếc máy chỉ im lặng, đèn báo lờ mờ sáng lên như những cặp mắt cảnh giác.

Chờ đợi, chờ đợi...

Và cố không nghĩ về cuộc nói chuyện của anh với lũ trẻ cách đây một giờ, khi anh bảo với chúng rằng kế hoạch ngày lễ của ba bố con sẽ có sự thay đổi.

Cả hai đứa Who đều đang ở trong phòng Robby, sàn phòng ngập đầy đồ chơi Lego và Micro Machines.

“Chào các Who.”

“Con lên được mức ba rồi,” Stephie nói ngay, hất cằm về phía đầu đĩa Nintendo. Rồi con trúng phải bom.”

Robby thì đang tiến hành một cuộc chiếm đóng toàn diện trên chiếc giường của nó bằng trực thăng cùng máy bay chiến đấu.

Parker ngồi lên giường. “Các con có biết hai người vừa ở nhà mình không?”

“Cái cô xinh xinh mà bố cứ dán mắt vào ả?” Con trai anh bèn lên trả lời.

(“Chúng tinh ranh hơn bạn có thể đoán được,” lại cuốn Cẩm nang nói.)

“Ừ, họ báo với ba là một người bạn của ba bị ốm và ba phải đi thăm chú ấy một lát. Các con muốn ai đến trông mình nào?”

Ngoài những cô cậu học sinh, sinh viên chuyên trông trẻ theo giờ như lệ thường, Parker còn quen một nhóm các vị phụ huynh ở khu phố này, những người sẵn lòng trông bọn trẻ vào buổi tối. Bên cạnh đó là cô bạn Lynne sống trong thành phố của anh. Cô ấy sẽ lái xe xuống Fairfax để giúp anh nhưng anh chắc chắn là tối nay cô ấy đã có hẹn (chẳng đời nào Lynne lại không có một cuộc hẹn vào đêm Giao thừa thế này) và mối quan hệ của họ chẳng còn thân đến mức anh có thể đòi hỏi một sự hy sinh như vậy.

“Ba phải đi ă?” Robby hỏi. “Vào đêm nay á?”

Mỗi khi thằng bé thất vọng, nó đều trở nên bất động và biểu cảm thì chẳng hề thay đổi. Nó không bao giờ dỗi, cũng chẳng cầu nhàu, dù Parker cảm thấy thích thế hơn. Nó chỉ cứng đờ người, như thể nỗi buồn đang đe dọa làm nó bị choáng váng. Và khi Robby nhìn lên anh với vẻ mặt bất động như thế, tay vẫn nắm chặt chiếc trục thẳng đồ chơi bé xíu, Parker cảm nhận được nỗi thất vọng của con trai trong chính trái tim mình.

Stephie thì ít xúc động hơn, cảm xúc của nó cũng ít thể hiện ra ngoài hơn; phản ứng duy nhất là hất tóc ra khỏi mặt và cau mày hỏi anh, “Chú ấy sẽ không sao chứ ba? Bạn của ba ấy?”

“Ba chắc là chú ấy sẽ ổn. Nhưng tốt hơn ba nên đi thăm chú ấy. Vậy... các con có muốn ba gọi Jennifer không? Hay là bà Cavanaugh?”

“Bà Cavanaugh ă!” Cả hai nói gần như cùng một lúc, Robby đã thoát ra khỏi nỗi bi thương của nó. Bà cụ Cavanaugh, hàng xóm của họ, thường trông lũ trẻ vào các ngày thứ Ba khi Parker chơi bài poker với những người quanh đây.

Parker đứng lên, xung quanh là cả biển đồ chơi.

“Nhưng trước nửa đêm ba phải về đấy nhé,” Robby đòi hỏi “được không ba?”

(“Đừng bao giờ hứa nếu có nguy cơ không giữ được lời”)

“Ba sẽ cố gắng hết sức có thể.”

Parker ôm cả hai đứa con rồi đi ra cửa.

“Ba ơ?” Stephanie gọi, trông con bé hoàn toàn ngây thơ trong chiếc quần bò màu đen rộng và áo phông Hello Kitty. “Bạn của ba có muốn con làm cho chú ấy một tấm thiệp chúc chú ấy mau khỏi bệnh không ă?”

Parker cảm thấy sự phản bội của mình như thể một cú đâm thực sự. “Được, con yêu. Ba nghĩ chú ấy còn thích hơn nữa nếu tối nay con chơi thật vui.”

Trở lại với hiện tại, cánh cửa phòng thí nghiệm bỗng mở toang, chen ngang dòng suy nghĩ khổ sở trước đó của anh. Một đặc vụ gầy gò và đẹp trai với mái tóc vàng vuốt ngược ra sau vừa bước vào. “Jerry Baker,” anh ta tuyên bố rồi đi đến chỗ Parker. “Anh là Parker Kincaid.”

Hai người bắt tay nhau.

Anh ta nhìn ngang qua phòng thí nghiệm. “Margaret,” anh ta chào. Lukas gật đầu chào lại.

“Anh là chuyên gia tác chiến?” Parker hỏi anh ta.

“Đúng thế.”

Lukas giới thiệu, “Jerry đã xếp sẵn một đội S&S “.

Tìm kiếm và Giám sát, Parker nhớ lại.

“Cả các xạ thủ giỏi nữa,” Baker nói. “Tha thiết mong có cơ hội bắn bỏ tên quái vật này.”

Parker ngồi xuống chiếc ghế màu xám. Anh nói với Lukas, “Cô đã khám nghiệm xác của tên nghi phạm chưa?”

“Rồi,” Lukas nói.

“Đã có báo cáo chưa?”

“Chưa.”

“Chưa ă?” Parker thấy khó chịu. Anh có những ý tưởng rất rạch ròi về chuyện tiến hành vụ điều tra như thế nào và anh có thể thấy Lukas cũng có ý kiến riêng. Anh tự hỏi mình sẽ gặp bao nhiêu rắc rối với người phụ nữ này. Có nên ứng xử khôn khéo hay không? Liếc nhìn khuôn mặt khắc nghiệt của cô ta, trắng xanh như màu đá cẩm thạch, Parker quyết định mình không có thời gian để lịch sự. Trong một vụ án có quá ít đầu mối như thế này, họ cần biết càng nhiều K, nhân tố đã nhận biết, của tên nghi phạm càng tốt. “Tốt hơn là nên xuống lấy ngay đi,” anh nói.

Cô đáp lại lạnh lùng, “Tôi đã ra lệnh cho họ chuyển lên đây nhanh nhất có thể.”

Nếu là mình thì anh đã cử ai đó, có thể là Hardy, chạy xuống lấy. Nhưng anh quyết định không đấu tranh vì chuyện nhỏ nhặt ấy. Anh sẽ cố chờ thêm mấy phút. Anh nhìn Baker. “Chúng ta có bao nhiêu người?”

“Ba mươi sáu, cộng với bốn mươi tám người của Sở cảnh sát Đặc khu.”

Parker cau mày. “Chúng ta cần nhiều người hơn thế.”

“Vấn đề ở chỗ đó,” Cage nói. “Hầu hết các đặc vụ đang hoạt động đều được đặt dưới chế độ báo động vì ngày lễ. Có tới mấy trăm ngàn người trong thành phố lúc này. Và rất nhiều đặc vụ của Bộ Tài chính lẫn Bộ Tư pháp đang làm nhiệm vụ vệ sĩ cho tất cả các nhà ngoại giao cùng thành viên Chính phủ hiện có mặt ở đây.”

Len Hardy lẩm bẩm, “Quá tệ là sự việc lại xảy ra đêm nay.”

Parker khẽ cười. “Không hôm nay thì còn bao giờ nữa.”

Viên thanh tra trẻ nhìn anh đầy ngạc nhiên. “Ý anh là gì?”

Parker định trả lời thì Lukas nói, “Tên nghi phạm đã chọn đêm nay bởi vì gã biết chúng ta sẽ bị thiếu người.”

“Và vì có rất đông người trong thành phố,” Parker nói thêm. “Tên xạ thủ sẽ có được phạm vi bắn chết tiết kiệm cần. Hẳn...”

Anh ngừng lời và lắng nghe chính mình. Anh không thích điều mình vừa nghe thấy. Sống cùng bọn trẻ và chủ yếu làm việc độc lập đã khiến anh nên tính hơn hồi còn ở Cục; những nét thô bạo đã biến mất. Anh không bao giờ chửi thề và luôn cân nhắc trong đầu mọi lời mình sẽ nói với bọn Who. Giờ thì anh lại đang trở về cuộc sống khắc nghiệt trước đây của mình. Là một nhà ngôn ngữ học, Parker biết rằng việc đầu tiên mà người ngoài cuộc làm để thích nghi với một nhóm mới là nói theo ngôn ngữ của họ.

Parker mở chiếc cặp táp của mình ra: Một bộ giám định tài liệu nhỏ gọn. Trong cặp là đầy đủ những dụng cụ liên quan đến nghề anh theo đuổi. Ngoài ra còn có cả một mô hình Darth Vader nữa. Quà của Robby.

“Sức mạnh ở bên anh,” Cage nói. “Đêm nay, đây sẽ là vật cầu phúc của chúng ta. Bọn cháu nhà tôi mê loạt phim này lắm.”

Parker đặt nó lên bàn giám định. “Tôi thì ước gì mình có hình ObiWan Kenobi hơn.”

“Ai?” Lukas cau mày, lắc đầu.

Hardy buột miệng, “Cô không biết à?” Rồi đỏ mặt bối rối khi cô lạnh lùng nhìn anh ta.

Parker cũng ngạc nhiên quá đỗi. Làm thế nào lại có người không biết gì về Chiến tranh giữa các vì sao nhỉ?

“Chỉ là một nhân vật trong phim thôi,” C.P. Ardell bảo cô.

Chẳng hề phản ứng, cô quay lại với bản thông báo nội bộ đang đọc dở.

Parker tìm chiếc kính lúp của mình gói trong lớp vải nhung đen. Đó là kính hiệu Leitz, độ phóng đại gấp mười hai lần, một công cụ cần thiết cho nhà giám định tài liệu. Joan đã tặng nó cho anh nhân dịp lễ kỷ niệm lần thứ hai của họ.

Hardy để ý thấy trong cặp của Parker còn có một cuốn sách. Anh nhìn thấy ánh mắt của chàng cảnh sát và lấy nó cho anh ta. Vắt óc tập năm. Hardy lật giờ nó rồi đưa cho Lukas.

“Sở thích ấy mà,” Parker giải thích, liếc nhìn đôi mắt cô trong lúc cô lướt qua các trang sách.

Cage nói, “Ồ, anh chàng này mê trò giải đố lắm. Biệt danh của anh ta đấy. Bạc thầy giải đố.”

“Chúng là những bài tập tư duy định hướng,” Parker nói. Anh nhìn qua vai Lukas và đọc to lên, “Một người có ba đồng tiền mệnh giá tổng cộng bảy mươi sáu cent. Chúng được đúc ở Mỹ trong vòng hai mươi năm qua, vẫn đang được lưu thông và một đồng không phải đồng một penny. Hỏi mệnh giá của từng đồng tiền là bao nhiêu?”

“Chờ đã, một trong số chúng phải là đồng một penny chứ?” Cage nói.

Hardy nhìn lên trần nhà. Parker tự hỏi tâm trí anh ta có quy củ như kiểu cách bên ngoài hay không. Viên cảnh sát suy tư một lúc. “Chúng có phải là tiền xu kỷ niệm không?”

“Không, nhớ lại đi... chúng vẫn đang được lưu thông.”

“Đúng nhỉ,” thanh tra cảnh sát nói.

Mắt Lukas quét qua sàn nhà. Tâm trí cô dường như đang ở một nơi khác. Parker không thể đoán được cô đang nghĩ gì.

Geller nghĩ một lát. “Tôi sẽ không tốn nơ-ron thần kinh vào nó đâu.” Anh ta quay lại với máy tính của mình.

“Bỏ cuộc à?” Parker hỏi.

“Câu trả lời là gì?” Cage hỏi.

“Người đó có một đồng năm mươi cent, một đồng hai mươi lăm và một đồng một penny.”

“Chờ đã,” Hardy phản đối, “anh vừa bảo người đó không có đồng penny nào cơ mà.”

“Tôi không nói thế. Tôi bảo một đồng không phải là đồng một penny. Đồng năm mươi cent và hai mươi lăm cent đương nhiên không phải rồi. Nhưng một trong số chúng lại đúng là đồng một penny.”

“Ăn gian,” Cage cau mày.

“Thế thì có vẻ dễ quá,” Hardy nói.

“Câu đố nào khi giải xong mà chả thấy dễ,” Parker nói, “Đời cũng thế mà, không đúng sao?”

Lukas lật trang. Cô đọc, “Ba con điều hâu cùng bắt mất gà của bác nông dân. Một ngày nọ, cả ba con đậu trên mái chuồng gà. Bác nông dân chỉ có một viên đạn trong khẩu súng mà bọn điều hâu thì đứng cách nhau quá xa, nên bác chỉ có thể bắn hạ một con. Bác nông dân nhắm vào con điều hâu bên trái và bắn trúng nó. Viên đạn không bật nảy. Hỏi trên mái nhà còn bao nhiêu con chim?”

“Rõ quá còn gì,” C.P. phản đối.

“Chờ đã,” Cage nói, “chắc là có bấy đấy. Tường câu trả lời phải phức tạp, nhưng thực ra nó lại rất hiển nhiên. Cậu bắn một con và còn lại hai con. Chấm hết câu đố.”

“Câu trả lời của ông đấy à?” Parker hỏi.

Cage nói không chắc chắn lắm, “Tôi đoán vậy.”

Lukas giở tới cuối cuốn sách.

“Thế là ăn gian đấy,” Parker nói, lặp lại lời Cage lúc trước.

Nhưng cô vẫn tiếp tục giở, rồi cau mày. “Lời giải đâu hết rồi?”

“Chẳng có lời giải nào cả.”

Cô hỏi, “Sách kiểu quái gì thế?”

“Nếu không phải do cô tự mình tìm được thì đó chẳng phải là lời giải.” Parker liếc nhìn đồng hồ. Bức thư ở chỗ quái nào nhỉ?

Lukas quay lại với câu đố, nghiền ngẫm nó. Khuôn mặt cô rất xinh đẹp. Joan có một vẻ đẹp chết người với hai gò má cao, cặp hông nở nang cùng bộ ngực đồ sộ. Ngược lại, trong chiếc áo len đen bó sát người, thân trên của Margaret Lukas trông nhỏ gọn hơn. Cô có cặp đùi thon thả và rắn chắc, thể hiện rõ qua chiếc quần bò bó. Anh chợt thấy đôi mắt trắng tinh nơi cổ chân cô, có lẽ là loại tất cao đến đầu gối Joan vẫn mặc bên trong quần dài.

Cô ấy xinh thật, ba ạ.

So với một cánh sát thôi...

Một chàng trai trẻ trong bộ vest xám quá chật bước vào phòng thí nghiệm. Parker đoán đó là cậu văn thư mới trong phòng Phân phát thư và thông báo nội bộ.

“Đặc vụ Cage,” cậu ta gọi.

“Timothy, cậu có gì cho chúng tôi nào?”

“Tôi đang tìm đặc vụ Jefferson.”

Parker được Cage cứu thoát khỏi việc cất tiếng hỏi, “Ai cơ?” “Tom Jefferson hả?”

“Vâng, thưa ngài.”

Ông ta chỉ vào Parker. “Anh ta đây.”

Parker chỉ do dự đúng một giây rồi cầm lấy phong bì và ký cẩn thận viết chữ “Th. Jefferson” đúng như cách vị chính khách quá cố từng làm, mặc dù anh cầu thả hơn ông ta rất nhiều.

Timothy rời đi và Parker nhượng một bên chân mày với Cage, ông ta chỉ nói, “Anh muốn nặc danh còn gì. Phù. Anh là kẻ vô danh.”

“Nhưng làm sao...”

“Tôi là người tạo ra kỳ tích. Bảo anh thế mãi rồi.”

* * * * *

Digger đứng trong bóng râm bên ngoài nhà trọ của hắn, “39,99 đô một ngày, có bếp và truyền hình cáp miễn phí, chúng tôi còn phòng trống.”

Đây là khu vực nghèo nàn hơn của thành phố. Nó nhắc Digger về... *click*... chốn nào, chốn nào nhỉ?

Boston, không, White Plains... *click*... ở gần New... New York.

Click.

Hắn đang đứng bên cạnh một thùng rác bốc mùi và quan sát cửa mở vào căn phòng thoải mái của mình.

Hắn theo dõi người ra kẻ vào, y như người chỉ dạy hắn mọi điều bảo hắn làm. Theo dõi cửa chính. Quan sát căn phòng qua tấm rèm để mở.

Đến và đi.

Những chiếc ô tô vụt qua trên con phố tồi tàn, người qua lại đi bộ trên vỉa hè xập xệ. Digger trông y hệt họ, nhưng hắn cũng chẳng giống ai. Không ai thực sự nhìn thấy Digger.

“Xin lỗi,” một giọng nói cất lên. “Tôi đang đói. Tôi đã không ăn...”

Digger quay lại. Người đàn ông nhìn sâu vào đôi mắt vô hồn của Digger và không thể hoàn tất câu nói của mình. Digger bắn ông ta bằng hai viên đạn vô thanh. Khi ông ta ngã xuống, Digger liền hất cái xác vào thùng rác màu xanh, trong lúc nghĩ rằng mình phải lặp lại bộ phận giảm thanh; nó không còn... *click*... không còn im lặng như trước.

Nhưng chẳng ai nghe được. Xe cộ đi lại nhiều quá.

Hắn nhặt vỏ đạn lên và nhét chúng vào trong túi quần.

Cái thùng rác có màu xanh khá đẹp.

Digger thích màu sắc. Vợ hắn trồng hoa màu đỏ và vàng. Nhưng hắn tin rằng không có hoa màu xanh. Nhìn quanh. Chẳng có ai đang ở gần hắn.

“Nếu có kẻ nào đó nhìn vào mặt anh, thì phải bắn ngay,” người chỉ dạy hắn mọi điều nói. “Không ai được trông thấy mặt anh. Nhớ nhé!”

“Tôi sẽ ghi nhớ,” Digger đã trả lời như vậy.

Hắn nghe ngóng trong thùng rác. Im lặng. Thật buồn cười, vì khi người ta... *click*... khi người ta chết, người ta chẳng thể gây ra một tiếng động nào nữa.

Buồn cười...

Hắn lại tiếp tục quan sát cửa trước, rồi cửa sổ và cả những người đi trên vỉa hè.

Hắn xem đồng hồ. Hắn đã chờ được mười lăm phút.

Giờ là lúc có thể vào nhà.

Ăn một ít súp, nạp lại đạn, lắp lại bộ phận giảm thanh. Hắn đã học cách làm việc đó vào một ngày thu tuyệt vời năm ngoái, có phải năm ngoái không nhỉ? Họ ngồi trên những khúc gỗ mới đốn và người dạy hắn mọi điều đã chỉ cho hắn cách nạp đạn vào súng, cũng như lắp bộ phận giảm thanh, bao quanh họ là những chiếc lá mang sắc màu xinh đẹp. Rồi hắn tập bắn, xoay vòng như con quay, cùng với khẩu Uzi, trong khi cành lá rơi khắp nơi. Hắn nhớ mùi của những chiếc lá khô héo và bốc cháy.

Hắn thích rừng hơn nơi này.

Mở cửa ra, bước vào trong.

Hắn gọi vào hộp thư thoại của mình và cẩn thận bấm mật mã. Một hai hai năm. Không có tin nhắn nào của người chỉ dạy hắn mọi điều. Hắn nghĩ mình hơi buồn vì không nghe tin tức gì từ anh ta. Chẳng có lấy một lời suốt từ sáng hôm nay. Hắn nghĩ mình đang buồn. Nhưng hắn không chắc buồn là gì.

Không tin nhắn, không tin nhắn.

Như thế có nghĩa là hắn nên lắp lại bộ phận giảm thanh, nạp đạn vào ổ và sẵn sàng ra ngoài lần nữa.

Nhưng trước hết, hắn phải ăn ít súp và bật ti vi lên đã.

Ăn ít súp nóng hổi, ngon lành.

Chương 6

Thị trưởng Kennedy—

Kết thúc là đêm. Digger đang chạy rông và hông có cách nào ngăn cản được hắn. Hắn sẽ lại giết - lúc bốn, 8 và Nửa đêm nếu ông không chịu chi.

Tôi đang muốn có 20 triệu \$ đô la tiền mặt, mà ông phải nhét nó vào một cái túi rồi bỏ lại cách đường 66 hai dặm về phía tây Beltway. Ở giữa Đồng. Chỉ cho tôi số tiền đó trước 1200 giờ. Chỉ tôi mới biết cách ngăn Digger. Nếu ông A bắt tôi, hắn sẽ tiếp tục giết chóc. Nếu ông giết tôi, hắn sẽ tiếp tục giết chóc.

Nếu ông không nghĩ tôi là thật, một vài viên đạn Digger sơn màu đen. Chỉ có tôi biết chuyện đó.

Mỗi tài liệu đều có tính cách riêng. Dù có phải là đồ giả hay không thì bức thư của Jefferson đang nằm trong két nhà Parker vẫn mang tính vương giả. Nét chữ bay bướm và cao sang như ngọc hổ phách. Còn bức thư tổng tiền nằm trên bàn giám định của FBI trước mặt anh lại cầu thả và đơn giản.

Tuy nhiên, Parker vẫn giám định nó giống như cách anh tiếp cận bất kỳ câu đố nào: không giả định, không định kiến. Trong khi giải một câu đố, trí não con người sẽ giống như một lớp thạch cao chống khô; ấn tượng đầu tiên luôn tồn tại đến cuối cùng. Anh từ chối đưa ra bất kỳ kết luận nào cho đến khi phân tích xong bức thư. Trì hoãn đánh giá là phần khó khăn nhất trong công việc của anh.

Ba con điều hâu cùng bắt mất gà của bác nông dân...

“Những viên đạn ở Metro thì sao?” Anh hỏi. “Có tìm thấy những viên bị sơn màu không?”

“Có,” Jerry Baker nói. “Khoảng một tá đạn. Sơn màu đen.”

Parker gật đầu. “Có phải tôi vừa nghe anh nói là đã yêu cầu một nhà phân tích tâm lý học ngôn ngữ?”

“Đúng vậy!” Geller gật đầu với màn hình máy tính của mình. “Vẫn đang chờ kết quả từ Quantico.”

Parker nhìn vào chiếc phong bì đã đựng bức thư. Nó được đặt trong bao acetat, gắn trong một chùm những tấm thẻ ‘vật bị tịch thu’ với dòng chữ METSHOOT. Ở mặt trước của phong bì, vẫn cùng nét chữ trong thư, có ghi: – *Gửi ngài thị trưởng - Sự sống và cái chết*

Anh đeo găng cao su vào, không phải vì sợ để lại dấu vân tay, mà là sợ làm hỏng bất kỳ vật chất nào có thể tìm được trên tờ giấy. Anh lấy chiếc kính cầm tay Leitz của mình ra. Nó có đường kính mười lăm centimet với tay cầm bằng gỗ hồng và viền kim loại bóng loáng bao quanh mặt kính hoàn hảo. Parker xem xét nắp phết hồ trên phong bì.

“Chúng ta có gì nào, chúng ta có gì nào, bất cứ điều gì?” Anh khẽ lẩm bẩm. Anh thường nói chuyện một mình mỗi khi phân tích tài liệu. Nếu bọn Who có mặt trong phòng làm việc khi ấy, chúng sẽ tường những câu bình luận của anh là nói với chúng và sẽ rất sung sướng vì được can dự vào công việc của bố.

Những đường gờ mờ nhạt do máy phết hồ để lại không hề được chạm đến.

“Không có nước bọt trên lớp hồ dán,” anh nói rồi tặc lưỡi bức dọc. ADN và các thông tin về huyết học có thể được lấy ra từ dấu vết nước bọt có trên bì thư. “Hắn không dán phong bì.”

Lukas lắc đầu, cứ như Parker đã bỏ qua một chuyện quá hiển nhiên. “Nhưng chúng tôi không cần đến nó, nhớ không? Chúng tôi đã có máu từ thi thể và chạy trên cơ sở dữ liệu ADN rồi. Chẳng có gì cả.”

“Tôi cho là cô đã kiểm tra mẫu máu của tên nghi phạm,” Parker bình thản nói. “Nhưng tôi đã hy vọng Digger liếm phong bì và chúng ta có thể tra cứu mẫu nước bọt của hắn trên máy.”

Sau một thoáng cô thừa nhận, “Ý hay. Tôi đã không nghĩ đến việc đó.”

Không quá tự tôn đến mức chẳng biết xin lỗi, Parker nhận thấy điều ấy. Kể cả khi cô không thực sự ân hận. Anh để phong bì sang một bên và nhìn vào bức thư lần nữa. Anh hỏi, “Mà cái vụ ‘Digger’ này chính xác là gì đây?”

“Phải rồi,” C.P. Ardell nói lớn. “Ở đây, chúng ta có một tên điên chắc?”

Cage khơi mào, “Lại một tên Con trai của Sam khác à? Cái gã Leonard Bernstein ấy?”

(Biệt danh của David Richard Berkowitz – sát thủ đạn 44li – kẻ giết người hàng loạt, bị kết tội các vụ tấn công bằng súng lục ổ quay Bulldog 44 li ở TP NewYork từ tháng 7 năm án về hàng 1976)

“David Berkowitz chứ,” Lukas chỉnh lại trước khi kịp nhận ra đó chỉ là câu nói đùa. C.P. và Hardy cười phá lên. Người ta không bao giờ biết khi nào thì Cage đang trêu họ, Parker nhớ lại. Đặc vụ này thường nói đùa những khi cuộc điều tra lâm vào thế bế tắc nhất. Đó là một kiểu tấm chắn vô hình, giống như của Robby, để bảo vệ con người bên trong đặc vụ Cage. Parker tự hỏi liệu Lukas có những tấm chắn như thế không. Có lẽ, cũng giống Parker, đôi khi cô mặc sẵn giáp trụ từ đầu đến chân, nhưng đôi khi lại giấu tiết nó đi.

“Gọi bên Nghiên cứu Hành vi đi,” Parker nói, “xem họ có gì liên quan đến cái tên ‘Digger’ này không.”

Lukas đồng ý và Cage gọi xuống Quantico.

“Có mô tả nào về xạ thủ không?” Parker hỏi khi nhìn lên từ bức thư.

“Không,” Cage nói. “Rất đáng sợ. Không ai thấy súng, cũng chẳng thấy ánh sáng phát ra từ hòng súng, hay nghe thấy gì khác ngoài tiếng đạn bắn vào tường. À, cả vào người nạn nhân nữa.”

Không tưởng, Parker hỏi, “Vào giờ tan tầm à? Không ai trông thấy gì sao?”

“Hắn ở đó rồi hắn biến mất,” C.P. nói.

Hardy nói thêm, “Như một bóng ma.” Parker liếc nhìn viên thanh tra. Anh ta ăn mặc gọn gàng, dáng người dong dỏng và đẹp trai. Tay đeo nhẫn cưới. Ở anh ta có đủ mọi dấu hiệu chỉ ra một cuộc đời viên mãn. Nhưng anh ta lại toát ra vẻ sầu muộn sao đó. Parker nhớ lại khi anh rời khỏi Cục, chuyên gia tư vấn về vấn đề thôi việc đã giải thích với anh, một cách không cần thiết, về tỷ lệ trầm cảm rất cao trong số những người hành pháp.

“Ma à,” Lukas lăm lăm khó chịu.

Parker lại cúi người xuống bức thư để nghiên cứu lớp giấy lạnh lẽo và dòng mực đen. Anh đọc nó thêm vài lần nữa.

Kết thúc là đêm...

Parker để ý thấy không có chữ ký nào cả. Dường như đó là một quan sát vô vị, chỉ có điều anh từng hỗ trợ nhiều vụ án, trong đó thủ phạm đã thực sự ký tên vào thư đòi tiền chuộc. Một trong những chữ ký ấy là giả, nhằm mục đích đánh lạc hướng cảnh sát (mặc dù chính chữ ký nguệch ngoạc ấy về sau lại là bằng chứng kết tội nghi phạm). Trong một vụ khác, tên bắt cóc trẻ em đã ký tên thật của hắn, có lẽ là vô tình viết xuống trong lúc bối rối sau khi gây án. Thủ phạm đã bị bắt chỉ mười bảy phút sau khi gia đình nạn nhân nhận được yêu cầu đòi tiền chuộc.

Parker đưa chiếc đèn giám định ánh sáng mạnh tới gần bức thư. Cúi đầu xuống. Nghe thấy một lóng xương của mình kêu bộp.

Nói với ta đi, anh lặng lẽ thúc giục mảnh giấy. Kể cho ta nghe bí mật của mi...

Bác nông dân chỉ có một viên đạn trong khẩu súng mà bọn điều hâu thì đứng cách nhau quá xa, nên bác chỉ có thể bắn trúng một con...

Anh tự hỏi nghi phạm có giả mạo chữ viết của mình hay không. Rất nhiều tên tội phạm, chẳng hạn những kẻ bắt cóc đòi tiền chuộc, sẽ cố gắng giả mạo chữ viết của chúng để khiến việc so sánh trở nên khó khăn hơn. Chúng dùng những nét xiên và cách viết chữ kỳ lạ. Nhưng thường thì chúng không thể làm thế một cách trơn tru, các nét số luôn có sự run rẩy, khi ai đó cố làm giả chữ viết của mình. Nhưng ở đây không có nét run nào cả. Đây là nét chữ thật của tên nghi phạm.

Thông thường, bước tiếp theo trong những vụ phân tích chữ viết nặc danh như thế này sẽ là so sánh tài liệu nghi vấn với những tài liệu đã nhận diện, bằng cách cử đặc vụ cầm bản sao bức thư đòi tiền chuộc tới các văn phòng lưu trữ công cộng và đào xới trong đồng hồ sơ để tìm được bản khớp với nó. Không may cho đội đặc nhiệm METSHOOT, hầu hết các hồ sơ lưu trữ công cộng đều được viết bằng chữ hoa, hoặc “dạng bản thảo” (“Vui lòng in ra,” các chỉ dẫn luôn luôn nhắc nhở) mà bức thư lại dùng lối viết thảo. Ngay cả một chuyên gia giám định tài liệu cỡ Parker Kincaid cũng chẳng thể so sánh chữ in với chữ viết thảo.

Nhưng vẫn có một điểm có thể giúp họ tìm kiếm trong đồng hồ sơ công cộng. Chữ viết của một người thường bao gồm các đặc tính chung và riêng biệt. Đặc tính chung là những yếu tố về lối viết mà họ học được từ cách dạy viết ở trường. Nhiều năm trước, nền giáo dục có rất nhiều phương pháp dạy viết chữ cố định và rất dễ phân biệt; một nhà giám định tài liệu có thể thu hẹp vị trí của kẻ tình nghi đến mức độ vùng miền trong nước. Nhưng những hệ thống chữ viết kiểu ấy, chẳng hạn kiểu chữ bay bướm *Bản tay quý bà*, giờ đã biến mất và chỉ còn lại rất ít cách viết, đáng chú ý hơn cả là hệ thống Zaner-Bloser và phương pháp Palmer. Nhưng chúng lại quá chung chung để có thể xác định người viết.

Về phương diện đặc tính riêng biệt thì lại hoàn toàn khác. Có những nét bút nhỏ chỉ mình chúng ta có: cách vẩy nét hoa, cách kết hợp giữa chữ in và chữ viết thảo, những nét số vô thường vô phạt, kiểu như nét gạch ngang ở đường chéo của chữ z hay số 7 chẳng hạn. Đó chính là những đặc tính riêng biệt đã mách nước cho các nhà giám định biết rằng cuốn nhật ký của Hitler ‘được phát hiện’ vài năm về trước thực tế chỉ là đồ giả. Hitler ký họ của mình bằng một chữ H viết hoa rất đặc thù nhưng hắn chỉ dùng nó trong chữ ký, chứ không phải chữ viết nói chung. Kẻ làm giả tài liệu đã dùng chữ H hoa mỹ ấy xuyên suốt cuốn nhật ký, việc mà Hitler thật sẽ chẳng bao giờ làm.

Parker tiếp tục lướt chiếc kính cầm tay trên bức thư tổng tiền, tìm xem tên nghi phạm có bất kỳ đặc tính riêng biệt nào trong cách viết hay không.

Ba ời, trông ba kỳ quá. Cứ như Sherlock Holmes ấy...

Rốt cuộc anh cũng phát hiện ra một thứ.

Dấu chấm trên chữ i viết thường.

Hầu hết những dấu chấm trên chữ i và j đều được hình thành bằng cách gõ ngòi bút trực tiếp lên mặt giấy, nếu ai đó viết nhanh, chúng sẽ tạo thành nét gạch ngang với vết chấm phía bên trái và đuôi mờ phía bên phải.

Nhưng tên nghi phạm của vụ METSHOOT lại tạo ra một dấu khác thường phía trên các chữ i, đuôi dấu chấm hướng thẳng lên trên, khiến nó trông giống như một giọt nước rơi xuống. Nhiều năm trước, Parker đã nhìn thấy kiểu chấm tương tự, trong loạt thư do một tên biến thái gửi tới người phụ nữ mà sau này hắn đã sát hại. Những lá thư được viết từ máu của chính tên sát thủ. Parker đã đặt biệt danh cho dấu chấm ấy là ‘giọt lệ quý’ và mô tả về nó trong một cuốn sách của anh về đề tài giám định tài liệu.

“Phát hiện ra một điều,” anh nói.

“Cái gì?” Cage hỏi.

Parker giải thích về dấu chấm và tên anh đã đặt cho nó.

“Giọt lệ quý à?” Lukas hỏi. Có vẻ cô không thích cái tên. Anh đoán cô cảm thấy thoải mái hơn với khoa học và các dữ liệu chính xác. Anh nhớ lại cô từng có phản ứng tương tự khi Hardy nói rằng tên Digger giống như một bóng ma. Cô vươn người tới trước. Mái tóc vàng cắt ngắn xõa xuống và phần nào che bớt khuôn mặt cô. “Có liên hệ gì với thủ phạm của anh không?” Cô hỏi. “Trong vụ bầm đuôi phụ nữ ấy?”

“Không, không,” Parker nói. “Tên kia đã bị hành quyết từ nhiều năm trước rồi. Nhưng cái này... anh gạt đầu về phía tờ giấy..., có thể là chìa khóa để tìm ra nơi ở của cậu bé của chúng ta.”

“Bằng cách nào?” Jeny Baker hỏi.

“Nếu chúng ta có thể thu hẹp phạm vi tìm kiếm xuống một hạt, hay tốt hơn nữa, một khu dân cư thì chúng ta sẽ có thể điều tra các hồ sơ công cộng.”

Hardy khẽ bật cười. “Anh thực sự tìm được người ta theo cách đó à?”

“Ồ, có chứ. Anh biết Michele Sindona không?” C.P. lắc đầu.

Hardy liền hỏi “Ai cơ?”

Lukas lục lại từ lưu trữ hồ sơ tội phạm rõ ràng là rất lớn trong đầu mình và nói, “Gã chuyên gia tài chính phải không? Kẻ quản lý tiền của Vatican?”

“Đúng. Lão ta bị bắt vì lừa đảo tín dụng, nhưng đã biến mất ngay trước phiên tòa. Vài tháng sau, lão tái xuất hiện và tuyên bố mình đã bị bắt cóc, bị ném vào ô tô và đưa đến một nơi không xác định. Nhưng lại có tin đồn rằng lão chẳng hề bị bắt cóc mà đã trốn đến Ý, rồi trở lại New York, tôi nghĩ chính một nhà giám định ở hạt Southern đã lấy được mẫu chữ viết tay của Sindona và phát hiện ra lão có kiểu viết điệu dàng riêng: Lão chấm một chấm bên trong vòng tròn mỗi khi viết số 9. Các đặc vụ đã tra cứu trong hàng ngàn biên bản khai báo hải quan trên các chuyến bay từ Ý tới New York. Cuối cùng họ tìm được một dấu chấm trong chữ số 9 trên dòng địa chỉ do một hành khách khai. Hóa ra, vị khách này đã dùng tên giả. Và họ lấy được dấu vân tay của Sindona từ đó.”

“Trời ơi,” C.P. lẩm bẩm, “bị bắt chỉ vì một dấu chấm. Thứ nhỏ nhất như thế.”

“Ồ,” Parker nói, “thường thì chính những thứ nhỏ nhất khiến bọn tội phạm sảy chân. Không phải lúc nào cũng vậy nhưng khá thường xuyên.”

Anh đặt bức thư dưới chiếc máy soi VSC. Thiết bị này dùng những nguồn sáng khác nhau, từ tử ngoại đến hồng ngoại, cho phép các nhà giám định nhìn qua lớp tẩy xóa và thấy được những chữ cái đã bị xóa trước đó. Parker tò mò muốn biết chữ bị gạch đi ở trước từ “bắt” là gì. Anh soi toàn bộ bức thư nhưng không tìm được vết tẩy xóa nào ngoài vết đó. Sau đó, anh kiểm tra phong bì và cũng chẳng thấy vết nào nữa cả.

“Anh tìm được gì?”

“Một phút nữa tôi sẽ nói cho ông biết. Đừng có theo tôi sát sàn sạt thế, Cage.”

“Đã hai giờ hai mươi rồi,” viên đặc vụ nhắc nhở.

“Tôi biết xem giờ, cảm ơn ông,” Parker lẩm bẩm. “Bọn trẻ của tôi đã dạy tôi rồi.”

Anh bước tới chỗ thiết bị phát hiện tĩnh điện. Chiếc ESDA được dùng để kiểm tra các tài liệu hồng ngoại được chữ viết hoặc dấu vết in hằn trên giấy khi người nào đấy viết lên đó. Lúc đầu người ta phát triển thiết bị ESDA để lấy dấu vân tay trên các tài liệu. Nhưng hóa ra, nó hoàn toàn vô dụng đối với mục đích ấy, bởi vì nó cũng làm hiện lên cả những chữ ẩn, và như vậy sẽ che mất các dấu vân tay. Trên các show truyền hình, vị thám tử thường tô bút chì trên mảnh giấy để tìm ra những chữ cái hằn lên. Ở đời thực các nhà giám định tài liệu không đời nào làm vậy; việc đó có thể hủy hoại phần lớn các chữ ẩn. Chiếc máy ESDA làm việc như một máy photocopy, làm lộ ra những chữ cái in hằn cách đến mười mặt giấy.

Không ai hiểu được tường tận tại sao ESDA hoạt động hiệu quả đến vậy, nhưng chẳng nhà giám định tài

liệu nào lại có thể thiếu nó. Đã có lần Parker được thuê phân tích một bản di chúc do nhà tài phiệt giàu có đã chết để lại, trong đó ông ta tước quyền thừa kế của tất cả con cháu nhưng lại trao toàn bộ tài sản cho một cô hầu trẻ. Parker suýt nữa đã tuyên bố nó là thật. Chữ ký trên bức thư rất hoàn hảo, ngày tháng trên di chúc và phụ lục rất logic. Nhưng chiếc máy ESDA đời mới nhất của anh đã làm hiện lên dòng chữ có dụng ý là “cái này có thể lừa được bọn ngốc.” Cô hầu về sau đã buộc phải khai nhận chuyện mình thuê người làm giả chúc thư.

Lúc này, Parker đang đưa bức thư tổng tiền vào máy, anh nhấc tấm nhựa lên và kiểm tra tờ giấy.

Không có gì

Anh thử với phong bì. Parker giờ lột giấy mỏng ra và giờ trước ánh sáng trước khi cảm thấy một cú thúc mạnh trong dạ dày lúc trông thấy nét chữ viết tay màu xám tinh tế.

“Tuyệt!” Anh reo lên thích thú. “Chúng ta đã tìm được một thứ.”

Lukas vươn người tới và Parker ngửi thấy hương thơm thoang thoảng. Nước hoa à? Không. Tuy mới quen cô được một giờ nhưng anh dám chắc cô không phải kiểu người thích dùng nước hoa. Có lẽ đó là mùi xà phòng thơm.

“Chúng ta có vài vết chữ ẩn,” Parker nói. “Tên nghi phạm đã viết gì đấy trên một mảnh giấy đặt đè lên phong bì này.”

Parker giờ tờ kính điện bằng cả hai tay và lộn nó lại để chữ hiện lên rõ hơn. “Được rồi, ai đó làm ơn ghi lại. Từ đầu tiên, Chữ c-l-c viết thường, rồi đến một khoảng trống. Chữ M viết hoa, chữ c viết thường. Hết rồi.”

Cage viết các chữ cái trên một tờ giấy ghi chú màu vàng và nhìn vào. “Nó có nghĩa gì?” Viên đặc vụ nhún vai bối rối.

C.P. gãi tai mình và nói, “chẳng hiểu gì cả.”

Geller, “Nếu không phải bit và byte thì tôi chịu chết.”

Lukas cũng lắc đầu.

Nhưng Parker chỉ cần liếc một lần vào các chữ cái là hiểu ngay lập tức. Anh ngạc nhiên vì sao không ai hiểu ra.

“Đó là hiện trường đầu tiên.”

“Ý anh là sao?” Jerry Baker hỏi.

“Đúng rồi,” Lukas nói. “Dupont C-i-r-c-l-e, chữ M viết hoa trong Metro.”

“Ừ nhỉ,” Hardy thì thầm.

Câu đố nào khi giải xong mà chả thấy dễ.

“Địa điểm đầu tiên,” Parker lầm bầm. “Nhưng bên dưới vẫn còn chữ gì đấy. Cô có nhìn thấy không? Có đọc được không?” Anh chuyển mặt giấy lần nữa, giờ nó ra cho Lukas. “Chúa ơi, cái này khó nhìn quá!”

Cô cúi xuống và đọc. “Có ba chữ cái. Tôi chỉ nhận ra có thể. Chữ t-e-l viết thường.”

“Còn gì khác không?” Hardy hỏi.

Parker nheo mắt. “Không, chẳng còn gì.”

“t-e-l,” Lukas lầm bầm.

“Điện thoại, công ty điện thoại, hay viễn thông?” Cage hỏi. “Ti vi?”

C.P. đoán, “Có thể chúng sẽ tấn công một trường quay nào đấy đang lên sóng chẳng hạn.”

“Không, không,” Parker nói. “Hãy nhìn vị trí của những chữ cái trong chuỗi c-l-e M-e. Nếu gã đang viết trên những hàng tương đối ổn định thì chữ t-e-l sẽ xuất hiện ở cuối từ.” Rồi Parker luận ra. Anh nói, “Đó là một...”

Lukas buột miệng, “Khách sạn (hotel). Mục tiêu tiếp theo là một cái khách sạn.”

“Đúng rồi.”

“Hoặc nhà trọ (motel),” Hardy gợi ý.

“Không,” Parker nói. “Tôi không nghĩ vậy. Tên xạ thủ cần đám đông. Nhà trọ không đủ để đáp ứng. Tất cả những sự kiện của đêm nay đều diễn ra trong các phòng hội nghị của khách sạn lớn.”

“Và,” Lukas nói thêm, “có thể hẳn sẽ chọn đi bộ hoặc dùng phương tiện công cộng. Nhà trọ thường nằm ở khu vực ngoại ô. Đêm nay giao thông quá tệ nên hẳn không thể di chuyển bằng ô tô được.”

“Tuyệt lắm,” Cage nói rồi chỉ ra, “nhưng trong thành phố này để có đến hai trăm cái khách sạn.”

“Làm sao chúng ta thu hẹp phạm vi xuống được?” Baker hỏi.

“Theo tôi, ta nên tìm ở những khách sạn lớn...” Parker gật đầu về phía Lukas. “Cô nói đúng... có lẽ là gần các nơi có phương tiện di chuyển công cộng và đông dân cư.”

Baker thả phịch cuốn Những trang vàng xuống bàn. “Chỉ trong nội đô D.C. thôi hả?” Anh ta mở sách ra. C.P. Ardell đi đến và bắt đầu nhìn qua vai chuyên gia tác chiến.

Parker cân nhắc câu hỏi. “Chúng tổng tiền D.C. chứ không phải bang Virginia hay Maryland. Tôi cho là nên tập trung vào D.C. thôi.”

“Đồng ý,” Lukas nói, “Chúng ta cũng nên loại hết những chỗ có chữ ‘Khách sạn’ ở đầu, chẳng hạn như

‘Khách sạn New York’. Bởi vị trí của các chữ cái trên phong bì. Và cũng chẳng cần tìm Nhà trọ (inn) hay Nhà nghỉ (lodge).”

Cage và Hardy cùng kết hợp với C.P. và Baker. Cả bốn người cúi đầu trên cuốn danh bạ. Họ bắt đầu khoanh tròn các lựa chọn, bàn xem cái này hay cái kia hợp lý hơn.

Sau mười phút, họ đã có một danh sách gồm hai mươi hai khách sạn. Cage ghi lại tên chúng bằng nét chữ chính xác của ông và đưa tờ danh sách ấy cho Jerry Baker.

Parker gợi ý, “Trước khi cử người tới những chỗ ấy, anh hãy gọi điện trước rồi hỏi xem đêm nay ở đó có sự kiện nào cho các chính khách và nhà ngoại giao không. Chúng ta có thể loại các địa điểm đó ra.”

“Tại sao?” Baker hỏi.

Lukas trả lời, “Vệ sĩ có vũ trang, đúng không?”

Parker gật đầu. “Còn Sở mật vụ nữa. Nghi phạm sẽ tránh những điều ấy.”

“Đúng rồi,” Baker nói và vội rời khỏi phòng, vừa đi vừa mở điện thoại.

Nhưng kể cả khi đã loại bớt chừng ấy, họ vẫn còn bao nhiêu điểm đến nữa? Parker tự hỏi.

Rất nhiều. Quá nhiều.

Quá nhiều giải pháp khả thi...

Ba con điều hâu cùng bắt mất gà của bác nông dân...

Chương 7

Kính thưa đồng bào...

Họ phủ phẩn lên trán ông, nhét tai nghe vào tai ông và bật những ngọn đèn sáng lóa.

Trong ánh sáng chói lòa, Thị trưởng Jerry Kennedy chỉ có thể nhận ra vài khuôn mặt khuất trong bóng tối của phòng Tin tức WPLT, đặt ngay phía sau Dupont Circle.

Kia là vợ ông, bà Claire. Rồi đến thư ký báo chí của ông. Và cả Wendell Jefferies.

Kính thưa đồng bào, Kennedy tập sấn trong đầu. Tôi muốn đảm bảo với các bạn rằng lực lượng cảnh sát của thành phố chúng ta và FBI, không, các nhà chức trách liên bang đang làm mọi việc trong khả năng của họ để tìm ra thủ phạm, không, tìm ra những kẻ chịu trách nhiệm trong vụ xả súng kinh hoàng này.

Một trong những nhà sản xuất chính của đài, một người đàn ông gầy gò với bộ râu trắng được tia tốt gọn gàng bước đến chỗ ngài thị trưởng và nói, “Tôi sẽ đếm ngược bảy giây cho ngài. Sau khi đếm đến bốn, tôi sẽ chỉ dùng ngón tay. Khi đến số một, ngài hãy nhìn vào máy quay. Ngài đã từng làm việc này rồi mà.”

“Tôi làm rồi.”

Nhà sản xuất nhìn xuống và không thấy có tờ giấy nào trước mặt Kennedy. “Ngài không có gì để nhắc vở à?”

“Trong đầu tôi rồi.”

Nhà sản xuất khẽ cười. “Giờ chẳng ai làm vậy cả.”

Kennedy làu bàu... chịu trách nhiệm cho tội ác kinh hoàng này. Và để nói với kẻ đang ở ngoài đó, tôi yêu cầu các người làm ơn, làm ơn... không, chỉ một chữ làm ơn thôi... Tôi yêu cầu các người làm ơn liên lạc lại để chúng ta có thể tiếp tục đối thoại. Vào ngày hôm nay, ngày cuối cùng của một năm đầy rẫy những khó khăn, hãy gạt bỏ bạo lực lại sau lưng chúng ta và cùng nhau hợp tác để không còn chết chóc nữa. Làm ơn hãy liên lạc trực tiếp với tôi... không... Làm ơn gọi trực tiếp cho tôi hoặc gửi một tin nhắn...

“Năm phút,” nhà sản xuất gọi.

Kennedy vẫy tay bảo thợ trang điểm rời đi và ra hiệu cho Jefferies tới chỗ mình. “Cậu nghe tin tức gì từ phía FBI chưa? Bất kỳ cái gì?”

“Không có gì cả. Chẳng một lời nào.”

Kennedy không tin nổi. Đã mấy tiếng rồi, hạn chót tiếp theo đang đến gần, vậy mà lần liên lạc duy nhất của ông với bên Cục chỉ là cuộc điện thoại ngắn gọn do một thanh tra Sở cảnh sát D.C. tên Len Hardy gọi tới, thay mặt đặc vụ Margaret Lukas, yêu cầu Kennedy lên sóng để cầu xin tên sát nhân. Kennedy bực tức nhớ lại rằng cái cô Lukas ấy còn không buồn đích thân gọi điện cho mình. Anh chàng cảnh sát quận Hardy, có vẻ đã bị mấy người bên Cục dọa dẫm, trong khi nhiệm vụ của anh ta chính là điều phối công việc với họ, lại chẳng biết chút gì về cuộc điều tra, hay chính xác hơn là không được phép tiết lộ bất cứ điều gì. Ông đã cố gọi cho Lukas nhưng cô ta dường như quá bận rộn, nên chẳng thể nghe điện. Cả Cage cũng vậy. Ngài thị trưởng có nói chuyện ngắn gọn với người đứng đầu Sở cảnh sát Đặc khu, nhưng ngoài chuyện cung cấp nhân lực để làm việc dưới trướng FBI, ông ta cũng chẳng liên quan gì đến vụ việc.

Kennedy giận điên người. “Họ không coi chúng ta ra gì. Chúa ơi. Tôi muốn làm gì đó. Ý tôi là, ngoài việc này.” Ông chỉ tay về phía máy quay. “Nghe cứ như tôi đang cầu xin vậy.”

“Đó mới là vấn đề,” Wendell Jefferies thừa nhận, “tôi đã tổ chức họp báo nhưng phân nửa các đài và hãng báo chí đều không cử người đến. Tất cả bọn họ còn đang cắm trại bên phố Ninth, chờ cho ai đó của Cục điều tra nói chuyện với mình.”

“Cứ như phía thành phố không tồn tại vậy, cứ như tôi đang ngồi lên hai bàn tay của chính mình.”

“Nhìn vào thì đúng là thế đấy.”

Nhà sản xuất bắt đầu đi về phía ông nhưng thị trưởng mỉm cười lịch sự với ông ta. “Một phút nữa.” Ông ta liền lui vào bóng tối.

“Thế nào?” Kennedy hỏi trợ lý của mình. Ông đã trông thấy tia nhìn láu cá đằng sau cặp kính Armani của chàng trai trẻ.

“Đã đến lúc lấy lại vị thế của mình,” Jefferies thì thầm. “Tôi có thể làm được. Thật đấy. Tôi biết phải xử lý việc này thế nào.”

“Tôi không...”

“Tôi cũng chẳng muốn làm thế này đâu,” Jefferies nóng nảy nói, anh ta chưa bao giờ ngần ngại khi đưa

ra lời khuyên cho ông chủ của mình, “nhưng chúng ta không còn lựa chọn nào khác. Ngài đã nghe bình luận trên đài WTGN rồi đấy.”

Tất nhiên là ông đã nghe. Đài phát thanh nổi tiếng với nửa triệu thính giả ở khu vực trung tâm ấy đã cho đọc một bài xã luận, nói về việc Kennedy hứa hẹn đoạt lại đường phố Washington từ tay lũ tội phạm ra sao trong chiến dịch tranh cử, ấy thế mà lại vội vã trả hàng chục triệu tiền chuộc cho bọn khủng bố ngày hôm nay. Bình luận viên của đài, một nhà báo già cẩu kính, lại còn trích dẫn những lời hứa khác của Kennedy về việc quét sạch bệnh tham nhũng ở Đặc khu, trong khi ông ta hoàn toàn không biết gì mà thậm chí còn có thể tham dự vào vụ bê bối xây dựng của ủy ban Giáo dục.

Jefferies nhắc lại, “Chúng ta thực sự không còn lựa chọn nào khác, Jerry.”

Ngài thị trưởng suy nghĩ một lát. Như mọi khi, trợ lý của ông nói đúng. Kennedy đã thuê cậu ta là vì, với tư cách một thị trưởng da trắng, ông cần đến một trợ lý da màu cao cấp. Ông đã không hề hối hận bởi lựa chọn thuê người mang tính chiến thuật ấy. Nhưng ông đã rất kinh ngạc vì chàng trai trẻ này sở hữu một khả năng phán đoán chính trị khác thường so với những người xuất thân bình dân.

Trợ lý của ông nói, “Đến lúc phải mạnh tay rồi, Jerry. Có quá nhiều thứ hiện đang bị đe dọa.”

“Được rồi, cứ làm những việc cậu phải làm.” Ông chẳng cần nói thêm, “Hãy cẩn trọng,” bởi biết rằng Jefferies luôn như vậy.

“Hai phút,” một giọng nói phía trên vang lên.

Kennedy nghĩ tới Digger đang ở đâu? Ở đâu? Ông nhìn vào chiếc máy quay tối om và cứ nhìn mãi như thế, tựa hồ bằng cách nào đó ông có thể nhìn xuyên qua ống kính và dây cáp tới màn hình ti vi nào đó mà trông thấy Digger. Ông nghĩ về tên sát nhân, Mi là ai? Và tại sao mi cùng với đồng phạm chọn ghé thăm thành phố của ta cứ như thân báo tử?

Trên tinh thần hòa bình, vào ngày cuối năm này, hãy liên hệ với tôi để chúng ta có thể đi đến thấu hiểu nhau... Làm ơn...

Jefferies cúi sát bên tai thị trưởng. “Nhớ là,” anh ta nói, vung tay khắp đài truyền hình, “nếu hãn đang lắng nghe, tên sát thủ ấy, thì đây sẽ là kết thúc cho mọi chuyện. Có lẽ hãn sẽ đến lấy tiền và chúng ta sẽ tóm được hãn.”

Trước khi Kennedy kịp trả lời, một giọng nói trên cao đã la lên, “Một phút.”

* * * * *

Digger có một chiếc túi mua hàng mới.

Đỏ rực và có không khí Giáng sinh, in đầy hình ảnh những chú cún con được buộc nơ quanh cổ. Digger đã mua cái túi ở một cửa hàng Hallmark. Đó là kiểu túi sẽ khiến hãn cảm thấy tự hào, mặc dù hãn không chắc tự hào nghĩa là gì. Hãn không chắc về rất nhiều thứ kể từ khi một viên đạn xuyên qua sọ hãn, đốt cháy một ít chất xám và để lại những thứ khác.

Chuyện ấy xảy ra thật buồn cười. Buồn cười vì...

Buồn cười...

Digger ngồi trên chiếc ghế bành êm ái trong phòng trọ rẻ tiền của hãn, với ly nước và bát súp trống không bên cạnh.

Hãn đang xem ti vi.

Có gì đó trên màn hình. Một đoạn quảng cáo. Giống đoạn quảng cáo hãn còn nhớ là mình đã xem sau khi viên đạn đục thủng một lỗ phía trên mắt hãn và nhảy múa lung tung trong cái *hộp sọ sọ sọ* của hãn. (Ai đó đã mô tả về viên đạn như vậy. Hãn không nhớ là ai. Có lẽ một người bạn, hoặc là người chỉ dạy hãn mọi điều. Rất có khả năng.)

Có gì đó nhấp nháy trên màn hình. Nó gợi lại một ký ức khô khan, từ rất lâu rồi. Hãn đang xem một đoạn quảng cáo, còn lù chó thì đang ăn thức ăn dành riêng cho mình, giống những chú cún trên cái túi của hãn vậy. Hãn đang xem quảng cáo khi người chỉ dạy hãn mọi điều nắm lấy tay Digger và họ cùng đi dạo thật lâu. Anh ta đã bảo hãn rằng khi Ruth ở một mình... “Anh biết Ruth chứ?”

“Tôi, ừm, có biết Ruth.”

Khi Ruth ở một mình, Digger phải đập vỡ tấm gương rồi tìm một mảnh kính và cửa vào cổ cô ấy.

“Ý anh là...” Digger không nói nữa.

“Ý tôi là anh nên đập vỡ tấm gương và tìm một mảnh kính dài, sau đó anh nên cửa vào cổ Ruth. Ý tôi còn là gì được nữa?”

“Tôi nên đập vỡ tấm gương và tìm một mảnh kính dài, sau đó tôi nên cửa vào cổ cô ấy.”

Có những điều mà Digger ghi nhớ cứ như chính Chúa trời đã viết nó vào trong não của hắn.

“Tốt,” người đó nói.

“Tốt,” Digger nhắc lại. Và hắn đã làm đúng như được bảo. Việc ấy khiến người chỉ dạy hắn mọi điều rất vui. Dù vui nghĩa là gì.

Giờ thì Digger đang ngồi, với chiếc túi có hình chó con đặt trên đùi, trong phòng một nhà nghỉ dành cho khách lái xe, có gian bếp, miễn phí cáp truyền hình, và giá cả phải chăng. Hắn nhìn vào bát súp của mình. Chiếc bát đã trống không nên hắn là hắn không đói nữa. Hắn nghĩ mình khát nên uống một ít nước.

Một chương trình khác đang phát trên ti vi. Hắn đọc chữ, lẩm nhẩm thành lời, “Bản tin đặc biệt.” Hừm. Hừm. “Đây là...”

Click. Đây là...

Click.

Bản tin đặc biệt của đài WPLT.

Quan trọng đây. Mình nên nghe.

Một người đàn ông mà Digger biết mặt xuất hiện trên sóng truyền hình. Hắn đã trông thấy ảnh của người này. Đó là...

“Thị trường của Washington D.C., Gerald D. Kennedy” là những chữ hiện trên màn hình.

Ngài thị trường đang nói và Digger lắng nghe.

“Kính thưa đồng bào, xin chào! Như tất cả các bạn đều đã biết, một tội ác kinh khủng đã xảy ra sáng nay tại ga tàu Metro Dupont Circle, và bi kịch ấy đã cướp đi sinh mạng của nhiều người. Vào thời điểm này, một hay nhiều tên sát nhân vẫn chưa bị bắt. Nhưng tôi muốn đảm bảo với các bạn rằng lực lượng cảnh sát của chúng ta cùng các nhà chức trách liên bang đang làm hết khả năng của họ để chắc chắn rằng tội ác tương tự sẽ không tái diễn.

“Với những kẻ chịu trách nhiệm cho nỗi tang thương này, tôi thành tâm yêu cầu các người, làm ơn, làm ơn hãy liên lạc với tôi. Chúng ta cần tái thiết lập liên lạc để tiếp tục đối thoại. Vào thời điểm này, đêm cuối cùng của năm cũ, hãy gạt bỏ bạo lực lại sau lưng và cùng nhau hợp tác để không còn chết chóc hay đổ máu nữa. Chúng ta có thể...”

Chán...

Digger tắt ti vi. Hắn thích những đoạn quảng cáo thức ăn cho chó với những chú cún dễ thương hơn nhiều. Quảng cáo ô tô cũng được. Ôi, mỗi ngày người ta... Digger gọi vào hòm thư thoại của hắn và bấm mã, một-hai-hai-năm. Ngày Giáng sinh.

Người phụ nữ có giọng không giống Pamela vợ hắn mà giống Ruth hơn, tất nhiên đấy là trước khi mảnh gương xuyên vào cổ họng cô ta, nói rằng hắn không có tin nhắn mới nào.

Như vậy có nghĩa là đã đến lúc hắn phải làm việc mà người chỉ dạy hắn mọi điều đã bảo.

Nếu bạn làm đúng như những gì được bảo, đó là việc tốt. Họ sẽ thích bạn. Họ sẽ ở bên bạn mãi mãi.

Họ sẽ yêu bạn.

Dù yêu nghĩa là gì.

Giáng sinh an lành, Pamela, anh có thứ này cho em... Và em cũng có gì đó cho anh! Ôi trời, ôi trời..., một món quà.

Click, click.

Trên tay em có bông hoa vàng đẹp quá, Pamela. Cảm ơn về cái áo khoác. Giờ thì Digger khoác áo vào, nó có màu đen hoặc màu xanh. Hắn yêu chiếc áo này.

Hắn mang bát súp của mình vào bếp và đặt vào bồn rửa.

Hắn lại thắc mắc tại sao mình chưa nghe tin gì từ người chỉ dạy hắn mọi điều. Người đã bảo rằng có thể anh ta sẽ không gọi, nhưng Digger vẫn cảm thấy tâm trí mình hơi lẩn cấn và thấy tiếc vì không được nghe giọng người đàn ông ấy. Ta buồn chẳng? Hừm. Hừm.

Hắn tìm đôi găng tay của mình, chúng rất đẹp, ở mặt sau ngón tay còn có những đường gân. Mùi của chúng khiến hắn nhớ về điều gì đó trong quá khứ, nhưng không thể nhớ rõ là gì. Hắn mang găng tay cao su khi nạp đạn vào khẩu Uzi. Nhưng mùi cao su dờ dẹt. Hắn đeo găng da khi mở cửa chính, chạm vào những thứ ở gần nơi mình đã xả súng và nhìn người ta ngã xuống như lá lìa cành trong rừng.

Digger cài khuy áo khoác, chiếc áo màu xanh, hoặc màu đen.

Hắn lại hít hà găng tay của mình.

Buồn cười thật.

Hắn đặt khẩu súng và thêm đạn vào chiếc túi hình chó con.

Bước ra ngoài phòng trọ của mình, Digger đóng cửa lại sau lưng. Khóa thật cẩn thận, đúng như người ta bảo. Digger biết rất nhiều về cách thức bạn phải làm điều gì đó.

Chẳng hạn như găm một mảnh gương vào cổ người phụ nữ. Mua cho vợ một món quà. Ăn súp. Tìm một chiếc túi mua hàng sáng bóng. Cái nào có hình chó con ở trên ấy.

“Sao lại là chó con?” Digger từng hỏi.

“Chỉ vì thế thôi,” người chỉ dạy hăn mọi điều nói.
Và thế là hăn mua một cái túi như vậy.

Chương 8

Parker Kincaid ngồi trên chiếc ghế xoay màu xám mà chính anh đã lấy về từ phòng GSA nhiều năm trước, và làm một việc mà rất ít nhà giám định tài liệu nghi vấn chịu làm.

Anh đọc tài liệu.

Anh đọc đi, đọc lại đến cả chục lần.

Parker tin rằng nội dung của tài liệu tự nó sẽ hé lộ nhiều điều về tác giả. Có lần anh được yêu cầu chứng thực lá thư được cho là của Abraham Lincoln gửi Jefferson Davis, trong đó Lincoln gợi ý rằng nếu phe liên minh miền Nam chịu đầu hàng, ông sẽ cho phép một số bang được ly khai.

Vị giám đốc của Hiệp hội sử gia Hoa kỳ đã hoảng hốt gửi cho Parker bức thư ấy, nếu là thật, nó sẽ làm xáo trộn lịch sử nước Mỹ. Các nhà khoa học đã kết luận rằng tờ giấy được sản xuất vào những năm 1860 và loại mực được dùng là sắt galat, cũng thuộc về thời đại ấy. Tài liệu cho thấy mức độ thẩm thấu của mực vào các thớ giấy với trị số đúng và nó cũng được viết ra bằng nét chữ đặc trưng của Lincoln.

Nhưng Parker thậm chí còn chẳng lấy chiếc kính lúp của mình ra để kiểm tra các điểm đầu và cuối của mỗi nét vẩy bút, mà chỉ cần đọc nó một lượt là đã viết ngay vào bản báo cáo phân tích, “Tài liệu này có nguồn gốc đáng ngờ.”

Nó chẳng khác nào một lời chào khinh miệt trong ngôn ngữ của các nhà giám định tài liệu.

Lý do ư? Lá thư được ký tên “Abe Lincoln.” Vị tổng thống thứ mười sáu ghét cay ghét đắng cái tên Abe và sẽ không bao giờ dùng nó để ám chỉ mình, đó là chưa nói tới chuyện ký vào một văn kiện quan trọng bằng biệt danh ấy. Kẻ làm giả bức thư sau đó đã bị bắt, bị buộc tội và cho hưởng án treo như thường thấy trong các trường hợp làm giả tài liệu khác.

Lúc này đây, trong khi đọc lại bức thư tổng tiền, Parker ghi chép cẩn thận cú pháp, trật tự các câu và thành phần cấu tạo câu, ngữ pháp của tên nghi phạm, cũng như tổng thể cách hành văn của gã.

Hình ảnh đầu tiên về linh hồn của gã đàn ông đã viết bức thư này dần hiện lên trong lúc gã đang nằm lạnh cóng bất động bên dưới họ sáu tầng lầu trong nhà xác của FBI.

Tobe Geller gọi, “Có rồi này.” Cậu ta vươn người sang. “Báo cáo tâm lý học ngôn ngữ bên Quantico gửi sang.”

Parker nhìn chằm chằm vào màn hình. Anh cũng đã quen với loại báo cáo phân tích từ máy tính này khi còn là trưởng phòng phòng Tài liệu. Toàn bộ nội dung của bức thư đe dọa, các câu cú, thành phần cấu tạo, các dấu chấm câu, được nhập vào máy tính; đến lượt mình nó sẽ phân tích lá thư và so sánh với cơ sở dữ liệu trong một cuốn “từ điển đe dọa” khổng lồ, chứa hơn hai trăm năm mươi nghìn từ, rồi tiếp tục với cuốn từ điển tiêu chuẩn chứa hàng triệu từ. Một chuyên gia sẽ làm việc song song với máy để so sánh lá thư với các lá thư khác trong cơ sở dữ liệu để xác định xem có phải chúng do cùng một người viết ra hay không.

Các nhóm tính cách cụ thể của người viết cũng sẽ được xác định theo cách này.

Geller đọc, “Hồ sơ tâm lý học ngôn ngữ của nghi phạm số 12-31A (đã chết), vụ METSHOOT. Dữ liệu cho thấy nghi phạm nêu trên sinh ra ở nước ngoài và đã di cư vào nước ta từ hai đến ba năm. Không được học hành và có lẽ chỉ học không quá hai năm tại một nơi tương tự như trường phổ thông ở Mỹ. Chỉ số IQ có thể vào khoảng một trăm, cộng trừ mười một điểm. Lời đe dọa trong tài liệu gốc không khớp với bất cứ thư đe dọa nào có trong dữ liệu hiện tại. Tuy nhiên, ngôn ngữ đồng nhất với những lời đe dọa thực sự đầy vụ việc đến mức tội ác tổng tiền và khủng bố.”

Cậu ta in ra một bản rồi đưa cho Parker.

“Nước ngoài à,” Lukas nói. “Tôi biết mà.” Cô giơ một bức ảnh chụp thi thể nghi phạm tại hiện trường gã bị chiếc xe tải cán chết lên xem, “Tôi thấy giống người Trung Âu lắm. Serbia, Séc hoặc Slovakia.”

“Gã đã gọi điện đến Tòa thị chính,” Len Hardy nói. “Chẳng phải họ ghi lại các cuộc gọi sao? Chúng ta có thể nghe xem giọng hắn có gì đặc biệt không?”

Parker nói, “Tôi cá là gã có dùng máy biến âm, đúng không?”

“Đúng,” Lukas xác nhận. “Cứ như giọng trong phim *Bạn có thư vậy*.”

Geller nói, “Chúng ta nên gọi cho đội IH “.

Phân ban Án mạng quốc tế và Khủng bố của Cục điều tra.

Nhưng Parker lại vo viên tờ báo cáo tâm lý ngôn ngữ rồi ném vào sọt rác.

“Sao...?” Lukas cắt lời.

Từ cổ họng của C.P. Ardell phát ra một âm thanh chỉ có thể gọi là cười hô hố.

Parker nói, “Thứ duy nhất họ nói đúng là mỗi nguy này có thực. Nhưng chúng ta biết điều đó rồi, phải không nào?”

Chẳng buồn nhìn lên từ chỗ bức thư anh nói, “Tôi không bảo là ta chẳng nên gọi IH vào cuộc, nhưng tôi dám nói nghi phạm không phải người nước ngoài và chắc chắn là cực kỳ thông minh. Tôi cho rằng IQ của gã phải trên một trăm sáu mươi.”

“Dựa vào đâu mà anh nói thế?” Cage hỏi, phẩy tay về phía bức thư. “Đến cháu tôi còn viết tốt hơn thế này.”

“Tôi ước gì gã ngu hơn,” Parker nói. “Như thế sẽ bớt đáng sợ hơn rất nhiều.” Anh gõ vào bức ảnh của nghi phạm. “Chắc chắn là có chút dòng máu châu Âu, nhưng hẳn phải cỡ thể hệ thứ tư. Gã cực kỳ thông minh, có ăn học đàng hoàng, có lẽ còn học trường tư, và tôi nghĩ gã dành rất nhiều thời gian bên máy tính. Địa chỉ thường trú của gã có lẽ là nơi nào đó ngoài khu vực này, gã chỉ thuê nhà ở đây thôi. Ô, gã là một bệnh nhân rối loạn nhân cách xã hội điển hình.”

Tiếng cười của Margaret Lukas nghe gần như lời phi báng. “Anh lấy thông tin ấy ở đâu?”

“Nó nói cho tôi biết,” Parker nói đơn giản. Gõ gõ vào lá thư.

Với tư cách là nhà điều tra ngôn ngữ, Parker đã làm công việc phân tích tài liệu mà không cần tới phần mềm tâm lý học ngôn ngữ từ nhiều năm nay. Anh chỉ dựa trên những cụm từ người ta đã lựa chọn cùng những câu cú họ viết ra mà thôi. Chỉ riêng lời lẽ cũng đủ tạo nên sự khác biệt lớn trong việc phá án. Vài năm trước, Parker từng làm chứng trong một phiên tòa xét xử một nam thanh niên về tội giết người. Đối tượng tình nghi cùng bạn cậu ta đang lấy trộm bia trong cửa hàng tiện lợi thì bị người trông quầy phát hiện và cầm gậy bóng chày lao vào họ. Cậu bạn kia giật được cái gậy và đe dọa người trông quầy. Đối tượng tình nghi, cậu nhóc phải hầu tòa đã hét lên, “Cho lão đi!” (nguyên văn: Give it to him!)

Rồi cậu bạn kia vùng gậy và giết chết người trông quầy.

Công tố viên cáo buộc cậu “Cho lão đi!” Nghĩa là “Đánh lão!”

Bên bị đơn thì bác lại rằng đối tượng tình nghi chỉ có ý nói “trả lại cây gậy đi!” Parker đã ra tòa làm chứng rằng “Cho lão” trong quá khứ từng là khẩu ngữ tiếng Mỹ có ý gây hại, như bắn, đâm hoặc đánh. Nhưng cách dùng ấy đã bị quên lãng, cùng với những từ như là “swell” (cừ khôi) hay “hip” (biết tông). Theo Parker thì ý của cậu bé là bảo bạn mình trả lại chiếc gậy. Bồi thẩm đoàn tin lời làm chứng của Parker và mặc dù cậu ta bị kết tội trộm cắp, nhưng đã thoát được án giết người.

“Song đó là cách nói của người nước ngoài,” Cage chỉ ra. “ ‘Chỉ tôi mới biết’. ‘Chỉ cho tôi’. Có nhớ vụ bắt cóc Lindbergh không? Bài học trong Học viện ấy?”

Tất cả các nhân viên thực tập tại FBI ở Quantico đều được nghe kể câu chuyện đó trong bài học pháp y của họ. Trước khi Bruno Hauptmann bị bắt và bị kết tội bắt cóc bé Lindbergh, các nhà giám định tài liệu của Cục đã suy luận ra từ bức thư tổng tiền rằng kẻ viết chúng là một người nhập cư gốc Đức mới tới nước Mỹ được khoảng hai ba năm, và đó là mô tả chính xác về Hauptmann. Phân tích ấy giúp thu hẹp phạm vi tìm kiếm kẻ bắt cóc, và cuối cùng tên này đã bị kết án chỉ dựa vào việc so sánh chữ viết tay của hắn trong một tài liệu đã nhận biết với các bức thư đòi tiền chuộc.

“Thôi nào, cùng đọc lại nhé,” Parker nói và đặt bức thư xuống dưới một chiếc máy chiếu treo tường kiểu cũ.

“Anh không muốn scan nó và cho lên màn hình vô tuyến à?”

Tobe Geller hỏi.

“Không,” Parker trả lời dứt khoát. “Tôi không thích số hóa. Chúng ta cần ở gần với bản gốc nhất có thể.” Anh nhìn lên và thoáng mỉm cười. “Chúng ta cần lên giường với nó.”

Bức thư được phóng lên một màn chiếu lớn gắn trên tường phòng thí nghiệm. Tài liệu màu xám dường như đang ở trước mặt họ như một đối tượng tình nghi bị thẩm vấn. Parker bước đến chỗ nó và nhìn vào những chữ cái phóng đại trước mắt mình.

Thị trưởng Kennedy—

Kết thúc là đêm. Digger đang chạy rông và hông có cách nào ngăn cản được hắn. Hắn sẽ lại giết - lúc bốn, 8 và Nửa đêm nếu ông không chịu chi.

Tôi đang muốn có 20 triệu \$ đô la tiền mặt, mà ông phải nhét nó vào một cái túi rồi bỏ lại cách đường 66 hai dặm về phía tây Beltway. Ở giữa Đồng. Chỉ cho tôi số tiền đó trước 1200 giờ. Chỉ tôi mới biết cách ngăn Digger. Nếu ông A bắt tôi, hắn sẽ tiếp tục giết chóc. Nếu ông giết tôi, hắn sẽ tiếp tục giết chóc.

Nếu ông không nghĩ tôi là thật, một vài viên đạn Digger sơn màu đen. Chỉ có tôi biết chuyện đó.

Nói đến đâu, Parker chỉ vào phần đó trên bức thư. “ ‘Chỉ tôi mới biết’ và ‘Chỉ cho tôi’ nghe có vẻ ngoại lai, chắc chắn rồi. Động từ ‘to be’ kết hợp với động tính từ thì hiện tại là cấu trúc điển hình trong ngôn ngữ Slavic hay tiếng Đức hệ ngôn ngữ Ấn-Âu. Chẳng hạn người Đức, hay Séc, hay Ba Lan. Nhưng cách dùng giới từ ‘to’ với ‘me’ thì các anh không thể tìm được trong ngôn ngữ ấy. Họ cũng nói y như cách ta vẫn nói thôi. “Trả tiền cho tôi!” Cấu trúc kia lại thường thấy trong ngôn ngữ châu Á hơn. Tôi nghĩ gã chỉ ngẫu nhiên ném vào vài cụm từ nghe có vẻ ngoại lai. Cố lừa chúng ta nghĩ rằng gã là người nước ngoài. Đánh lạc hướng chúng ta.”

“Tôi không biết,” Cage mở lời.

“Không, không,” Parker khẳng định. “Cứ nhìn vào nỗ lực làm việc đó của gã mà xem. Những cách nói ngoại lai này đặt quá sát nhau, cứ như gã định nói nốt cho xong để còn viết tiếp. Nếu tiếng nước ngoài mới đúng là tiếng mẹ đẻ của gã thì gã phải nhất quán hơn mới đúng. Nhìn vào câu cuối của lá thư mà xem. Gã lại trở về cú pháp Anh ngữ điển hình. ‘Chỉ có tôi biết chuyện đó’. Không phải là ‘Chỉ có tôi biết chuyện đó’. Nhân tiện, chính vì lý do này mà tôi nghĩ gã dành nhiều thời gian bên máy tính. Tôi cũng lên mạng rất nhiều để duyệt qua những website của các nhà buôn bán tài liệu quý hiếm lẫn các mục tin tức. Hầu hết chúng đều là trang nước ngoài nhưng lại để ngôn ngữ là tiếng Anh. Các anh sẽ thấy kiểu tiếng Anh con hoang này nhiều lắm.”

“Tôi đồng tình với ý kiến đó, chuyện lên mạng ấy,” Lukas nói với Parker. “Chúng ta chưa biết chắc nhưng rất có thể tên sát thủ học cách lắp ống giảm thanh và biến tàu khẩu Uzi thành tự động toàn phần trên Web. Ngày nay, đó dường như là nơi để tất cả mọi người học về những điều như thế.”

“Nhưng còn chuyện cách nói giờ hai mươi bốn tiếng thì sao?” Hardy hỏi. “Gã đòi tiền chuộc lúc ‘1200 giờ’. Đó là kiểu nói giờ của châu Âu mà.”

“Lại đánh lạc hướng đấy. Gã đâu có nói như vậy, khi viết về thời điểm Digger sẽ lại tấn công. Gã đã nói, ‘Bốn, 8 và Mười đêm’.”

“Chà,” C.P. nói, “nếu không phải người nước ngoài thì hẳn là tên này rất ngu. Nhìn đồng lỗi chính tả mà xem.” Anh ta quay sang Lukas, “nghe cứ như đám lỗ mãng chúng ta tóm được ở Công viên Manassas vậy.”

Parker bác lại, “Giả hết.”

“Nhưng,” Lukas phản đối, “ngay dòng đầu tiên này: ‘Kết thúc là đêm’. Ý gã là ‘Kết thúc đang gần kề’. Gã...”

“Ồ,” Parker nói tiếp, “nhưng đó không phải là lỗi mà người thường mắc phải. Mọi người hay nói, ‘once and a while’ (đôi khi), cho dù câu đúng phải là ‘once in a while’, bởi vì rõ ràng dùng liên từ ‘and’ sẽ hợp lý hơn là giới từ ‘in’. Nhưng ‘Kết thúc là đêm’, thì chẳng có nghĩa lý gì cả, cho dù trình độ học vấn của gã có đến đâu đi nữa.”

“Còn lỗi chính tả,” Hardy hỏi. “Rồi những chỗ viết hoa và đánh dấu lộn xộn nữa?” Đôi mắt anh chàng thanh tra đang cần thận lướt qua bức thư.

Parker nói, “Còn có nhiều lỗi hơn anh vừa nói ấy chứ. Xem gã dùng ký hiệu đồng đô la rồi mà vẫn còn kèm theo từ ‘đô la’ này. Bị lặp lại. Và khi nói về tiền, gã còn dùng tân ngữ không đúng cách nữa chứ.” Parker chạm vào góc màn hình và di ngón tay theo từng chữ:

“Thấy chưa, nghi phạm nói là “nhét nó,” nhưng từ “nó” không thật sự cần thiết. Chỉ có điều đó không phải là kiểu lỗi hợp lý, hầu hết các lỗi ngữ pháp đều chỉ là hình ảnh phản chiếu của cách nói sai. Và trong ngôn ngữ hàng ngày, chúng ta chẳng tùy tiện thêm vào những tân ngữ không cần thiết. Nói đúng hơn là chúng ta lười, chúng ta thường có xu hướng lược bớt câu nói và bỏ bớt từ.

“Còn lỗi phát âm sai?” Parker nói tiếp. Anh di chuyển từ từ đến trước lá thư đã được phóng to, khiến các dòng chữ giờ vất ngang qua vai và mặt anh như những con côn trùng màu đen. “Hãy nhìn vào câu ‘hông có cách nào ngăn cản được hẳn’. ‘Hông’ nghe có vẻ na ná nhưng viết ra thì khác hẳn. Đáng lẽ phải là ‘k-h-ô-n-g’. Nhưng con người ta chỉ mắc phải lỗi này khi họ viết nhanh, thường là khi viết trên máy tính. Tâm trí gửi đến họ gợi ý về âm thanh trước cả hình ảnh. Tỷ lệ người mắc lỗi chính tả đồng âm cao thứ hai là ở những người đánh máy chữ. Nhưng với thư viết tay thì đó lại là lỗi hiếm.”

“Còn chuyện viết hoa ư? Anh liếc nhìn Hardy. Anh chỉ có thể tìm thấy những lỗi sai ấy khi nào chúng có cơ sở thực tiễn, những khái niệm kiểu như nghệ thuật hoặc do yêu ghét. Đôi khi là do nghề nghiệp hay xu hướng công việc. Không, nghi phạm chỉ đang tìm cách làm chúng ta nghĩ gã ngu thôi. Nhưng gã chẳng hề ngu.”

“Bức thư đã nói cho anh biết từng ấy à?” Lukas hỏi, nhìn chăm chăm như thể cô đang nhìn vào một bức thư hoàn toàn khác bức thư Parker phân tích.

“Dám cá không?” Nhà giám định tài liệu trả lời. Anh phá lên cười. “Sai lầm tiếp theo của gã là không mắc những lỗi lẽ ra phải mắc. Chẳng hạn, gã dùng dấu phẩy ở các mệnh đề phó từ rất chuẩn. Mệnh đề khởi

đầu cho một câu luôn phải kết thúc bằng dấu phẩy. Mệnh đề ‘nếu’ chẳng hạn” Anh chạm vào nó trên màn hình.

Nếu ông giết tôi, hẳn sẽ tiếp tục giết chóc...

“Nhưng với một mệnh đề kết câu thì không cần.”

Hắn sẽ lại giết người, lúc 4, 8 và nửa đêm nếu ông không trả...

“Hắn cũng dùng dấu phẩy ở trước chữ ‘which’ (mà).”

Tôi đang muốn có 20 triệu \$ đô la tiền mặt, mà ông phải nhét nó vào một cái túi...

“Đó là quy tắc ngữ pháp cơ bản: ‘phẩy’ trước liên từ không giới hạn “which,” trước liên từ giới hạn “that” thì không có, nhưng thường thì chỉ những nhà văn chuyên nghiệp và những người đi học ở các trường tốt mới tuân theo quy tắc này.”

“Ở trước ‘which’ phải có dấu phẩy ấy à?” C.P. làu bàu. “Ai thêm quan tâm cơ chứ?”

Parker điềm tĩnh trả lời, “Chúng tôi quan tâm. Bởi vì chính những điều nhỏ nhặt mới dẫn chúng tôi đến sự thật.”

Hardy nói, “Trông có vẻ như gã cố đánh vần từ “bắt” nhưng không làm được. Anh giải thích thế nào về chuyện đó?”

“Trông thế thôi,” Parker nói. “Nhưng anh có biết có gì bên dưới cái dấu vết ấy không? Tôi đã dùng máy chiếu tia hồng ngoại để quét qua nó.”

“Cái gì?”

“Vết gạch xóa.”

“Vết gạch xóa?” Lukas hỏi.

“Một khái niệm nghệ thuật,” Parker nhăn nhó nói. “Gã chẳng viết gì cả. Gã chỉ muốn chúng ta nghĩ rằng gã gặp khó khăn khi phải đánh vần chữ ấy.”

“Nhưng tại sao gã lại phải nhọc công đến thế chỉ để chúng ta nghĩ rằng gã ngu dốt?” Hardy hỏi.

“Để lừa chúng ta đi truy tìm một gã người Mỹ gốc gác hoặc một người nước ngoài kém ngu hơn một chút. Lại là một cách đánh lạc hướng khác,” Parker nói thêm, “Và làm chúng ta đánh giá thấp gã. Tất nhiên, gã rất thông minh. Cứ nhìn địa điểm thả tiền mà xem.”

“Thả tiền?” Lukas hỏi.

C.P. hỏi lại, “Ý anh là đường Gallows? Tại sao chọn chỗ ấy lại là thông minh?”

“À...” Parker ngước lên, rồi nhìn từ người này sang người khác. “Trực thăng.”

“Trực thăng nào?” Hardy hỏi.

Parker cau mày. “Các cô chưa kiểm tra những người cho thuê trực thăng à?”

“Chưa,” Lukas nói. “Tại sao phải làm vậy?”

Parker nhớ lại một quy tắc từ thời còn làm việc ở Cục. Không bao giờ giả định một điều gì. “Nghỉ phạm muốn chúng ta thả tiền xuống bãi cỏ nằm ngay cạnh một bệnh viện đúng không?”

Geller gật đầu. “Bệnh viện Faifax.”

“Chết tiệt,” Lukas buột mồm. “Nó có một sân đỗ cho trực thăng.”

“Thế thì sao?” Hardy hỏi.

Lukas lắc đầu giận dữ với chính mình. “Nghỉ phạm đã chọn một địa điểm nơi đội giám sát sẽ thấy quá quen mắt trước những chiếc trực thăng lên xuống. Gã sẽ tự mình thuê một chiếc và hạ cánh, lấy tiền rồi cất cánh trở lại. Rất có thể gã sẽ bay đến chỗ giấu xe và tẩu thoát.”

“Tôi chưa bao giờ nghĩ đến chuyện ấy,” Hardy cay đắng nói.

“Làm gì có ai trong chúng ta nghĩ đến,” C.P. nói. Cage nói thêm, “Tôi có anh bạn bên FAA. Tôi sẽ nhờ anh ấy kiểm tra xem sao.”

Parker liếc nhìn đồng hồ. “Chưa có phản ứng gì từ cuộc họp báo của Kennedy à?”

Lukas gọi điện thoại. Cô nói chuyện với ai đó một lát rồi cúp máy.

“Sáu cuộc gọi đến. Chỉ toàn là lừa bịp. Không ai biết chút gì về những viên đạn sơn màu, nên tất cả bọn họ đều là đồ rơm. Chúng tôi đã ghi lại tên tuổi lẫn số nhà. Sau này sẽ xử họ vì tội can thiệp vào hoạt động điều tra của nhà chức trách.”

“Anh nghĩ nghỉ phạm không phải người vùng này à?” Hardy hỏi Parker.

“Đúng. Nếu gã biết có bất kỳ cơ hội nào cho chúng ta so sánh chữ viết tay của gã với hồ sơ công cộng thì chắc chắn gã sẽ giả dạng chữ viết hoặc dùng các chữ cái cắt ra từ giấy in. Nhưng gã chẳng làm vậy. Như thế có nghĩa là gã không thể là người ở Đặc khu, hay Virginia lẫn Maryland.”

Cửa chính bỗng mở toang. Là Timothy, người vừa mang lá thư đến. “Đặc vụ Lukas? Tôi đã có kết quả bên nhà xác.”

Parker nghĩ, “Cũng đến lúc rồi.”

Lukas cầm lấy bản báo cáo và trong lúc cô đang đọc thì Cage cất tiếng hỏi, “Parker, anh nói gã bị rối loạn nhân cách xã hội. Làm sao anh phát hiện ra?”

“Bởi vì,” Parker lơ đãng trả lời, trong lúc mắt vẫn ở chỗ Lukas, “còn kẻ nào làm một việc như thế này

ngoài bọn rối loạn nhân cách chống đối xã hội chứ?”

Lukas đọc xong và đưa lại cho Hardy. Anh ta hỏi, “cô muốn tôi đọc nó à?”

“Đọc đi,” cô trả lời.

Parker để ý thấy trạng thái điềm tĩnh của chàng trai trẻ có phần nào khởi sắc, có lẽ vì anh ta cảm thấy mình thuộc về đội này, trong một khoảnh khắc nào đó.

Anh chàng thanh tra hắng giọng, “Nam da trắng, xấp xỉ bốn mươi lăm tuổi. Cao một mét tám bảy. Nặng tám tư cân. Không có đặc điểm nhận dạng. Không mang đồ trang sức ngoại trừ một chiếc đồng hồ Casio có đặt nhiều báo thức,” Hardy nhìn lên. “Nghe này. Báo thức sẽ đổ chuông lúc bốn giờ, tám giờ và nửa đêm.” Trở lại với bản báo cáo: “Mặc một chiếc quần bò không nhãn mác, đã sờn. Áo gió vải polyester. Áo sơ mi lao động hiệu JCPenncy, cũng đã cũ. Quần lót Jockey. Tất cotton, giày chạy của Walmart. Tổng cộng mang một trăm mười hai đô la tiền mặt một ít tiền xu.”

Parker nhìn lên những chữ cái trên màn hình trước mặt cứ như thể những câu chữ mà Hardy vừa đọc không phải bản mô tả tên nghi phạm, mà chính là bức thư.

“Các yếu tố vi lượng: Bụi gạch trên tóc, đất sét dưới móng tay. Thành phần trong dạ dày gồm có cà phê, sữa, bánh mì và thịt bò, có thể là loại rẻ tiền, được tiêu hóa trong vòng tám giờ trước khi chết. Hết rồi.” Hardy đọc thêm một thông báo khác cho đội METSHOOT được gắn kèm bản báo cáo về vụ tai nạn. “Không có dấu mối nào dẫn đến chiếc xe tải chở hàng đã tông chết nạn nhân.” Hardy liếc nhìn Parker. “Khó chịu thật đấy, chúng ta có thủ phạm trong tay nhưng gã lại chẳng thể nói được cái quái gì.”

Parker liếc nhìn bản sao của tờ Bản tin các vụ án lớn, chính là số anh đã thấy lúc trước. Về vụ đánh bom nhà Gary Moss. Các mô tả hết sức lạnh nhạt về phút cận kề sinh tử của hai cô con gái nhà Moss đã làm Parker bị chấn động thật sự. Khi nhìn thấy bản tóm lược ấy, anh đã suýt quay bước ra khỏi phòng thí nghiệm.

Parker tắt máy chiếu, đặt bức thư trở lại bàn giám định.

Cage nhìn đồng hồ, rồi mặc áo khoác vào. “Chúng ta chỉ còn bốn mươi lăm phút nữa. Tốt nhất nên di chuyển thôi.”

“Ý ông là sao?” Lukas hỏi.

Vị đặc vụ cấp cao đưa trả cô chiếc áo gió và áo khoác da cho Parker. Anh chỉ cầm mà không nghĩ ngợi gì.

“Ra ngoài.” Ông gạt đầu về phía cửa. “Để giúp đội của Jerry Baker kiểm tra các khách sạn.”

Parker lắc đầu. “Không. Chúng ta phải ở lại đây.” Anh nhìn Hardy. “Cậu nói đúng, Len. Nghi phạm không thể kể với chúng ta điều gì. Nhưng bức thư thì có. Nó có thể gợi ra rất nhiều chuyện.”

“Họ cần tất cả những người có thể huy động được,” Cage khẳng định.

Im lặng một lát.

Parker vẫn đứng đó cúi đầu, đối diện với Lukas ở bên kia chiếc bàn giám định được chiếu đèn sáng trưng, bức thư tổng tiền nằm giữa hai người. Anh nhìn lên và nói giọng đều đều, “Tôi không nghĩ chúng ta có thể tìm ra tên xạ thủ kịp thời. Trong bốn mươi lăm phút nữa thì không thể. Tôi ghét phải nói ra điều này nhưng cách tốt nhất để sử dụng những nguồn lực chúng ta có là ở lại đây. Tiếp tục nghiên cứu lá thư.”

C.P. nói, “Ý anh là anh cứ thản nhiên để mặc họ chết sao? Những nạn nhân ấy?”

Anh ngập ngừng rồi nói, “Tôi đoán ý tôi là thế. Buộc phải vậy thôi.”

Cage hỏi Lukas, “Cô nghĩ sao?”

Cô nhìn sang Parker. Mắt họ gặp nhau. Rồi cô nói với Cage, “Tôi đồng ý với Parker. Chúng ta sẽ ở lại đây. Tiếp tục thôi!”

Chương 9

Từ khoe mắt, Lukas trông thấy Len Hardy đang đứng bất động. Sau một phút, anh ta vuốt tóc, nhặt áo khoác lên và đi đến chỗ cô.

Mạnh khôe như mưa rào...

"Ít nhất, hãy để tôi đi," anh ta nói với cô. "Để giúp kiểm tra bên khách sạn."

Cô nhìn vào gương mặt trẻ trung thật thà của anh ta. Anh ta nắm chặt chiếc áo choàng bằng bàn tay phải to lớn, với những ngón tay được cắt móng và gọt giữa gọn gàng. Cô kết luận, đây là người tìm thấy sự thoải mái trong những chi tiết nhỏ nhất.

"Tôi không thể. Tôi xin lỗi."

"Đặc vụ Cage nói đúng. Họ cần tất cả những người có thể huy động được."

Lukas liếc Parker Kincaid nhưng anh đã lại chìm đắm trong bức thư đòi tiền chuộc, cẩn thận lấy nó ra khỏi bao acetat.

"Lại đây Len," Lukas nói và chỉ anh ta tới góc phòng Thí nghiệm Tài liệu. Cage là người duy nhất để ý thấy nhưng ông không nói gì. Trong suốt chiều dài sự nghiệp của mình ở Cục điều tra, hẳn ông đã có vô số cuộc trò chuyện với cấp dưới và thừa biết rằng quy trình này cũng phải tinh tế như bất kỳ cuộc thẩm vấn nào. Thậm chí còn phải tinh tế hơn, bởi họ là những người sát cánh bên ta từ ngày này qua ngày khác. Và cũng là những người được ta trông cậy rằng sẽ bảo vệ ta từ phía sau. Lukas rất biết ơn vì Cage đã cho phép cô đối xử với Hardy theo cách mà mình cho là tốt nhất.

"Nói cho tôi biết," cô nói. "Anh lần tẩn chuyện gì?"

"Tôi muốn được làm gì đó," viên thanh tra cảnh sát trả lời. "Tôi biết mình chỉ là tuyến hai ở đây. Tôi là người của Đặc khu. Tôi ở trong đội Nghiên cứu và Thống kê... nhưng tôi muốn giúp."

"Anh chỉ ở đây để làm người liên lạc. Đó là tất cả những gì anh được ủy quyền. Đây là một vụ điều tra cấp liên bang. Không phải đội đặc nhiệm."

Anh ta cười chua chát. "Liên lạc viên ư? Tôi chỉ là một cái máy tốc ký ở đây. Cả cô và tôi đều biết điều đó."

Tất nhiên là cô biết. Nhưng việc đó cũng không ngăn Lukas giao cho anh ta một vị trí tích cực hơn nếu cô nghĩ có thể dùng được anh ta ở chỗ khác. Lukas không phải kiểu người tuân thủ hoàn toàn các quy tắc và trình tự, nếu Hardy là xạ thủ cự phách nhất thế giới, cô sẽ đá ngay anh ta ra cửa để gia nhập đội xạ thủ của Jerry Baker, cho dù nguyên tắc có nói gì đi chăng nữa. Một phút sau, cô nói tiếp, "Thôi được rồi, trả lời tôi một câu."

"Vâng."

"Tại sao anh ở đây?" Cô hỏi.

"Tại sao?" Anh ta cau mày.

"Anh đã tình nguyện đến phải không nào?" Lukas hỏi.

"Đúng thế!"

"Vì vợ anh phải không?"

"Emma ư?" Anh ta cố tỏ ra bối rối nhưng Lukas có thể nhìn thấu chuyện đó. Mắt anh ta sụp xuống sàn.

"Tôi hiểu Len ạ. Nhưng hãy làm giúp chính anh một việc này. Hãy lấy sổ tay ra cùng tìm tòi các ý tưởng với chúng tôi và tránh xa mặt trận. Rồi khi tên khốn này bị bắt, hãy về nhà."

"Nhưng... việc ấy khó khăn lắm," anh ta nói, tránh nhìn mắt của cô.

"Về nhà ư? "

Anh ta gật đầu

"Tốt." Lukas trả lời một cách thành thật. Anh ta ôm chặt chiếc áo choàng cứ như một đứa trẻ đang ôm cái chăn thân thuộc.

Thực tế nếu là bất kỳ người nào khác ngoài Len Hardy xuất hiện với tư cách liên lạc viên của cánh sát Đặc khu, hẳn cô đã đá họ về sở ngay lập tức. Cô không có đủ kiên nhẫn với trò khư khư giữ ghế hay những cuộc chiến liên cơ quan, cũng chẳng có thời gian để chiêu chuộng đám viên chức của một thành phố bị tham nhũng lũng đoạn và sắp phá sản đến nơi. Nhưng cô biết một bí mật của Hardy: Vợ anh ta đang hôn mê bất tỉnh sau khi gặp tai nạn. Chiếc xe Jeep Cherokee của cô ấy đã trượt khỏi đường đi trong cơn mưa đông gần Middlebug, Virginia và tông thẳng vào một cái cây.

Hardy đã tới văn phòng phân cục Đặc khu vài lần để thu thập tài liệu thống kê về tội ác ở khu vực trung tâm và có quen biết với Betty trợ lý của Lukas. Lúc đầu, cô tưởng anh chàng đang cố tán tỉnh cô nàng hấp dẫn ấy nhưng rồi một lần cô nghe lỏm được anh ta đang tâm sự ghen ngào về vợ mình cùng thương tích của cô ấy.

Có vẻ như anh ta không có nhiều bạn bè, giống như chính Lukas vậy. Cô đã hiểu anh ta hơn một chút và biết thêm về chuyện của Emma. Đến lần họ cùng uống cà phê trong Công viên Tưởng niệm các chiến sĩ Cảnh sát ngay gần văn phòng phân cục, anh ta đã cởi mở hơn tuy nhiên giống như Lukas, anh ta luôn kiềm chế chặt chẽ những cảm xúc của mình.

Biết được tấn bi kịch đó, biết chuyện anh ta cảm thấy khổ sở như thế nào khi phải ở nhà một mình vào kỳ nghỉ, cô đã chào đón Hardy vào đội và quyết tâm bớt khắc nghiệt với anh ta hơn trong tối nay. Nhưng Margaret Lukas sẽ chẳng đời nào làm ảnh hưởng đến chiến dịch chỉ vì sức khỏe tinh thần của bất kỳ ai.

Mạnh khỏe như mưa rào...

Lúc này, Hardy bảo cô, “Tôi không thể ngồi yên. Tôi muốn được đóng góp phần nào.”

Không, cô nghĩ. Thứ anh ta muốn là phần nào công lý của Chúa hay số mệnh hay bất kể lực lượng siêu nhiên nào đã đập tan cuộc sống của Emma Hardy và cả chồng cô ấy thành ngàn mảnh vụn.

“Len, tôi không thể chấp nhận cho một người ra thực địa khi người đó đang bị...” cô tìm một từ nhẹ nhàng hơn, “phân tâm.” Thực ra *bất cần đời* sẽ sát nghĩa hơn và *tự sát* là từ cô muốn dùng.

Hardy gật đầu. Anh ta đang giận, đôi môi run run, nhưng vẫn thả áo khoác lên ghế và trở về ngồi bên một cái bàn.

Anh chàng tội nghiệp, cô nghĩ. Nhưng khi hiểu rõ trí thông minh của anh ta, và rằng khả năng kiểm soát cùng tính cầu toàn vẫn tỏa sáng từ bên trong nỗi đau tinh thần, cô biết anh ta sẽ ổn. Anh ta sẽ trụ vững sau khoảng thời gian khó khăn này. Ô, anh ta sẽ thay đổi, nhưng theo cách của một thanh sắt được tôi luyện thành thép nguội trong ngọn lửa than đá của nhà máy luyện kim.

Đổi thay...

Như chính Lukas đã từng.

Nếu nhìn vào giấy khai sinh của Jacqueline Margaret Lukas, bạn sẽ biết rằng cô được sinh ra vào ngày cuối cùng của tháng Mười một năm 1963. Nhưng trong trái tim cô lại biết rằng mình chỉ vừa tròn năm tuổi, bởi cô được sinh ra vào cái ngày tốt nghiệp Học viện FBI.

Cô nhớ lại một cuốn sách thiếu nhi mình từng đọc từ rất lâu về trước. *Thế thân Wyckham*. Hình ảnh tiểu yêu tinh hạnh phúc trên trang bìa không hề gợi ý chút gì đến nội dung kỳ quái của câu chuyện. Cuốn sách nói về một yêu tinh lên vào nhà giữa đêm hôm khuya khoắt và tráo đổi bọn trẻ, bắt cóc những đứa bé con người và để lại một thế thân, một đứa bé yêu tinh, thế vào chỗ của chúng. Câu chuyện nói về một đôi vợ chồng phát hiện ra con gái họ đã bị tráo đổi và lên đường đi tìm cô bé.

Lukas nhớ mình đã đọc cuốn sách đó khi đang nằm cuộn tròn trên chiếc ghế sofa trong phòng khách thoải mái của mình ở Stafford, Virginia gần Quantico. Hôm ấy cô buộc phải hoãn chuyến đi đến Safeway vì một trận bão tuyết bất ngờ. Cô buộc phải đọc đến hết, đúng, bố mẹ đã tìm được cô bé và đôi tiểu yêu tinh lấy cô, nhưng Lukas vẫn bị rùng mình vì cảm giác khó chịu do cuốn sách mang lại và rồi ném nó đi.

Cô đã quên hết câu chuyện ấy cho đến khi tốt nghiệp Học viện và được phân về văn phòng Washington. Rồi một buổi sáng khi Lukas đang đi bộ đi làm, với khẩu Colt Python giắt bên hông cùng một tập tài liệu kẹp dưới nách, cô chợt nhận ra: Thế thân chính là như thế. Jackie Lukas từng là thủ thư tại phòng Nghiên cứu của Cục ở Quantico, một nhà thiết kế thời trang nghiệp dư có khả năng làm gấp những bộ cánh cho bạn bè của cô cùng lũ trẻ của họ trong kỳ nghỉ cuối tuần. Cô biết chân chân, biết khâu vá, thích sưu tầm rượu (và cũng thích uống), liên tục là người về nhất trong cuộc thi chạy 5km ở địa phương. Nhưng người phụ nữ ấy đã biến mất từ lâu, thế vào đó là đặc vụ Margaret Lukas, nữ chiến sĩ xuất sắc trong môn tội phạm học, kỹ thuật điều tra, nắm rõ đặc tính của C4 và các chất nổ Semtex, biết cách chăm sóc và quản lý các nguồn tin mật.

“Đặc vụ FBI ư?” Bố cô thảng thốt hỏi khi cô ghé thăm bố mẹ ở biệt thự Pacific Heights tại San Francisco. Và thông báo tin tức ấy cho họ. “Con sẽ thành một đặc vụ? Không phải dùng súng đấy chứ? Ý con là con sẽ làm việc bàn giấy thôi phải không?”

“Có súng ạ. Nhưng con cá là họ cũng cho con một cái bàn.”

“Bố không hiểu,” viên chức đã nghỉ hưu nhưng vẫn còn vạm vỡ của Ngân hàng Mỹ hỏi cô. “Con học giỏi thế cơ mà”

Cô cười phá lên trước suy nghĩ chẳng liên quan như thế, mặc dù cô biết chính xác ý bố cô là gì. Một sinh viên danh dự của cả trường St. Thomas ở Russian Hill lẫn Stanford. Cô gái gầy gò ít khi đi hẹn hò, nhưng lại thường xuyên giơ tay phát biểu trong lớp ấy đã được định mệnh sắp sẵn một vị trí cao trên con đường học thuật, hoặc ở Phố Wall. Không, không, ông không hề thấy phiền lòng vì Jackie sẽ vung vẩy khẩu súng và tóm cổ bọn giết người; chỉ có điều cô sẽ chẳng cần động não làm gì.

“Nhưng đây là Cục điều tra Liên bang, bố à. Họ là kiểu cảnh sát cần động não.”

“Ừ, bố đoán thế. Nhưng... đây là việc con muốn làm ư?”

Không, đây là việc cô phải làm. Hai động từ ấy, muốn và phải, khác nhau một trời một vực. Nhưng cô không biết liệu bố có hiểu được thế hay không. Nên cô chỉ đơn giản đáp lại, “Vâng.”

“Với bố thế là được rồi.” Rồi ông quay sang vợ và nói, “Con gái chúng ta có dũng khí đấy. Em biết dũng khí là gì chứ? Đó là...”

“Em biết rồi,” mẹ cô gọi với ra từ trong bếp. “Em có chơi trò đoán ô chữ mà, nhớ không? Nhưng con phải cẩn thận đấy nhé, Jackie? Hứa với mẹ là con phải cẩn thận.”

Nghe cứ như cô sắp sửa sang đường ở một con phố đông đúc vậy.

“Con sẽ cẩn thận mẹ ạ.”

“Tốt! Mẹ làm món gà hầm rượu để ăn tối đấy. Con thích không?”

Và Jackie đã ôm hôn bố mẹ cô, rồi hai ngày sau, cô bay về Washington, D.C., đổi tên thành Margaret.

Sau khi tốt nghiệp, cô được điều về phân cục ở đây. Cô đã hiểu thêm về Đặc khu, được làm việc cùng Cage, người cha thay thế tuyệt nhất mà cô dám đòi hỏi, và hẳn là cô đã làm tốt bởi năm ngoái cô được đề bạt thành trợ lý trưởng phân cục. Giờ đây, vì sắp cô đang mãi bận chụp ảnh lũ khỉ cùng tắc kè hoa trong một khu rừng nhiệt đới ở Brazil, cô đã trở thành người điều hành vụ án lớn nhất ở Washington, D.C. trong nhiều năm qua. Lúc này, cô theo dõi Len Hardy đang ghi chép trong góc phòng thí nghiệm và nghĩ, “Anh ta sẽ ổn cả.”

Margaret biết là chuyện ấy có thể xảy ra.

Chỉ cần hỏi một thế thân...

“Này,” một giọng đàn ông chen ngang dòng suy nghĩ của cô.

Cô nhìn sang bên kia phòng và nhận ra Parker Kincaid đang nói chuyện với mình.

“Chúng ta phân tích ngôn ngữ xong rồi,” anh ta nói. “Giờ tôi muốn tiến hành phân tích vật lý với bức thư. Trừ khi cô còn có ý kiến nào khác.”

“Đây là lĩnh vực của anh mà, Parker,” cô nói. Và ngồi xuống bên cạnh anh.

* * * * *

Đầu tiên, anh kiểm tra loại giấy viết thư. Khổ giấy A5, loại dùng để viết những lời nhắn quan trọng. Kích cỡ của giấy viết thư thường thiên biến vạn hóa trong suốt chiều dài lịch sử nhưng khổ A4 đã trở thành cỡ giấy tiêu chuẩn của nước Mỹ gần hai trăm năm qua. Và khổ A5 xếp sau nó. Parker không thể tìm hiểu được gì thêm nếu chỉ dựa vào kích thước của tờ giấy.

Về mặt kết cấu, Parker thấy nó là loại rẻ tiền và được sản xuất bằng loại bột giấy nhào bằng máy, không phải bằng hóa chất, phương pháp sẽ cho ra sản phẩm cao cấp hơn.

“Tờ giấy này chẳng giúp ích gì nhiều,” cuối cùng anh tuyên bố. “Loại thường dùng. Bột giấy chất lượng tồi, không tái chế được, hàm lượng axit cao, rất ít chất làm sáng cũng như có độ phản quang thấp. Được các nhà máy sản xuất giấy bán buôn cho đại lý rồi họ bán lại cho chuỗi cửa hàng bán lẻ. Đóng gói theo kiểu văn phòng phẩm thương hiệu gia đình. Không có họa tiết của nhà sản xuất và cũng chẳng có cách nào để lật ngược về nhà máy hay người bán buôn, từ đó tìm ra điểm bán lẻ cụ thể.” Anh thở dài. “Tìm hiểu mực vậy.”

Anh thận trọng cầm lá thư lên và đặt nó bên dưới một chiếc kính hiển vi phức hợp của phòng thí nghiệm. Trước tiên anh xem nó dưới chế độ phóng to gấp mười lần, rồi năm mươi lần. Từ vết hằn do ngòi bút để lại trên giấy, nhiều chỗ mực không đều và màu sắc bất nhất, Parker có thể thấy rằng đây chỉ là loại bút bi rẻ tiền.

“Có lẽ là từ một cửa hàng AWI, Công cụ viết của Mỹ. Loại đồng giá ba mươi chín cent.” Anh nhìn đồng đội của mình. Dường như không ai hiểu ra điều này.

“Thì sao?” Lukas hỏi.

“Tệ lắm,” anh giải thích rõ ràng. “Không tài nào lần theo được. Thứ đó gần như được bán ở mọi cửa hàng tiện lợi trên đất Mỹ. Y hệt loại giấy này vậy. Mà AWI không dùng đến nhãn mác.”

“Nhãn?” Hardy hỏi.

Parker giải thích rằng một vài nhà sản xuất trộn loại nhãn hóa chất vào trong mực của họ để định danh sản phẩm và giúp lần ra thời gian cũng như địa điểm sản xuất ra nó. Tất nhiên, AWI không làm vậy.

Parker đang định lôi lá thư ra khỏi kính hiển vi thì chợt dừng lại, anh phát hiện ra điều gì đó lạ. Một phần của tờ giấy bị mòn đi. Anh không nghĩ là lỗi do sản xuất. Các chất tẩy trắng quang đã được thêm vào quy trình làm giấy trong suốt năm mươi năm qua và ngay cả đối với một loại giấy rẻ tiền như thế này,

chuyện mặt giấy có độ sáng không đều nhau vẫn rất khác thường.

“Làm ơn đưa cho tôi cái PoliLight được không?” Anh hỏi C.P. Ardell.

“Cái gì?”

“Ồ kia kìa.”

Viên đặc vụ to cao nhắc chiếc máy ALS công kênh lên, đó chính là nguồn sáng thay thế. Nó sẽ làm những dư chất khác nhau mà mắt thường không phân biệt được phát quang.

Parker đeo kính mắt lồi vào rồi bật ngọn đèn vàng - xanh.

“Nó có làm tôi nhiễm xạ hay gì không?” Viên đặc vụ to lớn hỏi, nhưng không hẳn là đùa.

Parker quét đầu gậy của PoliLight qua bức thư. Đúng vậy, một phần ba mảnh giấy bên tay phải sáng hơn phần còn lại. Anh làm việc tương tự với lá thư và phát hiện có một hình chữ L sáng hơn ở phía trên lẫn cạnh phải của tờ giấy.

Thú vị đây! Anh soi lại lần nữa.

“Nhìn thấy các góc mờ đi thế nào không? Tôi nghĩ đó là vì tờ giấy này, và một phần của chiếc phong bì nữa, đã bị mặt trời rọi xuống.”

“Ở đâu, nhà nghi phạm hay cửa hàng?” Hardy hỏi.

“Có thể là cả hai.” Parker trả lời. “Nhưng căn cứ vào độ dính của mặt giấy, tôi đoán tờ giấy này chỉ mới được dán lại gần đây thôi. Vì vậy, đó chắc là cửa hàng.”

“Nhưng,” Lukas nói, “đó hẳn phải là nơi được chiếu sáng từ hướng nam.”

Phải, Parker nghĩ. Tốt lắm. Anh đã không nghĩ đến chuyện đó.

“Tại sao?” Hardy hỏi.

“Bởi vì đang là mùa đông mà,” Parker chỉ ra. “Làm gì có đủ ánh nắng rọi xuống tờ giấy này từ những hướng khác.”

Parker lại đi tới đi lui. Đây là thói quen của anh. Khi vợ Thomas Jefferson chết, con gái lớn của ông là Martha đã viết rằng bố cô ta đi đi lại lại “gần như suốt ngày suốt đêm, chỉ thi thoảng mới nằm xuống lúc ông đã sức cùng lực kiệt.” Khi Parker làm việc với một tài liệu hay đang đánh vật với một câu đố đặc biệt hóc búa, bọn Who thường trêu anh vì cứ “đi vòng vòng suốt.”

Sơ đồ phòng thí nghiệm đang tái hiện trong trí nhớ của anh. Anh bước tới một tủ đựng hồ sơ, mở ra và lôi một bảng nghiên cứu cùng vài mẫu giấy thu thập được. Cầm vào góc giấy, anh dùng chiếc chổi lông màu nâu quét qua mặt giấy để loại bỏ các yếu tố vi lượng. Thực sự là không còn gì cả. Anh chẳng hề ngạc nhiên. Giấy là một trong những vật liệu có sức thấm thấu mạnh nhất; hấp thụ rất nhiều chất ở những nơi nó được đặt lên và gần như gắn chặt chúng vào thớ sợi của mình.

Parker lấy chiếc kim tiêm dưới da lớn từ cặp táp của mình rồi rút một chút mực và giấy ra khỏi bức thư lẫn chiếc phong bì. “Anh biết cái này hoạt động thế nào không?” Anh hỏi Geller, gạt đầu với chiếc máy sắc ký khí phổ ký ở trong góc.

“Ồ, có chứ,” cậu ta trả lời. “Tôi từng tháo tung một cái. Chỉ để cho vui.”

“Chạy thử hai lần, thư và phong bì riêng nhé,” Parker nói rồi đưa cho cậu ta mẫu thử.

“Được ngay!”

“Cái đó làm được gì?” C.P. hỏi lại. Các đặc vụ tác chiến và hoạt động ngầm thường không có nhiều kiên nhẫn dành cho công việc trong phòng thí nghiệm, và hầu như chẳng biết gì về khoa học pháp y.

Parker giải thích. Chiếc máy GC/MS này phân tách các hóa chất tìm được tại hiện trường phạm tội thành từng phần riêng biệt rồi nhận dạng chúng. Nó phát ra tiếng kêu đáng ngại trong lúc đốt cháy mẫu và phân tích hơi nước bốc ra từ đó.

Parker quét thêm vài lần trên tờ giấy và phong bì, lần này thu được một thứ gì đó. Anh đưa từng miếng mẫu vào hai chiếc kính Leitz phức hợp khác nhau. Nhìn ghé vào bên này rồi bên kia một chút, anh xoay nút tiêu điểm, nó chuyển động theo cái cách hết sức từ tốn của kết cấu cơ khí chính xác đã được bôi trơn.

Parker nhìn chăm chăm vào thứ trước mặt, rồi nói với Geller, “Tôi cần số hóa những hình ảnh dấu vết tìm được ở đây.” Hắt cằm về phía kính hiển vi. “Làm thế nào?”

“À, dễ như bốn ấy mà.” Viên đặc vụ trẻ cầm mấy sợi dây cáp vào chân đế kính hiển vi. Chúng dẫn tới một cái hộp xám to mà bản thân nó cũng gắn đầy dây nhợ. Các đầu dây này được Geller cắm vào một trong mấy chiếc máy tính của phòng thí nghiệm. Cậu ta bật một cái lên và lát sau hình ảnh dấu vết hiện trên màn hình. Cậu ta mở một bảng chọn.

Rồi quay sang nói với Parker, “Cứ bấm nút này. Chúng được lưu dưới dạng file JPEG.”

“Và tôi có thể gửi chúng qua email chứ?”

“Cứ cho tôi biết anh định gửi đi đâu?”

“Một phút nữa nhé, tôi phải lấy địa chỉ đã. Đầu tiên, tôi muốn phóng to ở nhiều kích cỡ khác nhau.”

Parker và Geller chụp mỗi kính hiển vi ba bức ảnh, lưu chúng trong ổ cứng.

Khi anh làm xong, máy GC/MS cũng kêu bíp và dữ liệu bắt đầu xuất hiện trên máy tính được kết nối với nó.

Lukas nói, “Tôi đã có các kỹ thuật viên chờ sẵn trong phòng Vật chất và Nguyên tố.” Đây là hai phòng Phân tích Dấu vết của Cục.

“Gửi chúng về nhà đi,” Parker nói. “Tôi còn muốn dùng một người nữa.”

“Ai?” Lukas hỏi và cau mày.

“Anh ta ở New York.”

“Cảnh sát New York à?” Cage hỏi.

“Hồi xưa thôi. Giờ là dân thường.”

“Sao không nhờ đến người ở đây?” Lukas hỏi

“Bởi vì bạn của tôi là nhà tội phạm học giỏi nhất cả nước. Anh ta chính là người đã sáng lập PERT.”

“Đội bằng chứng của chúng ta à?” C.P. hỏi.

“Đúng vậy!” Parker tra một số điện thoại và bấm số gọi.

“Nhưng,” Hardy chỉ ra, “đêm nay là Giao thừa. Có thể anh ta ra ngoài rồi.”

“Không,” Parker nói. “Anh ấy hiếm khi ra ngoài.”

“Kể cả vào dịp lễ tết à?”

“Lễ tết cũng vậy.”

* * * * *

“Parker Kindcaid,” giọng nói phát ra từ máy điện thoại nói. “Tôi đang tự hỏi liệu có ai ở đây gọi điện cho mình không?”

“Anh nghe nói về vấn đề của chúng tôi rồi à?” Parker hỏi Lincoln Rhyme.

“À, chuyện gì tôi chả nghe,” anh ta nói và Parker nhớ rằng Rhyme có cách truyền tải ngôn từ kịch tính hơn bất kỳ người nào khác. “Đúng không, Thom? Chẳng phải tôi nghe thấy tất cả mọi chuyện sao? Parker, cậu còn nhớ Thom không? Thom lúc nào cũng phải chịu đựng ấy...”

“Chào Parker!”

“Chào Thom. Anh ấy lại làm khổ anh đấy à?”

“Tất nhiên rồi,” Lincoln cầu nhàu. “Tôi tưởng cậu nghỉ hưu rồi chứ, Parker.”

“Nghỉ rồi. Cho đến hai tiếng trước.”

“Cái nghề này buồn cười nhỉ? Họ chẳng bao giờ cho chúng ta được nghỉ ngơi trong yên bình.”

Parker mới gặp Rhyme một lần. Anh là một người đẹp trai, trạc tuổi Parker, tóc đen và bị liệt từ cổ trở xuống. Anh làm tư vấn tại nhà ở phía tây Công viên trung tâm. “Tôi thích khóa học của cậu lắm, Parker,” Rhyme nói. “Hồi năm ngoái ấy.”

Parker nhớ lại cảnh Rhyme ngồi trong chiếc xe lăn màu đỏ kẹo táo ở hàng ghế đầu tiên trong hội trường trường Đại học Hình sự John Jay tại New York. Môn học anh thuyết trình là Ngôn ngữ học pháp y.

“Anh có biết chúng tôi đã buộc tội thành công nhờ anh không?”

“Không hề.”

“Có một nhân chứng trong vụ án mạng nọ. Anh ta không thể chạm mặt tên sát nhân và đang phải lần trốn. Nhưng anh ta nghe được thủ phạm nói gì đấy với nạn nhân ngay trước khi bắn họ. Hẳn nói, ‘Nếu tao là mày, thằng khốn kia, tao sẽ bắt đầu cầu nguyện.’ Thế rồi, chuyện này thú vị lắm, Parker, anh nghe không?”

“Tất nhiên.” Mỗi khi Lincoln Rhyme nói thì bạn phải lắng nghe.

“Thế rồi, trong lúc thẩm vấn ở trụ sở cảnh sát, hẳn nói với một trong các thanh tra rằng, ‘Nếu tôi phải thủ tội thì cũng không phải là thủ tội với ông.’ Anh biết làm sao chúng tôi tóm cổ được hẳn không?”

“Làm sao hả Lincoln?”

Rhyme cười hạnh phúc như một cậu thanh niên mới lớn. “Chính vì cách nói ở thể giả định đấy! *Were* chứ không phải *was*. Thống kê cho thấy chỉ còn bảy phần trăm dân số dùng cách nói giả định ‘I were’. Anh có biết chuyện đó không?”

“Thực ra, tôi có biết,” Parker nói. “Nhưng như thế cũng đủ để kết tội hẳn à?”

“Không. Nhưng đủ để hẳn phải tự thú hòng được giảm án,” Rhyme tuyên bố. “Giờ để tôi đoán nhé. Anh có một tay bắn giết người ta dưới đường hầm tàu điện ngầm và manh mối duy nhất của anh là cái gì? Một lá thư đe dọa à? Một lá thư tố tụng?”

“Sao anh biết?” Lukas hỏi.

“Lại thêm người góp giọng!” Rhyme la lên. “Để trả lời câu hỏi: Tôi biết vụ này có một bức thư là bởi vì chỉ có nguyên do đó mới khiến Parker Kincaid gọi điện cho tôi... Nhưng xin lỗi, Parker, tôi vừa mới trả lời

ai vậy?”

“Đặc vụ Margaret Lukas,” cô lên tiếng.

“Cô ấy là trợ lý trưởng phân cục ở Đặc khu. Giờ cô ấy điều hành vụ này.”

“À, Cục điều tra, tất nhiên rồi. Fred Dellray vừa mới ghé thăm tôi,” Rhyme nói. “Cô biết Fred không? Ở văn phòng Manhattan?”

“Tôi biết Fred,” Lukas trả lời. “Anh ấy điều hành một nhóm đặc vụ ngầm của chúng tôi năm ngoái. Một vụ buôn bán vũ khí.”

Rhyme nói tiếp, “Vậy là, một nghi phạm, một lá thư. Kể cho tôi đi, một trong hai người thôi.”

Lukas đáp, “Anh nói đúng. Đó là một vụ tổng tiền. Chúng tôi đã cố trả tiền nhưng nghi phạm chính đã chết. Giờ chúng tôi khá chắc chắn là đồng phạm của gã, tên xạ thủ, sẽ tiếp tục.”

“Ồ, nan giải đây. Rắc rối ở chỗ đó. Các cô đã khám nghiệm thi thể chưa?”

“Chẳng có gì,” Lukas kể cho anh ta. “Không giấy tờ tùy thân, không dấu vết đặc trưng.”

“Và quà Giáng sinh muộn của tôi là được tham gia một chút vào vụ án.”

“Tôi đã tiến hành làm GC một phần phong bì và lá thư...”

“Tốt lắm, Parker. Đốt cháy bằng chứng. Họ sẽ muốn giữ lại nó cho phiên tòa nhưng anh vẫn phải đốt những gì cần đốt.”

“Tôi muốn gửi cho anh dữ liệu. Và một vài bức ảnh chụp dư chất. Tôi gửi tất cả vào email cho anh được không?”

“Được, được, tất nhiên. Các cỡ phóng to là thế nào?”

“Mười, hai mươi và năm mươi lần.”

“Tốt. Hạn chót là bao giờ?”

“Cứ bốn tiếng một lần, bắt đầu từ bốn giờ cho đến nửa đêm.”

“Bốn giờ chiều? Hôm nay?”

“Đúng vậy.”

“Chúa ơi!”

Cô nói tiếp, “Chúng tôi có đầu mối cho lần tấn công lúc bốn giờ tối đây. Chúng tôi nghĩ tên xạ thủ sẽ nhắm vào một khách sạn. Nhưng chẳng biết gì cụ thể hơn.”

“Bốn, tám và mười hai. Nghi phạm của cô đúng là có năng khiếu dựng kịch đấy.”

“Cái đó có cần thêm vào hồ sơ không?” Hardy nói trong lúc ghi chép lia lịa. Parker nghĩ chắc anh chàng này sẽ dành cả kỳ nghỉ cuối tuần để viết báo cáo đầy đủ cho ngài thị trưởng, cảnh sát trưởng cùng Hội đồng thành phố mất, cho dù bản báo cáo ấy có bị vứt xó nhiều tháng trời không ai buồn đọc. Có khi là mãi mãi.

“Ai đấy?” Rhyme hỏi ngay.

“Len Hardy ạ, Sở cảnh sát Đặc khu.”

“Anh dựng hồ sơ tâm lý đấy à?”

“Thực ra, tôi ở bên Nghiên cứu. Nhưng tôi có học các khóa dựng hồ sơ ở Học viện và đã hoàn thành công trình nghiên cứu về tâm lý khóa sau đại học ở trường Đại học Hoa Kỳ.”

“Nghe này,” Rhyme nói với anh ta, “Tôi không tin vào các hồ sơ tâm lý. Tôi chỉ tin vào bằng chứng. Tâm lý học trơn tuột như một con cá vậy. Nhìn tôi mà xem. Tôi là một cái lò loạn thần kinh chức năng. Đúng không, Amelia?... Bạn tôi ở đây không nói nhưng cô ấy đồng ý. Được rồi. Chúng ta phải hành động thôi. Gửi cho tôi những gì anh có. Tôi sẽ trả lời sớm nhất có thể.”

Parker viết địa chỉ email của Rhyme xuống và đưa cho Geller. Một lát sau, viên đặc vụ đã gửi xong các hình ảnh và mô tả hóa học từ chiếc máy sắc phổ/quang phổ.

“Anh ta là nhà tội phạm học xuất sắc nhất cả nước à?” Cage nghi ngại hỏi.

Nhưng Parker không trả lời. Anh đang nhìn đồng hồ. Đâu đó trong Đặc khu Columbia, những con người mà anh và Margaret Lukas phải sẵn sàng hy sinh chỉ còn đứng ba mươi phút được sống.

Chương 10

Khách sạn này đẹp quá, khách sạn này xinh quá.

Digger bước vào trong, trên tay cầm chiếc túi có in hình chó con, không một ai để ý đến hắn.

Hắn bước vào quầy bar và mua nước soda từ nhân viên pha chế. Thử nước này làm mũi hắn ngứa ngáy. Rất buồn cười... Hắn uống cạn và để lại tiền cùng với tiền boa, đúng như người đàn ông chỉ dạy hắn mọi điều đã bảo.

Trong sảnh, đám đông đang hòa lẫn vào nhau. Ở đây đang diễn ra rất nhiều sự kiện. Các bữa tiệc của giới văn phòng. Rất nhiều đồ trang trí. Lại thêm hình lũ trẻ bị bắn trên những biển quảng cáo năm mới. Trời, chúng không... chúng không... chúng không đáng yêu sao?

Còn đây là *Ông già Thời gian*, trông giống hệt *Thần chết*.

Hắn cùng Pamela... *click*... cùng Pamela đã dự vài bữa tiệc ở những nơi như thế này.

Digger mua một tờ *USA Today*. Hắn ngồi trong sảnh và đọc báo, chiếc túi hình cún con đặt bên cạnh.

Hắn nhìn đồng hồ.

Đọc báo.

USA Today là một tờ báo hay. Nó cho hắn biết rất nhiều chuyện thú vị. Digger quan tâm tới thời tiết trên khắp cả nước. Hắn thích màu xanh của những front áp cao. Hắn đọc mục thể thao. Hắn nghĩ mình có chơi một môn nào đó từ lâu lắm rồi. Không, đó là bạn của hắn mới phải, William. Bạn hắn thích thể thao. Những người bạn khác cũng thích. Cả Pamela cũng thích.

Tờ báo đăng rất nhiều ảnh của các vận động viên bóng rổ điển trai. Trông họ to lớn và khỏe mạnh, khi thực hiện cú úp rổ, họ bay trong không trung như những con quay. Digger quyết định rằng chắc là hắn đã không chơi môn thể thao nào. Hắn chẳng hiểu tại sao Pamela hay William hay bất kỳ ai lại muốn chơi. Ăn súp và xem ti vi thú vị hơn chứ.

Một cậu bé đi lướt qua hắn và dừng lại.

Nó nhìn xuống cái túi. Digger khép mép túi lại để nó không trông thấy khẩu Uzi sắp sửa lấy mạng của năm, sáu chục con người.

Thằng bé khoảng chín tuổi. Nó có mái tóc màu đen được rẽ ngôi rất cẩn thận và đang mặc một bộ vest không vừa vặn cho lắm. Tay áo quá dài. Còn cái nơ đỏ kiểu Giáng sinh thì đang thắt chặt lấy cổ một cách kỳ quặc. Nó lại nhìn vào cái túi.

Vào lũ cún con.

Digger nhìn đi chỗ khác.

Nếu có ai nhìn thấy mặt anh, giết họ ngay. Nhớ nhé!

Tôi nhớ.

Nhưng hắn chẳng thể không nhìn thằng bé. Nó mỉm cười. Digger không cười. (Hắn nhận ra thế nào là cười nhưng chẳng biết chính xác nó có nghĩa là gì.)

Thằng bé mắt nâu và tươi tỉnh ấy mê mải với chiếc túi cùng lũ cún trên đó. Những dải ruy băng may mắn của chúng. Giống ruy băng trên người những Em bé Năm mới. Ruy băng màu xanh lá và vàng. Digger cũng nhìn cái túi.

“Cưng ơi, đi thôi,” một người phụ nữ gọi. Cô ta đứng bên cạnh chậu hoa trạng nguyên đỏ như những bông hồng trên váy Pamela mùa Giáng sinh trước.

Thằng bé lại nhìn vào mặt Digger lần nữa. Digger biết đáng lẽ hắn phải quay đi nhưng vẫn chăm chăm nhìn lại. Rồi thằng bé bước về phía đám đông đang bu quanh những chiếc bàn chất đầy các đĩa thức ăn nhỏ. Rất nhiều bánh quy và phô mai, tôm và cà rốt.

Không có súp, Digger thấy vậy.

Thằng bé đi đến chỗ một cô nhóc, chắc là chị gái nó. Con bé khoảng mười ba tuổi.

Digger nhìn đồng hồ. Bốn giờ kém hai mươi phút. Hắn lấy điện thoại ra khỏi túi áo và cẩn thận bấm số gọi vào hộp thư thoại. Hắn lắng nghe. “Bạn không có tin nhắn mới.” Hắn tắt điện thoại.

Hắn nhấc chiếc túi lên đùi và nhìn vào đám đông. Thằng bé mặc chiếc áo khoác màu xanh dương còn chị nó thì mặc một chiếc váy hồng có khăn quàng đi kèm.

Digger ôm chặt chiếc túi hình cún con.

Mười tám phút.

Thằng bé đang đứng cạnh bàn thức ăn. Con bé thì nói chuyện với một người phụ nữ lớn tuổi hơn.
Thêm nhiều người nữa vào trong khách sạn. Họ đi ngay trước mặt Digger khi hắn ngồi đó cùng chiếc túi và tờ báo cho biết thời tiết của cả nước.
Nhưng không ai để ý đến hắn.

* * * * *

Điện thoại trong phòng thí nghiệm bắt đầu đổ chuông.

Như mọi khi, mỗi khi chuông điện thoại reo mà anh không ở cùng chỗ với bọn Who, Parker lập tức cảm thấy một cơn hoảng loạn cường độ nhẹ, mặc dù nếu một trong hai đứa con anh gặp tai nạn thì tất nhiên, bà Cavanaugh sẽ gọi tới di động của anh, chứ không phải số của Cục điều tra Liên bang.

Anh liếc nhìn màn hình hiển thị số và thấy một số điện thoại từ New York. Anh nhắc ống nghe. “Lincoln. Parker đây. Chúng ta còn mười lăm phút. Có manh mối gì chưa?”

Giọng nhà tội phạm học nghe đầy lo âu. “Ồ, không nhiều, Parker ạ. Là tôi đây... Chẳng phải các nhà ngôn ngữ học như anh rất ghét người ta động từ hóa các danh từ à?”

Parker bấm nút.

“Ai đó lấy một cái bút đi,” Rhyme gọi. “Tôi sẽ nói cho anh biết tôi có gì. Anh sẵn sàng chưa? Anh sẵn sàng chưa?”

“Chúng tôi sẵn sàng rồi, Lincoln,” Parker nói.

“Dư chất để thấy nhất ẩn trên bức thư là bụi đá granite.”

“Granite à,” Cage nhắc lại.

“Có dấu hiệu bào và đục trên mặt đá. Cả việc đánh bóng nữa.”

“Anh nghĩ nó từ đâu ra?” Parker hỏi.

“Tôi không biết. Làm sao tôi biết được? Tôi không rành Washington. Tôi chỉ biết rõ New York thôi.”

“Thế nếu chuyện đó xảy ra ở New York?” Lukas hỏi.

Rhyme đọc một bài, “Công trường xây dựng các tòa nhà mới, nơi các tòa nhà cũ được cải tạo hay phá hủy, các nhà máy sản xuất ngưỡng cửa, phòng tắm, nhà bếp, những người làm bia mộ, các xưởng điêu khắc, các nhà trang trí phong cảnh... Danh sách dài vô tận. Cô cần tìm một người hiểu rõ phân bố địa lý ở đó. Cô hiểu chứ? Anh rõ ràng chẳng phải người đó rồi, đúng không Parker?”

“Không. Tôi...”

Nhà tội phạm học cắt ngang, “... chỉ rành về tài liệu. Anh cũng hiểu rõ nghi phạm. Nhưng địa lý thì không.”

“Đúng.”

Parker liếc nhìn Lukas. Cô đang dán mắt vào đồng hồ. Cô nhìn lại anh bằng khuôn mặt không chút cảm xúc. Cage là bậc thầy nhún vai; còn tư thế chờ đợi của Lukas thì giống một cái mặt nạ bằng đá.

Rhyme nói tiếp. “Trong thư còn có dư chất đất sét đỏ và bụi của loại gạch cũ. Ngoài ra còn có lưu huỳnh. Có rất nhiều cacbon, tro và bồ hóng trong ấy, tương thích với thịt nướng hay rác cháy mà trong thành phần có thịt. Dữ liệu trên phong bì cũng gần tương tự như các dư chất tôi tìm được trên lá thư. Nhưng còn có một lượng đáng kể hơn các thứ như nước muối, dầu hỏa, dầu nguyên chất, dầu thô, bơ...”

“Bơ à?” Lukas hỏi.

“Tôi chả nói thế là gì,” Rhyme làu bàu. Anh chưa chút nói thêm, “Không nhận ra nhãn hàng. Và còn có loại nguyên liệu hữu cơ nào đó không mâu thuẫn với động vật thân mềm. Tất cả những bằng chứng trên đều chỉ hướng tới Baltimore.”

“Baltimore à?” Hardy hỏi.

Còn Lukas thì nói, “Làm sao anh tìm ra điều đó?”

“Nước biển, dầu hỏa, dầu nguyên chất và dầu thô ám chỉ một cảng biển. Đúng không nào? Còn là chỗ nào khác được nữa? Cảng gần nhất với D.C. mà vận chuyển dầu thô chỉ có Baltimore. Và Thom kể với tôi, anh chàng biết tuốt tuần tuốt về đồ ăn, ngay trên bến cảng có cả tỷ quán hải sản. Quán Bertha. Anh ta cứ lái nhái về quán Bertha’s Mussels suốt.”

“Baltimore,” Lukas lẩm bẩm. “Vậy là nghi phạm viết bức thư tại nhà, tối hôm trước thì ăn ở nhà hàng trên bến tàu. Gã tới D.C. để thả lá thư ở Tòa thị chính. Rồi sau đó...”

“Không, không, không,” Rhyme nói.

“Sao nào?” Lukas hỏi.

Parker, bậc thầy giải đố trả lời, “Bằng chứng đều là giả. Nghi phạm đã dựng lên, đúng không Lincoln?”

“Cứ như một vở kịch Broadway vậy,” Rhyme nói, nghe có vẻ hài lòng vì Parker đã nhận ra.

“Làm sao anh biết?” Cage hỏi.

“Tôi đang làm việc với một thanh tra cảnh sát tên là Roland Bell. Sở cảnh sát New York. Một người tốt. Anh ta quê ở Bắc Carolina. Anh ta hay nói thế này. “Có vẻ hơi quá nhanh và quá dễ dàng. Từng ấy dấu vết... Các nhân tố đó xuất hiện quá nhiều. Quá nhiều. Nghi phạm đã nhúng tay vào các vật chất ấy và làm chúng thấm vào phong bì. Chỉ để đánh lạc hướng chúng ta.”

“Thế còn dấu vết trên bức thư?” Hardy hỏi.

“Ồ, không, cái đó là thật. Lượng vật chất trên tờ giấy tương thích với dư chất ở xung quanh. Không, không, chính bức thư sẽ cho ta biết nơi gã sống. Nhưng phong bì thì... à, chiếc phong bì lại kể cho chúng ta một câu chuyện khác.”

Parker nói, “Gã không đơn giản như chúng ta thoát nghĩ.”

“Chính xác,” nhà tội phạm học xác nhận.

Parker tổng kết, “Vậy là gã sống ở nơi có đá granite, bụi đất sét, bụi gạch, lưu huỳnh, bồ hóng và tro từ việc nấu nướng hay thịt cháy.”

“Chùng ấy bụi thì... có thể là công trường phá dỡ,” Cage nói.

“Nghe có vẻ gần như chắc chắn?” Hardy nói.

“Chắc chắn ư? Làm sao mà chắc được?” Rhyme hỏi. “Chỉ là một khả năng thôi. Nhưng tất cả mọi thứ đều là khả năng cho đến khi chứng minh được trường hợp loại trừ còn lại, đúng không nào? Nghĩ tới chuyện ấy...” Giọng Rhyme hơi nhỏ đi khi anh ta nói chuyện với ai đó trong phòng, “Không, Amelia, tôi không chán chạo. Tôi chỉ đang dùng từ cho chính xác... Thom! Thom! Lấy thêm rượu cho tôi nhé.”

“Anh Rhyme,” Lukas nói, “Lincoln... Anh thật tốt và chúng tôi cảm thấy rất biết ơn. Nhưng chỉ mười phút nữa là đến cuộc tấn công tiếp theo của tên xạ thủ. Anh có chút ý tưởng nào về khách sạn hân có thể nhắm đến không?”

Rhyme trả lời nghiêm trang đến nỗi Parker lạnh cả người. “Tôi e là không,” anh ta nói. “Về điểm này thì các cô phải tự lo liệu thôi.”

“Được rồi.”

Parker nói, “Cảm ơn anh, Lincoln.”

“Chúc các bạn may mắn! Chúc may mắn!” Với một tiếng tút, nhà tội phạm học tắt máy.

Parker xem lại các ghi chép. Bụi granite... lưu huỳnh... Ôi, chúng là những manh mối tuyệt vời, vô cùng chắc chắn. Nhưng đội của anh không có đủ nửa thời gian cần thiết để theo đuổi chúng. Chẳng thể kịp trước bốn giờ chiều. Thậm chí trước tám giờ cũng không.

Anh mừng tượng cảnh tên xạ thủ đứng trong đám đông, súng ống sẵn sàng. Chuẩn bị bóp cò. Lần này, bao nhiêu người sẽ chết?

Bao nhiêu gia đình sẽ tan nát?

Còn bao nhiêu đứa trẻ sẽ chung số phận với LaVelle Williams?

Những đứa trẻ giống Robby và Stephie?

Tất cả mọi người trong phòng thí nghiệm nửa mờ nửa tỏ đều im lặng, dường như họ bị tê liệt vì không tài nào nhìn thấu bức màn đang che giấu sự thật.

Parker liếc nhìn bức thư một lần nữa và có cảm giác nó đang chế nhạo mình.

Rồi điện thoại của Lukas đổ chuông. Cô lắng nghe và nở nụ cười thực sự đầu tiên mà Parker nhìn thấy trên khuôn mặt cô ngày hôm đó.

“Tóm được hân rồi!” Cô tuyên bố.

“Cái gì?” Parker hỏi.

“Hai cậu trong đội của Jerry vừa tìm được một ít vỏ đạn có sơn màu đen dưới chân ghế ở khách sạn Four Seasons ở Georgetown. Tất cả các đặc vụ và cảnh sát trong trạng thái sẵn sàng đều đang trên đường đến đó.”

Chương 11

“Có đông không?”

“Khách sạn ấy à?” Cage đáp lại câu hỏi của Parker trong lúc nhìn lên từ điện thoại di động của mình. “Trời ạ, có chứ. Người của ta nói rằng quầy bar ở sảnh đây chật người. Rồi các phòng tiệc dưới tầng một thì đang có tới bốn bữa tiệc mừng năm mới. Rất nhiều công ty đã đóng cửa sớm. Chắc phải có đến cả ngàn người ở đó.”

Parker thoáng nghĩ một khẩu súng tự động có thể làm gì trong khoảng không gian kín như phòng tiệc.

Tobe Geller đã bắt tần số radio hoạt động của đội tác chiến qua loa. Trong phòng thí nghiệm, cả đội có thể nghe được tiếng Jerry Baker. “Đây là Chỉ huy số hai của Năm mới gửi tới tất cả các đơn vị. Mãi mười hai tại Four Seasons trên phố M. Mãi mười hai. Nghi phạm đang có mặt tại hiện trường, không có mô tả nhân dạng. Nghi ngờ có trang bị một khẩu súng tự động Uzi và ống giảm thanh. Các bạn được bật đèn xanh. Nhắc lại, các bạn được bật đèn xanh.”

Có nghĩa là họ được thoải mái bắn mà không cần yêu cầu đầu hàng trước.

Vài phút nữa, hàng tá cảnh sát sẽ tràn vào trong khách sạn. Họ có bắt được Digger không? Kể cả là không, Parker cho rằng họ cũng sẽ làm hấn hoảng sợ mà bỏ chạy trước khi kịp làm hại người nào.

Nhưng cũng có thể họ sẽ bắt được hấn. Bắt hoặc giết, nếu hấn kháng cự. Và cơn ác mộng này sẽ kết thúc; Parker có thể về nhà với các con.

Giờ chúng đang làm gì nhỉ? Anh tự hỏi.

Con trai anh có còn phiền muộn vì *Người chèo thuyền*?

Ồi, Robby, làm sao ba có thể bảo con đừng lo? *Người chèo thuyền* đã chết nhiều năm nay rồi. Nhưng hãy nhìn này, ngay đêm nay, chúng ta lại có một gã khác, thậm chí còn tệ hơn. Bọn ma quỷ là thế, con ạ. Chúng luôn đội mô sống dậy hết lần này đến lần khác và không có cách nào ngăn cản được chúng...

Radio không phát ra tiếng động nào.

Chờ đợi là việc khó khăn nhất. Đó là điều Parker đã quên mất trong suốt những năm tháng về hưu của mình. Bạn chẳng bao giờ quen được với việc đợi chờ.

“Chiếc xe đầu tiên vừa mới tới nơi,” Cage gọi trong lúc đang nghe điện thoại.

Parker lại cúi mình trên bức thư.

Thị trưởng Kennedy...

Kết thúc là đêm. Digger đang chạy rông và hông có cách nào ngăn cản được hấn.

Rồi anh liếc nhìn chiếc phong bì.

Anh đang nhìn vào những vết mờ của dư chất để lại trên giấy. Nhìn vào biểu đồ ESDA một lần nữa, hình ảnh mờ mờ của những chữ cái bị hấn lên: t-e-l.

Những câu nói của Rhyme vọng lại.

Nhưng chiếc phong bì lại kể cho chúng ta một câu chuyện khác.

Gã không đơn giản như chúng ta thoạt nghĩ...

Parker cũng nghe thấy chính mình nói lúc này, anh đã bảo với Lukas rằng hồ sơ ngôn ngữ tâm lý của Quantico là sai, tên nghi phạm thực ra là một kẻ cực kỳ thông minh.

Đầu anh ngẩng phắt lên. Anh nhìn Lukas.

“Sao?” Cô hỏi, giật mình vì biểu hiện của anh.

Anh nói giọng điềm đạm, “Chúng ta đã sai. Hiểu lầm rồi. Digger sẽ không tấn công Four Seasons.”

Những người khác trong phòng đông cứng, nhìn chằm chằm vào anh.

“Ngăn đội phản ứng lại. Cảnh sát, đặc vụ... bất kể họ đang ở đâu... hãy ngăn họ lại.”

“Anh đang nói cái gì thế?” Lukas hỏi.

“Bức thư... nó đang lừa chúng ta.”

Cage và Lukas nhìn nhau.

“Nó đang dẫn chúng ta rời xa địa điểm thực.”

“Nó đang?” C.P. Ardell hoang mang hỏi. Nhìn vào Lukas. “Anh ta nói gì thế?”
Parker lờ C.P. đi và kêu lên, “Ngăn họ lại!”
Cage giờ điện thoại. Lukas ra hiệu bằng tay với ông.
“Làm ngay đi!” Parker hét lên. “Các đội phản ứng nhanh phải tiếp tục di chuyển. Chúng ta không thể nhốt họ tại khách sạn.”
Hardy nói, “Parker, hẩn ở đó mà. Họ đã tìm được vỏ đạn. Không thể trùng hợp được.”
“Tất nhiên đó không phải là trùng hợp. Digger đã bỏ chúng lại đó. Rồi hẩn đến một nơi khác, mục tiêu thực sự. Một nơi nào đó không phải là khách sạn.” Anh nhìn sang Cage. “Ngăn các xe lại ngay!”
“Không,” Lukas nói. Lúc này mặt cô đã bùng bùng giận dữ
Nhưng Parker vẫn nói tiếp bên trên bức thư. “Quá thông minh khi làm như vô tình để lại chỉ dẫn tới một khách sạn. Nó cố tình lừa chúng ta bằng các manh mối trên phong bì. Tương tự như vậy với các chữ cái ẩn. Chữ t-e-l.”
“Chúng ta chỉ suýt soát tìm ra các chữ cái ẩn,” Lukas đốp lại.
“Thậm chí nếu anh không giúp thì chúng tôi còn chẳng tìm được.”
“Nó biết...” Đường như việc nhân cách hóa bức thư khiến họ thấy khó chịu. Anh nói, “Tên nghi phạm biết gã phải đương đầu với những ai. Có nhớ tới hồ sơ liên quan đến ngành ngôn ngữ học của tôi không?” Anh gõ vào bức ảnh của nghi phạm đã chết.
“Gã rất thông minh. Gã là một nhà chiến lược. Gã phải làm cho các bằng chứng thật khó thấy. Nếu không chúng ta sẽ không tin. Không, không, chúng ta phải ngăn các đội tác chiến lại. Bất kể họ đang ở đâu. Họ phải chờ đến khi chúng ta tìm ra được mục tiêu thực sự.”
“Chờ ư?” Hardy nói một cách chán nản, giơ hai tay lên.
C.P. thì thào, “Chỉ còn năm phút nữa là đến bốn giờ.”
Cage nhún vai, liếc nhìn Lukas. Đây là quyết định của cô.
“Cô phải làm,” Parker quát
Anh trông thấy Lukas ngược đôi mắt sắt đá lên chiếc đồng hồ treo tường. Kim phút nhảy thêm một nấc nữa.

* * * * *

Khách sạn đẹp hơn *chỗ này*.

Digger nhìn quanh và có điều gì đó trong nhà hát này làm hẩn không hề thích thú.

Chiếc túi cún con có vẻ... có vẻ hợp lý khi hẩn đang ở trong một khách sạn đẹp đẽ.

Ở đây thì không.

Đây là... đây là... *click*... Nhà hát Mason, ngay phía đông Georgetown. Digger đang ở trong sảnh nhà hát và hẩn nhìn vào những bức phù điêu bằng gỗ. Hẩn trông thấy hoa không phải màu vàng hay đỏ mà là màu gỗ, thâm xỉ như màu máu.Ồ, còn cái gì thế kia? Rắn. Rắn tạc trong gỗ. Còn phụ nữ thì ngực bự như ngực Pamela.

Hừm.

Nhưng không có các con vật.

Không có chó con. Không, không.

Hẩn đi vào trong nhà hát mà không có ai ngăn cản. Buổi biểu diễn đã gần kết thúc. *Anh có thể đi vào trong hầu hết các rạp hát lúc gần cuối buổi mà chẳng ai để ý đến*, người đàn ông chỉ dạy hẩn mọi điều đã nói. *Họ sẽ nghĩ anh tới đón ai đấy*.

Tất cả những người chỉ chỗ ngồi ở đây đều lờ tịt hẩn. Họ chỉ đang nói về thể thao, các nhà hàng và những bữa tiệc mừng năm mới.

Đại loại như vậy.

Đã gần bốn giờ.

Digger đã không còn đi nghe hòa nhạc hay xem kịch vài năm rồi. Pamela và hẩn đến... *click*... một nơi nào đó để nghe nhạc. Không phải xem kịch. Không phải một vở ba lê. Cái gì nhỉ? Nơi mà người ta nhảy nhót. Nghe nhạc... Những người đội mũ buồn cười cứ như là cao bồi. Chơi guitar, ca hát. Digger nhớ một bản nhạc. Hẩn ngâm nga với chính mình.

Khi tôi cố yêu em ít đi, tôi chỉ càng yêu em nhiều hơn.

Nhưng hôm nay không có ai hát cả. Buổi diễn tối nay là một vở ba lê. Một vở *matinée*.

Có vắn, có nhịp cơ đấy, hẩn nghĩ. Buồn cười. Ba lê... *matinée*

Digger nhìn bức ảnh quảng cáo trên tường. Một bức tranh đáng sợ mà hẳn không hề thích. Còn đáng sợ hơn cả bức tranh *Đường vào địa ngục*. Đó là hình ảnh một anh lính có quai hàm khổng lồ đang đội chiếc mũ màu xanh dương. Kỳ quặc. Không... *click*... không, không, tôi không thích thế chút nào.

Hắn bước qua sảnh trong lúc nghĩ rằng Pamela thả xem đàn ông đội mũ cao bồi còn hơn trông thấy những tay lính có quai hàm to bự thế này. Nàng ăn mặc chải chuốt với tông màu tươi sáng như hoa để đi xem những anh chàng đội mũ cao bồi hát. Bạn của Digger, anh chàng William ấy, đôi khi cũng đội mũ như thế. Tất cả bọn họ cùng đi chơi với nhau. Hẳn nghĩ họ đã rất vui nhưng không chắc lắm.

Digger lên vào quầy bar của sảnh, lúc này đã đóng cửa, và tìm được cửa cho nhân viên, hẳn đi qua đó và lần bước lên cầu thang có mùi như nước soda bị đánh đổ. Bỗng qua những chiếc hộp các tông đựng kính nhựa và khăn giấy, kẹo dẻo Gummi Bear cùng Twizzler.

Tôi chỉ càng yêu em nhiều hơn...

Trên gác, trước cánh cửa có ghi chữ *Ban công*, Digger bước vào hành lang và từ từ đi trên tấm thảm dày. ‘Hãy tới lô số năm mươi tám,’ người chỉ dạy hẳn mọi điều nói, ‘Tôi đã mua tất cả các ghế nên lô đó trống không. Nó nằm trên ban công. Ở phía tay phải của móng ngựa.’

‘Móng ngựa?’ Digger hỏi lại. Sao anh ta lại nói là móng ngựa?

‘Ban công ấy có hình như một cái móng ngựa. Hãy vào trong lô.’

‘Tôi sẽ vào...’ *Click*. ‘... vào một lô. Lô là gì?’

‘Nó nằm sau những tấm rèm ấy. Một căn phòng nhỏ nhìn xuống sân khấu.’

‘Ồ.’

Đã sắp bốn giờ chiều, Digger bước từ từ về phía cái lô và không một ai để ý đến hắn.

Một gia đình đang đi qua quầy bán đồ ăn vặt; người cha nhìn đồng hồ. Họ về sớm. Người đang giúp con gái mặc áo khoác trong lúc cả nhà cùng bước đi và hai vợ chồng đều có vẻ buồn bực. Trên tóc của cô bé có cài một bông hoa nhưng không phải màu vàng hay đỏ, mà là màu trắng. Đứa con thứ hai, một cậu bé chỉ khoảng năm tuổi, thì liếc vào quầy bánh kẹo và dừng bước. Nó khiến Digger nhớ đến thằng bé trong khách sạn xinh đẹp lúc trước. “Không, họ đóng cửa rồi,” người cha nói. “Đi thôi. Chúng ta lỡ mất bữa tối đặt trước bây giờ.”

Và rồi trông thằng bé như sắp khóc đến nơi, nó bị bố lôi đi mà chẳng có kẹo dẻo Gummi hay Twizzler nào cả.

Digger chỉ còn lại một mình trên hành lang. Hẳn nghĩ mình cảm thấy buồn thay cho thằng nhỏ nhưng hẳn không chắc lắm. Hẳn đi sang một bên của móng ngựa. Một cô gái trẻ mặc sơ mi trắng đang bước về phía hắn. Cô ta cầm chiếc đèn pin.

“Chào anh,” cô ta nói. “Anh bị lạc à?”

Cô ta nhìn vào mặt hắn.

Digger gi một bên túi vào ngực cô ta.

“Cái gì... cô ta chực hỏi.

Phụt, phụt...

Hắn bắn cô ta hai phát và khi cô ta ngã xuống thảm, hắn liền tóm tóc rồi lôi ngược cô ta vào trong lô bỏ trống.

Chà chà, việc này... *click*... việc này vui đấy. Hừm.

Hắn nhìn xuống nhà hát. Digger không cười nhưng lúc này hẳn xác định là mình cũng khá thích nơi đây. Gỗ tối màu, hoa, thạch cao, màu vàng và chiếc đèn chùm. Hừm. Nhìn nó mà xem. Còn đẹp hơn cả khách sạn lúc trước. Mặc dù hẳn nghĩ nơi này không phải chỗ tốt nhất để ngấm bắn. Tường bê tông hoặc tường gạch sẽ tốt hơn; như thế những viên đạn sẽ bị bật trở lại và các đầu nhọn sẽ bắn tứ tung bên trong rạp hát gây tổn hại nhiều hơn.

Hắn ngấm ngĩa những con người đang nhảy nhót trên sân khấu. Lắng nghe tiếng nhạc từ dàn giao hưởng. Nhưng hẳn không thực sự nghe thấy họ mà vẫn đang ngâm nga với chính mình. Không thể rú bỏ bài hát khỏi bộ não.

Tôi nhìn vào tương lai, tôi tự hỏi trước mắt là gì? Tôi nghĩ về cuộc sống của chúng tôi, và tôi càng yêu em nhiều hơn.

Digger đẩy thi thể cô gái về phía tấm rèm nhung. Hẳn thấy nóng và phải cởi áo khoác, mặc dù người chỉ dạy hẳn mọi điều không bảo hắn làm thế. Nhưng hẳn cảm thấy khá hơn.

Hắn thả tay vào chiếc túi hình chó con và cuộn ngón tay quanh băng súng. Cầm ống giảm thanh bằng bàn tay trái.

Hắn nhìn xuống đám đông. Nhìn những cô bé mặc váy sa tin hồng, các cậu bé mặc áo khoác xanh lơ, những người phụ nữ hở khe chữ V nơi cổ, những ông hói và cả những chàng trai tóc dày mượt. Mọi người đều chìa ống nhòm nhỏ xíu lên đám người trên sân khấu. Ở giữa trần nhà hát là chiếc đèn chùm khổng lồ, chứa hàng triệu ngọn đèn. Bản thân trần nhà thì được tô vẽ bằng những vị thiên thần béo núc đang bay qua những đám mây vàng. Y như *Em bé Năm mới*...

Trong rạp không có nhiều cửa lăm và thế thật tốt. Thậm chí, nếu hắn có không bắn chết được quá ba, bốn mươi người, thì những người khác cũng sẽ chết trong lúc xô đẩy ở cửa ra vào. Thế là tốt.

Thế là tốt...

Bốn giờ. Đồng hồ của hắn kêu bip. Hắn bước lùi lại tóm chặt ống giảm thanh qua lớp túi nhàu nhĩ, liếc nhìn khuôn mặt những chú cún con. Một đeo nơ màu hồng, một đeo nơ màu xanh. Nhưng không có nơ vàng hay nơ đỏ, Digger nghĩ thế trong lúc bắt đầu bóp cò.

Rồi hắn nghe thấy một giọng nói.

Nó ở đằng sau hắn, trên hành lang, phía bên kia bức màn nhung xinh đẹp. “Lạy Chúa tôi,” giọng người đàn ông thì thào. “Chúng ta bắt được hắn rồi! Hắn đang ở đây.” Và người đàn ông kéo rèm sang một bên trong lúc tay nâng khẩu súng ngắn màu đen.

Nhưng Digger kịp nghe thấy anh ta và lẫn mình sang phía bức tường, do đó viên đặc vụ đã bắn trượt. Digger suýt cắt đôi người anh ta bằng loạt đạn kéo dài một giây từ khẩu Uzi. Một đặc vụ khác ngay đằng sau người đầu tiên cũng bị thương vì loạt đạn ấy. Anh ta nhìn vào mặt Digger và Digger nhớ ra mình phải làm gì. Nên hắn cũng giết anh ta luôn.

Digger không hoảng loạn. Hắn không bao giờ hoảng loạn. Thậm chí nỗi sợ hãi còn chẳng bằng một hạt bụi đối với hắn. Nhưng hắn biết có những chuyện là tốt trong khi những chuyện khác lại là xấu, không làm theo những gì mình được bảo chính là chuyện xấu. Hắn muốn bắn vào đám đông nhưng không thể. Thêm nhiều đặc vụ khác đang ủa vào ban công. Các đặc vụ này mặc áo gió của FBI và áo khoác chống đạn, một vài người đội mũ, còn vài người khác mang những khẩu súng máy có khả năng bắn nhanh như khẩu Uzi của hắn.

Một tá đặc vụ, hai tá. Vài người rẽ ở khúc quanh và chạm phải thi thể của đồng đội. Digger giơ chiếc túi qua tấm màn, chìa về phía sảnh, khẽ chúc mũi súng xuống một giây. Tiếng kính vỡ, gương vỡ, kẹo Twizzler và Gummi Bear bay trong không trung.

Hắn phải... *click*... phải bắn vào khán giả. Đó là việc hắn phải làm...

Phải làm... Hắn...

Trong một phút, đầu óc hắn trống rỗng.

Hắn phải... *click*.

Thêm đặc vụ, thêm cảnh sát. Tiếng hò hét

Quá nhiều sự hỗn loạn... Hàng tá đặc vụ sẽ sớm vào trong hành lang bên ngoài lô, họ sẽ ném lựu đạn vào hắn, không chế hắn, có khi còn bắn chết hắn; những viên đạn đỏ sẽ không nảy đi nảy lại mà sẽ xuyên thẳng vào tim hắn và khiến nó ngừng đập.

Hoặc họ sẽ đưa hắn vô Connecticut và ném hắn trở lại cửa địa ngục. Lần này, hắn sẽ ở đó vĩnh viễn và sẽ chẳng bao giờ gặp lại người chỉ dạy hắn mọi điều.

Hắn thấy nhiều người nhảy từ ban công xuống đám đông bên dưới. Khoảng cách không xa mấy.

Tiếng la hét các đặc vụ và cảnh sát.

Họ ở khắp mọi nơi.

Digger tháo ống giảm thanh và nhắm bắn chiếc đèn chùm. Hắn bóp cò. Một loạt tiếng súng vang lên. Đạn cắt đứt dây treo, kết cấu gồm thủy tinh và kim loại khổng lồ ấy rơi ngay xuống sàn, đè nát những con người bên dưới. Ngàn lẻ một tiếng thét. Ai nấy đều hoảng loạn.

Digger nhẹ nhàng nhảy qua ban công và rơi trúng vai một người đàn ông to béo ở dưới hắn khoảng bốn mét rưỡi. Cả hai ngã ra nhưng Digger lập tức bật dậy. Rồi hắn bị đám đông đùn đẩy ra cửa thoát hiểm, tay vẫn ôm chặt túi mua hàng.

Ra ngoài lẫn mình vào không khí mát lạnh.

Hắn bị lóa mắt vì đèn rọi cùng đèn nhấp nháy của năm, sáu mươi chiếc xe cảnh sát lẫn xe tải. Nhưng bên ngoài này lại chẳng có mấy cảnh sát hay đặc vụ liên bang. Hầu hết họ đều đang ở trong nhà hát, hắn đoán vậy.

Hắn đi bộ cùng một cặp trung tuổi qua con hẻm dẫn ra khỏi nhà hát. Hắn đi phía sau; họ chẳng hề để ý đến hắn. Hắn tự hỏi mình có nên bắn họ luôn không, nhưng như thế có nghĩa là lại phải lấp ống giảm thanh, mà đường ren của nó thì rất khó lắp thẳng hàng.

Hơn nữa, họ đâu có nhìn vào mặt hắn, vậy nên hắn không cần giết họ. Hắn rẽ vào một con hẻm khác và trong vòng năm phút đã đi dọc một khu phố dân cư.

Chiếc túi được kẹp gọn gàng dưới cánh tay áo khoác màu xanh hay màu đen của hắn.

Mũi lưỡi trai tối màu trùn qua tai hắn.

Tôi sẽ yêu em dù ốm đau hay nghèo khổ.

Digger ngân nga hát.

Thậm chí khi em cách xa vạn dặm, tôi còn yêu em nhiều hơn...

* * * * *

“Trời ơi, Parker,” Len Hardy nói và lắc đầu với vẻ thán phục đầy tự nhiên. “Tốt lắm! Anh tóm được hãn rồi.”

C.P. Ardell cũng có ý tương tự khi anh nói, “Không dây được vào tên này đâu, không làm được, không có cách nào.”

Margaret Lukas thì chẳng nói gì với Parker vì còn đang bận nghe điện thoại. Khuôn mặt vẫn vô cảm nhưng cô liếc nhìn anh và gật đầu. Đó là kiểu cảm ơn của cô.

Song Parker Kincaid không cần lòng biết ơn. Anh cần thực tế. Anh muốn biết trận bắn giết tồi tệ đến đâu.

Và liệu trong đám thi thể có bao gồm cả Digger hay không.

Loa bộ đàm liên tục phát ra tiếng lạch tạch vì tần số của Jerry Baker và đội cấp cứu bị lẫn vào nhau. Parker hầu như không hiểu họ đang nói gì.

Lukas nghiêng đầu nghe điện thoại. Rồi nhìn lên và nói, “Hai đặc vụ đã chết, hai đặc vụ khác bị thương. Một người chỉ chỗ ngồi bị giết, một khán giả nam chết vì bị đèn chùm đè, một tá khác bị thương, vài người trong tình trạng nguy kịch. Đám đông hoảng loạn xô đẩy khiến mấy đứa bé bị thương khá nặng. Bị giẫm đạp. Nhưng chúng sẽ sống sót.”

Chúng sẽ sống, Parker u ám nghĩ. Nhưng cuộc đời chúng sẽ chẳng bao giờ như cũ được nữa.

Ba ơi, kể cho con nghe về Người chèo thuyền đi...

Parker hỏi, “Hãn thoát rồi à?”

“Phải,” Lukas nói và thở dài.

“Mô tả?”

Cô lắc đầu và nhìn Cage, ông ta cũng đang nghe điện thoại. “Không ai nhìn thấy cái chết tiệt gì cả. À, có hai người nhìn được. Hai người của ta. Nhưng họ chính là đối tượng bị hãn giết hại.”

Parker nhắm mắt và tựa đầu trên lưng ghế màu xám. Chắc vẫn là chiếc ghế mà anh đã yêu cầu từ nhiều năm trước; trên đó có một thứ mùi ẩm mốc, mùi nhựa đặc trưng khiến ký ức trở dậy, một trong rất nhiều ký ức đang trở dậy đêm nay.

Những ký ức anh không hề muốn có.

“Pháp y thì sao?” Anh hỏi.

“Đội PERT đang đến đó cùng chiếc kính hiển vi,” Cage nói. “Nhưng tôi không hiểu tại sao hãn nã đạn từ một khẩu súng tự động mà chẳng có lấy một vỏ đạn.”

Parker nói, “Ồi, hãn đặt khẩu súng vào trong túi hay gì đó. Túi giữ lại vỏ đạn.”

“Làm sao anh biết chuyện đó?” Hardy hỏi.

“Tôi không biết. Nhưng nếu là hãn thì tôi sẽ làm vậy. Có ai ở khách sạn nhìn thấy hãn lúc thả vỏ đạn không.”

“Không,” Cage lẩm bẩm. “Và họ đang thẩm vấn tất cả mọi người ở đó. Một thằng bé bảo rằng mình trông thấy ông ba bị. Nhưng nó chẳng nhớ chút gì về hãn cả.”

Ông ba bị, Parker nghĩ một cách sâu não. Tuyệt thế cơ đấy!

Rồi anh nhớ lại toàn cảnh: cái cách mà bức tranh đã được hoàn thiện.

Rằng Lukas rút cuộc đã đồng ý với Parker và nói lạnh như băng, “Được rồi, được rồi, chúng ta sẽ dừng đội phản ứng lại. Nhưng Chúa cứu giúp tôi nếu anh sai, Kincaid.” Cô ra lệnh cho toàn đội giữ nguyên vị trí. Họ dành vài phút tiếp theo để điên cuồng dự đoán nơi Digger có thể nhắm đến. Parker lập luận rằng hãn để lại vỏ đạn ở khách sạn trước bốn giờ không lâu, vậy là hãn chỉ có tối đa mười phút để đến mục tiêu thật. Tên giết người không thể trông cậy vào việc gọi taxi trong buổi chiều cuối năm như thế này, còn xe buýt của Đặc khu thì hết sức khó đoán; hãn sẽ phải đi bộ. Điều đó có nghĩa là phạm vi chỉ trong vòng năm dặm nhà mà thôi.

Parker cùng toàn đội cúi rạp người bên một tấm bản đồ Georgetown.

Đột nhiên anh nhìn đồng hồ và nói, “Hôm nay, các rạp hát có chiếu suất buổi trưa không?”

Lukas nắm lấy cánh tay anh. “Có, sáng nay, tôi đã trông thấy quảng cáo trên tờ Post.”

Tobe Geller vốn là fan âm nhạc và anh ta nhắc tới Nhà hát Mason, cách khách sạn Four Seasons chỉ năm phút đi bộ.

Parker mở một tờ Washington Post và phát hiện ra có buổi biểu diễn vở Kẹp hạt dẻ bắt đầu lúc hai giờ chiều và kết thúc tầm bốn giờ. Một nhà hát đầy chật người chính là mục tiêu hoàn hảo cho Digger. Anh đã yêu cầu Lukas gọi Jerry Baker và bảo anh ta cử toàn đội tới đấy.

“Tất cả à?”

Chúa giúp anh nếu anh sai, Kincaid...

Nhưng anh đã không sai. Có điều, anh mạo hiểm biết bao. Và dù anh đã cứu được nhiều mạng người, song những người khác vẫn chết. Còn tên sát thủ thì đã trốn thoát.

Parker liếc nhìn bức thư tổng tiền. Kẻ viết nó tuy đã chết nhưng bản thân nó thì như đang còn sống. Đường như nó đang nhạo báng anh. Anh cảm thấy cơn thôi thúc điên cuồng muốn tóm lấy que dò kiểm tra mà đâm thẳng vào giữa bức thư.

Điện thoại của Cage kêu lần nữa và ông ta mở máy nghe. Nói chuyện vài phút, dù tin tức ông nghe được là gì, có vẻ như nó rất đáng khích lệ nếu căn cứ vào khuôn mặt ông. Rồi ông cúp máy. “Đó là nhà tâm lý học. Dạy môn Tâm lý tội phạm ở Georgetown. Ông ta bảo có chút thông tin về cái tên đó.”

“Digger à?” Parker hỏi.

“Ừ. Ông ta đang trên đường sang.”

“Tốt lắm,” Lukas nói.

Cage hỏi, “Tiếp theo là gì?”

Lukas do dự một phút rồi hỏi Parker, “Anh nghĩ sao? Không phải chỉ trong phạm vi tài liệu đâu.”

Anh nói, “À, tôi sẽ tìm hiểu xem có phải cái lô hăn đứng bắn trống người không và nếu đúng như vậy, có phải tên nghi phạm đã mua hết toàn bộ cái lô đó, để tên Digger có điểm bắn tốt nhất? Rồi tôi sẽ tìm xem gã có dùng thẻ tín dụng không.”

Lukas gật đầu với C.P., anh mở máy gọi Jerry Baker và trực tiếp hỏi những câu trên. Anh chờ một lát rồi lắng nghe câu trả lời. Sau đó, C.P. tắt máy. “Giỏi đấy!” Anh ta đảo mắt.

“Nhưng,” Parker dự đoán thành tiếng, “nghi phạm đã mua vé từ hai tuần trước và trả tiền mặt.”

“Ba tuần trước,” viên đặc vụ lăm băm, đưa bàn tay chai sần lên xoa đỉnh đầu bóng loáng. “Và trả bằng tiền mặt.”

“Quý thật,” Parker thất vọng thốt ra. Không có gì để làm ngoài việc tiếp tục. Anh quay lại với đoạn ghi chép các nhận xét của Lincoln Rhyme. “Chúng ta cần mấy tấm bản đồ. Những cái tốt chứ không phải thế này.” Anh gõ vào bản đồ thành phố mà họ dùng để cố tìm xem Digger đi đâu từ chỗ khách sạn Four Seasons. Parker nói tiếp, “Tôi muốn tìm xem dấu vết trên thư đến từ đâu. Thu hẹp nơi ở của tên nghi phạm.”

Lukas gật đầu với Hardy. “Nếu làm được điều đó, chúng ta sẽ cho đội của Jerry cùng những người ở Sở cảnh sát Đặc khu đi lùng. Phát đi ảnh của nghi phạm và xem có ai từng trông thấy gã ở một ngôi nhà hay căn hộ nào không.” Cô đưa cho Geller bức ảnh chụp nghi phạm trong nhà xác. “Tobe, in cái này ra một trăm bản.”

“Được.”

Parker nhìn qua danh sách các dư chất Rhyme đã xác định được. Đá granite, đất sét, bụi gạch, lun huỳnh, tro... Những vật chất này từ đâu ra nhỉ?

Cậu văn thư trẻ khi này đã mang thư lên cho họ, Parker nhớ lại tên cậu ta là Timothy, xuất hiện ở ngưỡng cửa.

“Đặc vụ Lukas?”

“Vâng?”

“Có vài chuyện cô cần biết. Đầu tiên là về Moss?”

Gary Moss. Parker nhớ lại bản tin về hai đứa con suýt chết cháy của ông ta.

“Ông ta hơi hoảng loạn. Ông ta trông thấy người lao công và tường đó là sát thủ.”

Lukas cau mày. “Đó là ai? Một trong những người của ta à?”

“Vâng. Một nhân viên lao công. Chúng tôi đã kiểm tra. Nhưng Moss hoàn toàn bị hoang tưởng. Ông ta muốn chúng tôi đưa ông ta ra khỏi thành phố. Ông ta nghĩ mình sẽ được an toàn hơn.”

“Chúng ta không thể đưa ông ta đi lúc này. Hiện nay, ông ta không phải ưu tiên hàng đầu.”

“Tôi chỉ nghĩ là cần phải báo cho cô biết,” Timothy trả lời.

Cô nhìn quanh có vẻ như đang cân nhắc. Cô nói với Len Hardy, “Thanh tra, anh có phiền đi an ủi ông ta một lát không?”

“Tôi à?”

“Được chứ?”

Hardy không vui. Đây lại là một cái tát khác vào mặt. Parker nhớ rằng phần khó khăn nhất trong công việc của anh khi còn điều hành văn phòng không phải đương đầu với những tài liệu khó nhằn, mà là với tâm tính của các nhân viên.

“Tôi đoán là được,” Hardy nói.

“Cảm ơn anh.” Lukas mỉm cười với anh ta. Rồi cô nói với Timothy, “Cậu bảo còn chuyện khác nữa?”

“Đội an ninh muốn tôi nói cho cô biết. Có một anh chàng ở dưới nhà? Một vị khách.”

“Và?”

“Anh ta bảo anh ta biết chút gì đó về kẻ giết người ở Metro.”

Parker nhớ rằng bất kể khi nào một vụ án lớn như thế này xảy ra, bọn thần kinh ở khắp nơi đều bắt đầu

bò ra khỏi hang ổ: Đôi khi để thú tội, đôi khi giúp điều tra. Ở gần cửa chính của trụ sở phân cục thường có tới vài *Phòng Tiếp tân* cho những kẻ như vậy. Khi ai đó nói là có thông tin về vụ án ghé qua trụ sở FBI, các công dân gương mẫu ấy được đưa vào một trong những phòng tiếp khách và được các chuyên viên thẩm vấn tra hỏi.

“Đáng tin cậy không?” Lukas hỏi.

“Anh ta tuyên bố mình là phóng viên, đang viết về một loạt các vụ án mạng chưa được giải quyết. Bằng lái xe và số an sinh xã hội đã được kiểm tra. Chưa nhận trát bao giờ. Họ còn chưa kiểm tra đến giai đoạn hai.”

“Anh ta nói gì về Digger?”

“Tất cả những gì anh ta nói là hắn từng gây án rồi, ở những thành phố khác.”

“Ở thành phố khác à?” C.P. Ardell hỏi.

“Anh ta bảo vậy.”

Lukas nhìn Parker, anh nói, “Tôi nghĩ tốt hơn nên nói chuyện với anh ta.”

Phần II

THỂ THÂN

Bước đầu tiên trong việc thu hẹp phạm vi những điểm đáng ngờ của một tài liệu nghi vấn chính là xác định quốc tịch, tầng lớp và các đặc tính nhóm. Việc loại trừ thêm các điểm đáng ngờ được thực hiện khi những đặc tính cá biệt rõ rệt đã được xác định, rồi được sắp xếp có trình tự và đánh giá.

– **Edna w. Robertson**
Đại cương về Giám định tài liệu

Chương 12

“Vậy giờ hẳn đang ở D.C.?” Người đàn ông hỏi.

Họ đang ở tầng một trong khu vực Tiếp tân B. Đó là dòng chữ được ghi bằng một phong chữ dễ chịu trên tấm biển ngoài cửa. Tuy nhiên, trong nội bộ phân cục, nó được gọi là *phòng Thăm vấn Xanh lơ*, đặt theo tông trang trí bên trong.

Parker, Lukas và Cage ngồi đối diện với anh ta bên chiếc bàn trày xước. Anh ta là một người to lớn với mái tóc xám bù xù. Từ cách nói vừa rồi, Parker biết người này không phải quê gốc ở đây. Người ở đây luôn gọi thành phố này là *Đặc khu*, mà chẳng bao giờ gọi là *D.C.*

“Anh nói ai nhĩ?” Lukas hỏi.

“Cô biết mà,” người đàn ông trả lời một cách tinh quái. “Tôi gọi hẳn là đồ tể. Các vị gọi hẳn là gì?”

“Ai cơ?”

“Tên sát nhân có đầu óc của con người nhưng mang trái tim của quỷ,” anh ta nói một cách kịch tính.

Gã này có thể là kẻ điên, nhưng Parker xác định rằng lời anh ta mô tả Digger khá chính xác.

Henry Czisman ăn vận sạch sẽ nhưng quần áo đã cũ mòn cả. Một chiếc sơ mi trắng căng ra ở chỗ bụng, cùng cả vạt kẻ sọc. Áo khoác của anh ta không phải loại thể thao mà là một phần của bộ vest cũng kẻ sọc màu xám. Parker ngửi thấy mùi khét của thuốc lá trên bộ quần áo đó. Chiếc cặp táp cũ kỹ nằm trên bàn. Anh ta đang khum tay trên cốc nước lạnh trước mặt.

“Anh đang nói rằng kẻ liên quan đến các vụ xả súng trong ga tàu điện ngầm và nhà hát được gọi là Đồ tể?”

“Kẻ thực sự ra tay ấy, phải. Tôi không biết tên đồng phạm của hẳn.”

Lukas và Cage im lặng một lúc. Cô quan sát tỉ mỉ người đàn ông và đang tự hỏi làm sao Czisman biết Digger còn có đồng phạm. Tin tức về nghi phạm đã chết chưa hề được công bố với báo chí.

“Mối quan tâm của anh trong toàn bộ chuyện này là gì?” Parker hỏi.

Czisman mở cặp táp và lấy ra vài tờ báo cũ. Tờ *Hartford News-Times* phát hành từ năm ngoái. Anh ta chỉ ra những bài mình đã viết. Anh ta là, hoặc đã từng là, một phóng viên hình sự.

“Tôi đang xin nghỉ phép dài hạn để viết một cuốn sách trinh thám có thật về gã Đồ tể này.” Anh ta nói thêm một cách u ám, “Tôi đang lần theo đường đi hủy diệt.”

“Trinh thám có thật?” Cage hỏi. “Người ta thích thể loại này lắm hả?”

“Ồ có chứ. Toàn sách bán chạy cả. Ann Rule. Cuốn sách về Ted Bundy^[3] ... Anh đọc bao giờ chưa?”

“Có thể đã đọc,” Cage nói.

“Độc giả ngẫu nhiên những câu chuyện trinh thám trong đời thực. Nó nói lên chút ít về xã hội, đúng không nào? Có lẽ ai đó nên viết một cuốn về chuyện này. Tại sao người ta lại thích thể loại ấy đến vậy.”

Lukas thúc giục, “Gã Đồ tể mà anh đang nói tới...”

Czisman nói tiếp. “Đó là biệt danh của hẳn ở Boston. Hồi đầu năm nay. Chà, tôi nghĩ có một tờ báo đã gọi hẳn là Quỷ.”

Giọt lệ quỷ, Parker nghĩ. Lukas đang liếc nhìn anh và anh tự hỏi có phải cô cũng chung ý nghĩ với mình. Anh hỏi, “Chuyện gì đã xảy ra ở Boston?”

Czisman nhìn anh. Liếc tấm thẻ khách của anh. Trên đó không hề ghi tên. Parker đã được giới thiệu là trợ lý của Cage, tên Jefferson.

“Có một vụ xả súng ở một nhà hàng bán đồ ăn nhanh gần Faneuil Hall. Lucy’s Tacos.”

Parker chưa từng nghe về nó, hay đã quên mất, nếu sự việc ấy đã được lên bản tin. Nhưng Lukas gật đầu. “Bốn người chết, bảy người bị thương. Thủ phạm đã lái xe đến gần nhà hàng và khai hỏa một khẩu súng ngắn tự động qua cửa sổ. Không có động cơ.”

Parker nghĩ chắc cô ấy đã đọc nó từ bản tin Tóm lược các tội ác bạo lực.

Cô nói tiếp, “Nếu tôi nhớ không lầm thì ở đó cũng chẳng có mô tả nhân dạng của thủ phạm.”

“Ồ, cũng là một người đấy. Cô cá không? Và không, chẳng hề có mô tả nhân dạng. Chỉ có những đồn đoán. Có thể hẳn da trắng. Nhưng không nhất thiết. Tuổi tác? Tầm ba, bốn mươi tuổi. Cao? Trung bình. Khô người? Trung bình. Hẳn có thể là bất kỳ ai. Không phải loại cơ bắp, cột tóc đuôi gà như vẫn thấy trên ti vi đâu. Loại đó thì dễ nhận diện lắm. Nhưng tên Đồ tể này... Hẳn chỉ là một người đàn ông bình thường trên phố. Đáng sợ không?”

Lukas định hỏi một câu nhưng bị Czisman ngắt lời, “Cô bảo rằng trong vụ xả súng ở nhà hàng, người ta thấy chẳng có động cơ nào, đúng không đặc vụ Lukas?”

“Theo VICAP thì không có.”

“À, thế cô có biết là mười phút sau khi tên Đồ tể bắn hết loạt đạn qua cửa sổ bằng kính và giết cả phụ nữ lẫn trẻ em, một cửa hiệu trang sức cách đó sáu cây số đã bị cướp không?”

“Không, việc ấy không nằm trong báo cáo.”

Czisman hỏi tiếp, “Thế cô có biết rằng tất cả các chiến sĩ tác chiến trong vòng bán kính ba cây số đều đã kéo đến nhà hàng không? Cho nên, ngay cả khi chủ cửa hiệu bấm nút báo động bí mật thì cảnh sát vẫn chẳng thể đến đó kịp thời trong vòng bốn phút như thông lệ. Họ mất tới mười hai phút. Đến lúc ấy thì tên trộm đã giết người chủ và một khách hàng. Họ là hai nhân chứng duy nhất.”

“Gã chính là đồng phạm của Đồ tể sao? Tên trộm ấy?”

Czisman nói, “Còn là ai được nữa?”

Lukas thở dài. “Chúng tôi cần mọi thông tin anh có. Nhưng tôi không cảm thấy anh thực sự tới đây vì nghĩa vụ công dân.”

Czisman cười phá lên.

Cô nói thêm, “Chính xác thì anh muốn gì?”

“Quyền tiếp cận,” anh ta nói nhanh. “Chỉ quyền tiếp cận thôi.”

“Với thông tin à.”

“Chính xác. Cho cuốn sách của tôi.”

“Chờ ở đây,” cô nói và đứng dậy. Cô ra hiệu cho Parker cùng Cage đi theo.

* * * * *

Ngay phía trên phòng Xanh lơ ở tầng một của trụ sở chính, Tobe Geller đang ngồi trong một căn phòng nhỏ, tối tăm, phía trước một bảng điều khiển phức tạp.

Theo lệnh của Lukas, cậu ta đã theo dõi toàn bộ cuộc thẩm vấn Henry Czisman trên sáu màn hình khác nhau.

Czisman chẳng hề biết mình bị theo dõi bởi vì Cục điều tra không dùng loại gương hai chiều trong các phòng thẩm vấn như các sở cảnh sát địa phương. Thay vào đó, trên các bức tường quanh phòng là ba bức tranh theo trường phái Ấn tượng. Chúng không phải do nhân viên phòng GSA hay một nhà thiết kế nội thất bình thường nào chọn, mà đích thân Tobe Geller cùng vài người khác trong nhóm kỹ thuật cao của Cục đã làm. Chúng là tác phẩm của Georges Seurat, người tiên phong trong kỹ thuật vẽ bằng những chấm li ti pha trộn màu. Sáu trong vô vàn những cái chấm trên mỗi bức tranh thực ra là các ống kính máy quay siêu nhỏ, được đặt ở những góc độ chính xác để từng phần trong toàn bộ phòng thẩm vấn đều lọt vào tầm ngắm.

Các cuộc hội thoại cũng được ghi lại bằng ba máy ghi âm kỹ thuật số khác nhau, một trong số chúng được kết nối với một chương trình máy tính có thể phát hiện âm thanh ai đó rút vũ khí. Czisman, cũng như tất cả những người từng bị thẩm vấn khác, đã bị soát người để tìm súng hay dao, nhưng trong nghề này, cẩn thận chẳng bao giờ là thừa.

Mặc dù vậy, Lukas đã lệnh cho Geller không tập trung quá nhiều vào an ninh mà là phân tích dữ liệu. Czisman sẽ nhắc đến một sự thật nào đó, chẳng hạn vụ cướp ở Boston, và ngay lập tức Geller sẽ chuyển thông tin ấy cho Susan Nance, một đặc vụ trẻ đang đứng trong phòng Thông tin trên gác. Đến lượt mình, cô ấy sẽ liên lạc với phân cục ở đó và tìm cách kiểm chứng thông tin.

Czisman không hề uống ngụm nước nào từ cái cốc Cage đặt trước mặt anh ta, nhưng anh ta đã cầm nó đầy lo lắng, đó cũng là việc mà mọi người thường làm mỗi khi ngồi trong phòng thẩm vấn của FBI. Chiếc cốc này có bề mặt cảm biến áp lực và một con chip nhỏ, có pin cùng bộ phát tín hiệu ở tay cầm. Nó sẽ ghi lại dấu vân tay của Czisman và truyền chúng đến máy tính của Geller. Đến lượt mình, cậu ta sẽ gửi chúng đến hệ thống dữ liệu nhận dạng dấu vân tay tự động để tìm kết quả khớp.

Một trong sáu chiếc camera giấu trong bức tranh Chiều chủ nhật trên đảo La Grande Jatte rất nổi tiếng của Seurat, một bức tranh phức tạp đến mức người bị phỏng vấn nào cũng thường xuyên phải nhìn vào nó, khóa cứng đôi mắt của Czisman và chụp vông mặt để phân tích các khả năng xác thực, nói cách khác là phát hiện nói dối. Geller cũng đang chạy thử việc phân tích giọng nói để làm điều tương tự.

Lúc này, Lukas đang dẫn Cage và Kincaid vào phòng Quan sát.

“Có gì chưa?” Lukas hỏi Geller.

“Đang được ưu tiên hàng đầu,” cậu ta nói và gõ bàn phím như điên.

Một lát sau, điện thoại của cậu ta đổ chuông, Lukas liền bật loa ngoài.

“Tobe?” Một giọng nữ gọi.

“Nói đi,” cậu ta bảo. “Đội đang ở đây.”

“Chào Susan,” Lukas nói. “Margaret đây. Cứ nói đi. Cho chúng tôi biết chi tiết. Cô có gì rồi?”

“Được rồi, các dấu vân tay được phản hồi lại là không có lệnh bắt, trát hầu tòa hay tiền án nào. Tên Henry Czisman là chính xác, địa chỉ thường trú ở Hartford, Connecticut. Mua nhà từ mười hai năm trước. Thuế tài sản được trả đúng hạn và năm ngoái, anh ta đã trả hết nợ thế chấp. Bức ảnh cô gửi sang khớp tới chín mươi lăm phần trăm so với ảnh trên bằng lái xe.”

“Thế đã được chưa?” Kincaid chen ngang.

“Ảnh hiện nay của tôi chỉ khớp chín mươi hai phần trăm thôi” Nance trả lời. “Giờ tôi để tóc dài hơn.” Cô nói tiếp, “Hồ sơ lưu trữ về quá trình công tác kiểm tra với bên Sở An sinh xã hội và IRS cho thấy anh ta là nhà báo từ năm 1971 nhưng có vài năm chẳng phát sinh thu nhập nào. Mấy năm đó, kê khai nghề nghiệp là nhà văn tự do. Vậy là anh ta đã nghỉ được khá lâu. Cũng không sống nhờ lương của vợ; anh ta từng kết hôn, nhưng hiện khai tình trạng hôn nhân là độc thân. Năm nay, anh ta cũng chưa trả thuế tạm phỏng định theo quý, mặc dù những năm trước vẫn làm vậy. Chứng tỏ năm nay anh ta cũng chẳng có khoản thu nhập nào đáng kể. Mười năm trước, anh ta được miễn trừ y tế khá cao. Có vẻ như để trả cho chi phí cai nghiện rượu. Một năm trước, anh ta ra làm riêng, bỏ công việc được trả lương năm mươi ngàn đô la một năm tại báo Hartford và hiện giờ sống nhờ tiền tiết kiệm.”

“Bỏ việc, bị sa thải hay nghỉ dài hạn?” Kincaid hỏi.

“Không chắc.” Nance ngập ngừng. Cô nói tiếp, “Chúng tôi không thể thu thập đủ dữ liệu thẻ tín dụng như mong muốn vì dính díp lễ nhưng hiện anh ta đang ở tại Renaissance dưới tên mình. Và anh ta nhận phòng sau chuyến bay buổi trưa từ Hartford. United Express. Không đặt trước. Mới đặt chỗ lúc mười giờ sáng nay.”

“Vậy là anh ta rời đi ngay sau lần xả súng thứ nhất,” Lukas lẩm bẩm.

“Vé một chiều à?” Kincaid hỏi trước cả khi cô kịp hỏi.

“Vâng.”

“Anh nghĩ sao?” Lukas hỏi.

“Theo tôi, chỉ là một tay phóng viên chết tiệt,” Cage nói.

“Còn anh?” Cô liếc nhìn Kincaid.

Anh nói, “Tôi nghĩ gì à? Tôi nghĩ ta nên thỏa thuận với anh ta. Khi phân tích tài liệu, tôi cần từng mẫu thông tin thu thập được về tác giả của nó.”

“Nếu anh biết đó đúng là tác giả của nó,” Lukas nghi ngại. Cô ngập ngừng rồi nói tiếp “Với tôi anh ta có vẻ là đồ rơm. Chúng ta tuyệt vọng đến thế sao?”

“Phải,” Kincaid nói, liếc nhìn đồng hồ số trên màn hình máy tính của Tobe Geller, “tôi nghĩ chúng ta tuyệt vọng đến mức ấy đây.”

* * * * *

Quay lại phòng thẩm vấn ngọt ngào, Lukas nói với Czisman, “Nếu bây giờ, cuộc nói chuyện của chúng ta không được ghi vào hồ sơ... và nếu chúng ta có thể tìm được giải pháp thành công...”

Czisman cười phá lên trước cách dùng uyển ngữ của cô nhưng ra hiệu cho viên đặc vụ nói tiếp.

“Nếu có thể làm được điều đó, chúng tôi sẽ cho phép anh tiếp cận với các tài liệu và nhân chứng để viết sách. Tôi còn chưa chắc là đến mức nào. Nhưng anh sẽ được đặc cách.”

“Ồ, từ yêu thích của tôi. Đặc cách. Phải, tôi chỉ cần có thể!”

“Nhưng tất cả những gì chúng tôi kể cho anh từ lúc này,” Lukas nói tiếp, “đều là bí mật.”

“Đồng ý,” Czisman nói

Lukas gật đầu với Parker, anh hỏi, “Cái tên Digger có ý nghĩa gì với anh không?”

Cosinan lắc đầu. “Không. Nó nằm trong từ *gravedigger* (Người đào mộ) ấy à?”

“Chúng tôi không biết. Đó là tên của xạ thủ, kẻ anh gọi là Đồ tể,” Lukas nói.

“Tôi chỉ gọi hắn là Đồ tể vì các báo ở Boston gọi thế. Từ New York Post thì gọi là Quỷ. Ở Philadelphia, hắn thành Kẻ gây góa bụa.”

“New York? Cả Philly nữa sao?” Lukas hỏi. Parker để ý thấy cô lo lắng khi nghe tin này.

“Chúa ơi,” Cage lẩm bẩm. “Một tên tội phạm theo khuôn mẫu.”

Czisman nói, “Chúng di chuyển dọc theo bờ biển. Để đi đến đâu, chúng ta không thắc mắc sao? Chẳng

lễ đến Florida nghỉ hưu? Rất có thể là một hòn đảo nào đó.”

“Chuyện gì đã xảy ra ở những thành phố khác?” Parker hỏi.

“Vụ Hăng nước ngọt quốc tế?” Czisman trả lời. “Đã bao giờ nghe đến chưa?”

Rõ ràng Lukas luôn cập nhật dữ liệu các vụ án. “Vị chủ tịch công ty phải không? Ông ta đã bị bắt cóc?”

“Chi tiết thế nào?” Parker hỏi cô, bị ấn tượng vì kiến thức của cô.

Czisman nhìn Lukas, cô gật đầu cho anh ta nói tiếp. “Cảnh sát đã phải xâu chuỗi lại các sự việc nhưng có vẻ như không ai biết đích xác, nhưng có vẻ như Đờ tể đã bắt cóc gia đình vị chủ tịch công ty và bắt người vợ bảo chồng mình gom một ít tiền. Ông ta đã đồng ý...”

“Có bức thư nào không?” Parker hỏi, nghĩ rằng có thể còn một tài liệu khác để anh nghiên cứu. “Một lời nhắn?”

“Không, tất cả đều qua điện thoại. Vị chủ tịch đã bảo kẻ bắt cóc là ông ta sẽ trả tiền. Rồi ông ta gọi cảnh sát và đội giải cứu con tin bao vây ngôi nhà, ta đa ta đa, toàn bộ khu vực bán kính chín mét quanh đó, trong lúc ông chủ tịch đến nhà băng để rút tiền. Nhưng ngay khi họ mở hầm, một khách hàng đã lôi súng ra và bắt đầu bắn. Giết chết tất cả mọi người trong nhà băng: chủ tịch Hăng nước ngọt quốc tế, hai vệ sĩ, ba khách hàng, ba thu ngân và cả hai phó chủ tịch đang trong giờ làm việc. Camera cho thấy một gã khác, đi cùng tên sát nhân, vào trong hầm và bước ra cùng một túi tiền.”

“Vậy là không có ai trong nhà?” Lukas hỏi, đã hiểu ra mảnh khốe.

“Không còn ai sống sót. Tên Đờ tể, Digger, đã sát hại cả gia đình. Có vẻ như hắn làm vậy sau khi bà ta gọi điện cho chồng.”

Parker nói, “Hắn đã tấn công họ vào thời điểm yếu nhất trong tiến trình bắt cóc. Cảnh sát sẽ có lợi thế trong lúc thương lượng hay giao tiền. Hắn đã ra tay trước họ.” Anh không nói lên điều mình đang nghĩ: Đó là giải pháp hoàn hảo cho một câu đố khó, nếu bạn không ngại giết chóc.

“Có gì trong đoạn video an ninh ở ngân hàng giúp được chúng tôi không?” Cage hỏi.

“Ý ông hỏi chúng đeo mặt nạ trượt tuyết màu gì ấy à?”

Cái nhún vai của Cage nghĩa là: Dù sao tôi vẫn phải hỏi.

“Thế còn Philly?” Lukas hỏi.

Czisman nói về bắt nhân, “Ồ chuyện này hay đấy. Digger bắt một chiếc xe buýt. Hắn lên xe, ngồi cạnh ai đó và bắn một phát vô thanh. Hắn giết chết ba người, rồi đồng phạm của hắn đòi tiền chuộc. Thành phố đồng ý trả nhưng thiết lập đội theo dõi để bắt hắn. Song tên đồng phạm biết được tài khoản của thành phố ở ngân hàng nào. Ngay khi đám tân binh hộ tống tiền bước ra khỏi cửa ngân hàng, Digger liền bắn vào sau đầu họ và chúng đã chạy thoát.”

“Tôi chưa nghe vụ đó bao giờ,” Lukas nói.

“Chưa, bởi vì họ muốn giữ kín. Sáu người đã chết.”

Parker nói, “Massachusetts, New York, Pennsylvania, Washington. Anh nói đúng: Gã đã đi về phương nam.”

Czisman cau mày. “Đã à?”

Parker liếc nhìn Lukas. Cô nói với Czisman, “Gã chết rồi.”

“Cái gì?” Czisman có vẻ bị sốc thật sự.

“Tên đồng phạm cơ, không phải Digger.”

“Chuyện gì đã xảy ra?” Czisman thì thào.

“Một vụ tông xe rồi bỏ chạy sau khi gã thả bức thư tống tiền. Và trước khi gã kịp lấy tiền.”

Khuôn mặt Czisman trở nên bất động một lúc lâu. Parker cho là anh ta đang suy nghĩ: Thế là tiêu tủng bài phóng vấn độc quyền với thủ phạm. Đôi mắt của người đàn ông to béo bắt đầu lia quanh phòng. Anh ta nhấp nhòm trên ghế. “Lần này mảnh khốe của chúng là gì?”

Lukas không muốn nói nhưng Czisman vẫn đoán. “Đờ tể bắn người cho đến khi thành phố chịu trả tiền chuộc... Nhưng giờ chẳng còn ai để nhận tiền và thế là tên Đờ tể cứ tiếp tục bắn giết. Nghe giống cách làm việc của chúng. Cô có manh mối nào dẫn đến tên còn lại không?”

“Vẫn đang trong quá trình điều tra,” Lukas cẩn trọng nói.

Czisman nhìn vào một trong ba bức tranh. Đó là bức phong cảnh thôn quê. Anh ta bóp chặt cái cốc một cách điên cuồng.

Parker hỏi, “Làm sao anh theo được hắn tới đây?”

“Tôi đọc tất cả những thứ có thể tìm được về các vụ án mà thủ phạm không ngại tàn sát người vô tội. Hầu như ai cũng có lương tâm, anh biết đó. Trừ những kẻ coi giết chóc là lẽ sống, như Bundy hay Gacy hay Dahmer. Không, hầu hết tội phạm chuyên nghiệp đều do dự mỗi khi phải bóp cò. Nhưng tên Đờ tể thì sao? Không bao giờ. Và mỗi khi nghe được một vụ sát hại hàng loạt đi kèm cướp hay tống tiền nào là tôi lập tức tới thành phố đó để phỏng vấn mọi người.”

Lukas hỏi, “Tại sao vẫn chưa có ai phát hiện ra mối liên hệ?”

Czisman nhún vai. “Các vụ án lẻ tẻ, số người chết ít. Ồ tôi đã kể cho cảnh sát ở White Plains và Philly.

Nhưng không ai để ý đến lời nói của tôi.” Anh ta cười cay đắng, huơ tay quanh phòng “Phải mất tới... bao nhiêu? Hai mươi lăm con người thiệt mạng mới có người chịu dõng tai lên mà nghe tôi nói.”

Parker hỏi, “Anh có thể nói gì với chúng tôi về Digger? Đã có ai từng trông thấy hắn chưa?”

“Chưa,” Czisman nói, “hắn ta như một làn khói vậy. Vừa mới đó, xong rồi biến mất. Hắn là một con ma. Hắn...”

Lukas không đủ kiên nhẫn để nghe hết. “Chúng tôi đang cố phá một vụ án. Nếu anh giúp được, chúng tôi sẽ rất biết ơn. Nếu không, tốt hơn chúng tôi nên quay lại điều tra.”

“Đúng đúng, tôi xin lỗi. Chỉ là tôi đã sống cùng hắn suốt cả năm vừa rồi. Cứ như leo lên một mỏm đá vậy, nó có thể cao đến mấy cây số nhưng tất cả những gì cô thấy chỉ là một mỏm đá bé tí tẹo cách mặt cô vài chục phân. Nghe này, tôi có một giả thuyết vì sao người ta không chú ý đến hắn.”

“Thế nào cơ?” Parker hỏi.

“Bởi vì các nhân chứng chỉ ghi nhớ hành động. Họ nhớ được tên cướp điên cuồng bắn chết ai đó trong tuyệt vọng, cảnh sát hoảng sợ bắn trả, người phụ nữ gào thét vì bị đâm. Nhưng bạn không thể nhớ được về bình thản.”

“Và tên Digger lúc nào cũng rất bình thản?”

“Bình thản như cái chết vậy,” Czisman nói.

“Không có gì về thói quen của hắn à? Quần áo, thức ăn, thói tật?”

“Không, không có gì cả,” Czisman có vẻ bị phân tâm. “Tôi có thể hỏi anh đã biết gì về tên đồng phạm chưa? Kẻ đã chết ấy?”

“Cũng chưa có gì về gã,” Lukas nói. “Gã không mang giấy tờ tùy thân. Dấu vân tay không xuất hiện trong dữ liệu.”

“Cô có... Có sao không nếu tôi nhìn cái xác một lần? Nó ở trong nhà xác à?”

Cage lắc đầu.

Lukas nói, “Xin lỗi. Như thế là trái nguyên tắc.”

“Làm ơn?” Lời yêu cầu gần như là tuyệt vọng.

Mặc dù vậy, Lukas vẫn không hề lay chuyển. Cô nói ngắn gọn, “Không.”

“Một bức ảnh vậy,” Czisman khẳng khái.

Lukas ngáp ngừng rồi mở hồ sơ ra và lấy bức ảnh nghi phạm tại hiện trường tai nạn gần Tòa thị chính rồi đưa cho anh ta. Những ngón tay ngần ngại để lại dấu vân lớn trên mặt giấy bóng kính.

Czisman nhìn chăm chăm vào nó một lúc lâu. Anh ta gật đầu. “Tôi có được giữ nó không?”

“Sau cuộc điều tra.”

“Chắc chắn rồi.” Anh ta trả lại ảnh. “Tôi muốn được đi cùng.”

Tới nơi mà phóng viên được đi cùng cảnh sát trong tiến trình điều tra.

Nhưng Lukas lắc đầu, “Xin lỗi. Tôi không thể chấp nhận.”

“Tôi có thể giúp,” anh ta nói. “Tôi có thể đưa ra vài nhận xét chuyên môn. Cũng có thể nghĩ ra ý tưởng gì đó hữu ích.”

“Không,” Cage kiên quyết nói.

Thêm một cái liếc nhìn vào bức ảnh, Czisman đứng dậy. Anh ta bắt tay họ và nói, “Tôi đang ở khách sạn Renaissance trong trung tâm. Tôi sẽ phỏng vấn các nhân chứng. Nếu tìm được điều gì hữu ích, tôi sẽ cho các vị biết.”

Lukas cảm ơn anh ta và họ tiễn anh ta tới tận trạm gác.

“Còn một điều nữa,” Czisman nói, “Tôi không biết gã chọn hạn chót...” Czisman gật đầu về phía hồ sơ của Lukas, ý chỉ tên nghi phạm đã chết, “... theo kiểu nào. Nhưng giờ gã đã chết nên chẳng còn ai có thể kiểm soát tên Đồ tể... tên Digger nữa. Cô có hiểu thế nghĩa là gì không?”

“Là gì?” Lukas hỏi.

“Hắn có thể cứ tiếp tục giết chóc. Kể cả sau hạn chót.”

“Sao anh lại nghĩ vậy?”

“Bởi vì đó là việc hắn làm giỏi nhất. Giết người. Ai mà chẳng thích làm việc mình giỏi nhất. Đó là quy luật của cuộc sống, đúng không nào?”

* * * * *

Họ lại túm tụm một lần nữa trong phòng Quan sát, bu quanh Tobe Geller và chiếc máy tính của cậu ta.

Lukas nói vào micro, “Thế còn những vụ án anh ta nhắc đến?”

Susan Nance trả lời, “Không thể tìm được viên đặc vụ phụ trách trực tiếp vụ án ở Boston, White Plains hay Philly. Nhưng sĩ quan trực xác nhận tất cả các vụ trên đều đang còn để mở. Tuy nhiên, chưa ai từng nghe đến cái tên Đỗ tế.”

“Bên pháp y thì sao?” Parker hỏi ngay khi Lukas cũng mở lời, “Pháp...?”

“Không có gì. Không dấu vân tay, không dư chất. Và các nhân chứng... thực ra những người còn sống nói họ chưa từng trông thấy nghi phạm hay Digger, nếu đó là Digger. Tôi đã yêu cầu truy vấn thêm thông tin về các vụ xả súng. Họ đang gọi cho các đặc vụ và thanh tra tại nhà riêng.”

“Cảm ơn Susan,” Lukas nói.

Susan cúp máy.

Geller nói, “Tôi đang lấy các kết quả phân tích khác... Cậu ta nhìn lên màn hình. “Được rồi... quét độ căng thẳng của giọng nói và mồ hôi: bình thường. Mức độ căng thẳng thấp kinh khủng, đặc biệt là đối với một người bị ba đặc vụ cùng tra hỏi. Nhưng tôi đánh giá anh ta ở mức sạch sẽ. Không có gì khớp với mức độ nói dối nghiêm trọng. Nhưng thật ra, cô có thể thắng được hầu hết các máy quét với một ít Valium và giấc mơ về nữ diễn viên yêu thích của mình.”

Điện thoại của Lukas đổ chuông. Cô nghe máy. Rồi nhìn lên. “Là bảo vệ. Anh ta sắp ra khỏi phạm vi giám sát chính rồi. Chúng ta để anh ta đi à?”

Parker nói, “Theo tôi thì thế.”

“Đồng ý,” Cage nói.

Lukas gật đầu. Cô nói vào điện thoại, “Không bắt giữ đối tượng.” Cô tắt máy rồi nhìn đồng hồ đeo tay. “Nhà tâm lý học thì sao? Người từ Georgetown ấy.”

“Đang trên đường,” Cage nói.

Đến lượt điện thoại của Geller đổ chuông. Cậu ta mở máy và nói chuyện một lát. Sau khi tắt máy, cậu ta thông báo, “Đội kỹ thuật. Họ tìm được một trăm sáu mươi bảy website đang hoạt động có chỉ dẫn về việc lắp ống giám thanh và biến tấu súng tự động. Đoán xem. Không một trang nào chịu chuyển địa chỉ email. Dường như họ không sẵn sàng giúp Chính phủ liên bang.”

“Ngõ cụt,” Lukas nói.

“Đăng nào cũng chẳng giúp ích mấy,” Geller nhận xét.

“Đội kỹ thuật đã cộng số lần truy cập của khoảng một trăm website. Hơn hai mươi lăm ngàn người đã đăng nhập trong hai tháng vừa qua.”

“Thế giới ngoài kia điên cả rồi,” Cage lẩm bẩm.

Cửa mở ra và Len Hardy bước vào trong.

“Moss thế nào?” Lukas hỏi.

“Ông ta ổn. Có hai cuộc gọi đến rồi cúp máy trong hòm thư thoại của ông ta ở nhà, và ông ta liền nghĩ chúng đe dọa giết mình.”

Lukas nói, “Chúng ta nên bảo đội thông tin...”

Vẫn để mắt trên các bảng điều khiển, Hardy ngắt lời, “Tôi đã bảo một người của ta kiểm tra rồi. Một cuộc là của em trai Moss. Cuộc gọi kia là của người bán hàng qua điện thoại ở Iowa. Tôi đã gọi cho cả hai và xác thực.”

Lukas nói, “Đúng là việc tôi định yêu cầu đấy, thanh tra.”

“Tôi cũng đoán thế.”

“Cảm ơn anh.”

“Đặc khu Columbia hân hạnh phục vụ quý cô,” anh ta nói.

Parker nghĩ về mĩa mai trong giọng anh ta bị che giấu thật cấu thả; Lukas dường như lại chẳng hề để tâm.

Parker hỏi, “Vụ bản đồ thì sao đây? Chúng ta cần phải phân tích các dấu vết.”

Geller nói, “Cái tốt nhất tôi nghĩ ra được là ở Cục lưu trữ đo đạc địa hình.”

“Cục lưu trữ?” Cage vừa hỏi vừa lắc đầu. “Không đời nào chúng ta có thể vào trong đó.”

Parker chỉ có thể mừng rỡ tưởng ra sự thế sẽ khó khăn nhường nào để có thể tìm được một công chức nhà nước sẵn lòng mở cửa cơ quan trong đêm Giao thừa.

Lukas bật điện thoại.

Cage nói, “Không đời nào.”

“À,” cô nói, “đấy là vì ông chẳng biết cách đi tắt.”

Chương 13

Chiếc đồng hồ bằng đồng.

Nó rất có ý nghĩa với ông.

Lúc này, Thị trưởng Jerry Kennedy nhìn vào chiếc đồng hồ đang chằm chằm ngự trên bàn ông trong Tòa thị chính.

Đó là quà của các học sinh trường Tiểu học Thurgood Marshall, ngôi trường nằm trọn vẹn trong vùng chiến sự ở khu Tám, Đông Nam Đặc khu tặng ông. Kennedy đã rất cảm động trước cử chỉ ấy. Không ai coi trọng thành phố Washington. Washington, trung tâm chính trị; Washington, trụ sở của Chính phủ liên bang; Washington, địa điểm của các vụ bê bối, ô, đó mới là thứ thu hút tất cả sự chú ý. Nhưng không ai biết, hay quan tâm, bản thân thành phố này vận hành ra sao và ai là người điều hành nó.

Tuy nhiên, bọn trẻ ở trường Thurwood Marshall thì có. Ông đã đến nói chuyện với chúng về lòng danh dự và tầm quan trọng của việc lao động chăm chỉ lẫn tránh xa ma túy. Tất nhiên, toàn là những lời nói vô vị. Nhưng có vài đứa trong số những học sinh đang ngồi ở phòng thể chất bốc mùi và ẩm thấp ấy (bản thân nó cũng là nạn nhân của một vụ bê bối của ban giám hiệu) đã ngược những ánh mắt ngưỡng mộ ngọt ngào lên nhìn ông. Rồi chúng tặng ông chiếc đồng hồ để cảm ơn về bài nói chuyện.

Giờ Kennedy đang chạm vào nó. Nhìn vào mặt đồng hồ: bốn giờ năm mươi.

Vậy là FBI đã suýt soát ngăn chặn được tên điên. Nhưng rồi họ lại không thể. Một vài người đã chết, vài người khác bị thương. Khắp thành phố, người ta ngày càng hoảng loạn. Kích động. Đã có tới ba vụ súng vô tình cướp cò, gây ra bởi những người mang súng bất hợp pháp hồng tự vệ. Họ tưởng đã trông thấy Digger trên phố hay trong sân sau nhà mình và bắt đầu nổ súng, cứ như những tay hàng xóm đầy thù hận ở Tây Virginia vậy.

Rồi lại còn những bản tin nhiec móc Kennedy và cảnh sát Đặc khu vì không đủ khả năng đương đầu với các tội ác như thế. Vì đã nhu nhược và lẩn tránh. Một bài báo thậm chí còn gợi ý rằng sở dĩ không gọi được điện cho Kennedy khi vụ xả súng ở nhà hát xảy ra là vì ông bận buôn điện thoại để kiếm vé đi xem trận bóng bầu dục yêu thích. Các phản hồi đối với lần xuất hiện trên truyền hình của ông cũng không tốt. Một biên tập viên, một nhà bình luận chính trị, đã trích dẫn nguyên văn lời Nghị sĩ Lamier rằng ông đang *lạ lẫm bọn khủng bố*. Anh ta cũng cố nhét từ *hèn nhát* vào bài bình luận của mình. Tới tận hai lần.

Điện thoại đổ chuông. Wendell Jefferies đang ngồi đối diện thị trưởng cầm lấy ống nghe trước, “Ừ, được rồi.” Anh ta nhắm mắt rồi lắc đầu. Nghe thêm một lúc, rồi anh ta gác máy.

“Sao?”

“Họ đã sục sạo toàn bộ nhà hát ấy mà không thể tìm nổi một chút xú bằng chứng. Không có dấu vân tay nào. Cũng chẳng có nhân chứng đáng tin cậy.”

“Chúa ơi, hẳn là loại gì vậy, người vô hình à?”

“Họ có vài đầu mối nhờ một cựu đặc vụ.”

“Cựu đặc vụ à?” Kennedy hỏi một cách không chắc chắn.

“Chuyên viên phân tích tài liệu. Anh ta tìm được vài điều, nhưng không nhiều.”

Ngài thị trưởng phàn nàn, “Chúng ta cần lính, cần cảnh sát tràn ra từng góc phố, chứ không cần cựu nhân viên đẩy giấy.”

Jefferies nghiêng mái đầu bóng nhảy một cách nhạo báng. Hình tượng cảnh sát ở mọi góc phố của Đặc khu Columbia nghe hấp dẫn thật đấy, nhưng tất nhiên nó chỉ là giấc mơ hoang đường.

Kennedy thở dài. “Có thể hẳn chưa nghe thấy tôi nói. Bản tin trên truyền hình ấy.”

“Có thể.”

“Nhưng đó là hai mươi triệu đô la!” Kennedy tranh cãi với đối thủ vô hình của mình, Digger. “Vì lý do quái quỷ gì mà hẳn lại không liên lạc với ta? Hẳn có thể có hai mươi triệu đô đấy.”

“Họ suýt bắt được hẳn. Có thể lần tới sẽ bắt được.”

Khi đi ngang cửa sổ, Kennedy dừng lại. Nhìn vào nhiệt kế đo nhiệt độ ngoài trời. 0,5°C. Mới nửa giờ trước đó, còn là 3,3 độ.

Nhiệt độ đang giảm...

Các đám mây tuyết đang lớn vờn trên đầu.

Tại sao mi lại ở đây? Ông lặng lẽ hỏi tên Digger một lần nữa. Tại sao lại ở đây? Tại sao là lúc này?

Ông ngược mắt lên nhìn hình ảnh mái vòm hình chiếc bánh cưới của tòa nhà Capitol. Khi Pierre L'Enfant nghĩ ra bản *Hoạch định thành phố Washington* năm 1792, ông ta đã yêu cầu một người vẽ bản đồ vẽ một đường kinh tuyến nam bắc rồi một đường khác vuông góc với nó, chia thành phố thành bốn phần và điều đó vẫn được duy trì cho đến tận ngày nay. Tòa nhà Capitol nằm ở giao điểm của hai đường ấy.

“Tâm của những sợi tóc vắt ngang,” một vị luật sư kêu gọi kiểm soát súng ống đã từng nói như vậy trước một phiên đối chất ở Nghị viện, nơi Kennedy tới làm chứng.

Nhưng tầm ngắm của kính thiên văn đây ẩn ý như thế chẳng khác nào đang nhắm thẳng vào ngực Kennedy.

Thành phố với diện tích một trăm lẻ một kilomet vuông đang rung chuyển và ngài thị trưởng của nó thì tha thiết mong nó không sụp đổ. Ông là người Washington gốc, bản thân việc đó đã ngày càng hiểm, dân số của thành phố giảm từ hơn tám trăm ngàn người xuống còn xấp xỉ nửa triệu. Và mỗi năm mỗi vắng thêm.

Thành phố này là chốn lai tạp kỳ quặc của thể chế chính trị, chỉ mới nhận được quyền tự trị từ những năm 1970 (trừ vài năm ngắn ngủi ở thế kỷ trước, khi tham ô và sự yếu kém trong công tác quản lý đã nhanh chóng đẩy thành phố tới chỗ bị phá sản và bị buộc trở về tay Nghị viện). Hai mươi lăm năm trước, các nhà làm luật của liên bang đã trả lại dây cương cho thành phố. Từ đó về sau, một vị thị trưởng cùng mười ba thành viên của Hội đồng thành phố đã phải chật vật để kiểm soát tỷ lệ phạm tội (đã có những lúc Đặc khu là nơi có tỷ lệ án mạng cao nhất nước Mỹ), hoạt động của các trường học (tỷ lệ thí sinh dự thi thấp hơn tất cả các thành phố lớn khác), cân bằng thu chi (lúc nào cũng âm) và xoa dịu nạn phân biệt chủng tộc (người gốc Á, người da màu và người da trắng chống lại lẫn nhau).

Khả năng Nghị viện lại tiến lên tiếp quản thành phố một lần nữa là hoàn toàn có thật; các nhà làm luật đã tước bỏ toàn quyền chỉ tiêu của thị trưởng.

Đó sẽ là một thảm họa, bởi vì Kennedy tin rằng chỉ ông mới có khả năng cứu nguy cho thành phố và công dân của mình, trước khi nơi này phun trào thành một ngọn núi lửa của tội phạm, vô gia cư lan các gia đình ly tán. Hơn bốn mươi phần trăm thanh niên da màu ở D.C. có tên *trong hệ thống*: trong tù, trong thời gian hưởng án treo hay đang bị truy nã. Vào những năm Bảy mươi, khoảng một phần tư các gia đình trong Đặc khu chỉ có mẹ hoặc bố, nhưng giờ, con số ấy đã lên tới gần ba phần tư.

Bản thân Jerry Kennedy đã được nếm trải những điều sẽ xảy ra nếu thành phố tiếp tục đà lao xuống dốc của nó. Năm 1975 khi còn là một luật sư làm việc cho Sở giáo dục của Đặc khu, ông đã tới công viên Mall, khoảng đất rộng đầy cây cỏ với Đài tưởng niệm Washington, nhân ngày thể hiện lòng người tử tế, một sự kiện để đoàn kết các chủng tộc. Ông nằm trong số hàng trăm người bị thương khi cuộc chiến chủng tộc nổ ra giữa đám đông. Chính vào ngày hôm đó, ông đã từ bỏ kế hoạch chuyển đến Virginia và tranh cử vào Nghị viện. Ông quyết định trở thành thị trưởng của thủ đô. Thề có Chúa, ông sẽ sửa chữa nơi này.

Ông cũng biết cách phải làm thế nào. Với Kennedy, vấn đề rất đơn giản. Câu trả lời chính là giáo dục. Bạn cần phải giữ được lũ trẻ trong trường học, một khi làm được việc đó thì tính tự tôn và nhận thức rằng chúng được quyền tự lựa chọn cuộc sống sẽ đến. (Phải, tri thức có thể cứu rỗi bạn. Chính nó đã cứu rỗi ngài thị trưởng. Nó đã cứu ông thoát khỏi cái nghèo ở Đông Bắc D.C., đưa đẩy ông vào trường Luật William và Mary. Nó cũng cho ông một người vợ xinh đẹp, thông minh, hai đứa con trai thành đạt cùng một sự nghiệp đáng tự hào.)

Tất nhiên, không ai bất đồng với giả thuyết ban đầu rằng giáo dục có thể cứu rỗi con người. Nhưng làm thế nào để giải được bài toán đó là đảm bảo bọn trẻ được học hành tử tế thì lại là chuyện khác. Đảng Bảo thủ khăng khăng đưa ra tiêu chuẩn mỗi người phải sống thế nào, và nếu người ta không yêu quý hàng xóm láng giềng hay sống theo những giá trị của gia đình thì đó là vấn đề của họ. Chúng tôi tự học tại nhà; tại sao người khác không thế? Còn Đảng Tự do thì rên rỉ và đòi ném thêm tiền vào các trường học, nhưng tiền chỉ làm được mỗi một việc là giảm tiến độ mục rữa của cơ sở vật chất. Nó chẳng thể làm gì để khiến sinh viên ở lại trong các tòa nhà ấy.

Đây chính là thử thách dành cho Gerald David Kennedy. Ông không thể vấy cây đu đưa thân và mang các ông bố về với các bà mẹ, cũng chẳng thể phát minh ra thuốc giải độc cho cocaine, hay tước súng khỏi tay của những người sống cách trụ sở Hiệp hội Súng trường quốc gia hai mươi tư cây số.

Nhưng ông đã nhìn ra cách làm thế nào để giữ bọn trẻ trong Đặc khu tiếp tục việc học của chúng. Kế hoạch của ông gần như có thể tổng kết trong một từ: hồi lộ.

Mặc dù ông và Wendell Jefferies gọi nó bằng một cái tên khác: *Dự án 2000*.

Trong năm vừa qua, với sự trợ giúp của vợ, Jefferies và vài đồng sự thân cận khác, Kennedy đã đàm phán với các thành viên của Hội đồng Nghị viện Đặc khu để đánh thêm một loại thuế nữa lên các công ty đang hoạt động tại Washington. Tiền sẽ được chuyển vào quỹ để trả tiền mặt cho các học sinh tốt nghiệp trung học, với điều kiện chúng không dùng ma túy và chẳng dính dáng đến tiền án tiền sự nào.

Nhưng chỉ sau một cú đột kích, Kennedy đã khiến mình phải hứng chịu toàn bộ cơn thịnh nộ của giới chính trị. Đảng Tự do gạt bỏ ý tưởng ấy vì nó có thể là nguồn cơn cho sự tham ô trên diện rộng, chưa kể

đến vấn đề tự do nhân quyền khi ép buộc kiểm tra ma túy bằng luật. Đảng Bảo thủ thì chỉ cười nhạo. Tất nhiên các tập đoàn nằm trong diện chịu thuế cũng có ý kiến riêng. Lập tức nhiều lời đe dọa được đưa ra: Các công ty chính dọa sẽ rời bỏ hãn Đặc khu, chất vấn về các khoản quỹ của ủy ban hoạt động chính trị; thêm vào đó, tiền cứng, tiền mềm của chiến dịch tranh cử đã biến mất khỏi ngân quỹ Đảng Dân chủ; thậm chí cả những lời bóng gió về chuyện sẽ công khai bí mật đời tư (tất nhiên ông làm gì có, nhưng cứ thử nói thế với cánh báo chí sau khi họ đã nắm trong tay những cuộn băng mờ ảo ghi hình một cặp nam nữ bước vào khách sạn số Sáu hay nhà trọ Kỳ nghỉ mà xem).

Thế nhưng, Kennedy vẫn sẵn sàng mạo hiểm tất cả. Trong suốt những tháng đàm phán trên Đồi Capitol về dự thảo trên với Hội đồng, ông phát hiện ra có thể nó sẽ được thông qua, chủ yếu vì được đồng đảng quần chúng hưởng ứng.

Thế rồi một viên chức thành phố, Gary Moss, đã lấy đủ dũng cảm để đến gặp FBI với bằng chứng về một âm mưu tham nhũng lớn liên quan đến việc xây dựng và bảo trì trường học. Các cuộc điều tra ban đầu cho thấy hệ thống đường điện lẫn công trình nề ở một vài trường đã tồi tệ tới mức có thể gây nguy hiểm nghiêm trọng đến toàn bộ giáo ban và học sinh. Vụ bê bối cứ thế phình ra, và hóa ra nó liên quan đến một cơ sở các nhà thầu chính, nhà thầu phụ lẫn vài quan chức cấp cao trong Đặc khu mà trong số họ có một vài người là bạn lâu năm do Kennedy tiến cử.

Đích thân Kennedy đã ca tụng Moss và ném mình vào việc nhổ tận gốc tham nhũng. Nhưng báo chí, chưa nói đến các đối thủ của ông, tiếp tục tìm cách gắn ông với vụ bê bối. Cứ mỗi bài báo về việc trả lương cho *ban quản lý Kennedy*, mà có khá nhiều bài như vậy, lại ăn mòn dần dần sự ủng hộ cho *Dự án 2000*.

Đáp lại, ngài thị trưởng đã làm việc mình làm giỏi nhất: Ông phát biểu hàng chục bài mô tả tầm quan trọng của kế hoạch, mặc cả với Nghị viện và các nghiệp đoàn giáo viên để tìm kiếm sự ủng hộ, thậm chí còn đi cùng bọn trẻ từ trường về nhà để nói chuyện với các ông bố, bà mẹ về chuyện tại sao *Dự án 2000* lại quan trọng với tất cả mọi người trong thành phố. Các con số trong cuộc trưng cầu dân ý rất ổn định và với Kennedy cũng như Jefferies, có vẻ như họ sẽ giữ vững được tình thế.

Thế rồi tên Digger xuất hiện... giết chóc mà không hề bị trừng phạt, thoát khỏi những hiện trường tội ác đầy chật người, rồi lặp lại hành vi ấy. Và ai bị buộc tội nào? Không phải FBI bí ẩn, mà là mục tiêu yêu thích của tất cả mọi người: Jerry Kennedy. Nếu tên điên kia còn giết thêm một thường dân nào nữa, ông tin rằng *Dự án 2000*, niềm hy vọng cho tương lai thành phố của ông, sẽ chỉ còn là chú thích cuối trang đầy chua chát trong tiểu sử của Kennedy mà thôi.

Đó chính là lý do tại sao Jefferies đang gọi điện thoại. Người trợ lý lấy tay che ống nói.

“Anh ta đây rồi,” Jefferies nói.

“Đâu?” Kennedy cau kinh hỏi.

“Ngay bên ngoài. Trong sảnh.” Rồi anh ta nhìn kỹ ngài thị trưởng. “Ngài lại ngại ngần phải không?”

Chàng trai thon gọn thật, Kennedy nghĩ, trông cậu ta mới hoàn hảo làm sao trong bộ vest nhập khẩu, với cái đầu cạo trọc và cả vạt lụa siết vào cổ họng.

“Chắc hẳn tôi phải ngại ngại rồi.”

Ngài thị trưởng nhìn ra một khung cửa sổ khác không có tầm nhìn ra Capitol. Ở đằng xa, ông có thể thấy ngọn tháp biểu trưng của trường Đại học Georgetown. Ngôi trường của ông. Ông và Claire sống không xa trường lắm. Ông nhớ mùa thu vừa rồi, hai người đã cùng đi bộ trên những bậc cầu thang dốc, nơi vị linh mục từng bị vấp ngã trong những cảnh cuối phim *Trừ tà*.

Chính vị linh mục đã hy sinh bản thân để cứu lấy cô gái bị quỷ dữ đoạt hồn.

Chà, đúng là điềm báo.

Ông gật đầu. “Được rồi. Tối nói chuyện với anh ta đi!”

Jefferies cũng gật. “Chúng ta sẽ vượt qua chuyện này, Jerry. Sẽ làm được.” Rồi anh ta nói vào điện thoại, “Tôi sẽ ra ngay.”

* * * * *

Bên ngoài sảnh chờ của văn phòng thị trưởng, một người đàn ông đẹp trai trong bộ vest hai hàng khuy đang dựa vào tường, ngay bên dưới bức chân dung một vị chính trị gia của thế kỷ XIX.

Wendell Jefferies bước đến chỗ anh ta.

“Chào Wendell!”

“Slade.” Đây là tên của anh ta, tên khai sinh, dù bạn có tin hay không, với họ là Phillips, bạn sẽ tưởng bố mẹ anh ta đã biết trước đứa trẻ sơ sinh đẹp đẽ của mình một ngày kia sẽ trở thành biên tập viên thời sự đẹp

traí của một kênh truyền hình. Thực tế, anh ta chính là như vậy.

“Đã xem tin trên bộ phận hình. Tên khốn đó đã bắn hai đặc vụ, đóng vai Phantom trong nhà hát với chục tên con hoang tội nghiệp trong chiếc quần bó.”

Trên sóng truyền hình, với chiếc tai nghe xoắn nơi cái cổ luôn được cạo sạch sẽ, Phillips nói khác. Ở những nơi công cộng, anh ta lại nói khác. Với người da trắng, anh ta cũng nói khác. Nhưng Jefferies là người da màu, thế nên Slade muốn Wendell nghĩ rằng mình nói ngôn ngữ của anh ta.

Phillips nói tiếp, “Hạ một, tôi nghĩ vậy.”

Jefferies không chỉ ra cho phát thanh viên biết rằng trong ngôn ngữ bang hội hè phố thì từ *hạ* tức là *bắn chết* chứ không phải *cho đèn chùm đèn chết*.

“Suýt thì tóm được thủ phạm nhưng hắn đã chuồn mất.”

“Tôi cũng nghe như vậy,” Jefferies nói.

“Vậy là anh chàng này sẽ xóa sạch những điếm gở của chúng ta và khiến chúng ta dễ thở hơn?” Đây là lời ám chỉ tới cuộc họp báo sắp tới của Kennedy.

Hôm nay, Jefferies không có chút kiên nhẫn nào với loại người như Slade Phillips. Anh ta chẳng hề cười. “Thế này nhé. Tên khốn này sẽ tiếp tục gây án. Không ai biết hắn nguy hiểm tới mức nào.”

“Hắn nguy hiểm.”

Jefferies phất tay ra hiệu im lặng. “Chuyện này đã đủ tồi tệ lắm rồi.”

“Tôi biết.”

“Tất cả mọi người sẽ soi Ông ấy.”

Ông ấy. Chữ *Ông* viết hoa. Jerry Kennedy. Phillips hiểu ngay.

“Chắc chắn rồi.”

“Vì vậy, chúng tôi cần được giúp đỡ,” Jefferies nói, hạ giọng tới cao độ cộng hưởng với âm thanh tiền trao tay.

“Giúp đỡ.”

“Hai mươi lăm cho vụ này.”

“Hai mươi lăm.”

“Anh mặc cả à?” Jefferies hỏi.

“Không, không. Chỉ là... nhiều quá. Anh muốn tôi làm gì?”

Tôi muốn ông ấy...

“Kennedy.”

Jefferies thở dài “Phải. Ông ấy vượt qua chuyện này như một người hùng. Ý tôi là người hùng đích thực. Nhiều người đã chết và có thể sẽ còn nhiều người hơn. Hãy tập trung vào chuyện ông ấy đi thăm các nạn nhân và đối đầu với bọn khủng bố, tôi không biết, hãy nghĩ ra cái gì đó thật thông minh về chuyện bắt tên sát nhân. Và lời sự chú ý ra khỏi người ông ấy để chĩa vào những kẻ làm hỏng chuyện.”

“Khỏi...”

“Ngài thị trưởng,” Jefferies nói. “Kennedy không phải là người...”

“Không, ông ấy không chỉ đạo vụ án này.” Phillips hăng giọng. “Đó có phải là điều anh định nói không?”

“Đúng,” Jefferies nói. “Nếu có bất kỳ trục trặc nào, hãy đảm bảo rằng ông ấy đã không được thông báo và đã làm hết sức để sửa chữa.”

“Chà, đây là kiểu chiến dịch Feebie đúng không? Vậy là chúng ta chỉ có thể...”

“Đúng vậy Slade, nhưng chúng ta không muốn đổ lỗi cho Cục điều tra,” Jefferies nói với đứa cháu mười tuổi của mình cũng bằng giọng điệu y hệt.

“Không à? Chính xác là tại sao nhỉ?”

“Chỉ là không làm vậy thôi.”

Rốt cuộc Slade Phillips, một người chỉ quen đọc bài ăn sẵn từ máy nhắc vở, đã hiểu. “Tôi không hiểu, Wendell. Thế anh muốn tôi làm gì?”

“Tôi muốn anh thử một lần làm phóng viên thực thụ.”

“Chắc chắn rồi.” Phillips bắt đầu soạn bài trong đầu. “Vậy là Kennedy giờ đầu chịu trận. Ông ấy lãnh đạo cảnh sát. Ông ấy tới bệnh viện... Chờ đã, không đi cùng vợ à?”

“Đi cùng vợ chứ,” Jefferies kiên nhẫn trả lời.

Phillips gật đầu về phía phòng Báo chí. “Nhưng chờ đã... chúng ta đang nói... ý tôi là, người của tờ Post nói Kennedy chẳng đến thăm ai cả. Họ sẽ phản bác lại cho mà xem.”

“Không, không, ông ấy đã tới thăm những gia đình muốn giữ kín danh tính. Ông ấy đi thăm suốt cả ngày nay.”

“Ồ, thế à?”

Thật kỳ diệu vì những gì mà hai trăm ngàn đô la có thể mua cho bạn, Jefferies nghĩ.

Phillips nói thêm, “Ông ấy thật tốt bụng! Tốt bụng thật đấy!”

“Đừng có làm quá,” Jefferies cảnh cáo.

“Nhưng tôi phải làm gì với ngoại cảnh? Ý tôi là nếu câu chuyện nói về việc ông ấy ở bệnh viện.”

Jefferies quát, “Thì cứ chiếu đi chiếu lại những cảnh quay năm giây một như các anh vẫn làm ấy. Tôi không biết. Hoặc có thể chiếu cảnh xe cứu thương ở Metro.”

“Được rồi. Thế còn phần kẻ tội đồ? Tại sao anh lại nghĩ là sẽ có một kẻ tội đồ ở đây?”

“Trong những tình huống như thế này, lúc nào chả có.”

“Được rồi, anh cần một kẻ nào đó đứng ra gánh tội. Nhưng không phải là...”

“Không phải Cục.”

“Được rồi,” Phillips nói. “Nhưng chính xác thì tôi phải làm thế nào?”

“Đó là việc của anh. Nhớ là: ai, cái gì, ở đâu, khi nào và tại sao. Anh là phóng viên cơ mà.” Anh ta nắm cánh tay Phillips và hộ tống viên phóng viên xuống cuối hành lang. “Đi làm phóng sự đi!”

Chương 14

"Trông cô không khỏe lắm. Đặc vụ Lukas."

"Hôm nay là cả một ngày dài mà."

Gary Moss đang ở cuối độ tuổi bốn mươi, cơ thể nặng nề với mái tóc xoăn cắt ngắn vừa chớm bạc. Da của ông ta rất đen. Ông ta đang ngồi trên giường ở phòng số Hai, căn hộ nhỏ trên tầng một trụ sở. Ở đây có vài căn như thế, chủ yếu dùng cho lãnh đạo các cơ quan hành pháp đến thăm hay là chốn nghỉ đêm của giám đốc và phó giám đốc nếu họ cần lưu lại trong các chiến dịch lớn. Ông ta ở đây là vì có lẽ ông sẽ chẳng sống được quá hai giờ nếu nằm trong tay của Đặc khu, căn cứ vào những điều ông ta biết và người ông ta sẽ chống lại trước tòa.

Nơi này không đến nỗi tệ. Kiểu của Chính phủ nhưng có một chiếc giường đôi thoải mái, bàn, ghế tựa, bàn ăn, bếp, ti vi với các kênh cáp cơ bản.

"Cậu thanh tra trẻ đâu rồi? Tôi thích cậu ta."

"Hardy ấy à? Anh ta ở trong phòng Chiến tranh."

"Cậu ta đang bực mình với cô đấy."

"Tại sao? Vì tôi không để anh ta chơi trò cảnh sát à?"

"Đúng."

"Anh ta có phải bên điều tra đâu."

"Chắc rồi, cậu ta có kế cho tôi nghe. Cậu ta là kẻ ngồi bàn giấy giống hệt tôi. Nhưng cậu ta muốn được tham gia một chút. Cô đang cố bắt tên sát nhân ấy, phải không nào? Tôi có xem trên ti vi. Đó là lý do các cô hoàn toàn quên mất tôi."

"Chẳng có ai quên ông cả, ông Moss."

Người đàn ông mỉm cười nhưng trông rất khổ sở, cô thấy tội nghiệp ông ta. Song Lukas không đến đây để an ủi. Các nhân chứng có cảm giác bất hạnh hay không được an toàn đôi khi quên đi những điều họ đã nghe hoặc trông thấy. Công tố viên Hoa Kỳ phụ trách vụ án tham nhũng này muốn đảm bảo rằng Gary Moss là một nhân chứng may mắn.

"Ông thế nào?"

"Nhớ nhà. Nhớ các con. Như thế này không đúng chút nào, trong lúc chúng sợ hãi nhường ấy, tôi lại chẳng thể có mặt bên chúng. Vợ tôi đang làm rất tốt. Nhưng một người đàn ông vẫn nên ở bên gia đình anh ta vào những lúc như thế này."

Lukas nhớ lại hai đứa bé, song sinh và mới năm tuổi. Những món đồ chơi nhựa nhỏ xíu được bện vào tóc chúng. Vợ của Moss là một phụ nữ nhỏ nhắn, với đôi mắt cảnh giác bạn sẽ thấy ở người vừa chứng kiến ngôi nhà của mình bị đốt trụ.

"Ông đang tổ chức mừng năm mới à?" Cô hất đầu vào chiếc mũ chóp nhọn có in hàng chữ *Chúc mừng năm mới*. Bên cạnh đó là vài cái kèn.

Moss nhấc cái mũ lên. "Có người mang nó đến cho tôi. Tôi đã kể những chuyện mình làm được với một nửa áo ngực của Madonna chưa nhỉ?"

Lukas cười phá lên. Rồi cô nghiêm túc trở lại. "Tôi vừa gọi vào đường dây an toàn. Gia đình ông ổn cả. Có khá nhiều người đang trông chừng họ."

"Tôi chưa bao giờ nghĩ sẽ có người hại tôi hay gia đình tôi. Ý tôi là, khi quyết định đến gặp FBI để nói về những điều tôi phát hiện ra ở công ty ấy. Tôi nghĩ mình sẽ bị sa thải nhưng không bao giờ nghĩ người ta sẽ hãm hại chúng tôi."

Không ư? Một âm mưu hối lộ liên quan đến mười triệu đô la và có thể kết thúc bằng bản cáo trạng cho hàng chục nhân viên công ty cũng như các quan chức thành phố. Lukas ngạc nhiên vì Moss đã sống sót đến lúc nhận được sự bảo vệ của liên bang.

"Đêm nay, ông và gia đình đáng lẽ," cô hỏi, "sẽ làm gì?"

"Đến công viên Mall và xem pháo hoa. Để bọn trẻ thức khuya. Chúng thích thế còn hơn cả xem pháo hoa ấy chứ. Còn cô, đặc vụ Lukas? Cô có kế hoạch gì chưa?"

Không có gì. Cô hoàn toàn chẳng có kế hoạch nào. Cô đã không kể với ai chuyện này. Lukas nghĩ đến vài người bạn của mình: Một nữ cảnh sát ở Fairfax, một lính cứu hỏa ở Burke, vài người hàng xóm, một người đàn ông cô gặp ở tiệc thử rượu, ai đó cô gặp ở lớp huấn luyện chó trong lúc cố gắng một cách không

thành công để dạy dỗ con Jean Luc. Cô phần nào cũng khá gắn bó với họ và vài người khác nữa. Đôi khi cô tán gẫu cùng họ, đôi khi chia sẻ rượu với họ. Thi thoảng, cô cũng ngủ với một anh chàng. Tất cả đều mời cô đến dự tiệc mừng năm mới; cô nói với họ rằng mình sẽ tới một bữa tiệc lớn ở Maryland. Nhưng chỉ là nói dối. Cô muốn dành đêm cuối năm này cho riêng mình. Và cô chẳng muốn ai biết chuyện đó, chủ yếu là bởi không thể giải thích được tại sao. Nhưng vì vài lý do, cô nhìn Gary Moss, người đàn ông dùng cảm bị mắc kẹt trong cơn bão lửa của chính trường Washington D.C. này, và rồi kể cho ông sự thật, “Tôi định dành đêm nay với con chó của mình và xem một bộ phim.”

Ông ta không hề nói lời cảm thông giả tạo mà liền vui hẳn lên, “Ồ, cô nuôi chó à?”

“Có chứ. Giống Black Lab. Nàng ta ra dáng người mẫu thời trang lắm, nhưng ngu nhất hạng luôn.”

“Cô nuôi nó bao lâu rồi?”

“Hai năm. Từ dịp Lễ tạ ơn.”

Moss nói, “Năm ngoái tôi mua cho bọn trẻ một con chó lai. Bé xú. Chúng tôi tưởng đã mất nó trong vụ gài bom nhưng cuối cùng nó thoát được. Nó đủ thông minh để bỏ lại chúng tôi và tự đào thoát khỏi đám cháy. Cô định xem phim gì đây?”

“Chưa biết chắc. Có thể là phim dành cho nữ giới. Cái gì đó hay ho và tràn đầy nhựa sống, làm cho tôi phải khóc.”

“Tôi không nghĩ các đặc vụ FBI được phép khóc đâu.”

“Chỉ khi nào hết nhiệm vụ thôi. Việc chúng tôi định làm là giữ ông ở đây đến thứ Hai, ông Moss ạ, rồi ông sẽ được chuyển đến nhà an toàn của Cục Cảnh sát Hoa Kỳ.”

“Ha. Tommy Lee Jones. Kẻ đào tẩu. Chẳng phải phim ấy rất hay sao?”

“Tôi chưa xem.”

“Lúc nào đấy thuê xem đi.”

“Có thể. Ông sẽ ổn cả, Gary. Ông đang ở nơi an toàn nhất có thể rồi. Không ai tấn công ông ở đây được đâu.”

“Chừng nào mấy tay lao công kia thôi làm tôi sợ chết khiếp.” Moss cười phá lên.

Ông ta đang cố phân chấn. Nhưng Lukas có thể thấy nỗi sợ của người đàn ông này: Nó như nhịp đập trên những mạch máu lộ ra nơi cái trán xương xẩu. Sợ cho ông, sợ cho gia đình ông.

“Chúng tôi sẽ mang bữa tối cho ông.”

“Một cốc bia nhé?” Ông ta hỏi.

“Một lốc luôn thì sao?”

“Ồ, thế chứ.”

“Ông thích loại nào?”

“À, Sam Adams.” Rồi ông ngần ngại, “Cái đó cũng nằm trong ngân sách à?”

“Miễn là tôi kiếm được.”

“Tôi sẽ để phần cho cô một lon mát lạnh. Hãy trở lại đây sau khi tóm được tên điên nhé!”

Ông ta nghịch cái mũi. Trong một giây, cô đã tưởng ông ta sẽ đội nó lên đầu nhưng chắc Gary cũng nhận ra cử chỉ ấy thật thâm hại. Ông ném nó lên giường.

“Tôi sẽ quay lại sau,” cô nói với ông ta.

“Cô đi đâu đấy?”

“Xem bản đồ.”

“Bản đồ à. Chúc cô may mắn, đặc vụ Lukas.”

Cô bước qua cánh cửa. Cả hai không ai chúc người còn lại một năm mới hạnh phúc.

* * * * *

Bên ngoài, trong không khí mát lạnh, Parker, Cage và Lukas đi dọc vỉa hè sáng lờ mờ trên đường đến Cục lưu trữ do đặc địa hình cách trụ sở Cục điều tra sáu dặm nhà.

Washington D.C. cũng có những địa điểm xinh đẹp và kiến trúc tuyệt vời của riêng mình. Nhưng vào lúc hoàng hôn một chiều mùa đông như thế này, nó trông thật âm u. Khoản ngân sách trang trí Giáng sinh hạn hẹp cũng không thắp sáng được các con phố ảm đạm. Parker Kincaid nhìn lên trời. Một màu u ám. Anh nhớ người ta đã dự báo rằng sẽ có tuyết và ngày mai, bọn Who sẽ muốn ra ngoài chạy xe trượt.

Họ sẽ tĩa bụi cây ở sân sau như anh đã hứa với Robby, rồi cả ba bốn con sẽ hướng về phía tây tới núi Massanutten bằng những chiếc xe trượt tuyết cùng bình ử chocolate nóng.

Lukas chen ngang những suy nghĩ của anh bằng câu hỏi, “Sao anh lại theo ngành Tài liệu?”

“Thomas Jefferson,” Parker trả lời.

“Là sao?”

“Đáng lẽ tôi sẽ theo ngành Sử. Tôi muốn trở thành chuyên gia về lịch sử thời Jefferson. Đó là lý do tôi đi học ở Đại học Virginia.”

“Ông ấy đã thiết kế trường đại học ấy, phải không?”

“Cơ sở đầu tiên thôi. Hàng ngày, tôi đến phòng lưu trữ ở đó và Thư viện Nghị viện ở Đặc khu. Một hôm, tôi đang ngồi trong thư viện ở Charlottesville, xem xét lá thư Jefferson viết cho con gái là Martha. Bức thư nói về tình trạng nô lệ. Jefferson cũng có nô lệ nhưng ông không tin vào chế độ ấy. Song lá thư được viết ngay trước khi ông qua đời này lại quyết liệt tán thành chủ nghĩa nô lệ và công khai thừa nhận quan điểm sai lầm của mình trước đó. Ông nói rằng chế độ nô lệ là nền tảng kinh tế của đất nước và cần phải được duy trì. Với tôi, việc này có vẻ quái lạ, và càng lạ hơn vì ông ấy lại viết về vấn đề đó với con gái của mình. Ông ấy rất yêu con nhưng thư từ qua lại của họ chủ yếu là về việc nhà. Càng đọc tôi lại càng nghĩ rằng kiểu chữ này có gì đó không đúng lắm. Tôi đã mua một cái kính lúp rẻ tiền và so sánh nó với những văn bản đã biết.”

“Và nó là giả à?”

“Phải. Tôi mang nó đến cho một nhà giám định tài liệu gần đây để ông ta phân tích nó. Và gây ra một vụ rùm beng tương đối về chuyện ai đó tuồn tài liệu giả vào khu vực lưu trữ về Jefferson, đặc biệt lại là một tài liệu như vậy. Tôi đã được nêu tên trên tờ Post.”

“Ai đã làm việc đó?” Lukas hỏi.

“Không ai biết cả. Nó có từ những năm Sáu mươi, chúng tôi có thể nói như vậy nhờ vào độ thấm thấu của mực. Các chuyên viên lưu trữ cho rằng tác giả là một người cánh hữu muốn nhét lá thư này vào để phá hoại các hoạt động nhân quyền. Dù thế nào thì tôi đã bị cuốn vào từ lúc đó.”

Parker đã đưa cho Lukas xem hồ sơ lý lịch của mình. Anh có bằng thạc sĩ môn biện luận của trường Đại học George Washington. Anh cũng được Hội đồng các nhà giám định tài liệu pháp lý Hoa Kỳ Houston chứng nhận. Anh còn là thành viên của Hiệp hội các nhà giám định tài liệu Mỹ, Hiệp hội các nhà giám định tài liệu quốc gia và Hiệp hội các nhà giám định tài liệu thế giới.

“Tôi làm ngoài một thời gian cho đến khi nghe nói Cục điều tra đang tìm một đặc vụ chuyên giám định tài liệu. Tôi tới Quantico và phân còn lại chỉ là quá khứ.”

Lukas hỏi, “Điều gì ở Jefferson hấp dẫn anh?”

Parker thậm chí chưa bao giờ cân nhắc vấn đề này. Anh trả lời, “Ông ấy là một anh hùng.”

“Ngày nay, chúng ta không thể tìm được nhiều người như vậy,” Cage nói.

“Ôi, người thời nay với thời xưa chẳng khác nhau mấy đâu,” Parker phản bác. “Trên đời vốn không có nhiều người hùng. Nhưng Jefferson đúng là người như vậy.”

“Bởi vì ông ta là người đa tài à?” Lukas hỏi.

“Bởi nhân cách của ông thì đúng hơn. Vợ ông chết trong khi sinh nở. Việc ấy suýt thì hủy hoại ông. Nhưng ông đã vượt qua. Ông nhận lãnh trách nhiệm nuôi các con gái. Bao nhiêu nỗ lực ông đặt vào việc hoạch định hệ thống tưới tiêu cho đồng ruộng hay dịch bản Hiến pháp thì cũng nỗ lực bấy nhiêu khi chọn váy áo cho Mary. Tôi đã đọc tất cả các thư từ của ông. Với ông, không có gì là thử thách quá lớn.”

Lukas ngáp ngừng, nhìn vào một cửa hiệu trưng bày ít quần áo nữ trẻ trung và một chiếc váy đen. Anh để ý thấy cô không hề ngưỡng mộ nó; đôi mắt cô nhìn nó chẳng khác gì nhìn vào bức thư tổng tiền, chỉ thấy sự phân tích đánh giá.

Parker ngạc nhiên vì một thứ như thế lại làm cô phân tâm. Nhưng Cage nói, “Margaret của chúng tôi là một, nói thế nào nhỉ, nhà thiết kế cừ khôi. Tự may quần áo cho mình. Cô ấy giỏi lắm.”

“Cage,” cô lơ đãng rầy la.

“Anh có biết ai làm được như thế không?”

Không, Parker không biết nên anh chẳng nói gì.

Cô quay mặt đi và họ tiếp tục đặt bước trên Đại lộ Pennsylvania, tòa nhà Capitol ở trước mặt.

Lukas hỏi anh, “Thế anh thực sự đã từ chối vị trí trưởng phân cục đây à?”

“Phải.”

Một tràng cười khó tin phát ra.

Parker vẫn còn nhớ cái ngày Cage và vị phó giám đốc đương nhiệm lúc đó ghé qua văn phòng để hỏi liệu anh có muốn rời khỏi phòng Tài liệu và phụ trách một văn phòng thực chiến hay không. Đúng như Cage nhận xét trên bậc thềm nhà anh lúc sáng, Parker không chỉ giỏi phân tích tài liệu mà còn rất giỏi việc tóm bọ người xấu.

Một đặc vụ hay trợ lý công tố viên Hoa Kỳ chỉ cần đến gặp anh với một câu hỏi đơn giản về một tài liệu có thể bị nghi là giả mạo hoặc chính là sợi dây liên kết thủ phạm với hiện trường tội ác. Vậy là, Parker sẽ không ngừng cật vấn anh chàng tội nghiệp nọ trong văn phòng đầy cây bonsai của mình ở phòng thí nghiệm, dù anh chàng chỉ muốn có chút thông tin liên quan đến tài liệu. Nhưng đối với Parker, thế là chưa

đủ.

Anh tìm thấy lá thư ở đâu? Không, không, ngăn kéo nào cơ? Nghi phạm có vợ không? Cô ta sống ở đâu? Hẳn có chó không? Lăn bị bắt gần nhất của hần là trong tình huống nào?

Câu hỏi này dẫn tới câu hỏi nọ, chẳng bao lâu sau, Parker Kincaid sẽ không nói liệu chữ viết tay này có khớp với chữ ký trong tờ khai ở DMV không, mà thay vào đó lại đoán định nơi nghi phạm có thể đang lẩn trốn. Gần như lúc nào anh cũng đúng.

Nhưng anh đã từ chối lời đề nghị. Thời gian làm việc của một trưởng phân cục rất dài, trong khi vào giai đoạn ấy anh cần phải ở nhà. Vì lợi ích của lũ trẻ.

Tất nhiên anh không hề muốn chia sẻ bất kỳ điều gì trong số đó với Lukas.

Anh thắc mắc liệu cô có hỏi thêm không, nhưng cô chẳng nói gì. Cô chỉ lúi điện thoại ra và gọi.

Parker tò mò về Cục lưu trữ đo đạc địa hình mà họ đang đi đến. Anh hỏi, “Chính xác thì...”

“Im nào!” Lukas đột ngột thì thào.

“Sao...” anh định hỏi.

“Im lặng! Tiếp tục bước đi! Và đừng nhìn lại!”

Anh nhận ra cô không hề nói chuyện điện thoại mà chỉ giả vờ.

Cage hỏi, “Cô cũng thấy hần à? Tôi thấy hần cách ta khoảng hai mươi mét.”

“Gần ba mươi. Không thấy vũ khí. Hần có vẻ ông ẹo. Di chuyển không vững vàng.”

Parker nhận ra đó là lý do Lukas quan tâm đến anh này giờ và tại sao cô lại dừng chân để ngấm mấy chiếc váy trong cửa hiệu: Cô nghi ngờ có ai đó đang theo dõi họ và muốn kẻ đó tưởng là cô không biết. Anh cũng liếc vào một cửa sổ khi họ bước ngang qua và trông thấy một người đang băng qua đường để sang phía vỉa hè họ đang đi.

Lúc này Parker mới để ý cả Cage và Lukas đều đang cầm vũ khí. Anh không hề biết họ rút ra lúc nào. Họ cầm những khẩu súng tự động màu đen, trên ống ngắm là ba điểm sáng màu xanh lục bé xíu. Khẩu súng công vụ của anh là loại súng lục già cỗi và điều anh nhớ nhất là chuyện ghét cay ghét đắng cái luật buộc anh phải vác theo nó mọi lúc; ý nghĩ mang theo một khẩu súng đầy đạn lớn vốn gần bọn Who làm anh lo lắng mãi không yên.

Lukas lăm bắm gì đó với Cage và ông gật đầu. Quay sang Parker, cô nói, “Hãy ra về tự nhiên!”

Ồ chắc rồi...

“Cô nghĩ có phải Digger không?” Anh hỏi.

“Có thể,” cô nói.

“Kế hoạch?” Cage thì thầm.

“Hạ hần,” cô đáp lại một cách bình tĩnh.

Lạy Chúa, Parker nghĩ. Digger đang ở sau lưng họ! Với khẩu súng tự động. Hần đã theo dõi trụ sở Cục điều tra và biết được họ chính là những người phụ trách vụ án. Họ suýt bắt được hần ở nhà hát; có lẽ tên đồng phạm đã dẫn hần hạ hết điều tra viên nếu họ có vẻ sắp bắt được hần.

“Ông lo mặt phố,” Lukas nói với Cage. “Kincaid, anh phụ trách ngõ. Trong trường hợp có đồng phạm.”

“Tôi...”

“Suýt.”

“Đếm đến ba. Một... hai...”

“Nhưng tôi...,” Parker định nói.

“Ba.”

Họ tách ra rất nhanh. Cage bước hần xuống phố, chặn các xe đang đi.

Lukas quay lại và lao về hướng họ vừa đi qua. “Đặc vụ liên bang!” Cô hét. “Anh kia! Đứng yên, hai tay đặt lên đầu.”

Parker liếc vào trong ngõ và tự hỏi mình phải làm gì nếu trông thấy có tên đồng phạm nào ở đó. Anh rút điện thoại ra, bấm sẵn 911 và đặt tay lên nút Gọi. Anh chỉ nghĩ được có thể.

Nhìn lại đằng sau, anh thấy Lukas. Phía trước cô, một người đàn ông đột ngột dừng lại rồi quay đầu bỏ chạy xuống phố.

“Đứng lại!”

Lukas đang chạy dọc vỉa hè. Người đàn ông rẽ sang phải, biến mất trong dòng xe cộ. Cô cố đuổi theo nhưng một chiếc xe bông rẽ ngoặt; người lái xe không trông thấy và suýt tông phải cô. Lukas lăn người lên vỉa hè, chỉ cách lá chắn vài phân.

Lúc cô lại bắt đầu chạy theo thì tên kia đã biến mất. Parker trông thấy cô lúi điện thoại ra và nói gì đó. Một lát sau, ba chiếc xe không biển hiệu, kèm đèn đỏ lóe sáng trên bảng điều khiển phanh kít ở ngã tư. Cô trao đổi với một trong ba tài xế và mấy chiếc xe liền phóng vút đi.

Lukas từ từ đi bộ trở lại chỗ Parker. Cage cũng tiến về phía họ. Lukas giơ hai tay lên một cách bức bối.

Cage nhún vai. “Anh trông thấy hần không?”

“Không,” Parker trả lời.

“Tôi cũng không thấy,” Lukas lăm bắm. Rồi cô liếc vào tay Parker. “Vũ khí của anh đâu?”

“Cái gì của tôi?”

“Anh phụ trách ngô cơ mà. Chúng ta gặp biến mà anh lại không rút vũ khí ra sao?”

“À, tại vì tôi không có. Đó là chuyện tôi đã cố nói với cô.”

“Anh không mang gì?” Cô hỏi một cách khó tin.

“Tôi là thường dân,” Parker nói. “Sao tôi phải có súng chứ?”

Lukas nhìn Cage một cách khinh thị, ông liền nói, “Cứ tưởng anh ta có.”

Cô cúi xuống và kéo ống quần bò lên. Lôi một khẩu súng nhỏ ra khỏi bao ở cổ chân rồi đưa cho Parker.

Anh lắc đầu. “Không, cảm ơn.”

“Cầm lấy đi!” Cô khẳng khái.

Parker liếc khẩu súng trên tay cô. “Tôi không thoải mái với súng ống. Tôi ở bên Khoa học hình sự, không phải đội tác chiến. Hơn nữa, khẩu công vụ của tôi là súng lục, không phải loại tự động. Lần cuối tôi bắn là ở trường bắn tại Quantico. Sáu bảy năm trước rồi.”

“Tất cả những gì anh phải làm là ngắm bắn và bóp cò,” cô nói, giờ đã cực kỳ giận dữ. “Chốt an toàn giật rồi. Phát đầu tiên là hai viên đạn liên tiếp, phát thứ hai một viên. Vì thế chỉ việc ngắm cho đúng.” Parker tự hỏi cơn giận bất chợt này đến từ đâu.

Anh không cầm khẩu súng.

Cô thở dài, khiến một làn khói mỏng thoát ra từ miệng cô giữa trời đêm lạnh giá. Cô không nói gì mà chỉ đẩy khẩu súng về gần phía anh hơn.

Parker quyết định có đấu tranh cũng chẳng để làm gì. Anh đưa tay ra và cầm lấy khẩu súng. Liếc nó một cái rồi trượt vào trong túi áo. Lukas quay đi, không nói không rằng và họ tiếp tục tiến về phía trước. Cage nhìn anh nghi ngờ, tiếp theo là nhún vai rồi gọi điện thoại.

Trong lúc họ đi trên phố, Parker cảm nhận sức nặng của khẩu súng trong túi áo: Một lực kéo khổng lồ, lớn hơn trọng lượng ba bốn trăm gram của nó rất nhiều. Thế nhưng anh chẳng thấy thoải mái hơn chút nào khi có nó bên mình. Anh tự hỏi tại sao. Một phút trôi qua anh mới nhận ra câu trả lời. Không phải vì mẩu kim loại nóng bỏng này nhắc anh nhớ rằng Digger có thể vừa mới ở ngay đằng sau họ ít phút trước, định giết cả anh lẫn Cage và Lukas. Cũng chẳng phải vì nó nhắc anh nhớ đến *Người chèo thuyền* bốn năm về trước hay về nỗi hoảng loạn của đứa con trai.

Không, thực tế là vì khẩu súng dường như có một quyền năng đen tối nào đó, giống chiếc nhẫn ma thuật trong cuốn sách của J. R. R. Tolkien, một quyền năng sẽ khuất phục anh và mỗi phút càng mang anh rời xa lũ trẻ hơn. Thứ quyền năng có thể chia tách anh với các con mãi mãi.

* * * * *

Digger đang đứng trong một con hẻm.

Bất động, nhìn quanh.

Quanh đây không có đặc vụ hay tay cảnh sát nào. Cũng chẳng có ai truy đuổi hay săn lùng hắn. Không có ai bắn hắn. Hay bắt hắn quay lại Connecticut, nơi hắn thích các rừng cây, nhưng lại ghét cay ghét đắng những căn phòng có chấn song mà người ta ép hắn phải ngồi trong đó hết giờ này sang giờ khác, chẳng được làm gì, nơi người ta ăn cắp súp của hắn và chuyển kênh ti vi để hắn không xem được các đoạn quảng cáo ô tô hay chó con nữa, chỉ có kênh thể thao.

Pamela đã bảo hắn, “Anh béo quá rồi. Anh mất hết cơ bắp. Sao anh không đi chạy nhỉ? Đi mua một đôi... *click*... giày chạy Nike đi. Nhé. Tới trung tâm thương mại ấy. Em có việc phải làm.”

Trong một phút, Digger nghĩ mình đã trông thấy Pamela. Hắn neho mắt. Không, không, chỉ là một bức tường trống trơn trong hẻm.

Em có hứa sẽ yêu thương, trân trọng, tôn trọng và... click... tuân phục?

Một ngày mùa thu nọ, hắn đi chạy với Pamela qua những tán lá đỏ và vàng. Hắn đã cố bắt kịp, mồ hôi mồ kê và ngực đau như thắt, giống hệt cơn đau đầu sau khi viên đạn bắn lung tung trong não hắn. Pamela chạy trước và rốt cuộc hắn chỉ còn một mình. Rốt cuộc hắn phải lẻ loi đi bộ về nhà.

Digger lo lắng về sai lầm ở nhà hát. Hắn lo ngại về tất cả các cảnh sát và đặc vụ ở đó, lo rằng người chỉ dạy hắn mọi điều sẽ chẳng vui khi hắn không bắn chết được nhiều người như kế hoạch phải thế.

Digger nghe tiếng còi hú từ đằng xa. Rất nhiều tiếng còi.

Hắn bắt đầu đi qua hẻm. Để mặc chiếc túi mua hàng lủng lẳng trên cánh tay. Khẩu Uzi bên trong túi lại nặng trĩu vì đã được nạp thêm đạn.

Phía trước mặt, trong con hẻm, hần nhìn thấy có sự chuyển động. Hần dừng bước. Có một thằng bé. Da màu và gầy nhẳng. Khoảng mười tuổi. Thằng bé đang nghe ai đó nói chuyện với mình. Ai đó mà Digger không trông thấy.

Đột nhiên, Digger nghe tiếng Pamela, “Có... có... có... con với anh á? Có... có...có... con của anh?”

Nếu chúng ta có một hay ba hay bốn đứa trẻ, em sẽ biết tôi càng yêu em nhiều hơn.

Rồi ký ức về bài hát tan biến vì có tiếng giấy rách, khẩu súng cùng ống giảm thanh rơi ra khỏi đáy túi. Hần cúi xuống nhặt chúng và trong lúc ấy cũng nhìn lên.

Hừm.

Không hay chút nào.

Thằng bé cùng một người lớn tuổi mặc quần áo bẩn thỉu đang đi vào trong hẻm, ông ta chính là người nói chuyện với nó khi nãy. Người đàn ông đang bế quặt tay thằng bé lên trên. Nó khóc và mũi bị chảy máu.

Cả hai nhìn Digger. Có vẻ như thằng bé thấy nhẹ nhõm. Nó giật tay khỏi người đàn ông và xoa vai. Gã ta lại tóm tay nó lần nữa.

Người đàn ông nhìn xuống khẩu Uzi rồi cười mĩa với Digger. Và nói, “Mày đang làm gì thì kệ mày, không phải việc của tao. Tao đi đường tao thôi.”

“Thả tay ra,” thằng bé rên rỉ.

“Câm họng!” Người đàn ông giơ nắm đấm. Thằng bé co rúm.

Digger bắn hai phát vào ngực gã. Người đàn ông liền ngã ra sau. Thằng bé nhảy bật lại trước tiếng động lớn. Ông giảm thanh vẫn nằm trên mặt đất.

Digger nhắm vào thằng bé, lúc này đang nhìn chằm chằm vào thi thể.

Nếu ai nhìn thấy mặt anh...

Digger định bóp cò.

“Có...có...có... con với anh?” Những lời ấy lùng bùng trong não hần.

Thằng bé vẫn cứ nhìn thi thể người đàn ông vừa mới đánh mình. Digger lại định bóp cò. Rồi hần hạ khẩu súng xuống. Thằng bé quay lại và nhìn Digger. Nó thì thào, “Ông... ông bắn ông ta! Trời ơi, cứ như không, ông bắn ông ta.”

Thằng bé nhìn thẳng vào mặt Digger. Chỉ cách hần có ba mét.

Lời nói cứ lùng bùng trong đầu hần. Giết nó, nó thấy mặt anh rồi, giết nó, giết nó... giết nó... giết nó...

Đại loại như thế.

Digger chỉ nói, “Hừm.” Hần cúi xuống nhặt những vỏ đạn rỗng ròi đến ống giảm thanh, bọc nó cùng khẩu súng trong lớp túi đã rách và bước ra khỏi con hẻm, bỏ mặc thằng bé đứng bên đông rác, nhìn chằm chằm vào một cái xác.

Trở lại nhà trọ và... *click*... trở lại nhà trọ và chờ.

Hần sẽ ăn súp và chờ. Hần sẽ nghe lời nhần. Xem người chỉ dạy hần mọi điều có gọi và bảo hần dừng lại hay không.

Khi tôi nghe tiếng em bước chân qua cánh cửa...

Lúc này được ăn một ít súp sẽ rất tuyệt.

Tôi biết mình càng yêu em nhiều hơn.

Hần đã nấu súp cho Pamela. Hần đang nấu súp vào cái tối mà nàng... *click*. Đó là đêm Giáng sinh. Mười hai hai mươi lăm. Một hai hai năm. Một buổi tối như hôm nay. Lạnh lẽo. Đèn màu rực rỡ ở khắp nơi.

Đây là cây Thánh giá bằng vàng cho em, hần nói. Còn cái hộp này là cho anh à?... Một món quà?Ồ, là áo khoác! Cảm ơn em, cảm ơn em, cảm ơn...

Digger đang đứng chờ cột đèn giao thông, chờ tín hiệu đèn xanh.

Đột nhiên, hần cảm nhận thứ gì đó đang chạm vào tay mình.

Digger không hốt hoảng. Digger chẳng bao giờ hốt hoảng.

Hần tóm chặt khẩu súng trong chiếc túi rách. Từ từ quay lại.

Thằng bé đang đứng cạnh hần, nắm chặt tay trái của Digger. Nó nhìn thẳng về phía trước.

Yêu em yêu em yêu em...

Đèn đổi màu.

Digger không di chuyển.

Nhiều hơn...

“Đến lượt chúng ta rồi,” thằng bé nói, giờ đang nhìn chằm chằm vào những con chó trên chiếc túi rách. Digger thấy hình người màu xanh trên biển được đi/không được đi.

Hình người màu xanh có vẻ vui.

Dù vui có là gì đi nữa.

Cả hai cùng nắm tay nhau đi bộ qua đường.

Chương 15

Cục lưu trữ địa lý và đo đạc địa hình của Đặc khu Columbia nằm trong một tòa nhà cũ ẩm mốc gần phố Seventh và phố E.

Nó cũng chẳng ngẫu nhiên mà nằm ngay gần một khu vực ít ai biết của Sở mật vụ và Văn phòng Chiến dịch đặc biệt của ủy ban an ninh quốc gia.

Không có chỉ dẫn về Cục lưu trữ này trên bất kỳ cuốn sách du lịch nào, những ai chú ý tới biển báo ở trước tòa nhà và bước vào trong sẽ được một trong ba bảo vệ mang súng ở bàn ngoài lịch sự thông báo rằng cơ quan này không mở cửa cho công chúng và ở đây cũng chẳng có buổi triển lãm nào hết, cảm ơn vì sự quan tâm của quý vị. Chúc một ngày tốt lành. Tạm biệt.

Cage, Parker và Lukas, người dường như lúc nào cũng đang nghe điện thoại, đang chờ trong sảnh. Cô gặp máy lại. “Chẳng có gì. Hắn vừa biến mất.”

“Không có nhân chứng nào à?”

“Một vài tài xế trông thấy người đàn ông mặc đồ đen đang chạy. Họ nghĩ hắn ta da trắng. Vóc người trung bình. Nhưng không ai dám quả quyết. Chúa ơi!”

Cage nhìn quanh. “Làm sao cô giúp chúng ta vào trong được, Lukas? Đến tôi còn không thể.”

Giờ đến lượt Lukas nhún vai một cách bí ẩn. Có vẻ như đêm Giao thừa là thời điểm đòi những món nợ cũ và mắc những món nợ mới.

Tobe Geller đến chỗ họ. Cậu ta từ tốn bước vào khu nhà rồi gật đầu chào với các thành viên khác trong đội. Sau đó, tất cả đều được kiểm tra dấu vân tay bằng máy quét danh tính, còn vũ khí của họ thì được cất vào một hộp khóa kín. Tất cả được chỉ đến cầu thang máy. Khi họ bước vào bên trong, Parker tưởng mình sẽ đi lên nhưng có vẻ chiếc thang máy không hề rời khỏi tầng một. Lukas bấm nút B7 và buồng thang máy như đang hạ xuống vô cùng tận.

Họ cùng bước vào Cục lưu trữ chính thức. Hóa ra trong đó không phải chất đầy những cuốn sách và bản đồ cũ phủ đầy bụi như Parker, chuyên viên giám định tài liệu, đã mong đợi được thấy, mà là một phòng đầy những chiếc bàn kiểu công nghệ cao, điện thoại, micro cùng hàng loạt những chiếc màn hình NEC hai mươi bốn inch. Thậm chí vào đêm Giao thừa như hôm nay, khoảng hơn hai mươi người, cả đàn ông lẫn phụ nữ, vẫn đang ngồi trước những màn hình với các bản đồ phức tạp, gõ bàn phím và nói vào micro gần ở tai.

Mình đang ở chỗ quái quỷ nào thế? Parker tự hỏi khi nhìn quanh và quyết định rằng việc tiếp cận Cục lưu trữ chẳng liên quan gì đến chuyện kiếm được một công chức nhà nước nào đó có chìa khóa cửa trước.

“Cái này là gì?” Anh hỏi Geller.

Viên đặc vụ trẻ liếc nhìn Cage dò hỏi, ông ta gật đầu cho phép cậu ta nói. Geller trả lời, “Cơ sở dữ liệu bản đồ và đo đạc địa hình của tám trăm ba mươi tư kilomet vuông quanh Đặc khu. Tọa độ không là Nhà trắng dù họ chẳng thích nghe thấy anh nói như vậy đâu. Trong trường hợp có thảm họa tự nhiên, tấn công khủng bố đe dọa hạt nhân, vân vân, đây chính là nơi họ sẽ quyết định Chính phủ nên ngồi yên tại chỗ hay rời khỏi thành phố và nếu phải đi thì làm thế nào. Con đường nào là an toàn nhất, có bao nhiêu nghị sĩ và thượng nghị sĩ sẽ sống sót. Kiểu như vậy. Giống như phòng Chiến tranh trong phim *Fail Safe* ấy. Hay không?”

“Chúng ta đang làm gì ở đây?”

“Anh muốn xem bản đồ còn gì,” cậu ta nói, háo hức ngắm nghía tất cả những thiết bị theo cái cách chỉ một hacker bẩm sinh mới có, “và đây là cơ sở dữ liệu chi tiết nhất của mọi khu vực trên thế giới. Lincoln Rhyme đã nói chúng ta cần hiểu rõ khu vực này. Có thể chúng ta không hiểu. Nhưng chúng thì có.” Cậu ta gật đầu trù mẫm về phía một hàng những cỗ máy tính cao tới một mét tám.

Lukas nói, “Họ sẽ để chúng ta dùng máy móc ở đây, dù chỉ miễn cưỡng thôi, chừng nào chúng ta không in ra hay tải xuống cái gì.”

“Khi nào ra ngoài, chúng ta sẽ bị soát người,” Geller nói.

“Làm sao cậu biết nhiều về chỗ này thế?” Parker hỏi Geller.

“Ồ, đại loại là tôi dự phần lập nên nó.”

Lukas nói thêm, “À, nhân tiện, Parker, anh chưa bao giờ nghe về nơi này nhé!”

“Không vấn đề,” Parker nói, để mắt đến hai lính gác cầm súng tự động đứng ngay cạnh thang máy.

Lukas nói, “Nào, các dư chất mà Rhyme tìm được là gì?”

Parker nhìn vào cuốn sổ mình mang theo. Anh đọc, “Đá granite, lưu huỳnh, bồ hóng, tro, đất sét và gạch.”

Tobe Geller ngồi xuống một chiếc máy tính, bật nó lên và gõ diên cuồng trên bàn phím. Hình ảnh Washington, D.C. hiện lên màn hình. Độ sắc nét thật đáng kinh ngạc. Nó là hình ảnh 3D. Parker nghĩ một cách hơi ngô nghê rằng Robby và Stephie sẽ khoái chơi Mario Bros trên một màn hình như thế này biết bao.

Lukas nói với Parker, “Chúng ta bắt đầu từ đâu?”

“Từng dấu vết một,” anh trả lời. “Rồi bắt đầu thu hẹp các khả năng. Giống như giải đố vậy.”

Ba con điều hâu cùng bắt mất gà của bác nông dân...

“Đầu tiên, đá granite, bụi gạch và đất sét,” anh lẩm bẩm. “Chúng chỉ dẫn tới các địa điểm phá dỡ, các công trình xây dựng...” Anh quay sang Geller, “Chúng có nằm trên cơ sở dữ liệu này không?”

“Không,” viên đặc vụ trẻ trả lời. “Nhưng chúng ta có thể tìm được ai đó ở Sở cấp phép Xây dựng.”

“Làm đi,” Parker ra lệnh.

Geller gọi bằng máy bàn vì không điện thoại di động nào có thể bắt sóng ở tận dưới này, hơn nữa, Parker cho rằng các bức tường ở đây đều có chất cản sóng giống như mọi cơ sở an ninh khác ở Washington.

“Tiếp theo là gì?” Parker tự hỏi. “Lưu huỳnh và bồ hóng... Nghe giống bên công nghiệp. Tobe, cậu đánh dấu các khu vực dựa trên mức độ ô nhiễm không khí được chứ?”

“Chắc chắn được. Có một file của bên EPA đây,” Cậu ta vui vẻ nói thêm, “nó cũng tính toán mức độ xâm nhập của các chất khí ảnh hưởng đến thần kinh và vũ khí hóa học luôn.”

Thêm nhiều phím bấm.

Ngành nghề chủ yếu của Đặc khu Columbia là các cơ quan hành chính, không phải nền công nghiệp, và các khu thương mại quanh đây chủ yếu được dùng để cất giữ và phân phối sản phẩm. Nhưng trên màn hình vẫn có những khu vực của thành phố bắt đầu được đánh dấu, lại còn bằng đúng sắc vàng, màu chỉ sự ô nhiễm phân lớn xuất hiện ở đông nam thành phố.

“Có thể nghi phạm đang sống gần đó,” Lukas nhắc. “Có các khu công nghiệp nào liền kề với khu vực nhà dân?”

Geller tiếp tục gõ, kiểm tra chéo các khu công nghiệp có người sinh sống. Cách này loại được một số nơi nhưng không nhiều; hầu hết các khu vực đều xen lẫn với các vùng dân cư.

“Vẫn còn nhiều quá,” Lukas nói.

“Hãy thêm vào một nhân tố nữa. Bụi tro,” Parker nói. “Thịt động vật bị đốt cháy về cơ bản.”

Tay Geller ngập ngừng trên bàn phím. Cậu ta lẩm bẩm, “Cái đó có thể là gì nhỉ?”

Lukas lắc đầu. Rồi hỏi, “Có nhà máy chế biến thịt nào ở các khu vực ấy không?”

Đó là một gợi ý hay, chính Parker cũng đang định nói vậy.

Geller trả lời, “Không thấy.”

“Nhà hàng thì sao?” Cage gợi ý.

“Có lẽ là quá nhiều,” Parker nói.

“Hàng trăm cái,” Geller xác nhận.

“Còn chỗ nào có thịt cháy nữa?” Lukas hỏi, nhưng không nhắm vào ai.

Câu đó...

“Các bác sĩ thú y,” Parker tự hỏi. “Họ có thiêu hủy xác bọn thú không nhỉ?”

“Có thể,” Cage nói.

Geller gõ rồi đọc trên màn hình. “Có hàng chục cơ sở. Ở khắp mọi nơi.”

Rồi Lukas nhìn lên Parker và anh thấy sự lạnh lùng lúc trước đã biến mất, thay vào đó là một thứ khác. Có lẽ là sự háo hức. Đôi mắt xanh dương của cô vẫn kiên định như đá, đúng là thế, nhưng giờ chúng lấp lánh như đá quý. Cô nói, “Thế còn hài cốt của con người?”

“Nhà hỏa táng!” Parker nói. “Phải rồi! Bột đá granite có thể từ chỗ làm bia mộ. Hãy tìm một nghĩa trang đi!”

Cage liếc nhìn bản đồ rồi chỉ ra, “Arlington?”

Nghĩa trang quốc gia chiếm trọn một khu vực rộng lớn ở phía tây của dòng Potomac. Khu vực xung quanh nó hẳn là bị bao trùm trong bụi đá granite.

Nhưng Parker chỉ ra, “Nó không nằm gần khu công nghiệp nào cả. Làm sao có chỉ số ô nhiễm đáng kể được?”

Rồi Lukas trông thấy. “Kia kìa!” Cô đưa một ngón tay được phủ lớp sơn không bóng nhưng mịn hoàn hảo ra chỉ. “Gravesend.”

Tobe Geller khoanh vùng khu vực đó trên bản đồ và phóng to nó lên.

Gravesend...

Khu vực này là một phần trong góc phần tư phía đông nam của Đặc khu Columbia. Parker chỉ biết rất sơ sài về nó. Xung quanh Nghĩa trang Memorial là một dải các căn hộ chung cư nghèo nàn, nhà máy lụp xụp và bãi đất trống. Hồi đầu thế kỷ XVIII, nó đã từng là bãi tha ma của dân nô lệ. Parker chỉ vào một phần khác của Gravesend. “Tuyến Metro dừng ngay tại đây. Nghi phạm có thể lên tàu đi thẳng tới Judiciary Square, Tòa thị chính. Gần đó cũng có tuyến xe buýt nữa.”

Lukas cân nhắc chuyện đó. “Tôi biết khu này vì từng bắt tội phạm ở đó. Có rất nhiều địa điểm phá dỡ hay công trường xây dựng xung quanh. Nó cũng kín đáo lắm. Chẳng ai thèm đặt nghi vấn về người khác. Nhiều kẻ trả tiền mặt để thuê nhà ở đây mà chẳng bị nghi ngờ. Đó sẽ là địa điểm tuyệt vời cho một ngôi nhà an toàn.”

Một kỹ thuật viên trẻ ngồi gần họ nhắc điện thoại lên và đưa cho Tobe Geller. Ngay khi viên đặc vụ nghe máy, khuôn mặt trẻ trung của cậu ta liền giãn ra thành nụ cười nhiệt thành. “Tốt lắm” cậu ta nói với đầu dây bên kia. “Mang nó đến phòng Thí nghiệm Tài liệu ngay.” Rồi cúp máy. “Có cái này... Ai đó đã quay lại được vụ xả súng ở Nhà hát Mason.”

“Một cuộn băng về Digger à?” Cage hào hứng hỏi.

“Họ chưa biết chính xác trong đoạn phim có gì. Có vẻ như chất lượng rất tồi tệ. Tôi muốn tiến hành phân tích ngay. Các vị tới Gravesend à?”

“Phải,” Parker nói. Nhìn vào đồng hồ. Hai tiếng rưỡi nữa là đến vụ tấn công tiếp theo.

“Gọi MCP^[4] nhé?” Geller hỏi Lukas.

“Ừ. Đặt một cái đi.”

Parker nhớ ra đó là trạm điều hành di động. Một trung tâm được trang bị đầy đủ máy thông tin liên lạc công nghệ cao cùng các thiết bị giám sát Anh đã từng làm việc trong đó vài lần, mỗi khi phải phân tích tài liệu ngay tại hiện trường.

“Tôi sẽ cho lắp ngay một thiết bị phân tích dữ liệu video,” Geller nói, “và tiến hành trên đoạn phim. Cô sẽ ở đâu?”

Lukas nói đồng thanh với Parker. “Đây.” Cả hai cùng chỉ vào một bãi đất trống gần nghĩa trang.

“Quanh đó không có nhiều căn hộ,” Cage chỉ ra.

Parker nói, “Nhưng nó gần với các cửa hàng và nhà hàng nhất.”

Lukas liếc nhìn anh và gật đầu. “Chúng ta nên thu hẹp phạm vi tìm kiếm bằng cách đến hỏi những nơi này trước tiên. Họ sẽ là những người tiếp xúc nhiều nhất với dân địa phương. Tobe, gọi cả C.P. và Hardy cùng đi rồi đưa họ tới xe chỉ huy.”

Viên đặc vụ trẻ lưỡng lự với cái nhìn nghi hoặc. “Hardy à? Chúng ta có cần anh ta không?”

Parker cũng tự hỏi điều tương tự. Hardy có vẻ là người tử tế, một cảnh sát khá giỏi. Nhưng anh ta chưa đủ tầm với một vụ như thế này và điều đó có nghĩa là anh ta, hoặc một ai khác, có thể sẽ bị thương.

Nhưng Lukas nói, “Nếu không phải anh ta, bên Đặc khu sẽ lại nhét một người khác vào thôi. Ít nhất, chúng ta còn kiểm soát được Hardy. Dường như anh ta chẳng ngại ngồi ghế sau.”

“Chính trị thật chán ngắt,” Cage lẩm bẩm.

Trong lúc Geller mặc áo khoác, Lukas nói, “Còn nhà tâm lý học? Người ở Georgetown? Nếu ông ta vẫn chưa đến trụ sở thì bảo ai đó đưa ông ta sang Gravesend nhé!”

“Được.” Geller chạy đến chỗ thang máy, đúng như dự đoán, cậu chàng bị soát người rất kỹ.

Lukas nhìn chăm chăm vào bản đồ Gravesend. “Chỗ đó lớn quá!”

“Tôi có ý này,” Parker nói. Anh suy nghĩ ngược với những điều đã biết về nghi phạm dựa trên bức thư. Và nói, “Chúng ta đã nghĩ rằng có thể gã dành nhiều thời gian bên máy tính, nhớ không?”

“Đúng rồi,” Lukas nói.

“Hãy lấy danh sách những người sống ở Gravesend đăng ký dịch vụ trực tuyến.”

Cage phản đối, “Có đến vài ngàn mất.”

Nhưng Lukas chỉ ra, “Tôi không nghĩ vậy. Đây là một trong những khu vực nghèo nhất thành phố. Máy tính là thứ cuối cùng trong danh mục chi tiêu của những người này.”

Cage nói, “Đúng. Thôi được, tôi sẽ bảo đội kỹ thuật chuẩn bị danh sách.”

“Nhưng khu vực tìm kiếm vẫn rộng quá,” Lukas lẩm bẩm.

“Tôi có vài ý tưởng khác,” Parker nói trong lúc đi đến cửa thang máy, nơi anh cũng bị các bảo vệ mặt mày nghiêm túc lục soát thật kỹ cứ như một tên móc túi tiềm năng.

* * * * *

Kennedy chậm rãi đi vòng quanh chiếc thảm màu lục sẫm trong văn phòng của mình.

Jefferies đang nghe điện thoại. Rồi anh ta cúp máy.

“Slade có vài ý tưởng nhưng không cái nào có thể triển khai ngay được.”

Kennedy chỉ về phía chiếc đài. “Họ thì quá nhanh trong việc tung tin rằng tôi chỉ biết ngồi lì ra trong khi thành phố đang bị bắn loạn xạ. Quá nhanh để thông báo rằng tôi đã không chịu bãi bỏ lệnh cấm thuê thêm người cho sở cảnh sát để tăng ngân sách cho *Dự án 2000*. Chúa ơi, báo chí đang biến tôi thành một tên đồng phạm.”

Kennedy vừa mới tới ba bệnh viện để thăm những người bị thương trong hai vụ tấn công của Digger cùng gia quyến của họ. Nhưng chẳng ai quan tâm tới các chuyến viếng thăm của ông. Tất cả những gì người ta hỏi tới là tại sao ông không làm nhiều hơn nữa để tóm tên sát nhân?

“Sao ông không đến trụ sở FBI?” Một phụ nữ đã nức nở hỏi ông.

Bởi vì bọn họ có thêm vớ đến tôi đâu, Kennedy điên tiết nghĩ. Mặc dù câu trả lời của ông rất nhẹ nhàng, “Tôi để cho các chuyên gia làm việc của họ.”

“Nhưng họ có làm gì đâu. Cả ông cũng chẳng làm gì cả.”

Khi rời khỏi giường bệnh của bà ta, Kennedy không yêu cầu một cái bắt tay; cánh tay phải của bà ta đã bị bắn dập nát đến mức phải cắt bỏ.

“Slade sẽ nghĩ ra cách nào đấy,” Jefferies đang nói.

“Quá ít, quá muộn. Thằng cha ấy xinh xẻo quá,” Kennedy cáu gắt. “Bọn người xinh đẹp... tôi không tin nổi chúng.” Rồi ông nghe thấy những lời lẽ vớ vẩn của mình và phá lên cười. Jefferies cũng cười. Ngài thị trưởng hỏi, “Tôi biến thành lão già rồi hả, Wendell?”

“Vâng, thưa ngài. Nhiệm vụ của tôi là phải thông báo khi nào nào ngài hồng.”

Ngài thị trưởng ngồi xuống ghế và nhìn vào cuốn lịch để bàn. Nếu không phải vì Digger thì ông đã tham dự bốn bữa tiệc tất niên đêm nay. Một ở Đại sứ quán Pháp; một ở trường cũ, Đại học Georgetown; một ở đại sảnh công đoàn của viên chức thành phố; và buổi tiệc quan trọng nhất, nơi ông chính thức rung chuông đón mừng năm mới: Hiệp hội giáo viên Mỹ gốc Phi ở trung tâm khu vực đông nam. Đây là nhóm người vận động mạnh mẽ nhất để *Dự án 2000* của ông được chấp nhận trong đa số cộng đồng giáo viên trên khắp Đặc khu. Ông và Claire cần phải có mặt ở đó đêm nay, nhằm thể hiện sự ủng hộ. Thế nhưng, ông không thể tham dự bất kỳ buổi tiệc nào, thể hiện bất cứ kiểu ăn mừng nào, khi có một tên điên vẫn đang tấn công những công dân của thành phố này.

Một cơn giận dâng tràn trong người ông, ông giật lấy điện thoại.

Jefferies cảnh giác hỏi, “Ông định làm gì?”

“Làm gì đó,” ông trả lời. “Tôi phải làm cái chết tiệt gì đó.” Ông bắt đầu bấm một số từ tấm danh thiếp trên giá đỡ Rolodex.

“Cái gì mới được?” Jefferies gắng hỏi, càng thấy bất an hơn.

Nhưng đến lúc ấy thì cuộc gọi tới trụ sở FBI đã được thông, Kennedy không trả lời viên phụ tá.

Ông được chuyển qua máy phòng. Một giọng nam trả lời, “Vâng.”

“Tôi là Thị trưởng Kennedy. Tôi đang nói chuyện với ai?”

Một chút ngập ngừng. Một người thường tự mình gọi điện như Kennedy đã quen với giây im lặng tiếp sau câu chào xã giao của ông. “Đặc vụ C.P. Ardell. Tôi có thể giúp gì cho ngài?”

“Còn đặc vụ Lukas thì sao, cô ta vẫn phụ trách chiến dịch METSHOOT chứ?”

“Đúng vậy.”

“Tôi nói chuyện với cô ta được không?”

“Cô ấy đang không ở đây, thưa ngài. Tôi có thể chuyển máy cho ngài đến điện thoại di động của cô ấy.”

“Không sao. Thực ra tôi đang muốn gọi cho điều phối viên của Đặc khu, Thanh tra Hardy.”

Đặc vụ Ardell nói “Chờ một chút. Anh ấy ở ngay đây.”

Một lát sau, giọng dè dặt trả lời, “Xin chào?”

“Hardy hả?”

“Vâng, Len Hardy đây ạ.”

“Thị trưởng của anh đây.”

“Ồ. Xin chào ngài!” Lúc này thì giọng của chàng trai trẻ có cả sự lo lắng.

“Anh cập nhật tình hình vụ án cho tôi được không? Tôi chẳng nghe được một lời nào từ đặc vụ Lukas hay Cage cả. Anh có biết Digger nhắm đến chỗ nào tiếp theo không?”

Lại một khoảng ngừng. “Không, thưa ngài.”

“Chẳng một chút ý tưởng nào à?”

“Thực ra họ không chia sẻ thông tin cho tôi.”

“Nhiệm vụ của anh là điều phối thông tin còn gì?”

“Tôi chỉ nhận được lệnh viết các bản báo cáo về chiến dịch thôi. Đặc vụ Lukas bảo rằng cô ấy sẽ liên lạc trực tiếp với Cảnh sát trưởng Williams.”

“Một bản báo cáo à? Cái đó chỉ để giữ ghế thôi. Nghe tôi này! Tôi rất tin tưởng vào lực lượng FBI. Họ đã xử lý các vụ xả súng như thế này nhiều rồi. Nhưng họ sắp ngăn chặn được tên sát nhân chưa? Nói ngắn gọn. Không vòng vèo.”

Hardy có vẻ không thoải mái. “Họ có vài đầu mối. Họ nghĩ đã khoanh vùng được khu vực quanh ngôi nhà an toàn của nghi phạm, kẻ đã chết vì bị xe tông ấy ạ.”

“Ở đâu?”

Một khoảng ngừng. Ông mừng tượng cảnh Hardy tội nghiệp đang xoắn dây điện thoại, một bên là Cục điều tra, bên kia là ông chủ của anh ta. Tệ quá đi chứ.

“Tôi không được phép tiết lộ thông tin tác chiến cho bất kỳ ai, thưa ngài. Tôi rất tiếc.”

“Chính thành phố của tôi đang bị tấn công, người dân của tôi đang bị sát hại. Tôi muốn có câu trả lời.”

Lại yên lặng. Kennedy nhìn lên Wendell Jefferies, anh chàng chỉ lắc đầu.

Kennedy ép cơn giận của mình xuống, cố tỏ ra biết điều hơn khi nói, “Để tôi nói cho anh nghe mình đang nghĩ gì nhé. Toàn bộ âm mưu này là để kiếm tiền cho lũ người kia. Không phải để giết chóc.”

“Tôi cũng nghĩ vậy, thưa ngài.”

“Nếu tôi có cơ hội nói chuyện với tên sát thủ, ở cái nhà an toàn đó hay nơi hắn định tấn công lúc tám giờ, tôi nghĩ mình có thể thuyết phục hắn từ bỏ. Tôi sẽ thương thuyết với hắn. Tôi có thể làm vậy.”

Kennedy tin điều đó. Bởi vì một trong những tài năng của ông (về mặt này thì y hệt người trùng tên với ông từ thập kỷ Sáu mươi) chính là khả năng thuyết phục. Chính ông đã dỗ ngon dỗ ngọt để hàng chục vị chủ tịch và CEO ghê gớm nhất của Đặc khu chấp nhận mức thuế sẽ hỗ trợ cho *Dự án 2000*. Chính ông đã khuyến khích Gary Moss tội nghiệp đưa ra những cái tên trong vụ bê bối của ủy ban Giáo dục.

Chỉ cần hai mươi phút với tên giết người này, cho dù phải chăm chăm nhìn xuống nòng súng máy đang chia vào người mình, với ông là đủ rồi. Ông sẽ thiết lập được một loại thỏa thuận nào đó.

“Theo cách họ mô tả hắn,” Hardy nói, “tôi không nghĩ hắn là loại chịu thương thuyết đâu ạ.”

“Việc đó anh phải để cho tôi, thanh tra ạ. Giờ thì, ngôi nhà đó ở đâu?”

“Tôi...”

“Nói cho tôi.”

Đường dây bị nhiễu sóng. Nhưng viên thanh tra vẫn không nói gì.

Giọng Kennedy càng hạ thấp hơn nữa. “Anh không nợ bên Cục điều gì cả, con trai. Anh biết bọn họ cảm thấy ra sao về chuyện anh ở trong đội rồi đấy. Anh chỉ hơn chân chạy đi pha cà phê một chút xíu thôi.”

“Sai rồi, thưa ngài. Đặc vụ Lukas đã cho tôi tham gia vào đội.”

“Có à.”

“Tương đối.”

“Cậu không cảm thấy mình là một tay lái thứ ba à? Tôi hỏi như thế bởi vì tôi đang cảm thấy vậy. Nếu Lanier được làm theo ý mình, cậu biết Nghị sĩ Lanier chứ?”

“Vâng thưa ngài.”

“Nếu ông ta làm theo ý mình thì việc duy nhất của tôi đêm nay là ngồi trên bục cao ở công viên Mall mà xem bắn pháo hoa. Cậu và tôi, Đặc khu Columbia là quê nhà của chúng ta. Vậy nên, thôi nào con trai, cái nhà trú ẩn chết tiệt ấy ở chỗ nào?”

Kennedy nhìn Jefferies bắt chéo hai ngón tay. Làm ơn đi... Như thế sẽ rất tuyệt. Tôi sẽ có mặt ở đó, cố thuyết phục gã sát thủ ra ngoài với hai bàn tay gơ lên. Dù hắn đầu hàng hay bị giết. Và bằng cách nào thì uy tín của tôi cũng sẽ được vãn hồi. Dù thế nào, tôi cũng không còn là vị thị trưởng chỉ biết vừa theo dõi vụ án trên kênh CNN vừa hớp bia nữa rồi.

Kennedy nghe có giọng nói ở đầu dây bên kia. Rồi Hardy lên tiếng trở lại. “Xin thứ lỗi, ngài thị trưởng, tôi phải đi. Có mấy người ở đây. Tôi chắc chắn là đặc vụ Lukas sẽ liên lạc với ngài.”

“Thanh tra...”

Đầu dây tút dài.

* * * * *

Gravesend.

Chiếc xe chở Parker và Cage xóc nảy trên những ổ gà rồi dừng lại ở vỉa hè, nơi rác rưởi chất thành đống ngay trên phố. Trớ trêu thay, phần thân nóng rực của chiếc Toyota lại đỗ ngay cạnh van lấy nước cứu hỏa.

Cả hai trèo ra. Lukas đi xe của mình, một chiếc Ford Explorer màu đỏ, và đã chờ sẵn ở bãi đất trống họ hẹn trước. Cô đang đứng chống hai tay lên hông, nhìn xung quanh.

Mùi nước giải và phân cùng gỗ cháy, tro tàn nồng nặc.

Hai đồng sinh thành của Parker đã đi du lịch vòng quanh thế giới sau khi cha anh nghỉ dạy môn Lịch sử, có lần họ đặt chân tới một khu ổ chuột ở Ankara, Thổ Nhĩ Kỳ. Parker vẫn còn nhớ lá thư mẹ viết cho anh, bà vốn là người rất thích thư qua tin lại. Đó là lá thư cuối cùng anh nhận được từ cha mẹ trước khi cả hai qua đời. Nó được đóng khung treo trên tường trong phòng làm việc của anh, bên cạnh bức tường danh vọng của tụi Who.

Những con người nơi đây đã bị bản cùng hóa, và chính điều đó, chứ không phải sự khác biệt về chủng tộc, cũng chẳng phải văn hóa hay chính trị, càng không phải tôn giáo, đã khiến trái tim họ hóa đá.

Lúc này, anh nghĩ về những lời của mẹ khi nhìn quang cảnh hoang tàn xung quanh.

Hai thanh niên da màu đang dựa vào bức tường vẽ graffiti nhắng nhật, nhìn những người mới đến mà rõ ràng thuộc lực lượng hành pháp, rồi từ từ bỏ đi, khuôn mặt lộ rõ vẻ khó chịu và bất mãn.

Parker thấy lo lắng, không phải vì mối nguy hiểm mà vì phạm vi rộng lớn của chỗ này. Nó rộng xấp xỉ mười sáu kilomet vuông, gồm các khu ổ chuột, nhà tạm, các xí nghiệp nhỏ và bãi đất bỏ hoang. Làm sao họ tìm nổi nhà trú ẩn của nghi phạm trong khu vực trải rộng như thế này?

Trên đời cũng có những câu đố mà Parker chưa thể giải được.

Ba con điều hâu...

Khói bay tới chỗ anh đứng. Nó bốc lên từ những chiếc thùng đầu mà những người vô gia cư cùng các băng nhóm dùng để đốt củi hay rác rưởi nhằm giữ ấm. Anh còn thấy cả hàng đồng xác xe ô tô. Bên kia phố là một tòa nhà có vẻ bị bỏ hoang; dấu hiệu duy nhất cho thấy có người ở là một ngọn đèn sáng đằng sau chiếc khăn tắm màu đỏ che ô cửa sổ vỡ kính.

Ngay bên kia trạm dừng tuyến Metro, phía trên một bức tường gạch cao và xập xệ là ống khói của nhà hỏa táng vươn thẳng lên trời đêm. Không thấy khói bốc lên từ đó nhưng bầu trời phía trên vẫn gợn sóng vì nhiệt độ nó tỏa ra. Có lẽ ngọn lửa của nhà hỏa táng luôn luôn được giữ lại. Parker rùng mình. Cảnh tượng này nhắc anh nhớ đến những bức ảnh xưa cũ về...

“Địa ngục,” Lukas lầm bầm. “Trông như địa ngục vậy.”

Parker liếc nhìn cô.

Cage rùng mình đồng tình.

Một chiếc xe tới nơi. Đó là Jerry Baker trong chiếc áo chống đạn và áo gió. Parker thấy rằng dù ăn mặc như đặc vụ tác chiến, anh ta vẫn đang mang đôi ủng cao bồi. Cage đưa cho anh ta chồng ảnh của nghi phạm in ra từ máy tính: Chỉ là gương mặt người chết trong nhà xác. “Chúng ta dùng cái này để đi hỏi thăm. Ở cuối phố ư? Đó là mô tả duy nhất chúng ta có về tên Digger.”

“Không nhiều lắm.”

Lại một cái nhún vai nữa.

Thêm nhiều chiếc xe con và xe tải không biển báo xuất hiện, đèn hiệu trên bảng điều khiển của họ phản chiếu trên dây cửa sổ trước mặt. Những chiếc xe công vụ của FBI. Cả xe cảnh sát Đặc khu màu đen trắng với đèn hiệu xoay tròn. Tổng cộng có khoảng hai mươi lăm người cả nam và nữ, phân nửa là đặc vụ liên bang, còn lại là cảnh sát mặc sắc phục. Baker ra hiệu cho họ tập trung quanh xe tải của Lukas rồi phát các bản in.

Lukas nói với Parker, “Anh muốn kể sơ qua tình hình với họ không?”

“Chắc chắn rồi.”

Cô kêu gọi, “Mời các bạn lắng nghe đặc vụ Jefferson đây.”

Mất một giây Parker mới nhận ra đó là “nghệ danh” của mình. Anh quyết định nếu phải hoạt động ngầm, chắc chắn anh sẽ thất bại.

“Người đàn ông trong bức ảnh mà các bạn đang cầm là thủ phạm chịu trách nhiệm trong vụ xả súng tại Metro và Nhà hát Mason. Chúng tôi nghĩ gã đã xây dựng kế hoạch từ một nhà trú ẩn nằm đâu đó tại Gravesend này. Tuy giờ gã đã chết nhưng tên tông phạm, tay xạ thủ, vẫn còn ở ngoài kia. Vì vậy, chúng ta cần tìm ra nơi trú ẩn của chúng và phải thật nhanh.” “Anh có một cái tên không?” Một trong các cảnh sát Đặc khu hỏi. “Nghi phạm, kẻ đã chết, là một John Doe,” Parker nói và giơ bức ảnh lên. “Xạ thủ có biệt danh. Hắn là Digger. Tất cả chỉ có thế. Mô tả về hắn đăng ở cuối bức ảnh.”

Parker nói tiếp, “Các bạn có thể thu hẹp phạm vi truy hỏi một chút. Ngôi nhà trú ẩn này có lẽ sẽ nằm gần một công trường phá dỡ hay xây dựng nào đó và cách nghĩa trang không xa. Gần đây, nghi phạm đã mua loại giấy này...” Parker giơ chiếc túi bóng kính đựng lá thư tổng tiền và phong bì lên. “Loại giấy này đã bị mặt trời chiếu vào, tức là có khả năng nghi phạm mua nó từ một quầy hàng trưng bày văn phòng phẩm bên

trong hoặc gần một cửa sổ hướng nam. Vậy nên, mọi người hãy tới mọi cửa hàng tiện lợi, hàng thuốc, hàng tạp phẩm và quầy báo có bán giấy viết. Ô, nhớ tìm cả loại bút gậy dùng nữa. Đó là một chiếc bút bi AWI mực đen. Có lẽ giá tầm ba mươi chín hay bốn mươi cent gì đấy!”

Anh chỉ có thể nghĩ ra đến đó. Với một cái gậy đầu, anh nhường sân lại cho Lukas. Cô bước lên đứng trước các đặc vụ. Nhìn khắp một lượt trong im lặng cho đến khi tất cả bọn họ đều chú ý vào mình. “Nghe này! Đúng như đặc vụ Jefferson đã nói, tuy nghi phạm đã chết nhưng chắc chắn xạ thủ vẫn còn sống. Chúng ta không biết hắn có mặt ở Gravesend hay không và cũng chẳng biết hắn có sống trong nhà trú ẩn này không. Nhưng tôi muốn tất cả mọi người ở đây hãy cứ đinh ninh rằng hắn chỉ đang ở sau các bạn chừng ba mươi mét và có tầm ngắm rõ ràng. Hắn chẳng ngại bắn hạ các sĩ quan cảnh sát đâu. Vì vậy, trong lúc di chuyển ở khu vực này, tôi muốn tất cả mọi người phải tìm kiếm các vị trí phục kích. Tôi muốn bên tay cầm vũ khí của các bạn phải rảnh, tất cả khuy áo khoác và áo choàng đều mở, bao súng không được khóa.”

Cô ngừng nói một lát. Giờ cô đã có sự chú ý toàn diện của tất cả mọi người. Chính cô gái gầy gò với mái tóc gần như bạch kim này.

“Lúc tám giờ tối nay, phải, chỉ còn hơn hai tiếng nữa thôi, thủ phạm sẽ tìm một nơi nào đó đông người và xả rỗng băng đạn lần nữa. Giờ, tôi không muốn phải làm việc ở hiện trường ấy hay phải nhìn vào đôi mắt của một người vừa mất đi cha mẹ hay con cái. Tôi không muốn phải nói với họ rằng tôi rất tiếc nhưng chúng ta chẳng thể tìm được tên quái vật trước khi hắn lại giết người. Rằng chuyện này sẽ không lặp lại nữa. Tôi sẽ không để sự việc ấy xảy ra. Các bạn cũng vậy.”

Parker thấy mình bị cuốn theo những lời nói cương quyết và đều đều của cô. Anh nghĩ về bài phát biểu của Hội huynh đệ trong tác phẩm Henry V của Shakespeare, chính là lần đầu tiên Robby được nhìn thấy rạp hất. Thằng bé thuộc lòng bài ấy chỉ trong vòng một ngày, sau khi họ trở về từ Trung tâm Kennedy.

“Được rồi,” Lukas nói. “Có ai cần hỏi gì không?”

“Có thông tin gì thêm về vũ khí của hắn không?”

“Hắn được trang bị một khẩu Uzi tự động với những băng đạn rất dài và một ống giảm thanh. Chúng ta không còn thông tin nào khác.”

“Chúng tôi được tự do hành động đến mức nào?” Một đặc vụ hỏi.

“Để bắn hạ xạ thủ ư?” Lukas trả lời. “Tự do tuyệt đối. Còn gì khác không?” Không ai giơ tay. “Được rồi. Chúng ta đang trong tình trạng khẩn cấp. Tôi không muốn ai nói nhăng nói cuội gì cả. Đừng báo cáo nếu các bạn chưa tìm được gì. Tôi không quan tâm chuyện đó. Chỉ cần nhìn thấy nghi phạm, lập tức gọi hỗ trợ, dọn dẹp bối cảnh và tiếp cận mục tiêu. Giờ thì đi tìm ngôi nhà đó cho tôi.”

Bất thần Parker rất cảm động vì những lời lẽ ấy. Đã nhiều năm rồi, anh chưa khai hỏa một lần nào nhưng đột nhiên, giờ chính anh cũng muốn dự phần vào việc tiêu diệt Digger.

Lukas chia dân các đặc vụ và cảnh sát tới từng phần của Gravesend mà cô muốn họ kiểm tra, Parker thấy rất ấn tượng; cô có một cảm giác rất đáng nể về địa lý khu vực này. Anh chợt nghĩ, vài người đứng là sinh ra để làm cảnh sát.

Một nửa số đặc vụ đã bắt đầu tản ra, đi bộ; nửa khác thì lên ô tô và lái đi. Chỉ còn lại Cage, Lukas cùng Parker đứng trên vỉa hè. Cage gọi điện thoại. Ông nói chuyện một lúc rồi cúp máy.

“Tobe lấy được xe MCP rồi. Họ đang trên đường đến. Cậu ta đang phân tích cuộn băng thu được ở nhà hát. Ô, cả nhà tâm lý học từ Georgetown cũng đang trên đường tới.”

Hầu hết đèn đường đều không sáng, vài cái còn có vẻ bị đạn bắn vỡ. Đèn neon của vài cửa hiệu vẫn còn đang mở chiếu ánh sáng xanh nhờ xuống mặt đường. Hai đặc vụ đang đi hỏi dọc con phố. Cage nhìn quanh và thấy có hai chàng trai đang xoa tay trên một thùng đầu đốt lửa. Cage nói, “Tôi sẽ đến nói chuyện với chúng.” Ông đi vào bãi đất ấy. Có vẻ như bọn chúng muốn bỏ đi nhưng lại nghĩ làm vậy sẽ càng đáng nghi hơn. Mắt chúng khóa vào ngọn lửa trong lúc ông bước tới và cả hai cùng im lặng.

Lukas gật đầu về phía quầy bán pizza cách đó nửa dãy nhà. “Tôi sẽ mua một cái,” cô nói với Parker. “Anh muốn ở đây chờ Tobe và nhà tâm lý học không?”

“Có chứ.”

Lukas đi ra phố, bỏ lại Parker một mình.

Nhiệt độ tiếp tục xuống thấp. Không khí lúc này đã có thêm chút giá lạnh mà anh vô cùng yêu thích khi mỗi độ thu sang: Nó gợi nhớ đến ký ức về việc lái xe đưa lũ trẻ tới trường trong khi đang cầm trên tay những cốc chocolate nóng hổi, đi mua sắm cho tiệc tối Lễ tạ ơn, chọn bí ngô ở hạt Loudon. Nhưng đêm nay, anh chỉ cảm nhận được duy nhất sự buốt lạnh ở sống mũi và hai bên tai cùng các đầu ngón tay; cảm giác ấy chẳng khác gì vết rạch của dao cạo. Anh nhét hai bàn tay vào sâu trong túi áo.

Có lẽ vì hầu hết các đặc vụ đều đã rời đi, dân địa phương đang bắt đầu trở lại hè phố. Cách đó hai dãy nhà, một người đàn ông không có gì đáng chú ý trong áo khoác sẫm màu bước ra khỏi một quán bar và lữ lữ đi tới vòm cổng của quầy đổi tiền từ séc, Parker đoán là để đi tiêu.

Một người phụ nữ cao, hay một gã đàn ông thích mặc váy, rõ ràng là gái điếm, bước ra khỏi con hẻm

nơi cô ta đang đứng chờ đám đông di tản.

Ba thanh niên da màu hiện ra từ một đoạn đường có mái vòm, vừa khui chai rượu mạch nha Colt 45 vừa cười rữ rượi khi biến mất vào trong ngõ.

Parker quay đi và vô tình liếc sang bên kia phố.

Anh trông thấy một cửa hàng giá rẻ mà lúc đầu anh chẳng hề để ý. Nó đã đóng cửa. Nhưng rồi anh trông thấy mấy chiếc hộp bày văn phòng phẩm rẻ tiền trên giá gần quầy thu ngân. Có thể nào đây chính là nơi nghi phạm đã mua giấy và phong bì để viết thư không?

Anh bước đến cửa hàng và nhìn qua lớp kính mờ xỉn, khum tay lại để tránh ánh sáng của ngọn đèn đường gần đó vẫn đang còn hoạt động, cố gắng nhìn vào các cọc giấy. Tay run lên vì lạnh. Bên cạnh anh, một chú chuột đang bối rối đóng rác. Parker Kincaid nghĩ, “Thật là điên rồ.” Mình chẳng có việc gì ở đây cả.

Thế nhưng anh vẫn giơ ống tay áo của mình lên, dùng cổ tay áo phao tỉ mỉ lau sạch lớp kính trước, y như người chuyên lau kính cửa sổ, để có tầm nhìn rõ hơn vào hàng hóa bên trong.

Chương 16

“Có thể tôi đã trông thấy người này. Có thể.”

Margaret Lukas cảm thấy tim mình đập nhanh hơn. Cô đẩy bức ảnh nghi phạm về phía người thu ngân ở cửa hàng pizza Gravesend, một anh chàng Mỹ Latin mập mạp đang mặc chiếc áo trắng có dính sốt cà chua, anh ta tiếp tục ngắm nghía nó một cách cẩn thận.

“Cứ từ tốn,” cô nói vậy nhưng lại nghĩ trong đầu “Làm ơn! Cầu cho có đột phá ở đây...”

“Có thể. Tôi không chắc lắm. Ở đây, chúng tôi gặp cả tỷ người. Cô biết không?”

“Chuyện này rất quan trọng,” cô nói.

Cô nhớ rằng bên giám định đã tìm thấy thịt bò trong dạ dày nghi phạm. Thực đơn ở đây không có món gì liên quan đến thịt bò. Tuy nhiên, đây là quán ăn mở cửa 24/24 duy nhất gần trạm dừng Metro và cô cho là tên nghi phạm sẽ phải ghé nơi này một thời điểm nào đó trong vài tuần vừa qua. Có khi gã còn lên kế hoạch cho bức thư tống tiền ngay ở đây, gã có thể ngồi dưới ánh đèn bệnh hoạn trên một trong những cái bàn sứt mẻ kia mà thảo lá thư trong lúc nhìn quanh những con người buồn tẻ đang ăn thứ thức ăn ngấy mỡ và kiêu ngạo nghĩ rằng gã thông minh hơn họ biết chừng nào. Gã sắp giàu có hơn họ biết chừng nào.

Cô cười với chính mình. Có lẽ gã cũng chỉ thông minh và kiêu ngạo cỡ cô thôi. Cỡ Kincaid nữa.

Ba người họ chẳng khác gì nhau.

Ba con điều hâu trên một mái nhà. Một con đã chết; hai con còn lại. Anh và tôi, Parker ạ.

Đôi mắt nâu của nhân viên nhà hàng nhướng lên, nhìn vào đôi mắt xanh của cô, rồi lại rụt rè cụp xuống mặt giấy. Có vẻ như đang đấu tranh với bản thân khi cuối cùng anh ta cũng lắc đầu. “Xin lỗi, tôi không nghĩ vậy. Rất tiếc. Nay, cô muốn một lát không? Phô mai đúng nhé, nóng hổi đấy. Tôi vừa mới làm xong.”

Cô lắc đầu, “Còn ai làm việc ở đây nữa không?”

“Không, tối nay chỉ có mình tôi. Tôi trực ngày lễ. Có vẻ như cô cũng vậy.” Anh ta vật lộn tìm từ để nói. “Cô có thường làm việc vào các kỳ nghỉ không?”

“Đôi khi,” cô nói. “Cảm ơn anh!”

Lukas đi bộ đến cửa trước. Rồi dừng bước và nhìn ra ngoài.

Các đặc vụ của phân cục vẫn đang hỏi thăm dọc theo con phố. Cage đang nói chuyện với đám lang thang ở bãi đất trống còn Kincaid thì nhìn hau háu vào một cửa hàng giá rẻ cứ như sau lớp cửa kính ấy có trưng bày đá quý hoàng gia.

Các đặc vụ đã đến đúng nơi cô chỉ dẫn. Nhưng cô có đúng không? Lukas tự hỏi. Ai mà biết được. Bạn cứ việc đọc tất cả những cuốn sách về kỹ thuật điều tra từng có trên đời, nhưng rốt cuộc vẫn luôn phải ứng biến. Giống như việc giải đố của Kincaid. Bạn phải có tầm nhìn vượt ra ngoài công thức và quy tắc.

Ở trước mặt, qua cửa kính nhòe mờ, cô có thể thấy những con phố đồ nát của Gravesend mờ dần trong sương khói và bóng tối. Dường như nó to lớn và không tài nào xâm nhập nổi.

Cô muốn có Tobe Geller ở đây, cô muốn có nhà tâm lý học từ Georgetown, cô muốn có danh sách những kẻ đặt hàng qua mạng... Cái gì cũng mất quá nhiều thời gian! Nhưng lại có quá ít manh mối!

Bàn tay cô co thành nắm đấm, móng tay bấm chặt vào gan bàn tay.

“Thưa cô?” Một giọng nói vang lên sau lưng Lukas. “Cô đặc vụ ới? Ở đây này.” Cô quay lại. Cơn giận bốc hơi như một làn khói.

Người trông quầy đang mời cô cà phê đựng trong chiếc cốc nhựa.

Bên tay kia của anh ta là hai túi đường, nửa cốc sữa cùng thìa khuấy.

Anh chàng đưa tay vuốt tóc ra sau và nhìn cô bằng ánh mắt cún con tiu ngiu. Anh ta chỉ nói, “ngoài kia đang ngày càng lạnh.”

Cảm động vì lòng ngưỡng mộ của anh chàng, cô mỉm cười, nhận lấy cốc và đổ vào một gói đường.

“Hy vọng đêm nay cô sẽ được ăn mừng,” anh ta nói.

“Anh cũng vậy nhé,” cô nói và lao ra ngoài cửa. Lukas đi lững thững trên những con phố giá lạnh của Gravesend. Vừa nhấm nháp món cà phê dở tệ, vừa cảm nhận hơi ấm của nó quanh miệng mình.

Đúng là trời ngày càng lạnh.

Cứ tiếp tục đi, cô nghĩ. Lạnh hơn nữa đi. Cô cảm thấy thời tiết hôm nay giống mùa thu quá rồi. Làm ơn... cứ đổ tuyết như điên đi.

Lukas liếc dọc con phố. Hai đặc vụ của phân cục đã ra khỏi tầm nhìn, có lẽ họ vào một dãy nhà liền kề

nào đấy. Cage cũng đã biến mất. Còn Kincaid thì vẫn nhìn chòng chọc vào cửa hàng gần khu vực chính. Kincaid...!

Chính xác thì chuyện của anh ta là gì. Từ chối lời mời làm trưởng phân cục ư? Lukas không thể hiểu nổi, vị trí trưởng phân cục chính là cái đích tiếp theo trên tấm bản đồ dẫn đến vị trí phó giám đốc Cục điều tra của cô. Và hơn thế nữa. Tuy nhiên, dù chẳng thể hiểu nguyên nhân anh ta không muốn vị trí ấy, cô càng khâm phục anh hơn vì đã từ chối thay vì đảm nhận nó trong khi chẳng muốn làm.

Điều gì giải thích được những bức tường anh dựng nên quanh cuộc đời mình? Cô không thể đoán nhưng biết là chúng có tồn tại; Margaret Lukas biết rõ những bức tường. Anh nhắc cô nhớ đến chính mình, hay hai bản thể của mình, số nhiều. Cả Jackie và Margaret. Nghĩ lại câu chuyện thể thân cô đã đọc từ nhiều năm trước, Lukas tự hỏi Parker đọc loại sách gì cho lũ trẻ của anh nghe. Tiến sĩ Suess, tất nhiên rồi, vì cái biệt hiệu anh đã dành cho bọn trẻ. Có thể cả Pooh. Toàn bộ những truyện Disney nữa. Cô mừng rỡ tưởng cảnh anh ngồi nơi phòng khách của ngôi nhà ngoại ô ấm cúng, rất giống nơi Jackie từng sống, ngọn lửa tí tách trong lò sưởi, đọc truyện cho hai đứa trẻ nghe khi chúng nằm ườn bên cạnh anh.

Đột nhiên Lukas để mắt tới một cặp vợ chồng trẻ gốc Mỹ Latin đang bước trên vỉa hè về phía khu vực chính. Cô vợ quàng chiếc khăn màu đen, anh chồng thì mặc áo khoác mỏng có logo Texaco trước ngực. Anh ta đang đẩy xe nôi, Lukas thoáng thấy hình ảnh đứa trẻ sơ sinh nhỏ xíu, quần trong đủ thứ tã, chỉ mỗi khuôn mặt hạnh phúc của nó lộ ra ngoài. Bản năng của cô tự hỏi mình sẽ mua loại vải Aannel nào để khâu cho đứa bé một bộ quần áo ngủ.

Rồi hai vợ chồng họ đi mất.

Được rồi, Parker, anh thích câu đố phải không nào?

Có một câu cho anh đây. Câu đố của một người vợ và người mẹ.

Làm sao có thể là vợ mà không cần có chồng? Làm sao có thể là mẹ mà không cần có con?

Một câu khó nhằn đấy. Nhưng anh thông minh, anh kiêu ngạo, anh là con điều hâu thứ ba. Anh có thể tìm ra được, Parker.

Lukas một mình đứng trên con phố gần như hoang vắng, dựa vào một cột đèn, vòng cánh tay phải ôm lấy nó, lời tịt đi mệnh lệnh của chính mình là phải để bên tay bắn súng luôn được rảnh. Cô ôm chặt cột kim loại một cách tuyệt vọng. Cổ họng mình khởi khóc nấc lên.

Một người vợ không có chồng, một người mẹ không có con. Từ bỏ rồi sao, Parker?

Tôi chính là câu trả lời. Bởi vì tôi là vợ của người đàn ông đang nằm trong đất lạnh ở Nghĩa trang Alexandria. Bởi vì tôi là mẹ của đứa trẻ đang nằm cạnh anh ấy. Điều bí ẩn về người vợ và người mẹ... Câu trả lời là đây: Làm sao bằng có thể gây bóng? Khi một chiếc máy bay rơi từ trên trời xuống một cánh đồng trong buổi sáng tháng Mười một đen tối, cách Lễ tạ ơn hai ngày, sáu ngày trước sinh nhật của anh, một ngày thu nóng nực. Máy bay vỡ thành triệu mảnh vụn kim loại, nhựa và cao su. Lẫn xác thịt.

Đó là lý do bằng gây bóng. Đó là lý do tôi trở thành thể thân. Ôi, câu đố nào khi giải xong mà chả thấy dễ, Parker ạ. Quá đơn giản, quá đơn giản...

Chờ đã, cô nghĩ trong lúc thả tay khỏi cột đèn. Hít một hơi thật sâu. Nhốt kín thôi thúc được khóc.

Thế là đủ rồi.

Đặc vụ Lukas không thể chịu được một điều, đó là sự xao nhãng. Cô có hai nguyên tắc được lặp đi lặp lại không ngừng với các nhân viên mới trong phân cục. Thứ nhất là, "Các bạn không thể có quá nhiều manh mối." Thứ hai là, "Tập trung."

Đó chính là việc cô đang ra lệnh cho bản thân phải làm ngay lúc này. Hít thêm một hơi nữa. Cô nhìn quanh. Trông thấy chuyển động ở bãi đất trống gần đó: Một đứa bé ăn mặc kiểu bụi đời. Nó đang đứng bên một thùng dầu, chờ đồng bọn. Nó có thái độ của đám thanh thiếu niên, thứ nguy hiểm hơn vạn lần so với một người ở độ tuổi ba mươi, cô biết rõ. Nó giương mắt nhìn cô.

Rồi cách đó một dãy nhà, cô nghĩ mình đã trông thấy một người đàn ông dưới mái vòm của quầy đổi tiền mặt. Cô nheo mắt. Có ai ở đó không? Ai đó trốn trong bóng tối?

Không, Chẳng có thêm cử động nào cả. Chắc là do trí tưởng tượng của cô. Nơi này rất dễ nhát ma người ta.

Gravesend...

Cô vút cốc cà phê và đi về phía cậu thiếu niên trên bãi đất trống để xem nó có biết gì về tên nghi phạm bí ẩn của họ không. Lôi tấm ảnh trong túi áo ra, cô dễ dàng tránh các bộ phận ô tô rỉ sét và hàng chống rác, y hệt cách Jackie Lukas thường làm mỗi khi đi qua các quầy bán nước hoa ở Macy trong lúc tìm kiếm món đồ thể thao nữ đại hạ giá.

* * * * *

Parker lùi lại khỏi cửa hàng giá rẻ, thất vọng.

Loại văn phòng phẩm anh nhìn được bên trong không giống với lá thư hay phong bì. Anh nhìn quanh phố và run rẩy dữ dội. Anh nghĩ, “Cái áo khoác của Stephie đã chật rồi. Mình phải mua cho nó một cái mới thôi. Còn Robby? Nó có áo gió rồi, một cái màu đỏ, nhưng có lẽ anh vẫn phải mua cho thằng bé một chiếc áo khoác da. Nó thích cái giống như của bố.”

Anh lại rùng mình và giậm chân.

Xe tải ở chỗ quái quỷ nào rồi? Họ cần có danh sách những người mua hàng trên mạng. Cả thông tin về giấy phép phá dỡ và xây dựng nữa. Còn cả nhà tâm lý học. Anh cũng thắc mắc cuốn băng ghi được ở nhà hát sẽ cho biết những gì.

Parker nhìn quanh một lần nữa những con phố trống trải. Không thấy Lukas, Cage cũng mất dạng. Anh theo dõi một cặp vợ chồng trẻ, trông như người Mỹ gốc Tây Ban Nha, đang đẩy chiếc xe nôi về phía mình. Họ còn cách anh chừng chín mươi mét. Anh nghĩ về khoảng thời gian chỉ ngay sau khi Robby được sinh ra, anh thường cùng Joan đi bộ sau bữa tối như vậy.

Một lần nữa, ánh mắt anh bắt gặp người đàn ông đứng núp dưới mái vòm của quầy đổi tiền mặt. Parker lơ đãng tự hỏi sao ông ta vẫn còn đó. Anh quyết định tỏ ra có ích và lấy ảnh nghi phạm ở trong túi mình ra. Tự anh sẽ đi hỏi thăm một chút.

Nhưng có gì đó rất kỳ lạ xảy ra...

Người đàn ông nhìn lên và mặc dù Parker không thể thấy rõ ràng trong ánh sáng mờ mờ lẫn khói tỏa ra từ những chiếc thùng dầu anh vẫn thấy hắt rút ra một vật gì đó bóng và đen trong áo khoác.

Parker đông cứng. Đó là kẻ theo dõi họ ở gần Cục lưu trữ!

Đó chính là Digger!

Parker thọc tay vào túi tìm súng.

Nhưng khẩu súng làm gì có ở đó.

Anh nhớ đến cảm giác khẩu súng áp vào đùi lúc ngồi trong ô tô của Cage, anh đã điều chỉnh lại vị trí của nó trong túi. Chắc nó đã rơi xuống ghế ngồi.

Người đàn ông liếc nhìn cặp vợ chồng kia, họ đang đứng giữa hẻm và Parker, hẻm nâng một thứ chắc là khẩu Uzi bị hãm thanh lên.

“Nằm xuống!” Parker hét lên với cặp đôi, cả hai dừng bước và nhìn anh bối rối. “Nằm xuống!”

Digger quay sang anh và giơ súng lên. Parker cố lao vào chỗ khuất của một con hẻm. Nhưng anh vấp phải đồng rác to và ngã ục ịch xuống đất. Hơi thở bị tổng ra khỏi người trong lúc anh nằm nghiêng, hỗn hển và không thể di chuyển, trong khi gã đàn ông kia thì từng bước tiến lại gần hơn. Parker kêu gọi đôi vợ chồng một lần nữa nhưng âm thanh thoát ra chỉ là tiếng thở thều thào.

Cage đâu rồi? Parker không thể trông thấy ông ta. Cả Lukas hay các đặc vụ khác.

“Cage!” Anh gọi nhưng giọng anh vẫn chỉ là tiếng thì thào. Digger tiếp cận cặp đôi, giờ chỉ còn cách hẻm ba mươi mét. Họ vẫn không trông thấy hẻm.

Parker cố đứng dậy, tuyệt vọng vẫy vùng muốn bảo người đàn ông cùng vợ anh ta hãy nằm xuống. Digger lao tới, khuôn mặt tròn của hẻm chỉ là chiếc mặt nạ vô cảm. Chỉ cần một cú siết cò là cặp vợ chồng kia cùng đứa trẻ sẽ chết ngay tức khắc.

Tên sát nhân ngấm bần.

“Nằm... xuống!” Parker thở hắt ra.

Rồi giọng oang oang của một người phụ nữ vang lên, “Đứng yên, đặc vụ liên bang đây! Hạ vũ khí xuống, nếu không, chúng tôi sẽ bắn!”

Kẻ tấn công quay lại, phát ra tiếng kêu nghẹn lại khi cặp vợ chồng kia cũng xoay người. Người chồng đẩy vợ xuống đất và dùng thân mình che cho cái xe đẩy.

Digger thả khẩu súng và giơ hai tay lên trời.

Cage đang chạy sang đường, vũ khí của ông cũng đã lăm lăm trên tay.

“Úp mặt xuống!” Lukas hét lên. “úp mặt xuống!”

Giọng cô quá hoang dã, thô ráp đến mức Parker gần như không nhận ra được.

Tên kia nằm ngay xuống đất như một khúc gỗ.

Cage đang nói vào điện thoại của mình, gọi thêm hỗ trợ. Parker có thể trông thấy vài đặc vụ khác đang lao về phía họ. Anh lóng ngóng đứng dậy.

Lukas ngồi xổm trên mặt đất, khẩu súng gí chặt vào tai tên sát nhân.

“Không, không, không,” gã rú lên. “Làm ơn, đừng...”

Cô còng hẻm lại chỉ bằng tay trái, khẩu súng không lúc nào rời khỏi mục tiêu. “Các người làm cái quái... hẻm bị ghen.”

“Cầm họng!”

Lukas quát. Cô ấn vũ khí của mình vào đầu hắn mạnh hơn nữa. Hơi ẩm bốc lên từ háng của gã đàn ông; hắn đã sợ đến tè cả ra quần.

Parker giữ một bên mạng sườn, cố gắng hít đầy buồng phổi. Chính Lukas cũng phải thở mạnh, cô lùi lại và dút súng vào bao. Rồi cô bước ra đường, mắt lạnh lùng nheo lại, trước hết nhìn vào Parker, tiếp đến là nghi phạm. Cô đến bên cặp vợ chồng đang run rẩy sợ hãi và nói chuyện với họ vài phút. Ghi tên họ vào sổ, sau đó liền để họ ra về. Người đàn ông liếc nhìn Parker ngập ngừng rồi dẫn vợ rẽ vào một phố nhánh, tránh xa khu vực trung tâm.

Khi Cage lục soát kẻ tấn công, một trong các đặc vụ khác tiến đến chỗ vũ khí của hắn văng ra và nhặt nó lên. “Không phải súng. Là máy quay phim.”

“Cái gì cơ?” Cage hỏi.

Parker cau có. Đó là một chiếc máy quay phim. Nó đã bị hỏng khi rơi xuống mặt đường bê tông.

Cage đứng lên. “Không có hàng.” Ông lật giở chiếc ví da rằn của người đàn ông. “Andrew Sloan. Sống ở Rockville.”

Một trong mấy đặc vụ lõi điện đàm ra và yêu cầu kiểm tra các lệnh bắt cấp liên bang, Maryland lẫn Virginia.

“Các người không được...” Sloan định phản đối. Lukas bước tới. “Ngậm miệng lại cho đến khi chúng tôi bảo anh trả lời!” Cô điên tiết. “Hiếu chưa?” Cơn giận của cô gần như đã đến mức đáng xấu hổ. Khi anh ta không trả lời, cô cúi xuống và thì thầm vào tai Sloan, “Hiếu rồi chứ?”

“Tôi hiếu rồi,” anh ta trả lời bằng giọng tê tái.

Cage lôi một trong mấy chiếc danh thiếp từ ví Sloan ra rồi đưa cho Lukas và Parker. Nó viết: Tư vấn an ninh khu vực đông bắc. Cage nói thêm, “Anh ta là thám tử tư.”

“Không có lệnh bắt nào,” viên đặc vụ vừa truy vấn thông tin gọi với ra.

Lukas gật đầu với Cage.

“Khách hàng của anh là ai?” Cage hỏi.

“Tôi không bị buộc phải trả lời.”

“À có chứ Andy, anh phải trả lời đấy,” Cage nói.

“Danh tính của thân chủ tôi là thông tin mật,” Sloan trích dẫn.

Thêm hai đặc vụ nữa đến nơi. “Kiểm soát được chưa?” Một người hỏi.

“Rồi,” Cage lăm băm. “Đỡ anh ta dậy.”

Họ thô lỗ xốc anh ta ngồi lên. Để mặc anh ta trên vỉa hè. Sloan liếc xuống đứng quần mình. Chỗ bị ướt làm anh ta tức tối hơn cả sự hổ thẹn. “Đồ khốn,” anh ta lăm băm với Cage. “Tôi có bằng luật đấy. Tôi biết quyền của mình. Tôi chỉ muốn quay cảnh mấy người phá án, tôi có thể làm vậy. Tôi đang ở một nơi công cộng và...”

Lukas đến đằng sau anh ta, cúi xuống. “Ai... là... khách... hàng... của... anh?”

Nhưng Parker đã cúi người, ra hiệu Cage tránh khỏi ánh đèn đường để anh ta nhìn rõ hơn. “Chờ đã. Tôi biết anh ta.”

“Thật à?” Lukas hỏi.

“Phải. Tôi đã thấy anh ta ở cửa hàng Starbucks gần chỗ mình. Và tôi nghĩ còn vài nơi khác nữa trong mấy ngày gần đây.”

Cage khề đá vào chân anh ta. “Anh đang theo dõi bạn tôi đấy à? Hừ? Anh đang làm vậy phải không?”

Ồi không, Parker nghĩ, rốt cuộc anh đã hiếu. Ồi Chúa ơi... anh nói, “Khách hàng của anh ta là Joan Marel.”

“Ai cơ?”

“Vợ cũ của tôi.”

Trên mặt Sloan không có phản ứng gì.

Parker thì tuyệt vọng. Anh nhắm mắt lại. Chết tiệt, chết tiệt, chết tiệt... Cho đến đêm nay, mọi đoạn phim gã thám tử tư ghi lại được đều cho thấy Parker là một ông bố cần cù. Tối các buổi họp PTO một cách đều đặn, đưa đón con con mỗi ngày hơn ba chục cây số đến trường lẫn các điểm tập thể thao, nấu ăn, đi chợ, dọn dẹp, lau nước mắt và cùng chơi đàn dương cầm Suzuki với bọn Who.

Nhưng đêm nay... trong tất cả các đêm. Sloan sẽ là nhân chứng cho việc Parker xuất hiện ngay trung tâm chiến dịch nguy hiểm nhất của cảnh sát thành phố. Anh đã nói dối bọn trẻ và gửi chúng cho người giữ trẻ vào ngày lễ, toàn tác động xấu...

Thưa anh Kincaid, như anh đã biết, hệ thống công lý thường có xu hướng để hai đứa trẻ sống với mẹ của chúng. Tuy nhiên, trong trường hợp này, chúng tôi lại để chúng về với anh, với điều kiện tiên quyết là anh phải đảm bảo với tòa rằng không đời nào sự nghiệp của anh lại gây tổn hại đến sức khỏe và hạnh phúc của cả Robby lẫn Stephanie...

“Đúng không?” Cage hỏi Sloan một cách dữ tợn.

“Phải, phải, phải. Cô ấy đã thuê tôi.”

Cage trông thấy biểu cảm của Parker và hỏi, “Đây là vấn đề à?”

“Phải, đó là cả vấn đề.”

Là tận thế...

Cage quan sát viên thám tử tư. “Cuộc chiến giành quyền nuôi con?” Ông hỏi Parker.

“Phải.”

Lukas nói một cách ghê tởm, “Mang anh ta ra khỏi đây. Trả máy quay cho anh ta.”

“Nó hỏng rồi,” Sloan quát. “Các người sẽ phải đền tiền. Tôi cá là thế.”

Cage tháo còng. Sloan loạng choạng đứng dậy. “Tôi nghĩ tôi bị bong gân ngón cái rồi. Nó đau như quỳ ấy.”

“Tôi rất tiếc, Andy ạ,” Cage nói. “Còn cổ tay anh thì sao?”

“Đau. Tôi phải nói với ông, tôi sẽ nộp đơn khiếu nại. Cô ta khóa còng chặt quá. Tôi đã từng còng tay người ta. Đầu cần phải chặt đến vậy.”

Anh phải làm cái quái gì bây giờ, Parker đang nghĩ ngợi. Anh nhìn chăm chăm xuống đất, hai tay thọc sâu vào túi áo.

“Andy này,” Cage hỏi, “anh có phải người theo dõi chúng tôi trên phố Ninth đêm nay không? Khoảng một giờ trước?”

“Có thể là tôi. Nhưng tôi có phạm luật gì đâu. Cứ việc tra lại xem, ông cảnh sát. Ở nơi công cộng, tôi được làm bất kể việc gì tôi muốn.”

“Nghe này, anh Sloan,” Parker nói. “Có cách nào chúng ta nói chuyện được không?”

“Nói? Nói cái gì? Tôi sẽ đưa cho khách hàng cuộn băng, báo với cô ấy mình nhìn thấy những gì. Tất cả chỉ có vậy. Tôi cũng có thể kiện anh.”

“Andy, ví của anh đây!” Cage đi đến chỗ anh ta và trả lại ví. Rồi viên đặc vụ cao lớn cúi đầu xuống, thì thầm vào tai Sloan. Sloan định nói gì đó nhưng Cage giơ một ngón tay lên. Sloan tiếp tục lắng nghe. Hai phút sau, Cage ngừng nói. Ông nhìn vào mắt Sloan. Sloan hỏi một câu. Cage lắc đầu và mỉm cười.

Viên đặc vụ tiến về chỗ Lukas và Parker, Sloan vẫn theo sau.

Cage nói, “Nào Andy, hãy cho anh Kincaid đây biết ai đã thuê anh.”

Vẫn còn chìm trong tuyệt vọng, Parker chỉ lắng nghe nửa vời.

“Công ty tư vấn an ninh đông bắc,” thám tử tư nói, hai tay để phía trước cứ như vẫn đang bị còng.

“Và vị trí của anh ở đó là gì?”

“Tôi là chuyên viên an ninh.”

Cage hỏi, “Tối nay, anh làm việc cho khách hàng nào?”

“Cô Joan Marel,” anh ta nói đều đều.

“Cô ta thuê anh làm gì?” Cage hỏi cứ như một luật sư đang thẩm vấn chéo.

“Đi theo chồng cô ấy. Ý tôi là chồng cũ. Để tìm bằng chứng chống lại anh ta trong vụ đòi quyền nuôi con.”

“Và anh đã trông thấy điều gì để cô Marel dùng nhằm mục đích ấy chưa?”

“Chưa, tôi chưa thấy.” Câu nói đó làm Parker chú ý.

Người đàn ông nói tiếp, “Thực tế anh Kincaid có vẻ là một...” Giọng Sloan trượt đi. Cage mồm lờ, “không tỳ vết.”

“Một người bố không tỳ vết...” Sloan do dự rồi tiếp tục, “Ông biết đấy, có lẽ tôi sẽ nói là ‘hoàn hảo’. Tôi thấy thoải mái với từ đó hơn.”

“Được,” Cage nói. “Anh có thể nói là ‘hoàn hảo’.

“Một ông bố hoàn hảo. Và tôi chưa từng chứng kiến điều gì... ừm.” Anh ta nghĩ một lát. “Tôi chưa từng chứng kiến anh ấy làm gì có thể gây tổn hại đến bọn trẻ hay hạnh phúc của chúng.”

“Và anh không ghi được trong video bất cứ hành động nguy hiểm nào của anh ấy chứ?”

“Không. Tôi chẳng ghi được. Tôi không thấy được gì có thể giúp ích cho khách hàng của mình để làm một bằng chứng.”

“Anh sẽ về nói với khách hàng thế nào? Ý tôi là về đêm nay?”

Sloan nói, “Tôi sẽ nói với cô ấy sự thật.”

“Tức là.”

“Là anh Kincaid đã tới thăm một người bạn ở bệnh viện.”

“Bệnh viện nào?” Cage hỏi Sloan.

“Bệnh viện nào nhỉ?” Sloan hỏi Parker.

“Fair Oaks.”

“Phải,” Sloan nói, “đó là chỗ tôi đã tới.”

“Anh sẽ tập thêm chứ?” Cage hỏi. “Câu chuyện của anh có vẻ hơi vấp vấp.”

“Vâng. Tôi sẽ tập. Tôi sẽ nói thật trôi chảy.”

“Được rồi, giờ xéo khỏi đây đi.”

Sloan rút cuộn băng ra khỏi đồng tàn tích là chiếc máy quay phim rồi đưa nó cho Cage. Ông ta liền quăng nó vào thùng dầu đang cháy.

Thám tử tư biến mất, lo lắng nhìn lại đằng sau để xem có đặc vụ nào định bắn vào lưng mình hay không.

“Ông làm thế quái nào vậy?” Parker lẩm bẩm.

Cage trưng ra một điệu nhún vai mà Parker không thể hiểu. Anh tự dịch là, “Đừng hỏi.”

Cage đúng là người tạo ra kỳ tích...

“Cảm ơn ông,” Parker nói. “Ông không biết sẽ có chuyện gì nếu...”

“Kincaid, súng của anh ở chỗ quái nào thế?” Giọng nói gắt gỏng của Lukas chợt cắt ngang lời anh. Anh quay sang chỗ cô.

“Tôi tưởng mình có mang theo. Chắc nó rơi trong xe.”

“Anh không nhớ quy trình à? Bất cứ khi nào xuất quân đến hiện trường, đều phải đảm bảo rằng mình có mang vũ khí và nó hoạt động được. Anh được học điều đó ngay tuần đầu ở Học viện cơ mà.”

Nhưng khuôn mặt Lukas một lần nữa lại hiện lên vẻ giận dữ lạnh băng. Cô nói bằng giọng thì thào cộc lốc, “Anh nghĩ chúng ta đang làm gì ở đây hả?”

Parker mở lời, “Tôi đã bảo cô là tôi không phải bên tác chiến còn gì... tôi không nghĩ theo kiểu súng ống.”

“Theo kiểu?” Cô quát lên với vẻ chế giễu. “Nghe này Kincaid, anh đã sống trong Sesame Street suốt mấy năm vừa rồi. Anh có thể quay về thế giới ấy ngay bây giờ và Chúa phù hộ anh, cảm ơn đã giúp đỡ. Nhưng nếu anh muốn tiếp tục thì phải mang súng và khai hỏa phần mình. Anh có thể quen với việc trông trẻ, nhưng chúng tôi thì không. Giờ anh đi hay ở đây?”

Cage đứng bất động. Thậm chí không có lấy một cái nhún vai, dù là nhẹ nhất.

“Tôi ở lại.”

“Được rồi.”

Lukas trông chẳng có vẻ hài lòng với sự khuất phục của anh hay hối lỗi vì cơn bộc phát của mình chút nào. Cô nói, “Thế thì đi lấy súng và trở lại làm việc thôi. Chúng ta không có nhiều thời gian.”

Chương 17

Một chiếc xe tải dã ngoại hiệu Winnebago rẽ vào đường phố khu Gravesend.

Đó chính là MCP. Trạm điều hành di động. Trên xe dán chỉ chít các kiểu quảng cáo: BẮC CAROLINA. BIỂU DIỄN XIẾC CHÓ AKC. CẢNH BÁO: TÔI ĐÁP PHANH VÌ NHỮNG SỢI RUY BĂNG MÀU XANH. BUÔN CHÓ BRIARD1.

Anh tự hỏi những miếng dán này là cố ý, để đánh lạc hướng bọn tội phạm ngu ngốc, hay Cục đã mua lại chiếc xe từ một nhà phối giống thực sự.

Khi chiếc xe tải đi chậm lại bên lề đường, Lukas liếc ra hiệu cho Cage cùng Parker vào trong. Chỉ cần người một chút, anh đã nhận ra nó từng thuộc về người nuôi chó. Tuy nhiên, đối với một Parker đang run bần bật vì cái lạnh bên ngoài cùng nỗi sợ mà tay thám tử tư mang đến, bên trong thật ấm áp và anh thấy mừng vì được thoát khỏi cơn buốt giá đó.

Ngồi trước một bảng điều khiển máy tính không ai khác chính là Tobe Geller. Cậu ta đang nhìn chăm chăm vào màn hình video. Hình ảnh trên đó đã bị vỡ thành hàng ngàn pixel, một bức tranh ghép trừu tượng. Cậu ta gõ vào các phím, di chuyển con chuột trên máy tính và gõ các câu lệnh.

Thanh tra Len Hardy ngồi gần đó còn C.P. Ardell trong chiếc quần bò cỡ bốn tư thì bị nhét vào một trong những chiếc bàn cạnh tường. Nhà tâm lý học từ Đại học Georgetown vẫn chưa đến.

“Đoạn băng từ vụ Mason,” Geller nói mà không thôi nhìn màn hình.

“Có gì thú vị không?” Lukas hỏi.

“Chưa có gì nhiều,” viên đặc vụ trẻ lẩm bẩm. “Chưa có. Đây là ảnh toàn cảnh theo thời gian thực của nó.”

Cậu ta bấm vài phím và thu nhỏ ảnh lại để có thể thấy rõ. Đó là khung cảnh mờ nhạt của nội thất trong nhà hát, vừa bị giật lại vừa nhòe. Mọi người đang tháo chạy và nháo nhào tìm chỗ nấp.

“Khi Digger bắt đầu xả súng,” C.P. giải thích, “một vị khách du lịch trong đám khán giả đã bật máy quay phim lên.”

Geller gõ thêm vài phím nữa và hình ảnh hơi sáng lên một chút. Rồi cậu ta cho dừng hình.

“Kia à?” Cage hỏi và chạm tay vào màn hình. “Hắn đó à?”

“Vâng,” Geller nói. Cậu ta lại gõ, để hình ảnh ở chế độ quay chậm.

Parker gần như không thấy gì đặc biệt. Màn hình bắt đầu tối mù và chiếc máy quay bị nảy lên nảy xuống trong lúc người quay phim đi tìm chỗ nấp. Khi từng khuôn hình trôi qua trong chuyển động quay chậm, anh thấy ánh sáng mờ của khẩu súng bị khai hỏa giữa một vệt mờ tối mà Geller xác định là Digger.

Hardy nói, “Gần như còn đáng sợ hơn vì chẳng thể nhìn rõ chuyện gì đang xảy ra.”

Parker âm thầm đồng ý với anh ta. Lukas chỉ nhìn chăm chú vào màn hình trong lúc vờn người tới trước.

Geller tiếp tục, “Đây, cái này gần như là khoảnh khắc rõ nét nhất.” Khuôn hình đứng lại. Hình ảnh được phóng to nhưng điểm ảnh càng lớn thì họ càng chẳng định hình được gì. Chẳng bao lâu sau, màn hình chỉ còn là một mớ hỗn độn những ô vuông đen trắng. “Tôi đang cố tăng độ nét để trông rõ mặt hắn. Chín mươi phần trăm hắn là người da trắng. Nhưng đó là tất cả những gì chúng ta có thể nói được.”

Parker đã trông thấy gì đó. “Quay lại lần nữa đi,” anh nói. “Chậm thôi.”

Trong lúc Geller gõ phím, các ô vuông nhỏ lại và hợp thành một khối.

“Dừng lại,” Parker ra lệnh.

Đó là hình Digger chiếu từ ngực trở lên.

“Nhìn cái đó kìa.”

“Cái gì cơ?” Lukas hỏi.

“Tôi chả thấy gì cả,” Hardy vừa nói vừa nheo mắt.

Parker gõ vào màn hình. Ở giữa ngực của Digger là vài điểm ảnh sáng hắt, bao quanh là những điểm ảnh tối hơn một chút hình chữ V, đến lượt mình, chúng lại được bao quanh bằng các điểm ảnh rất tối.

“Đó chỉ là ánh sáng phản chiếu,” Lukas lẩm bẩm, lơ đãng và sốt ruột. Cô nhìn đồng hồ.

Parker khẳng khái, “Nhưng ánh sáng phản chiếu trên cái gì mới được?”

Họ cùng nhìn một lúc. Rồi, “Ha,” Geller nói, khuôn mặt điển trai giãn ra thành một nụ cười. “Tôi hiểu rồi.”

“Cái gì Tobe?” Parker hỏi.

“Anh có phải người Công giáo ngoan đạo không, Parker?”

“Không.” Anh là người theo Giáo hội Trưởng lão đã lỗi thời, nhưng lại thấy thuyết thần học trong Chiến tranh giữa các vì sao còn dễ chấp nhận hơn hầu hết các tôn giáo khác.

“Tôi có đi học ở trường dòng Tên (còn gọi là dòng chúa Giêsu), Hardy nói, “nếu điều đó giúp ích được gì.”

Nhưng Geller vốn chẳng quan tâm đến tiểu sử tôn giáo của ai. Cậu ta đẩy người qua không gian chật chội trên chiếc ghế xoay của mình. “Thử xem nhé!” Cậu ta mở ngăn kéo và lôi ra một chiếc máy chụp ảnh nhỏ, đưa nó cho Parker. Geller cắm nó vào máy tính. Sau đó cậu ta bẻ thẳng một chiếc kẹp giấy thành hình chữ X, cời hai khuy áo sơ mi của mình và gắn kẹp giấy lên ngực. “Chụp đi,” cậu ta nói.

“Cứ bấm cái nút kia kia...”

Parker làm theo và trả lại chiếc máy chụp ảnh. Geller quay sang máy tính, gõ gõ và một bức ảnh thiếu sáng của chàng đặc vụ hiện lên trên màn hình. “Anh chàng đẹp mã,” Geller nói. Cậu ta gõ thêm nhiều phím, giữ nguyên chiếc kẹp giấy màu bạc ở trung tâm khuôn hình trong lúc phóng to ảnh. Hình ảnh biến thành một mớ hỗn độn nhưng y hệt các ô vuông phát sáng trên bức ảnh Digger.

“Điểm khác biệt duy nhất,” Geller chỉ ra, “là điểm sáng của hắn có ánh vàng. Vậy tức là cậu bé của chúng ta đang đeo một cây Thánh giá bằng vàng.”

“Thêm câu đó vào mô tả nhân dạng của chúng ta, rồi gửi đi.”

Lukas ra lệnh. “Và bảo với họ chúng ta xác nhận hắn là người da trắng.” Cage gọi điện đàm cho Jerry Baker để thông báo và yêu cầu anh ta truyền tin tức cho các đặc vụ đang đi hỏi từng nhà.

Đặc điểm nhận dạng duy nhất của tên Digger: Hắn đeo một cây Thánh giá.

Hắn có phải người theo đạo không? Hay đó chỉ là vật lấy may?

Hay hắn đã giết lấy nó từ xác một nạn nhân nào đấy để làm chiến lợi phẩm?

Điện thoại của Cage reo vang. Ông nghe điện rồi tắt máy. Nhún vai đầy thất vọng. “Người quen của tôi bên FAA. Họ đã gọi đến mọi tổng đài cố định trong khu vực để tìm hiểu về các nơi cho thuê trực thăng. Một nam giới phù hợp với nhận dạng của nghi phạm đã ký hợp đồng thuê chiếc trực thăng của một công ty ở Clinton, Maryland. Gã nói mình tên là Gilbert Jones.”

“Jones à?” C.P. hỏi một cách châm biếm. “Ý tôi là, chết tiệt, đó là tên chúng ta gọi hắn ngay từ đầu mà.”

Cage nói tiếp, “Gã trả tiền mặt. Đáng lẽ phi công phải nhận một gói hàng ở Fairfax rồi đi tiếp khoảng một tiếng nữa, nhưng Jones chưa nói cho anh ta biết là đi đâu. Đáng lẽ gã sẽ gọi đến để chỉ dẫn cho phi công lúc mười rưỡi sáng nay. Nhưng gã chẳng bao giờ gọi. Đã kiểm tra phi công, không vấn đề gì.”

“Jones có cho anh ta địa chỉ hay số điện thoại nào không?”

Cái nhún vai của Cage nói rằng, gã có cho nhưng cả hai đều là giả.

Cửa mở ra và một người đàn ông khoác áo FBI gật đầu với Lukas.

“Chào Steve,” cô nói.

“Đặc vụ Lukas. Tiến sĩ Evans đang ở đây. Từ Georgetown.”

Nhà tâm lý học.

Người đàn ông bước vào trong. “Xin chào,” ông ta nói. “Tôi là John Evans.” Ông ta có vẻ thấp bé hơn vẻ bình tĩnh thể hiện qua giọng nói trầm ấm của mình. Mái tóc đen được cắt ngắn đã điểm bạc cùng bộ râu được tỉa tót gọn gàng. Parker ngay lập tức cảm thấy mến ông ta. Nụ cười của ông ta rất thoải mái, giống như cách ông ta mặc bộ áo len xám và quần vải bông vậy. Ông ta khoác trên vai chiếc ba lô nặng trĩu đã cũ mòn thay vì mang cặp táp. Đôi mắt rất nhanh nhẹn và quan sát tỉ mỉ tất cả mọi người trong xe trước cả khi bước qua hần ngưỡng cửa.

“Rất cảm ơn ông đã tới,” Lukas nói với ông ta. “Đây là đặc vụ Cage và đặc vụ Geller. Đặc vụ Ardell ngồi ở kia. Thanh tra Hardy. Tên tôi là Lukas.” Cô liếc sang Parker, anh gật đầu ra hiệu chấp nhận gọi tên thật. “Đây là Parker Kincaid, anh ấy là chuyên gia phân tích tài liệu từng làm việc cho Cục.” Cô nói thêm, “Việc anh ấy ở đây là thông tin mật và chúng tôi rất biết ơn nếu ông không nhắc tới chuyện ấy.”

“Tôi hiểu,” Evans nói. “Tôi cũng làm rất nhiều công việc nặc danh. Tôi định lập một website nhưng cho là mình sẽ gặp nhiều kẻ quái gở.” Ông ta ngồi xuống. “Tôi đã nghe về vụ ở Nhà hát Mason. Chính xác thì đang có chuyện gì vậy?”

Cage tóm tắt các vụ xả súng, cái chết của nghi phạm, bức thư tố tụng và tên sát thủ cho ông ta.

Evans nhìn vào bức ảnh xác chết của nghi phạm. “Vậy là các ông đang cố tìm xem tên tông phạm sẽ tấn công nơi nào tiếp theo?”

“Chính xác,” Lukas nói. “Chúng tôi chỉ cần mười lăm phút là có thể tập hợp một đội tác chiến tới địa điểm ấy để bắt hắn. Nhưng chúng tôi cần cái mười lăm phút đó. Chúng tôi phải có lợi thế ấy mới được.”

Parker hỏi, “Ông đã từng nghe cái tên Digger rồi à?”

“Tôi có một cơ sở dữ liệu về tội phạm khá lớn. Khi mới nghe về vụ này, tôi đã tìm hiểu. Ở California hồi những năm Năm mươi, có một người đàn ông. Sát hại bốn người nhập cư. Biệt danh của hắn là

Gravedigger. Hắn đã bị giết trong tù sau khi vào đó được vài tháng. Hội Obispo. Không thuộc về một băng đảng nào hay cái gì đại loại như vậy. Vài thành viên của một gánh hát tên là Diggers ở San Francisco hồi những năm Sáu mươi thường bị bắt vì trộm cắp vặt, đa số chỉ ăn trộm ở cửa hàng. Không có gì nghiêm trọng. Ngoài ra, còn có một nhóm đua xe ở Scottsdale có tên là Gravedigger. Chúng có dính dáng đến một loạt các vụ tấn công ác ý, nhưng đã giải tán từ giữa những năm Bảy mươi và tôi không còn lưu lại hồ sơ nào về bất kỳ thành viên nào trong băng ấy.”

Lukas nói với Geller, “Gọi Sở cảnh sát Scottsdale và xem còn chút gì lưu lại về họ không.” Viên đặc vụ liền thực hiện cuộc gọi ngay.

Đôi mắt Evans cần trọng nghiên cứu những thiết bị trong xe, dừng lại một chút trên bức ảnh nghi phạm trong nhà xác rồi nhìn lên. “Hồ sơ về tên Digger đơn độc duy nhất là một người Anh từ thời kỳ 1930. John Bamstall. Hắn ta là một nhà quý tộc, tử tước hay gì đó. Sống ở Devon. Hắn ta tuyên bố mình đã có gia đình nhưng lại chỉ sống có một mình. Hóa ra, Bamstall đã giết chết vợ con lần hai hay ba nông dân quanh đó. Hắn ta đào một hệ thống đường hầm bên dưới dinh thự của mình và giữ những cái xác ở đó. Ướp xác họ.”

“Eo ôi,” Hardy lẩm bẩm.

“Vì thế báo chí đã gọi ông ta là Digger (Kẻ đào bới) bởi những đường hầm. Một nhóm tội phạm ở London hồi những năm Bảy mươi đã lấy tên này từ ông ta nhưng chúng chỉ là loại tép riu.”

“Có khả năng,” Lukas hỏi, “tên nghi phạm hoặc chính bản thân Digger đã nghe nói về Bamstall không? Rồi dùng hắn ta như một loại thần tượng.”

“Ở thời điểm này tôi không nói chắc được. Tôi cần thêm thông tin. Chúng ta phải xác định khuôn mẫu hành vi của chúng đã.”

Khuôn mẫu, Parker chợt nhớ. Phát hiện ra những khuôn mẫu lặp đi lặp lại trong các tài liệu nghi vấn chính là cách duy nhất để phân biệt thật giả: góc nét hất khi viết các chữ cái, điểm đầu và cuối của các nét phẩy phụt, hình dạng mẫu tự bên dưới của các chữ cái kéo dài như y, g và mức độ run tay. Người ta không thể nào phát hiện một tài liệu là giả nếu nó chỉ đứng một mình. Anh nói với Evans, “Có một điều ông nên biết, đây có thể không phải lần đầu tiên Digger và tông phạm của hắn làm việc này.”

Lukas nói, “Một nhà báo tự do đã liên hệ với chúng tôi. Anh ta tin rằng vụ xả súng chỉ là một phần trong công thức thực hiện các tội ác tương tự.”

“Ở đâu?”

“Boston, ngoại ô New York và Philadelphia. Luôn luôn giống nhau: Cướp bóc hoặc tổng tiền mới là tội ác chính, còn các vụ giết người chiến thuật chỉ là để hỗ trợ cho chúng.”

Evans hỏi, “Chúng nhắm vào tiền à?”

“Đúng vậy,” Parker nói. “À, cũng có một lần là nhắm vào trang sức.”

“Vậy thì có vẻ chẳng liên quan gì đến Bamstall. Bệnh án của hắn ta có lẽ là chứng tâm thần phân liệt hoang tưởng, không phải loại hành vi phản xã hội chung chung như thủ phạm của các vụ. Nhưng tôi cũng muốn biết thêm về các tội ác ở những thành phố khác. Và tìm hiểu một chút về phương thức hành động của chúng ngày hôm nay.”

Hardy nói, “Việc chúng tôi đang làm ở đây là cố gắng tìm nơi trú ẩn của chúng. Ở đó có thể có rất nhiều thông tin.”

Lukas lắc đầu thất vọng, “Tôi đã hy vọng cái tên Digger mang một ý nghĩa nào đó. Tôi tưởng nó là chìa khóa.”

Evans nói, “Ồ, vẫn có thể chứ, nếu chúng ta có thêm dữ liệu. Tin tốt là cái tên ấy không phổ biến lắm. Nếu tên tông phạm, kẻ đã chết ấy, nghĩ ra cái tên Digger, điều đó sẽ giúp chúng ta hiểu ít nhiều về gã. Nếu biệt danh ấy thuộc về chính Digger thì nó cũng nói lên ít nhiều về hắn. Cô hiểu không, việc đặt tên, cách chọn biệt danh, rất quan trọng trong quá trình lập hồ sơ tâm lý.”

Ông ta nhìn sang Parker. “Chẳng hạn như khi anh và tôi tự miêu tả mình là ‘những cố vấn’ thì bản thân việc đó đã ít nhiều ám chỉ về mặt tâm lý. Chúng ta nói rằng chúng ta sẵn lòng từ bỏ chút quyền kiểm soát đối với tình huống, để đổi lại một sự tách biệt nhất định khỏi trách nhiệm và hiểm nguy.”

Chính xác một trăm phần trăm, Parker nghĩ.

“Các vị biết đấy,” Evans nói, “Tôi rất sẵn lòng ở lại một lát.” Ông ta lại cười lớn, hếch cằm về phía bức ảnh người chết. “Trước đây, tôi chưa từng phân tích xác chết nào. Hắn là một thách thức thú vị.”

“Chắc chắn chúng tôi cần thêm sự trợ giúp rồi,” Lukas nói. “Tôi rất biết ơn ông.”

Evans mở ba lô và lôi ra một bình giữ nhiệt rất to. Ông ta mở nắp rồi rót thứ cà phê màu đen vào cái nắp. “Tôi bị nghiện,” ông ta nói rồi mỉm cười, “Tôi cho là một nhà tâm lý học không nên thú thực điều gì tương tự. Có ai muốn uống không?”

Tất cả đều từ chối nên Evans cất chiếc bình đi. Vị tiến sĩ lấy điện thoại ra gọi cho vợ để báo rằng mình sẽ làm việc khuya.

Việc ấy nhắc Parker nhớ đến bọn Who và anh cũng phải gọi điện về nhà.

“Xin chào?” Giọng ấm áp của bà Cavanaugh hỏi khi trả lời điện thoại.

“Cháu đây ạ,” Parker nói. “Pháo đài thế nào rồi ạ?”

“Chúng nó sắp làm tôi phá sản rồi đây. Lại còn chỗ tiền Chiến tranh giữa các vì sao này nữa. Tôi chẳng hiểu cái gì là bao nhiêu cả. Chúng nó cố tình làm tôi lẫn lộn.” Tiếng cười của bà hòa với tiếng bọn trẻ, hẳn chúng đang ở gần bà.

“Robby thế nào ạ?” Parker hỏi. “Nó vẫn buồn à?”

Giọng bà trầm xuống, “Vài lần nó cũng tư lự đấy nhưng Stephie và tôi đã kéo nó ra khỏi cơn ứ đọng. Chúng rất mong cậu về trước nửa đêm.”

“Cháu sẽ cố. Joan có gọi điện không ạ?”

“Không.” Bà Cavanaugh cười lớn. “Điều buồn cười là, Parker... Nếu cô ta có gọi và tôi vô tình trông thấy tên cô ta hiện lên, tôi có thể sẽ bận đến nỗi không thể trả lời. Rồi cô ta sẽ nghĩ rằng ba bố con đang đi xem phim hoặc tới Ruby Tuesday ăn salad. Cậu thấy sao?”

“Cháu rất vui, bà Cavanaugh ạ.”

“Tôi cũng nghĩ vậy. Cái hiển thị số gọi đến ấy đúng là phát minh vĩ đại nhỉ?”

“Ước gì cháu có bằng sáng chế cái đó,” anh nói với bà. “Cháu sẽ gọi lại sau.”

Họ cúp máy.

Cage đã nghe lỏm được. Ông hỏi, “Thằng bé nhà anh ổn chứ?”

Parker thở dài. “Nó không sao. Chỉ là có nhiều ký ức tồi tệ từ... ông biết đấy, mấy năm trước.”

Evans nhướn một bên lông mày, Parker liền nói với ông ta, “Hồi tôi còn làm ở Cục, có một nghi phạm đã đột nhập vào nhà chúng tôi.” Anh để ý thấy cả Lukas cũng đang lắng nghe.

“Con anh thấy hấn à?” Evans hỏi.

Parker nói, “Tên tội phạm định chui vào nhà qua cửa sổ phòng nó mà.”

“Chúa ơi,” C.P. lẩm bẩm. “Tôi ghét những chuyện tồi tệ xảy ra cho bọn trẻ. Ghét thậm tệ.”

“PTSD à?” Lukas hỏi.

Rối loạn stress sau sang chấn. Parker đã rất lo là thằng bé sẽ bị như vậy và đưa nó tới gặp một chuyên gia. Mặc dù vậy, bác sĩ đã trấn an anh rằng vì hồi ấy Robby còn rất nhỏ, lại chưa thực sự bị *Người chèo thuyền* làm tổn hại gì, nên có thể thằng bé sẽ không bị hội chứng trên.

Parker giải thích như vậy và nói thêm, “Nhưng vụ việc ấy xảy ra ngay trước Giáng sinh. Nên cứ vào thời khắc này trong năm, thằng bé thường nhớ lại nhiều hơn các dịp khác. Ý tôi là, nó vẫn vượt qua được. Nhưng...”

Evans nói, “Nhưng anh thà đánh đổi mọi thứ để chuyện ấy chưa từng xảy ra.”

“Chính xác,” Parker khẽ nói, nhìn khuôn mặt căng thẳng của Lukas và tự hỏi tại sao cô lại biết đến chứng rối loạn này.

Nhà tâm lý học hỏi, “Mặc dù vậy, tối nay, thằng bé ổn chứ?”

“Ổn. Chỉ là lúc chiều có hơi hoảng một chút.”

“Tôi cũng có con trai,” Evans nói rồi nhìn Lukas, “Cô có con chưa?”

“Chưa,” cô nói “Tôi không kết hôn.”

Evans nói với cô, “Như thế cô mất đi một phần tâm trí khi cô có con. Chúng đánh cắp phần ấy và không bao giờ trả lại. Cô sẽ luôn lo lắng khi chúng buồn, lạc lối hay đau khổ.”

“Thế sao?” Cô hỏi, một lần nữa bị phân tâm.

Evans quay sang lá thư và sau đó là cả khoảng im lặng dài. Geller gõ liên tục trên bàn phím. Cage thì gập người bên bàn đồ. Lukas nghịch một lọn tóc vàng của mình. Cử chỉ ấy đáng lẽ ra sẽ rất duyên dáng và hấp dẫn, chỉ có điều đôi mắt cô lạnh tanh. Đường như cô đang ở một nơi nào khác.

Geller khẽ ngời thẳng lại khi màn hình của cậu ta lóe sáng. “Có báo cáo từ Scottsdale...” Cậu ta đọc màn hình. “Được rồi, được rồi, sở cảnh sát có biết về băng Gravedigger này, nhưng họ không có liên lạc với ai liên quan đến vụ đó. Hầu hết đã về hưu. Giờ đều là người đàn ông của gia đình rồi.”

Lại một ngõ cụt khác, Parker nghĩ. Evans để ý thấy một tờ giấy khác và kéo về phía mình. Bản tin các tội ác chính về Gary Moss và vụ đánh bom ở nhà ông ấy.

“Ông ấy là một nhân chứng phải không?” Evans hỏi. “Trong vụ bê bối về xây dựng trường công.” Lukas gật đầu.

Evans lắc đầu trong khi đọc. “Bọn sát nhân không thèm quan tâm nếu chúng giết cả các con ông ấy... Kinh khủng quá!” Ông liếc nhìn Lukas. “Hy vọng là họ được chăm sóc cẩn thận,” vị tiến sĩ nói.

“Moss đang được bảo vệ nghiêm ngặt ở trụ sở Cục còn gia đình ông ấy thì đã rời khỏi bang,” Cage bảo với ông ta.

“Giết cả trẻ em,” nhà tâm lý học vẫn lẩm bẩm trong khi đẩy bàn ghi nhớ ra xa.

Rồi vụ án bắt đầu có biến chuyển. Parker nhớ rất rõ từ hồi anh còn làm trong đội hành pháp. Hàng giờ, thậm chí là nhiều ngày, chờ đợi; ấy thế mà đột nhiên, mọi đầu mối đều mang lại kết quả. Một tờ giấy trôi ra khỏi máy fax. Hardy đọc nó lên, “Từ Sở cấp phép Xây dựng. Các địa điểm phá dỡ và xây dựng ở Gravesend.”

Geller cho hiển thị tấm bản đồ khu vực trên màn hình lớn và đánh dấu màu đỏ vào các địa điểm Hardy đọc to lên. Có khoảng một tá.

Lukas gọi Jerry Baker và cho anh ta biết địa chỉ. Anh ta báo cáo lại là đã phân chia người về các nơi. Vài phút sau, một giọng nói vang lên trong loa của trạm chỉ huy. Đó là giọng Baker, “Nhóm trưởng Năm mới số Hai gọi Nhóm trưởng Năm mới số Một.”

“Nói đi,” Lukas đáp lại.

“Một thành viên trong đội s&s của tôi tìm được một cửa hàng tiện lợi. Mockingbird và Seventeenth.”

Tobe Geller lập tức đánh dấu ngã tư ấy trên bản đồ.

Làm ơn, Parker thì nghĩ. Làm ơn...

“Họ bán đúng loại giấy và bút như cô đã mô tả. Và quầy trưng bày hàng đối diện với cửa sổ. Một vài bịch giấy bị cháy nắng.”

“Đúng rồi!” Parker thì thầm,

Cả đội vươn người tới, nhìn chăm chăm vào bản đồ trên màn hình của Geller.

“Jerry,” Parker nói, không buồn dùng tên ám hiệu như kiểu đội tác chiến vẫn thích, “một trong các địa điểm phá dỡ mà chúng tôi vừa đọc cho anh chỉ cách cửa hàng đó hai dãy nhà về phía đông. Trên đường Mockingbird. Anh cho đội viên đến đó hỏi xem.”

“Đã rõ. Nhóm trưởng Năm mới số Hai. Hết.”

Rồi một cuộc gọi khác đến. Lukas nhận và nghe máy. “Nói chuyện với anh ta đi!” Cô đưa điện thoại cho Tobe Geller.

Geller nghe máy và gật đầu. “Tuyệt lắm. Gửi đến đây, đường fax ưu tiên của trạm chỉ huy số Bốn nhé. Có số chưa? Tốt.” Cậu ta cúp máy và nói, “Lại đội Kỹ thuật. Họ đã có danh sách ISP của khu vực Gravesend.”

“Cái gì?” Cage hỏi.

“Những người đăng ký thuê bao với các nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến,” Geller trả lời.

Tiếng máy fax vang lên và một tờ giấy khác trôi ra. Parker liếc nhìn nó rồi chán nản. Ở Gravesend có nhiều người đăng ký thuê bao hơn anh dự liệu rất nhiều, tới gần năm mươi người.

“Đọc to các địa chỉ lên xem,” Geller nói. “Tôi sẽ nhập vào hệ thống.” Hardy đọc. Geller nhanh như chớp trên bàn phím máy tính, ngay khi viên thanh tra đọc lên địa chỉ nào là một chấm đỏ lại hiện trên màn hình.

Hai phút sau tất cả đều đã được đánh dấu. Parker thấy nỗi lo của mình được hóa giải phần nào. Chỉ có bốn thuê bao nằm trong bán kính tám trăm mét từ cửa hàng tiện lợi và địa điểm phá dỡ.

Lukas gọi Jerry Baker và cho anh ta địa chỉ. “Tập trung vào bốn địa chỉ này. Chúng tôi sẽ gặp anh ở chỗ cửa hàng tiện lợi. Đó sẽ là khu vực trung tâm mới.”

“Rõ. Hết.”

“Đi thôi,” Lukas gọi người lái xe của trạm điều hành, một đặc vụ trẻ.

“Chờ đã,” Geller gọi. “Đi qua bãi đất này!” Cậu ta gõ vào màn hình. “Đi bộ sẽ nhanh hơn là ô tô. Chúng tôi sẽ lái qua đó đón cô.”

Hardy mặc áo khoác vào, nhưng Lukas lắc đầu. “Xin lỗi, Len... Chúng ta đã nói chuyện lúc này rồi còn gì? Tôi muốn anh ở lại trong trạm.”

Viên cảnh sát trẻ giơ cả hai tay lên nhìn vào Cage và Parker.

“Tôi muốn làm gì đây.”

“Len, đây có thể là tình huống cần tác chiến. Chúng ta cần các nhà thương thuyết và các xạ thủ.”

“Anh ấy có phải xạ thủ đâu,” Hardy nói và gật đầu về phía Parker.

“Anh ấy bên pháp y. Anh ấy sẽ nằm trong đội khám nghiệm hiện trường.”

“VẬY là tôi lại tiếp tục ngồi đây mà nghịch ngón tay à. Phải thế không?”

“Tôi xin lỗi. Vẫn phải như vậy thôi.”

“Thế nào chẳng được.” Lại cởi áo khoác ra và ngồi xuống.

“Cảm ơn anh,” Lukas nói. “C.P., anh cũng ở lại đây. Để mắt đến pháo đài.”

Parker đoán như thế nghĩa là đảm bảo Hardy không làm việc gì ngu ngốc. Viên đặc vụ to lớn đã hiểu được ẩn ý và gật đầu.

Lukas mở cửa xe. Cage bước ra. Parker mặc áo phao và đi theo viên đặc vụ lớn tuổi. Khi anh trèo ra ngoài, Lukas đã hỏi ngay, “Anh có...?”

“Trong túi đây rồi,” anh trả lời ngắn gọn, vỗ vào khẩu súng như đảm bảo và bắt kịp Cage, lúc này ông đang đi ngang qua bãi đất mờ khói với nhịp độ chậm rãi.

* * * * *

Henry Czisman hộp một ngum bia nhỏ.

Chắc chắn anh ta chẳng xa lạ gì với cồn, nhưng vào thời điểm đặc biệt này, anh ta muốn mình phải tỉnh táo hết sức có thể. Song nếu một người đàn ông đã ngồi vào quán bar ở Gravesend trong đêm Giao thừa, thì tốt nhất anh ta nên uống cái gì đấy, nếu không sẽ khiến tất cả mọi người ở đó thắc mắc.

Anh chàng to lớn đã ngồi tu chai Budweiser được nửa tiếng rồi. Czisman để ý thấy tên quán bar là Joe Higgins'. Anh ta khó chịu nghĩ rằng cái tên này là sai, căn cứ vào những kiến mình của tôi. Chỉ có danh từ số nhiều mới dùng dấu nháy đơn để tạo thể sở hữu. Đáng lẽ tên của quán này phải là Joe Higgins's.

Thêm một ngum bia nữa.

Cửa mở ra và Czisman trông thấy vài đặc vụ bước vào. Anh ta đã tiên liệu trước sẽ có người vào đây để hỏi thăm, anh ta cũng rất lo đó có thể là Lukas hay Cage hay cái tay tư vấn kia, vì họ có thể nhận ra anh ta và tự hỏi sao anh ta lại bám theo họ. Nhưng những người này anh ta chưa gặp bao giờ.

Ông già mặt mũi bên cạnh Czisman nói tiếp, "Thế là tôi đi. Cái hộp nứt ra. Tôi phải làm gì với cái hộp bị nứt đây? Anh bảo tôi phải làm gì?" Czisman chẳng biết trả lời sao. "Gee Wilikers. Anh ta nghĩ tôi phải làm cái quái gì, chẳng hiểu được?"

Czisman liếc nhìn người đàn ông gầy trơ xương đang mặc một chiếc quần xám đã rách và sơ mi tối màu. Tối ngày Ba mươi một tháng Mười hai mà ông ta chẳng có nổi một cái áo khoác. Ông ta sống gần đây không nhỉ? Trên lầu chẳng? Ông già đang uống một thứ rượu whiskey có mùi như thuốc sát trùng.

"Không trả lời hả?" Czisman hỏi, mắt vẫn đắm đắm nhìn vào các đặc vụ.

"Không. Và tôi bảo hân là tôi sẽ dẫn hân như tử nếu không chịu đưa tôi cái hộp mới. Anh biết đấy?"

Czisman mua cho ông già da đen một cốc rượu, bởi vì trông sẽ ít đáng ngờ hơn khi nhìn một người da đen cùng một người da trắng chụm đầu cùng nhau bên ly bia và cốc whiskey nhầy nhụa trong một quán bar như Joe Higgins', dù tên nó có đúng hay sai lỗi chính tả, so với cảnh gã da trắng ngồi uống một mình.

Nhưng khi bạn mua đồ uống cho ai đó, bạn sẽ phải để họ nói chuyện với mình.

Các đặc vụ đang mang một bức ảnh, có thể là ảnh tên tông phạm đã chết của Digger, tới chiếc bàn có ba bà già người da phương, lờ lợt như những ả điếm ở Harlem.

Czisman nhìn qua người họ tới chiếc Winnebago đậu ở bên kia phố. Anh ta vẫn đang mai phục ngoài trụ sở FBI ở phố Ninth khi trông thấy ba đặc vụ vội vã ra ngoài, cùng cả tá người khác. Họ không chịu cho anh ta đi cùng nên anh ta đành tự sắp xếp cho mình. Tạ ơn Chúa là luôn có một đoàn xe hộ tống hay tương tự như vậy và anh ta chỉ việc đi theo, qua nhiều lần đèn đỏ, lái xe thật nhanh trong lúc nhá đèn, đó là việc mà các cảnh sát thông thường phải làm mỗi khi đi truy bắt nhưng không mang theo đèn hiệu. Họ đã túm tụm lại trên con phố gần quán bar, sau một hồi hội ý lại tỏa ra khắp hướng để truy vấn thông tin. Czisman đỗ xe bên đường và chui vào trong quán bar này. Chiếc máy ảnh kỹ thuật số nằm trong túi và anh ta đã bấm được vài kiểu cảnh các đặc vụ cùng cảnh sát hội ý. Sau đó thì chẳng còn gì để làm ngoài việc ngồi đây chờ. Anh ta tự hỏi họ đã tiến đến sát, gọi là gì nhỉ, hang ổ của tên Digger đến chừng nào rồi.

"Này," ông già da đen nói, đến lúc này mới để tâm tới các đặc vụ. "Ai kia? Cảnh sát à?"

"Chúng ta sắp biết rồi."

Một lát sau có người đi đến quầy bar. "Xin chào. Chúng tôi là đặc vụ liên bang." Thẻ công vụ được trưng ra đúng luật. "Tôi muốn biết liệu ai trong hai người từng trông thấy tên này quanh đây chưa?"

Czisman nhìn bức ảnh kẻ đã chết mà anh ta từng thấy trong trụ sở FBI. Anh ta nói, "Chưa."

Ông già da đen nói, "Trông chết ngoéo rồi. Hân chết chưa?"

Viên đặc vụ hỏi, "Ông chưa gặp ai trông giống người này à?"

"Chưa, thưa ngài."

Czisman lắc đầu.

"Chúng tôi còn đang tìm một tên khác nữa. Hân da trắng, khoảng tầm ba, bốn mươi tuổi. Mặc áo khoác tối màu."

À, Digger đây mà, Henry Czisman nghĩ. Thật kỳ lạ khi nghe người ta mô tả về kẻ mình biết rõ được mô tả một cách khách quan như thế. Anh ta nói, "Nghe giống cả tá người quanh đây."

"Đúng vậy. Đặc điểm nhận dạng duy nhất chúng tôi biết là hân có đeo một cây Thánh giá bằng vàng. Và có thể, hân có vũ khí. Hân có lẽ sẽ nói chuyện về súng ống hay khoe mẽ về chúng."

Digger chưa từng làm việc ấy, Czisman nghĩ. Nhưng anh ta không đính chính lại lời viên đặc vụ mà chỉ nói, "Tôi rất tiếc!" "Tôi rất tiếc," người đang uống rượu whiskey lặp lại.

"Nếu gặp hân, các ông có thể gọi vào số này được không?" Viên đặc vụ đưa cho cả hai danh thiếp.

"Chắc chắn rồi."

"Chắc chắn."

Khi các đặc vụ đã đi khỏi, bạn nhậu của Czisman nói, "Thế là thế nào nhỉ?"

"Chả hiểu."

“Lúc nào quanh đây cũng có chuyện. Ma túy đấy. Cá là ma túy. Thế là, tôi có chiếc xe tải với một hộp xi lanh vỡ. Chờ đã. Tôi kể anh nghe về cái xe của tôi chưa nhỉ?”

“Ông đang định làm vậy đấy.”

“Để tôi kể anh nghe về nó.”

Đột nhiên, Czisman nhìn kỹ người đàn ông bên cạnh mình và cảm nhận được sự tò mò xưa cũ đã lôi cuốn anh vào nghề báo từ nhiều năm trước. Khao khát được tìm hiểu mọi người. Không phải để khám phá họ, cũng chẳng phải để lợi dụng hay vạch trần họ. Chỉ là tìm hiểu và giải thích họ mà thôi.

Người đàn ông này là ai? Ông ta sống ở đâu? Ông ta mơ ước gì? Ông ta đã làm những việc can đảm như thế nào? Ông ta có gia đình không? Ông ta thích ăn gì? Có phải là một nhạc công hay họa sĩ giấu mặt không?

Đối với ông ta, tiếp tục sống cuộc đời hèn mọn như hiện nay có tốt hơn không? Hay ông ta nên chết luôn đi, ngay bây giờ, trước khi nổi đau, hay sự thống khổ, hút ông ta xuống đáy vực?

Họ đang chạy.

Czisman vút tiền xuống mặt quây và đứng lên.

“Này, anh không muốn nghe chuyện chiếc xe của tôi à?”

Chẳng nói một lời, anh chàng to lớn nhanh nhẹn chạy về phía cửa, lao ra ngoài và bắt đầu chạy theo các đặc vụ khi họ đi qua những bãi đất ở Gravesend.

Chương 18

Khi cả đội tập hợp lại với Jerry Baker, thì hai đặc vụ của anh ta đã tìm được nơi trú ẩn của nghi phạm.

Hóa ra, nó là một căn hộ song lập xập xệ, cách một tòa nhà cũ đang bị phá dỡ hai căn, đây chính là một trong những địa điểm xây dựng mà họ đã tìm được. Bụi đất sét và bụi gạch giăng khắp mọi nơi.

Baker nói, “Đã cho cặp vợ chồng sống bên kia đường xem ảnh nghi phạm. Họ đã trông thấy gã ba, bốn lần trong vòng mấy tuần qua. Lúc nào cũng cúi gằm mặt, đi thật nhanh. Không bao giờ dừng lại hay nói chuyện với ai.”

Hai chục đặc vụ và cảnh sát được triển khai quanh tòa nhà.

“Căn nào là của gã?” Lukas hỏi.

“Dưới cùng. Có vẻ bỏ không. Chúng tôi đã kiểm tra xong tầng trên.”

“Anh nói chuyện với chủ nhà chưa? Lấy được tên không?” Parker hỏi.

“Công ty cho thuê nói rằng người thuê nhà tên là Gilbert Jones,” một đặc vụ trả lời.

Quý thật... Lại tên giả.

Viên đặc vụ ấy nói tiếp, “Còn số An sinh xã hội là của một người chết cách đây năm năm rồi. Nghi phạm đăng ký trên mạng, lại dùng cái tên Gilbert Jones, bằng một thẻ tín dụng cũng dưới cái tên ấy nhưng nó chỉ là loại thẻ tín dụng rủi ro. Anh chỉ cần nộp tiền vào một tài khoản ngân hàng để che chắn cho nó là nó sẽ có hiệu lực đến chừng nào tiền còn trong tài khoản. Hồ sơ ở nhà băng ghi lại địa chỉ của gã chính là ở đây. Những cái trước toàn là giả.”

Baker hỏi, “Vào không?”

Cage nhìn Lukas, “Cứ tự nhiên.”

Baker bàn bạc với Tobe Geller, người đang tỉ mỉ quan sát màn hình laptop. Mấy chiếc cảm biến đang hướng về căn hộ dưới tầng một.

“Lạnh như băng,” Tobe báo cáo. “Các tia hồng ngoại không bắt được gì và âm thanh duy nhất tôi nghe được là tiếng không khí trong lò sưởi cùng tiếng máy nén tủ lạnh. Cá mừi ăn một là trong nhà không có ai, nhưng anh có thể quét thân nhiệt nếu thực sự muốn. Có nhiều tên tội phạm cực kỳ, cực kỳ im ắng.”

Lukas nói thêm, “Nhớ là: Digger tự lắp ống giảm thanh cho mình, nên rõ ràng hẳn biết mình đang làm gì.”

Baker gật đầu rồi mặc áo chống đạn và đội mũ bảo hiểm vào, anh ta gọi thêm năm đặc vụ tác chiến khác tới gần mình. “Nổ mìn cửa vào. Chúng ta sẽ tắt hết đèn, cùng lúc tiến vào qua cửa chính và cửa sổ phòng ngủ ở đằng sau nhà. Các anh được phép vô hiệu hóa nếu thấy bất kỳ mối nguy hiểm nào. Tôi dẫn đầu vào cửa chính. Có ai hỏi gì không?”

Không ai hỏi thêm. Các đặc vụ nhanh chóng di chuyển vào vị trí. Tiếng động duy nhất họ phát ra là do các thiết bị va vào nhau leng keng.

Parker lùi lại, nhìn khuôn mặt nghiêng nghiêng của Margaret Lukas khi cô đang chăm chú quan sát cửa trước. Đột nhiên, cô quay mặt và bắt gặp anh đang nhìn mình. Rồi đáp lại bằng cái nhìn lạnh lùng.

Kệ xác cô ta, Parker nghĩ. Anh đang tức giận với bài mắng mỏ của cô về súng ống. Anh nghĩ cái đó hoàn toàn không cần thiết.

Rồi đèn đóm trong căn hộ tắt hết và có tiếng “đoàng” lớn khi các đặc vụ thối tung cửa trước bằng loạt đạn Shok-Lok 12 li. Parker nhìn ánh đèn pin được gắn vào mũi súng của họ chiếu sáng nội thất trong căn hộ.

Anh tưởng như sẽ nghe thấy tiếng hét bất kỳ lúc nào: Đứng yên, nằm xuống, đặc vụ liên bang đây...! Nhưng chỉ có sự im lặng. Vài phút sau, Jerry Baker bước ra và kéo mũ bảo hiểm xuống. “Không có ai.”

Đèn lại được bật lên.

“Chúng tôi đang kiểm tra các thiết bị gây sát thương. Cho chúng tôi vài phút.”

Cuối cùng, một đặc vụ gọi với qua cửa trước, “Tất cả đã an toàn.”

Trong lúc bước tới, Parker lại cầu nguyện những câu muôn thuở: Làm ơn cho chúng con tìm được điều gì đó, một dấu vết hữu hình, một dấu vân tay, một ghi chú mô tả địa điểm tấn công tiếp theo. Hoặc ít nhất cũng là chút gì đó gợi ý về nơi nghi phạm đã sống để chúng con có thể tra hồ sơ công cộng và tìm được một giọt lệ quý giá trên chữ i hay chữ j... Hãy để chúng con kết thúc công việc vô cùng khó nhọc này và về nhà với gia đình.

Cage vào trước tiên, theo sau là Parker và Lukas. Hai người họ bước sóng đôi. Trong im lặng.

Căn hộ rất lạnh. Đèn đuốc thì sáng lóa. Một nơi khiến người ta cảm thấy chán nản, với lớp sơn màu xanh nhờ của men sứ. Sàn nhà được sơn màu nâu, nhưng phần lớn đã bong tróc. Bốn phòng trong nhà gần như trống không. Ở phòng khách, Parker có thể trông thấy chiếc máy tính được đặt trên một cái giá, một chiếc bàn làm việc, một chiếc ghế tựa bụi bặm đã sờn rách lớp nệm, vài cái bàn uống nước. Nhưng anh cũng thất vọng nhận ra nơi đây chẳng có thư từ hay giấy tờ, hay bất kỳ loại tài liệu nào khác.

“Chúng tôi tìm thấy quần áo,” một đặc vụ gọi với ra từ trong phòng ngủ.

“Kiểm tra nhãn mác,” Lukas ra lệnh.

Một lát sau, “Chẳng còn cái nào.”

“Quý thật,” cô buột miệng.

Parker liếc nhìn cửa sổ phòng khách và tự hỏi thói quen ăn uống của tên nghi phạm này như thế nào. Bị bỏ lại bên cửa sổ mở một nửa là bốn năm chiếc cốc lớn đựng nước ép táo của hiệu Mott và một cái chảo gang trầy xước chứa cả táo lẫn cam.

Cage chỉ vào đó, “Không chừng tên con hoang bị táo bón. Hy vọng gã bị nặng.”

Parker cười phá lên.

Lukas gọi Tobe Geller và bảo cậu ta tới kiểm tra chiếc máy tính cùng tất cả các file lẫn email tên nghi phạm đã lưu trong ổ cứng.

Vài phút sau, Geller vào. Cậu ta ngồi xuống bàn và thọc tay vào đám tóc xoăn của mình, tỉ mỉ nghiên cứu chiếc máy tính. Rồi cậu ta nhìn lên, ngó quanh quất “Chỗ này hơi quá,” cậu ta nói. “Sao chúng ta không thể có một tên tội phạm sành điệu để đối khẩu vị nhỉ? Cái gì kia?”

Parker cũng nghĩ thấy. Một thứ gì đấy ngọt ngào và có mùi hóa chất. Anh đoán đó có thể là loại son rẻ tiền trên những vật bức xạ nhiệt.

Viên đặc vụ trẻ nắm lấy đầu dây điện của chiếc máy tính và quấn nó quanh bàn tay trái của mình. Cậu ta giải thích, “Nó có thể chứa một loại bom định dạng bên trong, nếu anh đăng nhập không đúng cách, máy tính sẽ cho chạy chương trình và xóa sạch ổ cứng. Anh chỉ có thể rút phích cắm ra để cố gỡ đề lệnh khác lên khi đã về đến phòng thí nghiệm. Được rồi, để xem nào.”

Cậu ta bật máy.

Chiếc máy rì rầm khe khẽ. Geller sẵn sàng rút dây khỏi ổ cắm bất kỳ lúc nào nhưng rồi lại mỉm cười. “Qua được trở ngại thứ nhất rồi,” cậu ta nói và thả dây ra. “Song, giờ chúng ta cần mật khẩu.”

Lukas lăm lăm, “Thế thì biết đến bao giờ?”

“Không, chỉ cần...” Geller nhắc nắp máy lên, thò tay vào bên trong và lôi ra một con chip nhỏ. Đột nhiên, màn hình báo cáo, Đang tải Windows 95. Geller nói, “từng ấy thời gian thôi.”

“Chỉ cần làm thế là cậu phá được mật khẩu à?”

“Ừ hử.” Geller mở chiếc cặp mang theo và lôi ra hộp đĩa mềm Zip màu xanh đậm. Cậu ta cắm nó vào một ổ trên máy và bắt đầu cài đặt. “Tôi sẽ tải ổ cứng của nghi phạm vào trong này.” Cậu ta thấy cả năm sáu cái đĩa Zip lên mặt bàn.

Điện thoại của Lukas reo vang. Cô trả lời, lắng nghe rồi nói, “Cảm ơn.” Cô tắt máy nhưng có vẻ không hài lòng. “Danh sách cuộc gọi từ điện thoại ở đây. Gã chỉ toàn gọi tới đường dây của dịch vụ trực tuyến. Không còn gì khác đi hay đến cả.”

Chết tiệt. Gã này thông minh thật, Parker trộm nghĩ. Đúng là một bậc thầy giải đố.

Ba con điều hầu cùng bắt mỗi gà của bác nông dân...

“Có gì đó trong phòng ngủ,” một giọng nói gọi với ra. Một đặc vụ mang gắng tay cao su bước vào phòng khách. Anh ta giơ lên tập giấy ghi chú màu vàng có chữ viết và dấu hiệu trên đó. Tim Parker đập nhanh vài nhịp ngay khi trông thấy nó.

Anh mở cặp rồi đeo găng tay của mình vào. Anh đỡ lấy tập giấy và đặt nó trên bàn cạnh Geller, kéo chiếc đèn lên phía trên nó. Dùng chiếc kính cầm tay nghiên cứu trang đầu tiên và lập tức để ý thấy nó là do nghi phạm viết, anh đã sẫm soi lá thư tổng tiền lâu đến mức có thể lập tức nhận ra chữ viết tay này, cứ như thể nó là của chính anh hay bọn Who vậy.

Giọt lệ quý trên chữ i thường...

Parker đọc lướt một lượt tờ giấy. Hầu hết chỉ là những nét chữ nguệch ngoạc. Với tư cách là một nhà giám định tài liệu, Parker Kincaid tin tưởng vào mối quan hệ về mặt tâm lý giữa trí óc và hai bàn tay: Tính cách con người không hề thể hiện ở cách ta viết từng con chữ (như môn đoán tướng chữ mà cô nàng Lukas có vẻ rất thích kia) mà là ở cốt lõi của những gì ta viết hay vẽ trong lúc không thực sự nghĩ ngợi gì cả. Chúng ta viết ghi chú thế nào, vẽ những hình thù nhỏ bé gì ở tờ giấy mỗi khi tâm trí ta đang mài miết ở nơi khác.

Parker đã trông thấy cả ngàn vạn hình thù trên các tài liệu anh từng nghiên cứu: dao, súng, đàn ông bị treo cổ, đàn bà bị đâm, các bộ phận sinh dục bị cắt, ma quỷ, răng nanh, các hình thù bằng gậy, máy bay, đôi mắt. Nhưng anh chưa bao giờ trông thấy thứ mà nghi phạm của họ đã vẽ ra ở đây: các mê cung.

Vậy thì gã đúng là một bậc thầy giải đố rồi.

Parker thử một hai cái. Hầu hết đều rất phức tạp. Còn có nhiều ghi chú khác trên giấy, nhưng anh cứ bị các mê cung này làm cho phân tâm, mắt anh bị hút về phía chúng. Anh cảm thấy một thôi thúc muốn giải quyết chúng. Đây là bản chất của Parker và anh không sao điều khiển được.

Anh cảm thấy có ai đó đến gần. Là Margaret Lukas. Cô đang nhìn chăm chăm vào tập giấy.

“Phức tạp quá nhỉ,” cô nói.

Parker nhìn lên cô, cảm thấy đùi cô chạm vào đùi mình. Các cơ bắp ở bắp đùi cô rất khỏe. Anh đoán cô là người hay chạy bộ. Mờng tượng cảnh cô mặc bộ đồ tập trong những buổi sáng Chủ nhật, mồ hôi nhễ nhại và mặt đỏ lựng đang bước qua ngưỡng cửa sau khi đã chạy gần năm cây số...

Anh quay lại với đám mê cung.

“Chắc gã phải tốn thời gian với đống này lắm,” cô nói và gật đầu về phía nó.

“Không,” Parker nói. “Mê cung rất khó giải nhưng lại là câu đố dễ tạo nhất. Cô phải vẽ lối ra trước, một khi đã xong thì chỉ việc thêm các lối đi giả hết lớp này đến lớp khác.”

Câu đố nào khi giải xong mà chả thấy dễ...

Cô lại liếc nhìn anh lần nữa rồi bỏ đi giúp đội khám nghiệm hiện trường cắt đôi tấm đệm để tìm thêm bằng chứng.

Y như cuộc đời, phải không nhỉ?

Mắt Parker quay lại với tập giấy vàng. Anh giờ trang đầu lên và ngay ở trang sau, anh phát hiện tờ ghi chú dày đặc, hàng trăm chữ viết bằng nét bút của tên nghi phạm. Ở phía cuối trang, anh thấy một cột chữ. Hai dòng đầu tiên là:

Bến tàu điện ngầm Dupont Circle, đầu cầu thang, chín giờ sáng.

Nhà hát George Mason, lô số 58, bốn giờ chiều

Lạy Chúa, anh nghĩ, cái này có ghi danh sách mục tiêu thật sự. Nó không phải là thứ đánh lạc hướng! Anh ngẩng đầu lên và gọi Cage, “Qua đây!”

Ngay lúc ấy, Lukas bước vào ngưỡng cửa và hét lên, “Tôi ngửi thấy mùi xăng! Xăng đầu. Nó từ đâu ra?”

Xăng à? Parker liếc sang Tobe, cậu ta đang cau mày. Phải rồi, anh chợt nhận ra đó chính là mùi cả hai đã ngửi thấy khi này.

“Ôi Chúa ơi.” Parker nhìn vào mấy chai đựng nước táo.

“Cage! Tobe! Tất cả mọi người ra ngoài!” Parker đứng bật dậy. “Mấy chai nước!”

Nhưng Geller lại liếc nhìn chúng và nói, “Không sao hết... Nhìn này: Làm gì có ngòi. Anh có thể...”

Rồi một loạt đạn chọt xuyên thùng cửa sổ, xé tan chiếc bàn thành những mảnh vụn gỗ, làm vỡ mọi chai lọ và vẩy tung tóe xăng lên khắp tường lẫn sàn nhà.

Chương 19

Một ngàn, một triệu viên đạn hữu hình.

Nhiều đạn hơn tất cả những gì Parker từng trông thấy trong suốt những tuần anh ở tại trại huấn luyện của Quantico.

Thủy tinh, gỗ, các mẫu kim loại bắn qua phòng khách.

Parker bò trên sàn nhà trong khi tập giấy quý giá vẫn nằm trên mặt bàn. Anh cố tóm lấy nó nhưng một loạt đạn đã găm xuống sàn ngay trước mặt anh, khiến anh phải lùi lại gần bức tường.

Lukas cùng Cage đã bò ra cửa trước và nằm trên hành lang, vũ khí lăm lăm, sẵn sàng tìm mục tiêu bên ngoài cửa sổ. Những tiếng thét, tiếng gọi hỗ trợ lẫn tiếng kêu cầu cứu vang lên. Tobe Geller đẩy người ra khỏi bàn nhưng chân ghế vấp phải mặt sàn lồi lõm, khiến cậu ta bị ngã ngửa ra sau. Màn hình máy tính nổ tung khi một loạt đạn bắn phải nó. Parker lại lao lên lấy tập giấy ghi chú nhưng phải thụt xuống ngay lập tức lúc luồng đạn lia vào tường, nhắm thẳng đến anh. Anh tránh được và nằm ép bụng trên sàn nhà.

Giống như khi này, anh lại nghĩ đến việc mình sợ bị thương ngang với sợ chết. Anh không thể chịu nổi ý nghĩ bọn Who phải nhìn thấy mình đau đớn nằm trong bệnh viện. Còn bản thân anh thì chẳng thể chăm sóc được chúng.

Có một khoảng ngừng bắn và Parker định ra chỗ Tobe Geller.

Nhưng đúng lúc ấy, Digger, kẻ đang đứng đầu đó bên ngoài, có thể là trên một mái nhà, đã hạ tầm ngắm và bắt đầu bắn về phía cái chảo kim loại đang để hoa quả. Bản thân nó cũng được đặt ở đó một cách có mục đích. Những viên đạn va đập vào kim loại, tạo tia lửa bén vào xăng. Với một tiếng nổ đĩnh tai, thứ chất lỏng nặng mùi đã bắt lửa.

Parker bị vụ nổ thổi bay ra hành lang. Anh nằm nghiêng bên cạnh Cage và Lukas.

“Không, Tobe!” Parker kêu lên, cố chui lại vào trong. Nhưng một lưỡi lửa đã chiếm trọn ngưỡng cửa và buộc anh phải lùi lại.

Họ ngồi xồm bên trong hành lang không cửa sổ. Lukas gọi điện bên này, Cage gọi bên kia. “... có thể là trên mái nhà! Chúng tôi không biết. Gọi Sở cứu hỏa D.C. ngay... Một đặc vụ đã bị thương. Hai người... Hẳn vẫn còn ngoài đó. Hẳn ở chỗ quái quỷ nào thế?”

Vậy mà tên Digger vẫn tiếp tục bắn.

“Tobe!” Parker lại hét.

“Có ai không!” Geller gọi. “Cứu tôi với.”

Parker thoáng trông thấy chàng trai trẻ ở bên kia ngọn lửa đang ngùn ngụt giận dữ. Cậu ta nằm cuộn tròn trên sàn nhà. Cản hộ cháy phừng phừng nhưng tên Digger vẫn tiếp tục bắn. Xả hết loạt đạn này đến loạt đạn khác từ khẩu súng kinh khủng của hắn vào phòng khách ngập lửa. Không bao lâu sau, Geller mất dạng. Có vẻ chiếc bàn đặt tập giấy màu vàng đã bị lửa nuốt trọn. Không, không! Các đầu mối dẫn tới địa điểm cuối cùng đang cháy thành tro bụi!

Nhiều giọng nói từ nơi nào đó vang lên:

“... hắn ở đâu?”

“... tiếp tục? Ở đâu? Ống giảm thanh và máy triệt sáng. Không thể tìm được hắn... Không nhìn được, không nhìn được!”

“Chết tiệt, hắn vẫn tiếp tục bắn! Người của ta bên ngoài cũng bị hạ rồi, Chúa ơi...”

“Tobel,” Cage gào lớn và cả ông cũng cố chạy trở vào nhà, nơi đang ngập ngụa trong ngọn lửa màu cam kết hợp với những đụn khói đen. Nhưng viên đặc vụ đã bị đẩy ngược lại trước sức nóng kinh hồn, và lại thêm một loạt những hố đen ngòm vì bị đạn găm vào trên bức tường gần chỗ họ.

Họ vẫn còn đang bị bắn.

“... cửa sổ kia... Không, thử một cái khác.”

Cage kêu lên, “Đưa xe cứu hỏa đến ngay! Tôi muốn chúng đến ngay!”

Lukas kêu, “Họ đang trên đường rồi!”

Chẳng bao lâu sau, âm thanh trao đổi đã bị chìm trong tiếng lửa gào rú.

Qua những tiếng ồn đó, họ chỉ có thể nhận ra giọng của Tobe Geller tội nghiệp. “Cứu tôi với! Làm ơn! Cứu tôi với. Mỗi lúc một yếu dần.

Lukas nỗ lực một lần cuối để vào trong nhưng mới đi được vài mét, một mảng trần cháy chợt sập xuống

và suýt nghiền nát cô. Cô gào lên và bật lùi lại, lảo đảo, ho sặc sụa vì khói, Parker giúp cô ra cửa trước ngay khi một cơn bão lửa tràn vào hành lang và không ngừng lao về phía họ.

“Tobe, Tobe...,” cô khóc trong lúc vẫn đang ho sặc sụa. “Cậu ấy đang hấp hối.”

“Chúng ta phải ra ngoài,” Cage hét. “Ngay bây giờ!”

Từng bước một, họ lần đường trở ra cửa.

Trong cơn hoảng loạn và thiếu oxy trầm trọng vì không khí bị đốt cháy, Parker chỉ không ngừng mong ước mình bị điếc để chẳng phải nghe được những tiếng kêu cứu trong căn hộ. Anh không ngừng ước mình bị mù để chẳng phải thấy sự mất mát và nỗi đau Digger đang mang tới cho họ, tất cả những con người tốt đẹp kia những người cũng có gia đình, có con cái giống như anh.

Nhưng Parker Kincaid không điếc, cũng chẳng mù và lại còn đang hiện diện ngay đây, trung tâm của sự việc kinh hoàng, trên tay phải là khẩu súng lục nhỏ, còn tay trái thì đang vòng quanh người Margaret Lukas khi anh giúp cô đi qua hành lang mù khói.

Nghe này Kincaid, anh đã sống cuộc sống trong Sesame Street suốt những năm vừa qua...

“... không có địa điểm... không thấy ánh sáng nào lóe lên... Lạy Chúa, cái gì đây...” Jerry Baker đang hét, hoặc có thể là ai đó khác

Tới gần ngưỡng cửa, Cage bị vấp ngã. Hoặc một người khác.

Một phút sau, Parker và hai đặc vụ lao xuống bậc thêm trước nhà, hòa vào bầu không khí buốt lạnh. Bất chấp những cơn ho xé phổi và tầm nhìn bị nhòa đi vì nước mắt, Cage và Lukas ngay lập tức vào vị trí thủ thế, giống như tất cả các đặc vụ ngoài này. Họ vuốt mắt và nhìn khắp lượt các mái nhà, tìm kiếm mục tiêu. Parker quỳ đằng sau một cái cây và bắt chước bọn họ.

Ngồi xổm bên cạnh chiếc xe chỉ huy, C.P. Ardell giơ cao khẩu M-16 sát vào bên má mình trong khi Len Hardy vùng vẫy khẩu súng lục nhỏ của anh ta. Đầu của viên thanh tra liên tục ngó từ sau ra trước, nỗi sợ và hoang mang in hằn trên mặt.

Lukas bắt gặp ánh mắt Jerry Baker và thì thầm hỏi, “Ở đâu? Hắn ở chỗ quái nào?”

Viên đặc vụ tác chiến ra hiệu về phía một con hẻm sau lưng họ rồi quay lại nói với chiếc bộ đàm của anh ta.

Cage đang nôn ọe vì chỗ khói ông đã trót nuốt vào.

Hai phút trôi qua mà không có tiếng súng nào.

Baker đang nói vào chiếc Motorola của mình, “Đội trưởng Năm mới số Hai... Đối tượng ở phía đông chúng ta, có vẻ như đang bắn từ trên cao xuống ở một góc nhỏ. Được rồi... Ở đâu?... Được rồi. Cần thận nhé!” Anh ta không nói gì trong một lúc lâu, đôi mắt dõi theo các tòa nhà gần đấy. Rồi anh ta nghiêng đầu khi ai đó liên lạc lại qua bộ đàm. Baker lắng nghe và nói, “Họ chết rồi à? Trời ơi... Hắn lại thoát?”

Sau đó Baker đứng dậy, gài súng vào bao và đi qua chỗ Cage đang đứng lau mồm bằng khăn giấy Kleenex. “Hắn vào trong tòa nhà sau lưng chúng ta. Giết hai vợ chồng sống ở tầng trên rồi biến mất cuối con hẻm kia. Thoát rồi. Không ai kịp trông thấy hắn.”

Parker liếc về phía trạm chỉ huy di động và thấy John Evans bên cửa sổ. Vị tiến sĩ đang nhìn vào cảnh tượng u ám với biểu hiện tò mò trên mặt: Cách mà một đứa trẻ vẫn nhìn các con vật bị chết, vô cảm và tê liệt. Có thể ông ta là chuyên gia trên lý thuyết về các tội ác bạo lực, nhưng ông ta chưa bao giờ trực tiếp chứng kiến nó được áp dụng trên thực tế.

Rồi anh nhìn trở lại ngôi nhà giờ đây đã chìm trong biển lửa. Không ai có thể thoát khỏi hỏa ngục ấy. Ôi, Tobe...

Tiếng còi xe cứu hỏa chọt xé toang đêm tối. Anh có thể trông thấy đèn hiệu nhấp nháy ở cả hai đầu con phố khi xe cứu hỏa tiến lại gần hơn. Giờ này, tất cả bằng chứng cũng đã biến mất rồi. Quý thật, nó đã nằm trong tay anh! Tập giấy ghi chú với các địa điểm tiếp theo đã ở đó. Tại sao anh không để mắt đến nó sớm hơn mười giây cơ chứ? Tại sao anh lại phí hoài những giây quý giá ấy để nhìn vào mê cung? Một lần nữa, Parker cảm thấy rằng dường như chính tài liệu mới thật là kẻ thù và nó đã cố tình đánh lạc hướng anh để cho Digger thời gian tấn công họ. Quý thật. Nếu mà anh...

“Này,” ai đó kêu. “Này, ở đây! Cần trợ giúp.”

Parker, Lukas và Cage quay sang viên đặc vụ mặc áo khoác của FBI. Anh ta đang chạy xuống con hẻm hẹp bên cạnh tòa nhà song lập đang bốc cháy.

“Có ai đó ở đây,” viên đặc vụ ấy kêu lên.

Một thân hình nằm nghiêng trên mặt đất, bao quanh là làn khói xanh lam.

Parker tưởng người ấy đã chết. Nhưng đột nhiên, cậu ta ngẩng đầu lên và kêu, “Dập đi,” bằng giọng thì thào khản đặc. “Chết tiệt, dập đi!”

Parker lau nước mắt trên mặt.

Người nằm đó là Tobe Geller.

“Dập đi!” Cậu ta lại kêu và giọng đã vụn ra trong một tràng ho khan.

“Tobe!” Lukas lao về phía cậu ta, Parker chạy ngay bên cạnh.

Chắc hẳn chàng đặc vụ đã nhảy qua ngọn lửa để lao ra ngoài cửa sổ. Cậu ta nằm ngay trong tầm bắn của Digger khi ở ngoài ngõ, nhưng có lẽ tên sát nhân đã không trông thấy cậu ta. Hoặc hẳn không buồn bắn một kẻ rõ ràng đã bị thương nghiêm trọng.

Người của đội y tế lao về phía cậu ta và hỏi, “Anh đau ở đâu? Có bị trúng đạn không?”

Nhưng tất cả những gì Geller nói được chỉ là tiếng kêu điên dại. “Dập đi, dập lửa đi!”

“Chắc chắn rồi, con trai. Xe cứu hỏa đây rồi. Họ dập tắt ngay ấy mà.” Nhân viên y tế ngồi xuống. “Nhưng chúng ta phải đưa cậu...”

“Không, chết tiệt!” Geller đẩy nhân viên y tế sang bên với sức mạnh đáng ngạc nhiên và nhìn thẳng vào Parker. “Tập giấy! Dập lửa đi!” Cậu ta đang chỉ về phía một đốm lửa nhỏ gần chân mình. Đó là thứ mà chàng đặc vụ đang cố gào thét, chứ không phải ngôi nhà.

Parker liếc mắt sang. Anh trông thấy cái mê cung phức tạp của tên nghi phạm đang bốc cháy.

Nó chính là tập giấy ghi chú. Bằng một quyết định chớp nhoáng, Tobe Geller đã bỏ qua những chiếc đĩa máy tính của mình mà tóm lấy tập giấy của tên nghi phạm.

Nhưng giờ nó đang bốc cháy, trang giấy có ghi chép trên đó đang cuộn dần thành đám tro đen. Parker kéo áo khoác của mình ra và cẩn thận đặt nó lên trên tập giấy để dập lửa.

“Cẩn thận!” Ai đó kêu. Parker ngẩng đầu lên đúng lúc một miếng ván cháy dở to tướng lao xuống đất cách anh một mét. Một đám mây tàn lửa màu cam cuộn lên. Parker lờ tịt chúng đi và cẩn thận nhấc áo ra khỏi tập giấy, chăm chú xem xét thiệt hại.

Lửa đã bắt đầu lan khắp bức tường phía sau họ. Toàn bộ ngôi nhà như đang chìm xuống và trượt nghiêng.

Nhân viên y tế nói, “Chúng ta phải rời khỏi đây.” Ông ta vẫy người đồng sự mang cáng đến. Họ đặt Geller lên trên và nhanh chóng mang cậu ta đi, vừa chạy vừa tránh gạch rơi xuống.

“Chúng ta phải lùi lại thôi!” Một người đàn ông mặc đồng phục cứu hỏa màu đen hét lên. “Sắp mất bức tường rồi! Nó sẽ đổ ụp lên đầu các bạn!”

“Một phút thôi,” Parker trả lời. Anh liếc sang Lukas. “Ra khỏi đây đi!”

“Anh không thể ở lại, Parker.”

“Tro này quá mỏng manh! Tôi không thể di chuyển nó được.” Nhấc tập giấy lên sẽ làm đồng tro tan thành bột và họ sẽ mất mọi dấu vết có thể phục hồi lại được từ nó. Anh nghĩ đến chiếc cặp táp bên trong căn hộ mà giờ đây đã bị hủy hoại, và chai parylene trong đó, đáng lẽ ra anh có thể dùng nó để làm đông cứng lớp giấy đã bị cháy và bảo vệ nó. Nhưng giờ, anh chỉ có thể cẩn thận che chắn cho lớp tro và hy vọng tập hợp lại được trong phòng thí nghiệm. Một cái máng nước rơi từ trên mái nhà cắm thẳng xuống đất, bị chống ngược lên và chỉ cách anh có vài phân.

“Nào anh kia!” Lính cứu hỏa hét lên.

“Parker!” Lukas lại gọi. “Nhanh lên!” Cô đã lùi lại vài mét nhưng vẫn đứng nhìn anh chăm chăm.

Parker có một ý tưởng. Anh chạy sang căn nhà song lập bên cạnh, giật mở cửa sổ chống bão và đá vỡ cửa kính. Anh nhặt lên bốn mảnh kính lớn. Trờ lại với tập giấy đang nằm trên mặt đất như một thương binh rồi quỳ xuống. Anh cẩn thận kẹp hai trang giấy cháy xém, những trang duy nhất có chữ viết, giữa các mảnh kính. Đây chính là cách mà các nhà giám định tài liệu ở Cục dùng để bảo vệ các bản mẫu được gửi đến cho họ phân tích trước khi người ta phát minh ra loại bìa nhựa mỏng.

Từng khúc gỗ cháy rơi rớt xung quanh anh. Anh cảm thấy nước đổ xuống người khi các lính cứu hỏa xịt vòi rồng vào đám lửa phía trên.

“Ngừng ngay!” Anh hét lên với họ và vẫy vẫy tay. Lo ngại nước sẽ làm chút bằng chứng quý giá bị hư hại thêm nữa.

Không ai buồn chú ý đến anh.

“Parker,” Lukas hét. “Ra ngay! Tường sắp sụp rồi!”

Thêm nhiều mảnh ván nữa rơi xuống đất. Nhưng Parker vẫn quỳ nguyên si và cẩn thận kẹp từng mẫu tro vào giữa hai lớp kính.

Và thế là, trong lúc dầm gỗ, gạch đá lẫn ống máng đổ rục rơi quanh mình, Parker từ từ đứng dậy, vẫn ôm khư khư các mảnh kính vỡ trước mặt và ra khỏi ngọn lửa, người thẳng đơ với từng bước nhẹ nhàng, cứ như một người phục vụ đang mang khay rượu trong bữa tiệc tối sang trọng nào đó.

* * * * *

Thêm một bức ảnh nữa.

Tách.

Henry Czisman đứng trong con hẻm phía bên kia tòa nhà đang bốc cháy. Từng bùng lửa nhàn nhả bay lên trời như pháo hoa, nếu nhìn từ cách đó vài cây số.

Việc này quan trọng biết bao nhiêu. Ghi lại sự kiện ấy.

Bi kịch xảy ra quá nhanh, chỉ trong thoáng chốc. Nhưng nỗi đau thì không. Nỗi đau kéo dài mãi mãi.

Tách.

Anh ta chụp thêm một tấm bằng chiếc máy ảnh kỹ thuật số.

Một cảnh sát đang nằm trên mặt đất. Có thể đã chết, có thể bị thương.

Hoặc đang giả chết, khi Digger xuất hiện, người ta sẽ phải làm bất kỳ việc gì cần thiết để có thể sống sót. Họ phải dẹp hết dững khí sang một bên mà chui lủi cho đến khi đủ an toàn để đứng dậy. Henry Czisman đã từng chứng kiến tất cả những chuyện đó.

Ảnh: Tường của tòa nhà song lập đổ xuống trong một vụ nổ lớn làm bốc lên đám tàn lửa tuyệt đẹp.

Ảnh: Một nữ cảnh sát máu chảy đầm đìa ở phần mặt bên trái.

Ảnh: Ánh lửa nhảy múa trên lớp crom bên ngoài xe cứu hỏa.

Tách, tách, tách. Anh ta không chụp đủ số ảnh cần thiết. Anh ta tha thiết mong ghi lại mọi chi tiết của tấm thảm kịch này.

Anh ta nhìn lên phố và thấy vài đặc vụ đang nói chuyện với người qua đường.

Sao phải thế? Anh ta nghĩ. Digger đến rồi lại đi ấy mà.

Anh ta biết bản thân mình cũng nên đi. Chắc chắn không được để ai thấy anh ta đã ở đây. Vì vậy, anh ta bắt đầu thả máy ảnh vào túi áo. Nhưng rồi anh ta nhìn trở lại tòa nhà đang cháy dở và thấy điều gì đó.

Đúng rồi, đúng rồi. Tôi muốn cái đó. Tôi cần cái đó.

Anh ta giờ máy lên và ngắm, rồi bấm nút chụp.

Ảnh: Một người đàn ông tự xưng là Jefferson, dù đó không phải tên anh ta, người mà lúc này đã dẫn rất sâu vào vụ án, đang đặt cái gì đó lên nắp capô của một chiếc xe rồi cúi người đọc nó. Một cuốn sách? Một cuốn tạp chí? Không, nó lấp lánh như một tấm kính vậy. Tất cả những gì bạn thấy được trong ảnh sẽ là sự tập trung cao độ của người đàn ông này khi anh ta cuốn chiếc áo khoác da quanh miếng kính, cứ như một người cha đang ôm ấp đứa con mới lọt lòng trước khi bước chân ra ngoài trời đêm buốt giá vậy.

Tách.

* * * * *

Vậy là, bảo vệ ngài thị trường.

Đồng thời không ném đá Cục điều tra.

Phát thanh viên Slade Phillips đang ngồi trong một quán cà phê ở Dupont Circle. Gần đó vẫn còn khoảng mấy chục chiếc xe cấp cứu đỗ lại, đèn hiệu loang loáng trong màn đêm xám xịt. Dải băng vàng của cảnh sát thì giăng khắp mọi nơi.

Phillips đã trưng tấm thẻ phóng viên của mình ra để qua được rào cản. Anh ta bị chấn động khủng khiếp vì những gì nhìn thấy ở chân cầu thang máy. Các vũng máu vẫn đang khô dần. Chút xương và tóc còn vương lại. Anh ta...

“Xin lỗi?” Một giọng phụ nữ hỏi. “Anh là Slade Phillips phải không. Đài WPLT.”

Phát thanh viên sẽ mãi mãi phải chịu bị gắn liền với cả hai cái tên ấy. Không ai từng gọi họ là ngài hay anh. Anh ta ngược lên từ cốc cà phê của mình và nhìn người phụ nữ tóc vàng trông có vẻ là lời. Cô ta muốn được ký tặng. Anh ký cho cô ta.

“Anh tốt quá,” cô ta nói.

“Cảm ơn cô.”

Đi chỗ khác mau.

“Tôi cũng muốn ngày nào đó được lên truyền hình.”

“Tốt cho cô.”

Đi mau.

Cô ta đứng thêm một lát nhưng vì anh không bảo cô ta ngồi cùng nên cô ta lại lộc cộc bỏ đi trên đôi giày cao gót, dáng điệu làm Phillips nhớ tới loài linh dương.

Hộp một ngum cà phê đã lọc bỏ cafein. Cảnh tượng tàn sát ở Metro, anh ta không thể gạt bỏ nó ra khỏi đầu mình. Chúa ơi... Máu ở khắp mọi nơi. Những chỗ sứt mẻ trên nền gạch và vết lõm trên kim loại... Thịt và xương vụn.

Và giày dép.

Mấy đôi giày vấy máu nằm ở chân cầu thang cuốn. Vì lý do gì đấy, hình ảnh ấy mới là đáng sợ nhất.

Đây chính là kiểu câu chuyện khiến cả đám phóng viên thêm nhỏ dãi trong những trái tim đầy tham vọng của họ.

Anh là phóng viên cơ mà, đi làm phóng sự thôi.

Thế nhưng Phillips không hề cảm thấy muốn nhắm vào các tội ác. Bạo lực khiến anh ta ghê tởm. Tâm trí bệnh hoạn của bọn giết người làm anh ta sợ hãi. Và anh ta nghĩ: Chờ đã. Tôi có phải phóng viên đâu. Anh ta ước gì mình đã nói điều đó với tên ngạo mạn Wendell Jefferies kia. Tôi là người làm nghề giải trí. Tôi là một ngôi sao truyền hình. Tôi là người nổi tiếng đó chứ.

Nhưng anh ta đã lún quá sâu vào túi tiền của Jefferies để có được sự vô tư ấy.

Thế là anh ta sắp phải làm như mình đã được bảo.

Anh ta tự hỏi liệu Thị trưởng Jerry Kennedy có biết gì về cuộc mặc cả của anh ta với Jefferies không. Có thể là không. Kennedy là một gã ngay thẳng chết tiệt. Tốt hơn tất cả những gã thị trưởng khác cộng lại. Bởi vì dù Slade Phillips không phải một Tom Brokaw hay Peter Amett, ít nhất anh ta cũng hiểu rõ con người. Anh ta biết rằng Kennedy thực sự muốn cứu vãn thành phố nhiều nhất có thể trong khả năng của mình, trước khi đám cử tri ném ông ra ngoài. Mà chuyện đó thì chẳng có gì phải nghi ngờ trong kỳ bầu cử tiếp theo.

Lại còn cái Dự án 2000 của ông ta nữa chứ... Trời ạ, cần phải dùng cảm biết mấy mới dám đánh thêm thuế đám công ty ở thủ đô ngoài những gì họ đã phải trả. Cả một vùng lầy ở đó. Đã vậy, ông ta còn làm như mình là Đại Phán Quan trong vụ bê bối xây dựng trường học. Người ta đồn rằng ông ta muốn trả tiền cho gã chỉ điểm Gary Moss kia, một khoản phụ cấp lấy từ ngân khố Đặc khu, để đền đáp việc gã đã dám đứng lên mạo hiểm cuộc sống của mình để làm chứng (tất nhiên khoản này đã bị Nghị sĩ Lanier từ chối phê duyệt). Người ta cũng đồn rằng Kennedy sẽ kiên quyết xử lý tất cả những kẻ dính dáng đến vụ tham nhũng, bao gồm cả những ông bạn lâu năm.

Thế nên, Phillips có thể hợp lý hóa việc giải tỏa bớt sức nóng khỏi văn phòng của Kennedy. Đó là vì một mục đích tốt đẹp hơn.

Thêm cả phê đã lọc. Đó là thứ mà Phillips đã chủ yếu sống nhờ sau khi bị thuyết phục rằng cả phê thật sẽ ảnh hưởng đến giọng nam trung tuyệt vời của mình.

Anh ta nhìn ra ngoài cửa sổ và trông thấy người mình đang chờ Một gã nhỏ bé, mảnh khảnh. Gã là nhân viên trong trụ sở của Cục điều tra mà Phillips đã bỏ đờ suốt cả năm qua. Gã là một trong những “nguồn tin muốn ẩn danh” mà bạn vẫn thường nghe nói, những nguồn tin có mối quan hệ không chắc chắn với sự trung thực. Nhưng thế thì có can hệ gì? Đây là báo hình và người ta phải biết đặt ra những tiêu chuẩn hơi khác.

Gã nhân viên liếc nhìn Phillips ngay khi bước vào quán cà phê. Cẩn trọng nhìn quanh như một tay gián điệp vụng về rồi cởi bỏ áo khoác ngoài để lộ bộ vest xám không hề vừa vặn.

Thực ra, gã này chỉ là văn thư, mặc dù gã đã kể với Phillips mình là kiểu “đương sự” (ôi làm ơn đi...) trong hầu hết “các quy trình ra quyết định quan trọng” trong Cục.

Kiều căng cho lắm vào, Phillips nghĩ. “Chào, Timothy.”

“Chúc mừng năm mới,” gã đàn ông nói khi ngồi xuống và trông y hệt một con bướm bị ghim vào tường.

“Phải, phải,” Phillips nói.

“Thế tối nay có gì ngon? Họ có món moussaka không? Tôi thích moussaka lắm.”

“Anh không có thời gian để ăn. Anh chỉ có thời gian để nói chuyện.”

“Một cốc gì thôi nhé?”

Phillips vẫy bồi bàn và gọi thêm cả phê lọc cho anh ta cùng cả phê thường cho Timothy.

“À... Trông gã thất vọng hết sức. “Ý tôi là bia cơ.”

Phát thanh viên vươn người tới. Thì thầm, “Gã điên kia. Tên xạ thủ ở Metro ấy. Có chuyện gì đang xảy ra vậy?”

“Bọn họ chả biết gì mấy. Lạ lắm! Có người nói đó là khủng bố. Có người lại nói là do nhóm quân sự cánh hữu làm. Vài người lại nghĩ nó chỉ là âm mưu tổng tiền thuần túy. Chẳng ai chịu ai cả.”

“Tôi cần một tâm điểm,” Phillips nói.

“Tâm điểm? Ý anh là ‘tâm điểm’ gì?” Timothy liếc sang chiếc bàn bên cạnh, nơi một người đàn ông đang ăn món moussaka.

“Kennedy đang phải hứng búa rìu dư luận. Như thế là không công bằng!”

“Thế quái nào mà lại không cơ chứ? Lão là đồ ngốc.”

Phát thanh viên đâu có đến đây để tranh luận về thực tài của ngài thị trưởng. Cho dù lịch sử có nói gì về thời kỳ cầm quyền của Gerald D. Kennedy đi chăng nữa, Slade Phillips cũng đã được trả hai trăm ngàn đô la để gợi ý với cả thế giới rằng ông ta không phải đồ ngốc. Vì vậy anh ta nói tiếp, “Cục đang xử lý vụ việc thế nào?”

“Đây là một ca khó,” Timothy nói, gã hết sức mong mỏi được làm đặc vụ FBI nhưng số mệnh đã định sẵn, đời gã sẽ chẳng bao giờ đạt được kỳ vọng gì. “Họ đang làm hết sức có thể. Họ đã tìm được nơi trú ẩn của thủ phạm. Anh nghe chưa?”

“Nghe rồi. Tôi cũng nghe nói hần đã chốt chặt ngã ấy và bắn các anh tan tác.”

“Trước đây chúng tôi chưa từng phải đối đầu với thể loại này.”

Chúng tôi?

Phillips gật đầu cảm thông. “Nghe này, tôi đang cố giúp các anh thoát ra. Tôi không muốn lái câu chuyện theo định hướng của nhà đài. Đó là lý do vì sao tôi muốn nói chuyện với anh tối nay.”

Đôi mắt cún con của Timothy sáng lên và gã hỏi, “Câu chuyện nào? Họ định hướng trước à?”

“Đúng vậy,” Phillips nói.

“Như thế nào?” Timothy hỏi. “Câu chuyện gì?”

“Tình huống xử lý tôi ở Nhà hát Mason.”

“Tình huống nào? Họ đã ngăn được hần. Gần như chẳng có ai bị giã.”

“Không, không,” Phillips nói. “Vấn đề là đáng lẽ ra họ đã bắt được xạ thủ. Nhưng họ lại để hần chạy mất.”

“Cục đã không làm hỏng việc,” Timothy lên tiếng biện minh. “Đó là một hoạt động tác chiến rất phức tạp. Loại khó điều khiển kinh khủng.”

Hoạt động tác chiến phức tạp. Phillips biết gã đang nói gì. Anh ta cũng biết rằng rất có thể Timothy học được cụm từ ấy không phải từ trụ sở FBI mà từ một cuốn tiểu thuyết của Tom Clancy.

“Đúng. Nhưng thêm vào các lời đồn đại khác thì...”

“Lời đồn nào?”

“Rằng Kennedy muốn trả tiền cho thủ phạm nhưng Cục lại muốn giăng bẫy như thế nào đó. Chỉ có điều họ đã làm rối tung cả lên và tên xạ thủ phát hiện ra, giờ hần chỉ muốn giết người để trừ người họ.”

“Vớ vẩn.”

“Tôi không nói...,” Phillips mở lời.

“Thật không công bằng,” Timothy gần như là rên rỉ. “Ý tôi là, chúng tôi đã rải đặc vụ ra khắp cả thành phố trong khi đáng lẽ họ phải ở nhà cùng gia đình mình. Hôm nay là ngày lễ. Tôi đã phải ngồi nhận fax cho người khác suốt cả đêm...” Giọng gã trượt đi khi chợt nhận ra bức màn che giấu thân phận thật sự của mình ở FBI vừa mới bị hé mở.

Phillips vội nói ngay, “Tôi không nói là tôi cũng nghĩ thế. Tôi chỉ nói đó là hướng câu chuyện nhà đài định theo đuổi. Tên khốn này giết người. Họ cần phải đổ trách nhiệm lên ai đó.”

“À thì...”

“Còn gì khác để tập trung vào không? Nơi nào đó không phải là Cục điều tra.”

“Ồ, hóa ra ý anh về ‘tâm điểm’ là thế.”

“Tôi đã nói là tâm điểm à?”

“Ừ, lúc này anh vừa mới nói... Thế còn cảnh sát Đặc khu thì sao? Họ có thể chính là nhân tố gây rắc rối.”

Phillips tự hỏi Wendell Jefferies sẽ chịu trả bao nhiêu tiền cho câu chuyện nói rằng cảnh sát Đặc khu, lực lượng chịu trách nhiệm trực tiếp dưới trướng Thị trưởng Kennedy, lại chính là nhân tố gây rắc rối.

“Nói tiếp đi. Tôi chả thấy ý vừa rồi có gì hay ho.”

Timothy nghĩ một lát. Rồi gã mỉm cười. “Chờ đã. Tôi có ý này.” “Có hay ho không?” Phillips hỏi.

“À, lúc ở trụ sở ấy, tôi đã nghe được một chuyện kỳ lạ...,” Timothy cau mày, giọng nhỏ đi.

Phát thanh viên liền nói, “Này, món moussaka kia trông ngon thật đấy. Hay là chúng ta gọi một ít?”

“Được thôi,” Timothy nói. “Và đúng là tôi đã nghĩ ra một ý rất hay ho đấy.”

Phần III

BỘN ĐIỀU HẬU

Nghiên cứu về sự khác nhau trong cách viết là đặc biệt quan trọng. Các đặc tính cần được xem xét tỉ mỉ. Các từ lặp lại cần được so sánh với nhau, các biến thể tự nhiên hay tính đồng nhất không tự nhiên cũng phải được chú ý.

– **Osborn và Osborn**
Các vấn đề trong Tài liệu nghi vấn

Chương 20

Thủ đô của thế giới tự do.

Trái tim của siêu cường quốc cuối cùng trên trái đất.

Thế mà Cage suýt thì làm gãy trục chiếc xe Crown Victoria công vụ của ông lần nữa, chỉ vì đâm phải một ổ gà khác.

“Cái thành phố chết tiệt này!” Ông lầm bầm.

“Cẩn thận nào,” Parker ra lệnh và gạt đầu về phía hai mảnh kính đã được quần cần thận, đang nằm trên đùi anh như một đứa trẻ sơ sinh. Anh đã ngo qua tập giấy vàng. Nhưng nó bị thiệt hại nặng đến mức chẳng thể tìm được chút manh mối nào chỉ dẫn tới mục tiêu thứ ba và thứ tư. Anh sẽ phải phân tích chúng trong phòng thí nghiệm.

Vượt qua vỉa hè nát bươm, đi dưới những ngọn đèn đường đã bị cháy từ nhiều tháng trước nhưng chẳng bao giờ được thay, lướt ngang những cái hồ từng có thời trồng cột chỉ đường, song từ lâu đã bị đánh cắp hay húc đổ.

Thêm nhiều ổ gà nữa.

“Tôi không biết sao mình lại sống ở đây nữa.” Cage nhún vai.

Đặc vụ Cage, cùng Parker và Tiến sĩ John Evans, đang vội vã quay về trụ sở qua những con đường tối mịt của Đặc khu Columbia.

“Lại còn tuyết nữa chứ, chúng ta thê thảm rồi,” ông nói thêm.

Việc dọn tuyết cũng không phải là thế mạnh của Đặc khu và chỉ một trận bão tuyết có thể sẽ làm hỏng mọi nỗ lực chiến thuật của Jerry Baker nếu họ tìm được chỗ trốn của Digger hay địa điểm bị tấn công tiếp theo.

Evans đang nói chuyện điện thoại, rõ ràng là với gia đình ông ta. Giọng ông ta ngân nga như đang nói với trẻ con, nhưng từ những câu thoại một chiều thì có vẻ chính vợ ông mới đang ở đầu dây bên kia. Parker nghĩ thật kỳ lạ vì nhà tâm lý học lại nói chuyện với một người lớn khác theo cách đó. Nhưng anh là ai mà có quyền nói về các mối quan hệ nào? Mỗi khi Joan say xỉn hay làm mình làm mẩy, Parker cũng thường đối xử với cô ta như với một đứa trẻ mười tuổi.

Cage cũng lôi điện thoại của mình ra và gọi đến bệnh viện. Ông hỏi về tình trạng của Geller.

Sau khi cúp máy, ông nói với Parker, “Anh chàng may mắn. Chỉ bị hít phải khói và bong gân vì lao ra ngoài cửa sổ thôi. Không có gì nghiêm trọng. Họ sẽ giữ cậu ta lại qua đêm. Nhưng chỉ để đề phòng.”

“Nên cấp bằng khen cho cậu ấy,” Parker gợi ý.

“Có chứ. Yên tâm đi.”

Bản thân Parker cũng bị ho. Hơi cay của khói khiến người ta buồn nôn.

Họ đi tiếp khoảng sáu dãy nhà nữa trước khi Cage hỏi Parker, “Thế nào.”

“Thế nào,” Parker lặp lại. Rồi hỏi, “Ý ông là gì?”

“Ôi dào, anh có khoảng thời gian thú vị chứ hả?” Viên đặc vụ nói và vỗ vào tay lái.

Parker lờ ông đi và nhét một mẫu giấy cháy nhỏ xíu xuống dưới mặt kính để bảo vệ những ghi chép của nghi phạm.

Cage phóng xe vòng qua một chiếc xe khác đang đi rất chậm. Một lát sau, ông hỏi, “Đời sống tình cảm của anh gần đây thế nào? Đang hẹn hò ai không?”

“Giờ thì không.”

Anh nhớ là đã chín tháng kể từ lần cuối anh thường xuyên hẹn hò với một người phụ nữ. Anh nhớ Lynne. Cô trẻ hơn anh mười tuổi, xinh đẹp, khỏe khoắn. Họ đã có nhiều kỷ niệm vui bên nhau: cùng đi bộ, ăn tối, đi chơi trong ngày tới Middleburg. Anh nhớ tính cách sôi nổi của cô, khiếu hài hước của cô (lần đầu tiên tới nhà anh, cô đã liếc thấy chữ ký của Franklin Delano Roosevelt và nói tỉnh như không, “Ôi em có nghe nói về ông này. Ông ta chính là người đã khởi nghiệp Franklin Mint^[6]. Em có bộ sưu tập dê của hãng này.” Nhưng bản năng làm mẹ của cô vẫn còn chưa trôi dạt dù cô đã gần ba mươi. Khi có bọn trẻ của anh, cô rất vui được đi cùng tới các viện bảo tàng hay rạp chiếu phim, nhưng Parker thấy rõ rằng những cam kết sâu đậm hơn với bọn Who, và với anh, sẽ nhanh chóng trở thành gánh nặng cho cô. Parker tin rằng tình yêu cũng giống như khiếu hài hước, chỉ đẹp khi đúng thời điểm. Rốt cuộc, hai người chia tay với thỏa thuận là vài năm tới, khi cô đã sẵn sàng có con, họ có thể cân nhắc thứ gì đó lâu dài hơn. (Tất nhiên, cả hai

đều biết rằng với tư cách tình nhân, họ đang chia tay nhau vĩnh viễn.)

Lúc này, Cage đang nói, “Ừ. Thế là anh cứ ngồi nhà thôi à?”

“Vâng,” Parker đáp. “Và sục đầu vào cát giống đả đấu Ozzie ấy.”

“Ai cơ?”

“Trong sách của bọn trẻ ấy mà!”

“Anh không có cảm giác là thế giới đang chuyển động quanh mình còn anh thì đang bỏ lỡ nhiều thứ khác?”

“Không, Cage, tôi không thấy vậy. Tôi có cảm giác bọn trẻ đang lớn dần và tôi chẳng hề bỏ lỡ điều ấy.”

“Việc đó quan trọng, ừ hử. Tôi có thể thấy là việc ấy tương đối quan trọng.”

“Rất quan trọng.”

Evans nói trên điện thoại rằng ông ta yêu vợ. Parker gạt những lời ấy ra khỏi đầu. Chúng làm anh chán nản.

“Anh nghĩ sao về Lukas?” Cuối cùng Cage hỏi.

“Tôi nghĩ sao à? Cô ấy giỏi. Sẽ leo cao. Có khi còn là bậc cao nhất. Nếu trước đó, cô ấy chưa bị nổ trong.”

“Nổ tung ấy à?”

“Không, nổ trong. Như bóng đèn ấy.”

“Nghe hay đấy.” Cage cười. “Nhưng ý tôi hỏi không phải thế. Anh nghĩ gì về cô ấy với tư cách là một người phụ nữ?”

Parker lại ho. Anh rùng mình khi nhớ lại những viên đạn và ngọn lửa. “Ông đang cố gán ghép Lukas và tôi đấy à?”

“Tất nhiên là không.” Rồi, “Tôi chỉ ước gì cô ấy có thêm bạn. Tôi quên mất rằng anh cũng khá vui tính. Hai người có thể hẹn hò một chút.”

“Cage...”

“Cô ấy chưa kết hôn. Chưa có bạn trai. Và tôi không biết anh có để ý không,” viên đặc vụ tình quái nhận xét, “nhưng cô ấy rất ưa nhìn. Anh không nghĩ vậy à?”

Chắc chắn rồi, tôi có nghĩ chứ. Đối với một nữ cảnh sát, thì đúng là như vậy. Tất nhiên, Parker bị cô hấp dẫn, và không chỉ bởi vẻ ngoài của cô. Anh nhớ lại cái nhìn đặc biệt trong mắt cô khi cô theo dõi Robby chạy lên cầu thang lúc đầu giờ chiều. Con đường tối trải tim của một người đàn ông là thông qua lũ trẻ của anh ta...

Nhưng anh lại nói với Cage, “Cô ấy chẳng chờ nổi đến lúc vụ này kết thúc để khỏi phải thấy tôi nữa ấy chứ.”

“Anh nghĩ thế à?” Ông hỏi, nhưng lần này không còn vẻ hoài nghi nữa.

“Ông nghe cô ấy nói rồi đấy, về chuyện sủng của tôi.”

“Trời ạ, cô ấy chỉ không muốn trả anh về với lũ trẻ trong đồng băng quần mỏng thôi.”

“Không chỉ có vậy đâu. Tôi đang làm phật ý cô ấy và cô ấy không thích thế. Nhưng tôi muốn cho cô ấy biết: Tôi sẽ còn tiếp tục làm vậy nếu tôi nghĩ mình đúng.”

“Đấy thấy chưa.”

“Ý ông là sao?”

“Cô ấy cũng đã nói y hệt thế. Hai người đúng là một cặp...”

“Cage, thôi đi.”

“Nghe này, mục tiêu duy nhất của Margaret là tóm cổ thủ phạm. Cô ấy tự tôn vô cùng, chắc chắn rồi, nhưng đó là kiểu tự tôn tích cực. Cô ấy là điều tra viên tốt thứ nhì mà tôi từng biết.” Parker lờ đi cái liếc mắt đi kèm câu nói trên. Cage nghĩ thêm một phút. “Anh biết điểm tốt của Lukas là gì không? Cô ấy tự chăm sóc bản thân mình.”

“Ý ông là sao?”

“Để tôi kể cho anh nghe. Vài tháng trước, nhà cô ấy đã bị đột nhập.”

“Cô ấy sống ở đâu?”

“Georgetown.”

“Phải, chuyện ấy hay xảy ra ở đó,” Parker nói. Dù anh rất thích Đặc khu nhưng lại không bao giờ sống ở khu vực đấy, nhất là cùng với bọn trẻ. Tình trạng tội phạm rất kinh khủng.

Cage nói tiếp, “Cô ấy từ văn phòng về nhà thì thấy cửa bị bẻ khóa. Hình dung ra chưa? Con chó của cô ấy thì ở sân sau và...”

“Cô ấy nuôi chó à? Loại nào?”

“Tôi không biết? Làm sao tôi biết được? Loại chó to, lông đen.”

“Để tôi nói nốt. Sau khi đã chắc chắn rằng con chó không sao, thay vì gọi điện báo cảnh sát, cô ấy trở lại chỗ xe của mình, mặc áo chống đạn rồi lấy khẩu MP-5 ra và tự mình lục soát căn nhà.”

Parker cười phá lên. Hình ảnh một cô gái tóc vàng mảnh mai, quyến rũ đi khắp nhà với khẩu súng laze

lầm lẩm trong tay nghe có vẻ thật lỗ bịch. Nhưng vì lý do gì đó, nó hoàn toàn bình thường với Lukas. “Vẫn không hiểu ý ông, Cage.”

“Chẳng có ý gì cả. Tôi chỉ đang nói rằng Lukas không cần bất kỳ ai chăm sóc cho cô ấy. Anh biết đấy Parker, đàn ông và đàn bà đến với nhau theo cách đó là tốt nhất, không phải sao? Chẳng ai phải chăm sóc cho ai? Đây là quy tắc. Ghi lại đi.”

Parker cho rằng viên đặc vụ đang ám chỉ đến Joan. Cage đã trông thấy Parker và Joan đi cùng nhau vài lần. Đúng thật, Parker bị hút về phía vợ cũ của mình vì cô ta luôn tìm kiếm người chăm sóc cho cô ta, và một Parker vừa mất bố mẹ hồi họ mới quen biết thì đang tha thiết mong được chăm lo cho ai đó. Parker nhớ lại mấy giờ đồng hồ trước, Lukas đang phân bổ lính tới Gravesend. Có lẽ đó chính là điều khiến anh rung động nhất khi lắng nghe lời lẽ của cô: không phải ở sự chuyên nghiệp mà là tính độc lập của cô.

Họ ngồi im lặng trong giây lát.

“MP-5 à?” Parker hỏi và dường như ra khẩu súng máy nặng nề màu đen của Heckler & Koch.

“Phải. Còn nói là cô ấy chỉ lo lỡ phải nổ súng thì sẽ làm hỏng mất mấy đồ trang trí trên tường nhà mình. Cô ấy còn may vá nữa cơ. Làm ra mấy cái chăn anh không tin nổi đâu.”

“Cái đó ông kể rồi. Thế còn thủ phạm, cô ấy tóm được chứ?”

“Không. Hắn bị tóm trước rồi.”

Parker nhớ lại cơn giận của cô ở Gravesend. Anh hỏi Cage “Thế ông nghĩ trong trường hợp của tôi, sao cô ấy lại thế?”

Một lát sau, viên đặc vụ trả lời, “Có lẽ cô ấy ghen tị với anh.”

“Ghen tị? Ý ông là sao?”

Nhưng ông không trả lời. “Tôi không có tư cách để nói. Chỉ cần anh nhớ lấy điều đó và khi nào bị cô ấy chỉ trích thì nên bỏ qua.”

“Ông nói vớ vẩn gì vậy, Cage. Cô ấy mà ghen tị với tôi?”

“Cứ xem nó như mấy câu đố của anh ấy. Hoặc anh tự tìm ra câu trả lời hoặc cô ấy sẽ nói với anh. Tùy cô ấy thôi. Nhưng tôi chẳng cho anh manh mối nào đâu.”

“Sao tôi lại muốn biết câu trả lời về Margaret Lukas nhỉ?”

Nhưng Cage chỉ lao xe qua một ổ gà đặc biệt to khác mà chẳng nói gì thêm.

Evans tắt điện thoại, rút cho mình một cốc cà phê nữa từ bình ủ. Chắc nó phải chứa đến một lít rượu cà phê mất. Lần này, Parker nhận cốc được mời và uống mấy ngụm liền loại cà phê đậm đặc ấy.

“Gia đình ông thế nào?” Parker hỏi ông ta.

“Tôi nợ bọn trẻ một món to đùng,” nhà tâm lý học cười rầu rĩ.

“Ông có mấy đứa con?”

“Hai.”

“Tôi cũng vậy,” Parker nói. “Mấy tuổi rồi?”

“Đang thiếu niên cả. Khó khăn lắm!” Ông ta không đi vào chi tiết và có vẻ cũng chẳng muốn nói thêm. Rồi ông ta hỏi, “Còn anh?”

“Một đứa tám, một đứa chín tuổi.”

“À, anh vẫn còn có vài năm yên bình và tĩnh lặng.”

Cage nói, “Cháu chất là tuyệt vời nhất. Cứ tin tôi đi. Các anh chơi với chúng, làm chúng bắn bê bắn bết, cho chúng đánh đồ kem đầy người, chiều chuộng chúng như điên rồi trả chúng về với bố mẹ. Còn các anh thì chỉ việc đi uống bia và xem bóng đá. Thấy có tuyệt không hả?”

Họ lại lái xe trong im lặng trước khi Evans hỏi, “Tai nạn xảy ra với con trai anh mà anh từng nói? Chuyện gì xảy ra thế?”

“Ông có nghe nói về *Người chèo thuyền* bao giờ chưa?” Parker hỏi.

Cage thận trọng nhìn Parker, rồi lại nhìn đường.

Evans nói, “Có nhớ đã đọc trên báo... Nhưng tôi không chắc lắm.”

Parker rất ngạc nhiên; tên sát nhân đã được phơi trên mặt báo nhiều tháng trời. Có lẽ vị bác sĩ này mới đến chẳng. “Hắn là tội phạm giết người hàng loạt ở Bắc Virginia, Nam Maryland. Từ bốn năm trước. Hắn bắt cóc phụ nữ, cưỡng đoạt rồi giết cô ta và bỏ xác lại một cái xuồng hay thuyền nào đấy. Đôi lần là trên sông Potomac. Có lúc lại là Shenandoah. Khi thì là hồ Burke ở Fairfax. Chúng tôi có những đầu mối dẫn tới một kẻ sống ở Arlington nhưng không đủ làm bằng chứng. Cuối cùng, tôi đã tìm được mối liên hệ giữa hắn với một trong các vụ giết người nhờ mẫu chữ viết tay. Đội SWAT bắt được hắn. Hắn bị kết án nhưng trốn thoát trên đường đến nhà tù liên bang. Vào khoảng thời gian ấy, tôi đang ở giữa cuộc chiến giành quyền nuôi con với vợ cũ. Tòa đã giao cho tôi quyền giám hộ tạm thời. Bọn trẻ, người quản gia và tôi đang sống trong một ngôi nhà ở Falls Church. Rồi một đêm nọ, khoảng nửa đêm, Robby bắt đầu gào thét. Tôi lao vào phòng nó. Tên kia thì đang cố chui vào.”

Evans gật đầu, cau mày tập trung. Đôi mắt ông ta màu xanh nhạt và đang quan sát Parker rất kỹ.

Đến tận bây giờ, dù đã nhiều năm sau, trái tim Parker vẫn còn đập dữ dội khi nghĩ lại: không chỉ bởi

hình ảnh khuôn mặt chữ điền đờ đẫn đang nhìn qua cửa sổ phòng ngủ mà còn vì nỗi hoảng loạn vô bờ của con trai anh. Nước mắt rơi lã chã từ đôi mắt mở to của nó, hai bàn tay run rẩy của nó. Anh đã không kể cho Evans và Cage về năm phút, mà dường như kéo dài hàng giờ đồng hồ, sợ hãi và tuyệt vọng ấy: lửa lũ trẻ vào phòng bà quản gia, gác cửa trong lúc lắng nghe *Người chèo thuyền* đi khắp nhà.

Cuối cùng, khi cảnh sát hạt Farifax mãi không đến, anh đã phải bước ra hành lang với khẩu súng công vụ trong tay.

Anh nhận ra lúc này Evans càng quan sát anh kỹ hơn và cảm thấy mình như một bệnh nhân. Vị tiến sĩ đã nhận ra biểu cảm của Parker và nhìn đi chỗ khác. Ông ta hỏi, “Vậy anh đã bắn hử?”

“Phải. Tôi đã bắn.”

Khẩu súng nổ to quá! Parker nghĩ ngợi một cách điên cuồng trong lúc nổ súng, biết rằng tiếng nổ sẽ làm tăng thêm nỗi hoảng loạn của Robby và Stephanie.

Súng nổ to quá!

Khi Cage đỗ xe trước trụ sở, Evans đã nhét bình ử vào ba lô và đặt một bàn tay lên cánh tay Parker. Ông ta nhìn sâu vào mắt nhà giám định tài liệu. “Có biết chúng ta sẽ làm gì không?”

Parker nhượng một bên lông mày.

“Chúng ta sẽ bắt tên khốn này rồi cả hai sẽ trở về nhà với gia đình của mình. Nơi chúng ta cần phải có mặt.”

Parker Kincaid nghĩ: Amen.

* * * * *

Bên trong phòng Thí nghiệm Tài liệu ở trụ sở, cả đội đã tập hợp.

Margaret Lukas đang gọi điện thoại.

Parker liếc nhìn cô. Cái nhìn khó hiểu mà cô đáp trả anh khiến anh nhớ lại mấy lời của Cage ở trong xe.

Có lẽ cô ấy ghen tị với anh...

Cô lại nhìn xuống đồng ghi chép đang viết dở. Anh để ý tuồng chữ của cô. Phương pháp Palmer. Chính xác và tiết kiệm một cách đáng ghen tị. Không lãng nhãng gì cả.

Hardy và C.P. Ardell đứng ngay cạnh, cũng đang nói chuyện điện thoại.

Parker đặt các mảnh kính lên bàn giám định.

Lukas tắt máy rồi nhìn Cage và những người khác. “Ngôi nhà đã sập hoàn toàn. Đội PERT đang kiểm tra lại nhưng chẳng còn gì cả. Máy tính lẫn đĩa mềm đều đã tan tành.”

Cage hỏi, “Thế còn tòa nhà mà Digger đứng bắn thì sao?”

“Sạch sẽ y như Kho sách Texas,” cô cay đắng nói. “Lần này, họ thu được vỏ đạn nhưng hử mang...”

“Găng tay cao su,” Parker nói và thờ dãi.

“Đúng vậy. Khi hử nạp đạn ấy. Và găng tay da lúc vào trong căn hộ. Không có một mẫu bằng chứng nào.”

Điện thoại reo, Lukas liền nhấc máy. “Vâng?... ồ, được rồi!” Cô nhìn lên. “Là Susan Nance. Cô ấy đã có thêm thông tin từ Boston, White Plains và Philly về các vụ tấn công Czisman nhắc tới. Tôi sẽ bật loa lên.

Cô bấm một nút.

“Nói đi Susan.”

“Tôi đã dò theo các thanh tra phụ trách sự vụ, Họ kể với tôi rằng y hệt như vụ ở đây, không có một bằng chứng pháp y cụ thể nào. Không dấu vân tay, không nhân chứng. Tất cả các vụ án trên đều đang để mở. Họ đã có ảnh của nghi phạm do chúng ta gửi đến nhưng không ai nhận ra gã. Song tất cả bọn họ đều nói một câu giống nhau. Một câu kỳ lạ.”

“Là gì?” Parker hỏi. Anh cẩn thận lau miềng kính đang giữ tập giấy vàng bị cháy.

“Về cơ bản, bạo lực luôn áp đảo tiền bạc. Như vụ ở cửa hàng trang sức Boston? Tất cả những gì gã lấy đi chỉ là một cái đồng hồ.”

“Một cái đồng hồ à?” C.P. Ardell hỏi. “Có phải gã chỉ có cơ hội nhặt cái đó lên không?”

“Không. Có vẻ như gã chỉ muốn có thế. Tuy đó là một chiếc đồng hồ Rolex... Nhưng nó chỉ có giá khoảng hai ngàn. Ở White Plains, gã trốn thoát với ba mươi ngàn đô la. Philly, vụ giết người trên xe buýt? Tiền chuộc chỉ là một trăm ngàn đô.”

Thế mà gã đòi hai mươi triệu đô từ Đặc khu, Parker nghĩ. Nghi phạm đang ngày một làm lớn hơn chẳng.

Rõ ràng Lukas cũng nghĩ tương tự. Cô hỏi Evans, “Một tên tội phạm gia tăng mức độ?”

Tội phạm gia tăng mức độ là một loại hình tội ác liên hoàn, kẻ không ngừng gây án sau nghiêm trọng hơn án trước.

Nhưng Evans lắc đầu. “Không. Có vẻ là vậy nhưng chuyện tăng mức độ luôn là do dục vọng thúc đẩy. Chủ yếu là bọn sát thủ bạo dâm.” Ông ta cọ bàn tay xương xẩu lên bộ râu của mình. Râu của ông ta vẫn còn ngắn, cứ như chỉ mới quyết định nuôi gần đây, và chắc là da ông ta ngứa ngáy lắm. “Chúng ngày càng trở nên bạo lực là vì tội ác trước không làm thỏa mãn nhu cầu của chúng. Nhưng cô hiếm khi bắt gặp loại hành vi lũy tiến này ở các tội phạm nhắm đến tiền.”

Parker cảm thấy câu đố dường như càng phức tạp hơn trước.

Hay có lẽ đơn giản hơn.

Dù là thế nào, anh cũng thấy thất vọng vì không tìm ra được giải pháp khả dĩ.

Bác nông dân chỉ có một viên đạn trong khẩu súng...

Parker lau xong tấm kính và hướng sự chú ý về phía bằng chứng. Anh quan sát những gì còn lại của hai trang giấy rồi thất vọng nhận thấy rất nhiều tro đã bị rã ra. Thiệt hại từ ngọn lửa nghiêm trọng hơn anh tưởng.

Tuy nhiên, anh vẫn có thể đọc được đôi chữ của nghi phạm trên những mẫu tro lớn nhờ chiếu đèn hồng ngoại trên bề mặt tro. Mực cháy hay vết bút chì sẽ phản lại bước sóng khác với lớp giấy bị cháy và thường thì bạn sẽ nhận ra được hầu hết các chữ.

Parker cẩn thận đặt các miếng kính giữ hai tờ giấy vàng bên cạnh nhau trên máy soi hồng ngoại Foster Freeman. Anh gấp người rồi cầm chiếc kính lúp rê tiền tìm được trên mặt bàn (tức giặc nghi: Tên Digger khốn kiếp vừa mới phá hỏng cái kính Leitz cổ năm trăm đô la của mình).

Hardy liếc nhìn tờ giấy bên trái. “Mê cung. Gã về mê cung.”

Mặc dù vậy, Parker lờ nó đi và tập trung vào tờ có nhắc tới Nhà hát Mason. Anh đoán nghi phạm cũng đã viết nốt hai mục tiêu còn lại, vị trí tấn công vào lúc tám giờ và nửa đêm. Nhưng những mẫu giấy ấy đã bị rã ra và lẫn lộn vào nhau rồi.

“À, vẫn còn vài thứ có thể nhìn thấy được,” anh lầm bầm. Nheo mắt lại rồi kéo kính xuống một phần khác trên tờ giấy. “Chúa ơi,” anh bật thốt. Lắc đầu.

“Sao?” C.P. hỏi.

“Ồi, hai mục tiêu Digger đã tấn công thì rõ như ban ngày. Metro và Nhà hát Mason. Nhưng còn hai cái sau... tôi không đọc được. Địa điểm tấn công lúc nửa đêm, vị trí cuối cùng... để đọc hơn địa điểm thứ ba. Viết lại đi!” Anh nói với Hardy.

Chàng thanh tra chộp vội cây bút và một tập giấy ghi chú. “Đọc đi!”

Parker nheo mắt. “Trông như là, ‘Nơi tôi...’ Xem nào. ‘Nơi tôi đưa...’ anh đến/ Rồi một cái gạch ngang. Rồi từ ‘đen’. Không, ‘cái gì đó đen/. Có một cái lỗ trên giấy. Mất hoàn toàn rồi.”

Hardy đọc lại, “Nơi tôi đưa anh đến, gạch ngang,... đen.”

“Đúng nó.”

Parker ngẩng lên. “Hắn đang nói về chỗ quái nào đấy?” Nhưng không ai biết.

Cage nhìn đồng hồ. “Thế còn địa điểm lúc tám giờ? Đó mới là cái chúng ta đang phải tập trung vào. Chúng ta chỉ còn chưa đến một giờ.”

Parker soi dòng chữ thứ ba, ngay dưới dòng về Nhà hát Mason. Anh quan sát nó suốt một phút trong tư thế gập người. Rồi đọc,... hai dặm về phía nam. R.../ Đó là một chữ R viết hoa nhưng sau đó thì tro bị vụn hết. Tôi có thể thấy nhiều dấu vết nhưng chúng đều rã ra hết rồi.”

Parker cầm bản chép lại và bước đến chiếc bảng treo trên tường phòng thí nghiệm. Anh chép ra các chữ cái cho tất cả mọi người cùng đọc:

“Thế có nghĩa là gì?” Cage hỏi. “Nghi phạm đang nói đến chỗ quái nào thế nhỉ?”

Parker chẳng hiểu gì cả.

Anh quay khỏi mặt bảng và cúi đầu trên những miếng kính cứ như đang nhìn một tên bắt nạt trong sân trường.

Nhưng những mảnh vụn của tờ giấy đã dễ dàng chiến thắng cuộc chơi.

“Hai dặm về phía nam của cái gì?” Anh lầm bầm. “‘R’ là cái gì?”

Anh thở dài.

Cửa phòng thí nghiệm bật mở và Parker phải nhìn lại lần thứ hai. “Tobe!”

Tobe Geller khập khiễng bước vào phòng. Chàng trai trẻ đã thay quần áo và có vẻ cũng đã tắm gội nhưng vẫn bốc mùi khói và thi thoảng vẫn ho.

“Chàng trai, cậu chẳng có việc gì ở đây cả,” Cage nói.

Lukas nói, “Cậu điên à? Về nhà đi.”

“Về với cái phòng độc thân thâm nảo của tôi ấy à? Sau khi đã hủy cuộc hẹn Giao thừa với cô bạn gái ‘chẳng nghi ngờ gì’ là sẽ thành bạn gái cũ sau đêm nay sao? Tôi không nghĩ vậy?” Cậu ta bắt đầu cười phá lên, nhưng âm thanh ấy vụn ra thành một tiếng ho. Cậu ta cố kiềm chế và hít thở sâu.

“Cậu sao rồi, anh bạn?” C.P. Ardell hỏi và ôm Geller thật chặt. Trên gương mặt viên đặc vụ to con, bạn có thể trông thấy nỗi lo lắng cảm động dành cho đồng đội mà các đặc vụ phải trực tiếp chiến đấu thường thể hiện.

“Họ còn chẳng buồn xếp mức độ cho vết bỏng của tôi ấy chứ,” Geller giải thích. “Chỉ như là rám nắng ở New England thôi. Tôi ổn.” Cậu ta lại ho. “À, ngoài hai lá phổi ra. Không giống như vị tổng thống nào đó, tôi vẫn phải hít thở chứ. Nào. Chúng ta đến đâu rồi?”

“Tập giấy vàng à?” Parker rầu rĩ nói. “Ghét phải nói ra nhưng chúng ta chẳng đọc được gì mấy.”

“Ai da,” viên đặc vụ nói.

“Ừ, đau thật.”

Lukas đi đến bàn giám định. Đứng cạnh Parker. Anh không thể ngửi thấy mùi xà phòng thơm được nữa, giờ chỉ còn mùi khét của khói.

“Humm,” một lát sau cô nói.

“Sao?”

Cô chỉ vào đồng tro bị trộn lẫn với nhau. “Có thể một vài mảnh trong này sẽ khớp với phía sau chữ R đúng không?”

“Có thể.”

“Nó nhắc anh nhớ tới cái gì?”

Parker nhìn xuống. “Tranh ghép hình,” anh thì thầm.

“Đúng,” cô nói. “Còn anh thì là bậc thầy giải đố. Anh có thể ghép chúng với nhau không?”

Parker quan sát hàng trăm mảnh tro vụn. Việc này có thể tiêu tốn nhiều giờ, nếu không nói là nhiều ngày; đâu có như một bức tranh ghép thật, các cạnh của mảnh ghép bằng tro đã bị hư hại đến nỗi không nhất thiết chúng phải khớp với nhau.

Nhưng Parker chợt nảy ra một ý. “Tobe?”

“Sao?” Viên đặc vụ trẻ ho, chùi một bên lông mày đã bị cháy.

“Trên máy tính có chương trình để giải các câu đố đảo chữ đúng không?”

“Đảo chữ, đảo chữ? Anh mới nói chúng là gì ấy nhỉ?”

Người trả lời câu hỏi lại là anh chàng C.P. Ardell xăm trổ đầy mình, trong khi người khác chỉ đoán được mức độ hoạt động trí óc cao nhất của anh là so sánh giá chiết khấu của các loại bia với nhau, “Ghép các từ khác nhau từ một bộ chữ cái. Ví dụ như là n-o-w, o-w-n, w-o-n.”

Geller nói, “Ồ, chắc chắn là có chứ. Nhưng anh có bao giờ dùng phần mềm để giúp mình giải đố đâu, đúng không Parker?”

“Không, như thế là ăn gian.” Anh mỉm cười với Lukas. Khuôn mặt đá tảng của cô chẳng biểu lộ điều gì ngoài một cái liếc mắt thoáng qua, rồi trở lại ngay với đồng tro.

Parker nói tiếp, “Sau cụm hai đậm. R.../, cậu thấy những chữ cái rời rạc trên tro không? Cậu có thể ghép chúng với nhau chứ?”

Geller cười lớn. “Tuyệt vời,” cậu ta nói. “Chúng ta sẽ quét một mẫu chữ viết tay từ lá thư. Như thế sẽ có các tiêu chuẩn cho toàn bộ các chữ cái của nghi phạm. Rồi tôi sẽ chụp các mảnh tro trên máy ảnh kỹ thuật số qua bộ lọc hồng ngoại, gạt bỏ lớp nền giấy đã cháy. Như thế chúng ta chỉ còn lại các mảnh chữ cái. Và tôi sẽ để máy tính ghép chúng lại với nhau.”

“Có được không?” Hardy hỏi.

“Ồ, có chứ,” Geller tự tin đánh giá. “Tôi chỉ không biết sẽ mất bao lâu thôi.”

Geller cầm máy ảnh và chụp đồng tro cùng bức thư. Cậu ta kết nối máy ảnh với một cổng trên máy tính rồi bắt đầu tải các hình ảnh lên.

Ngón tay cậu ta lại lướt trên bàn phím. Tất cả mọi người đều im lặng.

Chính điều đó làm cho tiếng chuông điện thoại của Parker nghe càng đinh tai hơn khi nó reo vang vài phút sau đó.

Anh nảy lên vì bị giật mình và mở điện thoại. Anh thấy đó là số của nhà mình.

“Xin chào?” Anh trả lời.

Tim anh đông cứng lại khi bà Cavanaugh nói bằng giọng căng thẳng, “Parker.”

Phía sau bà, anh nghe thấy tiếng Robby đang khóc.

“Có chuyện gì?” Anh hỏi, cổ không hoảng loạn.

“Mọi người đều ổn,” bà vội nói. “Robby không sao. Nó chỉ hơi sợ. Nó nghĩ mình lại trông thấy gã đó ở sân sau. Người chèo thuyền ấy.”

Ồi không...

“Không có ai ở đó cả. Tôi đã bật đèn ngoài sân lên. Con chó của ông Johnson lại chạy rông và đã nhảy vào lùm cây ấy. Chỉ có thể thôi. Nhưng thằng bé rất sợ. Thật sự sợ hãi.”

“Cho nó nghe máy đi!”

“Ba ơ? Ba!” Giọng thằng bé là đi vì sợ. Không có gì khiến Parker buồn hơn là nghe giọng thằng bé thế

này.

“Chào con, Robby!” Parker vui vẻ nói. “Có chuyện gì vậy?”

“Con đã nhìn ra ngoài.” Nó khóc thêm một lát nữa. Parker nhắm mắt. Nỗi sợ của con trai anh giống như của chính anh vậy. Thăng bé tiếp tục, “Và con trông thấy hẳn. *Người chèo thuyền*. Đó là... Con sợ quá.”

“Nhớ này, nó chỉ là bụi cây thôi. Mai ba con mình sẽ cắt hết.”

“Không, ở trong gara cơ mà.”

Parker giật chính mình. Anh đã lười biếng để mặc cửa gara mở, nơi đó có nhiều thùng hộp mà người ta dễ tưởng nhầm là đáng người đột nhập.

Parker nói với con trai, “Con nhớ mình phải làm gì không?”

Không có câu trả lời.

“Robby? Có nhớ không?”

“Con có tắm khiên.”

“Tốt rồi. Thế còn mũ bảo hiểm?” Parker ngược mắt lên và trông thấy Lukas đang nhìn mình chăm chú. “Con có mũ sắt chưa?”

“Có ạ,” thăng bé trả lời.

“Thế còn đèn?”

“Mình bật hết lên.”

“Bao nhiêu bóng?” Parker hỏi.

“Tất cả các bóng đèn,” thăng bé nhắc lại.

Ồi, chuyện này thật khó khăn, phải nghe giọng con anh... Và biết việc mình phải làm lúc này. Anh nhìn quanh phòng thí nghiệm cùng những khuôn mặt đã trở thành chiến hữu của mình đêm nay. Rồi anh nghĩ, bằng chút may mắn và sức mạnh, người ta có thể tách biệt bản thân khỏi vợ, tình nhân hay các đồng nghiệp. Nhưng không phải với con cái. Không bao giờ. Chúng đã bắt giữ trái tim bạn mãi mãi mất rồi.

Anh nói vào điện thoại, “Ba về nhà ngay đây. Đừng lo!”

“Thật à?” Thăng bé hỏi.

“Nhanh hết mức ba có thể lái xe về được ấy.”

Anh cúp máy. Tất cả mọi người đều nhìn anh, bất động.

“Tôi phải đi,” anh nói, nhìn vào Cage. “Tôi sẽ quay lại. Nhưng giờ phải đi ngay.”

“Tôi có giúp gì được không?” Hardy hỏi.

“Không, cảm an Len,” Parker trả lời.

“Lạy Chúa, Parker,” Cage định nói và nhìn lên đồng hồ. “Tôi rất tiếc vì thăng bé sợ nhưng...”

Margaret giơ tay lên và khiến viên đặc vụ lớn tuổi hơn phải giữ im lặng. Cô nói, “Không đời nào Digger biết anh có liên quan. Nhưng tôi sẽ cử hai đặc vụ nằm vùng bên ngoài nhà anh.”

Anh đã tưởng cô nói thế là để tiền trạm cho câu yêu cầu anh ở lại, Nhưng rồi cô lặng lẽ thêm vào, “Con trai anh phải không? Về nhà đi. Làm cho thăng bé vui vẻ lên. Bất kể mất bao lâu.”

Parker nhìn vào mắt cô thêm một giây nữa và tự hỏi: Có phải anh vừa tìm thấy manh mối của mê cung mang tên đặc vụ Lukas?

Hay đây chỉ là một lối đi giả?

Anh định cảm ơn cô nhưng đột nhiên cảm thấy rằng bất kể anh có thể hiện lòng biết ơn theo kiểu nào, có phản ứng ra sao, cũng sẽ làm mất thế cân bằng mong manh giữa hai người. Vì vậy, anh chỉ gật đầu và vội vã đi ra cửa.

Lúc đi ra, anh chỉ nghe thấy duy nhất giọng khàn khàn của Geller nói với cái máy tính, “Nhanh nào, nhanh nào, nhanh nào!” Giống như cách một người chơi cá cược cầu xin con ngựa sắp thua trên trường đấu.

Chương 21

Từng pixel một.

Nhìn các hình ảnh trượt vào chỗ của chúng trên màn hình của Tobe Geller, vẫn còn vụn vỡ lắm.

Margaret Lukas đi đi lại lại, nghĩ về trò đảo chữ, về đồng tro. Về Parker Kincaid.

Khi về đến nhà, anh sẽ làm thế nào để an ủi con trai? Anh có ôm nó không? Đọc truyện cho nó nghe? Xem ti vi cùng nó? Anh có phải một ông bố chịu nói chuyện với con về vấn đề của chúng? Hay anh sẽ cố đánh lạc hướng thẳng bẻ, để đưa tâm trí nó thoát ra khỏi nỗi sợ? Mang quà cho nó để hối lộ?

Cô không hề biết. Tất cả những gì Margaret Lukas biết là cô muốn Kincaid trở lại đây ngay, đứng gần bên cô.

À, thực ra chỉ một phần trong cô muốn vậy. Phần kia thì muốn anh không bao giờ trở lại, cứ việc trốn mãi trong pháo đài nhỏ ở vùng ngoại ô của anh. Cô có thể...

Không, không... Thôi nào. Tập trung.

Lukas quay sang Tiến sĩ Evans, nhìn ông ta nghiên cứu bức thư tổng tiền một cách tỉ mỉ, vừa làm vừa xoa hàm ria lơ lớm chồm. Đôi mắt xanh của ông ta không khiến người khác yên tâm và cô quyết định rằng mình chẳng hề muốn có một bác sĩ tâm lý như thế này. Ông ta rót thêm cà phê từ bình ủ ra, rồi tuyên bố, “Tôi có vài suy nghĩ về tên nghi phạm này.”

“Nói xem,” cô bảo ông ta.

“Cần phải biết hoài nghi chứ,” vị tiến sĩ cảnh báo. “Để làm việc này một cách đúng đắn, tôi cần thêm cả đồng dữ liệu nữa cùng hai tuần để phân tích.”

Lukas nói, “Đó là cách chúng tôi làm việc. Trao đổi các ý tưởng. Chúng tôi sẽ không bắt ông phải chịu trách nhiệm đâu.”

“Tôi nghĩ, từ những gì đã thấy, tên Digger này chỉ là một cỗ máy. Chúng tôi gọi loại như hắn là ‘phản tâm lý’. Phân tích hắn chỉ vô dụng thôi. Chẳng khác nào dựng hồ sơ của một khẩu súng. Nhưng tên nghi phạm trong nhà xác thì lại là một câu chuyện khác. Cô có biết bọn tội phạm có tổ chức không?”

“Tất nhiên,” Lukas nói. Bài học tâm lý tội phạm số một trăm lẻ một.

“À, tên này là một loại cực kỳ có tổ chức.”

Đôi mắt Lukas lang thang tới chỗ bức thư khi Evans bắt đầu mô tả kẻ đã viết nên nó.

Vị tiến sĩ tiếp tục, “Tên nghi phạm lên kế hoạch mọi thứ một cách hoàn hảo. Thời gian, địa điểm. Gã biết rõ bản chất con người, chẳng hạn gã biết ngài thị trưởng sẽ chịu trả tiền, mặc dù hầu hết các nhà cầm quyền khác sẽ không làm như vậy. Gã luôn có kế hoạch B của kế hoạch B. Ấy là tôi đang nghĩ đến vụ đánh bom ở nhà trú ẩn. Và gã đã tìm được một vũ khí tuyệt hảo: Digger, một con người bằng xương bằng thịt chỉ biết đến giết chóc. Gã đã tiến hành một vụ việc không tưởng và có thể sẽ trốn thoát nếu không chết trong tai nạn kia.”

“Chúng tôi có cả tá bằng chứng, nên tôi nghĩ nghi phạm sẽ chẳng thoát được đâu,” Lukas chỉ ra.

“Ồ,” Evans nói, “tôi cá là gã có cả kế hoạch để phản pháo vụ đó nữa.”

Lukas nhận ra có thể ông ta nói đúng.

Vị tiến sĩ nói tiếp, “Hiện tại, gã đòi hai mươi triệu. Và sẵn sàng giết hàng trăm người để có được nó. Gã không phải loại tội phạm gia tăng mức độ nhưng đúng là gã đã tăng tiền cược lên bởi vì gã biết, à, tin tưởng, rằng mình thoát được. Gã tin rằng mình giỏi, và đúng là gã giỏi thật. Nói một cách khác, sự kiêu ngạo của gã được tài năng chống lưng.”

“Làm tên khốn càng nguy hiểm hơn,” C.P. gầm gừ.

“Chính xác. Không hề có tính thùng rỗng kêu to để làm gã thất bại. Gã thông minh thật...”

“Kincaid nói rằng nghi phạm là kẻ có học thức,” Lukas nói, lại một lần nữa mong ước nhà giám định tài liệu đang có mặt ở đây để cùng trao đổi các ý tưởng. “Gã đã cố ngụy trang chuyện đó trong bức thư nhưng Parker có thể nhìn thấu ngay.”

Evans gật đầu từ tốn trước thông tin này. Rồi ông ta hỏi, “Nghi phạm đang mặc gì khi người ta đưa gã vào nhà xác?”

C.P. tìm được danh sách và đọc lên cho tiến sĩ nghe.

Evans tổng kết, “Vậy là, quần áo rẻ tiền?”

“Vâng.”

“Không chính xác là những thứ mà các bạn trông đợi sẽ tìm được ở một kẻ đa mưu túc trí đến mức dựng nên toàn bộ chuyện này rồi đòi hai mươi triệu tiền chuộc.”

“Chính xác,” Cage nói.

“Điều đó có ý nghĩa gì?” Lukas hỏi.

“Tôi thấy có vấn đề về giai cấp ở đây,” Evans giải thích. “Tôi nghĩ nghi phạm thích giết người giàu, người có vai vế hơn. Gã tự cho là mình tốt hơn bọn họ. Kiểu người hùng trong đám thường dân.”

Hardy chỉ ra, “Nhưng ở vụ đầu tiên gã đã cho Digger tàn sát tất cả mọi người, không chỉ những người giàu.”

Evans nói, “Hãy cân nhắc xem vị trí là ở đâu. Dupont Circle. Yuppieville ở đó. Chưa tới khu đông nam. Còn Nhà hát Mason? Vé xem ba lê chắc phải đến sáu trăm đô một tấm. Còn địa điểm thứ ba nữa,” Evans nhắc. “Four Seasons. Mặc dù chúng không tấn công nhưng đã dẫn dụ ta tới đó. Nghi phạm hẳn quen thuộc nơi ấy. Và nó rất cao cấp.”

Lukas gật đầu. Đến bây giờ thì chuyện ấy mới có vẻ trở nên quá hiển nhiên và cô thấy buồn vì mình không nhận ra sớm hơn. Cô lại nghĩ về Parker, về cách anh tiếp cận các câu đố. Nghĩ thật bao quát. Mặc dù vậy, việc đó đôi khi rất khó khăn.

Tập trung nào...

“Tôi nghĩ gã tức giận với những người giàu có. Với những tinh hoa của xã hội.”

“Tại sao?” Cage hỏi.

“Tôi chưa biết được. Dựa vào các dữ kiện chúng ta đã có thì không. Nhưng đúng là nghi phạm rất ghét họ. Đầu gã ngập tràn hận thù. Và chúng ta nên nhớ kỹ điều đó khi tìm kiếm mục tiêu tiếp theo của gã.”

Lukas đưa tấm ảnh chụp nghi phạm trong nhà xác lại gần mình và nhìn chăm chăm.

Gã đã nghĩ gì trong đầu nhỉ? Động cơ của gã là gì?

Evans liếc cô và khẽ cười.

“Sao nào?” Lukas hỏi.

Ông ta gật đầu về phía bức thư. “Tôi có cảm giác như mình đang phân tích nó. Cứ như nó mới là hung thủ.”

Cô cũng có cảm nghĩ y hệt.

Chính xác như những gì Parker Kincaid từng nói.

Tập trung nào...

“Chờ đã, mọi người,” Geller nói. “Chúng ta có gì này.” Mọi người đều vươn mình tới chỗ màn hình để xem các chữ ‘hai dặm về phía nam. - Ri...’

Đằng sau cụm từ ấy, máy tính đang điền các tổ hợp chữ cái khác nhau thu được từ mảnh tro. Nó sẽ tự động loại trừ nếu nét bút của một chữ cái không khớp với nét của chữ bên trái nó. Nhưng hệ thống đang dần điền thêm một chữ cái i vào đằng sau chữ R. Một chữ nữa đang thành hình sau đó.

“Lại là chữ i kỳ cục với cái chấm như Parker đã kể,” Geller nói.

“Giọt lệ quý,” Lukas thì thầm.

“Đúng vậy,” Geller nói. “Rồi sau đó là... một chữ cái. Có phải chữ t không nhỉ? Nước mắt chết tiệt, tôi chẳng thấy gì cả.”

“Đúng rồi,” Lukas nói. “Chắc chắn là chữ t. R-i-t

“Chữ tiếp theo là gì đấy?” Hardy hỏi và vươn người về phía màn hình.

“Tôi không đọc được,” Lukas lầm bầm. “Mờ quá. Một chữ cái ngắn, không có bất kỳ, Parker gọi chúng là gì nhỉ, thân trên hay thân dưới thì phải.”

Cô vươn người qua vai chàng kỹ thuật viên. Mùi khói từ người cậu ta vẫn rất nồng. Trên màn hình, các chữ cái rất mờ nhạt nhưng đúng là có một chữ ii và một chữ t. Tuy nhiên, chữ tiếp theo thì mờ tịt.

“Chết tiệt,” Geller lầm bầm. “Máy tính nói rằng chữ cái ấy phù hợp. Các nét mực khớp nhau. Nhưng tôi chẳng nhận ra nổi. Có ai nhìn rõ hơn tôi không?”

“Trông như là hình dích đặc hay gì đó,” Lukas nói.

Đầu Cage ngẩng phắt lên. “Dích đặc à? Hay chữ z?”

“Ritz!” Hardy buột kêu. “Có thể là Ritz-Carlton không?”

“Chắc là nó rồi!” Lukas nói và gật đầu với Evans. “Nghi phạm nhắm vào những người giàu có hơn mà.”

“Đúng rồi!” Evans nói. “Và cũng hợp lý lắm, cứ theo cái cách gã thích đặt mũi chúng ta thì gã hẳn nghĩ rằng chúng ta sẽ loại trừ các khách sạn vì gã đã dùng mồi ấy một lần rồi.”

Trên chiếc ghế văn phòng, Geller xoay người sang một máy tính khác. Trong vòng năm giây, cậu ta đã có danh bạ Những trang vàng trên màn hình. “Có hai khách sạn Ritz trong khu vực. Một ở phố Tysons Comer. Cái còn lại ở Pentagon City.”

Lukas nói, “Parker đã bảo nghi phạm sẽ bám lấy Đặc khu. Tôi đặt cược cho Pentagon City.”

Cô gọi cho Jerry Baker và nói với anh ta mục tiêu mới nhất. “Tôi muốn huy động tất cả các đặc vụ tác chiến trong Đặc khu và Bắc Virginia. Cử một đội tối thiểu tới Tysons.” Cô nói thêm, “Anh sẽ không thích

đâu nhưng lần này không mũ giáp gì cả.”

Ý cô là: không đội mũ trùm đầu Nomex và mang mũ bảo hiểm Kevlar, cách nói vắn tắt trong Cục hàm ý mặc thường phục.

“Cô chắc không?” Baker nghi ngại hỏi. Khi các sĩ quan vận thường phục để làm nhiệm vụ chìm, họ không thể mặc quá nhiều giáp hộ thân như trong các hoạt động tác chiến công khai được. Việc ấy sẽ mang lại nguy hiểm gấp bội, đặc biệt là khi tội phạm được trang bị vũ khí hiện đại.

“Bắt buộc phải thế, Jerry. Lần trước, chúng ta đã suýt tóm được Digger, hắn sẽ bất an như một con nai. Nhìn thấy gì khác thường là hấn lấn ngay. Tôi sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm.”

“Được rồi, Margaret. Tôi tiến hành đây.”

Cô tắt máy.

Len Hardy nhìn cô chăm chăm. Đột nhiên, khuôn mặt anh ta có vẻ già dặn và đanh thép hơn. Cô tự hỏi có phải anh ta sắp tiếp cận mình một lần nữa để xin vào đội tác chiến. Nhưng anh ta lại hỏi, “Cô đang điều hành một chiến dịch thường phục?”

“Đúng vậy. Có vấn đề gì sao, thanh tra?”

“Như thế có nghĩa là cô sẽ không sơ tán khách sạn?”

“Không,” cô trả lời.

“Nhưng sẽ có cả ngàn người ở đó đêm nay.”

Lukas nói, “Nó phải mở cửa như bình thường. Digger không được phép nghi ngờ gì hết.”

“Nhưng nếu hắn vượt mặt được chúng ta... Ý tôi là, thậm chí chúng ta còn không chắc trông hắn như thế nào.”

“Tôi biết rồi, Len.”

Anh ta lắc đầu, “Cô không thể làm vậy.”

“Chúng ta không còn lựa chọn nào khác.”

Thanh tra cảnh sát nói, “Cô biết tôi làm nghề gì mà, tôi gom nhặt các số liệu. Cô có muốn biết bao nhiêu người qua đường thiệt mạng trong các chiến dịch tác chiến công khai không? Để có đến tám mươi phần trăm nguy cơ thiệt mạng đối với người vô tội nếu cô cố hạ hắn trong một tình huống như thế này.”

“Thế anh định tính sao?” Cô quát lại, để anh ta thấy một phần cơ giận của mình.

“Cứ để người của cô mặc thường phục nhưng hãy đưa tất cả khách khứa ra ngoài. Để lại nhân viên nếu nhất thiết phải thế, chỉ việc đưa những người còn lại ra.”

“Khá lắm chúng ta chỉ có khoảng năm đến sáu mươi đặc vụ vào trong khách sạn,” cô chỉ ra. “Digger bước vào cửa chính, trông đợi sẽ thấy khoảng năm trăm khách, và hắn tìm được cái nhúm ấy? Hắn sẽ lùi ngay và tới một nơi khác để xả súng.”

“Vì Chúa. Margaret,” Hardy lẩm bẩm, “ít nhất cũng phải đưa bọn trẻ ra chứ?”

Lukas chìm vào im lặng, mắt vẫn dán vào lá thư.

“Làm ơn,” thanh tra nài nỉ.

Cô nhìn vào mắt anh ta. “Không. Nếu chúng ta cố sơ tán bất kỳ một ai, tin tức sẽ lan ra ngoài và mọi người sẽ hoảng loạn.”

“Vậy là cô chỉ còn biết cầu nguyện cho điều tốt đẹp nhất?”

Cô liếc nhìn lá thư đòi tiền chuộc.

Kết thúc là đêm.

Dường như nó đang cười nhạo cô.

“Không,” Lukas nói. “Chúng ta sẽ ngăn cản được hắn. Đó là việc chúng ta sẽ làm.” Một cái liếc mắt về phía Evans, “Tiến sĩ, ông ở lại đây nhé.” Rồi một cái liếc mắt khác cho Hardy. “Anh phụ trách liên lạc.”

Hardy thờ dãi giậm dừ. Anh ta không nói gì.

“Đi thôi,” Lukas nói với Cage. “Tôi phải ghé qua văn phòng.”

“Để làm gì?” Cage hỏi, gật đầu với bao súng trống không của cô. “Ồ, thêm trợ giúp à?”

“Không, để lấy quần áo dự tiệc. Chúng ta phải hòa nhập vào đám đông chứ.”

* * * * *

“Anh ta có tin tốt cho chúng ta.” Wendell Jefferies tuyên bố, hai ống tay chiếc áo mi được đặt may riêng gập lên cao, để lộ những canh tay cơ bắp.

Anh ta ở đây tức là Slade Phillips, Thị trưởng Kennedy hiểu như vậy.

Hai người đang ở trong văn phòng Tòa thị chính. Ngài thị trưởng vừa mới tiến hành một cuộc họp báo

đáng hổ thẹn nữa, thành phần tham dự chỉ có khoảng một tá phóng viên, mà thậm chí ngay lúc ông đang nói, vẫn cứ nghe điện thoại và kiểm tra máy nhắn tin để hy vọng chộp được tin gì hay ho hơn từ những nguồn khác. Ai có thể đổ lỗi cho họ? Chúa ơi, ông chẳng còn gì để nói. Tất cả những gì ông nêu ra được chỉ là tình trạng tinh thần của vài nạn nhân mình đã tới thăm ở các bệnh viện.

“Anh ta sẽ lên sóng lúc chín giờ,” Jefferies nói với ngài thị trưởng. “Một bản tin đặc biệt.”

“Với cái gì?”

“Anh ta không chịu nói,” Jefferies đáp. “Vì lý do gì đó anh ta nghĩ như vậy là vi phạm đạo đức nghề nghiệp.”

Kennedy vươn vai và ngả người ra sô pha, thứ đồ nhái thời Georgia mà người tiền nhiệm của ông đã mua về. Ở khâu hoàn thiện, hai tay ghế đã bị xước. Còn cái ghế quỳ ông đang kê đôi giày cỡ mười hai lên thì rất rẻ tiền; chỉ là một tấm bìa các tông gấp lại và nhồi dưới một bên chân để giữ nó đứng vững.

Ông liếc nhìn chiếc đồng hồ bằng đồng.

Thưa ngài thị trưởng, cảm ơn ngài rất nhiều vì đã tới nói chuyện với chúng cháu ngày hôm nay. Được nghe ngài nói là một niềm vinh dự. Ngài là người rất tử tế đối với học sinh, sinh viên như chúng cháu và chúng cháu muốn được tường... tường... tường nhớ chuyến thăm của ngài bằng một món quà, chúng cháu hy vọng ngài sẽ thích...

Kim phút tiến tới một khắc. Trong vòng một tiếng nữa, ông nghĩ, sẽ có bao nhiêu người nữa phải thiệt mạng?

Điện thoại kêu. Kennedy thờ ơ liếc nhìn nó và để Jefferies trả lời.

“Xin chào?”

Rồi anh ta im lặng.

“Chắc chắn rồi. Chờ máy nhé.” Anh ta vừa đưa ống nói cho Kennedy vừa bảo, “Chuyện này thú vị đấy!”

Ngài thị trưởng cầm lấy điện thoại. “Vâng?”

“Thị trưởng Kennedy?”

“Đúng vậy.”

“Tôi là Len Hardy.”

“Thanh tra Hardy?”

“Đúng vậy. Có... có ai khác đang nghe không?”

“Không. Đây là đường dây riêng của tôi.”

Thanh tra cảnh sát ngập ngừng một chút rồi nói “Tôi đang nghĩ... Về điều chúng ta đã nói với nhau.”

Kennedy ngồi thẳng dậy, bỏ chân xuống khỏi ghế sô pha.

“Nói tiếp đi, con trai. Cậu đang ở đâu?”

“Phố Ninth. Trụ sở FBI.”

Một khoảng im lặng. Ngài thị trưởng khuyến khích, “Tiếp tục đi!”

“Tôi không thể ngồi đây thêm được nữa. Tôi phải làm điều gì đó. Tôi nghĩ cô ấy đang phạm một sai lầm.”

“Lukas à?”

Hardy nói tiếp, “Họ đã tìm ra nơi hẩn định tấn công tiếp theo đêm nay. Tên Digger ấy.”

“Thế à?” Bàn tay khỏe mạnh của Kennedy tóm chặt điện thoại. Ra hiệu cho Jefferies đưa cho ông một cái bút và tờ giấy. “Ở đâu?”

“Khách sạn Ritz-Carlton.”

“Cái nào?”

“Họ không chắc. Có thể ở Pentagon City... Nhưng, ngài thị trưởng, cô ấy đã không cho sơ tán.”

“Cô ta làm gì?” Kennedy quát.

“Lukas không sơ tán khách sạn. Cô ấy...”

“Chờ đã,” Kennedy nói. “Họ biết hẩn sắp tấn công vào đâu mà cô ta không nói với ai ư?”

“Không, cô ấy sẽ dùng khách khứa làm mồi nhử. Ý tôi là, đó là cách duy nhất để nói về chuyện đó. Dù thế nào, tôi cũng đã nghĩ về những gì ông bảo. Tôi quyết định phải gọi cho ông.”

“Cậu đã làm đúng, thanh tra ạ.”

“Tôi hy vọng thế, thật sự hy vọng thế. Tôi không thể nói chuyện lâu hơn, thị trưởng. Tôi chỉ muốn thông báo cho ông biết.”

“Cảm ơn cậu.” Jerry Kennedy cúp máy và đứng dậy.

“Có chuyện gì?” Jefferies hỏi.

“Chúng ta đã biết hẩn sẽ tấn công vào đâu. Khách sạn Rite. Gọi Reggie đi, tôi muốn ô tô của mình ngay bây giờ. Và có cả cảnh sát hộ tống.”

Trong lúc ông lao ra cửa, Jefferies lại hỏi, “Thế còn báo chí?”

Kennedy liếc nhìn trợ thủ. Ý nghĩa của cái nhìn không thể nhầm vào đâu được. Nó nói: *Tất nhiên*, chúng ta cần tới báo chí rồi.

* * * * *

Cả hai đang đứng khá kỳ quặc, bên cạnh nhau, bốn cánh tay đều khoanh trước ngực, trong phòng trọ của Digger.

Cả hai đều đang xem ti vi.

Buồn cười thật.

Những hình ảnh trên ti vi trông rất quen thuộc với Digger.

Ti vi đang chiếu cảnh nhà hát. Nơi mà đáng lẽ ra hẳn phải xoay một vòng như hồi ở trong rừng tại Connecticut và xả đạn vào cả triệu chiếc lá. Nơi hẳn đã muốn xoay vòng, nơi đáng lẽ hẳn phải làm như vậy, nhưng lại không thể.

Nhà hát nơi mà... *click*... nơi cái người đáng sợ với quai hàm to và chiếc mũ cao đã lao tới bắt hẳn. Không, thế không đúng... Đó là nơi cảnh sát tới để bắt hẳn.

Hắn nhìn thẳng bé trong lúc nó đang xem ti vi. Thăng bé nói, “Chết tiệt!” Nhưng có vẻ chẳng vì lý do gì.

Y như Pamela.

Digger gọi vào hòm thư thoại của mình và nghe giọng điện tử của một người phụ nữ nói, “Bạn không có tin nhắn mới.”

Hắn cúp máy.

Digger không có nhiều thời gian. Hắn nhìn đồng hồ. Thăng bé cũng nhìn đồng hồ của hắn.

Nó vừa gầy vừa yếu. Khu vực quanh mắt phải hơi sẫm hơn nước da đậm màu của nó và Digger biết rằng người đàn ông hẳn vừa giết đã đánh thăng bé rất nhiều lần. Hắn nghĩ hẳn vui vì đã bắn chết gã kia. Cho dù vui nghĩa là gì.

Digger tự hỏi người chỉ dạy hắn mọi điều sẽ nghĩ gì về thăng bé. Đúng là anh ta đã bảo hẳn phải giết bất kỳ ai nhìn vào mặt mình. Còn thăng bé thì đã nhìn rồi. Nhưng có vẻ như... *click*... có vẻ như... không đúng lắm khi giết nó.

Tại sao, với tôi, dường như mỗi ngày, tôi đều yêu em nhiều hơn.

Hắn đi vào trong bếp và mở một hộp súp. Múc một ít ra bát. Rồi nhìn cánh tay gầy gò của thăng bé và múc thêm chút nữa. Mỳ. Chủ yếu là mỳ. Hắn hâm lại súp trong lò vi sóng đúng sáu mươi giây - đó là lời chỉ dẫn để làm cho súp *sôi sùng sục*. Hắn đặt cái bát trước mặt thăng bé. Đưa cho nó cái thìa.

Thăng bé ăn một miếng. Rồi một miếng nữa. Nó không thể ngừng ăn. Nó nhìn vào màn hình ti vi. Cái đầu nhỏ hình viên đạn cứ quay từ bên này sang bên kia, mắt nó trĩu xuống và Digger nhận ra thăng bé bị mệt. Mắt và đầu của Digger cũng như thế mỗi khi hắn mệt.

Hắn và thăng bé giống nhau thật, hẳn quyết định.

Digger chỉ về giường. Nhưng thăng bé chỉ sợ hãi nhìn hắn mà không phản ứng gì. Digger chỉ vào ghế sofa và thăng bé đứng lên rồi bước đến chỗ ghế. Nó nằm xuống, vẫn nhìn chăm chăm ti vi. Digger lấy một cái chăn và đắp ngang người nó.

Digger nhìn ti vi. Lại thêm tin tức. Hắn tìm được một kênh chiếu quảng cáo. Bán hamburger, ô tô và bia. Những thứ đại loại thế.

Hắn nói với thăng bé, “Tên...” *Click*... “Tên cháu là gì?”

Thăng bé nhìn lại hắn bằng đôi mắt đã trĩu xuống một nửa. “Tye.”

“Tye.” Digger nhắc lại vài lần chính mình. “Ta sắp... sắp ra ngoài.”

“Nhưng ông có quay lại không?”

Ý nó là gì nhỉ? Digger lắc đầu, cái đầu với một chỗ lõm rất nhỏ phía trên thái dương.

“Ông có quay lại không?” Thăng bé lại thì thầm.

“Ta sẽ quay lại.”

Thăng bé nhắm mắt.

Hắn cố nghĩ thêm điều gì để nói với Tye. Có vài từ hắn cảm thấy mình rất muốn nói ra nhưng không nhớ nổi chúng. Dù sao cũng chẳng còn là vấn đề nữa vì thăng bé đã ngủ thiếp đi rồi. Digger kéo cái chăn lên cao hơn.

Hắn bước đến tủ quần áo, mở khóa và lấy ra một trong mấy hộp đạn. Hắn đi gắng tay cao su, nạp hai băng đạn vào khẩu Uzi rồi lắp lại ống giảm thanh. Và khóa tủ.

Thăng bé vẫn đang ngủ. Digger có thể nghe thấy tiếng nó thở.

Digger nhìn cái túi hình chó con đã bị rách. Hắn định vò nát nó rồi ném đi, nhưng bỗng nhớ lại lúc Tye nhìn cái túi với vẻ thích thú. Thăng bé thích cún con. Digger vuốt phẳng cái túi và đặt nó bên cạnh thăng bé để nếu nó tỉnh dậy trong lúc Digger ra ngoài, nó sẽ nhìn thấy bọn chó con và chẳng còn sợ hãi.

Digger không cần cái túi hình chó con nữa.

“Lần thứ ba hãy dùng một cái túi nâu bình thường,” người đàn ông chỉ dạy hần mọi điều đã dặn.

Và thế là Digger mua một cái túi màu nâu.

Thằng bé xoay người nhưng vẫn ngủ.

Digger đặt khẩu Uzi vào trong chiếc túi nâu, mặc áo khoác tối màu của mình và đeo găng tay vào rồi rời khỏi phòng.

Ở dưới nhà, hần bước vào ô tô, một chiếc Toyota Corolla rất xinh xắn.

Hần yêu thích các quảng cáo.

Ồi, mỗi ngày người ta...

Hần thích câu đó hơn câu.

Ồi, thật là một cảm giác...

Digger biết lái xe. Hần là một tài xế giỏi. Hần từng lái xe cùng Pamela. Nàng lái xe rất nhanh còn hần thì lái rất chậm. Nàng có nhiều vé phạt tốc độ, còn hần thì chưa từng có bao giờ.

Hần mở hộp đựng găng. Có mấy khẩu súng ngắn bên trong. Hần lấy ra một khẩu và nhét vào túi. “Sau nhà hát,” người đàn ông chỉ dạy hần mọi điều đã cảnh báo, “sẽ có thêm nhiều cảnh sát tìm kiếm anh. Anh phải thật cẩn thận. Nhớ là, nếu ai nhìn thấy mặt anh...” Tôi nhớ rồi.

* * * * *

Trên tầng, trong phòng của Robby, Parker đang ngồi với con trai. Thằng bé ngồi trên giường còn Parker thì ngồi trên chiếc ghế xích đu anh đã mua ở tiệm *Đồ cổ và Mọi thứ*, cũng từng cố sửa lại nó nhưng không thành công.

Hai tá đồ chơi đang nằm trên sàn, một chiếc máy Nintendo 64 cắm vào màn hình ti vi cũ, áp phích *Chiến tranh giữa các vì sao* thì dán khắp tường. Luke Skywalker. Cả Darth Vader...

Vật cầu may của chúng ta đêm nay.

Cage đã nói vậy. Nhưng Parker đang cố không nghĩ đến Cage. Hay Margaret Lukas. Hay Digger. Anh đang đọc truyện cho con trai nghe. *Truyện Anh chàng Hobbit*.

Robby chìm đắm trong câu chuyện cho dù nó đã được bố đọc cho nghe vô số lần. Hai bố con luôn bị hút về phía cuốn sách này mỗi khi Robby thấy sợ hãi, đặc biệt là đoạn giết con rồng tàn bạo. Phần đó của cuốn sách luôn khiến thằng bé dừng cảm hơn.

Khi anh bước qua ngưỡng cửa nhà mình một lúc trước, cả khuôn mặt thằng bé đã trở nên sáng rõ. Parker đã nắm tay Robby và hai bố con cùng đi ra hiên sau. Anh kiên nhẫn cho thằng bé thấy thêm một lần nữa là chẳng có kẻ đột nhập nào ở sân hay gara. Họ đã quyết định rằng ông Johnson già cả, lú lẫn lại để sống con chó của mình ra ngoài vì quên đóng cổng rào.

Stephie cũng ôm bố và hỏi bạn của anh sao rồi, người bị ốm ấy.

“Chú ấy khỏe,” Parker nói, dù đã tìm kiếm nhưng không kiếm nổi một mẫu sự thật nào để níu kéo câu tuyên bố ấy. Ồi, cảm giác tội lỗi của bậc cha mẹ... Nó mới đau xót làm sao!

Stephie đã nhìn theo đây cảm thông khi Robby và Parker trèo lên gác đọc sách. Nếu là vào lúc khác con bé sẽ đi cùng bố và anh mình, nhưng bản năng của nó lúc này lại biết rằng nên để họ ở riêng với nhau. Điều anh đã học được về lũ trẻ nhà mình: Chúng xích mích với nhau như những đứa trẻ con khỏe mạnh khác, cố tranh giành ảnh hưởng của nhau, ấu đả lẫn nhau theo kiểu anh chị em. Thế nhưng khi có điều gì đó làm ảnh hưởng tới tâm trí của một đứa, giống như *Người chèo thuyền*, thì bản năng luôn mách bảo đứa kia sẽ cần phải làm gì. Con bé biến mất vào trong bếp và nói, “Con sẽ làm cho Robby món tráng miệng bất ngờ.”

Trong lúc đọc, thi thoảng anh có liếc nhìn sắc mặt con. Đôi mắt thằng bé nhắm lại và nó có vẻ hoàn toàn hài lòng. (Trong cuốn cẩm nang ghi: *Đôi khi việc của bạn không phải là nói lý lẽ hay dạy bảo các con, hay thậm chí là nêu gương người trưởng thành mẫu mực. Bạn chỉ cần ở bên chúng. Thế là đủ.*)

“Con muốn ba đọc tiếp không?” Anh thì thầm.

Thằng bé không trả lời.

Parker để sách lên đùi và tiếp tục ngồi trên cái ghế xích đu xập xệ, khẽ đưa đi đưa lại. Và ngắm con trai.

Vợ của Thomas Jefferson, bà Martha, đã chết không bao lâu sau khi sinh hạ đứa con gái thứ ba của họ (cô bé cũng chết năm lên hai). Jefferson chẳng bao giờ tái hôn mà chỉ vật lộn với việc nuôi dạy hai cô con gái còn lại. Là một chính trị gia và nhà lãnh đạo, ông bị buộc phải làm người cha vắng mặt thường xuyên, điều đó khiến ông ghét cay ghét đắng. Chính những lá thư đã giúp ông giữ liên lạc với các con. Ông viết

hàng ngàn trang cho các cô con gái, phân phát sự ủng hộ, lời khuyên, phản nản và cả tình yêu. Parker hiểu rõ Jefferson như chính cha mình và có thể đọc thuộc lòng nhiều lá thư của ông. Lúc này, anh đang nghĩ về một bức trong số đó, được viết hồi Jefferson còn làm phó tổng thống và đang đứng trước một trận chiến chính trị khốc liệt giữa các đảng phái đối thủ thời đó.

Your letter, my dear Maria, of Jan. 21 was received two days ago. It was like the bright beams of the moon on the desolate heath. Environed here in scenes of constant torment, malice and obloquy, worn down in a state where no effort to render service can aver any thing, I feel not that existence is a blessing but when something recalls my mind to my family.

Ngắm nhìn con trai, lắng nghe tiếng con gái loảng xoảng xoong nồi dưới bếp, anh bỗng thấy lo lắng, như vẫn thường thấy thế, rằng liệu mình có đang nuôi dạy các con đúng cách không.

Đã biết bao lần anh nằm trằn trọc giữa đêm khuya để lo lắng về điều ấy.

Rốt cuộc, anh đã chia cách hai con với mẹ chúng. Dẫu tòa án cùng hầu hết bạn bè của anh (và cả bạn bè của Joan) đều đồng tình rằng đó là điều đúng đắn nhất cần làm, thì anh cũng chẳng thấy có gì khác. Anh đã không trở thành một ông bố đơn thân vì thói tật của Thần chết giống như Jefferson; không, Parker đã tự mình quyết định chuyện đó.

Nhưng đó có thực là vì lũ trẻ? Hay là vì anh muốn thoát khỏi sự bất hạnh của chính mình? Điều đó thường xuyên dẫn dắt anh. Trước khi cưới, Joan ngọt ngào biết bao, quyến rũ biết bao. Nhưng giờ anh nhận ra hầu hết những điều đó đều chỉ là giả tạo. Thực tế, cô ta là một người khó gần và tính toán chi li. Tính khí cô ta thật thất thường: Đôi lúc vui tươi, nhưng lắm khi lại lên cơn giận dữ và nghi ngờ, hoang tưởng suốt nhiều ngày liền.

Hồi mới gặp Joan, anh đang bắt đầu hiểu ra rằng cuộc sống sẽ khác đến nhường nào nếu bạn mất cha mẹ từ khi mình còn trẻ. Khu vực phi quân sự giữa bạn và cái chết sẽ biến mất. Bạn sẽ tìm kiếm một người bạn đời hoặc ai đó chăm lo cho bạn, và trong trường hợp của Parker là ai đó để bạn chăm sóc.

Anh không nghĩ như thế là tốt nhất hay sao? Không ai phải chăm sóc ai cả? Đây là quy tắc. Hãy ghi lại đi.

Vậy nên chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi anh tìm kiếm một người phụ nữ dù xinh đẹp và quyến rũ nhưng một phần nào đó lại không nhẽo và yếu đuối.

Đương nhiên, chẳng bao lâu sau khi bọn Who ra đời, khi cuộc sống hôn nhân của họ bắt đầu đòi hỏi những trách nhiệm và đôi lúc chỉ còn lại lao động vất vả lẫn sự hy sinh, Joan đã đầu hàng cảm giác bất mãn cùng những cơn mưa nắng thất thường của mình.

Parker thử mọi thứ mình nghĩ ra được. Anh cùng cô tới gặp nhà tâm lý, đảm nhận quá nửa phần công việc chăm sóc lũ trẻ, cố trêu đùa để cô bớt ủ dột, lên kế hoạch các bữa tiệc, đưa cô đi nghỉ, nấu ăn cho cả nhà.

Nhưng trong số tất cả những điều bí mật Joan che giấu anh là tiền sử gia đình nghiện rượu, anh đã rất ngạc nhiên khi phát hiện ra cô ta uống nhiều hơn anh tưởng. Đôi lúc, cô ta cũng áp dụng quy trình mười hai bước và cố thử các biện pháp được tư vấn. Nhưng rồi cô ta luôn sa ngã.

Cô ta ngày càng xa cách với anh và bọn trẻ, lấp đầy thời gian của mình bằng các thú vui cùng những sở thích nhất thời. Đi học lớp nấu ăn đặc biệt, mua xe thể thao, mua sắm bốc đồng, tập luyện như vận động viên Olympic ở một câu lạc bộ xa xỉ (nơi cô ta gặp người chồng tương lai Richard). Nhưng cô ta luôn bỏ giữa chừng; khiến anh và lũ trẻ phải chịu đựng quá đủ.

Rồi đến vụ việc ấy.

Tháng Sáu, bốn năm về trước.

Parker từ chỗ làm ở phòng Thí nghiệm Tài liệu của Cục về và phát hiện Joan đã bỏ đi, cô vú em đang chăm sóc bọn Who. Bản thân việc đó không có gì khác thường hay đáng lo ngại. Nhưng khi anh lên lầu để chơi với lũ trẻ, anh lập tức nhận ra có gì đó không đúng. Stephie và Robby, khi ấy mới lên bốn, lên năm, đang ngồi trong căn phòng chung của chúng và lắp Tinkertoys. Nhưng Stephanie ngồi không vững. Mắt con bé chẳng hề tập trung và mặt thì đỏ mồn hôi nhể nhại. Parker để ý thấy con bé đã nôn trong lúc tới nhà tắm. Anh đặt con bé lên giường và đo nhiệt độ, hoàn toàn bình thường. Parker không ngạc nhiên khi người vú em chẳng biết gì về việc Stephanie bị ốm; trẻ con thường xấu hổ mỗi khi bị nôn ọe hay bình ra quần, vì thế chúng thường cố giấu các bí mật về những tai nạn đó. Nhưng Stephie, và anh trai nó, có vẻ trốn tránh hơn Parker tưởng rất nhiều.

Mắt thẳng bé cứ liên tục liếc về phía thùng đồ chơi của chúng. (“Để ý ánh mắt đầu tiên,” cuốn Cẩm nang

của anh ra lệnh. “Sau đó mới nghe lời chúng nói”) Parker đi về phía cái thùng và Robby bắt đầu khóc, cầu xin anh đừng mở nó ra. Nhưng tất nhiên, anh đã làm. Và rồi đứng bất động nhìn xuống đồng chai vodka Joan giấu ở đó.

Stephanie đã bị say rượu. Con bé cố bắt chước mẹ nó, uống rượu từ cái cốc Winnie the Pooh của mình.

“Mẹ bảo đừng nói gì về bí mật của mẹ,” thằng bé vừa kể vừa khóc. “Mẹ bảo ba sẽ điên tiết nếu ba biết. Mẹ bảo ba sẽ la bộn con.”

Hai ngày sau, anh bắt đầu các thủ tục ly dị. Anh thuê một luật sư giỏi và yêu cầu Cơ quan bảo vệ trẻ em can thiệp trước khi Joan kịp dựng lên những lời cáo buộc bạo hành mà luật sư nghĩ là cô ta sẽ thử.

Cô ta đấu tranh quyết liệt nhưng đó là cách một người giành giật bộ sưu tập tem hay chiếc xe thể thao chứ không phải điều gì đó họ yêu quý hơn cả mạng sống.

Rốt cuộc, sau khi mất hàng tháng đau đớn và hàng chục ngàn đô la, lũ trẻ thuộc về anh.

Anh đã tưởng anh có thể tập trung sửa chữa lại đời mình và cho lũ trẻ một cuộc sống bình thường.

Đúng là anh đã làm được, trong bốn năm vừa qua. Nhưng giờ cô ta đã trở lại và đang cố thay đổi phán quyết của tòa.

Ồi Joan, sao cô làm điều này? Cô không bao giờ nghĩ cho con hay sao? Cô không hiểu rằng lòng tự tôn của cô, của những bậc làm cha làm mẹ, phải bị gạt đi hoàn toàn khi đặt trước lợi ích của con cái hay sao? Nếu anh nghĩ việc lũ trẻ chia sẻ thời gian ở với cả bố và mẹ sẽ thực sự tốt hơn cho chúng thì anh sẵn sàng đồng ý ngay lập tức; cho dù một phần trong anh sẽ tan nát. Nhưng anh vẫn làm.

Thế nhưng anh tin đó sẽ chỉ là thảm họa cho các con anh. Vì vậy, anh chiến đấu không ngừng nghỉ với vợ cũ trước tòa và cùng lúc bao bọc sao cho các con anh tránh khỏi cảm giác thù địch trong thời gian kiện tụng ấy. Vào những lúc như vậy, bạn phải chiến đấu ở cả hai mặt trận: Chiến đấu với kẻ thù và với chính mong muốn da diết được làm một đứa trẻ và chia sẻ nỗi đau của mình với các con. Nhưng đó là việc bạn không bao giờ được phép làm.

“Ba ơi,” Robby bỗng nói, “ba ngừng đọc rồi kia.”

“Ba tưởng con ngủ rồi.” Anh cười.

“Con chỉ cho mắt nghỉ chút thôi. Chúng mệt quá mà. Nhưng con chưa mệt.”

Parker liếc nhìn đồng hồ. Tám giờ kém mười lăm. Còn mười lăm phút nữa là đến... Không, lúc này đừng nghĩ ngợi về nó.

Anh hỏi con trai, “Con có khiên chưa?”

“Ngay đây ạ.”

“Ba cũng thế.”

Anh lại cầm sách lên và bắt đầu đọc.

[5] Âm chỉ cậu bé nói líu ríu vào nhau khiến Digger không nghe rõ.

Chương 22

Margaret Lukas quan sát các gia đình ở khách sạn Ritz-Carlton.

Cô và Cage đứng ở đại sảnh, nơi hàng trăm con người đang tụ tập chèn chèn và ăn uống. Lukas mặc bộ vét màu xanh hải quân do chính cô thiết kế và tự may. Nó được cắt sát với người cô, may từ vải dạ đắt tiền, đi kèm với chiếc váy xếp ly dài. Cô đã cắt một đường đặc biệt trên chiếc áo để đảm bảo là khẩu Clock 10 đeo bên hông không làm hỏng đường nét thanh lịch của bộ váy áo. Nó sẽ rất hoàn hảo khi đi nghe nhạc kịch hay tới một nhà hàng sang trọng, nhưng thường thì cô chỉ mặc nó khi tới đám cưới và đám tang. Cô gọi nó là bộ vest tang-cưới của mình.

Mười lăm phút nữa là tới tám giờ.

“Không có gì, Margaret,” giọng nói cộc lốc vang lên trong tai nghe của cô. Giọng của C.P. Ardell. Anh đang ở tầng một, chốt ở bãi đậu xe, một lối vào khác của khách sạn, giả vờ là một tay chèn chèn đã hơi ngà ngà say. Viên đặc vụ to lớn mặc bộ quần áo xoàng xĩnh hơn đáng kể so với bộ của Lukas: quần bò loang lổ và áo khoác da của dân lái mô tô. Trên đầu anh là chiếc mũ Redskins, anh đội nó không phải vì lạnh mà vì chẳng có mấy tóc để che sợi dây cáp của chiếc tai nghe. Ngoài ra, còn có thêm sáu mươi lăm đặc vụ mặc thường phục ở trong và quanh khách sạn, tất cả đều được trang bị nhiều súng hơn cả triển lãm súng ống ở El Paso.

Và đều đang tìm một người đàn ông mà họ không hề biết nhân dạng.

Có thể là da trắng, vóc người trung bình.

Có thể đang đeo một sợi dây Thánh giá bằng vàng.

Trong sảnh, Lukas và Cage quan sát những vị khách, đội vác hành lý và các nhân viên khách sạn. Không ai có chút gì giống với mô tả họ có được của Digger. Cô nhận ra họ đang khoanh tay đứng nguyên, trông y hệt hai đặc vụ liên bang ăn vận chỉnh chu, đi theo dõi ai đó.

“Nói gì buồn cười đi,” cô thì thầm.

“Sao cơ?” Cage hỏi.

“Chúng ta sẽ lộ mất. Giả vờ nói chuyện đi.”

“Được thôi,” Cage nói và mỉm cười hết cỡ. “Thế cô nghĩ sao về Kincaid?”

Câu hỏi ấy làm cô bất ngờ. “Kincaid à? Ý ông là sao?”

“Tôi đang nói chuyện đấy thôi.” Một cái nhún vai. “Cô nghĩ gì về cậu ta?”

“Tôi không biết.”

“Chắc chắn cô biết,” Cage khẳng định.

“Anh ta chỉ hiểu về tội phạm, không biết cách sống còn.”

Lần này, cái nhún vai của Cage mang vẻ nhượng bộ. “Hay đấy! Tôi thích điều đó.” Một lúc liền ông không nói gì thêm.

“Ông định nhắm đến cái gì?” Cô hỏi.

“Chẳng có gì. Tôi chẳng nhắm gì cả. Chúng ta chỉ đang giả vờ nói chuyện thôi mà.”

Tốt, cô nghĩ.

Tập trung nào...

Họ quan sát một tá các nghi phạm tiềm năng khác. Cô bỏ qua họ vì những lý do cô biết là chỉ thiên về bản năng chứ không giải thích được.

Khả năng sống còn...

Một lát sau, Cage nói, “Cậu ta là người tốt. Kincaid ấy.”

“Tôi biết. Anh ta rất hữu ích.”

Cage phá lên cười theo kiểu ngạc nhiên của mình, ý là: Tôi năm thóp được cô rồi. Ông nhắc lại, “Hữu ích.”

Lại im lặng.

Cage nói, “Cậu ta mất bố mẹ ngay sau khi tốt nghiệp đại học. Rồi đến cuộc chiến giành quyền nuôi con vài năm trước. Vợ cậu ta đúng là một mẹ điên.”

“Khổ nhì,” cô nói và tiến vào đám đông. Cô va phải một vị khách có chỗ gồ lên đáng ngờ dưới cánh tay, nhưng kịp nhận ra ngay đó là điện thoại di động, nên lại quay về chỗ Cage. Và hỏi một cách bốc đồng, “Chuyện gì đã xảy ra với bố mẹ anh ta?”

“Tai nạn xe cộ. Đại loại cũng điên rồ lắm. Mẹ cậu ta vừa bị chẩn đoán mắc bệnh ung thư và có vẻ căn bệnh đó đến thật đúng lúc. Nhưng họ lại bị một chiếc xe tải đâm phải trên đường Chín lăm, lúc đang tới Johns Hopkins để hóa trị. Bố cậu ta là giáo sư. Tôi đã gặp ông ta đôi lần. Rất tử tế.”

“Thế à?” Cô lăm băm, lại bị phân tâm.

“Lịch sử.”

“Sao cơ?”

“Đó là môn bố của Kincaid dạy. Môn lịch sử.”

Cuối cùng, Lukas nói, “Tôi chỉ cần một cuộc hội thoại giả vờ, Cage à, không phải trò mai mối.”

Ông trả lời, “Tôi đang làm thế à? Tôi mà làm thế sao? Tôi chỉ đang muốn nói là cô sẽ không gặp được nhiều người như Kincaid đâu.”

“À vâng. Chúng ta phải tập trung, Cage.”

“Tôi đang tập trung. Cô cũng đang tập trung. Kincaid không biết tại sao cô lại cẩu thả với cậu ta.”

“Rất đơn giản. Anh ta không thuộc về đội. Tôi sẽ bảo với anh ta như vậy. Và chúng tôi sẽ thu xếp với nhau. Hết chuyện.”

“Cậu ta là người tử tế,” Cage mời chào. “Một người sống tích cực. Lại còn thông minh, trí tuệ rất lạ lùng. Cô phải xem cậu ta giải đồ mới được.”

“Vâng. Tôi chắc là anh ta rất tuyệt vời.”

Tập trung.

Nhưng cô chẳng tập trung nổi. Cô đang nghĩ về Kincaid.

Vậy là anh ta đã nhận lấy chữ V viết hoa của mình trong từ vận rủi: hai cái chết và một vụ ly dị. Một cô vợ khó chiều cùng cuộc vật lộn để tự mình nuôi nấng lũ trẻ. Điều đó giải thích phần nào những gì cô đã thấy.

Kincaid...

Và nghĩ về anh, với tư cách nhà giám định tài liệu, lại khiến cô nhớ về tấm bưu thiếp.

Bưu thiếp của Joey.

Trong chuyến đi không bao giờ có thể trở lại của hai bố con, Tom và Joey đã tới thăm bố mẹ chồng của cô ở Ohio. Đó là ngày trước Lễ tạ ơn. Đứa con trai sáu tuổi đã gửi cho cô một tấm bưu thiếp từ sân bay trước khi họ lên chiếc máy bay định mệnh. Có lẽ là chưa đầy nửa tiếng sau, chiếc 737 đã lao đầu xuống một cánh đồng băng.

Nhưng thằng bé không biết là bạn cần phải dán tem thì mới gửi bưu thiếp đi được. Chắc nó đã nhét vào thùng thư trước khi bố nó biết việc nó vừa làm.

Bưu thiếp đến tay cô một tuần sau đám tang. Nợ tiền cước phí. Cô trả tiền và suốt ba giờ sau đó, cô cẩn thận lột bỏ phần nhãn dán của Dịch vụ bưu chính đã che mất một phần chữ của con trai mình.

Hai bố con vui lắm mẹ ạ. Bà và con đã nướng bánh quy.

Con nhớ mẹ. Con yêu mẹ...

Tấm thiếp từ đứa con trai đã chết của cô.

Giờ đây, nó đang nằm trong ví cô, một bức ảnh hoàng hôn lờ lợ của vùng trung tây. Chiếc nhẫn cưới đã được cô cất trong hộp nữ trang, nhưng tấm thiếp này thì cô luôn giữ bên mình và sẽ còn mang theo đến khi chết.

Sáu tháng sau vụ tai nạn máy bay, Lukas mang bản sao của tấm thiếp tới gặp một nhà đoán tướng chữ và nhờ bà ta phân tích chữ viết của con trai cô.

Người phụ nữ ấy đã nói, “Bất kể người nào đã viết ra cái này, đó là người sáng tạo và quyến rũ. Cậu bé lớn lên sẽ đẹp trai lắm. Và thông minh nữa, không có lòng kiên nhẫn đối với sự giả dối. Cậu bé cũng đầy ắp yêu thương. Cô rất may mắn vì có được một đứa con trai như thế.”

Tổn thêm mười đô la nữa, nhà tướng học đã cho cô ghi âm lại những lời phán của bà. Cứ vài tuần, Lukas lại lắng nghe cuộn băng ấy. Cô ngồi một mình trong phòng khách tối om, châm nến, rót một hai ly rượu và nghe người ta nói con trai mình đáng lẽ sẽ thành người thế nào.

Rồi Parker Kincaid xuất hiện ở trụ sở FBI và tuyên bố bằng cái giọng ta đây biết tuốt của anh rằng đoán tướng chữ chỉ là trò vớ vẩn.

Người ta cũng bói bài và gọi hồn người chết đấy thôi. Toàn lừa bịp.

Không phải! Lúc này cô đang giận dữ với chính mình. Cô tin vào những điều người đoán tướng chữ đã nói.

Cô phải tin. Nếu không, cô sẽ phát điên mất.

Như thế cô mất đi một phần tâm trí khi cô có con. Chúng đánh cắp phần ấy và không bao giờ trả lại.

Đôi khi tôi thấy thật kinh ngạc vì các bậc phụ huynh vẫn còn có thể sinh hoạt được bình thường.

Lời bình phẩm của Tiến sĩ Evans. Lúc ấy, cô đã không chấp nhận nhưng cô biết điều đó hoàn toàn đúng.

Lại còn việc Cage cứ cố gán ghép cô. Đúng là cô và Kincaid rất giống nhau. Họ đều thông minh (và cả kiêu ngạo nữa). Họ đều chịu mất mát trong cuộc sống. Cả hai đều có những bức tường bảo vệ, của anh là để ngăn nguy hiểm ở lại bên ngoài, của cô là để ngăn mình rút hẳn vào thế giới nội tâm, nơi mối nguy đáng sợ nhất tồn tại. Thế nhưng, chính bản năng giúp cô trở thành cảnh sát giỏi đã mách bảo rằng, cho dù không có lý do rõ ràng, giữa hai người sẽ chẳng có tương lai nào. Cô phải trở về với cuộc sống *bình thường* nhất có thể. Cô có con chó Jean Luc. Cô có bạn bè. Cô có đĩa CD. Có câu lạc bộ chạy việt dã. Việc khâu vá. Nhưng về mặt tình cảm, Margaret Lukas đã đến *trạng thái bình bình*, một cụm từ tồn tại trong Cục để chỉ những đặc vụ không còn cơ hội thăng tiến nào nữa.

Không, cô biết sau đêm nay, mình sẽ chẳng bao giờ gặp lại Parker Kincaid. Và việc đó hoàn toàn ổn...

Tai nghe phát ra tiếng động. “Margaret... Lạy Chúa tôi!” Đó là C.P. Ardell đang đứng chốt dưới nhà.

Lukas rút súng ra ngay lập tức.

“Anh có nghi phạm à?” Cô thì thầm vào micro ở ve áo.

“Không” viên đặc vụ kia nói. “Nhưng chúng ta có rắc rối. Dưới này loạn hết cả lên rồi.”

Cage cũng đang lắng nghe. Tay ông hạ xuống gần vũ khí của mình trong lúc nhìn Lukas, cau mày.

C.P. nói tiếp, “Ngài thị trưởng. Ông ta tới đây với cả tá cảnh sát và đội ghi hình nữa, chết tiệt.”

“Không!” Lukas quát, thu hút sự chú ý của đám người gần đó.

“Họ mang cả đèn chiếu sáng và đủ thứ. Tên xạ thủ mà nhìn thấy là hẳn sẽ chuồn ngay. Trông không khác gì rạp xiếc.”

“Tôi xuống ngay đây!”

* * * * *

“Ngài thị trưởng, đây là chiến dịch cấp liên bang và tôi buộc phải yêu cầu ngài rời khỏi ngay lập tức.”

Họ đang ở trong bãi đỗ xe. Lukas lập tức nhận thấy cửa ra vào có điều khiển và để vào được trong này thì phải có vé. Điều đó có nghĩa là biển số xe sẽ bị ghi lại, đồng nghĩa với việc Digger có thể không đến từ lối này: Tên nghi phạm sẽ bảo đảm không được để lại bất cứ dấu vết gì trong mỗi lần tấn công. Nhưng Thị trưởng Kennedy và đoàn tùy tùng chết giẫm của ông lại hướng thẳng tới cửa chính của khách sạn, nơi ông cùng đám vệ sĩ mặc đồng phục sẽ bị tên sát nhân trông thấy ngay lập tức.

Và vì Chúa, lại còn đội quay phim nữa ư?

Kennedy nhìn từ trên xuống Lukas. Ông cao hơn cô cả cái đầu và nói, “Cô sẽ phải đưa các vị khách ra khỏi đây. Sơ tán họ. Khi nào tên sát nhân xuất hiện, hãy để tôi nói chuyện với hắn.”

Lukas lờ ông đi và nói với C.P., “Đã có ai vào được khách sạn chưa?”

“Chưa, chúng tôi đã ngăn họ ngoài này.”

Kennedy tiếp tục, “Sơ tán ngay! Đưa họ ra!”

“Chúng ta không thể làm như vậy,” cô nói. “Digger sẽ biết nếu có điều gì không đúng.”

“Ít nhất cũng phải bảo họ về phòng chứ!”

“Nghĩ mà xem, ngài thị trưởng,” cô quát. “Hầu hết bọn họ không phải là khách. Họ chỉ là dân địa phương tới đây ăn tối hay dự tiệc. Họ làm gì có phòng.”

Lukas nhìn quanh lối ra vào khách sạn và con phố bên ngoài. Nó không đông lắm, các cửa hiệu đã đóng cửa nghỉ lễ hết. Cô thì thầm mạnh mẽ, “Hắn có thể ở đây bất kỳ lúc nào. Tôi sẽ phải yêu cầu ông rời khỏi đây.” Cô đã định dùng chữ *ngài*, nhưng rồi quyết định không làm thế.

“Vậy thì tôi sẽ phải vượt cấp của cô thôi. Ai là cấp trên của cô?”

“Tôi,” Cage nói. Giờ chẳng có nhún vai gì cả. Chỉ còn một cái lừ mắt lạnh lùng. “Ông chẳng có thẩm quyền gì ở đây hết!”

Ngài thị trưởng quát, “Vậy thì ai là cấp trên của ông?”

“Một người mà ông không muốn gọi điện đầu, tin tôi đi.”

“Cứ để tôi tự đánh giá chuyện đó.”

“Không,” Lukas cứng rắn nói, liếc nhìn đồng hồ. “Ngay lúc này, Digger có thể đã ở trong tòa nhà. Tôi không có thời gian để tranh cãi với ông. Tôi muốn ông và người của ông ra khỏi đây ngay!”

Kennedy nhìn trợ lý của mình. Tên anh ta là gì nhỉ? Jefferies, cô nghĩ vậy. Một phóng viên đang ở gần đó, ghi lại toàn bộ cuộc trao đổi.

“Tôi sẽ không để FBI mạo hiểm mạng sống của những con người này. Tôi sẽ...”

“Đặc vụ Ardell,” cô nói, “bắt giữ ngài thị trưởng.”

“Cô không thể bắt giữ ông ấy,” Jefferies quát.

“Có, cô ấy có quyền,” lúc này, Cage đã giận dữ nói, với một cái nhún vai quá nhanh. “Và cô ấy có thể bắt luôn anh đấy.”

“Đưa ông ấy ra khỏi đây,” Lukas nói.

“Nhốt không?”

Lukas cân nhắc. “Không. Chỉ trông chừng và ngăn ông ấy không xen ngang cho đến khi chiến dịch kết thúc.”

“Tôi sẽ gọi luật sư của tôi và...”

Cơn giận dữ bùng nổ bên trong cô, mãnh liệt ngang bằng cơn giận đã khiến cô mắng mỏ Kincaid. Cô nhìn lên ông ta, xia một ngón tay vào ngực. “Thị trưởng, đây là chiến dịch của tôi và ông đang cản trở nó. Tôi sẽ để ông tự đi theo đặc vụ Ardell, nếu không, ông sẽ bị tổng vào nhà giam. Hoàn toàn do ông quyết định.”

Có một khoảng lặng. Lukas thậm chí không hề nhìn thị trưởng; mắt cô liên tục quét qua bãi đỗ xe, vỉa hè, các chỗ khuất sáng. Không có dấu hiệu của bất kỳ ai trông có vẻ giống Digger.

Kennedy nói, “Được thôi.” Ông ta gật đầu về phía khách sạn. “Nhưng nếu đêm nay còn vụ đổ máu nào nữa, thì tất cả là lỗi tại cô.”

“Hãy lo địa hạt của mình ấy,” cô lẩm bẩm trong lúc nhớ lại mình đã đe dọa Kincaid bằng đúng những lời đó. “Đi đi, C.P.”

Đặc vụ dẫn thị trưởng về lại chiếc limo của ông ta. Hai người vào trong. Jefferies nhìn trừng trừng Lukas với vẻ thách thức trong giây lát nhưng cô đã nhanh nhẹn quay đi và cùng Cage trở vào trong khách sạn.

“Chết tiệt,” Cage nói.

“Không, tôi nghĩ là không sao đâu. Tôi không nghĩ Digger thấy được chuyện vừa rồi.”

“Ý tôi không phải vậy. Nghĩ mà xem, nếu Kennedy biết chúng ta đang ở đây, tức là chúng ta đã bị rò rỉ thông tin. Cô nghĩ là từ chỗ quái nào?”

“Ồ, tôi biết chứ.” Cô lấy điện thoại di động và thực hiện một cuộc gọi.

* * * * *

“Thanh tra,” Lukas nói, vật lộn kiềm chế cơn giận của mình, “anh biết rằng thông tin về hoạt động tác chiến là bí mật. Anh có muốn cho tôi biết lý do vì sao tôi không nên báo lại chuyện anh vừa làm với Công tố viên Hoa Kỳ không?”

Cô tưởng Len Hardy sẽ phủ nhận hay ít nhất là biện minh gì đó về lỗi lầm hay chuyện bị lừa. Nhưng cô ngạc nhiên khi anh ta nói chắc nịch, “Cứ việc báo cáo những gì cô muốn nhưng Kennedy muốn có cơ hội thương thuyết với xạ thủ. Tôi đã cho ông ta cơ hội đó.”

“Tại sao?”

“Bởi vì cô sẵn sàng để cho... một tá người phải chết? Hay là hai tá nhỉ?”

“Nếu điều đó có nghĩa là ngăn chặn được tên sát nhân thì đúng đấy, chính xác là những gì tôi sẵn sàng làm.”

“Kennedy bảo ông ấy có thể nói chuyện với hân. Dụ hân lấy tiền. Hân...”

“Anh có biết ông ta xuất hiện với cả đội quay phim chết tiệt không?”

Giọng Hardy đã không còn chắc chắn nữa, “Gì... gì cơ?”

“Một đội quay phim bên truyền hình. Ông ta diễn cho báo chí xem. Nếu Digger trông thấy đèn đỏm, rồi cảnh sát làm vệ sĩ... hân sẽ chuẩn luôn và tìm mục tiêu khác.”

“Ông ấy nói mình chỉ muốn nói chuyện với hân,” Hardy đáp lại. “Tôi đã không biết ông ta sẽ dùng việc ấy để PR cho chính mình.”

“À, thế mà có đấy!”

“Digger có...?”

“Tôi không nghĩ hân trông thấy gì đâu.”

Im lặng một lát. “Tôi xin lỗi, Margaret.” Anh ta thở dài. “Tôi chỉ muốn làm gì đó. Tôi không muốn có người phải chết nữa. Tôi rất tiếc.”

Lukas siết chặt điện thoại. Cô biết mình phải sa thải người này, loại anh ta ra khỏi đội. Có lẽ là báo cáo phàn nàn lên Sở cảnh sát Đặc khu nữa. Thế nhưng, cô lại hình dung ra cảnh một chàng trai trở về, ngồi nhà

vắng lặng y như nơi mỗi tối cô vẫn phải trở về sau khi Tom và Joey qua đời, một sự im lặng đau đớn như cái tát từ tình nhân. Anh phải nghỉ lễ ở đó một mình, buộc phải trải qua thời kỳ để tang giả Emma, người vợ không còn sống nhưng cũng chưa hẳn đã chết.

Có vẻ như anh ta đã cảm nhận được phút yếu lòng của cô và nói, “Sẽ không bao giờ có chuyện như vậy nữa. Hãy cho tôi một cơ hội.”

Có? Không?

“Được rồi, Len. Chúng ta sẽ nói chuyện đó sau.”

“Cảm ơn cô, Margaret.”

“Chúng tôi phải quay lại chỗ mai phục.”

Cô tắt điện thoại đột ngột và nếu Hardy có nói gì thêm, cô cũng sẽ chẳng bao giờ biết. Cô trở về sảnh khách sạn Ritz-Carlton.

Lukas lại nhét súng trượt xuống dưới hông một lần nữa, gài nó vào bên đùi và bắt đầu đi vòng trong đám đông. Cage gõ nhịp trên chiếc đồng hồ. Chỉ còn vài phút nữa là đến tám giờ.

* * * * *

Họ nhìn qua rào chắn vào hồ nước tối đen và nói đùa về *Titanic*; họ ăn tôm và bỏ lại món gan gà; họ nói chuyện về rượu, tỷ lệ lãi xuất, về các kỳ bầu cử sắp tới lẫn những vụ bê bối của Nghị viện và các bộ phim hài sitcom.

Hầu hết đàn ông đều mặc lễ phục hay áo khoác dự tiệc, đa phần phụ nữ mặc váy đen với những vạt váy chỉ cách mặt sàn bóng loáng độ vài phân.

“Tuyệt quá phải không? Nhìn cảnh trí này.”

“Chúng ta có thấy được pháo hoa không nhỉ?”

“Hank đi đâu rồi? Anh ấy lấy mất bia của tôi.”

Hàng trăm người dự tiệc đang tụ tập trên chiếc du thuyền dài. Ở đây có ba boong tàu và bốn quầy bar, tất cả mọi người trong bữa tiệc tất nhiên đều cảm thấy rất tuyệt.

Các vị luật sư và bác sĩ có được một vài giờ bình yên, tránh xa khỏi cảnh ngộ của những thân chủ và bệnh nhân. Bố mẹ được tận hưởng chút nghỉ ngơi hiếm hoi khi không có sự hiện diện của con cái. Còn các cặp tình nhân thì nghĩ đến việc tìm một cabin trống.

“Vậy ông ta sẽ làm gì, tôi nghe nói ông ta sẽ tranh cử nhưng các cuộc trưng cầu tị lỗi, sao ông ta không, ồ, thế còn Salley Claire Tom, họ có lấy được chỗ ở Warrenton thật không, chà, tôi không biết làm sao anh ta mua nổi nó...”

Từng phút trôi qua và thời gian dần trôi về đúng tám giờ.

Tất cả mọi người đều hạnh phúc.

Những con người lịch lãm tận hưởng bữa tiệc cùng sự bầu bạn của những người xung quanh.

Cảm kích vì tầm nhìn để có thể ngắm đợt bắn pháo hoa vào thời khắc Giao thừa, cảm kích vì cơ hội được chúc tụng và tránh xa những áp lực của thủ đô trong một đêm.

Cảm kích vì những tiện nghi được thủy thủ đoàn và nhà bếp chu cấp cho họ trên chiếc du thuyền sang trọng Ritzy Lady. Nó đang đường hoàng ngự trên bến tàu nơi dòng sông Potomac, cách cầu phố Fourteenth chính xác hai dặm về phía nam.

Chương 23

Robby đã chuyển từ J. R. R Tolkien sang Nintendo.

Có vẻ như thằng bé không còn buồn nữa. Parker chẳng thể chịu được thêm; anh phải tìm hiểu về Digger, về vụ tấn công mới nhất. Lukas và Cage có thành công không? Họ có tìm được hắn không?

Họ đã giết được hắn chưa?

Anh tìm đường đi qua đồng hồ chơi trên sàn và xuống tầng một, Stephie đang ở trong bếp với bà Cavanaugh. Con bé nheo mắt tập trung trong lúc đang cạo một lọ thép không rỉ của Parker. Nó đã làm một cây thông Noel bằng bắp rang bơ caramel, trên đó có rắc đường màu xanh. Cái cây được đặt nghiêng ngả một cách quẹo rũ trên cái đĩa ở mặt quầy.

“Xinh lắm, Who ạ,” anh bảo con bé.

“Con đã cố đặt mấy quả bóng màu bạc lên trên nhưng chúng cứ rơi xuống.”

“Robby sẽ thích lắm.”

Anh định xuống phòng làm việc nhưng chợt trông thấy vé hốc hác trên gương mặt con.

Anh vòng tay quanh cô bé. “Anh con không sao đâu. Con biết mà.”

“Con biết.”

“Ba xin lỗi vì tối nay lại hỏng hết cả.”

“Không sao ạ.”

Tất nhiên như thế tức là có sao.

“Mai ba con mình sẽ cùng nhau vui chơi... Nhưng cưng à, con biết không? Có thể ba lại phải vào viện chăm sóc bạn ba.”

“Ồ, con biết ạ,” Stephie nói.

“Thật sao?”

“Con nhận ra mà. Đôi lúc ba ở nhà nhưng đôi lúc lại như không ở nhà. Tối nay, khi ba về, trông ba như đang không ở nhà.”

“Ngày mai, ba sẽ ở nhà thật sự. Hình như mai có tuyết đấy. Con có muốn đi trượt tuyết không?”

“Có ạ! Con làm chocolate nóng được không ba?”

“Ba đang hy vọng là con làm món đó.” Anh ôm con gái rồi đứng dậy đi vào phòng làm việc để gọi điện cho Lukas. Anh không muốn con gái nghe được cuộc nói chuyện.

Nhưng qua cửa sổ đã kéo rèm, anh trông thấy chuyển động trên vỉa hè, một người đàn ông, anh nghĩ vậy.

Parker bước thật nhanh đến bên cửa sổ và nhìn ra. Không thấy ai, chỉ là một chiếc xe anh không quen.

Anh thò tay vào túi quần và chạm phải lớp kim loại lạnh trên khẩu súng của Lukas.

Ồ, đừng thêm lần nào nữa... Anh đang nghĩ về *Người chèo thuyền*, hồi tưởng cái đêm kinh hoàng nọ.

Tiếng súng to quá...!

Chuông cửa reo.

“Ba mở cho,” anh đột ngột hét lên và liếc nhìn vào trong bếp. Stephie đang chớp mắt. Một lần nữa, cách cư xử bộp chộp của anh làm lũ trẻ giật mình. Tuy nhiên, không có thời gian để an ủi con bé.

Tay đặt trong túi quần, anh nhìn qua cửa kính và thấy một đặc vụ FBI anh đã quen mặt từ lúc tối. Anh thả lỏng, tựa đầu vào khung cửa. Hít thở thật sâu để làm mình bình tĩnh lại rồi mở cửa bằng bàn tay vẫn còn run rẩy. Viên đặc vụ thứ hai bước lên bậc thềm. Anh nhớ lại Lukas từng nói rằng cô sẽ cử người tới canh chừng nhà anh.

“Đặc vụ Kincaid?”

Anh gật đầu. Nhìn qua vai để đảm bảo Stephie không ở trong tầm nghe.

“Đặc vụ Margaret Lukas cử chúng tôi tới để bảo vệ gia đình anh.”

“Cảm ơn anh. Chỉ cần đỗ xe ngoài tầm nhìn nếu anh phải làm nhiệm vụ. Tôi không muốn làm lũ trẻ lo lắng.”

“Chắc chắn rồi ạ.”

Anh liếc nhìn đồng hồ. Nhẹ cả lòng. Nếu Digger đã tấn công lần nữa thì Cage hoặc Lukas hẳn đã phải gọi điện. Có lẽ họ thực sự đã bắt được tên khốn.

“Xạ thủ trong vụ Metro?” Anh hỏi. “Tên Digger ấy. Họ bắt được hắn chưa?”

Cái nhìn giữa hai người đàn ông làm Parker lạnh cóng.

Ồi không...

“Anh...”

Trong nhà, điện thoại bắt đầu đổ chuông. Anh thấy bà Cavanaugh đang trả lời.

“Tên xạ thủ đã lên lên một chiếc du thuyền đang mở tiệc trên sông Potomac. Giết mười một người, làm bị thương hơn hai mươi người. Tôi tưởng anh biết rồi.”

Ồi, Chúa ơi, không...

Cảm giác buồn nôn bỗng dâng trào trong anh.

Mình ngồi đây đọc sách trẻ con trong khi người ta thì bị giết. *Anh đã sống trong Sesame Street...*

Anh hỏi, “Đặc vụ Lukas... cô ấy có sao không? Còn đặc vụ Cage nữa?”

“Không sao. Họ không ở gần chiếc thuyền. Họ tìm được một manh mối ghi ‘Rite’, nên lầm tưởng là Digger sắp tấn công một trong hai khách sạn Rite. Nhưng không phải. Tên của chiếc thuyền là Ritzy Lidy. Xui xẻo quá hả?”

Viên đặc vụ kia thì nói, “Bảo vệ đã bắn được vài phát súng và khiến tên xạ thủ chạy mất. Sự việc chẳng tồi tệ như đáng lẽ phải thế. Nhưng họ không bắn trúng hần, đó là họ nghĩ vậy.”

Xui xẻo à?

Không, chẳng có may rủi nào ở đây. Khi bạn không giải được một câu đố, đó không phải là vì vận may.

Ba con diều hâu...

Anh nghe tiếng bà Cavanaugh, “Anh Kincaid?”

Anh ghé nhìn vào trong.

Mười một người chết.

“Điện thoại của anh.”

Parker bước vào bếp. Anh cầm điện thoại lên, tưởng sẽ nghe thấy giọng của Lukas hay Cage.

Nhưng đó lại là một giọng nam trung trơn tru, lịch sự mà anh không hề quen. “Anh Kincaid phải không?”

“Vâng? Ai đấy?”

“Tôi là Slade Phillips, Đài WPLT. Anh Kincaid, chúng tôi đang làm một bản tin đặc biệt về các vụ xả súng đêm Giao thừa. Một nguồn tin giấu tên cho chúng tôi biết rằng anh đã đóng góp vào cuộc điều tra và có thể là người phải chịu trách nhiệm cho những sơ sẩy đã dẫn FBI đến khách sạn Ritz-Carlton trong khi thực tế, tên giết người lại nhắm vào nơi khác. Chúng tôi sẽ phát sóng chương trình lúc chín giờ. Chúng tôi muốn cho anh một cơ hội để biện hộ. Anh có gì để nói không?”

Parker hít vào thật mạnh. Anh tin rằng tim mình đã ngừng đập trong chốc lát.

Đây chính là kết thúc... Joan sẽ phát hiện ra. Tất cả mọi người sẽ phát hiện ra.

“Anh Kincaid?”

“Tôi không có bình luận nào.” Anh đập máy nhưng trượt tay. Anh nhìn điện thoại lao xuống theo đường xoắn ốc và va đập vào sàn với tiếng cạch vang rền.

* * * * *

Digger trở lại căn phòng ẩm cúng của hần.

Nghĩ về chiếc thuyền, nơi hần xoay vòng quanh như là... *click...* như là con quay giữa những chiếc lá vàng và đỏ trong khi bắn khẩu Uzi của hần, và bắn, và bắn, và bắn.

Nhìn người ta đổ rầm, gào thét, lẫn bỏ chạy. Đại loại như vậy.

Lần này không giống lần ở rạp hát. Không, không, lần này hần bắn được rất nhiều người. Chắc người chỉ dạy hần mọi điều sẽ thấy vui lắm.

Digger khóa cửa phòng trọ và việc đầu tiên hần làm là tới chỗ sofa để nhìn Tye. Thằng bé vẫn đang ngủ. Chấn đã tuột khỏi người nên Digger đắp lại cho nó.

Digger bật ti vi lên và nhìn những hình ảnh của con thuyền Ritey Lady. Một lần nữa, hần trông thấy cái người quen quen, ngài... *click...* thị trường. Thị trường Kennedy. Ông ta đang đứng trước mũi thuyền, mặc một bộ vest đẹp và đeo cà vạt đẹp. Thật kỳ quặc khi ông ta mặc bộ vest hào nhoáng như thế mà lại đang đứng trước những cái túi đựng xác. Ông ta nói vào micro nhưng Digger chẳng nghe thấy được vì hần không bật tiếng, hần chẳng muốn đánh thức Tye.

Hần tiếp tục xem một lúc nữa song không có quảng cáo nào, nên vừa thất vọng tắt ti vi, vừa nghĩ, “Ngủ ngon, ngài thị trường.”

Hắn bắt đầu gói ghém đồ đạc của mình một cách từ tốn.

Họ tới dọn phòng mỗi ngày. Ngay cả Pamela cũng không làm vậy. Nàng rất giỏi trồng hoa và giỏi mấy chuyện trên giường. Cái... *click, click*... chuyện ấy.

Não lộn tùng phèo, đạn nảy lung tung trong hộp... hộp... hộp sọ.

Vì lý do gì đó, hắn nghĩ đến Ruth.

“Ôi Chúa ơi, không,” Ruth nói. “Đừng làm vậy!”

Nhưng hắn đã được dặn là phải làm, đâm một mảnh kính dài vào cổ họng cô ta, và thế là hắn làm. Cô ta rùng mình trong lúc chết. Hắn nhớ là như vậy. Ruth, rùng mình.

Rùng mình như trong ngày Giáng sinh ấy, mười hai hai mươi lăm, một hai hai năm, khi hắn nấu súp cho Pamela, rồi tặng quà cho nàng.

Hắn nhìn Tye. Hắn sẽ đưa thằng bé đi... *click*... về miền tây với hắn. Người đàn ông chỉ dạy hắn mọi điều đã bảo rằng anh ta sẽ gọi hắn sau khi họ xong việc ở Washington, D.C., rồi bảo cho hắn biết phải đi đâu tiếp theo.

“Chỗ đó là chỗ nào?” Digger đã hỏi.

“Tôi không biết. Có thể là miền tây.”

“Miền tây là chỗ nào?” Hắn hỏi.

“California. Có thể là Oregon.”

Nhưng đôi khi vào những lúc đêm muộn, khi đã ăn no súp và đang mỉm cười với các quảng cáo hài hước, hắn nghĩ về chuyện đi đến miền tây, tưởng tượng mình sẽ làm gì ở đó.

Lúc này, trong khi đang thu dọn, hắn quyết định chắc chắn mình sẽ mang theo thằng bé. Tới miền tây... *click*.

Miền tây.

Phải, như thế sẽ hay lắm. Sẽ tuyệt lắm. Sẽ vui lắm.

Hai người có thể ăn súp và ớt, có thể xem ti vi. Hắn có thể kể cho thằng bé nghe về các quảng cáo trên ti vi.

Pamela, vợ Digger, với một bông hoa trên tay và cây Thánh giá bằng vàng giữa ngực, đã từng xem quảng cáo cùng hắn.

Nhưng họ không bao giờ có một đứa con như Tye để cùng xem quảng cáo.

“Tôi á?” Pamela hỏi. “Có con với anh? Anh bị điên hả, tên khùng kia...” *Click*. “... tên khùng? Sao anh không cú đi? Sao anh vẫn còn ở đây? Mang món quà khốn nạn của anh đi và cú xéo. Xéo ngay. Anh có...”

Click...

Nhưng tôi càng yêu em...

“Anh cần tôi phải đánh vần cho anh à? Tôi đã ngủ với William cả năm nay rồi. Anh vẫn còn chưa biết sao? Cả thị trấn này đều biết, trừ anh. Nếu định có con, tôi sẽ có con với anh ấy.”

Nhưng tôi càng yêu em nhiều hơn.

“Anh đang làm cái gì? Ôi Ch...*Click*...úa ơi. Đặt nó xuống!”

Ký ức đang tua rất nhanh trong đầu Digger.

“Không, đừng!” Nàng hét lên, nhìn chăm chăm vào con dao trên tay hắn. “Đừng!”

Hắn đâm con dao vào ngực nàng, ngay bên dưới cây Thánh giá bằng vàng đã tặng nàng vào sáng hôm đó, lễ Giáng sinh. Một bông hồng xinh đẹp liền nở rộ trên áo sơ mi của nàng! Hắn đâm dao vào ngực nàng thêm một lần nữa, bông hồng càng nở to hơn.

Và máu chảy, máu chảy, máu chảy, Pamela chạy... đi đâu? Đi đâu? Tủ quần áo, phải rồi, tủ quần áo trên gác. Chảy máu và bỏ chạy. “Ôi Chúa ơi, Chúa ơi, Chúa ơi...”

Pamela gào thét, giơ khẩu súng lên, chĩa thẳng vào đầu hắn, tay nàng nở ra thành bông hoa màu vàng xinh đẹp và hắn cảm nhận một cú thọc vào thái dương. *Tôi càng yêu em...*

Digger tỉnh dậy sau đó.

Điều đầu tiên hắn trông thấy là khuôn mặt của người chỉ dạy hắn mọi điều.

Click, click...

Lúc này, hắn đang gọi vào hòm thư thoại. Không có tin nhắn.

Anh ta đang ở *đâu*, người chỉ dạy hắn mọi điều?

Nhưng không còn thời gian để nghĩ ngợi, để buồn hay vui nữa, dù chúng là gì. Chỉ còn thời gian để chuẩn bị cho cuộc tấn công cuối cùng.

Digger mở khóa tủ. Hắn lấy ra khẩu súng tự động thứ hai, cũng là một khẩu Uzi. Hắn đeo đôi găng tay cao su mùi hắc hắc vào và bắt đầu nạp đạn.

Lần này là hai khẩu súng. Không có túi mua hàng nữa. Hai khẩu và rất, rất nhiều đạn. Người đàn ông chỉ dạy hắn mọi điều đã bảo rằng lần này hắn phải bắn nhiều người hơn tất cả những lần trước.

Vì đây sẽ là thời khắc cuối cùng của đêm cuối cùng trong năm.

Chương 24

Parker Kincaid mồ hôi nhễ nhại chạy vào phòng Thí nghiệm Tài liệu của FBI.

Lukas bước về phía anh. Mặt cô còn tái hơn trong trí nhớ của anh. “Tôi đã nhận được tin nhắn,” cô nói. “Tay phóng viên đó, Phillips, anh ta đã tiếp cận một người trong phòng thư tín. Bằng cách nào đó, anh ta đã tìm ra tên thật của anh.”

“Cô đã hứa,” anh cúi.

“Tôi xin lỗi, Parker,” cô đáp lại. “Tôi rất tiếc. Tin không lọt ra từ đây. Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra.”

Tiến sĩ Evans và Tobe Geller im lặng. Họ biết có chuyện gì nhưng không muốn dính vào, bởi đã trông thấy cái nhìn trong mắt Parker. Cage thì chẳng có trong phòng.

Parker đã gọi họ từ điện thoại di động trong lúc tăng tốc từ Fairfax vào trung tâm thành phố, với cái đèn hiệu của cảnh sát mượn được từ hai đặc vụ nằm vùng ngoài nhà anh. Tâm trí anh cũng đang chạy đua. Làm sao anh kiểm soát được thảm họa này? Tất cả những gì anh muốn là giúp cứu vài mạng sống. Đó là động cơ duy nhất của anh, cứu sống vài đứa trẻ. Thế mà chuyện gì đã xảy ra...

Giờ chính con anh sẽ bị lấy mất khỏi tay anh.

Anh mừng tượng ra cơn ác mộng nếu Joan có được quyền giám hộ một nửa. Cô ta sẽ mau chóng hết hứng thú làm mẹ. Nếu không tìm được vú em, cô ta sẽ để mặc chúng một mình giữa trung tâm mua sắm. Cô ta sẽ mất bình tĩnh với chúng. Chúng sẽ phải tự nấu ăn, tự giặt quần áo. Anh đang tuyệt vọng.

Vì cái quái gì mà anh lại cân nhắc lời đề nghị giúp đỡ của Cage đêm nay chứ?

Một chiếc ti vi nhỏ đặt trên bàn gần đó. Parker bật kênh tin tức. Vừa đúng chín giờ. Màn quảng cáo vừa kết thúc và hình ảnh tươi cười của *đội tin tức* WPLT đang hiện trên màn hình.

“Cage đâu?” Anh tức giận hỏi.

“Tôi không biết,” Lukas trả lời. “Đâu đó trên lầu.”

Họ có thể chuyển ra khỏi bang không? Anh điên cuồng tự hỏi. Nhưng không, Joan sẽ đấu tranh với chuyện đó và tòa án Virginia vẫn còn có thẩm quyền.

Trên màn hình, tên khốn Phillips ngược lên từ một đồng giấy tờ và nhìn thẳng vào camera với biểu hiện chân thành kịch cỡm.

“Xin chào quý vị. Tôi là Slade Phillips... Mười một người đã chết và hai mươi chín người bị thương đúng một giờ trước trong vụ xả súng hàng loạt lần thứ ba liên tiếp đang làm kinh hoàng cả thủ đô Washington đêm nay. Trong bản tin đặc biệt này, chúng tôi sẽ có các cuộc phỏng vấn độc quyền với nạn nhân và cảnh sát tại hiện trường. Thêm vào đó, WPLT đã thu được một đoạn video đặc biệt về hiện trường của vụ giết người gần đây nhất: trên một du thuyền neo tại sông Potomac.”

Hai tay nắm chặt, Parker lặng lẽ theo dõi.

“WPLT cũng được biết rằng cảnh sát và các đặc vụ FBI đã được cử tới một khách sạn, nơi người ta lầm tưởng là tên giết người sẽ tấn công, và chỉ còn rất ít cảnh sát lẫn đặc vụ đáp lại tin báo xả súng trên thuyền. Hiện vẫn chưa rõ ai là người phải chịu trách nhiệm cho sai sót này nhưng một nguồn tin của chúng tôi đã... báo về rằng...”

Giọng Phillips trượt đi. Đầu của phát thanh viên nghiêng sang một bên, có lẽ là đang lắng nghe ai đó qua chiếc tai nghe màu da người nhét trong tai. Anh ta liếc nhìn camera bên phải và một cái cau mày thoáng qua trên khuôn mặt. Có một chút ngập ngừng rồi miệng anh ta trễ xuống một cách thảm hại khi đọc: “Nguồn tin của chúng tôi cho hay Thị trưởng Gerald D. Kennedy của đặc khu Columbia đã bị các nhà chức trách liên bang bắt giữ, có thể do liên quan đến chiến dịch bất thành lần này... Hiện đang có mặt ở hiện trường của vụ xả súng mới nhất là Cheryl Vandover. Cheryl cô có thể cho chúng tôi biết...”

Cage đi vào phòng thí nghiệm, vẫn mặc áo khoác trên người. Ông tắt ti vi đi.

Parker nhắm mắt và thở hắt ra. “Lạy Chúa!”

“Xin lỗi anh, Parker,” Cage nói. “Đôi khi cũng có những kẻ hờ trong công việc. Nhưng tôi đã cam kết với anh và sẽ làm mọi cách để giữ đúng thỏa thuận ấy. Có điều này, đừng bao giờ hỏi tại sao tôi làm được. Anh chắc chắn không muốn biết đâu. Giờ, chúng ta chỉ còn một cơ hội nữa. Hãy tóm tên khốn đó! Và lần này, không được phép thất bại.”

* * * * *

Chiếc limo từ từ tấp vào lề đường trước cửa Tòa thị chính như một chiếc du thuyền đang vào bến đỗ.

Thị trưởng Jerry Kennedy không thích sự tương đồng đó nhưng không ngăn nổi mình so sánh. Ông vừa mới ở bên bờ sông Potomac để an ủi những người sống sót và thị sát thiệt hại do tên Digger gây ra. Người vợ cao gầy của ông, bà Claire, cũng có mặt. Cả hai rất ngạc nhiên khi thấy những viên đạn đã xé toạc boong tàu, cabin lẫn bàn ghế thành từng mảnh như thế nào. Ông chỉ có thể hình dung chúng đã làm gì với thi thể của các nạn nhân.

Ông vươn người tới và tắt ti vi đi.

“Làm sao hấn dám?” Claire thì thầm, nhắc đến gợi ý của Slade Phillips rằng chính Kennedy là người phải chịu trách nhiệm cho những cái chết trên tàu theo một cách bí hiểm nào đấy. Wendell Jefferies cũng vươn người tới, gục cái đầu bóng loáng của anh ta lên hai bàn tay. “Phillips... tôi đã trả tiền cho hấn. Tôi...”

Kennedy vẫy tay bảo anh ta im lặng. Rõ ràng trợ thủ của ông đã quên mất tay đặc vụ to lớn, hói đầu đang ngồi ghế trước. Hồi lộ phóng viên rõ ràng là hành vi phạm pháp cấp liên bang.

Phải, Jefferies đã trả cho Slade Phillips hai trăm ngàn đô la. Và không, họ sẽ chẳng bao giờ lấy lại được nó.

“Bất kể có chuyện gì,” Kennedy buồn rầu nói với Jefferies và Claire, “Tôi cũng không muốn thuê Slade Phillips làm thư ký báo chí của mình đâu.”

Cách nói của ông vẫn tỉnh bơ như mọi khi và phải mất một phút hai người kia mới nhận ra ông chỉ đang nói đùa. Claire cười. Jefferies thì dường như vẫn còn đang bị sốc.

Điều hài hước ở đây là Kennedy sẽ không bao giờ cần đến thư ký báo chí nữa. Cựu chính trị gia chẳng cần tới họ. Ông muốn hét lên và muốn khóc.

“Giờ chúng ta phải làm gì?” Claire hỏi.

“Chúng ta sẽ uống một ly rồi tới bữa tiệc của Hiệp hội giáo viên người Mỹ gốc Phi. Ai mà biết được? Có thể Digger sẽ vẫn xuất hiện và đòi tiền. Tôi có thể vẫn còn cơ hội để gặp hấn trực tiếp.”

Claire lắc đầu, “Sau chuyện đã xảy ra trên tàu ư? Anh không thể tin hấn. Hấn sẽ giết anh.”

Làm sao giết tôi được nữa khi bọn nhà báo đã kết liễu tôi từ tối nay rồi, Kennedy nghĩ.

Claire xịt một làn sương nước hoa từ chiếc lọ nhỏ lên mái tóc thưa mỏng của mình. Kennedy thích mùi hương ấy. Nó khiến ông cảm thấy nhẹ nhõm. Người phụ nữ mạnh mẽ ở tuổi năm mươi chín với đôi mắt sắc sảo này đã luôn là cố vấn chính của ông kể từ những ngày đầu năm chính quyền nhiều năm về trước. Mặc xác có phải là bao che dung túng người nhà không; chỉ vì lý do bà là người da trắng mà ông đã chẳng thể đưa bà lên làm trợ lý thứ nhất của thị trưởng: Chính bà cũng khẳng khái cho rằng việc làm ấy sẽ khiến ông gặp bất lợi ở Đặc khu Columbia có tới sáu mươi phần trăm người da màu.

“Tất cả những chuyện này sẽ tẽ đến đâu?” Bà hỏi.

“Đến đâu hay đến đó thôi.”

Claire Kennedy gật đầu và đặt tay lên một bên chân mập mạp của chồng.

Cả hai không nói gì trong một lúc.

“Trong này có ít champagne nào không?” Đột nhiên ông hỏi và gật đầu về phía quầy bar nhỏ.

“Champagne à?”

“Đúng vậy. Để ăn mừng sớm sự thất bại nhục nhã của tôi.”

“Ông đã muốn dạy học,” bà chỉ ra. Rồi nói thêm với một cái nháy mắt, “Giáo sư Kennedy.”

“Bà cũng thế mà, Giáo sư Kennedy. Chúng ta sẽ bảo William và Mary là chúng ta muốn có hai lớp học thông nhau.”

Bà mỉm cười với ông và mở quầy bar nhỏ trên chiếc limo.

Nhưng Jerry Kennedy không cười. Dạy học sẽ là một thất bại. Sự nghiệp thành công ở hãng Luật Dupont Circle cũng sẽ là một thất bại. Tận sâu trong trái tim, ông biết rằng mục đích cuộc đời mình chính là biến vùng đất lầy lội hình thù kỳ lạ và đầy nhọc nhằn này trở thành một nơi đáng sống hơn cho những thế hệ trẻ trót sinh ra ở đây, rằng *Dự án 2000* của ông chính là thứ gần nhất trong tầm với để biến điều đó thành sự thật. Giờ thì mọi hy vọng đã bị hủy hoại.

Ông liếc nhìn vợ. Bà đang cười.

Rồi bà chỉ tay vào quầy bar. “Gallo và Budweiser.”

Còn gì khác ở Đặc khu Columbia này được nữa?

Kennedy nhắc tay nắm cửa và bước vào trời đêm mát lạnh.

* * * * *

Cuối cùng súng đã nạp đạn xong.

Bộ giảm thanh hắn đang dùng cũng đã được lắp lại còn cái mới thì đang nằm trên khẩu súng thứ hai.

Digger kiểm tra túi áo trong căn phòng ẩm cúng của mình. Xem nào... Hắn có khẩu lục và hai khẩu nữa để trong ngăn đựng găng của ô tô. Cùng rất, rất nhiều đạn.

Digger mang va li ra xe. Người đàn ông chỉ dạy hắn mọi điều bảo rằng nhà trọ đã được thanh toán đủ. Khi nào đến lúc phải đi, hắn chỉ việc đi thôi.

Hắn đóng gói mấy hộp súp cùng đĩa và cốc của mình, cho chúng vào một chiếc hộp và mang ra chiếc Toyota Everyday People.

Digger quay lại phòng rồi nhìn cậu bé Tye gầy gò mấy phút, lại bắn khoăn miên tây là... *click*... là nơi nào, sau đó, hắn quần chần quanh người cậu bé. Và mang thẳng bé nhẹ như một chú cún tới chỗ ô tô, đặt nó nằm ở băng ghế sau.

Digger ngồi sau tay lái nhưng không khởi động xe ngay. Hắn quay người lại nhìn thẳng bé thêm một lúc. Cuộn tằm chần quanh đôi chân đang đi giày chạy đã rách bướm của nó.

Ai đó đã từng nói. Ai nhỉ? Pamela? William? Người đàn ông chỉ dạy hắn mọi điều?

“Ngủ ngon...”

Click, click.

Chờ đã, chờ đã, chờ đã.

“Ta muốn cháu...” *Click, click.*

Đột nhiên, chẳng còn Pamela, cũng chẳng còn Ruth với mảnh kính trên cổ, không còn người đàn ông chỉ dạy hắn mọi điều. Chỉ còn Tye.

“Ta muốn cháu ngủ ngon,” Digger nói với thân hình bất động của thẳng bé. Đây là những lời hắn muốn nói với nó. Hắn không chắc chúng có nghĩa là gì. Nhưng dù thế, hắn vẫn cứ nói ra.

Khi tôi đi ngủ mỗi đêm, tôi càng yêu em nhiều hơn...

Hắn khởi động xe, bật xi nhan và kiểm tra điểm mù rồi đưa xe ra đường.

Chương 25

Địa điểm cuối cùng.

...nơi tôi đưa anh đến... đen...

Parker Kincaid đứng trước tấm bảng đen trong phòng Thí nghiệm Tài liệu. Hai tay chống hông. Nhìn chăm chăm vào câu đố trước mắt mình...

“Cái gì đen?” Tiến sĩ Evans lầm bầm.

Cage nhún vai. Lukas đang nói chuyện điện thoại với các chuyên gia khám nghiệm hiện trường PERT trên chiếc thuyền Riizy Lady. Cô cúp máy và thuật lại với cả đội, đúng như họ đã nghĩ, có rất ít đầu mối vững chắc. Họ tìm được vỏ đạn với một vài dấu vân tay. Chúng đang được kiểm tra trên APIS, và kết quả nhận dạng sẽ được gửi qua email cho Lukas. Không còn bằng chứng vật chất nào khác. Các nhân chứng mô tả lại một người đàn ông da trắng, trung tuổi, mặc áo khoác màu tối. Hắn mang một chiếc túi mua hàng màu nâu, có thể trong đó chứa khẩu súng tự động. Một mẫu giấy đã được khôi phục lại. Nó bị rách ra từ cái túi, các chuyên viên của PERT đã khẳng định như vậy, nhưng nó chỉ nằm trong nhóm khá quát và không hề đưa ra được đầu mối nào dẫn tới nơi sản xuất.

Parker nhìn quanh, “Hardy đâu?”

Cage kể cho anh vụ việc xảy ra ở Rite.

“Cô sa thải anh ta à?” Parker hỏi, gật đầu về phía Lukas.

“Không. Tôi đã tưởng thế nhưng cô ấy chỉ mắng cho anh ta một trận, rồi cho anh ta cơ hội thứ hai. Anh ta đang ở trong thư viện nghiên cứu dưới nhà. Cố gắng chuộc lỗi.”

Parker nhìn lại Geller. Chàng đặc vụ trẻ đang chăm chú vào màn hình trước mặt trong lúc máy tính ứng biến chương trình ghép chữ khi cố gắng một cách vô ích để ghép các chữ cái vào trước chữ “đen.” Tuy nhiên lớp tro đăng trước đã bị thiệt hại nặng nề hơn nhiều so với chỗ ghi dòng Ritzy Lady.

Parker đi đi lại lại một lát rồi thôi. Anh nhìn lên tấm bảng đen, mơ hồ cảm thấy khó chịu như sắp sửa tìm ra một đầu mối nào đó nhưng chưa hẳn, nên lại thở dài.

Anh thấy mình đang đứng cạnh Lukas. Cô hỏi, “Con trai anh, Robby, thế nào rồi? Nó ổn chứ?”

“Ổn. Chỉ hơi sợ một chút.”

Cô gật đầu. Chiếc máy tính gần đó báo, “Bạn có thư.” Cô bước đến và đọc tin nhắn. Rồi lắc đầu, “Dấu vân tay trên vỏ đạn là của một trong các hành khách trên du thuyền nhật lên để làm vật lưu niệm. Đã kiểm tra xong anh ta.” Sau đó, cô bấm nút *Lưu*.”

Parker liếc nhìn màn hình. “Cái đó biến tôi thành đồ cổ.”

“Cái gì?”

“Email,” anh nói. Anh nhìn Lukas và thêm, “Với tư cách là nhà giám định tài liệu ấy. Mọi người viết lách nhiều hơn bất kỳ lúc nào vì có cái này, nhưng...”

“Nhưng ngày nay chẳng còn mấy chữ viết tay nữa, cô nói tiếp dòng suy nghĩ của anh.

“Đúng vậy.”

“Thật khắc nghiệt,” cô nói. “Mất rất nhiều bằng chứng vì thế!”

“Đúng. Nhưng với tôi, chuyện đó không đáng buồn.”

“Buồn à?” Cô nhìn anh. Đôi mắt cô không còn lạnh lẽo như đá nữa mà có vẻ dễ phòng khi một khái niệm lạ lẫm như thế lại xuất hiện trong phòng thí nghiệm tối tân nhường này.

“Với tôi,” Parker nói với cô, “chữ viết tay chính là một phần của nhân tính. Giống như khiếu hài hước hay óc tưởng tượng của chúng ta vậy. Nghĩ mà xem, nó là một trong những thứ hiếm hoi thuộc về con người có thể tồn tại sau khi chúng ta chết. Chữ viết tồn tại cả trăm năm. Cả ngàn năm. Nó là thứ gần với sự bất tử nhất mà con người với tới được.”

“Một phần của nhân tính ư?” Cô hỏi. “Nhưng anh nói rằng việc đoán tướng chữ chỉ là trò vớ vẩn.”

“Không, ý tôi nói rằng những gì người ta viết ra vẫn là sự phản ánh con người của chính họ. Cách viết hay nội dung viết chẳng thành vấn đề, thậm chí nếu nó có vô nghĩa hay sai sót. Nội chuyện ai đó nghĩ ra từ ngữ ấy rồi tay họ viết nó lên giấy đã là điều có ý nghĩa rồi. Với tôi, nó gần như là một điều kỳ diệu.”

Cô đang nhìn chăm chăm xuống sàn, đầu cúi gằm.

Parker nói tiếp, “Tôi luôn nghĩ rằng chữ viết tay chính là dấu vân tay của trái tim và trí óc.” Anh tự cười mình trước câu nói này, vì nghĩ chắc cô sẽ lại phản ứng lỗ măng trước ý nghĩ ủy mị như vậy. Nhưng điều

kỳ quặc đã xảy ra. Margaret Lukas gật đầu và vội nhìn đi chỗ khác. Trong một thoáng, Parker nghĩ liệu có phải một tin nhắn khác lại hiện trên màn hình gần đó và làm cô chú ý tới. Nhưng chẳng có tin nhắn nào. Vì đầu cô vẫn quay đi không nhìn anh, anh có thể trông thấy hình phản chiếu trên màn hình máy tính và có vẻ mắt cô đang đắm lệt. Đó là điều anh không bao giờ ngờ tới sẽ thấy ở Lukas, nhưng đúng là thế, cô đang dụi mắt.

Anh định hỏi cô có chuyện gì không thì cô đột ngột đứng lên bước tới chỗ mấy mảnh kính đang giữ các tờ giấy cháy dở. Không cho anh cơ hội để nói thêm về những giọt nước mắt của cô, Lukas hỏi, “Tên nghi phạm về mê cung đấy à? Anh nghĩ có gì ở đó không? Đầu mỗi nào đấy chẳng hạn?”

Anh không trả lời. Chỉ tiếp tục nhìn cô. Cô khẽ quay lại và nhắc, “Mê cung ấy?”

Một lát sau, anh nhìn xuống, quan sát tờ giấy vàng. Chỉ có bọn thần kinh phản xã hội mới thường để lại tài liệu mã hóa làm đầu mối, nhưng ngay cả chúng cũng ít khi làm vậy. Dù sao, Parker vẫn nghĩ kiểm tra không hại gì; họ đã có quá ít đầu mối để lần theo rồi. Anh đặt hai tấm kính đang giữ tờ giấy lên chiếc máy chiếu phía trên.

Lukas đứng bên cạnh Parker.

“Chúng ta đang tìm gì?” Cage hỏi.

“Các đường này có tạo nên chữ cái nào không?” Lukas hỏi.

“Tốt,” Parker nói. Cô đã bắt đầu nắm được cách giải đố. Họ cẩn thận lần theo các đường vẽ. Nhưng không tìm được gì.

“Có thể,” rồi cô gợi ý. “Nó là một cái bản đồ.”

Một ý không tồi.

Tất cả mọi người đều nhìn vào các đường vẽ. Là trưởng văn phòng Đặc khu, Lukas rất am hiểu về địa bàn thành phố. Nhưng cô không thể nghĩ ra một con phố hay khu dân cư nào liên quan đến những mê cung này. Chẳng ai nghĩ ra được.

Geller nhìn lại máy tính của mình rồi lắc đầu. Phần mềm ghép chữ không dùng được. “Không còn đủ tro để tạo nên bất kỳ chữ cái nào nữa.”

“Chúng ta đành phải giải toán theo cách cũ vậy.” Parker bước lại nhìn chăm chăm lên tấm bảng đen, ... đen.

“Một tổ chức Mỹ - Phi nào đó chẳng?” Evans gợi ý.

“Có thể,” Parker nói. “Nhưng hãy nhớ là nghi phạm rất thông minh. Và có giáo dục.”

Cage cau mày. “Ý anh là sao?”

Chính Lukas là người trả lời. “Từ ‘đen’ viết thường. Nếu nó nằm trong tên một tổ chức nào đó, hẳn có thể sẽ viết hoa.”

“Chính xác,” Parker nói. “Tôi đoán nó dùng để mô tả. Nhiều khả năng nó nhắc tới màu da nhưng tôi không nghĩ nó là tham chiếu tới một tổ chức cụ thể nào.”

“Nhưng đừng quên,” Cage nói. “Gã cũng rất thích biến chúng ta trở thành lũ ngốc.”

“Đúng,” Parker thừa nhận... đen.

Parker đi đến bàn giám định, nhìn xuống bức thư tổng tiền. Đặt hai tay hai bên. Nhìn chăm chăm vào giọt lệ quỳ phía trên các chữ cái *i* và lớp mực âm ỉ.

Mày biết gì? Anh lặng lẽ hỏi tài liệu. Mày đã không kể với bọn tao điều gì? Mày đang nắm giữ bí mật gì? Cái gì...?

“Tôi tìm được thứ gì đó,” giọng nói vọng vào từ cửa.

Tất cả quay lại.

Thanh tra Len Hardy chạy vào phòng với một tập giấy kẹp dưới nách. Anh ta đang chạy thì dừng phắt lại và hít lấy hít để. “Được rồi, Margaret, cô đã đúng. Tôi không giỏi bắn súng cũng chẳng biết điều tra. Nhưng không ai giỏi nghiên cứu hơn tôi. Vì vậy, tôi đã quyết định sao mình không làm thế? Tôi tìm được chút ít thông tin về cái tên đó. Digger ấy.” Anh ta thả tập giấy lên bàn và bắt đầu lật giở rồi liếc nhìn cả đội. “Tôi xin lỗi chuyện lúc trước. Về ông thị trưởng. Tôi đã sai. Tôi chỉ muốn làm gì đó để mọi người không bị tổn hại.”

“Được rồi Len,” Lukas nói. “Anh có gì?”

Hardy hỏi Tiến sĩ Evans, “Khi kiểm tra cái tên, ông đã dùng cơ sở dữ liệu nào?”

“Thì những cơ sở tiêu chuẩn,” vị tiến sĩ trả lời, có vẻ hơi bị chạm tự ái.

“Về tội phạm?” Hardy hỏi, “VICAP, Tội phạm bạo lực của Sở cảnh sát New York, John Jay^[7]?”

“Chắc chắn là những nguồn đó rồi,” Evans nói, tránh ánh mắt của Hardy.

“Những nguồn đó không sai,” Hardy nói, “nhưng tôi lại nghĩ sao không thử cả các nguồn phi tội phạm? Cuối cùng tôi đã tìm được. Cơ sở dữ liệu ở phòng Lịch sử tôn giáo của trường Đại học Cambridge.” Hardy mở cuốn sổ tay. Có mấy chục trang bên trong, toàn là bảng biểu. Thanh tra trẻ đã nói đúng; chắc chắn là anh ta rất biết cách nghiên cứu.

“Cái nhóm từng xuất hiện ở San Francisco hồi những năm Sáu mươi mà ông đã nhắc tới ấy?” Anh ta hỏi Tiến sĩ Evans. “Nhóm có tên Diggers?”

“Nhưng tôi đã kiểm tra họ rồi,” tiến sĩ nói. “Họ chỉ là một nhóm diễn viên.”

“Không phải,” Hardy bác lại. “Đó là một nhóm vận động chính trị và xã hội ngầm cực đoan, có trung tâm đặt tại Haight-Ashbury. Tôi đã kiểm tra triết lý hoạt động và lịch sử của họ, hóa ra họ lấy cái tên này từ một nhóm ở Anh hồi thế kỷ XVII. Nhưng họ cực đoan hơn nhiều. Họ ủng hộ chủ trương xóa bỏ quyền sở hữu tư về đất đai. Đây mới là điều đáng chú ý. Họ chuyên lo về mặt kinh tế và xã hội nhưng lại liên minh với một nhóm khác thiên về chính trị và hoạt động tích cực hơn nhiều, đôi khi còn dính dáng tới quân sự. Họ tự gọi mình là True Levelers” (Những người mang lại sự bình đẳng đích thực).”

“Levelers,” Cage lẩm bẩm. “Cái tên cũng ghê rợn một cách chết tiệt.”

Hardy nói tiếp, “Họ phản đối việc người dân bị nhóm người thuộc tầng lớp cao trong xã hội và Chính phủ tập trung kiểm soát.”

“Nhưng điều đó có ý nghĩa gì với chúng ta?” Lukas hỏi.

Hardy nói, “Nó có thể giúp tìm ra điểm cuối cùng. Digger sẽ muốn tấn công vào đâu để cào bằng xã hội tư bản chủ nghĩa của chúng ta?”

Parker nói, “Trước khi trả lời câu hỏi đó, chúng ta cần biết tại sao hẳn lại muốn làm thế cho xã hội nói chung?”

“Một tên cuồng tôn giáo chẳng?” Geller hỏi. “Nhớ cây Thánh giá không?”

“Có thể,” Evans nói. “Nhưng hầu hết những tên cuồng tôn giáo đều không muốn lấy tiền; chúng chỉ muốn nửa giờ xuất hiện trên kênh CNN.”

“Có thể Digger có thù hằn gì đó,” Parker nói.

“Chắc chắn rồi. Trả thù,” Lukas đồng tình.

“Ai đó đã làm hấn tổn thương,” Parker nói. “Và hấn muốn đòi lại sự công bằng.”

Evans gật đầu. “Nghe có lý.”

“Nhưng ai mới được chứ? Ai đã làm hấn tổn thương?” Hardy lẩm bẩm, lại một lần nữa nhìn vào bức thư ma quái.

“Hấn bị sa thải chẳng?” Cage gợi ý. “Một nhân viên bất mãn?”

“Không,” Evans nói, “một kẻ tâm thần có thể giết người vì việc đó nhưng hấn không bị tâm thần. Hấn quá thông minh và biết cách kiềm chế bản thân.”

Geller cũng góp giọng, “Doanh nghiệp lớn, tập đoàn bự, những nhà tài phiệt...”

“Chờ đã,” Hardy nói, “nếu thế thì mục tiêu của Digger phải là ở New York, chứ không phải Washington?”

“Hấn đã từng ở đó đấy chứ,” Cage chỉ ra. “White Plains.”

Nhưng Hardy lắc đầu. “Không, nhớ lại xem, White Plains, Boston, Philly? Những nơi đó chỉ là đợt chạy thử của hấn. Đây mới là màn kết hoành tráng.”

“Chính phủ,” Parker nói. “Đó là lý do Digger ở đây.”

Hardy gật đầu. “Và nhóm Diggers phản đối chính quyền tập trung. Vì thế, có thể nó chẳng liên quan gì đến tầng lớp trên cả.” Anh ta liếc nhìn Evans. “Mà là Chính phủ liên bang.”

Lukas nói, “Đúng rồi. Chắc là thế.”

Parker thêm vào, “Chính phủ chịu trách nhiệm cho một việc gì đó làm tổn thương hấn.” Rồi anh nhìn khắp một lượt cả đội. “Ai có ý tưởng gì không?”

“Hệ tư tưởng?” Cage bắn khoả thành tiếng. “Hấn là cộng sản hoặc một phần tử của lực lượng quân sự cánh hữu.”

Evans lắc đầu. “Không, nếu thế thì giờ này Digger phải gửi tới hậu thư rồi. Việc này mang nhiều tính cá nhân hơn thế.”

Lukas và Hardy cùng nhìn vào mắt nhau. Với Parker, có vẻ cả hai vừa nghĩ ra cùng một ý. Chính là chàng thanh tra cất tiếng trước, “Cái chết của một người hấn yêu quý.”

Lukas gật đầu.

“Có thể,” vị tiến sĩ đồng tình.

“Được rồi,” Cage nói. “Tình huống nào nhĩ? Ai đã chết? Và tại sao?”

“Hành quyết?” Hardy gợi ý.

Cage lắc đầu. “Hầu như chưa có cấp liên bang. Chỉ có cấp tiểu bang thôi.”

“Hoạt động giải cứu ở biên giới thất bại,” Geller gợi ý.

“Mơ hồ quá,” Lukas nói.

Hardy thử lần nữa, “Xe của Chính phủ gây tai nạn, chèn chén rồi bắn phải nhân viên bưu điện, tai nạn ở sở công viên... quan chức ngoại giao...”

“Quân đội,” Cage gợi ý. “Hầu hết những cái chết liên quan đến chính quyền liên bang đều gắn liền với quân đội.”

“Nhưng,” Lukas nói, “mỗi năm trong lực lượng có tới hàng trăm người chết. Có phải tai nạn không? Tập huấn? Chiến đấu?”

“Bão táp sa mạc^[8]?” Cage gợi ý.

“Digger khoảng bao nhiêu tuổi?” Parker hỏi.

Lukas chớp lấy bản báo cáo sơ lược của đội giám định pháp y. Cô đọc và nhìn lên, “Xấp xỉ bốn mươi lăm” ... đen.

Rồi Parker chợt hiểu ra. Anh nói, “Bức tường đen!”

Lukas gật đầu, “Đài tưởng niệm Việt Nam.”

“Ai đó hẳn biết,” Hardy nói, “đã bị giết ở Việt Nam. Anh trai, chị gái. Có thể vợ hẳn từng là y tá.”

Cage nói, “Nhưng chuyện xảy ra từ ba mươi năm trước rồi. Sao lại nổi lên lúc này?”

“Ô có chứ,” Evans nói. “Nếu nghi phạm của ông không triệt tiêu được cơn giận trong lúc chữa trị tâm lý thì cái nhọt sẽ vỡ ra. Và Giao thừa thường là thời điểm của những quyết tâm mới, con người có xu thế tiến hành những hoạt động bạo dạn hơn, thậm chí cả hành động mang tính hủy hoại. Đêm nay có nhiều vụ tự tử hơn bất kỳ đêm nào khác trong năm.”

“Ôi lạy Chúa,” Lukas nói.

“Sao?”

“Tôi vừa nghĩ ra Đài tưởng niệm trong công viên Mall. Dễ có đến hai trăm ngàn người sẽ có mặt ở đó. Để xem pháo hoa. Chúng ta sẽ phải hủy sự kiện đó.”

“Công viên đầy chật người mất rồi,” Parker nói. “Họ đã cắm trại ở đó từ nhiều tiếng trước.”

“Nhưng Chúa ơi,” Cage nói, “chúng ta cần thêm nhân lực.” Ông gọi cho Artie, bảo vệ đêm của tòa nhà, và yêu cầu ông ta thông báo trên loa cho tất cả các đặc vụ đang ở trong tòa nhà phải có mặt ở sảnh để nhận nhiệm vụ khẩn cấp.

Lukas gọi Jerry Baker và bảo anh ta đưa toàn bộ đặc vụ tác chiến của mình tới khu vực tây bắc của công viên Mall. Sau đó, cô nhắn tin yêu cầu phó giám đốc gọi lại. Ông ta gọi ngay lập tức. Cô nói chuyện với ông ta một phút rồi tắt máy.

Cô nhìn toàn đội. “Phó giám đốc đang trên đường đến. Tôi sẽ gặp ông ấy dưới nhà để tóm lược tình hình rồi sẽ gặp lại mọi người ở Đài tưởng niệm.”

Cage mặc áo khoác vào. Geller đứng dậy và kiểm tra súng. Trông nó thật lạ lẫm trong tay cậu ta, rõ ràng đôi tay kia thành thạo cầm chuột máy tính hơn nhiều.

Lukas nói, “Chờ đã, Tobe. Anh về nhà.”

“Tôi có thể.”

“Đó là lệnh. Anh đã làm đủ rồi.”

Cậu ta phản đối thêm một lúc. Nhưng cuối cùng, Lukas vẫn là người chiến thắng, song chỉ sau khi cô hứa là mình sẽ gọi điện nếu cần thêm sự trợ giúp về kỹ thuật. “Tôi sẽ mang laptop về,” cậu ta nói, cứ như mình có thể chịu được cảnh cách xa chiếc máy tính trong bán kính một mét không bằng.

Lukas đi đến chỗ Hardy. “Cảm ơn thanh tra. Làm việc tốt lắm.”

Anh ta cười toe toét. “Xin lỗi vì vụ việc với ngài thị trưởng. Ông ta...”

Cô xua tay, chấp nhận câu xin lỗi và khẽ nở nụ cười. “Mọi chuyện rồi sẽ *manh khỏe như mưa rào* thôi.” Rồi cô hỏi anh ta, “Anh vẫn còn muốn ném mùi hành động đêm nay chứ?”

“Ồ, đương nhiên là có.”

“Được, nhưng cứ ở phía sau đoàn nhé. Nói thật với tôi... Anh thật sự biết bắn đấy chứ?”

“Chắc chắn rồi. Tôi còn bắn khá giỏi... nếu trời không có gió.” Viên thanh tra trẻ vẫn còn cười trong lúc mặc áo khoác.

Parker cảm nhận sức nặng của khẩu súng trong túi khi khoác áo vào. Lukas liếc nhìn anh với vẻ nghi ngờ. “Tôi cũng đi,” anh nói chắc nịch để trả lời cái liếc mắt ấy.

Cô nói, “Anh chẳng cần đi đâu, Parker. Không sao hết. Anh đã làm đủ rồi.”

Anh mỉm cười với cô. “Chỉ cần ngắm và bắn thôi, phải không?”

Cô ngáp ngừng rồi nói, “Chỉ cần ngắm và bắn.”

* * * * *

Nó đây rồi, nó đây rồi...

Chúa ơi, nhìn họ mà xem!

Một tá, hai tá đặc vụ chạy ra khỏi trụ sở FBI. Một số người mặc áo khoác chống đạn, những người khác

thì không.

Henry Czisman uống ngụm cuối cùng của chai Jim Beam rồi đặt cái chai màu nâu lên ghế sau của chiếc xe thuê mà bên trong nồng nặc mùi thuốc lá và rượu whiskey. Anh ta dụi điếu Marlboro trên chiếc gạt tàn đã đầy ứ.

Họ đang lao về phía ô tô. Từng người một nổ máy rồi phóng đi.

Anh ta không đi theo. Chưa được. Anh ta kiên nhẫn chờ đợi như một con rắn hổ lục.

Rồi Czisman trông thấy viên đặc vụ cao lớn tóc xám tên Cage đi qua cửa trước. Ngó lại đằng sau lưng ông ta. À phải rồi! Anh chàng đây rồi: Parker Kincaid.

Mặc dù Czisman đã không kể mọi chuyện với các đặc vụ FBI, nhưng thực tế, anh ta là phóng viên gần như suốt cuộc đời. Lại là một phóng viên giỏi nữa. Anh ta có thể đọc hiểu từng người một cách mẫn cảm như bất kỳ cảnh sát đường phố nào. Trong lúc họ chạy thử các chương trình quét vông mạc và phân tích độ căng thẳng giọng nói của anh ta trong căn phòng thẩm vấn kia, bản thân Czisman cũng có những bài thử nghiệm của riêng mình. Ít tính kỹ thuật và nhiều phần bản năng hơn, thế nhưng kết quả anh ta thu được chẳng hề kém chính xác so với Cục điều tra. Một trong những điều anh ta đã nhận ra, rằng Jefferson không phải là Jefferson. Khi anh chàng này vội vã rời khỏi trụ sở và lên ô tô của mình vài giờ trước, Czisman đã gửi biển số xe của anh tới một thám tử tư ở Hartford, Connecticut và có được nhân thân thật sự. Parker Kincaid. Chỉ cần một cuộc tra cứu đơn giản trên Internet là anh ta có thể biết người này từng là trưởng phòng phòng Tài liệu của Cục điều tra.

Nếu Cục đang phải dùng một cựu đặc vụ làm cố vấn, hẳn anh ta phải rất giỏi. Điều đó có nghĩa là anh ta đáng để bám theo. Không phải con người quan liêu như Cage, cũng chẳng phải người vô cảm như Lukas.

Sau khi dừng lại để kéo khóa chiếc áo da, Kincaid nhìn quanh định hướng rồi trèo vào trong chiếc xe không biển hiệu cùng với Cage và một đặc vụ hay cảnh sát trẻ trông có vẻ thật thà trong chiếc áo khoác dài. Họ bật đèn hiệu màu đỏ trên bảng điều khiển xe và nhanh chóng tăng tốc về phía tây, hướng công viên Mall.

Czisman dễ dàng lẩn vào đoàn xe đi cùng, vì cả đoàn đều đang lao quá nhanh nên chẳng ai chú ý tới anh ta. Mặc dù vậy, ở khoảng phố Eighth, gần Đại lộ Constitution, đám đông và xe cộ đi lại dày đặc đến mức các xe của Cục điều tra buộc phải dừng lại, còn các đặc vụ thì phải trèo ra ngoài, chạy về phía công viên Mall. Czisman bám sát nút đằng sau.

Cage và Kincaid đang đứng cạnh nhau, nhìn ra đám đông. Kincaid chỉ về phía tây của Đài tưởng niệm Chiến tranh Việt Nam, còn Cage thì gạt đầu về hướng đông. Họ chia tay nhau và đi theo hướng mình đã định, chàng trai mặc áo khoác dài thì tách khỏi hai người, hướng về phố Constitution.

Czisman vốn to béo lại không khỏe. Hơi thở anh ta khó nhọc ra vào trong phổi, còn tim thì đập bùm bụp như một chiếc piston. Nhưng anh ta cũng gắng gượng theo được Parker Kincaid, chỉ phải dừng lại một thoáng chốc để lấy khẩu súng từ chỗ cạp quần ướt mồ hôi rồi trượt nó vào trong túi áo khoác.

[8] Bão táp sa mạc: tên một chiến dịch quân sự trong chiến tranh vùng Vịnh.

Chương 26

Áo khoác của Digger rất nặng.

Nặng vì trọng lượng của hai khẩu súng.

Của những băng đạn, chứa hàng trăm viên cỡ 22 li...

Click, click..... loại đạn... súng trường cỡ 22 li dùng để cảnh cáo, có thể bay xa tới một dặm mà trẻ em chẳng được phép bắn nếu không có người giám sát.

Nhưng Digger sẽ chẳng bao giờ làm điều đó: để một đứa trẻ bắn súng mà không có ai giám sát.

Không phải Tye. Không, không, không bao giờ là Tye.

Hai ông giảm thanh được lắp rất khéo. Bông và cao su, bông và cao su.

Anh là, anh là người giỏi nhất...

Hai khẩu súng tự động nằm ở túi trong của chiếc áo khoác màu xanh hoặc màu đen, món quà Giáng sinh của Pamela dành cho hắn. Một khẩu súng lục vốn nằm trong ngăn đựng găng của chiếc Toyota nay được nhét vào túi áo bên phải. Bốn băng đạn nữa cho hai khẩu Uzi nằm ở túi bên trái.

Không có túi mua hàng, không có chó con...

Hắn đứng trong bóng tối và không một ai ở gần đó để ý đến hắn. Hắn tìm kiếm cảnh sát hoặc đặc vụ nhưng chẳng trông thấy ai.

Tye đang ngủ trên ghế sau của chiếc ô tô, cách đó một dãy nhà. Khi Digger để thẳng bé ở lại đó thì hai cẳng tay khằng khiu như cành cây của nó đang khoanh trước ngực.

Điều làm hắn lo lắng nhất là: Nếu cảnh sát bắt đầu nổ súng hoặc nếu Digger phải bắn bằng hai khẩu súng không được giảm thanh, Tye sẽ bị thức giấc. Rồi thẳng bé sẽ ngủ không ngon.

Hắn cũng lo thẳng bé sẽ bị lạnh. Nhiệt độ đang tiếp tục xuống thấp. Nhưng Digger nhớ là hắn đã gập ba cái chăn đắp trên người Tye. Nó sẽ ổn thôi. Nó đang ngủ. Bọn trẻ luôn luôn ổn trong lúc chúng ngủ.

Hắn đứng một mình ngắm nhìn vài người sắp phải lìa đời. Hắn gọi điện thoại lần cuối và giọng phụ nữ giống của Ruth trước khi bị găm miếng kính vào cổ vẫn lặp lại, "Bạn không có tin nhắn mới."

Vậy là hắn phải giết những con người này.

Họ sẽ gục xuống đất như lá rụng.

Bụp chiu bụp chiu bụp bụp...

Hắn sẽ... *click...* hắn sẽ xoay quanh, như một con quay, như thứ đồ chơi mà hắn Tye sẽ thích, và hắn sẽ xả đạn vào đám đông. Đạn từ cả hai khẩu súng.

Rồi hắn sẽ lên ô tô và kiểm tra tin nhắn, nếu người chỉ dạy hắn mọi điều vẫn không gọi thì hắn và Tye sẽ lái xe cho đến khi họ tìm được... *click...* tìm được California.

Ai đó sẽ nói cho hắn biết nó nằm ở đâu.

Chắc không khó tìm lắm. Đâu đó ở viễn tây thôi mà. Hắn nhớ như vậy.

* * * * *

Có phải Digger đang ở đằng sau lưng anh?

Trước mặt?

Bên cạnh?

Parker Kincaid tách ra khỏi các đặc vụ khác, diên tiết đi thành vòng tròn rộng gần Đài tưởng niệm Chiến tranh Việt Nam, rồi mất hút trong biển người. Tìm kiếm một người đàn ông mặc áo khoác tối màu. Mang chiếc túi mua hàng trên tay. Đeo một cây Thánh giá.

Quá nhiều người ở đây. Hàng ngàn, hàng chục ngàn người.

Cage đang ở phía bên kia của Đài tưởng niệm. Len Hardy thì đang ở Đại lộ Constitution. Baker và các đặc vụ tác chiến khác thì quét từ đầu kia của công viên Mall trở lại đây.

Parker định ngăn một cặp đôi đang đi bộ xuống Đài tưởng niệm và hướng họ về phía một đám cảnh sát cho an toàn hơn, nhưng anh không làm.

Đột nhiên, anh nhận ra mình đã không suy nghĩ mạch lạc.

Những câu đố. Hãy nhớ lại những câu đố.

Ba con điều hâu cùng bắt mất gà của bác nông dân...

Rồi anh hiểu ra sai lầm của mình. Anh đã tìm sai chỗ rồi. Anh bước sang một bên, ra khỏi đường đi của đám đông và phân tích mặt đất gần Đài tưởng niệm. Anh nghĩ về những mê cung của tên nghi phạm và nhận ra chắc chắn nghi phạm đã tính đến đợt tấn công thứ ba này, các đặc vụ liên bang hẳn đã có một chút ít mô tả về tên Digger. Gã sẽ bảo tên giết người không tiếp cận Đài tưởng niệm dọc theo một trong các vỉa hè, nơi hẳn sẽ dễ bị ngăn lại hơn, mà sẽ đi xuyên qua rừng cây kia.

Parker nhanh chóng quay đi và lùi vào bụi cây phong cùng anh đào rậm rạp. Vẫn còn nhiều người đang tiến về phía công viên Mall nhưng anh không dừng lại để bảo họ rời khỏi khu vực này. Giờ công việc của anh chẳng còn là một người chăm nom, hay người trợ giúp, hay một ông bố nữa; anh đã trở thành một thợ săn, giống hệt như cái đêm từ nhiều năm trước, khi anh phải lùng sục trong ngôi nhà của mình, tìm kiếm *Người chèo thuyền*.

Tìm kiếm con mồi của mình.

Tìm kiếm một gã đàn ông vô diện trong chiếc áo choàng tối màu.

Một tên đeo Thánh giá.

* * * * *

Henry Czisman bước phía sau Kincaid khoảng chín mét và đang đi bộ qua Đài tưởng niệm thì thấy Kincaid đột ngột rẽ rồi lẩn vào rừng cây.

Czisman bám theo, nhìn biến người quanh mình.

Thật đúng là mục tiêu mà Digger sẽ có được ở đây!

Hắn sẽ khiến họ đổ rạp như cỏ mất.

Khẩu súng lục của Czisman vẫn lăm lăm trong tay, chúi xuống đất. Không ai trông thấy nó; đám đông đang bị phân tâm, tự hỏi có chuyện gì mà cảnh sát và đặc vụ liên bang lại bảo họ phải rời khỏi công viên.

Kincaid vẫn vững bước trong rừng cây, lúc này, có lẽ Czisman cách anh khoảng sáu mét. Tuy nhiên, vẫn có người xuất hiện ở khắp mọi nơi, hàng tá người đang ngăn cách giữa anh ta và Kincaid, còn nhà giám định tài liệu thì chẳng hề biết mình đang bị theo dõi.

Họ còn cách bức tường đen lăm lăm khoảng chín mét thì Czisman trông thấy một người đàn ông mặc áo choàng tối màu bước ra khỏi một cái cây. Cử động ấy rất thận trọng và lén lút, rõ ràng là hắn ta đang trốn đằng sau nó. Khi đi về phía Đài tưởng niệm, hắn di chuyển có mục đích rõ ràng, đầu cúi gằm, tập trung nhìn xuống đất dù chẳng vì lý do gì, cứ như hắn đang cố để không bị chú ý. Rồi hắn biến mất trong đám đông không xa Kincaid là mấy.

Czisman chạy theo hắn.

Đột nhiên, Kincaid quay đầu. Anh liếc nhìn Czisman quay đi, rồi quay lại với một cái cau mày, nhận ra mình đã thấy khuôn mặt này nhưng không sao nhớ được. Czisman quay đi và thụp xuống đằng sau một anh chàng to cao đang bê thùng đựng đá. Anh ta tin là mình đã mất dấu Kincaid. Anh ta quay lại với cuộc truy tìm của mình, một lần nữa tìm kiếm bóng dáng người đàn ông trong áo choàng tối màu.

Ở đâu...?

Phải, phải, hắn đây rồi! Một gã đàn ông ở độ tuổi bốn mươi, hoàn toàn không có gì nổi bật. Hắn đang cời khuy áo, ngoảnh quanh đám đông bằng đôi mắt dờ dẩn.

Rồi Czisman trông thấy có gì đó lóe lên. Một tia sáng màu vàng trên cổ gã đàn ông.

Hắn đeo một cây Thánh giá bằng vàng...

Các đặc vụ ở quán bar đã kể với anh ta rằng Digger có mang một cây Thánh giá.

Vậy là hắn rồi, Czisman nghĩ. Tên Đồ tể, Kẻ gây góa bụa, tên Quý...

“Này!” Một giọng nói vang lên.

Czisman quay lại. Đó là Kincaid.

Ngay lúc này, anh ta nghĩ. Ngay bây giờ!

Czisman giơ khẩu súng lên, nhắm thẳng vào mục tiêu.

“Không!” Kincaid hét lên khi thấy khẩu súng. “Không.”

Nhưng Czisman không có tầm ngắm. Quá nhiều người đang ở đây. Anh ta nhảy sang một bên và xô đẩy đám đông, khiến mấy người ngã sang bên. Anh ta mất dấu Kincaid.

Cách đó sáu mét, Digger hoàn toàn không biết đến sự tồn tại của cả hai người trên, mà chỉ nhìn vào đám

đông như một tên thợ săn đang nhìn một đàn ngỗng khổng lồ.

Czisman đẩy một đám sinh viên sang bên.

“Ông làm cái quái gì đấy hả, lão già?”

“Này...”

Czisman lơ họ đi. Kincaid đang ở đâu? Ở đâu?

Vẫn không có tầm ngắm! Quá nhiều người...

Áo khoác của Digger mở ra. Ở một bên túi trong là khẩu súng tự động to tướng màu đen.

Không ai hay biết. Các gia đình, những đứa trẻ, chỉ cách tên giết người vài bước chân...

Đám đông dường như đang phình to ra vì thêm người kéo đến. Cảnh sát đang hướng dẫn tất cả mọi người đi về phía Đại lộ Constitution nhưng rất nhiều người vẫn còn nấn ná vì họ không muốn mất chỗ đứng đẹp để xem pháo hoa, Czisman nghĩ vậy.

Digger đang nheo mắt, tìm chỗ để đứng bắn. Hắn bước lên một đụn cỏ nhỏ.

Kincaid hiện ra từ đám đông.

Czisman kéo cò súng.

Chương 27

Chiếc limo đỗ ngay bên ngoài công viên Mall, gần khu vực pháo đài dành riêng cho quan chức ngoại giao và các thành viên của Nghị viện.

Thị trưởng Kennedy cùng phu nhân bước ra, theo sau là Ardell.

“Anh cứ phải kè kè bên chúng tôi thế à?” Claire hỏi viên đặc vụ.

“Đó là lệnh,” Ardell nói. “Mong bà hiểu cho!”

Claire nhún vai.

Hiểu cho ư? Kennedy nghĩ. Điều ông hiểu là ông đã bị bắt một cách không chính thức và thậm chí còn chẳng thể thoát được nỗi ô nhục khi xuất hiện trước công chúng trong thành phố của mình mà lại bị kèm cặp.

Bất kỳ hy vọng cứu vãn sự nghiệp nào sau đêm nay cũng đã bị dẹp gọn chỉ bằng vài cái liếc nhìn vào những người đang đứng gần khán đài để theo dõi ông. Bản tin thời sự nhập nhằng của Slade Phillips đã bị bỏ lỡ, hay bị lỡ tít đi, và có vẻ như tất cả những kẻ đang có mặt ở đây đều nghĩ rằng Kennedy thực sự là đồng phạm của Digger.

Máy quay phim nhả đèn, ghi lại những hình ảnh sắc nét mà ngày mai sẽ được đăng lên báo với tiêu đề “Thị trưởng Jerry Kennedy và phu nhân.” Ông vẫy tay với vài người trên khán đài và khéo léo ứng xử với những lời bình luận thoáng qua như: “Ông đã trốn ở đâu đấy?” “Ông thế nào rồi, Jerry?” Không ai thực sự muốn một câu trả lời; họ còn bận giữ khoảng cách tối đa với người chẳng bao lâu nữa sẽ thành cựu thị trưởng thành phố.

Một câu hỏi khác mà Kennedy nghe được là: “Tuồng ông không tới xem pháo hoa đêm nay, Jerry. Điều gì mang ông ra ngoài thế?”

Chà, Claire chính là người đã mang ông ra ngoài.

Thư ký Hiệp hội giáo viên Mỹ gốc Phi đã gọi điện, với giọng hơi hổ thẹn một cách tương đối, và nói rằng sẽ tốt hơn cho ông nếu ông không tham dự bữa tiệc mà đáng lẽ ra ông sẽ là diễn giả chính. “Có lẽ điều đó là tốt nhất cho tất cả mọi người.”

Bản thân ông thì hoàn toàn hài lòng với việc chuồn về nhà. Nhưng lúc ngồi cạnh ông trong văn phòng ở Tòa thị chính, Claire lại có ý tưởng hoàn toàn khác. “Cứ say đi rồi tới xem buổi bắn pháo hoa chết tiệt ấy.”

“Tôi không biết,” Kennedy nghĩ ngợi nói.

“Tôi thì biết. Ông không loại người hay dẫn dắt, cưng ạ. Cứ việc ra ngoài với cái đầu ngẩng cao.”

Ông nghĩ ngợi một lát rồi quyết định rằng đấy là điều thông tuệ nhất mình nghe được trong đêm hôm đó. Vợ ông đã tìm thấy một chai Moet và họ đã cùng uống trên đường đến đây.

Trong lúc họ đi qua đám đông trên khán đài, Kennedy bắt tay với Nghị sĩ Lanier, ông ta rõ ràng đã nhận ra đặc vụ Ardell cùng nhiệm vụ chính xác của anh: một cai ngục.

Có lẽ Lanier chẳng thể nghĩ ra điều gì để nói mà không chút hạ hê nên ông ta chỉ khề nghiêng đầu và thả ra một câu, chẳng hề có vẻ tán tỉnh, “Claire, tối nay bà đẹp quá!”

“Paul,” bà nói rồi gật đầu lặng lẽ với phu nhân Lanier và thêm vào, “Mindy.”

“Jerry,” Lanier hỏi, “tin mới nhất về những vụ xả súng là thế nào?”

“Tôi vẫn đang chờ nghe đây.”

“Chúng tôi có chỗ cho ngài ở ngay đây, thưa ngài thị trưởng,” một phụ tá trẻ tuổi nói, chỉ vào dãy ghế màu cam còn trống đằng sau các khán giả khác. “Cả bạn của ngài nữa ạ.” Anh ta liếc nhìn viên đặc vụ to lớn.

“Không, không,” Kennedy nói. “Chúng tôi sẽ ngồi trên bậc thềm.”

“Không, mời ngài...”

Nhưng ít nhất cho đến giờ, Kennedy vẫn còn vị thế xã hội, dù chẳng còn chút vị thế gì về tài chính, và ông phẩy tay với cả Lanier lẫn phụ tá. Ông ngồi xuống cạnh Claire trên bậc thềm cao nhất, thả áo khoác ngoài của mình xuống sàn gỗ cho vợ ngồi lên trên, C.P. Ardell trông cục mịch là thế nhưng rõ ràng anh vẫn khá tế nhị và thừa biết ngài thị trưởng sẽ phải hứng chịu nỗi tủi nhục thế nào trước sự hiện diện của một đặc vụ liên bang, thế nên anh chàng to con chỉ đứng cách ông mấy mét chứ không lù lù ngay đằng sau họ.

“Tôi thường đến đây hồi còn nhỏ,” viên đặc vụ nói với ngài thị trưởng. “Chủ nhật nào cũng đến.”

Việc này khiến Kennedy thấy ngạc nhiên. Hầu hết đặc vụ FBI đều được chuyển tới khu vực này. “Anh lớn lên ở đây à?”

“Chắc chắn rồi. Có cho một triệu đô, tôi cũng chẳng đến sống ở Maryland hay Virginia.”

“Nhà anh ở đâu, đặc vụ Ardell?” Claire hỏi anh.

“Gần sở thú. Ngay bên kia đại lộ.”

Kennedy khẽ cười. Ít nhất nếu có bị bắt, ông cũng sẽ thấy mừng vì quân giáo của mình lại là dân đồng hương.

Một cảm giác ấm áp từ ly rượu champagne, ông dịch vào gần vợ và nắm tay bà. Họ cùng nhìn ra công viên Mall. Ngắm hàng trăm ngàn con người đang di chuyển. Kennedy mừng khi thấy không có chiếc micro trên khán đài. Ông không muốn phải nghe bất kỳ bài diễn văn nào. Cũng chẳng muốn bất kỳ ai đưa micro cho mình phát biểu ứng biến cả. Chúa ơi, ông phải nói cái quái gì mới được? Tất cả những gì ông muốn là được ngồi bên vợ và xem pháo hoa nở rộ trên thành phố của ông. Quên đi những nỗi đau đớn của ngày hôm nay. Trong lời cầu khẩn của mình gửi tới Digger, ông đã nói hôm nay là ngày cuối cùng của một năm. Nhưng rõ ràng nó cũng là điểm kết của rất nhiều thứ khác: cơ hội giúp đỡ thành phố của ông, sinh mạng của rất nhiều người dân đã bị giết hại một cách khủng khiếp.

Cũng là kết thúc nhiệm kỳ của ông trong văn phòng thị trưởng. Lanier và các Nghị sĩ khác, những kẻ muốn giật lấy Đặc khu ra khỏi tay người dân của chính nó, có thể sẽ biến vụ Digger trở thành một cái cớ, chẳng hạn như can thiệp vào nghiệp vụ điều tra của cảnh sát những thứ đại loại thế. Thêm vào đó là vụ bê bối của ủy ban Giáo dục, Kennedy có thể sẽ bị sa thải trong vòng mấy tháng tới. Wendell Jefferies cùng tất cả các phụ tá khác sẽ bị quét ra đường cùng với ông. Đó sẽ là cái kết của *Dự án 2000*.

Chấm dứt mọi hy vọng của ông dành cho Đặc khu. Thành phố tội nghiệp của ông sẽ bị tụt hậu thêm mười năm nữa. Có lẽ thị trưởng kế nhiệm...

Nhưng rồi Kennedy để ý thấy điều kỳ lạ. Có vẻ như những người đến xem pháo hoa đang di chuyển về phía đông một cách có chủ ý, cứ như họ bị lừa đi vậy. Tại sao? Ông tự hỏi. Tầm nhìn ở đây mới là rõ nhất.

Ông quay sang Claire định nhắc đến điều này, nhưng đột nhiên, bà căng cứng cả người.

“Gì vậy?” Bà hỏi.

“Cái gì?”

“Tiếng súng,” bà nói. “Tôi nghe thấy tiếng súng.”

Kennedy nhìn lên trời, tự hỏi âm thanh ấy có phải tiếng pháo hoa được bắn sớm hay không. Nhưng, không, tất cả những gì ông trông thấy chỉ là bầu trời đầy mây và tối đen, bị xuyên thủng bởi mũi nhọn màu trắng của Đài tưởng niệm Washington.

Rồi họ nghe thấy tiếng hét.

* * * * *

Những phát đạn của Czisman đã làm được điều mà anh ta dự định.

Khi anh ta nhận ra không một ai trông thấy Digger, và rằng chính mình chẳng thể ngắm bắn được tên sát thủ, anh ta đã bắn hai phát lên trời để làm mọi người phải tản ra và dọn đường đạn.

Hai tiếng súng làm đám đông hoảng loạn. Tiếng rú rít, gào thét vang lên, tất cả mọi người đều bỏ chạy, làm Digger ngã khuỵu xuống. Chỉ trong vòng vài giây, khu vực ở ngay trước mặt Đài tưởng niệm Chiến tranh Việt Nam gần như đã trống trải.

Czisman thấy Kincaid cũng nằm rạp xuống đất và lôi một khẩu súng tự động nhỏ ra khỏi túi áo. Anh vẫn không trông thấy Digger bởi một bụi thường xuân đang ngăn cách hai người.

Czisman thấy chẳng sao hết. Anh ta muốn giết tên sát nhân.

Digger từ từ đứng dậy. Khẩu súng tự động đã rơi khỏi áo choàng nên hắn vội nhìn quanh để tìm kiếm nó. Bỗng hắn bắt gặp Czisman và liền đứng bất động, nhìn anh ta bằng đôi mắt kỳ lạ nhất mà Czisman từng trông thấy.

Đôi mắt ấy chứa ít cảm xúc hơn cả mắt của loài vật. Bất kể tên chủ mưu đằng sau các vụ giết người là ai, kẻ hiện đang nằm trong nhà xác kia cũng chẳng phải một ác quỷ thực sự. Gã vẫn còn có cảm xúc, ý nghĩ và khao khát. Gã có thể hoàn lương, có thể nuôi dưỡng một chút ít lương tâm trong khả năng của mình.

Còn Digger thì sao? Không. Chẳng có chút hối lỗi nào ở cổ máy này. Chỉ có cái chết.

Tên sát nhân với trí óc con người nhưng lại mang trái tim của quỷ dữ...

Digger liếc nhìn khẩu súng trên tay Czisman. Rồi hắn lại hướng lên và nhìn chăm chăm vào khuôn mặt tay phóng viên.

Kincaid đang đứng dậy và la hét với Czisman “Thả vũ khí xuống, thả vũ khí xuống!”

Czisman lờ anh ta đi, giơ khẩu súng về phía Digger. Bằng giọng nói run rẩy, anh ta bắt đầu, “Mày...”

Nhưng có một tiếng nổ khê từ phía Digger. Vạt áo của hắn bị bắn bay ra ngoài. Czisman cảm nhận một cú thúc mạnh vào ngực rồi khuỵu xuống. Anh ta nổ súng nhưng phát đạn đi chệch mục tiêu.

Digger bỏ tay ra khỏi túi áo, vẫn cầm khẩu súng lục nhỏ. Hắn nhắm vào ngực Czisman một lần nữa và bắn hai phát.

Czisman ngã ra sau dưới tác động của loạt đạn.

Và khi anh ta ngã trên nền đất lạnh, nhìn ánh đèn xa xa phản chiếu trên bức tường của Đài tưởng niệm Chiến tranh Việt Nam, anh ta khê lẩm bẩm, “Mày...”

Czisman cố lấy súng của mình... Nhưng nó ở đâu? Nó đã rơi khỏi tay anh ta.

Ở đâu, ở đâu?...

Kincaid đang chạy tìm chỗ nấp, vừa chạy vừa nhìn quanh một cách khó hiểu. Czisman trông thấy Digger bước từ từ về phía khẩu súng tự động của hắn, nhặt nó lên và bắn một loạt về phía Kincaid đang nấp sau một cái cây. Digger bỏ chạy lom khom qua bụi rậm về phía đám đông đang chạy tán loạn.

Czisman mò mẫm khẩu súng của mình. “Mày... mày... mày...” Nhưng bàn tay của anh ta rơi phịch xuống mặt đất như một viên đá và rồi chỉ còn lại bóng tối.

* * * * *

Chỉ có vài người...

Click, click...

Buồn cười thật...

Vài người ở gần đó, túm tụm trên mặt đất, nhìn quanh. Sợ hãi. Digger có thể bắn họ dễ dàng nhưng nếu thế, cảnh sát sẽ trông thấy hắn.

“Lần cuối cùng, phải giết càng nhiều người càng tốt,” người đàn ông chỉ dạy hắn mọi điều đã nói.

Nhưng bao nhiêu mới là càng nhiều càng tốt?

Một, hai, ba, bốn, năm...

Digger không nghĩ rằng anh ta chỉ có ý nói đến nửa tá người.

Thời khắc cuối cùng của giờ cuối cùng của...

Vì vậy, hắn vội chạy theo họ, làm việc mà hắn phải làm, tỏ ra sợ hãi, chạy như đám đông đang chạy, hai vai so lại. Những thứ đại loại như thế.

Anh là... anh là... anh là người giỏi nhất.

Người đàn ông đằng sau là ai nhỉ? Hắn tự hỏi. Anh ta không phải cảnh sát. Sao anh ta lại cố bắn tôi?

Digger đã giấu... *click, click...* khẩu Uzi dưới áo khoác, chiếc áo khoác yêu thích của hắn, bởi nó là do Pamela tặng.

Gần đó có vài tiếng hét, nhưng dường như họ không nhắm vào hắn, nên hắn chẳng buồn chú tâm. Không ai để ý hắn. Hắn di chuyển qua bãi cỏ, gần những bụi và thân cây, dọc theo con phố rộng lớn ấy, Đại lộ Constitution. Có xe buýt, ô tô và hàng ngàn con người ở đó. Nếu hắn có thể tới chỗ họ, hắn sẽ giết được cả trăm người.

Hắn thấy những bảo tàng, giống như nơi trưng bày bức tranh đường vào địa ngục. Bảo tàng vui lắm, hắn nghĩ. Tye sẽ thích bảo tàng cho xem. Có lẽ họ có thể cùng đi thăm bảo tàng với nhau khi tới California.

Thêm nhiều tiếng hét nữa. Mọi người chạy tứ tung. Có cả đàn ông, đàn bà và trẻ con. Cảnh sát và đặc vụ. Họ được trang bị những khẩu Uzi hoặc Mac-IOs hoặc, *click*, những khẩu súng lục như khẩu của Digger và khẩu của gã đàn ông vừa cố bắn hắn. Nhưng họ sẽ không bắn vì chẳng biết phải bắn vào đâu. Digger chỉ là một người trong đám đông hỗn loạn.

Click, click.

Hắn phải đi bao xa mới tới được chỗ đông người?

Vài trăm mét, hắn đoán vậy.

Hắn chạy về phía họ. Nhưng con đường này đang dẫn hắn chạy xa khỏi Tye, khỏi chiếc ô tô đỗ trên phố Twenty-second. Hắn không thích ý nghĩ đó. Hắn muốn làm cho xong vụ này rồi trở lại với thằng bé. Khi tới chỗ đám đông, hắn sẽ xoay vòng như con quay và nhìn người ta gục xuống như lá rụng trong khu rừng ở Connecticut, rồi trở lại với thằng bé.

Khi tôi đi trên đường, tôi càng yêu em nhiều hơn.

Xoay, xoay, xoay...

Họ sẽ gục như Pamela với bông hồng trên ngực cùng hoa vàng trên tay.

Thêm nhiều người cầm súng nữa đang chạy trên bãi cỏ.

Đột nhiên, hắn nghe thấy tiếng nổ, rắc, rắc và bộp ở gần đó. Có người đang bắn hắn chẳng?

Không, không... A, nhìn kia!

Trên đầu hắn, những bông hoa đang nở rộ trên bầu trời. Khói tỏa ra và những bông hoa sáng rực rỡ, màu vàng và đỏ. Cả màu xanh và trắng nữa.

Pháo hoa.

Đồng hồ của hắn đổ chuông.

Đúng nửa đêm.

Đến lúc bắn rồi.

Nhưng Digger chưa thể bắn được. Chưa có đủ người.

Digger tiếp tục di chuyển về phía đám đông. Hắn có thể bắn vài người, nhưng không đủ để làm vui lòng người chỉ dạy hắn mọi điều.

Rắc...

Một viên đạn sượt qua hắn.

Giờ thì đúng là có ai đang bắn hắn.

Gào thét.

Hai người đàn ông khoác áo FBI ở giữa bãi cỏ bên tay phải Digger đã trông thấy hắn. Họ đang đứng trước cái bục gỗ được trang trí bằng các biểu ngữ đỏ, xanh và trắng xinh đẹp, giống như thứ mà những Em bé Năm mới vẫn đeo.

Hắn quay sang họ và bắn khẩu Uzi qua lớp áo khoác. Hắn không muốn làm thế, vì điều đó sẽ tạo ra nhiều lỗ hơn trên chiếc áo khoác xanh hay đen xinh đẹp mà Pamela tặng, nhưng hắn buộc phải làm. Hắn không được để ai trông thấy khẩu súng.

Hai người đàn ông ôm mặt và cố cứ như bị ong đốt rồi ngã vật xuống.

Digger xoay người rồi tiếp tục chạy theo đám đông.

Không ai trông thấy hắn bắn hai người kia.

Hắn chỉ phải đi vài trăm mét nữa là quanh hắn sẽ đầy chật người, hắn sẽ ngó nghiêng như mọi người khác, tìm kiếm tên sát nhân, tìm kiếm sự cứu rỗi. Rồi hắn có thể bắn và bắn và bắn.

Xoay tròn như một con quay trong rừng Connecticut.

Chương 28

Khi loạt đạn đầu tiên găm vào gỗ quanh ông, Jerry Kennedy đã đẩy Claire rơi từ khán đài xuống nền đất lạnh.

Ông nhảy theo sau và nằm nghiêng người đỡ đạn cho bà. “Claire!” Kennedy gào.

“Tôi ổn!” Giọng bà rít lên sợ hãi. “Có chuyện gì vậy?”

“Ai đó đang xả súng. Chắc là hắn rồi! Tên sát nhân, chắc hắn đang ở đây!”

Họ nằm sát vào nhau, ngửi thấy mùi đất, mùi cỏ và bia bị đổ.

Một người trên khán đài đã bị bắn trúng: Tay phụ tá trẻ bị bắn vào cánh tay khi Nghị sĩ Lanier nhảy ra đằng sau anh ta để nấp. Nhưng ngoài ra, không còn ai bị thương. Hầu hết các phát đạn đều bắn trượt. Tên sát nhân đã nhắm vào hai đặc vụ đứng trước khán đài, chứ không phải người ở trên ấy.

Kennedy có thể thấy rằng các đặc vụ đã chết.

Ngài thị trưởng ngược lên và trông thấy C.P. Ardell đang cầm khẩu súng đen trước mặt, nhìn khắp lượt bãi cỏ. Anh đứng cao hần lên, thậm chí chẳng buồn so vai.

“Đặc vụ Ardell!” Kennedy hét. “Hắn kia kia! Kia kia!”

Nhưng viên đặc vụ không bắn. Kennedy trèo hần lên bậc thang, kéo cổ tay áo của viên đặc vụ và chỉ. “Hắn đang chạy kia. Bắn đi!”

Viên đặc vụ to lớn giơ khẩu súng tự động lên trước mặt như một nhà thiện xạ.

“Ardell!”

“Ây,” viên đặc vụ đang nói.

“Anh còn chờ gì nữa?” Kennedy kêu lên.

Nhưng C.P. Ardell cứ nói “ây, ây,” khi nhìn khắp bãi cỏ.

Rồi Ardell bắt đầu quay người, chậm chậm xoay tròn, nhìn từ hướng bắc, sang đông, rồi nam... Nhìn về phía bức tường Đài tưởng niệm Chiến tranh Việt Nam, rồi những rặng cây, tiếp đến Đài tưởng niệm Washington, và lá cờ trang trí phong màn cho khán đài.

“Ây.”

Viên đặc vụ quay thêm một lần nữa, một vòng tròn hoàn chỉnh, và ngã ngửa ra sau, nhìn đăm đăm lên bầu trời bằng đôi mắt rực sáng. Kennedy thấy phần chóp đầu của anh đã không còn ở đó.

“Ôi Chúa ơi!”

Claire thở dốc khi một dòng máu chảy xuống bậc thềm và đọng thành vũng cách mặt bà vài phân.

Viên đặc vụ nói “Ây” thêm một lần nữa, thối ra bong bóng khí nhầy nhụa trên miệng. Kennedy nắm tay người đàn ông ấy. Nó khẽ run một lần. Rồi bất động hần.

Kennedy đứng dậy. Ông nhìn qua bức phát biểu mà Lanier, trợ lý của ông ta cùng một nghị sĩ khác đang trốn đằng sau. Công viên Mall mờ tối, không có ngọn đèn nào được bật vì đang bắn pháo hoa, nhưng trong ánh đèn pha của các xe cấp cứu, Kennedy thấy được cảnh hỗn loạn. Ông đang tìm bóng dáng Digger.

“Mi đang làm cái quái gì trong thành phố của ta?” Ông thì thầm. Rồi giọng cao lên thành tiếng thét, “Mi đang làm cái quái gì ở đây?”

“Jerry, nằm xuống!” Claire nài xin.

Nhưng ông vẫn đứng tại chỗ, nhìn khắp bãi cỏ, cố tìm cái bóng đen của tên giết người một lần nữa.

Hắn ở đâu? Ở đâu?

Rồi ông thấy một người đàn ông trong bóng râm, đang đi bộ thật nhanh dọc theo hàng cây anh đào không xa Đại lộ Constitution.

Hắn đang chạy theo đám đông ở mé phía đông của công viên Mall.

Kennedy đứng dậy và giật lấy khẩu súng từ tay viên đặc vụ đã chết.

“Ôi, Jerry, không,” Claire nói. “Không! Gọi điện thoại đi!”

“Không còn thời gian đâu.”

“Không...,” bà khóc.

Ông dừng lại và quay sang nhìn bà. Vuốt má bà bằng bàn tay trái và hôn lên trán bà như cách ông vẫn làm trước khi tắt đèn đi ngủ. Rồi ông nhảy qua nhóm người đang túm tụm nhau của mấy tay chính trị trẻ tuổi và chạy ra bãi cỏ.

Ông nghĩ: Mình sẽ đột quỵ mất, khéo mình bị đột quỵ mà chết mất thôi... Nhưng ông không hề chạy

chậm lại.

Hình ảnh thân thuộc của thành phố đang bủa vây lấy ông: Đài tưởng niệm Washington màu trắng, hàng cây anh đào khắc nghiệt, ngọn tháp của Smithsonian, những tòa nhà bắt chước kiến trúc Gothic màu xám của các viện bảo tàng, xe buýt dành cho khách du lịch...

Kennedy vừa thở dốc vừa chạy, vừa thở dốc vừa chạy.

Digger còn cách ông ba mươi mét. Rồi hai mươi...

Hai mươi...

Kennedy nhìn tên sát nhân ngày càng áp sát đám đông. Rồi hắn lôi khẩu súng đen ra khỏi túi áo.

Có tiếng súng phát ra từ rừng cây bên trái Kennedy. Rồi một, hai tiếng nữa.

Đúng rồi! Kennedy nghĩ. Họ đã trông thấy hắn!

Nhưng đột nhiên một đụn cỏ bên cạnh Kennedy bay lên không trung và một viên đạn khác sượt qua đầu ông.

Chúa ơi! Họ đang bắn ông. Họ trông thấy một người cầm súng chạy về phía đám đông và tưởng ông là kẻ giết người.

“Không, không!” Ông cúi người rồi chỉ về phía Digger. “Là hắn cơ!”

Tên sát nhân đang ở trong rừng cây, đi vòng sang một bên của đám đông. Chỉ một phút nữa thôi hắn sẽ chỉ còn cách họ chưa đầy mười lăm mét và có thể giết hàng trăm mạng người chỉ với một loạt bắn.

Mặc xác họ. Hãy cứ mong là cảnh sát đều bắn tòi. Kennedy lại lao lên phía trước.

Thêm một tiếng súng nữa bắn về phía ông nhưng rồi ai đó chắc đã nhận ra được. Có tiếng hét trên loa ra lệnh cho cảnh sát ngừng bắn.

“Quay lại đi!” Kennedy đang hét với đám đông.

Nhưng không còn chỗ để lùi nữa. Họ túm tụm vào nhau như một bầy gia súc. Hàng ngàn người. Vài người nhìn pháo hoa, những người khác thì nhìn quanh khó chịu và bối rối.

Kennedy rẽ vào hàng cây, ngực đau thắt nhưng ông vẫn lao về chỗ mình đã nhìn thấy Digger lần cuối.

Mình sắp chết, ông nghĩ. Ông mừng tượng bản thân đang lăn lộn đau đớn trên mặt đất trong lúc trái tim sắp ngừng đập.

Hôm nữa, mình đang làm cái gì mới được? Loại ngu xuẩn gì thế này? Lần cuối cùng ông bắn súng là ở một trại hè cùng với con trai từ ba mươi năm trước. Ông đã bắn ba phát và trượt cả ba trước sự xấu hổ của con mình.

Chạy, chạy...

Gần hàng cây hơn, gần Digger hơn.

Các đặc vụ đã trông thấy ông hướng về đâu và hắn đã đoán ra ông đang chạy theo tên sát nhân. Một hàng nghiêm chỉnh các nam và nữ đặc vụ trong bộ đồng phục tác chiến đang lao về phía ông.

Digger bước ra khỏi bụi cây, nhắm khẩu súng tự động về phía đám đông. Rồi hắn gật đầu với chính mình.

Kennedy ngừng chạy, giơ khẩu súng của Ardell lên và ngắm thẳng về phía tên sát nhân. Ông thậm chí không biết phải ngắm vào đâu, cái ống ngắm của khẩu súng nặng nề này làm việc thế nào nhỉ. Ông nên ngắm cao hay ngắm thấp. Nhưng Kennedy là một người khỏe mạnh và ông cầm rất chắc khẩu súng trong tay. Ông nhớ lại mình và cậu con trai cả đã đứng bên nhau trong trại hè thế nào, lắng nghe lời của người hướng dẫn: “Bóp cò. Đừng có giật.” Thằng bé đã cười khúc khích khi nghe thấy từ ấy.

Vậy là đêm nay, Jerry Kennedy đã bóp cò.

Tiếng nổ rất to và ông không hề ngờ được khẩu súng sẽ bị giật lên cao đến thế.

Kennedy hạ súng một lần nữa. Nheo mắt nhìn bãi cỏ tối om. Ông cười rõ to.

Chúa ơi, con làm được rồi! Con bắn trúng hắn rồi!

Digger đang nằm trên mặt đất, nhón nhó và ôm lấy cánh tay trái của hắn.

Kennedy bắn lần nữa. Viên đạn trượt và ông bắn thêm một vòng, rồi hai vòng nữa.

Digger lăn người đứng dậy. Hắn định ngắm vào Kennedy, nhưng ngài thị trưởng đã bắn lần nữa. Lần này cũng trượt, viên đạn trúng phải thân cây, song cũng đủ gần để buộc Digger phải lao đảo lùi lại. Hắn bắn vội về phía Kennedy. Tất cả các viên đạn đều trượt.

Tên sát nhân nhìn sang bên trái, nơi một hàng đặc vụ và cảnh sát đang di chuyển về phía hắn. Hắn ngắm bắn họ và chắc đã bóp cò. Kennedy không nghe thấy gì, cũng chẳng thấy tia lửa lóe lên ở đầu súng. Nhưng một đặc vụ đã ngã xuống và một mảng đất của sân cỏ liên bay lên không trung. Các đặc vụ khác thụp người xuống trong tư thế phòng thủ trên mặt đất. Họ ngắm bắn về phía hắn nhưng không ai bóp cò. Kennedy đã hiểu được tại sao: Vì đám đông đang ở ngay sau lưng Digger. Họ chắc chắn sẽ bắn nhầm vào những người ở đó.

Chỉ có Kennedy là có tầm ngắm thoáng.

Ông đứng thẳng dậy và bắn xuống mặt đất năm lần nữa để lái Digger lùi lại, tránh xa khỏi đám đông.

Rồi khẩu súng kêu lạch cạch. Hết đạn.

Ông nheo mắt nhìn qua khẩu súng.
Cái bóng đen của Digger đã biến mất

* * * * *

Giờ hắn đang thờ dốt.

Thứ gì đó bên trong Digger đã vỡ vụn và hắn quên mọi lời huấn thị của người chỉ dạy hắn mọi điều. Hắn quên mất rằng giết càng nhiều người càng tốt, quên những kẻ đã thấy mặt hắn và quên cả việc xoay vòng như một hạt mầm béo ở Connecticut. Hắn muốn ra khỏi đây và trở lại với Tye.

Những viên đạn của ông già kia đã tới rất gần hắn. Ông ta suýt giết hắn. Và nếu hắn bị giết, chuyện gì sẽ xảy ra cho thằng bé?

Hắn thụp người xuống và lao về phía một chiếc xe du lịch.

Động cơ đang để sẵn, một đám khói bốc lên từ bộ xe.

Tay hắn đau khủng khiếp.

Đau đến...

Nhìn kìa, có một bông hồng đỏ trên cánh tay hắn!

Nhưng, ôi... nó mới... *click*... đau làm sao.

Hắn hy vọng mình không bao giờ bị đau thế này nữa. Hắn cũng hy vọng Tye sẽ chẳng bao giờ bị đau như vậy.

Hắn tìm kiếm kẻ đã bắn mình. Sao ông ta lại làm thế? Digger không hiểu. Hắn chỉ làm những gì người ta bảo hắn làm.

Thậm chí nếu em không yêu tôi, tôi vẫn yêu em nhiều hơn.

Pháo hoa nở rộ trên khắp bầu trời công viên Mall.

Một hàng cảnh sát và đặc vụ di chuyển đến gần hơn. Họ bắt đầu bắn. Digger trèo lên bậc thang của xe buýt và quay lại, xả đạn vào đám đông các đặc vụ đang truy đuổi hắn.

Một ngôi sao khổng lồ màu cam nổ tung trên nền trời.

“Ôi chà,” hắn nói và nghĩ: Tye sẽ thích lắm đây.

Hắn đập vỡ cửa sổ xe buýt và cẩn thận ngăm bắn.

Chương 29

Parker và Cage ngồi xổm sau một chiếc xe cảnh sát.

Cả hai đều không được đào tạo nhiều về tác chiến và biết rằng cần phải để mìn đấu súng lại cho những đặc vụ trẻ tuổi nhưng nhiều kinh nghiệm hơn mình.

Hơn thế nữa, như Cage chỉ vừa hét lên với Parker một phút trước, đây đúng là bãi chiến trường chết tiệt. Đạn bay khắp nơi. Digger được bảo vệ an toàn bên trong chiếc xe buýt và đang bắn từng đợt thận trọng qua những ô cửa sổ đã vỡ tan tành. Len Hardy bị ghim chặt xuống đất cùng vài cảnh sát Đặc khu khác ở mé bên kia Đại lộ Constitution.

Cage ấn chặt một bên sườn của mình và nhắm mắt. Ông không bị trúng đạn nhưng một loạt đạn đã xé toạc lớp thép của chiếc xe họ dùng làm vật chắn, khiến ông phải lăn mình xuống đất thật mạnh.

“Ông ổn chứ?” Parker hỏi.

“Sườn,” ông già kêu. “Hình như bị gãy xương rồi. Chết tiệt.”

Các đặc vụ đã giải phóng khu vực xung quanh xe buýt và thoải mái bắn như mưa bất kể khi nào họ thấy có cơ hội. Họ đã bắn xẹp các lốp xe để Digger không thể lái đi được, mặc dù Parker thấy hẳn chẳng có cơ hội nào làm thế: Cả đoạn đại lộ rộng lớn bị kẹt xe kéo dài tới tám trăm mét từ cả hai hướng.

Parker nghe thấy những mẫu tin vụn vặt trao đổi trên điện đàm.

“Không thấy mục tiêu... Ném một quả bom quang vào trong. Ai có lựu đạn? Hai người đã bị hạ ở Constitution. Chúng ta có... có ai nghe không? Chúng ta có hai người bị hạ ở Constitution... Xạ thủ vào vị trí.”

Rồi Cage ngó lên khỏi nắp chiếc xe đã bị xé toạc.

“Chúa ơi,” Cage hồn hển, “thằng nhóc làm cái quỷ gì thế kia?”

Parker cũng đã trông thấy, ở hướng Đại lộ Constitution, theo ánh mắt của viên đặc vụ kỳ cựu. Len Hardy với khẩu súng bé tẹo trong tay đang bò từ cây này sang cây kia về phía chiếc xe buýt, lâu lâu lại ngẩng đầu lên bắn một phát.

Parker nói, “Anh ta điên rồi. Thậm chí anh ta còn không mặc áo chống đạn.”

“Len!” Cage gào lên rồi nhắm mắt vì đau.

Parker tiếp tục công việc. “Len!... Len Hardy! Quay lại ngay. Để đội SWAT xử lý.”

Nhưng anh ta chẳng hề nghe thấy họ. Hoặc giả vờ không nghe.

Cage rít lên, “Cứ như cậu ta mong được chết không bằng.”

Hardy đứng lên và lao về phía chiếc xe, vừa chạy vừa xả hết băng đạn. Thậm chí cả Parker cũng biết đây không phải là quy trình chuẩn trong hoạt động tác chiến.

Parker trông thấy Digger di chuyển về phía sau xe, nơi hẳn có thể dễ dàng bắn hạ Hardy. Viên thanh tra không hề chú ý. Anh ta lom khom trên mặt đất, và hoàn toàn lộ diện khi đang nạp thêm đạn.

“Len!” Parker kêu lên. “Nấp đi!”

“Thậm chí cậu ta còn không có băng đạn dự trữ,” Cage lầm bầm. Hardy đang trượt từng viên, từng viên vào khẩu súng của mình.

Digger càng tiến sát đuôi xe hơn.

“Không!” Parker lầm bầm, biết rằng mình sắp phải chứng kiến chàng trai trẻ bị giết.

“Chúa ơi,” Cage vừa kêu vừa thở hồn hển.

Rồi Hardy ngước lên và chắc hẳn đã nhận ra chuyện gì đó đang xảy ra. Anh ta giơ khẩu súng và bắn thêm ba phát nữa, tất cả chỗ đạn mình vừa kịp lấp thêm, rồi lao đảo lùi lại, cố tìm chỗ nấp.

“Cậu ta chết chắc rồi!” Cage lầm bầm. “Chết chắc rồi!”

Parker trông thấy bóng tên sát nhân gần ở cửa thoát hiểm phía đuôi xe buýt, nơi hẳn sẽ có tầm ngắm hoàn hảo vào Hardy, người đang nằm bò trên phố.

Nhưng trước khi Digger kịp bắn, một đặc vụ khác đã lăn ra từ đằng sau một chiếc xe và cúi người, bắn một loạt đạn vào trong xe buýt. Máu phun lên cửa sổ từ phía bên trong. Tiếp đó là tiếng gió rít và lửa bùng lên bên trong xe buýt. Một dòng xăng cháy loang ra lề đường.

Hardy chột vật đứng lên và chạy đến nấp sau một chiếc xe của cảnh sát Đặc khu.

Có tiếng hét xé tai vang từ bên trong chiếc xe buýt khi nó chìm trong biển lửa màu cam. Parker trông thấy Digger, một ngọn đuốc sống khổng lồ đứng lên rồi gục xuống trên lối đi ở giữa xe.

Rồi một tiếng bụp nhỏ vang lên từ bên trong, giống tiếng bập rang bơ mà Stephie đã làm để gây bất ngờ cho anh trai nó, khi những viên đạn còn lại của Digger phát nổ trong lửa. Một cái cây trên Đại lộ Constitution cũng bị bắt lửa và soi chiếu khung cảnh rừng rợn bằng ánh sáng vui vẻ đến phi lý.

Các đặc vụ từ từ đứng lên khỏi chỗ nấp và tiếp cận chiếc xe buýt. Họ đứng ở một khoảng cách thận trọng trong lúc những viên đạn cuối cùng bốc cháy, xe cứu hỏa thì vừa tới nơi và bắt đầu phun bọt kem lên khối sắt đã hóa thành than.

Khi lửa đã tắt, hai đặc vụ giáp trụ đẩy mình tiến tới cửa xe và nhìn vào bên trong.

Đột nhiên, một tràng nổ lớn vang rền làm rung chuyển cả công viên Mall.

Tất cả các đặc vụ và cảnh sát gần đó đều thụp xuống tư thế tự vệ, tay giơ cao vũ khí.

Nhưng âm thanh ấy chỉ là tiếng pháo hoa, những con nhện màu cam, những ngôi sao nở rộ màu xanh dương, những vỏ sò rung rinh màu trắng. Đó là màn kết tráng lệ của buổi biểu diễn.

Hai đặc vụ bước tránh ra xa khỏi chiếc cửa xe buýt cời bỏ mũ bảo hiểm.

Một lát sau, Parker nghe tiếng của một trong hai người trên điện đàm của Cage. “Xe đã an toàn,” anh ta nói. “Xác nhận đối tượng đã chết,” là một câu văn bia không cảm xúc dành cho tên giết người.

* * * * *

Khi họ cùng trở lại Đài tưởng niệm Chiến tranh Việt Nam, Parker kể cho Cage nghe về Czisman, về khởi đầu của vụ đầu súng này.

“Anh ta đã bắn hai phát cảnh cáo. Nếu anh ta không làm vậy thì Digger đã giết được hàng trăm người ngay tại đây. Có lẽ cả tôi cũng chết rồi.”

“Anh ta định làm cái quái gì mới được chứ?”

Ở trước mặt họ, một viên cảnh sát đang phủ xác của Henry Czisman.

Cage cúi xuống, nhăn nhó vì đau đớn. Một nhân viên y tế chọc vào bụng ông và tuyên bố cú ngã kia đã khiến ông bị gãy mất xương sườn. Cage được quấn băng và được đưa cho một ít thuốc Tylenol 3. Điểm đáng thất vọng nhất của vết thương là giờ đây, ông đau đến nỗi không thể thực hiện những cái nhún vai thường lệ được nữa. Viên đặc vụ kéo tám vải bạt màu vàng khỏi thi thể rồi lục tìm trong các túi áo, túi quần của tay nhà báo. Lấy ví của anh ta, rồi tìm thêm được một thứ khác.

“Cái gì đây nhỉ?” Ông lấy cuốn sách ra khỏi ngực áo của người đàn ông đã chết. Parker thấy nó đúng là một cuốn sách đẹp: Bọc da, các trang giấy được khâu bằng tay chứ không phải loại hồ dán “hoàn hảo” như sách bán đại trà. Giấy da mịn, vào thời của Thomas Jefferson, nó được làm bằng da động vật trơn nhẵn, nhưng ở thời hiện đại thì sẽ là loại giấy vải cao cấp. Mép giấy được viền hai màu đỏ và vàng.

Bên trong sổ, chữ viết kiểu thư pháp, có lẽ là của Czisman đẹp như của một nghệ sĩ thực thụ. Parker chẳng thể không ngưỡng mộ nó.

Cage lật giờ cuốn sách, dừng ở vài trang, đọc chúng rồi lắc đầu. Ông đưa nó cho Parker. “Xem này!”

Parker cau mày, nhìn vào dòng tiêu đề được viết bằng mực vàng trên trang bìa. Biên niên sử Đau thương.

Anh mở nó ra. Và đọc to. “Để tưởng nhớ vợ tôi, Anne, nạn nhân đầu tiên của Đồ tể.”

Cuốn sách được chia thành các phần. “Boston.” “White Plains.” Và các bức ảnh hiện trường được dán vào bên trong. Tấm đầu tiên đề “Hartford.” Parker lật giờ trang và đọc, “Từ tạp chí Hartford News-Times. Czisman đã sao chép lại toàn bộ bài báo. Nó được đề tháng Mười một năm ngoái.

Parker đọc tiếp, “Ba người đã chết trong vụ cướp... Cảnh sát Hartford vẫn đang truy tìm tung tích một người đàn ông đã bước vào văn phòng của tạp chí News-Time hôm thứ Bảy và khai hỏa bằng một khẩu súng lục, giết chết ba nhân viên trong phòng Quảng cáo.”

“Mô tả duy nhất về tên giết người: Hẳn là đàn ông, tầm vóc trung bình, mặc một chiếc áo khoác màu tối. Người phát ngôn của cảnh sát nói động cơ của hắn có thể là để phân tán sự chú ý của các lực lượng hành pháp trong khi tên đồng bọn cướp một xe chở tiền đang trên đường tới ngân hàng phía bên kia thị trấn. Kẻ tấn công thứ hai đã bắn chết người tài xế xe tải và phụ tá của ông ta. Tên đó trốn thoát với bốn ngàn đô la tiền mặt.”

Cage lẩm bẩm, “Giết ba người chỉ vì bốn ngàn. Đúng là chúng rồi.”

Parker ngược nhìn lên. “Một trong các nhân viên bị giết ở tòa báo là Anne Czisman. Vợ của anh ta.”

“Vậy là anh ta cũng muốn hạ tên khốn y hệt chúng ta,” Cage nói.

“Czisman dùng chúng ta để tiếp cận nghi phạm và Digger. Đó là lý do anh ta muốn xem cái xác đến thế. Và đó là lý do vì sao anh ta theo dõi tôi.”

Trả thù...

“Cuốn sách này... là cách anh ta đương đầu với nỗi đau.” Parker cúi xuống và cung kính kéo tấm bạt phủ lại lên mặt người đàn ông.

“Gọi cho Lukas thôi,” anh nói với Cage. “Báo tin cho cô ấy.”

* * * * *

Ở trụ sở FBI, Margaret Lukas đang đứng trong hành lang dành cho nhân viên trên Đại lộ Pennsylvania, tóm tắt sự vụ cho ngài phó giám đốc, một người ưa nhìn với mái tóc xám gọn gàng theo kiểu chính trị gia. Cô đã nghe các báo cáo về việc Digger xuất hiện ở công viên Mall lần vụ đấu súng ở đó. Lukas đã tuyệt vọng muốn tự mình lao tới công viên nhưng vì cô chỉ huy vụ án, nên quy trình yêu cầu cô phải cập nhật tin tức cho cấp trên ở Cục.

Điện thoại của cô đổ chuông. Cô trả lời rất nhanh, vì lý do mê tín mà không cho phép mình hy vọng họ đã bắt được thủ phạm

“Lukas đây.”

“Margaret,” Cage nói.

Ngay lập tức cô biết họ đã bắt được tên sát nhân nhờ vào giọng điệu của ông. Đó là thứ âm thanh trong giọng nói của cảnh sát mà bạn học được ngay từ lúc khởi đầu sự nghiệp.

“Tóm hay hạ?”

Bị bắt hay đã bị giết, ý cô là vậy. “Hạ,” Cage trả lời.

Trong suốt năm năm qua, đây là lần đầu tiên cô suýt thì đọc lời nguyện cầu trong Lễ tạ ơn.

“Còn chuyện này nữa, chính thị trường đã bắn trúng hần.”

“Cái gì cơ?”

“Phải đấy, Kennedy. Bắn được mấy phát. Cứu được vài mạng người.”

Cô báo cáo tin này cho phó giám đốc.

“Ông không sao chứ?” Cô hỏi Cage.

“Ổn,” Cage trả lời. “Gãy mất một xương sườn trong lúc cố giữ mạng mình thôi.”

Nhưng lòng cô thất lại. Có nghe thấy điều gì khác trong giọng nói của ông, một nỗi trống trải...

Jackie, mẹ của Tom đây... Jackie, mẹ phải nói với con một chuyện Hăng hàng không vừa gọi... Ôi, Jackie...

“Nhưng?” Cô hỏi ngay. “Có chuyện gì à? Kincaid bị sao phải không?”

“Không, anh ấy ổn,” viên đặc vụ khẽ nói.

“Nói cho tôi biết đi.”

“Hắn giết C.P. rồi, Margaret. Tôi rất tiếc, cậu ấy đã chết.”

Cô nhắm mắt. Thở dài. Cơn giận sôi sùng sục trong người cô lần nữa, giận vì chính mình đã không có cơ hội tự tay găm một viên đạn vào trái tim Digger.

Cage nói tiếp, “Thậm chí còn không phải là trong cuộc đấu súng. Digger bắn bừa về chỗ thị trường ngồi. C.P. chỉ vô tình có mặt ở nhầm nơi.”

Và đó lại chính là nơi mình đã cử anh tới, cô cay đắng nghĩ. Chúa ơi!

Cô đã quen biết anh được ba năm... Ôi, không...

Cage đang nói thêm vào, “Digger đã giết chết bốn người. Ba người bên ta và khoảng sáu thường dân khác cũng bị thương. Vẫn còn sáu người được báo là mất tích nhưng không tìm thấy xác. Có thể họ chỉ đi tản mát đâu đó mà gia đình chưa tìm thấy thôi. Và còn cả Czisman nữa?”

“Ai, tay nhà văn à?”

“Phải. Digger đã giết anh ta.”

“Cái gì?”

“Anh ta chẳng phải nhà văn gì đâu. Ý tôi là, anh ta đúng là có viết văn, nhưng đấy không phải việc anh ta đang làm. Digger đã giết vợ anh ta và anh ta đã lợi dụng chúng ta để sẵn lòng hần. Mặc dù vậy, Digger đã ra tay trước.”

Vậy đêm nay là đêm của những kẻ nghiệp dư, cô nghĩ. Kincaid, ngài thị trường. Czisman.

“Còn Hardy?”

Cage kể với cô rằng viên thanh tra trẻ đã thử đơn thân độc mã tấn công chiếc xe buýt mà Digger chiếm cứ. “Anh ta đến được khá gần và có tầm bắn tốt. Cũng có thể chính những phát đạn của anh ta đã trúng người Digger. Không ai biết chuyện gì đã xảy ra cả.”

“Vậy là anh ta không tự bắn vào chân mình hả?” Lukas hỏi.

Cage nói, “Nói cho cô nghe, trông cứ như anh ta muốn chết thật đấy nhưng khi đối diện với sinh tử thì anh ta đã biết lùi lại và tìm chỗ nấp. Tôi đoán anh ta quyết định ở lại với đời thêm vài năm nữa.”

Cũng như tôi thôi, thể thân, Lukas nghĩ.

“Evans có đó không?” Cage hỏi.

Lukas nhìn quanh. Ngạc nhiên vì vị tiến sĩ không có mặt ở đây. Kỳ lạ thật... Cô tưởng ông ta sẽ xuống sảnh để gặp mình. “Tôi không chắc ông ta đang ở đâu,” cô trả lời. “Chắc vẫn trên gác. Trong phòng Thí nghiệm Tài liệu. Hoặc trong Trung tâm xử lý khủng hoảng.”

“Tìm ông ta và báo tin tốt nhé. Nói cảm ơn ông ta nữa. Bảo ông ta gửi một hóa đơn thật đắt tới.”

“Được rồi. Tôi cũng sẽ gọi cho Tobe.”

“Parker và tôi sẽ tiến hành khám nghiệm hiện trường cùng với đội PERT, rồi trở về đó trong vòng bốn mươi lăm phút nữa.”

Khi cô tắt máy, vị phó giám đốc liền nói, “Tôi sẽ xuống công viên Mall. Ai là người chỉ huy?”

Suýt thì cô đã nói Parker Kincaid. Nhưng cô ngăn được mình, “Đặc vụ Cage. Ông ấy ở gần Đài tưởng niệm Chiến tranh Việt Nam với đội PERT.”

“Cần phải tổ chức họp báo. Tôi sẽ thông tin ngay cho giám đốc. Có thể ông ấy muốn tuyên bố gì đó... Vậy là tối nay cô lỡ mất bữa tiệc hả, Lukas?”

“Ngày lễ là thế đó, thưa ngài. Năm sau lại có mà.” Cô cười lớn. “Có lẽ chúng ta nên in câu ấy lên áo phông.”

Ông phó giám đốc cười cứng ngắc. Rồi ông hỏi, “Còn quý ông chỉ điểm của chúng ta đang làm gì? Có lời đe dọa nào không?”

“Moss ấy à? Gần đây tôi không kiểm tra ông ta,” cô nói. “Nhưng chắc chắn tôi sẽ làm ngay đây.”

“Cô nghĩ có vấn đề gì à?” Vị phó giám đốc cau mày.

“Ồi không. Nhưng ông ấy nợ tôi một ly bia.”

* * * * *

Trong phòng thí nghiệm trống vắng, Tiến sĩ Evans gấp điện thoại lại rồi tắt ti vi.

Vậy là họ đã giết Digger.

Các bản tin rất rời rạc nhưng ít nhất, Evans có thể nói rằng mức độ thiệt hại là tối thiểu, không như vụ ở Metro hay trên du thuyền. Tất nhiên, từ những hình ảnh trên ti vi thì thấy Đại lộ Constitution trông như một bãi chiến trường. Khói, hàng trăm xe cứu thương, mọi người trốn đằng sau ô tô, cây cối, bụi rậm.

Evans mặc chiếc áo khoác rộng thùng thình của mình rồi đi tới góc phòng thí nghiệm. Ông ta cho chiếc bình giữ nhiệt nặng nề vào ba lô, quăng nó lên vai rồi bấm nút đi qua cánh cửa đôi và xuống một hành lang mờ tối.

Digger... Thật là một sinh vật cuốn hút. Một trong rất ít người trên thế giới này thực sự phản tâm lý, như ông ta đã nói với các đặc vụ.

Ông ta dừng bước trước cửa thang máy, rồi nhìn vào chỉ dẫn tòa nhà, cố định hướng cho mình. Có một bản đồ. Ông ta xem nó. Trụ sở FBI phức tạp hơn ông ta tưởng rất nhiều.

Ngón tay ông ta chuẩn bị ấn nút đi xuống thì một giọng nói vang lên, “Chào.” Ông ta liền quay lại. Trông thấy ai đó đang đi về phía mình từ dãy thang máy bên kia.

“Chào tiến sĩ,” giọng nói lại gọi. “Ông nghe thấy không?” Đó là chàng thanh tra trẻ. Len Hardy. Chiếc áo choàng của anh ta không còn phẳng một cách hoàn hảo nữa. Nó bị lấm bẩn và bám đầy bồ hóng. Má anh ta có một vết cắt. Evans bấm nút xuống. Những hai lần. Sốt ruột. “Mới xem trên bản tin,” ông ta bảo với Hardy. Ông ta hất ba lô khỏi vai mình. Vị tiến sĩ cầu nhàu khi dùng khuỷu tay đỡ lấy nó và bắt đầu mở khóa.

Hardy lơ đãng liếc nhìn chiếc ba lô hoen ố. “Trời ạ, tôi kể cho ông nghe, ở đó, tôi đã hơi hấp tấp khi tình nguyện đuổi theo tên ấy. Hơi điên một chút. Kiểu kích động khi ở tiền tuyến ấy mà.”

“Ừ, ừ,” Evans nói. Ông ta với tay vào trong ba lô và lấy bình ủ nhiệt ra.

Hardy tiếp tục luận thuyết, “Suýt thì hần bắn được tôi. Làm tôi tỉnh lại một chút. Chắc tôi đang ở cách hần khoảng chín mét. Nhìn được cả mắt hần, thấy cả họng súng của hần. Trời ạ... đột nhiên tôi thấy thật hạnh phúc vì mình vẫn còn sống.”

“Việc đó vẫn hay xảy ra,” Evans nói. Thang máy ở chỗ quái nào nhỉ?

Hardy liếc nhìn chiếc bình bằng kim loại màu bạc. “Này, ông biết đặc vụ Lukas ở đâu không?” Viên

thanh tra hỏi và nhìn lên hành lang tăm tối.

“Tôi nghĩ cô ấy ở dưới nhà,” Evans nói rồi mở nắp bình ủ. “Cô ấy phải tóm tắt sự việc cho ai đó. Sảnh ở phố Ninth ấy. Không phải anh vừa đi từ đằng ấy lên à?”

“Tôi đi vào qua gara.”

Vị tiến sĩ mở nắp chiếc bình ủ. “Anh biết không, thanh tra, cái cách anh kể với tất cả mọi người về Digger và Levelers ấy? Chuyện đó nghe có vẻ anh không hề tin tưởng tôi.” Ông ta quay sang Hardy,

Evans nhìn xuống. Ông ta trông thấy khẩu súng đen ngòm đã chuyển sang chế độ giảm thanh của Hardy đang chĩa vào mặt mình.

“Tin tưởng chẳng liên quan gì ở đây cả,” Hardy nói.

Evans thả rơi chiếc bình ủ. Cà phê sánh ra sàn. Ông ta nhìn tia chớp vàng lóe lên từ họng súng. Và đó là tất cả những gì mà ông ta có thể trông thấy được.

Phần IV

BẬC THẦY GIẢI ĐỐ

Chữ viết tay chính là thứ tồi tệ nhất chống lại tôi.

– **Bruno Hauptmann**

Nhắc tới bằng chứng trong phiên tòa xử hán về tội bắt cóc em bé Lindbergh

Chương 30

Viên đặc vụ vẫn còn đủ trẻ để thấy vui sướng trước ý tưởng được làm một nhân viên FBI. Vì thế, anh ta không phiền một chút nào khi bị phân công ca trực từ nửa đêm đến tám giờ sáng vào đêm Giao thừa ở Trung tâm An ninh của Cục điều tra trên tầng ba trụ sở chính.

Thêm một thực tế nữa là Louise, đặc vụ cùng làm việc với anh ta, cô nàng đang mặc chiếc sơ mi màu xanh bó chặt và chiếc váy ngắn màu đen, lại đang tán tỉnh anh ta nữa.

Chắc chắn là tán tỉnh rồi, anh ta xác định như vậy.

Thực ra, cô ấy đang nói chuyện về con mèo của mình. Nhưng ngôn ngữ cơ thể cô ấy thì nói rằng đây chính là tán tỉnh. Lại còn chiếc áo trong màu đen lộ rõ qua làn áo sơ mi nữa chứ. Đó cũng là một thông điệp.

Viên đặc vụ tiếp tục theo dõi mười màn hình thuộc trách nhiệm của mình. Ở bên trái anh ta, Louise cũng có mười cái khác. Chúng được kết nối với hơn sáu mươi camera an ninh đặt trong và quanh trụ sở. Hình ảnh trên các màn hình thay đổi cứ năm giây một lần theo thứ tự các camera.

Louise với áo trong màu đen đang gật đầu lơ đãng lúc anh ta nói về nhà của bố mẹ mình trên Vịnh Chesapeake. Điện thoại nội bộ bất chợt kêu inh tai.

Không thể là Sam hay Ralph được, chính anh ta và Louise vừa thay phiên cho hai đặc vụ ấy nửa tiếng trước; họ đều có thể ra vào tất cả các cổng và chỉ việc bước vào đây.

Viên đặc vụ bấm nút điện thoại nội bộ. “Vâng?”

“Thanh tra Hardy, sở cảnh sát Đặc khu.”

“Ai là Hardy?” Viên đặc vụ hỏi Louise.

Cô nhún vai và trở lại với màn hình của mình.

“Vâng?”

Giọng nói lạo xạo, “Tôi làm việc với Margaret Lukas.”

“Ồ, trong vụ xả súng ở Metro à?”

“Đúng vậy.”

Huyền thoại Margaret Lukas. Viên đặc vụ tuy chưa làm việc cho Cục được bao lâu, nhưng ngay cả anh ta cũng biết rằng một ngày nào đó, Lukas sẽ là nữ giám đốc đầu tiên của FBI. Anh ta bấm nút mở cửa, quay lại đối diện với khung cửa.

“Tôi giúp gì được anh?”

“Tôi e là mình bị lạc,” Hardy nói.

“Chuyện thường ấy mà.” Anh ta mỉm cười. “Anh đi đâu nhỉ?”

“Tôi đang cố tìm đường về phòng Thí nghiệm Tài liệu. Tôi bị lạc lúc đi lấy cà phê.”

“Tài liệu à? Trên tầng bảy. Rẽ trái. Không thể bỏ lỡ đâu.”

“Cảm ơn anh.”

“Cái gì đây?” Đột nhiên Louise nói “Này, cái gì đây?”

Viên đặc vụ liếc nhìn cô trong lúc cô bấm nút dừng chiếc máy camera và chỉ vào một màn hình. Nó hiện lên cảnh một người đàn ông đang nằm ngửa cách không xa chỗ họ là mấy, trên đúng tầng này. Màn hình chỉ hiển thị đen trắng nhưng có cả vũng lớn thứ rõ ràng là máu đang chảy ra từ đầu anh ta.

“Ôi, Chúa ơi,” cô lẩm bẩm và với tay lấy điện thoại. “Trông như Ralph.”

Từ đằng sau lưng họ vang lên một tiếng bụp khe khẽ. Louise đột ngột co giật người và gào gừ khi ngực áo sơ mi của cô biến mất trong một màn sương máu.

“Ồi,” cô hồn hển. “Chuyện...”

Một tiếng bụp khác. Viên đạn trúng vào sau gáy cô và cô đổ gục về phía trước.

Viên đặc vụ trẻ quay về phía ngưỡng cửa, giơ hai tay lên và kêu, “Không, không.”

Hardy nói bằng giọng điềm tĩnh, “Bình tĩnh.”

“Làm ơn!”

“Bình tĩnh,” hắn ta nhắc lại. “Tôi chỉ có vài câu hỏi.”

“Xin đừng giết tôi. Làm ơn...”

“Nghe này,” Hardy hỏi bằng giọng thản nhiên, “máy tính của cậu chạy chương trình Secure-Chek phải không?”

“Tôi...”

“Tôi sẽ cho cậu sống nếu cậu trả lời tất cả những gì tôi hỏi.”

“Vâng.” Anh ta bắt đầu khóc. “Secure-Chek.”

“Phiên bản nào?”

“6.0.”

“Và nếu cậu không đăng nhập theo đúng định kỳ thì Mã 42 sẽ hiện ra trên Hệ thống Inter-Gov?”

“Đúng vậy... Ồi, nghe này, thưa ông.” Anh ta liếc nhìn thi thể cô gái bên cạnh mình, nó vừa giật cục hai cái. Máu chảy tràn ra bảng điều khiển. “Ồi, Chúa ơi...”

Hardy chậm rãi hỏi, “Cậu đã bắt đầu phiên trực lúc nửa đêm phải không?”

“Làm ơn, tôi...”

“Nửa đêm phải không?” Hẳn lặp lại, như một giáo viên đang dạy dỗ bọn trẻ con.

Viên đặc vụ gật đầu.

“Thời điểm đăng nhập lần đầu của cậu là lúc nào?”

Giờ thì anh ta đang khóc rất to. “Mười hai giờ hai mươi mốt.”

“Lần đăng nhập tới là lúc nào?”

“Một giờ bảy phút.”

Hardy liếc nhìn đồng hồ treo tường rồi gật đầu.

Bằng giọng hoảng hốt, viên đặc vụ trẻ nói tiếp, “Vào ngày lễ chúng tôi áp dụng định kỳ giãn dân, vì thế sau lần đăng nhập thứ hai, chúng tôi...”

“Được rồi,” Hardy đảm bảo với viên đặc vụ rồi bắn anh ta hai phát vào đầu trước khi ấn nút để mở cửa.

* * * * *

Người đàn ông không phải Thanh tra Len Hardy, một cái tên giả tưởng, mà thực tế là Edward Fielding, tiến bước đến cầu thang máy.

Hắn còn thời gian đến một giờ bảy phút trước khi còi báo động tự động bật lên.

Khá dư dả.

Cả tòa nhà gần như không có ai, nhưng hắn vẫn bước đi theo cách hắn biết cần phải thế. Với dáng vẻ không khẩn trương mà là có chủ đích. Để nếu hắn có vấp phải một trong vài đặc vụ còn ở lại đây, họ sẽ chỉ liếc nhìn thể ra vào của hắn và dựa vào phong thái mà quyết định để mặc hắn đi tiếp tới nơi nào hắn cần trong nhiệm vụ quan trọng của mình.

Hắn hít vào thật sâu mùi của phòng thí nghiệm, các văn phòng, nhà xác. Cảm thấy một niềm vui dào dạt khi có mặt ở đây: trung tâm vũ trụ của giới hành pháp. Các hành lang trong trụ sở FBI. Hắn nhớ lại hồi một năm trước, Digger cứ lăm nhăm không dứt về chuyện đi tới một bảo tàng nghệ thuật ở Hartford. Fielding đã đồng ý và tên điên ấy đã đứng hàng giờ trước một bức minh họa của Dore từ vở hài kịch Thần thánh: Dante và Virgil chuẩn bị xuống địa ngục. Đó chính là cảm xúc của Fielding lúc này, cứ như hắn đang trong chuyến hành trình vào thế giới ngầm.

Trong lúc đi qua những hành lang, hắn khẽ nói chuyện với các đồng đội của mình. Không, đặc vụ Lukas và Parker Kincaid và Tiến sĩ John Evans ạ... Không, động cơ của tôi chẳng phải là trả thù cho những quan điểm chính trị đã lỗi thời hay khủng bố. Cũng không phải để lật trần bất công xã hội. Càng không phải lòng tham. Hai mươi triệu ư? Chúa ơi, tôi có thể đòi gấp mười lần như thế.

Không, động cơ của tôi đơn giản chỉ là sự hoàn hảo.

Ý tưởng về một tội ác hoàn hảo chỉ là một cụm từ rập khuôn, đúng vậy. Nhưng Fielding đã học được một thứ rất thú vị khi hắn nghiên cứu bộ môn ngôn ngữ học, hòng tìm ra đúng những từ ngữ và cụm từ để dùng cho bức thư tổng tiền. Trong một bài báo trên tờ Chuyên đề Ngôn ngữ học của Mỹ, một nhà triết học, chuyên gia ngôn ngữ, đã viết rằng mặc dù rất nhiều người viết nghiêm túc được cảnh báo phải tránh sai lầm này, nhưng những câu văn rập khuôn vẫn có giá trị, bởi chúng mô tả các sự thật cơ bản bằng thuật ngữ toàn dân dễ hiểu.

Tội ác hoàn hảo.

Chén Thánh của Fielding.

Sự hoàn hảo. Nó làm hắn say sưa. Sự hoàn hảo là tất cả: cách hắn là áo sơ mi và đánh bóng đôi giày hay tia tóc ở hai bên tai, cách hắn xây dựng các tội ác và cách chúng được thực hiện.

Nếu Fielding có năng khiếu với luật pháp thì chắc hẳn đã trở thành luật sư và dành cả đời để tạo ra những bài bào chữa hoàn hảo cho các thân chủ phạm tội một cách rành rành. Nếu hắn ham thích không khí

ngoài trời thì chắc hẳn đã dạy mình mọi điều cần biết về môn leo núi và thực hiện những chuyến leo đơn thân độc mã hoàn hảo lên đỉnh Everest.

Nhưng những hoạt động kia lại không kích thích hẳn.

Chỉ có tội ác.

Hẳn cho rằng chỉ là sự may rủi khi sinh ra hoàn toàn bất bình thường. Giống như một số người bị hói và những con mèo có chân sáu ngón vậy. Và hẳn xác định rằng chuyện đó chỉ là do tự nhiên, chứ không phải do môi trường. Bố mẹ hẳn là những người đáng tin cậy và yêu thương hẳn; ngờ nghệch là tội lỗi duy nhất của họ. Bố của Fielding là người bán bảo hiểm ở Hartford, mẹ hẳn thì nội trợ. Hẳn không hề bị thiếu thốn hay ngược đãi. Mặc dù vậy, từ thuở thiếu thời, hẳn chỉ đơn giản tin rằng luật pháp không áp dụng với mình. Nó chẳng có nghĩa lý gì cả. Hẳn từng dành nhiều giờ liền tự hỏi, tại sao một người phải trối buộc bản thân mình? Sao không đi tới bất kỳ nơi nào mà ham muốn và trí óc dẫn lối?

Dù mất tới vài năm, hẳn mới học được điều này, nhưng Fielding được sinh ra với nhân cách tội phạm thuần túy, một kẻ rối loạn nhân cách xã hội điển hình.

Vậy là trong lúc học đại số, vi phân và sinh học ở trường Trung học St. Mary, chàng trai trẻ Fielding cũng đồng thời nghiên cứu khuynh hướng thật của mình.

Trong quá trình rèn luyện ấy, chuyện học tập của hẳn cũng có lúc lên lúc xuống.

Fielding, phải vào trại cải tạo thanh thiếu niên vì đã phóng hỏa gã bạn trai của một cô gái mà hẳn thích (đáng lẽ phải đổ xe cách đó ba hay bốn dặm nhà).

Fielding, bị hai cảnh sát đánh gần chết vì đã tổng tiền họ bằng những bức ảnh mấy người đàn ông đồng bóng thổi kèn cho họ trong xe tuần tra (đáng lẽ phải kiếm một tay đồng phạm khỏe mạnh).

Fielding, tổng tiền thành công một nhà sản xuất thức ăn đóng hộp lớn bằng cách cho gia súc của họ ăn loại enzyme cho kết quả dương tính trong bài kiểm tra chất ngộ độc thực phẩm (mặc dù hẳn không bao giờ đến lấy tiền bởi chẳng nghĩ được cách nào ôm đồng tiền mặt ấy bỏ trốn).

Sống và học tập...

Đại học cũng chẳng làm hẳn thích thú mấy. Sinh viên ở Bennington có tiền nhưng chúng mở toang cửa phòng ký túc và trộm tiền của chúng không có chút thử thách nào. Thi thoảng hẳn thích thú tấn công ác ý các nữ sinh cùng trường bởi việc cưỡng hiếp ai đó theo cái cách khiến cô ta chẳng hề nhận ra mình đang bị lạm dụng cũng khá là kích thích. Nhưng ham muốn của Fielding không nằm ở tình dục, mà ở chính bản thân trò chơi ấy, và đến năm thứ ba thì hẳn đã tập trung vào cái mà hẳn gọi là *những tội ác sạch sẽ*, như các vụ cướp. Chứ không phải *những tội ác bừa bãi* như cưỡng hiếp. Hẳn chuyên tâm lấy bằng tâm lý của mình và mơ về chuyện thoát khỏi thế giới Ben & Jerry để tiến vào thế giới thực, nơi hẳn được thực hành các mảnh khé của mình.

Trong mười năm tiếp theo, Fielding trở về quê nhà Connecticut và làm đúng như vậy: mài giũa lẫn thực hành. Chủ yếu là cướp bóc. Hẳn tránh các tội ác liên quan đến kinh doanh như làm séc giả hay lừa đảo cổ phiếu vì sợ để lại dấu vết trên giấy tờ. Hẳn tránh cả ma túy và cướp tàu xe vì chẳng thể làm một mình, mà Fielding thì không bao giờ gặp ai đáng tin cậy.

Hẳn giết người lần đầu tiên vào năm hai mươi bảy tuổi.

Chương 31

Một cơ hội trời cho, một tội ác bốc đồng, rất không giống với bản tính của hắn. Hắn đang uống cappuccino tại một quán cà phê trong khu thương mại ngoài trời ở ngoại ô Hartford và rồi trông thấy một người phụ nữ bước ra khỏi cửa hiệu trang sức với một cái túi. Cách cô ta đi đứng có gì đó hơi hoảng sợ, cho thấy rằng cái túi kia chứa một thứ gì đó rất đắt tiền.

Hắn vào ô tô và đi theo cô ta. Trên một đoạn đường kéo dài vắng vẻ, hắn tăng tốc rồi bắt cô ta tấp vào lề. Cô ta sợ hãi đẩy cái túi về phía hắn và cầu xin hắn tha cho cô ta.

Khi đứng đó bên cạnh chiếc Chevy của cô gái, Fielding chợt nhận ra mình không mang mặt nạ cũng chưa đổi biển số xe. Hắn tin rằng tiềm thức của mình đã cố tình không làm những việc ấy bởi vì hắn muốn biết cảm giác khi giết người như thế nào. Fielding thò tay vào ngăn đựng găng, lôi ra một khẩu súng và trước cả khi cô gái kịp hét lên, hắn đã bắn cô ta hai phát.

Hắn trèo lại vào trong xe, lái về Juice và Java và gọi thêm một tách cappuccino khác. Khôi hài làm sao, hắn tư lự, rất nhiều tội phạm không bao giờ giết người. Chúng sợ vì chúng nghĩ mình sẽ dễ bị bắt hơn. Thực tế, nếu chúng dám giết người thì chúng càng có nhiều khả năng thoát tội hơn.

Tuy nhiên, cảnh sát cũng có những người giỏi và hắn đã bị bắt vài lần. Hắn được thả trong tất cả các trường hợp, trừ một lần. Ở Florida, hắn bị tóm vì cướp có vũ trang và bằng chứng chống lại hắn quá mạnh. Nhưng hắn mới được luật sư giỏi, ông ta giúp hắn được khoan hồng với điều kiện Fielding phải đi trị liệu ở một bệnh viện tâm thần.

Hắn đã sợ chết khiếp khoảng thời gian mình phải chịu án nhưng hóa ra đó lại là hai năm tuyệt vời. Trong bệnh viện tâm thần Thành phố Dade, Fielding có thể ném được mùi tội phạm. Hắn ngửi thấy mùi ấy. Rất nhiều, nếu không phải là hầu hết, bọn tội phạm có mặt ở đó vì luật sư của họ đã nhanh trí dùng bài biện hộ cho kẻ tâm thần. Những tên ngu đần phải vào tù, lũ khôn thì vào bệnh viện.

Sau hai năm và một lần xuất hiện gương mặt trước Hội đồng xét duyệt y khoa, Fielding đã lại trở về Connecticut.

Việc đầu tiên hắn làm là kiểm công việc trợ lý ở một bệnh viện dành cho các tội phạm tâm thần tại Hartford.

Ở đó, hắn đã gặp một người đàn ông tên là David Hughes, một sinh vật gây tò mò. Fielding quyết định rằng có lẽ anh ta từng là một anh chàng khá tử tế cho đến khi đâm chết vợ trong một trận ghen tuông vào ngày Giáng sinh. Chuyện đâm chém vốn chẳng có gì đặc biệt nhưng điều thú vị là, sau khi bị chồng đâm mấy nhát thật sâu vào phổi, cô vợ tên Pamela liền chạy tới chỗ tủ quần áo, tìm được một khẩu súng và trước khi chết đã kịp bắn vào đầu Hughes một phát.

Xét về mặt thần kinh học mà nói, Fielding không biết chính xác điều gì đã xảy ra bên trong hộp sọ của Hughes, nhưng có lẽ hắn là người đầu tiên Hughes trông thấy khi anh ta tỉnh dậy sau cuộc phẫu thuật, chính điều đó đã tạo nên mối liên kết kỳ lạ giữa hai người. Hughes làm bất kỳ việc gì Fielding bảo. Lấy cà phê, dọn dẹp cho hắn, là áo sơ mi, nấu ăn. Mặc dù vậy, hóa ra Hughes không chỉ biết làm việc nhà. Fielding phát hiện ra điều này vào một đêm nọ, ngay sau khi y tá trực đêm Ruth Miller gạt tay Fielding ra khỏi háng cô ta và nói, “Tôi sẽ tố cáo anh, đồ khốn.”

Fielding lo lắng lắm lắm với Hughes, “Cái con Ruth Miller. Ai đó phải giết nó rồi mới phải.”

Và Hughes đã nói, “Hừm, được.”

“Cái gì?” Fielding hỏi.

“Hừm, được.”

“Anh giết cô ta cho tôi à?”

“Ừm. Tôi... chắc rồi.”

Fielding đưa anh ta đi dạo trên sân bệnh viện. Họ đã có một cuộc nói chuyện dài.

Ngày hôm sau, Hughes xuất hiện trong phòng ngủ của Fielding, người đầy máu, mang theo một mảnh kính vỡ và hỏi liệu anh ta có thể ăn ít súp không.

Fielding vừa tắm rửa cho anh ta vừa nghĩ hắn đã hơi bất cần về thời gian và địa điểm của vụ án mạng, cả về chuyện thoát ra sau đó. Hắn quyết định rằng Hughes không đáng bị phí hoài trong những chuyện nhỏ nhặt thế này, nên đã bảo anh ta cách trốn khỏi bệnh viện và tới một nhà gỗ nhỏ gần đó. Fielding đã trả tiền thuê ngôi nhà để đan dúi với vài bệnh nhân chậm phát triển vào các buổi chiều.

Chính vào đêm đó, hắn đã quyết định người đàn ông kia sẽ được dùng vào việc gì. Hartford, rồi đến Boston, rồi White Plains, rồi Philly. Những tội ác hoàn hảo. Và giờ thì hắn đang ở Washington.

Thực hiện một tội ác sau này sẽ được gọi là hoàn hảo nhất, hắn xác định như vậy (mặc dù nghĩ lại rằng một nhà ngôn ngữ học như Parker Kincaid sẽ thấy bức mình vì từ bỏ nghĩa không cần thiết ấy).

Trong sáu tháng qua, hắn đã dành gần mười tám tiếng mỗi ngày để lên kế hoạch cho vụ cướp. Từng bước phá vỡ rào cản an ninh của FBI, giả dạng là thanh tra trẻ Hardy của sở cảnh sát, phòng Nghiên cứu và Thống kê. (Hắn đã chọn đích danh cái tên ấy vì theo báo cáo các nghiên cứu về ấn tượng tâm lý về tên người thì “Leonard” không hề gây đe dọa và “Hardy” thường gợi lên hình ảnh một đồng đội trung thành.) Hắn xâm nhập phân cục Đặc khu Columbia trước tiên, bởi vì văn phòng này có thẩm quyền pháp lý đối với các tội ác nghiêm trọng của Đặc khu. Hắn đã quen được Ron Cohen, trưởng phân cục, và các trợ lý của ông ta. Hắn biết được khi nào thì SAC Cohen đi nghỉ và nhân viên cấp dưới nào trong đội ngũ đang được ưa thích của ông ta sẽ là *thủ lĩnh* trong một vụ án lớn chừng này. Tất nhiên đó sẽ là Margaret Lukas, người mà toàn bộ cuộc sống đã bị hắn xâm nhập không thương tiếc trong quá trình hắn lẩn vào trong Cục.

Hắn cắm trại trong các phòng họp, ghi chép một lượng số liệu tội phạm khổng lồ cho các bản báo cáo tường tượng của mình, rồi đi qua đi lại máy bán hàng tự động và các phòng vệ sinh, liếc qua những bản ghi nhớ nội bộ của FBI, số điện thoại cùng sách hướng dẫn tài liệu thẻ căn cước và các quy trình. Trong lúc ở nhà và nơi trú ẩn tại Gravesend, hắn dành thời gian lùng sục trên Internet, học về các cơ quan Chính phủ, quy trình của cảnh sát lẫn các hệ thống an ninh (và đúng rồi, Parker ạ, cả các phương ngữ tiếng nước ngoài nữa).

Fielding đã gọi hàng trăm cuộc cho các nhà thiết kế nội thất làm việc ở trụ sở FBI, gọi tới cả cơ quan GSA, các cựu nhân viên, các nhà thầu bên ngoài và chuyên gia an ninh, hỏi những câu ngây ngô, nói chuyện về các buổi hội họp nhân viên giả, tranh cãi về những hóa đơn tường tượng. Thường thì hắn sẽ rút ra được vài thông tin quan trọng, chẳng hạn như sơ đồ của tòa nhà trụ sở, số lượng nhân viên trong các kỳ nghỉ lễ, lối ra vào. Hắn tìm hiểu tên hãng và các vị trí đặt chung chung của camera an ninh trong trụ sở. Số lượng và các trạm gác bảo vệ. Lẫn hệ thống liên lạc.

Hắn dành một tháng trời để tìm kẻ đứng mũi chịu oai hoàn hảo: Gilbert Havel, một tên vô công rồi nghề không có tiền sự, cũng chẳng có quá khứ lưu trữ trong hồ sơ. Một kẻ đủ ngây thơ để tin rằng ai đó thông minh như Fielding lại cần tới đồng phạm. Một kẻ dễ dàng bị giết.

Đó là một công việc cam go. Nhưng sự hoàn hảo đòi hỏi phải nhẫn nại.

Và rồi sáng hôm nay, Digger đã bắn tung cả địa ngục tại Metro và Fielding xuất hiện ở ngưỡng cửa Cục điều tra, háo hức được giúp đỡ nhưng cũng bất mãn đúng kiểu khi chỉ làm chân gỗ trong cuộc điều tra. Các đặc vụ khác sẽ kiểm tra chéo, thậm chí đến hai lần, giấy ủy nhiệm của hắn, gọi tới trụ sở cảnh sát. Nhưng Margaret Lukas, một góa phụ không con cái tội nghiệp, thì khác. Bởi vì hắn là Len Hardy, cũng sắp trở thành kẻ góa vợ chẳng hề có con cái, cùng chịu chung nỗi đau như cô trong suốt năm năm qua.

Tất nhiên, cô sẽ chấp nhận hắn vào đội mà không hề suy xét.

Họ cũng chẳng bao giờ đoán được điều gì ở hắn.

Y như hắn dự liệu.

Bởi vì Edward Fielding biết rằng chiến đấu với tội ác giờ đây đã trở thành lãnh địa của những nhà khoa học. Thậm chí cả các nhà tâm lý lập hồ sơ tội phạm cũng sử dụng công thức để phân loại con mồi của họ. Thế nhưng, bản thân tên hung thủ, một con người, lại thường bị bỏ qua. Ôi, hắn biết các đặc vụ một khi đã tin rằng nghi phạm chính đã chết sẽ tập trung cao độ vào bức thư tổng tiền, cùng ngôn ngữ trong đó, nét chữ viết tay, các bằng chứng để lại, những chương trình máy tính lẫn các thiết bị xa hoa của họ đến nỗi chẳng bao giờ thấy được tên đầu trỏ đang đứng cách họ chưa đầy một mét theo đúng nghĩa đen.

Hắn đã tới thang máy. Buồng thang máy đến và hắn bước vào trong. Tuy nhiên, hắn không bấm nút tầng bảy để tới phòng Thí nghiệm Tài liệu mà bấm nút 1B.

Buồng thang máy bắt đầu hạ xuống.

* * * * *

Phòng Vật chứng của FBI là kho lưu trữ bằng chứng pháp lý lớn nhất trong cả nước.

Nó hoạt động suốt ngày đêm và thường chỉ có một hai nhân viên giúp các đặc vụ nhập vật chứng vào hệ thống, đôi khi giúp họ mang những đồ quá nặng vào khu vực tủ chứa hay lái những chiếc ô tô, xe tải bị trưng dụng, thậm chí cả toa xe moóc vào trong nhà kho nối liền với phòng này.

Mặc dù vậy, đêm nay sẽ có ba đặc vụ trực, quyết định này được cả phó giám đốc lẫn Margaret Lukas đưa ra. Đó là vì giá trị của vật chứng đặc biệt ngay lúc này đang nằm trong hầm.

Nhưng vì hôm nay là ngày lễ, nên hai người đàn ông và cả người phụ nữ đều ăn mặc khá thoải mái. Họ đang đi thơ thẩn ở phía bên kia của cửa đăng nhập, cùng uống cà phê và nói chuyện về bóng rổ. Hai người đàn ông quay lưng vào cửa sổ.

“Tôi thích Rodman,” một trong hai nam nhân viên nói.

“Ồi thôi đi,” người kia đáp lại.

“Chào,” Edward Fielding nói khi tiến đến cửa sổ.

“Chào, anh nghe chuyện xảy ra với gã ở công viên Mall chưa?” Người phụ nữ hỏi hăng.

“Chưa,” Fielding nói và bắn vào đầu cô ta.

Hai người kia chết trong lúc đưa tay rút súng. Chỉ có một người lòi được khẩu Sig-Sauer ra khỏi bao.

Fielding với tay qua cửa sổ, tự mở cho mình vào.

Hắn đếm được tám chiếc camera an ninh gắn trên cửa sổ, các giá và kết sắt. Nhưng chúng chỉ chuyển hình ảnh ghi được tới phòng An ninh ở tầng ba, nơi chẳng còn ai sống sót để chứng kiến tội ác hoàn hảo diễn ra.

Fielding lấy chùm chìa khóa trên thắt lưng của người phụ nữ đã chết và mở cửa hầm. Đó là một phòng rộng, khoảng sáu nhân chín mét, nơi các đặc vụ cất trữ ma túy cùng tiền mặt thu được từ các vụ cướp. Trong những tháng ngày nghiên cứu về trộm cắp của mình, Fielding biết được rằng các công tố viên buộc phải trưng ra trước bồi thẩm đoàn số tiền mặt thực tế đã thu được, chẳng hạn trong một vụ án ma túy hay bắt cóc. Đó là lý do các đặc vụ sẽ phải mang khoản tiền chuộc về đây. Lý do khác là điều mà hắn đã đoán được: Một người bị hăm dọa vì tâm lý như Thị trưởng Kennedy sẽ muốn giữ khoản tiền mặt sẵn có phòng khi Digger liên lạc với ông và đòi lấy tiền.

Và thế là nó ở đây, số tiền ấy.

Hoàn hảo...

Chương 32

Hai chiếc túi vải to màu xanh. Mỗi túi có treo một nhãn màu đỏ. VẬT CHỨNG LIÊN BANG. KHÔNG THẢO BỎ.

Hắn nhìn đồng hồ rồi dự đoán rằng mình có hai mươi phút trước khi Cage cùng Kincaid và các đặc vụ khác trở về từ công viên Mall sau vụ đấu súng với Digger.

Khá dư dả thời gian. Chừng nào hắn còn hành động mau lẹ.

Fielding mở chiếc túi, nó không hề bị khóa, và đồ chỗ tiền ra sàn nhà. Chiếc túi đã bị cài nhiều thiết bị định vị, đúng như hắn đã biết. Cả các tờ giấy gói tiền nữa, cái mẹo không ngờ này hắn học được của Tobe Geller. Hắn tự hỏi từng tờ đô la một có bị can thiệp theo cách nào đó không. Nhưng rồi nghĩ là không; Geller chẳng nói gì về chuyện ấy cả. Tuy nhiên, để cho chắc ăn Fielding vẫn thò tay vào túi và lấy ra dụng cụ nhỏ màu bạc: Một chiếc máy dò có thể quét được những tín hiệu nhỏ nhất trên bất kỳ tần số nào, từ ánh sáng quang học cho đến tia hồng ngoại và các tần số radio. Hắn rà thiết bị qua đồng tiền, chỉ để đề phòng kỹ thuật viên của Cục đã nhét được một thứ phát tín hiệu nào đó vào trong từng tờ một. Nhưng chẳng có tín hiệu.

Fielding ném dụng cụ cảm biến đi, hắn chẳng còn cần tới nó nữa, và lôi ra một ba lô bằng lụa từ dưới áo sơ mi. Hắn đã tự mình khâu nó bằng vải may dù. Hắn bắt đầu nhét tiền vào trong túi.

Hắn đòi hai mươi triệu vì đó là con số đáng tin cho một âm mưu cỡ này và cũng để tạo chút tin tưởng cho động cơ trả thù một sự kiện lớn như chiến tranh Việt Nam. Tuy nhiên, Fielding chỉ có thể mang nổi bốn triệu, món tiền có trọng lượng tương đương với ba mươi hai cân. Vốn không phải dân thể thao, hắn đã phải tập tành sáu tuần ở một câu lạc bộ thể dục tại Bethesda, Maryland sau khi tới đây để có đủ sức khỏe mang vác chỗ tiền ấy.

Tất nhiên, các tờ một trăm đô la rất dễ bị lẫn theo (giờ đây việc đó trở nên dễ dàng hơn nhờ có máy quét và máy tính). Nhưng Fielding đã cân nhắc tình huống đó. Ở Brazil, nơi hắn sắp tới trong mấy ngày nữa, bốn triệu đô la tiền mặt dễ bị lẫn theo kia sẽ biến thành chỗ vàng trị giá ba triệu hai trăm ngàn đô. Sau đó nó sẽ lại biến thành ba triệu hai trăm ngàn euro và đô la Mỹ không thể lẫn theo.

Trong vòng vài năm tới nó sẽ lại dễ dàng nở ra thành bốn triệu và còn hơn thế nữa, nhờ vào nền công nghiệp ký quỹ cùng tỷ lệ lãi suất.

Fielding chẳng hề thấy hối tiếc khi bỏ lại chỗ tiền thừa. Tội ác không được liên quan đến lòng tham, mà phải là mảnh khốe.

Hắn nhét đủ tiền vào túi và quăng nó lên vai.

Bước ra hành lang, hơi lảo đảo vì sức nặng mình phải mang, hắn tiến đến thang máy.

Nghĩ bụng: Hắn sẽ phải giết bảo vệ ở cửa trước, cũng như bất kỳ ai trong đội vẫn còn lưu lại đây. Tobe Geller đã về nhà. Nhưng Lukas vẫn còn trong tòa nhà. Chắc chắn cô ta sẽ phải chết. Trong những trường hợp khác, giết cô ta sẽ không thành vấn đề, hắn đã rất cẩn thận che giấu thân phận và nơi ở. Nhưng các đặc vụ giỏi hơn hắn tưởng. Chúa ơi, họ thực sự đã tìm được nơi trú ẩn của hắn ở Gravesend... Việc đó khiến Fielding cảm thấy vô cùng lo lắng. Hắn chẳng bao giờ ngờ tới họ sẽ tìm ra được. Rất may, Gilbert Havel đã tới đó một số lần nên khi hàng xóm nhìn thấy bức ảnh Havel mà cảnh sát đưa thì sẽ cho rằng gã ta mới chính là người thuê nơi đó, càng củng cố niềm tin của các đặc vụ rằng Havel là đầu sỏ của tội ác này.

Lại còn suýt thì tìm ra địa điểm tấn công thứ ba là tàu Ritzy Lady nữa... Hắn đã hoảng hồn khi ngồi trong phòng thí nghiệm, nhìn máy tính ráp các mảnh tro của tập giấy ghi chú trong nhà trú ẩn. Hắn đã chờ đến đúng thời điểm rồi buột mồm, "Rite! Có lẽ là Ritz-Carlton?" Và ngay khi họ nghe thấy điều đó, lời giải đã được khắc vào đá. Họ không thể nghĩ ra bất kỳ khả năng nào khác.

Đó là cách giải các câu đố, phải không nào, Parker?

Thế còn anh ta thì sao?

Ồ, anh ta quá thông minh, là một mối hiểm họa quá lớn nếu được tiếp tục sống.

Trong lúc đi lại chậm rãi trên hành lang vắng lặng, Fielding nhận ra rằng nếu hắn là một tội phạm hoàn hảo thì Kincaid lại chính là một thanh tra hoàn hảo.

Điều gì sẽ xảy ra khi hai thái cực hoàn hảo đối chọi nhau?

Nhưng đây chỉ là một câu hỏi tu từ, không phải câu đố, và hắn chẳng muốn phí thời gian để trả lời. Hắn đã đến thang máy và bấm nút đi lên.

Margaret Lukas mở toang cửa phòng thí nghiệm.

Cô nhìn vào trong. “Xin chào? Tiến sĩ Evans?”

Ông ta không trả lời.

Ông ta ở đâu nhỉ? Cô tự hỏi.

Cô dừng lại ở bàn giám định, nhìn xuống bức thư tổng tiền.

Rồi nghĩ bụng: Có lẽ Parker Kincaid không hẳn đã đúng khi nói rằng chẳng ai lại phạm một lỗi như thế.

Theo một cách nào đó thì kết thúc chính là đêm nay. Bóng tối cùng giấc ngủ và sự an bình.

Đêm ơi, hãy mang ta đi. Bóng tối ơi, hãy mang ta đi...

Đó là điều cô đã nghĩ khi nhận được cuộc gọi của mẹ chồng thông báo vụ rơi máy bay đã giết chết Tom và Joey. Nằm trên giường vào cái đêm lộng gió tháng Mười một ấy, hay hai ba đêm sau đó, giờ thì tất cả đã hòa lẫn vào nhau, cô đã nằm một mình, không tài nào thờ được, cũng chẳng thể khóc được.

Và nghĩ: Đêm ơi, hãy mang ta đi. Đêm ơi, làm ơn mang ta đi. Đêm ơi, mang ta đi...

Lúc này khi đứng cúi người bên bàn giám định tài liệu và chăm chăm nhìn xuống, những lọn tóc vàng ngắn thả rơi xuống mắt, như miếng bọt mắt ngựa. Cô nhìn chăm chăm vào những từ ngữ trong lá thư tổng tiền, những nét xoắn xít của chữ viết cầu thả. Lukas nhớ lại khi theo dõi Kincaid nghiên cứu bức thư, mỗi anh khẽ mấp máy, cứ như đang thăm vấn một đối tượng còn sống.

Kết thúc là đêm...

Lukas lắc đầu trước tâm trạng triết lý không lành mạnh của mình, cô xoay người và rời khỏi phòng thí nghiệm.

Cô đi đến thang máy. Có lẽ Evans đang chờ dưới trạm gác. Cô lơ đãng nhìn đèn báo hiệu khi thang máy hạ xuống.

Các hành lang đều trống vắng và cô cảm nhận được những âm thanh nho nhỏ của tòa nhà vắng lặng vào ban đêm. Văn phòng nơi cô làm việc được đặt gần Tòa thị chính, chỉ cách vài dãy nhà, nhưng cô chẳng mấy khi đến đây. Cô không thích trụ sở Cục lắm. Nó quá rộng. Đêm nay, cô lại còn nghĩ nơi này thật tối tăm và ghê rợn. Mặc dù Margaret Lukas không phải là người dễ dàng sợ hãi. Cô nhớ lại khi Kincaid phóng lá thư lên màn hình trong phòng thí nghiệm và cô đã nghĩ: Nó giống một con ma.

Giờ đây, Lukas cảm nhận được nhiều hồn ma hơn. Ngay trong những hành lang này. Hồn ma của các đặc vụ đã bị giết trong lúc làm nhiệm vụ. Hồn ma nạn nhân của những vụ án được điều tra ở đây.

Còn những hồn ma của chính cô thì sao? Cô nghĩ. Ô, lúc nào mà họ chẳng ở bên cô. Chồng và con trai cô. Họ không bao giờ rời đi. Cô cũng chẳng muốn họ ra đi. Thế thân cần một thứ gì đó để nhắc nhở mình từng là Jackie Lukas.

Cô liếc nhìn xuống mặt sàn phía trước thang máy. Có một vệt sẫm màu trên sàn. Cái gì thế nhỉ? Cô người thấy mùi cà phê bị chua.

Đèn thang máy phát sáng và tiếng ting vang lên. Cửa mở. Ai đó bước ra ngoài.

“Ồ, chào,” Lukas nói. “Có tin cho cô đây.”

“Chào Margaret,” Susan Nance nói trong lúc vật lộn với hàng tá tập hồ sơ. “Sao vậy?”

“Họ vừa hạ hãm. Ở công viên Mall.”

“Tên sát nhân Metro?”

“Phải.”

Người phụ nữ giơ ngón cái ra. “Tuyệt vời! Ô, chúc mừng năm mới nhé!”

“Chúc mừng năm mới!”

Lukas vào thang máy rồi đi xuống tầng một.

Ở trạm bảo vệ cửa ra vào dành cho nhân viên, Artie nhìn lên cô và gật đầu chào lịch sự.

“Tiến sĩ Evans đi ra chưa?” Cô hỏi ông.

“Chưa. Không thấy ông ấy.”

Cô sẽ chờ ông ta ở đây. Lukas ngồi trên một chiếc ghế dễ chịu ở sảnh. Ngả người trên đó. Cô cảm thấy kiệt sức. Cô muốn về nhà. Cô biết người ta vẫn xì xào sau lưng cô rằng thật buồn làm sao khi phụ nữ phải sống cô đơn một mình. Nhưng chẳng buồn chút nào. Trở về với tổ ấm còn tốt hơn nhiều so với việc lê la quán bar cùng đám bạn gái hay hẹn hò với một lô một lốc các anh càn độc thân nhưng ngây ngô ở Washington.

Tổ ấm...

Nghĩ về bản báo cáo cô sắp phải viết về vụ METSHOOT.

Nghĩ về Parker Kincaid.

Tập trung nào, cô tự bảo mình.

Rồi cô nhớ ra mình chẳng cần phải tập trung nữa.

* * * * *

Trong lúc Digger vẫn cháy âm ỉ và tỏa mùi khó chịu, đội cứu hỏa phun bột vào các cây anh đào đã bén lửa khi đám đông đi vòng quanh chiếc xe buýt bốc cháy thì Parker và Cage lại đang đứng bên nhau.

Digger đã biến mất. Vĩnh viễn...

Các câu thơ trong truyện *Tiến sĩ Seuss* lượn lờ trong đầu anh y như những sinh vật kỳ lạ của tác giả vậy. Parker cho rằng những suy nghĩ gàn dở này là kết quả của sự kết hợp giữa adrenaline và kiệt sức.

Anh gọi bọn Who và hứa sẽ về nhà trong nửa tiếng nữa. Robby kể với bố về chuyện ai đó đã bám còi giữa đêm, làm cả nhà Bradley ở cuối phố thức giấc và gây náo loạn khu phố. Stephea thì mô tả những đợt pháo hoa trong sân bằng những tính từ nghệt thờ và sứt mẻ.

“Yêu các con, Who ạ,” anh nói “ba sẽ về nhà sớm.”

“Con cũng yêu ba,” con bé nói, “bạn ba sao rồi?”

“Chú ấy sẽ ổn.”

Cage đang nói chuyện với một kỹ thuật viên từ đội PERT còn Parker thì tìm cách né hướng khói từ chiếc xe buýt. Có một mùi khó chịu, tệ hơn cả lớp cao su cháy. Parker biết nó là gì và ý nghĩ hắt phải bất kỳ phần nào trên thi thể đã thành tro của Digger cũng khiến anh buồn nôn.

Một kẻ tâm thần đang cháy rụi trước mắt anh, và Parker đã tiến đến đoạn kết của buổi tối khác thường nhất trong đời mình... Thế nhưng, chính những vụn vặt của cuộc sống lại đang trôi lên như đám nghệ tây. Giờ anh nghĩ: Chết rồi, mình không có đủ tiền mặt để trả cho bà Cavanaugh. Anh lục các túi quần, túi áo và lôi ra một cuộn tiền nhỏ. Hai mươi hai đô. Không đủ. Anh sẽ phải ghé vào một máy ATM trên đường về nhà.

Parker liếc nhìn mẫu giấy lẫn vào với tiền. Đó là bản chép lại những ghi chú của nghi phạm trên tập giấy vàng đã bị cháy. Các chỉ dẫn liên quan đến hai địa điểm tấn công cuối cùng mà anh tìm được trên tập giấy do Tobe Geller đã cứu được từ ngôi nhà đang cháy.

...hai dặm về phía nam...

...nơi tôi đưa anh đến... đen

“Cái gì đấy?” Cage vừa hỏi vừa xoa nắn khung xương sườn. “Một món quà lưu niệm,” Parker nói khi nhìn xuống các từ ngữ. “Chỉ là quà lưu niệm thôi mà.”

* * * * *

Edward Fielding dừng ở cuối hàng lang, hỗn hển dưới sức nặng của đồng tiền trên vai.

Hắn nhìn về khu vực lễ tân cách đó tám chín mét và trông thấy mái tóc vàng ngắn của Margaret Lukas. Đứng trước cô ta là lão bảo vệ đang đọc báo. Đèn hành lang đã tắt và dù họ có quay về phía hắn thì cũng khó có thể trông rõ hắn.

Điều chỉnh lại túi tiền trên vai, hắn cầm súng bằng tay phải và bắt đầu đi xuống tiền sảnh. Đế giày da gõ nhẹ trên nền gạch lát sàn. Hắn để ý thấy Lukas đang không quay mặt về phía mình. Hắn sẽ găm một viên đạn vào đầu cô ta. Rồi khi lão bảo vệ ngước lên, hắn cũng sẽ giết lão.

Rồi tự do về nhà.

Cộp cộp cộp.

Hắn thu ngắn khoảng cách với các mục tiêu.

Hoàn hảo.

Chương 33

Parker và Cage lại đứng trong phòng Thí nghiệm Tài liệu một lần nữa. Lần này có thêm vị phó giám đốc.

“Sáu người chết,” ông giám đốc lẩm bẩm. “Lạy Chúa toàn năng. Ngay bên trong trụ sở.”

Tiến sĩ John Evans đã được tìm thấy trong một phòng nhỏ trên tầng bảy, bị bắn hai phát vào mặt. Ông bảo vệ Artie bị thương nặng nhưng sẽ sống sót.

“Hắn là tên quái nào thế?” Vị giám đốc hỏi.

Người đàn ông giả danh Hardy đã để lại vài dấu vân tay rõ nét và chúng đang được kiểm tra trên hệ thống AFIS ngay lúc này. Nếu vân tay của hắn được lưu trữ trong bất kỳ một hồ sơ nào trên khắp cả nước, họ sẽ sớm biết được hắn là ai.

Lukas đẩy cửa vào. Parker lo lắng khi thấy một ít máu trên má cô.

“Cô không sao chứ?” Anh hỏi.

“Của Artie đấy,” cô khề lẩm bẩm khi thấy anh đang để ý vết máu. “Không phải của tôi.” Cô nhìn Parker rồi nhìn Cage một lát, vẻ lạnh lẽo trong đôi mắt ấy đã không còn, nhưng anh chẳng biết thứ gì đã thay thế nó nữa. “Làm sao ông biết được?”

Cage liếc về phía Parker. “Cậu ta tìm ra đấy.”

“Nét run tay” Parker trả lời. Anh giơ ra mẫu giấy phát hiện được trong túi mình khi đang tìm tiền trả cho bà trông trẻ. “Tôi để ý thấy chữ viết tay của hắn hơi run. Việc đó xảy ra khi ai đó cố làm giả chữ viết. Tôi nhớ lại chính Hardy là người đã chép lại theo lời tôi đọc nhưng sao hắn phải giả dạng chữ của mình chứ? Chỉ có một nguyên nhân duy nhất, đó là vì chính hắn viết lá thư. Tôi đã kiểm tra chữ i trong từ “hai dặm” và cái chấm ấy chính là giọt lệ quý. Thế là xong.”

“Chuyện gì đã xảy ra?” Phó giám đốc hỏi. “Giám đốc đang muốn biết Ngay lập tức.”

“Tất cả đã được dàn dựng,” Parker nói, bắt đầu đi tới đi lui. Đầu đó trong đầu anh, toàn bộ âm mưu đã nhanh chóng khớp vào chỗ của nó. Anh hỏi Lukas, “Sao Hardy lại được tham gia vụ án?”

“Tôi biết hắn,” cô nói. “Vài tháng nay, hắn qua lại ở phân cục này. Trưng ra thẻ công vụ và nói hắn cần các thống kê về tội phạm trong Đặc khu cho một bản báo cáo trước Nghị viện. Phòng Nghiên cứu và Thống kê của Sở cảnh sát Đặc khu vẫn làm vậy đôi lần mỗi năm. Tất cả đều là thông tin công khai, không phải các vụ đang điều tra, nên chẳng ai buồn kiểm tra lại. Hôm nay, hắn xuất hiện và nói mình được cử làm người liên lạc trong vụ này.”

“Và đó đúng là một trong những phòng ban vô danh tiểu tốt,” Parker chỉ ra. “Để nếu thị trường hay cảnh sát trưởng thật sự cử ai đó ở phòng Tội phạm nguy hiểm hay phòng Điều tra tới đây làm liên lạc viên thì sẽ chẳng biết được trên đời này không hề có Len Hardy nào cả.”

Lukas nói, “Vây là hắn đã lên kế hoạch cho vụ này suốt hai tháng qua.” Cô thờ dài ghê tởm.

“Có lẽ là sáu,” Parker lẩm bẩm. “Lên kế hoạch từng chi tiết. Hắn là một tên theo chủ nghĩa hoàn hảo chết tiệt. Giày, móng tay, quần áo của hắn... Đều không tí vết.”

Cage hỏi, “Nhưng còn gã trong nhà xác thì sao, kẻ chúng ta tưởng là nghi phạm ấy. Gã là ai?”

Parker nói, “Một chân chạy lon ton. Kẻ do Hardy, hay gì đó, thuê để đưa thư thôi.”

“Nhưng,” Cage nói, “gã đã chết trong một tai nạn.”

“Không, đó không phải là tai nạn,” Lukas nói, cướp lời của Parker.

Anh gạt đầu. “Hardy đã giết gã, tông vào gã bằng chiếc xe ăn cắp để trông có vẻ giống tai nạn.”

Lukas nói tiếp, “Để chúng ta nghĩ rằng thủ phạm đã chết và mang tiền trở về phòng Vật chứng. Hắn biết chúng ta sẽ cài thiết bị trong túi. Cả chuyện chúng ta sẽ cố tóm hắn ở chỗ thả tiền nữa.”

Cage nói, lại nhăn nhó vì chiếc xương sườn bị gãy, “Hắn bỏ lại hai chiếc túi phát tín hiệu ở dưới nhà. Chuyển tiền sang túi khác và còn tháo luôn cả giấy bọc.”

“Nhưng chính hắn đã tìm ra thông tin về Digger, đúng không nào?” Vị phó giám đốc hỏi. “Nhờ hắn mà chúng ta mới ngăn được Digger trước khi hắn thực sự gây họa ở công viên Mall.”

“Ồ, tất nhiên là vậy rồi,” Parker đáp lại, ngạc nhiên vì họ vẫn không hiểu.

“Ý anh là sao?” Ông phó hỏi

“Đó là lý do hắn chọn Đài tưởng niệm Chiến tranh Việt Nam. Nó không xa đây lắm. Hắn biết chúng ta sẽ bị thiếu người và gần như phải bỏ trống tòa nhà này để cử tất cả ra ngoài tìm kiếm Digger.”

“Vây là hắn chỉ việc nhảy vào phòng Vật chứng và lấy tiền,” Lukas cay đắng nói. “Đúng y như những gì

Evans nói. Hắn đã lên kế hoạch rất chi li. Tôi từng bảo ông ấy rằng chúng ta đã cài bọ vào túi nhưng Evans nói hắn thủ phạm sẽ có kế hoạch phản đòn.”

Cage hỏi Parker, “Còn dấu vân tay trên lá thư?”

“Hardy không bao giờ chạm vào nó bằng tay không nhưng lại đảm bảo để tên chạy lon ton kia làm vậy, để chúng ta có thể xác nhận cái xác chính là của nghi phạm.”

“Và hắn đã chọn ai đó không hề có hồ sơ tội phạm hay quân ngũ,” Lukas thêm vào, “để chúng ta chẳng thể lần theo tên chạy việc... Lạy Chúa, hắn đã nghĩ đến mọi thứ.”

Một chiếc máy tính kêu báo hiệu. Cage vươn người tới và đọc “Báo cáo của AFIS và hồ sơ của VICAP lần sở cảnh sát Connecticut. Đây rồi. Ông trượt xuống. Một bức ảnh hiện lên màn hình. Chính là Hardy. “Tên thật của hắn là Edward Fielding, địa chỉ cuối cùng ghi lại được là Blakesly, Connecticut, ngoại ô Hartford. Ô, bạn của chúng ta không phải người tốt lành gì. Bốn vụ bắt giữ, một lần bị kết án. Cả trại giáo dưỡng nữa nhưng các hồ sơ này đều đã bị đóng lại. Liên tục được trị liệu vì các hành vi chống đối xã hội. Từng là phụ tá và hộ lý ở Bệnh viện tiểu bang Hartford dành cho các tội phạm tâm thần. Hắn bỏ đi sau khi một y tá tố cáo hắn quấy rối tình dục bị đâm đến chết.

“Ban quản lý bệnh viện,” Cage đọc tiếp trên màn hình, “nghĩ Fielding đã dụ dỗ một bệnh nhân tên là David Hughes giết cô gái. Hughes nhập viện từ hai năm trước. Vào ngày Giáng sinh. Anh ta bị tổn thương não nghiêm trọng sau một vết thương do súng gây ra và rất dễ bị sai khiến. Có lẽ chính Fielding đã giúp Hughes trốn thoát. Ban giám đốc bệnh viện và cảnh sát định điều tra Fielding nhưng hắn đã biến mất ngay sau đó. Chuyện xảy ra vào tháng Mười năm ngoái.”

“Hughes chính là Digger,” Parker khẽ tuyên bố.

“Anh nghĩ vậy à?”

“Có khả năng” Anh nói tiếp, “Vụ xả súng ở tòa báo Hartford, chính vụ án đã khiến Czisman bắt đầu lần theo dấu Fielding, xảy ra vào tháng Mười một.” Nhớ lại tờ báo kẹp trong cuốn sách của Czisman. “Đó là vụ đầu tiên của chúng.”

Biên niên sử Đau thương.

“Nhưng sao lại giết nhiều người đến thế?” Phó giám đốc hỏi. “Không thể nào chỉ vì tiền. Chắc hắn cũng có xu hướng khủng bố.”

“Không,” Parker nói chắc nịch. “Không phải chuyện khủng bố đâu. Nhưng ông nói đúng hoàn toàn. Nó chẳng liên quan gì đến tiền. Tôi đã nhận ra hắn.”

“Anh biết Fielding à?”

“Không, ý tôi là tôi nhận ra loại đó. Hắn giống một kẻ làm giả tài liệu.”

“Làm giả à?” Lukas hỏi.

“Những bậc thầy làm đồ giả tự coi mình là nghệ sĩ, không phải kẻ trộm. Chúng chẳng thực sự quan tâm đến tiền. Vấn đề là làm sao tạo ra thứ đồ giả che mắt được tất cả mọi người. Đó là mục tiêu duy nhất của chúng: Một tài liệu giả hoàn hảo.”

Lukas gật đầu. “Vậy là những vụ án khác ở Hartford, Boston và Philly chỉ là những bài tập. Ăn trộm một cái đồng hồ, vài ngàn đô la chỉ là để hoàn thiện kỹ năng của hắn.”

“Chính xác. Và vụ này chính là đỉnh điểm. Lần này hắn đã ôm một món tiền lớn và sẽ nghỉ hưu.”

“Sao anh nghĩ vậy?” Cage hỏi.

Nhưng Lukas cũng biết câu trả lời. “Bởi vì hắn đã hy sinh cậu bé chạy việc để có thể trốn thoát. Và cũng đã cho chúng ta biết Digger ở đâu.”

Nhớ lại những phát đạn của Hardy chồm xe buýt, Parker nói thêm, “Có thể chính hắn là người đã bắn Digger ở công viên Mall. Nếu Digger bị bắt sống, anh ta có thể sẽ nói ra.”

“Hardy đang cười vào mặt chúng ta,” Cage nói và đập tay xuống bàn. “Suốt thời gian qua, hắn đã ngồi ngay bên cạnh chúng ta mà cười.”

“Nhưng giờ hắn đang ở đâu?” Vị phó giám đốc hỏi.

Parker nói, “Ồ, hắn đã lên kế hoạch trốn thoát đâu vào đấy. Hắn đoán trước đường đi nước bước của chúng ta từ đầu đến cuối. Giờ hắn sẽ không sảy chân đâu.”

“Chúng ta có thể lấy ảnh của hắn từ camera an ninh trên sảnh,” Cage nói. “Đưa nó cho tất cả các đài truyền hình.”

“Vào lúc hai giờ sáng sao?” Parker nói. “Ai là người sẽ xem bản tin ấy? Và chúng ta đã lỡ mất hạn chót của các tờ báo rồi. Dù thế nào, hắn cũng sẽ ra khỏi đất nước này ngay khi mặt trời mọc và nằm trên bàn phẫu thuật thẩm mỹ trong vòng hai ngày tới.”

“Các sân bay đóng cửa rồi,” vị phó giám đốc chỉ ra. “Hắn không thể bắt chuyến bay nào cho đến tận sáng mai.”

“Hắn sẽ lái xe đến Louisville hay Atlanta hoặc New York,” Lukas nói. “Nhưng chúng ta sẽ gửi bản tin đến các phân cục ngay. Cừ đặc vụ đến tất cả các sân bay, ga Amtrak và bến xe buýt. Cả các công ty cho thuê xe nữa. Kiểm tra bên Quản lý xe cơ giới và các văn phòng khác để xác định vị trí của hắn. Gọi cho Sở

cảnh sát Connecticut nữa” Cô dừng lại và nhìn Parker. Anh có thể thấy cô đang nghĩ y hệt như mình.

“Hắn đã nghĩ tới hết rồi,” Parker nói. “Tôi không nói là chúng ta sẽ chẳng làm như vậy. Mà là hắn đã đoán trước hết rồi.”

“Tôi biết,” cô đáp và dường như càng giận hơn vì sự bất lực của mình.

Phó giám đốc nói, “Tôi sẽ cho đăng lệnh truy nã cấp cao nhất.”

Nhưng Parker không nghe. Anh nhìn chăm chăm vào lá thư tổng tiền.

“Thứ đồ giả hoàn hảo,” anh thì thầm với mình.

“Cái gì?” Lukas hỏi.

Anh xem đồng hồ. “Tôi phải đi gặp một người.”

“Tôi sẽ đi với anh,” Lukas nói.

Parker do dự. “Tốt nhất là đừng.”

“Không, tôi sẽ đi.”

“Tôi chẳng cần ai giúp đâu.”

“Tôi đi với anh,” cô kiên quyết nói.

Parker nhìn vào đôi mắt xanh dương của cô: lạnh lẽo hay không lạnh lẽo?

Anh không thể biết được.

Anh đành nói, “Được rồi.”

* * * * *

Họ lái xe qua các con phố ở Đặc khu, hiện gần như chẳng còn một bóng người. Parker cầm lái.

Một chiếc xe dừng ở ngã tư, phía bên tay phải họ. Khi đánh mắt sang, Parker bắt gặp gương mặt nghiêng nghiêng của Lukas, khuôn miệng mỏng, cánh mũi tròn cùng cần cổ của cô.

Anh quay lại nhìn đường và dẫn sâu hơn vào khu vực Alexandria, Virginia.

Có lẽ cô ấy ghen tị với anh.

Anh muốn được nắm tay cô, ngồi cùng cô trong một quán bar hay trên ghế sofa nhà anh biết bao. Hay nằm trên giường cùng cô.

Và nói chuyện. Về mọi thứ.

Có lẽ về bí mật của Margaret Lukas, bất kể nó là gì.

Hay làm việc mà anh và bọn Who đôi lúc vẫn làm: nói chuyện chẳng ra đầu ra đuôi. Nói chuyện kiểu ngớ ngẩn, bọn anh vẫn gọi như thế, về phim hoạt hình hay những người hàng xóm, về cửa hàng Home Depot giảm giá hay các công thức nấu ăn, về những kỳ nghỉ đã qua và các kỳ nghỉ sắp tới.

Hoặc anh và Lukas có thể chia sẻ những câu chuyện chiến tranh mà giới cảnh sát, dù là liên bang, tiểu bang hay cả những người dẫn trẻ qua đường, vẫn thích nhắc lại.

Bí ẩn kia có thể đợi.

Cô còn nhiều năm tới để kể cho anh nghe, anh nghĩ.

Nhiều năm...

Đột nhiên, Parker nhận ra mình đang cân nhắc một mối quan hệ có thể kéo dài nhiều hơn một đêm, một tuần hay một tháng với Lukas. Anh có cơ sở gì mà dựng nên giấc mộng này? Chẳng có gì chắc chắn. Đó chỉ là một ý nghĩ kỳ quặc.

Bất kể mối quan hệ giữa hai người là gì: một chiến binh như cô và kẻ nội trợ như anh, đó đơn thuần vẫn chỉ là ảo tưởng.

Hay là không phải? Anh nhớ tới những người Who trong cuốn sách *Tiến sĩ Seuss*, chủng tộc sinh sống trên một hạt bụi nhỏ bé tới nỗi không ai trông thấy được bọn họ. Nhưng họ vẫn tồn tại ở đó, với tất cả những nụ cười ngây dại, máy móc kỳ cục và kiến trúc quái lạ. Vậy tại sao người ta lại không thể tìm thấy tình yêu trong những thứ tưởng chừng như vô hình?

Anh nhìn cô thêm một lần nữa và cô cũng nhìn anh. Anh thấy tay mình rụt rè vươn ra và chạm vào đầu gối cô. Tay cô nắm lấy tay anh, chẳng có chút rụt rè nào cả.

Rồi họ tới được địa chỉ anh cần tìm. Anh bỏ tay ra. Dừng xe. Không ai nói lời nào. Cũng chẳng có thêm lấy một cái nhìn.

Lukas ra khỏi xe. Parker cũng vậy. Anh đi sang phía bên ghế của cô và họ đứng đối mặt với nhau. Anh muốn ôm cô biết bao. Vòng tay quanh người cô, trượt tay vào hõm lưng để kéo cô lại gần mình. Cô liếc nhìn anh rồi từ từ cởi khuy áo khoác. Anh thoáng trông thấy chiếc áo lụa màu trắng bên trong và bước tới để hôn cô.

Cô cúi xuống, mở bao súng và cởi thêm một khuy áo khoác. Rồi nheo mắt nhìn qua người anh để kiểm tra khu dân cư xung quanh.

Ồ. Parker bước lùi lại.

“Đi đâu đây?” Cô thản nhiên hỏi.

Parker do dự nhìn vào đôi mắt lạnh băng của cô. Rồi anh gật đầu về phía con đường quanh co dẫn vào một ngõ nhỏ. “Lối này.”

* * * * *

Người đàn ông ấy chỉ cao khoảng mét rưỡi.

Ông ta có bộ ria cứng và mái tóc rậm rạp. Ông ta đang mặc một chiếc áo choàng tằm nhàu nhĩ và rõ ràng là Parker đã đánh thức ông ta khi anh đâm thành thình vào cánh cửa ộp ộp.

Ông ta nhìn chằm chằm Parker và Lukas trong một phút rồi chẳng nói chẳng rằng rút lui vào bên trong căn hộ, cứ như bị một sợi dây thun kéo tụt vào.

Lukas đi theo Parker vào trong. Cô nhìn quanh rồi đập nắp bao súng. Phòng ốc ở đây rất lộn xộn, chất đầy sách vở, đồ đạc và giấy tờ. Trên tường treo hàng trăm lá thư có chữ ký cùng những mẫu văn tự lịch sử. Hơn chục chiếc giá chật cứng sách lẫn hồ sơ. Một chiếc bàn vẽ chất đầy lọ mực và hàng tá bút các loại. Nó chiếm gần hết diện tích căn phòng khách bé tí.

“Ông thế nào, Jeremy?”

Người đàn ông dụi mắt. Liếc nhìn chiếc đồng hồ báo thức vặn dây cót kiểu cổ và nói, “Trời ơi, Parker. Muộn rồi mà. Này, xem tôi có gì ở đây. Cậu thích chứ?”

Parker đỡ lấy tập hồ sơ Jeremy đang giơ lên.

Mười ngón tay của ông ta vàng xỉn đi vì những loại thuốc lá yêu thích. Tuy nhiên, Parker nhớ là ông chỉ hút thuốc bên ngoài nhà vì không muốn mạo hiểm làm hỏng tác phẩm của mình. Tương tự như tất cả những thiên tài khác, mọi thói tật của Jeremy đều phải đầu hàng tài năng của ông.

Parker cầm lấy tập hồ sơ và giơ nó trước ánh sáng. Anh cầm một chiếc kính lúp lên và nghiên cứu tài liệu bên trong. Một lát sau anh nói, “Độ rộng của các nét bút... tốt lắm.”

“Còn hơn cả tốt ấy chứ, Parker.”

“Được rồi, tôi phải đồng ý với ông. Các điểm khởi đầu và nhắc bút rất xuất sắc. Lề trông có vẻ ổn và khổ giấy cũng khớp nữa. Giấy này cũng là từ thời đại ấy à?”

“Đương nhiên rồi.”

“Nhưng ông còn phải làm giả tuổi mực bằng oxy già nữa. Nó có thể bị phát hiện.”

“Có thể. Hoặc không.” Jeremy cười. “Biết đâu lần này, tôi có chiêu trò mới. Có phải cậu đến để bắt tôi không đấy, Parker?”

“Tôi không còn làm cảnh sát nữa, Jeremy.”

“Không, nhưng cô này thì có, đúng không?”

“Đúng.”

Jeremy lấy lại tờ giấy. “Tôi chưa bán nó. Thậm chí còn chưa rao bán.” Quay sang Lukas, ông nói, “Nó chỉ là một thú vui thôi. Người ta được quyền có thú vui mà, phải không?”

“Cái gì vậy?” Lukas hỏi.

Parker nói, “Đó là một lá thư do Robert E. Lee gửi cho một trong những vị tướng của ông ta.” Anh nói thêm, “Đúng ra tôi phải nói, nó có nội dung lá thư của Robert E. Lee.”

“Ông ta làm giả nó à?” Lukas hỏi, liếc nhìn Jeremy.

“Đúng vậy.”

“Tôi không thừa nhận gì đâu nhé. Tôi sẽ nhận điều Năm.”

Parker nói tiếp, “Nó có thể có giá tới mười lăm ngàn đô.”

“Mười bảy chứ... Nếu ai đó định bán nó. Mà tôi thì không định đâu. Parker đã bắt được tôi một lần rồi,” Jeremy nói với Lukas, dùng ngón giữa và ngón cái vờ vẽ bộ ria. “Cậu ta là người duy nhất trên thế giới tóm được tôi. Cô biết cậu ta làm thế nào không?”

“Thế nào?” Cô hỏi. Parker không chú ý tới bản giả mạo tuyệt vời kia nữa mà tập trung vào Margaret Lukas, trông cô vừa buồn cười lại vừa tò mò vì ông già. Cơn giận của cô đã bay biến trong chốc lát và Parker rất mừng khi thấy thế.

“Hoa văn mờ trên đầu để in sẵn,” Jeremy vừa nói vừa nhạo báng. “Tôi bị tóm chỉ vì một hình hoa văn mờ.”

“Vài năm trước,” Parker nói, “Jeremy... xem nào, vô tình sở hữu một vài lá thư của John Kennedy.”

“Cho Marilyn Monroe à?” Lukas hỏi.

Mặt Jeremy nhăn nhó. “Cái đó à? Ồi, toàn là đồ dở hơi. Nghiệp dư hết. Ai mà thèm quan tâm đến chúng? Không, cái này là giữa Kennedy và Khrushchev cơ. Theo những lá thư ấy thì Kertnedy sẽ sẵn sàng nhượng bộ ở Cuba. Nếu điều đó là thật, nó sẽ trở thành một nút thắt lịch sử thú vị. Tổng thống và Khrushchev sẽ chia đôi hòn đảo. Một nửa cho người Nga, nửa kia cho người Mỹ.”

“Có thật thế không?” Lukas hỏi.

Jeremy im lặng và nhìn đắm đắm vào lá thư của Robert E. Lee với nụ cười phảng phất trên gương mặt.

Parker nói, “Jeremy sáng tạo ra các câu chuyện.” Vô tình đó lại là cách nói giảm của anh với bọn Who khi mô tả việc nói dối. “Ông ấy làm giả các lá thư. Định bán chúng lấy năm ngàn đô la.”

“Bốn ngàn tám chữ,” Jeremy chữa lại.

“Thế thôi à?” Lukas ngạc nhiên.

“Jeremy làm trong ngành này không phải vì tiền,” Parker nói.

“Và anh đã bắt được ông ta?”

“Kỹ thuật của tôi chẳng hề có sai sót, Parker, cậu phải thừa nhận như vậy.”

“Ồ đúng vậy,” Parker xác nhận. “Về mặt thủ công thì nó hoàn hảo. Từ mực in, chữ viết tay, điểm đầu và điểm nhắc bút, cách viết, lề... Không may là Văn phòng in ấn của Chính phủ đã thay đổi đầu đề in sẵn cho tổng thống vào tháng Tám năm 1963. Jeremy vớ được đám giấy này và dùng chúng để làm thư giả. Quá tiếc là những lá thư lại để tháng Năm năm 1963.”

“Thông tin tình báo tồi thôi,” Jeremy lẩm bẩm. “Thế nào, Parker, mang gông xích đến đây à? Lần này tôi đã gây ra chuyện gì?”

“Ồ, tôi nghĩ ông biết mình đã làm gì, Jeremy. Tôi nghĩ ông biết đấy.”

Parker kéo ghế cho Lukas và một cái khác cho chính mình. Cả hai ngồi xuống.

“Ồi trời,” Jeremy nói.

“Ồi trời,” Parker lặp lại.

Chương 34

Cuối cùng, tuyết cũng rơi.

Những bông hoa tuyết to dùng nhảy dù xuống mặt đất. Tuyết đã dày đến năm centimet và bịt kín mọi âm thanh của đêm.

Edward Fielding vác chiếc túi đựng tiền trên lưng và cầm súng lục bằng tay phải, dò dẫm đi qua một rừng cây ở Bethesda, Maryland. Từ trụ sở FBI, hắn đã lái đến đây bằng hai chiếc “xe nghi binh,” loại xe dùng để đào thoát mà bọn trộm chuyên nghiệp vẫn thường giấu dọc đường trốn chạy của chúng nhằm lừa bịp những người truy đuổi. Hắn kiên trì bám trụ đường cao tốc suốt từ đó đến đây, luôn đi trong giới hạn tốc độ. Hắn đỗ xe phía bên kia rừng cây và đi bộ nốt quãng đường còn lại. Tiền có làm hắn chậm lại đôi chút, nhưng còn lâu hắn mới chịu để lại nó trong xe, bất chấp độ an toàn tương đối ở khu vực ngoại ô Washington yên bình, cao cấp này.

Hắn băng qua sân phụ và dừng lại cạnh hàng rào ngăn cách ngôi nhà thuê của hắn với căn kế bên.

Trên phố, xe nào trông cũng quen mắt.

Trong nhà hắn, chẳng có cử động hay bóng đèn nào mà hắn không nhận ra.

Ở phía bên kia, tất cả các ngôi nhà đối diện đều tắt đèn tối om, trừ nhà Harkin. Việc này cũng là điều bình thường. Fielding đã quan sát thấy gia đình Harkin hiếm khi đi ngủ trước hai hay ba giờ sáng.

Hắn thả chiếc ba lô đựng tiền bên cạnh một cái cây trên đất hàng xóm và đứng thẳng người lên, cho phép cơ bắp mình tận hưởng cảm giác tự do khi thoát khỏi gánh nặng. Hắn di chuyển dọc theo hàng rào, kiểm tra phần sân trước, sân sau và sân bên cạnh quanh nhà mình. Không có dấu chân nào trên tuyết hay vĩa hè phía trước mặt.

Fielding nhặt tiền lên và lại tiếp tục đi bộ về nhà. Hắn đã cài vài bẫy an ninh để báo hiệu nếu có bất kỳ vị khách không mời nào, những mảnh tự làm, sơ đẳng nhưng rất hiệu quả: chỉ cần ngang cổng, then cửa trước được phủ những hạt bụi sơn khô, góc tấm thảm chùi chân cuộn lên chạm vào cửa.

Hắn học được những điều này từ một website của tội cánh hữu trên Internet, để bảo vệ bản thân khỏi bọn da đen, Do Thái và Chính phủ liên bang. Bất chấp rằng tuyết sẽ khiến bất kỳ kẻ xâm nhập nào bị lộ diện ngay, hắn vẫn kiểm tra thật cẩn thận. Bởi vì đó là việc bạn phải làm khi thực hiện một tội ác hoàn hảo.

Hắn mở khóa cửa, nghĩ về những bước tiếp theo. Hắn sẽ chỉ ở đây năm đến mười phút, đủ thời gian để nhét tiền vào trong những chiếc hộp đựng đồ chơi trẻ con, thu hồi mấy chiếc va li khác của mình rồi bỏ đi trên ba chiếc xe khác mà hắn đã cài cắm trên tuyến đường tới thành phố Ocean, Maryland. Tới đó rồi, hắn sẽ lên một chiếc thuyền thuê sẵn và đến Miami trong vòng hai ngày. Sau đấy, sẽ là một chiếc máy bay thuê đưa hắn tới Costa Rica và ngay đêm đó, hắn sẽ bay đi Brazil.

Rồi hắn sẽ...

Hắn không chắc cô ta trốn ở đâu. Có lẽ là sau cánh cửa. Có lẽ trong buồng tử. Trước cả khi Fielding kịp cảm thấy đợt adrenaline tràn ngập cơ thể mình, khẩu súng đã bị tước khỏi tay hắn và Margaret Lukas hét lên, “Đứng im, đứng im, đặc vụ liên bang đây!”

Fielding thấy mình chẳng đứng im gì hết mà bị đẩy tới năm sắp trên sàn, dưới gọng kìm khỏe mạnh của cô ta. Súng giựt vào tai. Tiền bị lột ra khỏi người, còn tay thì bị hai đặc vụ nam to lớn còng lại. Những ngón tay thò vào các túi quần của hắn.

Họ kéo hắn đứng dậy, rồi đẩy hắn tới ngồi vào một chiếc ghế dựa.

Cage và vài người khác đi vào qua cửa chính, trong lúc một đặc vụ kiểm kê số tiền.

Trên mặt hắn là vẻ hoàn toàn không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Cô nói, “Ồ, mấy sợi dây với đồng kia ấy à? Mi có nhận ra chúng ta cũng đánh dấu trang cùng một website như tất cả những người khác không, cái đám rác rưởi đội quân Aryan ấy.”

“Nhưng còn tuyết?” Hắn hỏi. Giờ đã rùng mình vì cú sốc. “Không hề có dấu chân. Làm sao các người vào được?”

“Ồ, chúng ta mượn móc và thang từ sở cứu hỏa Bethesda. Đội SWAT và ta đã treo vào qua cửa sổ tầng hai.”

Ngay khi ấy, Parker Kincaid bước vào cửa. Lukas gật đầu về phía anh và giải thích với Fielding, “Xe cứu hỏa là ý tưởng của anh ấy.”

Fielding không hề nghi ngờ chuyện đó.

* * * * *

Parker ngồi xuống chiếc ghế đối diện với Fielding và khoanh tay lại. Tay thanh tra, Parker chẳng thể không nghĩ về hắn như vậy, hiện trông già và nhỏ bé hơn. Parker nhớ lại anh đã phải tự nhủ nghi phạm vẫn còn sống để có thể tiếp cận tâm trí của hắn. Với tư cách một bậc thầy giải đố đấu với một bậc thầy khác. Có vẻ như, anh đã đạt được tâm nguyện. Nhưng giờ anh chẳng cảm thấy chút tò mò chuyên môn nào mà chỉ thấy khiếp sợ.

Câu đố nào khi giải xong mà chả thấy dễ.

Khi ấy, chúng cũng trở nên buồn chán nữa.

Lukas hỏi hắn, “Cảm giác của mi thế nào khi biết mình sẽ ngồi trong một xà lim hai mét tư nhân hai mét tư trong mười năm tới, cho đến khi họ ban cho mi mũi tiêm?”

Cage giải thích, “Mi sẽ không sống được bao lâu nếu bị giam chung. Hy vọng mi thích bầu bạn với chính mình.”

“Tôi thích bản thân mình hơn hầu hết những kẻ khác,” Fielding nói.

Cage nói tiếp như thể Fielding chưa hề nói gì, “Họ cũng sẽ muốn mi có mặt ở Boston và White Plains và Philadelphia. Ta đoán cả ở Hartford nữa.”

Fielding nhượng một bên lông mày với vẻ ngạc nhiên.

Parker hỏi, “Digger là bệnh nhân trong viện của mi phải không? Bệnh viện dành cho tội phạm tâm thần? David Hughes?”

Fielding không muốn tỏ ra bị ấn tượng nhưng đúng là vậy. “Phải. Một gã khô hài đúng không?” Hắn cười với Parker. “Kiểu như hóa thân của ông ba bị.”

Rồi Parker chợt hiểu ra một điều khác và tìm anh đóng băng.

Ông ba bị...

“Trong chiếc xe điều hành... ta đã kể về con trai ta. Không bao lâu sau đó... Lạy Chúa, không bao lâu sau đó, Robby trông thấy có người trong gara. Đó chính là Digger. Mi đã gọi hắn, mi cử hắn tới nhà ta! Để dọa con trai ta!”

Fielding nhún vai. “Anh quá giỏi, Kincaid ạ. Tôi phải lôi anh ra khỏi vụ án một lát. Khi anh chạy tới lục soát nhà trú ẩn của tôi, nhân tiện, tìm được chỗ đó thật sự là rất giỏi, tôi đã ra ngoài gọi điện và để lại lời nhắn rằng bạn tôi nên đến thăm cậu bé của anh. Tôi đã nghĩ đến chuyện giết bọn trẻ, tất nhiên giết cả anh nữa, nhưng tôi cần anh có mặt ở trụ sở vào khoảng nửa đêm. Để khiến việc thu hẹp các địa điểm của tôi nghe có vẻ đáng tin.”

Parker lao tới và giờ nằm đấm ra, Lukas kịp giữ cánh tay anh trước khi nó lao thẳng vào khuôn mặt hèn hạ của Fielding.

Cô thì thầm, “Tôi hiểu. Nhưng việc ấy chẳng giúp ích gì cho ai cả.”

Run rẩy vì giận dữ, Parker thả tay xuống, bước đến chỗ cửa sổ và nhìn tuyết rơi. Ép mình phải bình tĩnh lại. Anh tin rằng nếu phải ở một mình với Fielding, chắc anh sẽ bắn hắn. Không phải vì những người đã chết đêm nay mà vì anh vẫn còn có thể nghe thấy nỗi hoảng loạn trong giọng của Robby. *Ba ơi... Ba ơi...*

Lukas chạm vào tay anh. Anh nhìn cô. Cô đang giơ ra một cuốn sổ và nói với Parker, “Với tôi hắn cũng đã làm điều tương tự.” Cô lật giở các trang giấy, gõ vào vài trang. “Mấy tháng trước, nhà tôi bị trộm đột nhập. Hắn chính là tên trộm. Hắn đã ghi chép lại cuộc sống của tôi.”

Fielding không nói gì.

Lukas nói tiếp với tên sát nhân. “Mi đã tìm ra mọi điều về ta. Mi phát hiện ra chuyện của Tom...”

Tom? Parker băn khoăn.

“Mi cắt kiểu tóc của anh ấy. Mi nói quê mi ở ngoại ô Chicago giống như anh ấy. Mi đọc thư anh ấy viết cho ta...” Cô nhắm mắt và lắc đầu. “*Mạnh khỏe như mưa rào!* Mi ăn cắp cả câu nói của anh ấy! Rồi mi kể với ta là mi có một người vợ đang hôn mê. Tại sao? Để ta giữ mi lại trong đội, trong khi tất cả những người khác, bao gồm chính ta, không hề muốn mi dính dáng đến vụ án này.”

“Tôi cần phải phá vỡ hàng phòng ngự của cô, Margaret. Tôi biết cô sẽ là kiểu đối thủ như thế nào.”

“Mi đã ăn cắp quá khứ của ta, Fielding.”

“Quá khứ là gì nếu không phải để lợi dụng?” Hắn đều giọng hỏi.

“Nhưng làm sao mi có thể giết nhiều người đến thế?” Lukas thì thào.

“Ghe rợn ư?” Fielding hỏi. Hắn có vẻ cáu tiết. “Nhưng tại sao lại không? Ý tôi là, lạy Chúa, tại sao không? Tại sao một người chết lại có vẻ ít đáng sợ hơn một triệu? Cô giết người hoặc cô không làm. Nếu đã làm thì cái chết chỉ là vấn đề mức độ và nếu thấy cần thiết, thấy hiệu quả, cô sẽ phải giết hết những kẻ

mình cần giết. Bất kỳ ai không chấp nhận chuyện đó đều chỉ là một kẻ ngốc ngây thơ.”

“Gã trong nhà xác là ai?” Cage hỏi.

“Tên gã là Gil Havel.”

“À, ngài Gilbert Jones huyền bí,” Parker nói. “Gã đã thuê chiếc trực thăng phải không?”

“Tôi phải làm anh tin rằng tôi thực sự định trốn thoát với số tiền ở điểm hẹn trên đường Gallows.”

“Mi tìm được gã ở đâu?”

“Một quán bar ở Baltimore.”

“Gã là ai? Havel ấy.”

“Một tên bỏ đi thôi. Một kẻ vô công rồi nghề, không hơn không kém. Tôi hứa cho gã một trăm ngàn đô để đưa thư tới Tòa thị chính và giúp tôi thuê trực thăng cùng với nhà trú ẩn. Tôi khiến gã nghĩ rằng gã chính là đồng phạm của tôi.”

Parker nói, “Và mi bắt gã đi bộ trở lại Metro hoặc một trạm xe buýt trên tuyến đường ấy. Nơi mi chờ sẵn trong xe tải để tông vào gã.”

“Phải làm các người tin là chủ mưu đã chết. Để các người mang tiền trở lại phòng Vật chứng.”

“Thế còn Kennedy? Mi đưa ông ta tới Rite.”

“Thị trường ư?” Fielding hỏi. “Việc ông ta gọi cho tôi là một bất ngờ. Và một mối nguy hiểm. Nhưng hóa ra, nó lại là việc tốt.” Hắn gạt đầu ra vẻ đang phân tích. “Thứ nhất, tôi phải khiến các người tập trung vào Rite-Carlton, chứ không phải thuyền Ritzzy Lady. Sau đó, món quà đền bù cho sự phản bội ấy sẽ là mang tới cho các người mẫu thông tin về cái tên Digger... Anh biết không, anh thực sự ra trò đấy, Kincaid. Làm sao anh phát hiện ra được?”

Parker giải thích, “Làm sao ta biết mi là thủ phạm à? Bởi vì chữ viết tay của mi. Ta đã có mẫu, khi mi chép lại cho ta từ những tờ giấy ghi chú mà Tobe cứu được.”

“Tôi đã lo ngại chuyện đó,” Fielding nói. “Nhưng tôi không thể phản đối khi anh bảo tôi chép, đúng không nào? Song tôi đã cố tùy biến và giả dạng chữ viết của mình.”

“Cái chấm trên đầu chữ i đã vạch mặt mi.”

Fielding gạt đầu. “Ồ, phải rồi. Giọt lệ quý. Tôi đã không nghĩ đến chuyện đó... Anh bảo gì ấy nhỉ? Rằng luôn luôn là những điều vụn vặt.”

“Không phải luôn luôn. Nhưng thường xuyên.”

Lukas hỏi, “Thông tin về Digger, mi đã có sẵn từ lúc đầu, đúng không? Mi không hề đến thư viện.”

“Không. Quý thật, đó là lý do tôi đặt tên cho Hughes là Digger. Để các người nghĩ anh ta có một âm mưu trả thù ngớ ngẩn nào đó với Chính phủ. Nhưng...” Hắn nhìn quanh phòng. “Làm sao các người tới được đây.”

“Nhà này sao?” Parker không thể ngăn mình. “Sự hoàn hảo,” anh nói và nhìn nụ cười ngạo nghễ trước khỏi bộ mặt của tên sát nhân. Anh tiếp, “Để trốn thoát sau một tội ác hoàn hảo mi cần những hộ chiếu hoàn hảo. Mi sẽ tìm đến người làm giả tốt nhất trong nghề. Vô tình ông ấy lại là bạn ta. Thực ra thì, cứ nói là chúng ta gần gũi với nhau; ta đã từng bắt ông ấy vào tù.”

Trong một giây, Fielding thấy bối rối. “Nhưng lão không biết tên thật và địa chỉ của tôi.”

“Không, nhưng mi đã gọi điện cho ông ấy,” Parker đáp lại.

“Không phải từ nhà này,” Fielding nói, rên rỉ và cãi chày cãi cối.

Cả Lukas cũng muốn dự phần giải mã tên tội phạm này. “Từ một quầy điện thoại công cộng ở trên phố.” Cô gạt đầu về phía góc nhà. “Chúng ta đã kiểm tra các số điện thoại trong máy ghi qua công ty bảo an Bell Atlantic.” Rồi cô giơ một bức ảnh in ra từ máy tính cho Fielding. “Chúng ta lấy ảnh này từ một đoạn băng trong camera an ninh ở trụ sở FBI. Vừa cho mấy người quanh đây xem và được dẫn thẳng tới cửa trước nhà mi.”

“Chết tiệt!” Hắn nhắm mắt.

Những thứ vụn vặt...

Parker nói, “Trong giới làm giả giấy tờ, có một câu nói bằng ngạn ngữ ‘bạn không thể nghĩ ra tất cả mọi tình huống’ là không đúng. Mi phải nghĩ ra đủ mọi chuyện.”

Fielding nói, “Tôi biết anh là một mắt xích quan trọng, Parker ạ. Mối nguy to lớn nhất. Đáng lẽ tôi phải bảo Digger chăm sóc anh ngay từ đầu.”

Cage hỏi, “Mi không hề luyến tiếc khi hy sinh bạn mình à?”

“Digger ư? Anh ta không chính xác được gọi là bạn.” Fielding nói thêm, “Anh ta quá nguy hiểm để được giữ lại mạng sống. Dù sao thì, như các người đã đoán ra, đây là vụ cuối của tôi. Tôi không cần đến anh ta nữa.”

Một đặc vụ bước vào ngưỡng cửa. “Được rồi, Fielding. Xe của mi tới rồi.”

Họ bắt đầu dẫn hắn ra. Hắn dừng lại ở cửa. Xoay người.

“Thừa nhận đi Parker, tôi rất giỏi,” hắn nói một cách xác xược. “Rốt cuộc, suýt nữa thì tôi đã thành công.”

Parker lắc đầu. “Câu trả lời cho một câu đố chỉ có đúng hay sai thôi. Không bao giờ có ‘suýt nữa’.”
Nhưng khi đã được dẫn ra ngoài, Fielding vẫn còn đang mỉm cười.

Chương 35

Các công nhân đang đập bẹp chiếc xe buýt đã cháy.

Bên khám nghiệm pháp y đã xúc thi thể Digger mang đi, trong hai bàn tay hắn là một khẩu súng máy đen ngòm đã bị nung chảy một cách khủng khiếp.

Edward Fielding ngồi trong phòng tạm giam của Cục điều tra, chân bị xiềng, còn hai tay thì bị còng.

Trong lúc chào tạm biệt Cage và nhìn quanh tìm Margaret Lukas, Parker để ý thấy Thị trưởng Gerald Kennedy đang đi về phía họ. Ông đã ở đó với một đội quay phim vài ba người, cùng quan sát thiệt hại và nói chuyện với cảnh sát lẫn các nhân viên cứu hộ.

Giờ thì ông đang đi về phía họ.

“Thị trưởng,” Cage chào.

“Tôi phải cảm ơn ông vì câu chuyện nhỏ trên bản tin phải không, đặc vụ Cage? Chuyện ám chỉ tôi đã gây loạn trên truyền ấy?”

Một cái nhún vai. “Cuộc điều tra phải được ưu tiên hàng đầu, thưa ngài. Đáng lẽ ngài không nên xuất hiện ở khách sạn Rite. Thậm chí còn tốt hơn nữa nếu ngài chịu để chính trị đứng ngoài lề.”

Kennedy lắc đầu. “VẬY theo tôi hiểu, ông đã bắt được kẻ đứng đằng sau vụ này.”

“Chúng tôi đã bắt được hắn, thưa ngài.”

Kennedy quay khuôn mặt hai cằm sang phía Parker. “Còn anh là đặc vụ...”

“Jefferson, thưa thị trưởng. Tên tôi là Tom.”

“Ồ anh chính là người tôi đã nghe nói tới. Chuyên gia giám định tài liệu phải không?”

“Đúng vậy,” Parker nói “Tôi thấy rằng ngài cũng đã tham gia vài phát đạn khá là khéo léo.”

“Chưa đủ khéo.” Ngài thị trưởng gật đầu ừ ừ về phía chiếc xe buýt bốc khói. Và hỏi, “Anh có họ hàng với Thomas Jefferson không?”

“Tôi ư?” Parker cười phá lên. “Không, không. Đó là một cái tên phổ biến mà.”

“Trợ lý của tôi tên là Jefferies,” ông nói chuyện cứ như đang tán gẫu trong một bữa tiệc tối.

Rồi Lukas tới. Cô gật đầu với ngài thị trưởng và Parker có thể thấy nét căng thẳng trên gương mặt cô, cứ như cô đang trông đợi một cuộc đối đầu.

Nhưng tất cả những gì Kennedy nói lại là, “Tôi rất tiếc cho bạn của cô, đặc vụ Ardell.”

Lukas không nói gì mà chỉ nhìn đăm đăm vào chiếc xe cháy sém.

Một phóng viên gọi, “Thưa thị trưởng, có lời đồn là tối nay ngài đã cố tình không gọi đến Cảnh vệ quốc gia vì nghĩ điều đó sẽ ảnh hưởng đến việc đi lại của khách du lịch. Ngài có bình luận gì không ạ?”

“Không, tôi không bình luận gì.” Cả ông cũng nhìn vào chiếc xe.

Lukas nói, “Tối nay hóa ra lại chẳng tốt lành cho bất kỳ ai, đúng không?”

“Phải, đặc vụ Lukas ạ,” Kennedy chậm rãi nói. “Tôi không nghĩ những vụ như thế này lại có kết quả gì tốt đẹp.”

Ông nắm lấy tay vợ và đi về chiếc limousine của họ.

Margaret Lukas đưa cho Cage vài tài liệu, có lẽ là báo cáo về bằng chứng và hồ sơ bắt giữ. Sau đó cô đi về phía chiếc Explorer của mình, mắt vẫn nhìn chiếc xe buýt Parker tự hỏi, “Chẳng lẽ cô ấy lại bỏ đi không một lời từ biệt?”

Cô mở cửa, khởi động xe và bật lò sưởi lên, nhiệt độ đã tụt xuống thấp, bầu trời lúc này phủ đầy những đám mây dày, vẫn liên tục đổ xuống các đợt tuyết. Cô để mở cánh cửa xe và ngả người ra ghế.

Cage bắt tay Parker rồi lăm bắm, “Tôi có thể nói gì đây?” Trước sự ngạc nhiên của anh, đặc vụ lão luyện vòng cánh tay quanh người anh và ôm thật chặt dù mặt ông đang nhăn lại vì đau, sau đó ông đi bộ xuống phố.

“Chúc ngủ ngon, Lukas,” Cage nói to. “Chúc ngủ ngon, Parker. Trời ạ, mạng sườn tôi đau quá. Chúc mừng năm mới, mọi người. Chúc mừng năm mới chết tiệt.”

Parker kéo khóa áo khoác và đi về phía xe tải của Lukas, để ý thấy cô đang nhìn gì đó trong tay mình. Parker không chắc nó là gì. Có vẻ như một tấm bưu thiếp cũ đã bị gấp lại. Cô nhìn chăm chăm vào đó rồi liếc sang Parker với vẻ do dự. Ngay trước khi anh chui vào xe, cô đã cất tấm thiệp vào ví.

Cô lôi từ trong túi áo ra một chai bia hiệu Sam Adams, mở nó bằng chiếc chìa khóa đặt trên bảng điều khiển.

“Giờ họ còn bán cả thứ này trong máy bán hàng tự động ở trụ sở cơ à?”

“Quà từ nhân chứng của tôi, ông Gary Moss đấy. Cô mời anh. Anh uống một ngụm lớn rồi đưa lại cho cô. Lukas vẫn ngồi trong chiếc Ford nhưng xoay hẳn người lại, đối diện với Parker. “Một đêm nhiều biến cố nhỉ?”

“Một đêm nhiều biến cố,” anh lặp lại. Anh vươn người tới và đưa tay ra.

Cô nắm tay anh thật chặt. Cả hai đều đã tháo găng và mặc dù tay họ đang đỏ lên vì lạnh, da thịt họ vẫn có cùng nhiệt độ; Parker không thấy da cô lạnh cũng chẳng thấy ấm.

Không ai chịu buông tay. Anh nắm tay cô bằng bàn tay trái của mình.

“Bọn trẻ thế nào?” Cô hỏi. “Mà anh gọi bọn nó là gì nhỉ?”

“Bọn Who.”

“Who. Phải rồi. Anh nói chuyện với các con chưa?”

“Chúng ổn cả.” Anh miễn cưỡng thả tay ra. Có phải cô cũng thế không? Anh chẳng thể biết được. Rồi anh hỏi, “Tôi nghĩ chắc cô cần một bản báo cáo?” Anh nhớ lại đồng giấy tờ mà các công tố viên Hoa Kỳ sẽ đòi hỏi để chuẩn bị cho phiên tòa cấp liên bang. Cả một núi. Nhưng Parker không phiền; rốt cuộc tài liệu chính là nghề của anh mà.

“Chúng ta sẽ cần,” Lukas trả lời. “Nhưng không vội.”

“Thứ hai tôi sẽ viết cho. Cuối tuần này tôi cần hoàn thành một dự án.”

“Tài liệu à? Hay sửa chữa nhà?”

“Ý cô sửa nhà là phải dùng dụng cụ ấy hả?” Anh cười lớn. “Không, tôi chẳng làm được đâu. Bếp núc thì tôi biết. Đóng bàn ghế, tạm tạm. Không, nó là một tài liệu bị nghi là giả mạo: Lá thư mà người ta cho là do Thomas Jefferson viết. Một thương nhân ở New York muốn phân tích nó.”

“Có phải là thật không?”

“Linh cảm của tôi mách bảo là thật. Nhưng tôi vẫn cần thêm vài bài kiểm tra nữa. À, đây...” Anh đưa cho cô khẩu súng ngắn.

Lúc này, Lukas đã chuyển sang mặc váy và không còn ăn vận thích hợp để giấu vũ khí dự bị trên cổ chân nữa. Cô liền nhét khẩu súng vào ngăn đựng găng. Mắt Parker lại lang thang đến khuôn mặt nghiêng nghiêng của cô.

Vì cái quái gì mà cô ấy ghen tị với mình nhỉ? Anh thầm hỏi.

Đôi khi, các câu đố tự cho câu trả lời, theo thời gian.

Nhưng đôi khi, bạn chẳng bao giờ tìm được câu trả lời.

Parker Kincaid đã đi đến kết luận, nguyên nhân của chuyện đó chính là bạn không phải người do số mệnh định đoạt để giải câu đố ấy.

“Này, tối mai cô có làm gì không?” Đột nhiên anh hỏi. “Có muốn ăn một bữa tối ngoại ô kỳ cục không?”

Cô do dự. Không đựng đầy lấy một cơ bắp nào. Thậm chí còn như đang không hít thở. Cả anh cũng không dám cử động, chỉ giữ nguyên nụ cười khê trên môi, giống như khi chờ đợi bọn Who thú nhận về những chiếc bánh quy bị mất tích hay một chiếc đèn vỡ.

Cuối cùng, cô cũng cười nhưng anh thấy đó là một nụ cười gượng, nụ cười của đá, giống hệt như mắt cô. Anh biết câu trả lời sẽ là gì.

“Tôi rất tiếc,” cô nói chính thức. “Tôi có hẹn rồi. Có lẽ để khi khác.”

Tức là: không bao giờ. Cuốn Cẩm nang dành cho các phụ huynh đơn thân của Parker Kincaid có hẳn một chương dành cho các loại uyển ngữ.

“Chắc chắn rồi,” anh nói, cố đập bằng nỗi thất vọng, “Để lúc khác nhé!”

“Xe anh đâu?” Lukas hỏi. “Tôi sẽ cho anh đi nhờ.”

“Không sao đâu. Nó ở ngay kia.” Anh nắm tay cô lần nữa và chống lại mong muốn kéo cô về phía mình.

“Chúc ngủ ngon,” cô nói.

Anh gật đầu.

Trong lúc đi về xe của mình, anh vẫn nhìn cô và thấy cô đang vẫy tay. Đó là một cử chỉ kỳ lạ vì gương mặt cô vô cảm và không hề mỉm cười.

Rồi Parker nhận ra cô chẳng phải đang vẫy tay gì hết. Cô đang vẽ vệt mờ trên kính cửa sổ, thậm chí còn không nhìn đến anh. Khi đã lau xong cửa kính, Margaret Lukas vào sổ rồi lao ra đường.

* * * * *

Trên đường về nhà, lái xe qua những đường phố tĩnh lặng và phủ đầy tuyết, Parker dừng lại ở một cửa hàng 7-Eleven để mua cà phê đen, bánh sừng bò phủ thịt hun khói cùng trứng, và rút tiền từ máy ATM. Ngay khi bước vào nhà, anh thấy bà Cavanaugh đang ngủ gật trên ghế sofa.

Anh đánh thức bà rồi trả cho bà gấp đôi số tiền bà đòi hỏi. Sau đó, anh tiễn bà ra cửa và đứng ở bậc thềm, nhìn bà từ tốn lội tuyết cho đến khi biến mất vào nhà của mình ở bên kia con phố.

Bọn trẻ đã ngủ trên giường anh, trong căn phòng có một chiếc ti vi và đầu video của anh. Màn hình vẫn sáng xanh, chứng cứ xác thực cho thấy bọn chúng đã xem một bộ phim. Anh sợ phải tìm xem phim nào đã ru được chúng vào giấc ngủ. Anh có một bộ sưu tập các phim hành động dán nhãn và phim khoa học viễn tưởng, nhưng cuộn băng được đầu máy thả ra lại là Vua Sư tử. Thế cũng phiền lắm rồi, Robby sẽ mãi ghét cay ghét đắng loài linh cẩu, nhưng ít nhất nó cũng có một cái kết cao thượng và ít bạo lực.

Parker đã kiệt sức, thậm chí còn hơn cả kiệt sức. Nhưng anh cảm thấy giấc ngủ vẫn phải đợi thêm một vài giờ nữa.

Bất chấp việc anh đã bảo không cần làm, bà Cavanaugh vẫn rửa bát và lau dọn nhà bếp, thế nên anh chẳng thể triệt tiêu năng lượng vào những việc đó. Thay vì vậy, anh dọn rác quanh nhà và mang ra sân vứt, anh công những cái túi màu xanh trên vai như ông già Santa. Và nghĩ bụng: Một cuộc đời khủng khiếp biết bao, mới một giờ trước còn chĩa súng vào ai đó, bản thân thì bị bắn, và giờ lại trở về giữa vùng ngoại ô, mãi miết làm việc nhà.

Trong lúc nhấc nắp thùng rác lên, Parker liếc nhìn vào sân. Anh dùng tay, cau mày. Trên tuyết có rất nhiều dấu chân.

Những dấu chân còn mới.

Chỉ mới vài phút trước, anh đánh giá, các đường nét vẫn còn sắc nét, chưa bị lớp tuyết mới và gió làm cho mờ nhạt. Kẻ đột nhập đã đi bộ tới cửa sổ của phòng dành cho khách rồi biến mất khi tiến về phía cửa trước.

Trái tim Parker bắt đầu đập loạn nhịp.

Anh cẩn thận đặt túi rác xuống và lặng lẽ trở vào nhà.

Anh đóng và khóa cửa bếp lại sau lưng. Kiểm tra cửa chính. Nó vẫn khóa. Vì nghề giám định tài liệu của anh, giá trị của những mẫu vật cùng nguy cơ ô nhiễm và bụi trong không khí, nên mọi cửa sổ trong nhà đều được gắn cố định và chẳng thể mở ra; anh không cần phải kiểm tra chúng.

Nhưng là dấu chân của ai?

Có lẽ chỉ là của bọn trẻ.

Hoặc ông Johnson đang đi tìm con chó.

Chỉ có thể. Chắc chắn...

Nhưng mười giây sau, anh vẫn gọi điện đến Trại tạm giam của Liên bang ở Đặc khu Washington.

Anh xưng danh là đặc vụ FBI Parker Kincaid, câu tuyên bố chỉ bị sai biệt mất vài năm. "Tôi đã tham gia vụ án tối nay với Margaret Lukas."

"Chắc chắn rồi. Vụ METSHOOT."

"Đúng vậy. Tôi hơi bị lo xa," Parker nói. "Những nghi phạm Edward Fielding chưa được ai bảo lãnh đúng không?"

"Bảo lãnh ư? Không đời nào. Đến thứ Hai, hắn mới bị cáo buộc cơ."

"Hắn bị giam rồi chứ?"

"Vâng. Tôi vẫn thấy hắn đây. Trên màn hình."

"Ngủ rồi à?"

"Không, chỉ ngồi trên giường thôi. Cư xử đàng hoàng lắm. Đã nói chuyện với luật sư của hắn, khoảng một giờ trước, rồi trở lại phòng giam và ở đấy từ đó đến giờ. Sao vậy?"

"Tôi đoán là mình chỉ hơi bị hoảng. Nghĩ là đã trông thấy ông ba bị đấy mà."

"Ông ba bị. Ha ha. Chúc mừng năm mới anh nhé!"

Parker cúp máy, nhẹ cả người.

Trong khoảng năm giây.

Nói chuyện với luật sư của hắn ư?

Parker không biết trên đất nước này, có vị luật sư nào lại sẵn sàng thức giấc giờ này, giữa ngày lễ, để nói chuyện với một khách hàng còn chưa bị cáo buộc cho đến hai ngày tới.

Rồi anh nghĩ: Sự hoàn hảo.

"Ôi Lạy Chúa," anh lầm bầm.

Holding, kẻ đã lên kế hoạch cho tất cả mọi chuyện. Chắc chắn hắn đã lên kế hoạch bỏ trốn nếu bị bắt.

Anh nhắc ống nghe lên và bấm con số đầu tiên của số 911.

Đường điện thoại bị ngắt.

Đứng lờng lờng trên hiên sau và đang nhìn vào anh qua lớp cửa sổ là một người đàn ông. Hắn trắng bệch. Mặc một chiếc áo khoác tối màu. Đen hoặc xanh đen. Trên cánh tay trái có máu nhưng không nhiều.

Mặt hắn bị bóng song không nghiêm trọng lắm.

Hắn giơ khẩu súng máy đã lắp ống giảm thanh lên và kéo cò đúng lúc Parker lao sang một bên, đâm sầm vào tường và ngã ra sàn. Tay nắm cùng khóa cửa bị thổi bay dưới loạt đạn. Những mảnh kính vụn nổ tung vào trong phòng.

Digger từ tốn đẩy cửa mở và bước vào trong, cứ như người hàng xóm thân thiện được mời tới uống cà phê.

Chương 36

Digger bị lạnh, Digger muốn làm cho xong chuyện này và bỏ đi.

Hắn thả ở ngoài trời. Hắn thích... *click*... thích... tuyết

Hắn thích tuyết.

Ồ nhìn này, vòng hoa và cây Noel ở ngôi nhà ấm cúng của Parker Kincaid rất đẹp. Tye sẽ thích lắm.

Buồn cười thật...

Không có chó con, cũng chẳng có ruy băng. Nhưng nó là một cái vòng hoa và cây Noel xinh đẹp.

Hắn lại bắn lần nữa trong lúc Kincaid đang chạy qua ngưỡng cửa.

Hắn có bắn trúng không nhỉ? Digger không biết.

Nhưng chắc là không. Hắn thấy Kincaid bỏ vào một phòng khác, tắt đèn và lăn tròn trên sàn.

Làm những việc tương tự như vậy.

Digger tin là mình đang vui. Người đàn ông chỉ dạy hắn mọi điều đã gọi điện lại khoảng một giờ trước. Không phải lời nhắn thoại từ giọng người phụ nữ giống Ruth mà là một cuộc gọi hắn hỏi trên điện thoại của hắn. Anh ta bảo Digger rằng đêm nay còn chưa kết thúc, dù Digger đã tới bức tường đen và làm đúng như hắn được bảo.

Chưa... *click*... chưa xong.

“Nghe này,” người đàn ông chỉ dạy hắn mọi điều đã nói và thế là Digger lắng nghe. Hắn phải giết ba người nữa. Ai đó tên Cage, một người tên Lukas. Và Parker Kincaid. “Giết hắn ta trước tiên. Được không?”

“Hừm, được.”

Digger biết Kincaid. Tối nay, hắn đã tới nhà anh ta. Kincaid có một cậu con trai nhỏ giống Tye, chỉ có điều Digger không thích con trai của Kincaid, bởi vì Kincaid muốn đưa Digger quay lại cái bệnh viện tởn ở Connecticut. Kincaid muốn đưa hắn rời khỏi Tye.

“Rồi lúc bốn giờ ba mươi sáng,” người đàn ông chỉ dạy hắn mọi điều nói, “tôi muốn anh tới Trại tạm giam Liên bang ở phố Third. Tôi sẽ ở trong phòng Y tế. Nó nằm ở tầng một, phía sau tòa nhà. Tôi sẽ giả vờ mình bị ốm. Giết tất cả mọi người ở đó và cứu tôi ra.”

“Được.”

Đi vào phòng ăn, Digger trông thấy Kincaid lăn ra khỏi gầm bàn và chạy vào sảnh. Hắn bắn một loạt đạn nữa. Mặt Kincaid giống hệt mặt Ruth khi hắn sắp sửa găm mảnh kính vào cổ cô ta và giống Pamela khi hắn đâm con dao vào ngực vợ mình, bên dưới cây Thánh giá bằng vàng, đây là quà Giáng sinh của em, tôi càng yêu em nhiều hơn...

Kincaid biến mất ở phần khác của ngôi nhà.

Nhưng anh ta sẽ không bỏ đi, Digger biết. Bọn trẻ còn ở đây.

Một người cha sẽ không bỏ rơi con mình.

Digger biết bởi vì hắn sẽ không bỏ Tye. Kincaid cũng sẽ không bỏ thằng nhỏ tóc vàng và con nhỏ tóc nâu.

Nếu Parker Kincaid còn sống, Digger sẽ chẳng bao giờ đến được California. Miền tây.

Hắn bước vào phòng khách, giơ khẩu súng trước mặt.

* * * * *

Parker lăn xa khỏi Digger, dọc theo sàn nhà, hai khuỷu tay trầy xước, đầu ong ong ở chỗ va vào cạnh bàn ăn, tránh xa khỏi làn đạn.

Bọn Who! Anh nghĩ trong lúc tuyệt vọng và bò lên cầu thang. Anh sẽ không để Digger lên trên. Anh thả chết trong lúc bám lấy cổ hắn nếu phải làm vậy, nhưng sẽ cứu các con của mình.

Lại một loạt đạn khác. Anh tránh khỏi cầu thang để lộn nhào vào phòng khách.

Một thứ vũ khí... Anh có thể dùng cái gì nhỉ? Nhưng chẳng có gì. Anh không thể vào trong bếp và lấy

một con dao. Anh cũng chẳng thể vào gara để lấy rìu.

Thế quái nào mà anh lại trả khẩu súng cho Lukas?

Rồi anh trông thấy một vật, một trong những món quà Giáng sinh của Robby là cây gậy bóng chày. Anh giật lấy nó, nắm chặt tay cầm quần băng dính rồi bò trở lên cầu thang. Hẳn đâu? Ở đâu?

Tiếng những bước chân, nhẹ thôi. Tiếng Digger đi qua những mảnh kính và chậu hoa vỡ.

Nhưng Parker không biết hẳn ở đâu.

Tiền sảnh chẳng?

Phòng ăn? Phòng làm việc ở tầng một?

Anh phải làm gì?

Nếu anh hét lên báo bọn trẻ nhảy qua cửa sổ, chúng sẽ chỉ chạy ra xem anh muốn nói gì. Anh phải tự trèo lên gác, ôm lấy chúng và nhảy xuống. Anh sẽ cố giảm nhẹ cú ngã hết sức có thể. Tuyệt sẽ giúp anh và anh có thể nhảy vào bụi bách xù.

Tiếng bước chân rất gần. Lạ xạ. Dừng. Thêm tiếng lạ xạ.

Parker nhìn lên.

Không! Digger đã ở chân cầu thang, chuẩn bị trèo lên, mắt ngược lên. Mặt hẳn không có chút biểu cảm nào.

Hẳn là kẻ phản tâm lý...

Parker không thể chạy tới chỗ hẳn; anh sẽ lộ diện hoàn toàn và bị giết trước khi bước nổi ba bước về phía hẳn. Vì vậy, anh quăng chiếc gậy vào phòng ăn, làm vỡ chiếc tủ đựng đồ sứ.

Digger dừng bước, nghe ngóng những tiếng động. Hẳn quay người cứng ngắc và đi về phía đó. Giống như con quái vật ngoài hành tinh trong bộ phim kinh dị cũ The Thing.

Khi tới gần ngưỡng cửa mái vòm, Parker trèo ra từ đằng sau ghế sofa và lao vào hẳn.

Anh còn cách con mồi gần hai mét thì đập trúng đồ chơi của Robby. Nó vỡ tan cùng một tiếng rắc thật to. Digger quay phắt lại ngay khi Parker đâm sâu vào hẳn, làm hẳn ngã khuỵu. Anh tung được một cú đấm vào cằm tên sát nhân. Nó rất mạnh nhưng Digger đã tránh được, còn Parker thì bị ngã sang một bên theo quán tính. Anh đổ rầm xuống sàn, cố giật lấy súng của Digger. Nhưng hẳn quá nhanh so với anh và đã tóm được khẩu súng rồi lao đảo đứng dậy. Parker không thể làm gì khác ngoài lùi vào khoảng không chật hẹp phía sau ghế.

Mặt anh toát mồ hôi, hai tay thì run rẩy trong lúc co rúm người ở đó.

Không còn chỗ nào mà đi.

Digger đứng dậy được và đang định hướng. Parker trông thấy một vật sắc nhọn trên sàn nhà trước mặt. Lấp lánh. Một mảnh kính dài. Anh liền tóm lấy nó.

Tên giết người neho mắt nhìn quanh. Hẳn nhìn thấy Parker, lúc này đang nhìn lên đôi mắt mờ đục của hẳn. Parker nghĩ, “Không, mắt của Margaret Lukas chẳng hề chết; trong đó mang triệu lần sự sống hơn mắt của sinh vật này.” Tên giết người tiến lại gần hơn. Bước vòng ra sau ghế. Parker cứng người. Rồi anh nhìn qua người hẳn và thấy cây thông Noel. Ba bố con, anh và bọn Who đã cùng mở quà trong buổi sáng Giáng sinh.

Một ý nghĩ tốt đẹp để mang theo khi chết, anh tự xác định.

Nhưng nếu anh sắp chết thì phải đảm bảo bọn trẻ sẽ được an toàn. Parker nắm chặt mảnh kính dài, quần tay áo sơ mi quanh nửa dưới của nó. Anh sẽ cắt tĩnh mạch cổ của hẳn và cầu cho hẳn chảy máu đến chết trước khi kịp lên tầng hai, nơi các con anh đang ngủ. Anh không dám nghĩ đến cảnh tượng bọn Who sẽ trông thấy vào buổi sáng. Anh thủ thế và nắm chặt con dao tự chế.

Mọi chuyện sẽ ổn. Bọn trẻ sẽ sống. Đó mới là điều quan trọng.

Anh đã sẵn sàng lao tới.

Digger vòng qua ghế và giơ súng lên.

Parker đông cứng người.

Rồi: Tiếng nổ giòn choáng váng của một phát đạn không được giảm thanh.

Digger rùng mình. Khẩu súng máy rơi khỏi tay hẳn. Mặt hẳn tập trung vào Parker. Rồi đầu hẳn gục xuống và hẳn đổ ầm ra sàn. Hẳn ngã úp mặt, một lỗ đạn ngay phía sau sọ não.

Parker tóm lấy khẩu Uzi và kéo nó về phía mình, nhìn quanh.

Chuyện gì? Anh điên cuồng tự hỏi. Chuyện gì đã xảy ra?

Rồi anh trông thấy ai đó trên ngưỡng cửa.

Một cậu bé... Làm sao có thể? Đó chỉ là một cậu bé. Da đen. Cầm một khẩu súng ngắn. Rồi cậu bé từ từ đi tới, nhìn chăm chăm vào cái xác. Giống như cảnh sát trong các bộ phim hành động, cậu bé vẫn giữ khẩu súng chìa vào lưng Digger, bằng cả hai tay và đang phải vật lộn với sức nặng của nó.

“Ông ta giết bố cháu,” cậu bé nói với Parker mà không hề nhìn anh. “Cháu đã trông thấy.”

“Đưa chú khẩu súng,” Parker thì thầm.

Cậu bé tiếp tục nhìn đắm đắm vào Digger. Nước mắt chảy xuống má cậu. “Ông ta giết bố cháu. Ông ta

mang cháu đến đây, trong ô tô.”

“Làm ơn đưa chú khẩu súng. Cháu tên là gì?”

“Cháu đã thấy ông ta làm thế. Ngay trước mặt cháu. Cháu đã chờ để bắn bỏ ông ta. Tìm được cái này trong xe của ông ta. Khẩu 357V.”

“Được rồi,” Parker nói. “Cháu tên là gì?”

“Ông ta chết rồi. Chết tiệt.”

Parker nhích tới nhưng cậu bé lại chìa súng về anh với vẻ đầy đe dọa. Parker cứng người và lùi lại, “Chỉ việc đặt thứ đó xuống. Cháu làm thế được không? Làm ơn?”

Cậu bé lờ anh đi. Đôi mắt sợ hãi của nó nhìn khắp phòng. Chúng dừng lại chốc lát trên cây thông. Rồi quay về phía Digger. “Ông ta giết bố cháu. Sao lại thế?”

Parker từ từ đứng dậy một lần nữa, hai tay giơ lên cao, lòng bàn tay ngửa ra. “Đừng lo. Chú sẽ không làm hại cháu.”

Anh liếc nhìn lên gác. Nhưng rõ ràng phát súng đã không làm bọn Who thức giấc.

“Chú chỉ đi ra kia một phút thôi.” Anh gật đầu về phía cái cây.

Anh men qua người cậu bé lần vũng máu bao quanh đầu Digger và đi tới chỗ cây thông. Parker cúi xuống nhặt một thứ gì đó lên trước khi trở lại và quỳ xuống, rồi giơ bàn tay phải không có gì ra cho cậu bé, mặt ngửa lên. Và tay trái anh đưa cho cậu bé chiếc tàu con thoi Millennium Falcon trong phim Chiến tranh giữa các vì sao của Robby.

“Chú sẽ đổi cho cháu.”

Cậu bé nhìn ngắm món đồ chơi bằng nhựa. Khẩu súng chú ý xuống. Cậu bé nhỏ hơn Robby nhiều và chắc là chỉ nặng ba mươi, ba lăm cân. Nhưng đôi mắt thì già dặn hơn mắt con trai Parker đến hai mươi tuổi.

“Làm ơn đưa cho chú khẩu súng.”

Cậu bé ngắm đồ chơi rồi nói với vẻ tôn kính, “Chà.” Sau đó đưa khẩu súng cho Parker và cầm lấy món đồ.

Parker nói, “Chờ ở đây nhé. Chú sẽ trở lại ngay. Cháu có muốn ăn gì không? Cháu có đói không?”

Cậu bé không trả lời.

Parker nhặt khẩu súng máy lên và mang nó cùng súng ngắn lên gác. Anh đặt cả hai vào ngăn trên cùng của tủ quần áo rồi khóa lại.

Có cử động phía sau anh. Robby đang đi xuống hành lang.

“Ba ơ?”

“Chào chàng trai.” Parker vật lộn để giọng mình khỏi run.

“Con nằm mơ đấy. Con nghe thấy tiếng súng. Con sợ lắm.”

Parker chặn ngang thẳng bé trước khi nó bước tới cầu thang, vòng tay qua người nó và dẫn nó về lại phòng ngủ. “Chắc là pháo hoa đấy thôi.”

“Sáng năm mình chơi pháo được không ạ?” Thằng bé ngái ngủ hỏi.

“Để xem đã.”

Anh nghe tiếng bước chân bên ngoài, ai đó chạy trên phố phía trước nhà. Parker liếc nhìn ra. Anh thấy cậu bé đang chạy ngang qua bãi cỏ đằng trước, tay vẫn ôm chặt con tàu. Rồi cậu bé biến mất trên phố.

Nhưng đi đâu? Parker tự hỏi. Tới Đặc khu? Tây Virginia? Anh không thể dành một giây nào để nghĩ về cậu bé. Con trai anh đã choán hết tư tưởng của anh rồi.

Parker đưa Robby trở lại giường, nằm bên em gái nó. Anh cần tìm điện thoại di động để gọi 911. Nhưng thằng bé không chịu buông tay bố.

“Giấc mơ tệ lắm à con?” Parker hỏi.

“Con không biết. Chỉ là có tiếng động.”

Parker nằm xuống cạnh thằng bé. Anh liếc nhìn đồng hồ. Giờ là ba rưỡi. Joan sẽ có mặt ở đây lúc mười giờ, cùng nhân viên xã hội của cô ta... Chúa ơi, đúng là cơn ác mộng. Trên tường có cả tá lỗ đạn. Đồ đặc thì bị hỏng, tủ kính vỡ toang. Cửa hậu cũng bị phá.

Ở giữa thảm trải sàn lại là một cái xác máu me.

“Ba ơ,” Stephie lẩm bẩm bằng giọng ngái ngủ của nó.

“Không sao đâu cưng!”

“Con nghe thấy tiếng pháo. Petey Whelan có pháo đấy. Mẹ nó bảo nó không được mua nhưng nó lại có. Con thấy mà.”

“Đó không phải việc của mình, con ạ. Ngủ lại đi cưng.”

Parker nằm xuống, nhắm chặt mắt. Cảm nhận trọng lượng nhẹ bằng của con trên ngực mình.

Nghĩ về những lỗ đạn, vỏ đạn, đồ đặc vỡ tung. Và cái xác.

Anh tưởng tượng ra lời chứng của Joan trước tòa.

Anh có thể làm gì? Có thể nghĩ ra lời biện hộ nào?

Có thể...?

Một lát sau, Parker Kincaid đã hít thở sâu. Hải lòng trong giấc ngủ của một ông bố đang được ôm các con mình thật chặt và không còn giấc ngủ nào tuyệt vời hơn thế.

* * * * *

Khi anh mở mắt ra, chỉ còn năm phút nữa là tới mười giờ sáng.

Parker bị đánh thức bởi tiếng cửa xe đóng sầm và giọng Joan nói, “Chúng ta đến sớm vài phút nhưng tôi chắc là anh ta không thấy phiền đâu. Cần thận bước chân, anh ta biết chúng ta sẽ đến mà không buồn xúc tuyết trên lối đi. Đúng là kiểu của anh ta. Quả là vậy.”

Chương 37

Anh lặn khỏi giường.

Buồn nôn, đầu ong ong, anh nhìn ra ngoài cửa sổ. Joan đang tiến về phía ngôi nhà. Richard đi cùng cô ta, sừng sĩa ôm đồm quà cáp. Anh ta không muốn có mặt ở đây. Còn một người phụ nữ khác nữa: nhân viên xã hội. Thấp, lộp cộp trên đôi giày cao gót chói với, nhìn ngôi nhà với vẻ xét đoán.

Họ đã đến cửa trước. Chuông reo.

Vô vọng rồi...

Anh đứng ở hành lang tầng hai, ngón chân co quắp trên thảm. Chỉ cần không cho cô ta vào, anh tự bảo mình. Anh sẽ cấm cửa. Bắt cô ta phải có lệnh của tòa. Như thế sẽ kéo dài thêm được vài giờ.

Parker ngập ngừng nhìn hai con đang ngủ. Anh muốn ôm lấy chúng mà nhảy ra cửa sau, lái nhanh tới Tây Virginia.

Nhưng cách đó không hiệu quả, anh biết.

Chuông lại reo.

Mình làm gì được? Làm sao mình trì hoãn đây?

Nhưng Joan sẽ vẫn biết nếu có điều không ổn. Trì hoãn càng khiến người phụ nữ đa nghi ấy thêm tò mò. Mà hai hay ba tiếng đồng hồ thì giúp gì cho anh?

Anh hít một hơi sâu và bắt đầu đi xuống cầu thang.

Anh có thể nói gì về những vết đạn trên tường? Máu? Có lẽ...

Parker sững lại ngay trên bậc nghỉ.

Choáng váng.

Một người phụ nữ mảnh mai, tóc vàng trong chiếc váy đen và áo sơ mi trắng ra mở cửa trong lúc đang quay lưng lại với anh.

Bản thân việc đó đã đáng kinh ngạc rồi. Nhưng thứ thực sự làm anh bị sốc là tình trạng ngôi nhà.

Chẳng chê vào đâu được.

Không thấy một mẫu kính hay đồ sứ vỡ. Cũng chẳng một lỗ đạn trên tường. Chúng đã được trát lại và sơn lót; mấy thùng sơn đang nằm trên lớp vải bạt màu trắng ở góc phòng khách. Chiếc ghế bị nổ tung vì đạn đêm qua đã được thay bằng chiếc tường tự. Tủ cũng là một cái mới tinh.

Xác của Digger thì không thấy đâu. Ở chỗ hằn nằm chết giờ là một chiếc thảm phương đông mới toanh.

Cùng với Joan, Richard và nhân viên xã hội đang đứng trước cửa, người phụ nữ trong chiếc váy đen chợt quay lại. “Parker à,” Margaret Lukas nói.

“Ừ,” một giây sau, anh trả lời.

Cô mỉm cười kỳ lạ.

Anh thử lại, “Chào em!”

“Giấc ngủ của anh thế nào?” Cô hỏi. Rồi để thêm, “Ngủ ngon chứ?”

“Ừ,” anh nói. “Ngon.”

Lukas quay lại và gật đầu với các vị khách. Cô nói với Joan, “Chắc cô là vợ của Parker.”

“Vợ cũ,” Joan nói và bước vào trong. Nhân viên xã hội, một phụ nữ mập lùn, bước vào sau cô ta, tiếp theo là anh chàng Richard đẹp trai nhưng dần thối.

Parker đi xuống tiếp và không thể không chạm vào tường ở chỗ anh biết rằng đêm qua có một loạt vết đạn. Lớp vữa mượt như má của Stephie vậy.

Anh bị đau khủng khiếp ở trên vai và đầu, ở những chỗ va chạm vào sàn nhà đêm qua, trong lúc Digger đi vào qua cửa bếp. Nếu không phải vì chúng, anh đã nghĩ toàn bộ cuộc tấn công chỉ là một giấc mơ.

Anh nhận ra Joan đang trừng trừng nhìn mình bằng nụ cười không chút hài lòng. “Tôi vừa bảo, ‘Chào anh’ đấy!”

“Chào em, Joan,” anh nói “Chào Richard.” Parker bước ra giữa phòng khách và hôn lên má Joan, bắt tay chồng cô ta. Richard mang theo một túi đầy ắp gấu bông.

Joan không giới thiệu Parker với nhân viên xã hội nhưng cô ta bước lên rồi bắt tay anh. Hình như cô ta có nói tên. Parker còn đang mụ mẫm hết cả người nên chẳng để ý lắm.

Joan nhìn Lukas, “Tôi không nghĩ mình đã gặp nhau. Cô là...”

“Jackie Lukas. Một người bạn của Parker.”

Jackie à? Parker nhượng một bên lông mày. Viên đặc vụ có thấy nhưng không nói gì thêm.

Joan liếc cơ thể thon gọn của Lukas bằng cái nhìn trung lập. Rồi mắt cô ta, màu mắt quá giống Robby nhưng biểu cảm lại khác xa, đảo khắp phòng khách.

“Anh vừa?... Anh vừa làm gì đấy? Trang trí lại hay gì à? Tối qua, tôi đã không để ý.”

“Tôi rảnh rồi một lát. Nên nghĩ cần sửa sang chút đỉnh.”

Vợ cũ ngẩng anh. “Trông anh kinh quá, Parker. Anh ngủ không ngon à?”

Lukas cười phá lên. Joan liếc cô.

“Parker mời tôi tới ăn sáng,” Lukas giải thích, dành cho hai người phụ nữ một cái nhìn kiểu đồng phạm.

“Rồi anh ấy lên gác để đánh thức lũ trẻ và lại lăn ra ngủ với chúng.”

Tiếng lầu nhàu của Joan nhắc lại điều cô ta vừa mới nói: Đúng kiểu của anh ta.

Chỗ máu đâu rồi nhỉ? Đã có nhiều máu thế cơ mà.

Lukas hỏi các vị khách, “Mọi người muốn uống cà phê không? Bánh cuộn nhé? Parker tự làm đấy.”

“Tôi xin ít cà phê,” nhân viên xã hội nói. “Và có lẽ là nửa cái bánh cuộn.”

“Bánh nhỏ lắm,” Lukas nói. “Hay lấy cả cái nhé!”

“VẬY CŨNG ĐƯỢC.”

Lukas biến vào trong bếp và một lát sau, quay ra với một cái khay. Cô nói, “Parker nấu ăn khá lắm.”

“Tôi biết,” Joan trả lời, không hề bị ấn tượng với tài năng của chồng cũ.

Lukas đưa cà phê cho từng người và hỏi Parker, “Đêm qua mấy giờ anh mới từ bệnh viện về?”

“Ừm.”

“Bệnh viện à? Bọn trẻ ốm à?” Joan hỏi bằng giọng lo lắng một cách kịch tính, trong lúc liếc nhìn nhân viên xã hội.

“Anh ấy đi thăm một người bạn,” Lukas đáp lời.

“Anh không biết là mấy giờ,” Parker nói. “Muộn lắm à?” Câu trả lời thực ra lại là câu hỏi; Lukas là tác giả kịch bản nên anh cảm thấy mình nên dựa theo.

“Bạn nào?” Joan tra hỏi.

“Harold Cage,” Lukas nói. “Ông ấy ổn cả. Chỉ bị gãy xương sườn. Họ nói thế phải không?”

“Gãy xương.”

“Trượt chân ngã phải không nhỉ?” Lukas tiếp tục màn diễn đáng nhận giải thưởng của mình.

“Phải,” Parker nhái theo. “Trượt chân ngã.”

Anh hộp một ngum cà phê do Lukas đưa cho.

Nhân viên xã hội đã ăn đến cái bánh thứ hai. “Chà, tôi xin công thức cho món này được chứ?”

“Chắc chắn rồi,” Parker nói.

Joan tiếp tục giữ nụ cười hiền lành trên khuôn mặt. Cô ta đi quanh phòng khách thám thính. “Chỗ này trông khác quá!” Lúc đi ngang chồng cũ, cô ta thì thầm, “Sao hả Parker, đang ngủ với Jackie gây gò bé nhỏ đấy à?”

“Không, Joan. Bọn tôi chỉ là bạn.”

“À...”

“Tôi lấy thêm cà phê nhé!” Lukas nói.

“Để anh giúp,” Parker cũng nói.

Trong bếp, anh đóng chặt cửa lại và quay sang Lukas. Anh thì thào, “Làm thế nào? Thế quái nào...?”

Cô cười phá lên, chắc chắn là vì biểu hiện trên mặt anh. “Tối qua anh gọi đến Trại tạm giam. Nói là anh thấy sợ. Gác ca đêm đã gọi cho tôi. Tôi cố gọi điện cho anh. Bell Atlantic nói đường dây nhà anh bị cắt. Đội SWAT của hạt Fairfax đến đây lúc ba rưỡi, âm thầm đột nhập và phát hiện một cái xác dưới nhà, còn anh thì đang ngủ trên tầng. Ai đã bắn hạ Digger vậy? Không phải anh đấy chứ?”

“Một thằng bé. Nó nói Digger đã giết bố nó. Digger mang nó đi cùng. Đừng hỏi tôi tại sao. Thằng bé đã bỏ chạy... Giờ trả lời tôi một câu nhé: Cái xác trên xe buýt là ai?”

“Tài xế. Chúng tôi cho là Digger đã để anh ta sống rồi bắt anh ta chạy tới cửa sau. Sau đó, Digger bắn anh ta và bình xăng phát nổ, khi lửa bốc lên, hắn đã trèo ra ngoài qua cửa sổ. Dùng khối để nguy trang. Trốn thoát trong đám kẹt xe. Khôn hơn về ngoài nhỉ.”

Nhưng Parker lắc đầu. “Không, là Fielding đấy. Hắn đã bảo Digger làm vậy. Hắn chẳng định hy sinh anh ta một chút nào. Đây sẽ không phải vụ cuối cùng của chúng. Có thể còn thêm nhiều năm tới... Nhưng còn ngôi nhà.” Parker vẫy cả hai tay. “Làm thế nào...?”

“Cage đấy. Ông ấy đã gọi vài cuộc.”

Đúng là người tạo ra kỳ tích.

“Tôi không biết phải nói gì.”

“Chúng tôi đã đưa anh vào vụ lộn xộn này. Đây là điều tối thiểu mà chúng tôi làm được.”

Parker sẽ không tranh cãi với câu đó.

“Chờ đã... Cô vừa bảo mình tên gì nhỉ? Jackie?”

Cô ngập ngừng. “Biệt danh,” cô nói. “Gia đình vẫn gọi tôi như thế. Tôi không dùng tên đó nhiều lắm.”

Trên cầu thang có tiếng bước chân khê khằng khi bọn trẻ đi xuống phòng khách. Parker và Lukas có thể nghe thấy tiếng chúng vọng qua cửa bếp. “Mẹ! Mẹ à!”

“Chào con,” Joan nói. “Đây đây... Của con đây!”

Tiếng loạt xoạt của giấy.

“Con thích không?” Joan hỏi. “Thích không?”

Giọng hoài nghi của Stephie nói, “Ồ, đây là Barney.”

Robby cười phá lên. Rồi nó rên rĩ. “Và Big Bird.”

Parker lắc đầu trước sự thiếu sót của vợ cũ và cười với Lukas. Nhưng cô không để ý. Đầu cô đã quay sang hướng phòng khách, hoàn toàn bị mê hoặc vì tiếng của trẻ nhỏ. Một lát sau, cô nhìn ra ngoài cửa sổ vào màn tuyết rơi. Cuối cùng cô nói, “Vây ra đó là vợ anh. Hai người có vẻ không giống nhau lắm nhỉ.”

Parker cười. Ý của Lukas thực ra là: Làm thế quái nào mà anh lại lấy cô ta?

Một câu hỏi đúng đắn và là câu anh sẵn sàng trả lời. Nhưng làm thế đòi hỏi nhiều thời gian hơn họ đang có lúc này. Và nó cũng sẽ là một phần trong nghi lễ phức tạp mà cô phải chia sẻ ít nhất vài câu trả lời cho bí ẩn mang tên Margaret hay Jackie Lukas của mình.

Mà cô thì bí ẩn biết bao: Parker nhìn cô khắp một lượt, nào trang điểm, nào đồ trang sức. Chiếc áo sơ mi trắng mềm mại, lớp ren tinh tế của đồ lót bên trong. Và hôm nay, cô lại xịt nước hoa, chứ không chỉ có mùi xà phòng thơm. Nó nhắc anh nhớ tới gì nhỉ? Anh không biết được.

Cô liếc nhìn ánh mắt tọc mạch của anh.

Lại bị bắt quả tang. Anh không quan tâm.

Parker nói, “Trông cô chẳng giống đặc vụ FBI gì cả.”

“Hoạt động ngầm,” Lukas nói và cuối cùng cũng cười. “Tôi từng giỏi lắm đấy. Tôi đã đóng vai vợ của sát thủ mafia.”

“Người Ý? Với mái tóc kia à?”

“Tôi có sự trợ giúp của Quý cô Clairol mà.” Cả hai không ai nói gì. “Tôi sẽ ở lại đến khi cô ta đi. Một chút đời sống gia đình chắc sẽ giúp ích cho anh trước nhân viên xã hội.”

“Như thế là đòi hỏi quá nhiều so với một nhiệm vụ,” anh nói.

Cô nhún vai một cái y hệt Cage.

“Nghe này,” anh nói. “Tôi biết cô đã bảo là mình có hẹn rồi. Nhưng bọn Who và tôi định sửa sang cái sân.”

“Trong tuyết à?”

“Ừ. Cắt bụi rậm ở sân sau ấy mà. Rồi chúng ta sẽ đi trượt tuyết nhé? Sao nào, ở đây không thường xuyên có tuyết mà?”

Anh ngừng nói. Kết thúc một câu kể bằng cách nhấn giọng hỏi ư? Lại còn bắt đầu câu bằng “Sao nào.” Nhà ngôn ngữ học trong anh không hài lòng chút nào. Chắc là lo lắng đấy? Anh nói tiếp, “Tôi không biết cô có muốn không, nhưng mà... Anh lại ngừng lời.

“Đó có phải lời mời không?” Lukas hỏi.

“Ừm. Có chứ.”

“Kế hoạch của tôi ấy à?” Cô nói. “Tôi định dọn nhà và khâu nốt cái áo cho con gái của bạn thôi.”

“Thế có phải câu đồng ý không?”

Một nụ cười dè dặt. “Tôi đoán là vậy.” Im lặng một lát. “Cà phê thì sao? Tôi không hay pha. Thường thì tôi chỉ đến Starbucks.”

“Ngon lắm,” anh trả lời.

Cô đang đối mặt với cửa sổ. Nhưng mắt cô một lần nữa lại hướng ra cửa và đang lắng tai nghe tiếng bọn trẻ. Cô quay sang Parker. “À, tôi giải được rồi!”

“Cái gì?”

“Câu đố ấy.”

“Đố nào?”

“Còn bao nhiêu con điều hâu trên mái nhà. Sáng nay, lúc ngồi ở đây, tôi đã phát hiện ra.”

“Được. Cứ nói đi.”

“Đó là câu hỏi mẹo. Có nhiều hơn một câu trả lời.”

“Giỏi đấy,” Parker nói, “Nhưng như thế không có nghĩa đây là hỏi mẹo. Nó chỉ có nghĩa cô đã nghĩ đúng hướng, cô đã nhận ra câu trả lời đúng là có tới vài cách giải khả dĩ. Đó là điều đầu tiên mà một người giải đố cần phải học.”

“Đấy,” cô nói tiếp, “ta thường nghĩ rằng mọi dữ liệu cần đến đều đã được đưa vào câu đố, nhưng có vài thứ đã không được nhắc tới.”

Chính xác tuyệt đối. Anh gật đầu.

“À,” Parker nói, “nhưng bản chất của điều hâu thì liên quan gì đến câu đố?”

“Bởi vì,” cô nói, chỉ một ngón tay vào anh và hé lộ nét nữ tính anh chưa từng trông thấy, “điều hâu có thể bị tiếng súng làm cho hoảng sợ. Nhưng có thể là không. Bởi vì, nhớ không, chúng cách nhau rất xa trên mái nhà. Đó là một manh mối, đúng chứ?”

“Đúng. Tiếp đi.”

“Được rồi, bác nông dân bắn rơi một con chim, nhưng chúng ta không biết hai con kia làm gì. Cả hai có thể ở lại. Nên câu trả lời sẽ là còn hai con. Hoặc một con bay đi và một con ở lại. Hoặc cả hai bay đi, không con nào ở lại. Vậy nên, có tới ba câu trả lời.”

“Chà,” Parker đáp, “cô đã đúng khi cân nhắc những dữ liệu ẩn.”

Cô cau mày. “Ý là sao? Tôi có đúng không?”

“Sai.”

“Nhưng,” Lukas phản đối, “Phải đúng chứ.”

“Không, sai mà.” Anh cười.

“Ít nhất cũng đúng một phần chứ?”

“Không có cái gì gọi là đúng một phần khi giải đồ cả. Cô có muốn biết câu trả lời không?”

Một chút ngập ngừng. “Không. Như thế là ăn gian. Tôi sẽ tiếp tục giải.”

Đó là thời điểm chính xác để hôn cô và Parker đã làm như vậy, thật nhanh, rồi anh trở lại phòng khách trong lúc Lukas rót thêm cà phê. Anh ôm bọn trẻ và chúc chúng một buổi sáng đầu năm tốt lành.

Lời Tác Giả

Để giải câu đố của Parker, sai lầm của Jackie Lukas nằm trong việc giả định: Cô cho rằng con diều hâu bị bắn sẽ rơi khỏi mái nhà. Nó có thể không bị rơi. Câu hỏi không phải là có bao nhiêu “con diều hâu còn sống” trên mái nhà, mà chỉ là bao nhiêu “con diều hâu.” Vậy nên câu trả lời phải là thế này: Còn ba con nếu con bị chết không rơi và hai con kia không bay. Còn hai con, nếu con bị chết không rơi và một con bay đi; hoặc nếu con bị chết rơi còn hai con kia không bay. Còn một con, nếu con bị chết rơi và một trong hai con kia bay đi hoặc nếu con bị chết không rơi và hai con kia bay đi. Không còn con nào, nếu con bị chết rơi và hai con kia bay đi.

Lời Cảm Ơn

Tác giả muốn gửi lời cảm ơn tới Vernon Geberth, người đã viết cuốn sách tuyệt hay: Thực hành điều tra án mạng, vốn đã trở thành một tài liệu quan trọng trong quy trình của cảnh sát và đã cung cấp những thông tin vô giá trong khi tôi khảo cứu cho cuốn sách này và các cuốn sách khác. Những câu đố trong sách được biến tấu từ trong cuốn Perplexing Lateral Thinking Puzzles (Tạm dịch: Những câu đố phá bỏ lối suy nghĩ một chiều) của Paul Sloane và Des MacHale.

[1] Special Agent in Charge: đặc vụ đặc biệt chỉ huy, trưởng phân cục.

[2] Assistant Special Agent in Charge: trợ lý đặc vụ đặc biệt chỉ huy, trợ lý trưởng phân cục.

[3] Ann Rule: Nữ tiểu thuyết gia chuyên viết truyện trinh thám có thật, tác giả của cuốn The Stranger Beside Me. Tác phẩm tập trung xoay quanh Ted Bundy, tên sát thủ hàng loạt khét tiếng trong lịch sử nước Mỹ, kẻ đã lợi dụng vẻ đẹp trai, quyến rũ của mình để dụ dỗ, hãm hiếp rồi giết hại hơn 40 phụ nữ trẻ.

[4] MCP: Xe điều hành di động.

[6] Franklin Mint: xưởng đúc tư nhân, chuyên sản xuất đồng xu, tượng và các vật lưu niệm nhỏ khác.

[7] John Jay: 1745-1829, chính khách, người yêu nước, nhà ngoại giao, một trong những người sáng lập liên bang Hoa Kỳ, ký kết hiệp định Paris và là Chánh án tòa án tối cao Mỹ.